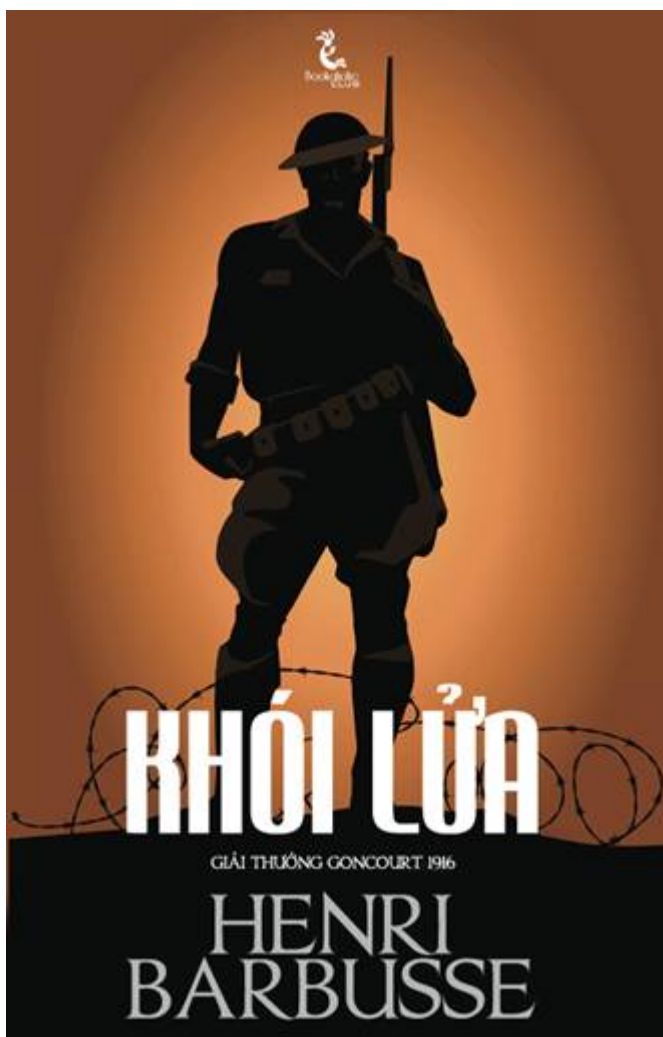




KHỎI LỬA

GIẢI THƯỞNG GONCOURT 1916

HENRI
BARBUSSE



KHÓI LỬA

Henri Barbusse

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên sách: **KHÓI LỬA**

Tác giả: Henri Barbusse

Nguyên tác: *Le Feu*

Dịch giả: Nguyễn Trọng Thụ, Nguyễn Văn Thường, Lê Văn Tụng

Nhà xuất bản: Văn Hóa

Năm xuất bản: 1962

Số trang: 443

Khổ sách: 13 x 19 cm

Giá bìa: 2.75 đồng

Đánh máy: Khánh Dư, Cường, Hải Hường, Cẩm Nhung, Phương Lan, Lan Anh, Bảo Trân, Quan Trường

Kiểm tra: Hannah Le, Duyên

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 07/09/2012

Making Ebook Project #272 – [www. BookaholicClub. com](http://www.BookaholicClub.com)

Bạn đang đọc ebook **KHÓI LỬA** của tác giả **Henri Barbusse** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc - người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

**Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến
ấn phẩm sách.**

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

PHẦN THỨ NHẤT

I – ẢO ẢNH

II – TRONG LÒNG ĐẤT

III – LÙI QUÂN XUỐNG NÚI

IV – VÔNPAT VÀ FUIAT

V – CHỖ TRÚ QUÂN

VI – THÓI QUEN

VII – LÊN TÀU

VIII – NGHỈ PHÉP

IX – CÒN GIẬN LỚN

X – ACGÔVAN

XI – CON CHÓ

XII – CÁI CÔNG LỚN

XIII – NHỮNG LỜI VẮNG TỤC

XIV – ĐỒ LÈ CỦA LÍNH

PHẦN THỨ HAI

XV – QUẢ TRÚNG

XVI – THIÊN DIỂM TÌNH

XVII – SẬP HÀM

XVIII – NHỮNG QUE DIÊM

XIX – OANH TẠC

XX – KHÓI LỬA

XXI – TRẠM CẤP CỨU

XXII – DẠO CHƠI

XXIII – PHỤC DỊCH

XXIV – BÌNH MINH

LỜI GIỚI THIỆU



Henri Bacbuyxơ (Henri Barbusse, 1873 – 1935) là một nhà văn cách mạng lớn đã đặt nền móng cho phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa trong văn học Pháp. Ông là một chiến sĩ cộng sản kiên quyết bênh vực những kẻ bị áp bức bóc lột, dũng cảm đấu tranh cho tự do và tiến bộ. Hội nhà văn quốc tế đánh giá ông là “người chiến sĩ phản đối chiến tranh đế quốc đầu tiên và lớn nhất trong văn học thế giới”. Và G. Đimitrôp viết: “Tên tuổi của H. Bacbuyxơ sẽ chói lòa trên những lá cờ của hàng triệu người đấu tranh chống lại thế giới cũ, thế giới của sự bóc lột, của sự nô lệ và của những cuộc chiến tranh ăn cướp”.^[1]

Henri Bacbuyxơ sinh ngày 17 tháng 5 năm 1873 tại Axniero (quận Xen) nước Pháp. Cha ông, Andriên Bacbuyxơ, là một nhà viết báo và viết kịch. Mẹ, Eni Benxơ, là con một chủ trại ấp người Anh. Bà mẹ chết lúc Bacbuyxơ mới lên ba tuổi.

Lúc còn là học sinh, Bacbuyxơ đã tỏ ra có biệt tài về văn thơ. Năm 1895, sau khi tốt nghiệp đại học, ông chính thức bước vào nghề viết văn, làm báo. Cũng chính năm đó, ông cho xuất bản tập thơ đầu tay, một tập thơ được Catuylo Mendet (một nhà thơ Pháp nổi tiếng đương thời) hết sức ca ngợi.

Năm 1903, Bacbuyxơ viết cuốn tiểu thuyết đầu tiên *Những người van xin* (Les suppliants) và năm 1908 viết cuốn *Địa ngục* (L'Enfer). Hai cuốn này được các nhà văn Mateclink và Anatôn Franxơ coi là những tác phẩm lớn của một nhà văn có thiên tài.

Trong giai đoạn sáng tác này, Bacbuyxơ đã bắt đầu đi theo phương hướng hiện thực chủ nghĩa, nhưng mãi đến những năm chiến tranh 1914 – 1918, ông mới thực sự bước vào con đường sự nghiệp của một nhà văn và nhà chiến sĩ cách mạng.

Ngày 19 tháng 7 năm 1914, cuộc đại chiến thế giới lần thứ nhất bùng nổ. Nguyên nhân chủ yếu của cuộc chiến tranh này là những mâu thuẫn nội bộ của chủ nghĩa đế quốc, đặc biệt là mâu thuẫn giữa bọn đế quốc Anh và đế quốc Đức. Với mục đích đòi chia lại thị trường thế giới, ngay trong những năm 1879 – 1882 Đức đã liên minh với Áo, Hung và Ý nhằm chống lại Nga, Pháp và Anh. Và từ đầu thế kỷ XX, ở châu Âu đã dần dần thành hình hai phe đối địch. Cuộc chiến tranh thế giới năm 1914 đã lôi cuốn 28 nước với số dân trên một tỷ rưỡi, và có đến 74 triệu người bị động viên.

Lúc đó, Henri Bacbuyxơ đã ngoài bốn mươi, đã quá tuổi tòng quân. Nhưng dù tuổi cao, sức yếu, ông vẫn tình nguyện gia nhập quân đội. Ông vào quân đội không phải để phiêu lưu, mạo hiểm mà là để làm bổn phận đối với tổ quốc và nhìn cho rõ thực chất ghê tởm của chiến tranh đế quốc, đặng vạch trần nó, góp phần tiêu diệt nó. Tháng chạp năm 1914, ông được điều ra mặt trận với trung đoàn bộ binh 231, sống với một tiểu đội mà ông đã mô tả sâu sắc trong tác phẩm *Khói lửa* (Le Feu) bất hủ.

Sau những ngày lăn lộn ở chiến hào, sát cạnh những người lính bình thường, hàng ngày đụng đầu với gian khổ, khủng khiếp và chết chóc, Bacbuyxơ mang về hậu phương một quyển sổ ghi chép bết bùn. Từ quyển sổ tầm thường ấy, bắt đầu từ cuối năm 1915 và sau 6 tháng, *Khói lửa* ra đời.

Từ tháng 8 đến tháng 11 năm 1916, *Khói lửa* được đăng dần trên báo *Sự nghiệp*, (Œuvre), bị kiểm duyệt cắt mất nhiều chỗ, và năm 1917, được xuất bản thành sách. Ngay từ lúc đầu, độc giả đã nhiệt liệt hoan nghênh, mặc dầu những công kích của bọn sô vanh chủ nghĩa. Tác phẩm đoạt giải thưởng Gôn-cua (Goncourt) và đến nay đã được dịch ra trên sáu mươi thứ tiếng.

Sau *Khói lửa*, cuốn *Ánh sáng* (Clarté), ra đời năm 1919, là một tác phẩm khác nổi tiếng của Bacbuyxơ. *Ánh sáng* có thể được coi là tiếng lòng của tác giả và của cả một lớp người trẻ tuổi đáp lại tiếng vọng của cuộc cách mạng tháng Mười Nga. Viết *Ánh sáng*, H. Bacbuyxơ đã gửi vào đây một mối hy vọng: Từ cảnh chết chóc của chiến tranh, do sức mạnh của quần chúng, một thế giới mới sẽ ra đời, trong đó con người được nảy nở toàn diện và cuộc sống thật là tốt đẹp.

Từ sau đại chiến thế giới lần thứ nhất, Bacbuyxơ càng ra sức hoạt động chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình. Ông đã thành lập *Hội cứu binh và thương binh* ở Pháp (năm 1919) và *Tổ chức cứu tế của Cựu binh sĩ* (năm 1920). Cũng năm 1920, cùng với Raymôn Lofevrơ (Raymond Lefevre) và Pôn Vayăng Cutuyriê (Paul Vaillant Couturier), ông sáng lập tạp chí *Ánh sáng*, cơ quan của nhóm *Ánh sáng*, một nhóm còn có tên là *Tổ chức quốc tế của tri thức*. Trong những năm đầu, tạp chí *Ánh sáng* đã có ảnh hưởng khá lớn, được sự cộng tác của các nhà trí thức tiến bộ toàn thế giới.

Từ năm 1917, trong những bài báo và diễn văn của mình, Bacbuyxơ luôn luôn lên tiếng ca ngợi Cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa cộng sản. Đến năm 1923, giữa lúc chính phủ phản động Pháp ráo riết đàn áp phong trào của giai cấp công nhân, lùng bắt các nhà lãnh đạo Đảng cộng sản, Henri Bacbuyxơ đã chính thức gia nhập Đảng Cộng sản Pháp. Ông tuyên bố: “Tôi đã lấy tư tưởng của họ làm tư tưởng của tôi thì ngày nay tôi phải chịu đựng những gian nguy mà họ phải chịu”.

Dưới lá cờ của Đảng, H. Bacbuyxơ càng có thêm nhiệt tình và phương hướng đúng đắn đấu tranh cho chân lý, cho sự nghiệp giải phóng những người bị áp bức bóc lột. Tiếng nói chính nghĩa của ông đã không ngớt vang lên tố cáo mọi bất công và tàn bạo. Năm 1925, ông đã kêu gọi chống chiến tranh xâm lược Marôc. Khi bọn thống trị ở Bancăng tiến hành khủng bố trắng đối với nhân dân vùng này, ông đã sang tận nơi điều tra, đã thành lập những ủy ban bảo vệ nhân dân của cuộc khủng bố và lúc về nước Pháp, đã viết bản tố cáo đánh thép *Những tên đao phủ* (Les bourreaux) (1925).

Cạnh những hoạt động chính trị có ý nghĩa lớn đó, Bacbuyxơ vẫn hăng say tiếp tục sự nghiệp văn học của mình, một sự nghiệp văn học tích cực

phục vụ hoạt động chính trị chân chính. Năm 1925, ông cho xuất bản cuốn *Những sự trói buộc* (Enchainements) một cuốn sách vạch trần nguyên nhân đầu tiên của mọi tội lỗi: nạn người bóc lột người.

Năm 1926, cuốn *Sức mạnh* (Force), tập truyện ngắn, và năm 1927, cuốn *Jédu* (Jésus) của ông ra đời. Cũng trong năm 1927, Bacbuyxơ đã đi thăm Liên-xô, và ở Mạc-tư-khoa, ông đã tham dự vào việc thành lập Tổ chức quốc tế của các nhà văn cách mạng, mà sau này ông là một trong những người lãnh đạo. Khi trở về Pháp, ông đã viết cuốn *Đây, người ta đã làm gì cho xứ Georgi* (Voici ce qu'on a fait de la Géorgie) (1927). Năm 1928, Bacbuyxơ sáng lập tờ tuần báo *Thế giới* (Le monde). Tờ báo được coi như là một công cụ để giải phóng trí thức và là cơ quan liên lạc của những chiến sĩ tiên phong trên mặt trận văn hóa.

Năm 1932, Bacbuyxơ viết tác phẩm *Đời Zôla* (La vie de Zola). Trong công trình lịch sử và phê bình văn học này ông đã vạch rõ tác dụng tích cực và những hạn chế của Zôla và của chủ nghĩa tự nhiên trong văn học. Ông cũng đã trình bày tính chất và nhiệm vụ của văn học là phải thật sự hiện thực và phải phục vụ cho sự nghiệp giải phóng con người.

Trong những năm cuối cùng của đời mình, Bacbuyxơ đã ra sức chống chủ nghĩa phát xít và nguy cơ chiến tranh đang đe dọa thế giới, mặc dầu sức khỏe của ông ngày càng giảm sút. Ông đã tham dự và lãnh đạo nhiều cuộc hội nghị quốc tế chống chiến tranh và chủ nghĩa phát xít. Năm 1933, ông đã sang tận nước Mỹ nói chuyện trước nhiều cuộc mít-tinh và thành lập *Liên đoàn chống chiến tranh và chủ nghĩa phát xít* ở châu Mỹ.

Xtalin một thế giới mới nhìn qua một con người (Staline, un monde nouveau vu à travers un homme) ra đời năm 1935, là tác phẩm cuối cùng của đời ông. Trong cuốn sách này, ông đã hết lòng ca ngợi ý chí, tài năng của Xtalin, người đồng chí, người bạn và người kế nghiệp của Lênin.

Tháng 7 năm 1935, nhận lời mời của các nhà văn Xô-viết, ông lại sang thăm Liên-xô và đã tham dự Đại hội lần thứ 7 của Quốc tế cộng sản. Lúc này, thân thể ông đã suy nhược, lại bị bệnh sung phổi, nên ngày 30 tháng 8 năm 1935, ông đã từ trần tại Mạc-tư-khoa.

Nhân dân Pháp, nhân dân Liên-xô và nhân dân thế giới hết sức thương tiếc Henri Bacbuyxơ. Suốt trong ba ngày, nhân dân thành phố Mạc-tư-khoa liên tục diễu qua trước linh cữu ông. Sau đó, linh cữu ông được đưa về Pháp và ngày 7 tháng 9 tang lễ đã được cử hành trọng thể ở Pa-ri.

Đối với Việt Nam chúng ta, thân thể và sự nghiệp văn học của Henri Bacbuyxơ đã có ảnh hưởng lớn đến các nhà văn và các nhà hoạt động cách mạng ngay trong những năm trước Cách mạng tháng Tám. Bacbuyxơ đã nghiêm khắc lên án chế độ thuộc địa vô cùng tàn bạo của thực dân Pháp. Đã từ lâu, báo chí Việt Nam đã có những bài giới thiệu H. Bacbuyxơ như một nhà văn dùng nghệ thuật của mình để phục vụ nhân dân, phục vụ chân lý, phục vụ chủ nghĩa xã hội.^[2]

Khói lửa mà Henri Bacbuyxơ gọi là “Nhật ký của một tiểu đội” và đề tặng hương hồn những bạn đồng đội đã hy sinh bên cạnh mình ở Cruy và trên sườn đồi 119, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng không những trong sự nghiệp sáng tác của Bacbuyxơ mà cả trong nền văn học hiện đại Pháp.

Có thể khẳng định rằng giá trị chủ yếu của *Khói lửa* là ở chỗ đã chống đối mãnh liệt chiến tranh đế quốc. Annet Viđan (Annette Vidal), nữ thư ký của H. Bacbuyxơ, đã từng phân tích *Khói lửa*, coi đó là cuốn tiểu thuyết của chiến tranh, của chiến hào, của người lính, của sự thật và là cuốn tiểu thuyết viết cho nhân dân. Ý nghĩa phản đối chiến tranh đế quốc của tác phẩm biểu lộ trước hết ở chỗ vạch trần sự thật khủng khiếp và cái vô lý của chiến tranh.

Trong *Khói lửa*, những người phải trực tiếp ra mặt trận phần lớn là công nhân, nông dân và dân nghèo. Lấy tiểu đội của tác giả làm ví dụ: hầu như không có ai là nghệ sĩ, tri thức hoặc tư sản. Dưới bề ngoài bình thường và phức tạp, họ chứa chất những tình cảm dịu hiền, lành mạnh. Họ hết sức thương yêu bố mẹ, vợ con, làng mạc, quê hương, trân trọng giữ từng lá thư nhà để sưởi ấm lòng. Blerơ đã từng chăm chú mài giũa làm chiếc nhẫn tặng vợ, Fuiat những lúc rảnh rỗi đã từng mơ tưởng về quê hương yêu dấu. Pôteclô vì mong thấy mặt vợ mà quên hết mọi gian nguy và trước hoàn cảnh éo le, những ý nghĩ ghen tuông của anh đã pha trộn nhiều niềm tha thứ. Lamuydơ coi trọng tình đồng đội, nhiều lúc quên mình để cứu bạn.

“Họ không phải là lính tráng, họ là những con người...”. Nhưng chiến tranh đã bắt buộc người lính làm những điều trái ý muốn và tâm tư của họ. Ở trận địa có khi họ đánh đổi một mạng người lấy một bao diêm, một cặp ống chân lấy một đôi boots. Họ phải trở thành ích kỷ, phải xoay sở, giành giật lẫn nhau. Có người đã phải kêu lên: “Tiến đến đây, thì ai cũng như thú dữ. Sống mãi như súc vật rồi đến thành súc vật cả nút”... Chiến tranh còn là chia ly, tan tác. Một lá thư của Bikê gửi an ủi mẹ, một bà mẹ suốt đời chỉ sống vì con bị trả về tiểu đội anh khi anh đã vĩnh viễn lìa đời: chiến tranh đã đẩy mẹ anh phiêu bạt không biết đi đâu. Lamuydơ bị đạn đại bác cướp mất Odôxi và, khi anh được tự do gần nàng, ôm nàng thì nàng đã thành một trong những cái xác rữa nát, hôi thối dưới cái hầm bị sập. Và Pôteclô lìa đời trong lúc hình ảnh vợ anh cười nụ bên cạnh mấy thằng sĩ quan Đức trong căn buồng đầy ánh sáng, ở miền bị Đức chiếm, chưa làm anh hết băn khoăn. Cả một tiểu đội gồm 17 người, đến cuối tác phẩm bị tiêu hao gần hết. Cảm động nhất là cái chết của Mexin André. “Hắn có sáu anh em... Bốn đứa đã nghèo rồi, hai đứa nghèo ở Andat, một ở Sampanhơ và một ở Acgôn...” Và Mexin cũng đã hy sinh.

Trong lúc ấy, bọn giàu sang ở thành thị coi chiến tranh chỉ là một việc bình thường, và cho rằng mỗi người một nghề, chúng ở hậu phương buôn bán, bóc lột làm giàu, công lao cũng không kém những người ra trận!

Bên cạnh việc mô tả đầy tính chất hiện thực cuộc chiến tranh đế quốc với những thảm trạng và bất công của nó; *Khói lửa* còn phản ánh được quá trình giác ngộ của những người lính. Lúc đầu, họ hục hặc với tất cả, họ phá phách và đôi khi độc ác. Dần dần sự phản ứng ấy đã hướng được vào đúng chỗ. Từ thái độ đối với bọn nhà báo bôi bút, đến sự phản kháng có ý nghĩa trước cái chết của Caja, và cơn phản nộ đối với bọn phục hậu, dần dần, người lính đã thấy rằng “một sự khác biệt bắt đầu hình thành giữa những con người, một sự khác biệt thật sâu xa, không thể dung hòa được... sự khác biệt giữa những kẻ bóc lột và những người phải làm quân quật, phải hy sinh tất cả... còn những kẻ khác thì giẫm đạp lên họ, tiến lên, mỉm cười và toại nguyện...”. Bước đầu giác ngộ giai cấp đã khiến họ có những suy nghĩ đúng đắn về chiến tranh: “... từng đoàn quân chui vào lò sát sinh là để cho một giai cấp đeo lon vàng có thể ghi tên tuổi quý phái của chúng vào lịch sử, để cho những kẻ cũng đeo đầy vàng, cũng thuộc vào một đẳng cấp như bọn kia có thể ôm đồm kinh doanh nhiều hơn để phục vụ cá nhân

chúng...” Họ biết mình sinh ra là để làm những người chồng, người cha, làm những con người đúng với nghĩa của nó, chứ không phải để làm những con thú dữ cắn xé nhau, gieo khổ cho nhau. Cái bản khoán của Mactorô về bọn lính Đức không thích xung phong mà sao vẫn cứ phải ra trận, câu chuyện của anh lính phi cơ ở trạm cấp cứu về những lời cầu nguyện giống nhau trong một buổi sáng chủ nhật của lính Đức và lính Pháp, càng khẳng định thêm tội ác gây chiến của bọn thống trị bóc lột. Họ đã tự đặt nhiệm vụ phải tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt ở Đức và ở tất cả các nước một khi nó bành trướng đến và phải trừ khử chiến tranh ngay trong lòng tất cả các nước. Mục tiêu chiến đấu của họ là rồi đây phải chống những điều tội lỗi chứ không phải chống riêng một nước nào. Xã hội cần có một sự đổi thay và họ “hé thấy một cuộc Cách mạng nào đó lớn lao hơn cuộc cách mạng kia^[3]”.

Khi nắm được thực chất của chiến tranh đế quốc, họ đã xác định được lòng tin, tin ở sức mạnh của mình, tin ở ngày mai tươi đẹp, tin rằng xã hội xấu xa sẽ mất, chiến tranh sẽ bị tiêu diệt và tương lai sẽ rực rỡ, vì mặt trời vẫn tồn tại.

Vạch trần được nguyên nhân của chiến tranh, nêu được những mâu thuẫn xã hội, *Khói lửa* còn đề cao được mỗi tình quốc tế mới nhóm trong lòng những người lính bị đưa ra mặt trận. Trong bao nhiêu đau khổ và mất mát chung, lính Đức và lính Pháp dần dần hiểu nhau hơn, bước đầu thấy sự phân biệt chủng tộc là một điều vô lý và bịp bợm. Những người lính Pháp coi việc giết được nhiều lính Đức là một điều tội lỗi hơn là một vinh quang. Và lính Đức cũng thế, cũng chửi rửa chiến tranh, chửi rửa cấp chỉ huy của họ. Ở phần cuối của tác phẩm, những bọn dân tộc hẹp hòi được coi là quân dòm bọ và viên cai Bectrăng đã lớn tiếng ca ngợi Lepnick, một lãnh tụ của nhân dân Đức là “nhân vật đã vươn cao mình lên trên cuộc chiến tranh và sẽ luôn luôn sáng ngời vì lòng gan dạ đẹp đẽ và lớn lao...”

Khói lửa đã nghiêm khắc lên án chiến tranh đế quốc giữa lúc đa số đảng trong Đệ nhị quốc tế phản bội quyền lợi của giai cấp công nhân, chạy theo ủng hộ chiến tranh, giữa lúc bọn Trôtxky đề ra luận điệu lừa bịp “không thắng, không bại” nhằm lợi dụng chiến tranh chống lại bước tiến của Cách mạng. *Khói lửa* là tiếng nói của sự thật vọng lên từ những chiến hào bùn

lầy, tuyết đọng, đầy thiếu thốn, và chết chóc. *Khói lửa* động viên và tập hợp những lực lượng trước kia còn phân tán để chống chiến tranh một cách tích cực hơn.

Không những về mặt nội dung, mà cả về phương pháp nghệ thuật, *Khói lửa* là một hiện tượng rất mới, rất đặc biệt, rất có ý nghĩa trong văn học Pháp đương thời. Giữa lúc văn học Pháp và văn học các nước phương Tây nói chung vào cuối thế kỷ 19 và đầu thế kỷ 20, đang ngày càng sa vào những khuynh hướng đồi trụy, không lối thoát, giữa lúc chủ nghĩa tự nhiên còn ảnh hưởng khá sâu sắc đến các nhà văn có khuynh hướng tiến bộ, *Khói lửa* đã mang nhiều yếu tố của chủ nghĩa hiện thực mới, chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa. Ngôi bút của Bacbuyxơ vừa phê phán sâu sắc, vừa gọi lên ý niệm về tương lai, bước đầu gây lòng tin tưởng ở cái mới rồi đây sẽ thắng cái cũ.

Điều chủ yếu là trong *Khói lửa*, Bacbuyxơ đã sử dụng một ngôi bút hiện thực thật sinh động. Chủ nghĩa hiện thực đòi hỏi phải xây dựng những tính cách điển hình trong hoàn cảnh điển hình. *Khói lửa*, như tác giả đã gọi, chỉ là một tập nhật ký, một tập ghi chép, không phải là một cuốn tiểu thuyết, không tập trung vào một nhân vật nhất định nào cả. Nhân vật ở đây là cả một tiểu đội binh sĩ, mỗi người một khía cạnh, một sắc thái đúc lại làm thành điển hình người lính Pháp trong đại chiến thế giới lần thứ nhất. Cảnh trong *Khói lửa* cũng thường thay đổi: khi là những chiến hào lầy bùn, âm u và ghê rợn, khi là chặng đường hành quân dài dằng dặc, khi là chỗ trú quân nơi sơn cước, khi là mặt trận khói đạn mù trời, khi là nơi hậu phương lúc nhúc những bọn phục hậu hèn nhát, khi là một làng đã hoàn toàn bị chiến tranh san phẳng v.v... Những cảnh đó, cộng lại, tiếp nhau, đã khiến người đọc hình dung được phần nào hình ảnh nước Pháp điêu đứng trong chiến tranh và làm thành môi trường hoạt động của nhân vật người lính.

Đối với nhà văn hiện thực, những chi tiết của cuộc sống có tầm quan trọng đặc biệt. Chi tiết đưa vào đúng lúc, đúng chỗ, sẽ phản ánh được cụ thể bản chất của sự vật, nâng cao thêm tác dụng phê phán. Bacbuyxơ đã thành công nhiều ở điểm này. Ông đã mô tả sự thật đúng như sự thật, nhưng đã mô tả có khuynh hướng. Không bỏ sót một tí gì tai nghe mắt thấy, ông đã để cho sự vật tự nói lên kết luận, làm cho người đọc với lương tâm và lý trí của họ, thấy hết những đen tối, xấu xa của chiến tranh đế quốc. A. Ivasenkô,

tiến sĩ ngữ văn Liên-xô đã nhận xét: “Bacbuyxơ liên miên bắt tận trong những mô tả tàn khốc, vì bản thân thực tại cũng tàn khốc. Ở nhà tự nhiên chủ nghĩa, sự thể hiện tự nó là mục đích; ở nhà hiện thực xã hội chủ nghĩa Bacbuyxơ, mô tả cái gì là đứng trên lập trường của một lý tưởng xã hội nhất định và nhằm phục tùng nhiệm vụ tác động đến thực tại về mặt tư tưởng...”^[4]

Quan điểm tôn trọng sự thật vì hiểu được ý nghĩa của sự thật đã được Bacbuyxơ biểu hiện khá rõ rệt trong chương “Những lời văng tục”.

Tính chất hiện thực sâu sắc của *Khói lửa* thực tế đã tác động mạnh mẽ đến người đọc. Một nữ độc giả bình thường đã viết cho Bacbuyxơ: “Đọc xong tác phẩm của ông, tôi như vừa chui ở chiến hào ra...”^[5] Có những lá thư khác, gửi từ mặt trận về đã viết: “Ông đã thét lên tiếng thét của chân lý... Tác phẩm của ông là bức tranh của cuộc đời tôi tăm như địa ngục của chúng tôi. Chúng tôi cảm ơn ông đã trả thù cho chúng tôi, đã tố cáo chiến tranh, đã vạch cho chúng tôi một tương lai vô cùng vinh quang...”^[6]

Cho đến nay (1962) *Khói lửa* ra đời đã gần năm mươi năm, nhưng vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong văn học thế giới. Chủ nghĩa đế quốc vẫn còn, nghĩa là vẫn còn âm mưu gây chiến. Các nước đế quốc, cầm đầu là đế quốc Mỹ đang ra sức chạy đua vũ trang, gây tình hình căng thẳng trên thế giới. Các khối quân sự Bắc Đại Tây Dương, trung tâm, Đông nam Á và các khối quân sự khác đang đe dọa nghiêm trọng hòa bình và an ninh chung. Và ngay trên đất nước ta, đế quốc Mỹ đang tiến hành một cuộc chiến tranh vô cùng tàn khốc đối với nhân dân miền Nam Việt Nam.

Đọc *Khói lửa*, càng ghê tởm những thảm trạng của chiến tranh, càng căm thù bọn đế quốc gây chiến, nhân dân thế giới càng nâng cao thêm ý chí đấu tranh cho hòa bình. Cái quyết định là lòng người. *Khói lửa* nhen thêm trong lòng mọi người sự căm ghét chiến tranh, nhất định sẽ góp phần xứng đáng vào việc chặn đứng mọi âm mưu gây chiến. Đối với bạn đọc Việt Nam, *Khói lửa* sẽ góp phần nung nấu thêm chí căm thù bọn Mỹ – Diệm khát máu, nâng cao thêm quyết tâm đấu tranh giải phóng miền Nam, thực hiện thống nhất đất nước.

NGUYỄN TRỌNG THỤ – LÊ VĂN TỤNG

*“**Khởi lửa**... là một trong những lời khẳng định đặc biệt rõ rệt về sự trưởng thành ở khắp mọi nơi của ý thức cách mạng trong quần chúng...”*

V.I.LÊNIN

*“Cuốn sách **Khởi lửa** của Bacbuyxơ chứa đựng một nội dung thi ca của chân lý, nó thể hiện lòng dũng cảm của nhân dân, của hàng trăm, nghìn triệu con người đang bị bè lũ tư bản, kẻ thù to lớn của nhân dân, đưa tới chỗ chết chóc và tiêu diệt...”*

“...Mỗi một trang sách... là một nhát búa của chân lý giáng lên toàn bộ khối dối trá, tàn ác, giả tạo, bùn lầy và máu mà người ta đã cho chúng một cái tên chung là chiến tranh...”

M.GORKI

KHÓI LỬA

(NHẬT KÝ CỦA MỘT TIỂU ĐỘI)

Tặng hương hồn những người bạn đồng đội đã hy sinh bên cạnh tôi ở Cruy và trên sườn đồi 119

H.B

PHẦN THỨ NHẤT

I – ẢO ẢNH

Ba đỉnh núi Nam-nha, Thanh-trâm và Bạch-sơn sừng sững trước những bộ mặt nhợt nhạt thò ra ngoài những tấm chăn chiên xếp thành hàng ở hành lang Viện điều dưỡng.

Ở tầng gác thứ nhất của Viện điều dưỡng nguy nga này, cái gác sân có lan can gỗ có hàng hiên bao che, nằm cách biệt trong không gian, chênh vênh nhìn xuống thế gian.

Những tấm chăn len mịn đỏ, xanh, nâu hoặc trắng – êm ả để lộ những bộ mặt thanh tú với những đôi mắt sáng. Trên hàng ghế nằm không có tiếng động. Có tiếng ai ho rồi thưa thớt chỉ còn tiếng giờ sách sột soạt cách quãng đều đều, tiếng thì thầm chuyện trò kín đáo của những người nằm cạnh nhau hoặc đôi khi ngoài bao lan tiếng quạt của một con quạt bạo dạn đã tách khỏi những đàn đương bay, giống những chuỗi hạt huyền trong khoảng không bao la trong vắt.

Ở đây yên lặng là một quy tắc. Và chẳng, những con người giàu có, tự chủ, từ bốn phương về đây, cũng bị chung một nỗi khổ, đã quên hẳn thói

chuyện trò. Họ sống thu mình vào nội tâm và suy nghĩ về sự sống chết của mình.

Một nữ hộ lý bước nhanh vào hành lang, đi nhẹ nhàng và bận đồ trắng. Chị mang báo đến phát cho bệnh nhân.

Người đầu tiên mở tờ báo của mình ra, cất tiếng:

-Thế là xong, tuyên chiến rồi!

Tin này, tuy ai cũng chờ đợi, vẫn làm cho mọi người choáng váng vì ở đây, ai cũng cảm thấy nó lớn lao đến mức nào.

Những người thông minh và có học đó, vì đau khổ và nghĩ ngợi nhiều mà trở nên sâu sắc, sống tách mình khỏi mọi việc và hầu như khỏi cả cuộc đời, họ xa rời tất cả mọi người đời như là mình đã thuộc về hậu thế. Họ đưa mắt nhìn ra xa, về cái xứ sở khó hiểu của những kẻ đương sống và những kẻ điên rồ.

Người nước Áo cất tiếng:

- Đây là một tội ác của nước Áo!

Người Anh đáp:

- Hoặc là của người Anh.

Người Đức tiếp:

- Tôi mong rằng nước Đức sẽ bại trận.

*

* *

Rồi họ lại đắp chặn, gói đầu trước mặt những đỉnh núi và bầu trời. Dầu không gian vẫn trong suốt, nhưng sự im lặng mang đầy ý nghĩa của tin vừa đưa đến.

- Chiến tranh!

Vài người đương nằm tại đó, bỗng phá tan sự yên lặng và khe khẽ nhắc lại những lời ấy và họ nghĩ rằng đó là sự kiện lớn lao nhất trong thời đại ngày nay và có lẽ cả trong tất cả các thời đại nữa.

Và ngày nay trên cái phong cảnh trong sáng mà họ đương chăm chú nhìn, cái tin đó cũng tạo thành như một ảo ảnh hỗn độn và u ám.

Từ trong những khoảng không yên lặng của thung lũng nhỏ, đó đây điểm những làng mạc màu hồng và những đồng cỏ mượt như nhung, từ những nét trắng lợt của núi non, từ bức rèm màu đen của những rừng thông hay bức ren màu trắng của những đám tuyết vĩnh cửu, lồ lộ xuất hiện những bóng người.

Những bóng người đông như kiến hiện thành những đám riêng biệt. Trên những cánh đồng, từng đợt xung phong, lớp lớp tiến lên lan rộng ra rồi đứng im. Xác người tan nát, nhà cửa tan hoang, thành phố điêu tàn và làng mạc hiện ra từng đám trắng vụn như từ trên trời rơi xuống, hàng đồng người chết và bị thương kinh khủng biến đổi hẳn hình dáng những cánh đồng.

Người ta lại thấy từng nước, biên cương đây rẫy những cảnh tàn sát gặm nhấm dần, rút trong lòng ra nhưng ra những đoàn lính mới đầy sinh lực và đầy huyết khí, người ta đưa mắt nhìn theo những chỉ lưu sinh động đó của sông Tử-hà.

Bắc, Nam, Tây, xa xa khắp phía đều là giao tranh. Cứ ngoảnh nhìn phương này hay phương khác trong không gian, chẳng phương nào là cuối nẻo không có chiến tranh. Một trong những người thâu thị xanh xao đó, chống khuỷu tay nhóm dậy điểm số những người đương giao tranh: ba mươi triệu chiến binh. Một người khác, mắt đầy hình ảnh chém giết, lăm bầm:

- Hai đạo quân giao tranh, tức là một đạo quân lớn tự sát vậy.

Một người nằm ở đầu dãy, cất giọng khàn khàn và ông ổng:

- Đáng lẽ họ chả nên.

Nhưng một kẻ khác đáp lại:

- Các ngài vàng liệu cái thân hồn!

Một người thứ ba thêm vào:

- Có lẽ đây là cuộc chiến tranh cuối cùng.

Im lặng một lát rồi vài cái đầu mái tóc còn bạc thêm vì tán bi kịch nhạt nhẽo của đêm trường trần trọc, lắc lư:

- Chặn đứng chiến tranh lại! Liệu có được không? Chặn đứng chiến tranh lại! Vết thương của nhân loại không chữa khỏi mà!

Có người ho. Rồi cái cảnh yên lặng bao la chói ánh mặt trời của những cánh đồng cỏ lộng lẫy như gấm nhung có từng đàn bò sữa bóng nhẫy, loáng ánh dịu dàng và những khoảng rừng đen, những cánh đồng xanh, những khoảng trời biếc tràn ngập lên cái ảo ảnh đó làm tắt ánh lửa trong đó thế giới cũ đang cháy và đổ vỡ tan hoang. Sự yên lặng vô biên xóa nhòa những tiếng ồn ào oán thù và đau khổ của đám thế gian lúc nhúc đen ngòm. Những kẻ trò chuyện vừa ngừng lời, từng người một trở về những ý nghĩ riêng tây của mình, họ băn khoăn nghĩ đến cái bí mật của lá phổi và sức khỏe của bản thân họ.

Nhưng khi ngày sắp tàn trên thung lũng, một cơn giông đổ xuống khối Bạch-sơn. Không ai được phép ra ngoài trong buổi chiều nguy hiểm này, khi từng đợt gió cuối cùng từ xa lùa mãi tận vào hành hiên rộng đến tận cái bến họ đương ăn náu.

Những bệnh nhân nặng đó, bị vết nội thương khoét sâu, đưa mắt bao quát cảnh trời đất nghiêm ngửa: Họ nhìn sầm chớp nổ trên núi cao, khiến

từng đám mây nằm ngang trào lên như sóng biển, mỗi tiếng nổ tung vào cảnh hoàng hôn một cột lửa và một cột khói mây. Họ ngẩng lên, bộ mặt xanh xao, má trầy trợt, ngó theo đàn chim ung đương lượn vòng trên không, từ trên cao nhìn xuống đất, qua những thung lũng sương mù.

Họ nói: “Chặn đứng chiến tranh lại! Chặn những giông tố lại!”

Nhưng những kẻ quan chiêm đứng ở ngưỡng cửa cuộc đời, lòng rửa sạch những nhiệt tình đảng phái, thoát ra khỏi những ý niệm tập thành, những sự mù quáng, những tập quán bó buộc thì cảm thấy sự vật đơn giản và nhận ra những khả năng bát ngát.

Người nằm ở cuối dãy kêu to:

- Kia! Ở dưới kia có những vật đang bò...

- Đúng... Giống hết những vật gì sinh động.

- Những giống thực vật...

- Những giống người...

Thế là trong ánh sáng khùng khiếp của những cơn giông, dưới những đám mây đen rối bời, tỏa dài trên mặt đất những hung thần, họ như thấy trải ra một cánh đồng mênh mông tái nhợt. Trong ảo ảnh, họ thấy những hình thù xuất hiện từ cánh đồng đầy nước và bùn, lom khom bám vào mặt đất, đui mù và bê bết những bùn, chẳng khác gì những người chết đuối quái dị. Và họ tưởng chừng đó là những binh lính. Cánh đồng rộng bao la đầy nước chảy bị cắt khúc ra bởi những con mương dài song song, lỗ chỗ những hồ nước, và những người chết đuối cố sức vùng vẫy để thoát ra khỏi cánh đồng thật là hằng hà sa số... Nhưng ba mươi triệu người nô lệ mà sự hung ác và lòng ngu muội tung ra để cho giết hại lẫn nhau trong cuộc chiến tranh bùn lầy, cuối cùng họ ngẩng bộ mặt người lên, chớm nở một ý chí. Tương lai ở trong tay những người nô lệ và người ta thấy rõ ràng là thế giới cũ một ngày kia sẽ được cải tạo do sự liên minh của những người nô lệ, những con người mà số lượng với sự cực khổ thật là vô biên.

II – TRONG LÒNG ĐẤT

Bầu trời mênh mông xám xịt đập tiếng sấm sét: mỗi tiếng nổ làm hiện lên sau làn chớp đỏ một cột lửa bật hồng trong đêm tàn và một cột khói trong ngày đang hiện.

Trên cao, cao thăm títt mù xa, một đàn chim khủng khiếp, tiếng thở âm âm, và hồng hộc, chỉ nghe thấy tiếng mà không thấy hình, đang lượn vòng bay lên để nhìn xuống đất. Cảnh hoang vắng bắt đầu hiện ra. Đất mênh mông và đầy nước dưới cảnh ảo não kéo dài của buổi bình minh. Những vũng nước tù, những lỗ trũng, hình phễu gợn sóng theo gió heo buổi sáng sớm. Những vết đường mòn mà bao bước chân bộ đội và đoàn xe đêm vừa vạch nên, trong những cánh đồng trơ trụi, đầy những ổ gà, bóng lên như những đường ray bằng thép dưới ánh sáng nhợt nhạt. Từng đồng bùn, đây đó cắm chơ vơ vài cái cọc gậy, những giá chống hình chữ X, rã rời, những mớ dây thép quấn tròn, xoắn xuýt, thành từng bụi rậm, những bãi bùn và vũng nước làm mặt đất giống như một tấm vải, chỗ nổi, chỗ chìm. Trời không mưa nhưng mọi vật đều ẩm ướt, rỉ nước, ướt như giội như ngâm và cả đến ánh sáng trắng bệch, cũng như đương chảy đi.

Người ta nhận ra những hào dài chữ chi chắt đóng những căn bã ban đêm. Đó là chiến hào. Đáy chiến hào là một lớp bầy nhầy, nhắc chân lên thì bì bõm, quanh chỗ đứng trú ẩn nặng mùi nước tiểu ban đêm. Những lỗ nằm ngang, nếu đi qua, ta cúi mình vào cũng thấy hôi như mùi hôi miệng.

Tôi thấy từ lỗ ngang ấy của chiến hào, chui ra những hình thù kỳ quái, to lớn, chẳng khác gì một giống gấu chân bước đi bì bõm, miệng càu nhàu. Đó là bọn chúng tôi.

Chúng tôi ăn mặc kín đến mang tai như dân miền Bắc-cực. Áo len, chăn chiên, bao tải che kín khắp người, độn chúng tôi lên thành tròn trùng trục nom rất kỳ dị. Vài anh em vượn vai ngáp hộc. Người ta thấy những bộ mặt đỏ lòm hay nhợt nhạt với những vết bùn dài như sẹo, mắt hum húp nhập nhèm trở ra, râu ria đâm tua tủa không xén hoặc lông lá bê bết không cạo.

Tặc! Tặc! Đoàn! Tiếng súng trường, súng đại bác. Trên đầu chúng tôi, khắp nơi đạn nổ lộp bộp hoặc âm ỉ từng tràng dài liên thanh hoặc từng phát một. Cái cơn giông tố u ám và lòe lửa ấy thật không lúc nào, không lúc nào chịu ngớt. Đã hơn mười lăm tháng rồi, nơi chúng tôi đóng đây, tiếng súng trường và trái phá cứ liên tiếp vô hồi ký trận, hết sáng đến chiều, lại từ chiều đến sáng. Con người ta bị chôn vùi dưới đáy một chiến trường vĩnh cửu. Nhưng cũng như đối với tiếng tíc tắc của đồng hồ treo trong nhà chúng ta khi xưa, trong cái quá khứ hầu như đã thuộc về truyền thuyết, ở đây người ta chỉ nghe thấy tiếng súng khi nào người ta để ý nghe.

Những bộ mặt phì phì, mi mắt hum húp, gò má đỏ thắm như dán những miếng giấy điều hình quả trám nhô ra khỏi đất, mở một mắt ra, rồi mở nốt mắt nữa. Đó là Parađi. Da má phình phính của hắn hầy còn hắn những vết nhăn của miếng vải lều trong đó hắn đã rúc đầu vào ngủ.

Hắn đưa mắt ti hí nhìn quanh một lượt, trông thấy tôi, ra hiệu cho tôi và nói:

- Thế là lại qua được một đêm nữa, đằng ấy nhỉ?

- Ừ, nhóc con, không biết cánh mình còn phải qua bao nhiêu đêm như thế này nữa?

Hắn giơ hai cánh tay trùng trục lên trời. Rồi hắn chặt vật lách khỏi cầu thang đất và giờ thì hắn đứng sát cạnh tôi. Sau khi chập choạng vấp phải một cậu ngồi xếp ở đất trong bóng tối – cậu này vừa thở dài ồ ồ vừa gãi mình sồn sột – Parađi lạch bạch đi ra ngoài, khập khà khập khiễng như một con chim “panh goanh” lẩn vào trong cái cảnh hoang tàn của thời đại hồng thủy.

Dần dần bọn người lần lượt tách ra khỏi những hầm sâu. Trong các góc, người ta thấy một đám đen dày đặc hình thành, rồi những đám người ấy cử động, phân tách ra... Người ta nhận mặt được từng anh một.

Này đây là một gã chùm chần kín đầu bước ta, trông chẳng khác một người rừng, hay đúng hơn, cái lều của một người rừng, vừa đi lại vừa lắc lư nghiêng ngửa. Đến gần thì trông rõ, giữa một cái khăn quàng dày bằng len

đan, lộ ra một khoảng vuông của bộ mặt vàng ệch, tím tím loang lổ những vết bầm đen, mũi gãy, mất một mí, kiểu mắt người Trung-hoa, viền hồng, một bộ ria mép cứng, lầy nhầy như một cái bàn chải để chải mỡ.

- Kia Vônpat! Bình yên chứ, Firmanh?

- Bình yên, thật là cả bình và cả yên... – Vônpat trả lời.

Giọng hắn nặng nề và kéo dài, lại khàn khàn vì bị khản cổ. Hắn ho lên.

- Chuyến này tớ cảm nặng. Này, đêm qua cậu có nghe thấy tấn công không? Chà! Thực là một cuộc nã đại bác cẩn thận. Giã ra trò!

Hắn khịt mũi, đưa tay áo lên chùi cái mũi lõm. Hắn thọc tay vào trong túi áo ca-pốt, trong cái áo cộc rồi lặn vào da mà gãi.

Hắn càu nhàu:

- Tớ soi nên giết được ba mươi con! Trong hồ lớn, bên cạnh đường giao thông ngầm, thật nhan nhản những rận. Trông thấy nó bò lúc nhúc trên rạ, cậu ạ.

- Này, đêm qua, bên nào tấn công thế, cậu? Bọn Bótso^[7] hở?

- Bọn Đức và cả cánh ta nữa. Về phía làng Vim-mi ấy. Một cuộc phản công. Cậu không nghe thấy gì à?

Gã Lamuydơ bò mộng nhanh nhẩu đáp thay tôi:

- Chả nghe thấy gì sốt. Lúc ấy tớ đương ngáy khò khò. Chả là đêm trước tớ bị cắt làm ca đêm mà.

Chú Bikê, loắt choắt, người Brotanhơ tuyên bố:

- Tớ thì tớ có nghe thấy. Vì tớ ngủ cứ chập chờn, hoặc có thể nói là suốt đêm không chợp mắt. Tớ nằm ở hố cá nhân kia kia, hố kia kia.

Gã chỉ tay vào cái hào nằm là là mặt đất, lòng lót một lượt phân mỏng, chỉ vừa một người nằm. Gã lại lắc lư cái đầu nhỏ bé thô kệch như một cục đá đẽo chưa xong và nói tiếp.

- Đấy buồng ngủ của tớ đấy, chả ra cóc gì! Tớ chẳng chợp đi được một chút nào. Tớ sắp chợp đi thì bọn bên 129 đổi gác đi qua là tớ tỉnh dậy. Không phải vì các cậu ấy đi ầm ầm mà tớ mất giấc đâu, chính vì thối quá, cậu ạ. Từng ấy thằng, chân cứ bước qua quang mồm, thật là khó chịu quá mà phải tỉnh dậy.

Cái đó tôi biết lắm. Chính tôi nằm trong chiến hào cũng đã từng bị đánh thức vì cái mùi của một đội quân đi qua kéo lê theo.

Tiaret nói:

- Giá cái mùi đó mà giết chết được giặc nhỉ!

Lamuydơ giải thích:

- Trái lại, mùi hôi làm rận nó lại càng hăng. Các cậu mà càng bản thủ, các chú rận càng thích, càng mò đến nhiều.

Bikê nói tiếp:

- Chúng hun mùi làm tớ thức giấc, thật là may cho tớ quá! Như lúc này tớ vừa kể cho thằng cha to béo ấy, tớ mở mắt thì vừa kịp bám chặt cái vải lều che hố của tớ mà một thằng trong bọn định đánh cắp.

- Cái bọn 129 thật là những đồ chó má!

Ở dưới sâu, dưới chỗ chúng tôi đứng, mập mờ hiện ra một hình người, vì ánh sáng không chiếu đến nên không rõ. Cái hình người ấy ngồi xồm, ôm một mớ cộm những quần áo mà ngó ngoáy giầy giụa. Đó là lão Blerơ. Mắt ti hí của lão chớp chớp, mặt bứ lên những bụi. Râu mép lão như một mớ vàng vàng chắn ngang trên lỗ miệng móm hết răng. Hai bàn tay đen ngòm trông mà khiếp. Lưng bàn tay cẩu ghét, trông tưởng như đầy lông lá, lòng

bàn tay bết một lớp bùn đen cứng. Người lão co quắp lại, chát đầy bùn, hôi như một cái xoong cũ.

Lão tuy bẩn, gãi mình càn cạch, vẫn chuyện trò với lão Bạc cao lớn. Gã này đứng hơi xa một tí, mình cúi xuống phía lão.

Lão nói:

- Hôi ở nhà lão có bẩn như thế này đâu.

Bạc trả lời:

- Thương hại cho thân già, giờ thì đôi khác ghê quá nhỉ?

Tiaret thêm vào:

- Cũng là may đấy, nếu ở nhà mà bố già như thế này thì vợ chỉ để toàn những tây đen.

Blerơ phát cáu, đôi lông mày cau lại dưới vầng trán đen sì:

- Mày lại còn trêu tao à? Giai do là vì chiến tranh cả. Còn mày, cái thằng mặt hột đồ, mày tưởng chiến tranh sẽ không làm thay đổi cái mặt mệt mày và kiểu cách của mày hử. Đồ mồm khỉ, đồ mông đít, mày thử nhìn lại mày mà xem. Ăn nói như mày thì thậm là ngu!

Lão đưa tay xoa xoa vào lớp đất xám đen phủ trên mặt lão – mấy ngày qua, mưa đến thế mà lớp đất vẫn còn nguyên xi và lão tiếp:

- Thân tao như thế này là vì tao muốn thế. Trước hết, tao mất sạch cả răng rồi. Ông quân y ông ấy bảo tao từ lâu: “Anh khuyết xỉ cả rồi. Thế cũng chưa đủ đâu. Kỳ nghỉ sắp đến, anh hay tạt lại thăm xe “*nha-qu*”.

Bạc chữa lại:

- Xe *na-khoa* chứ?

Betrăng bẻ:

- Xe nha-khoa.

Blerơ nói tiếp:

- Chữa ở đó không mất tiền. Tao không đi chữa là tự ý tao chứ.

- Tại sao thế, bố già?

- Có quái gì đâu, vì tớ không muốn đổi dạng.

Bacơ nói:

- Kiểu bố già giống hần một tay đầu bếp. Đáng lý bố làm đầu bếp mới phải.

Blerơ ngây thơ đáp:

- Ủ tao cũng nghĩ thế đấy.

Mọi người cười rộ. Thế là lão già đen này phật ý. Lão đứng dậy, dẫn từng tiếng, khinh bỉ:

- Chúng mày nói làm tao nôn cả bụng. Tao đi ỉa đây.

Khi bóng đen của lão đã khuất xa, cả bọn còn nhai lại một lần nữa cái chân lý cho rằng ở đời này những tay đầu bếp là những tay bản nhất.

- Nếu cậu thấy tay nào lem luốc cả mặt mày lẫn áo quần, bản thủ đến nỗi không ai dám mò vào, cậu có thể giải quyết rằng: chắc là đầu bếp đấy. Càng bản bao nhiêu thì càng làm đầu bếp bấy nhiêu.

Mactorô nói:

- Ủ, mà thật và thực tế.

- Kìa kìa, Tirloa! Này, Tirloa ơi!

Tirloa lại gần lúu rúu, tìm kiếm loanh quanh. Gã mảnh khảnh gầy yếu như hơi cò-lo, lắc lư trên cái cổ áo tới đầy còm cộp và rất rộng. Cằm gã nhọt hoắt, hàm răng trên vầu; chung quanh mồm một vết nhăn sâu trông chẳng khác gì một cái đai da khoá mồm. Như thói quen, gã cúi tiết, và cũng như thường lệ, gã hần học:

- Đêm vừa qua, chúng nó nằng mắt cái túi dết của tớ rồi.

- Bọn 129 đi đòi gác chúng lấy đấy. Thế cậu để túi ấy ở đâu?

Gã chỉ vào một cái lưỡi lê cắm ở vách, gần lối đi vào hầm trú của bọn lính:

- Chỗ kia kìa, treo vào cái lưỡi lê cắm ở đấy!

Cả bọn nhao lên:

- Đồ ngốc! Lại treo ngay vừa tầm chỗ người ta đi qua lại. Mày rồ à!

Tirloa rên rỉ:

- Ấy, thế mới khổ cho tớ!

Rồi bỗng nhiên gã nổi cơn khùng: mặt nhăn lại, cau có, nắm tay nhỏ bé xiết chặt lại, chặt lại như những nút dây thừng và giờ lên:

- Ông mà tóm được thằng chó mà nó lấy của ông! Ông là cứ cho vỡ mặt, thủng bụng... Trong túi đó còn nguyên miếng phó-mát, tớ còn phải đi tìm nữa mới xong.

Gã nắm tay xoa bụng xoa nhanh và gọn như đánh ghi-ta, rồi bỏ đi trong màn sương xám buổi sớm, nhăn nhó mà chững chạc, thân thể nhỏ bé co rút lại như kiểu người ốm trong bộ quần áo mặc thường ở nhà. Gã vừa đi vừa càu nhàu mãi cho đến khi khuất hẳn.

Pêpanh nói:

- Thằng ngốc!

Cả bọn mĩa mai.

- Thằng ấy điên và rô – Mactorô nói tiếp thế. Gã này có thói quen lúc phát biểu, để nhận mạnh ý mình, thường dùng hai từ đồng nghĩa một lúc.

Tuylacơ vừa đi đến, bảo:

- Này, bố ơi, ngắm tớ đây này!

Tuylacơ nom bảnh quá. Gã mặc một cái áo dài màu vàng nhạt làm bằng bao ngủ vải dầu. Gã khoét cái lỗ giữa bao để luồn đầu qua, rồi buộc dây đeo vào thắt lưng da ra ngoài cái áo khoác ấy. Gã cao lớn, người xương xẩu. Khi gã đi, đầu ngả về phía trước, mặt cương nghị, mắt thì lác. Gã cầm một vật gì ở tay.

- Tớ đào đất thì bắt được cái này, đêm vừa rồi ở hào giao thông mới, trong khi chúng tớ đang thay những gỗ mục. Tớ trông ưng ý ngay cái búa này. Đó là một cái búa kiểu cổ.

Kể kiểu cổ thì cổ thật: một hòn đá nhọn tra vào cái cán bằng xương đã đen màu. Theo tôi, có lẽ là một dụng cụ thời tiền sử.

Tuylacơ ướm vật trong tay:

- Cái của này vừa tay ghê. Mà đúng thế. Làm khéo lắm, cân đối hơn cả cái búa quy định của nhà binh. Quả thật là cừ đấy. Này, cậu thử cầm xem... Thế nào, hử? Thôi, trả lại cho tớ. Tớ giữ để tớ dùng, sẽ được việc lắm, người anh em xem...

Gã vung cái búa của người “thời đại đệ tử” lên và chính gã trông cũng chẳng khác gì con người vượn thời xưa, mình quần nhằng những vải lòn loẹt, đứng im trong lòng sâu của đất.

*

* *

Từng người một, anh em thuộc tiểu đội Bectrăng và thuộc bán trung đội, đã tập hợp ở một góc chiến hào. Ở góc này, chiến hào còn rộng hơn chỗ đường thẳng một chút. Ở đường thẳng, khi hai người qua lại gặp nhau, thì cũng phải nép mình, kê lưng vào vách, bụng người nọ sát bụng người kia mới lách qua được.

Đại đội chúng tôi đóng dự bị ở chiến hào thứ hai, song song với tiền tuyến. Nơi đây không cần bố trí canh phòng. Ban đêm chúng tôi được đi đào công sự ở tiền tuyến, nhưng hề còn là ban ngày, chúng tôi hoàn toàn không có việc gì làm cả. Chồng chất người nọ vào người kia, khuỷu cánh bó chặt lấy nhau, chúng tôi chỉ có việc tùy tiện chờ tới đến.

Ánh sáng ban ngày đã lọt được qua những đường nứt vô tận chẳng chịt trên vùng này của mặt đất, lướt vào tận hố cá nhân của chúng tôi. Ánh sáng buồn thiu của phương Bắc, mảnh trời chật hẹp và như cũng lớp nhóp những bùn, có thể nói là nặng trĩu một màu khói và mùi nhà máy. Trong cái ánh sáng nhợt nhạt ấy, những bộ y phục dị kỳ của những người ở hang cùng này hiện ra sống sượng trong cái cảnh nghèo nàn bao la và vô hy vọng đã tạo ra nó. Nhưng cũng như tiếng tặc tặc đều đều của súng trường và tiếng ùng ùng đoàn hành của tiếng súng đại bác, cái tấn kịch lớn mà chúng tôi đang đóng kéo dài quá lâu rồi nên không còn ai nhìn bằng con mắt ngạc nhiên bộ dạng của nhau và cách ăn mặc lôi thôi mà mỗi người tự sáng chế ra để bảo vệ cho mình chống mưa ở trên, bùn ở dưới và chống khí lạnh vô biên tràn lan khắp nơi.

Những bộ da thú, những bó chăn, những vải thô, những mũ đi núi, những mũ len, mũ lông, khăn quàng cổ quăn dày cộm hoặc vắt thành khăn trên đầu, những áo vệ sinh dày bình bịch mặc lồng lên nhau, những mũ mấn trái nhựa, phết gôm, tráng cao su, hoặc đen, hoặc đủ ngũ sắc cầu vòng, bạc phếch, tất cả những thứ đó bịt lấy thân mọi người, che kín binh phục cũng như da thịt làm cho họ thành ta to lớn. Có người buộc vào lưng một miếng vải sơn vuông kẻ những ô to trắng và đỏ đã vớ được tại giữa phòng ăn ở một nơi gã đã tạm trú. Đó là Pêpanh, và thường từ xa, người ta nhận được

gã chính nhờ cái chiều bài hề đó hơn là nhờ bộ mặt ác ôn xanh nhợt của gã. Chỗ này phình lên miếng che ngực của Baco, cắt ở một tấm chăn lông chim, xưa là màu hồng, nhưng bụi bặm và nước mưa đã làm bạc đi nham nhở. Chỗ kia, Lamuydơ hộ pháp giống như cái tháp điêu tàn với những mẩu giấy áp phích còn lại. Chú Odo nhỏ bé, khoác một mảnh vải sơn giống như áo giáp làm cho lưng chú bóng loáng như lưng con cánh cam, và nổi bật nhất trong cả bọn là Tuylacơ lộng lẫy với bộ ngực màu da cam giống như ngực một tay Đại Tù trưởng.

Cái mũ cát làm cho đầu những con người đó có phần nào đồng đều, nhưng chỉ gọi là thôi. Thói quen của vài gã đội nó hoặc ở trên mũ lưỡi trai như Bikê hoặc trên mũ đi núi như Cadillac hoặc trên mũ lông như Baco, làm phát sinh ra lắm cảnh láo nháo và phức tạp.

Và lại còn những bộ giò!... Hồi nãy, gặp đôi mình lại tôi đã chui xuống hầm công cộng, một thứ hầm thấp, nhỏ, sặc mùi ẩm mốc. Ở đó, người ta vấp phải những vỏ đồ hộp, những mớ giẻ bần, gặp hai bó dài đương nằm ngủ, và tận trong góc, dưới ánh sáng xanh nhạt của một ngọn nến, có một bóng người quỳ xuống lục lọi một túi dết... Khi trở lên, qua cái cửa hầm hình chữ nhật, tôi đã thấy những cặp giò. Giò ngang, giò dọc, giò xiên, hoặc xòe ra, hoặc gấp lại, hoặc vắt vào nhau, những giò đó bịt kín lối đi khiến kẻ qua lại phải cúi tiết nguyên rửa. Những bộ giò đó là một bộ “sur-tout” muôn màu, muôn vẻ: ghệt, xà cạp đen và vàng, cao và thấp, bằng da, bằng quần bấp chân xanh thẫm, xanh nhạt, đen, xám, màu ka-ki, màu be... Chỉ Vônpat là tay độc nhất còn giữ lại được đôi xà-cạp nhỏ từ hồi động binh. Mexnin Andre, từ mười lăm hôm nay, phô trương một đôi bút tất dài bằng len xanh thô, có sống, còn Tiaret thì bao giờ cũng mang xà-cạp dạ xám, sọc trắng mà gã đã cắt ta từ một cái quần thường dân, hồi đầu chiến tranh, treo ở đâu chẳng rõ. Mactorô cũng có một đôi xà-cạp, nhưng mỗi chiếc một màu, vì gã chỉ kiếm được có hai mẩu áo ca-pốt cũng mòn nát và bần thui như nhau để cắt thành. Lại còn những bộ giò bọc giẻ rách, bọc cả báo nữa, buộc xoắn bằng dây gai, hay tiện hơn bằng đôi ghệt màu hung hung mượn tạm của một người chết. Baco tự phụ là một tay tháo vát, lắm ý kiến (Chúa ơi! Gã khoe thể có khi làm nhức cả tai người ta), có đôi bấp chân trắng: gã đã quần bằng cứu thương quanh ghệt của mình để bảo vệ ghệt. Phần dưới thân gã cũng trắng như cái mũ bông thò ra trên chiếc mũ cát, trên đó nhô ra mớ tóc hung hung giống tóc hề xiếc của gã. Từ một tháng nay, Pôteclo mang đôi ủng bộ

binh Đức, đôi ủng đẹp, hầu như mới nguyên, gót đóng sắt móng ngựa. Carôn đã ký thác cặp ủng ấy cho gã khi hắn ta phải di chuyển vì tay bị thương. Chính Carôn đã tự mình tước cặp ủng ấy của một tên lính súng máy, người xứ Baviero bị giết gần đường Pilôn. Tôi còn phảng phất như nghe Carôn kể lại chuyện đó:

- Cậu này, cái thằng cha ấy, nó nằm đấy, gập lưng trong một cái hố. Mắt nó lờm lờm, chân nó chống lên. Nó giơ ủng nó ra cho tớ như kiểu mời tớ nên lấy đi. Tớ mới tự bảo: “Được! Bỏ đấy!” Nhưng cậu phải biết, lấy được đôi hia của nó là cả một công trình. Tớ hì hục mãi, hết kéo lại vặn, lại lắc, trong suốt nửa giờ, chẳng nói ngoa đâu. Chân thằng cha ấy nó cứng đờ rồi, nó đéch giúp gì cho tớ được. Cuối cùng, kéo mãi, hai cẳng của thầy ma ấy rời ra nơi đầu gối, quần nó bọc, thế là, văng! Tớ thấy mỗi tay, tớ nắm một chiếc ủng, còn đầy nguyên cả chân cả cẳng. Tớ phải moi cả chân cả cẳng nó ra...

- Cậu nói khí quá...!

- Thì cậu cứ hỏi lại lão lính xe đạp Ôteclo xem có thật không. Tớ cam đoan với cậu rằng chính hắn đã cùng tớ làm cái việc ấy mà. Chúng tớ phải thọc tay vào ủng rút xương, rút những mẩu bút tất và những miếng thịt chân ra ngoài. Nhưng cậu thử nhìn coi, vát vát thế có đáng công không nào!

...Thế là trong khi chờ đợi Carôn trở lại, Pôteclô cứ việc thay hắn sử dụng đôi ủng mà tên lính súng máy người xứ Baviero đi chưa mòn.

Đó, các chiến binh đã vận dụng trí tuệ, sự linh hoạt, mưu kế và lòng gan dạ của mình để vật lộn với sự thiếu thốn khủng khiếp như thế đó. Mỗi người khi ra mắt trước kẻ khác, hình như thú nhận: “Đây là tất cả những điều mà tôi đã biết làm, đã làm được, đã dám làm, trong cảnh cơ cực ghê gớm mà tôi đã sa đọa vào”.

Mexnin Jôdep ngủ gà ngủ gật, Blerơ ngáp, Mactorô hút thuốc, mắt đăm đăm, Lamuydơ gãi như một con đười ươi, và Ôđo như một con khỉ tí hon. Vônpat ho và cất giọng: “Tớ chết mất thôi!” Mexnin André đã moi ra nào gương, nào lược và chau chuốt bộ râu mỹ miều màu hạt dẻ của gã như một cây cảnh quý hiếm. Cái yên lặng đều đều, chốc chốc lại bị cắt quãng đó đây

bởi những cơn náo động dữ dội do sự có mặt, có tính chất địa phương, kinh niên và truyền nhiễm của các giống vật ký sinh gây ra.

Bacơ có trí quan sát, đảo mắt nhìn quanh một lượt rút ống điều khỏi miệng, nhổ nước bọt, nháy mắt và phát biểu:

- Cửa đáng tội, thì ra đêch thẳng nào giống thẳng nào!

Lamuydơ đáp:

- Giống thế quái nào được? Giống nhau được thì chả hóa ra kỳ quái lắm à?

*

* *

Tuổi chúng tôi ư? Chúng tôi đủ các hạng tuổi. Trung đoàn chúng tôi là một trung đoàn trừ bị, nhiều lần được tăng viện, hoặc do chủ lực quân, hoặc do hậu bị quân. Trong bán trung đội, có kẻ là quân hậu bị, kẻ là tân binh và có cả loại “lính làng nhàng”. Fuiat bốn mươi tuổi, Blerơ có thể vào hạng bốn của Bikê, một anh chàng miệng còn hơi sữa thuộc lớp 13^[8]. Lão cai gọi là Mactorô hoặc là “ông nội”, hoặc là “đồ giẻ rách”, tùy theo từng lúc nói bông đùa hay là nói nghiêm chỉnh. Nếu chiến tranh không xảy ra, Mexnin Jôdep có lẽ đương phải ở doanh trại vì nghĩa vụ quân sự. Khi chúng tôi được viên đội Vigin dẫn đi thì thật là ngộ nghĩnh. Hắn là một chú bé xinh xắn, trên môi kẻ một đường ria mép, và hôm nọ ở chỗ đóng quân, hắn còn nhảy dây với những trẻ con. Cái tập thể hổ lớn này, cái gia đình chẳng có gia đình này, cái tổ ấm chẳng có tổ ấm này đã tập hợp chúng tôi lại. Có ba thế hệ chen vai thích cánh, cùng sống, cùng chờ đợi, cùng bất động như những pho tượng thô hình, như những mốc đá.

Nòi giống chúng tôi ư? Đủ các nòi giống. Chúng tôi từ tứ phương kéo đến. Tôi nhìn hai người ở sát cạnh tôi, Pôteclô, công nhân hầm mỏ Calonơ, nước da hồng hồng, lông màu vàng nhạt màu rom, mắt xanh màu “lạnh”. Cái đầu vàng ánh của gã to tướng: để tìm cái đội vừa đầu cho gã, phải sục

sạo mãi trong kho mới vớ được cái nồi nấu xúp màu xanh lớn tướng vừa cỡ. Fuiat, lái đồ ở Xécơ đôi mắt quỷ sứ trong bộ mặt gầy dài kiểu mặt lính ngự lâm, má hóp và màu da bánh mật. Hai gã láng giềng của tôi, nói cho đúng, khác nhau như ngày với đêm.

Còn Côcôn và Bikê khác nhau cũng chẳng kém gì. Côcôn thì gầy khô, đeo mực kính, màu da bị chương khí hóa học của các thành phố lớn ăn mòn lột, tương phản với Bikê, người xứ Botanhơ đeo thô kệch, da xám, hàm vuông bạnh. Và André Mexnin, tay được sĩ phôn phở của một huyện lỵ thuộc xứ Normăngđi, bộ râu gọn ghẽ, xinh xắn, nói nhiều và lưu loát, cũng không ăn nhịp gì lắm với Lamuyơ, anh chàng nông dân phì nộn xứ Poatu, má và gáy như miếng thịt bò quay. Giọng nói ngoại thành của Baco mà đôi căng dài đã từng dọc ngang xuôi ngược khắp các đường phố Pari, gặp nhau với giọng: “lơ lơ Bơ” và ngân nga của những gã “Phương Bắc” từ trung đoàn hậu bị thứ 8 về, chạm nhau với tiếng nói oang oang, uốn âm tiết nghe giòn giã của những chàng từ đơn vị 144 đổ tới và với thổ âm lú lo của những người xứ Ôvéchơ thuộc 124^[9]; bọn này giữa đám anh em vẫn cố tình tụ tập họp riêng với nhau như loài kiến tụ tập theo đàn. Tôi nhớ câu nói đầu tiên của gã Tiaret láu cá, khi gặp gã tự giới thiệu: “Các chú ơi, tớ là người Clisi la Garen. Còn ai hơn?” Với lời than phiền đầu tiên đã khiến Paradi gần gũi tôi: “Chúng nó bất chấp tớ vì tớ là dân Morvăng”.

Nghề nghiệp của chúng tôi ư? Xô bồ, nghề gì cũng có một tý. Từ những thời kỳ đã tuyệt diệt rồi, thời người ta còn có một phận vị xã hội, trước khi đến vùi số kiếp của mình trong những hang chuột mà mưa trời và bom đạn luôn đe sụp để cứ phải dựng lại luôn thì chúng tôi là những người như thế nào? Phần lớn là nông dân và công nhân. Lamuyơ là điền tốt. Paridi đánh xe bò. Cadilac với cái mũ cát kết bé tẹo vắt vẻo trên cái đầu nhọn hoắt – mà Tiaret đã ví như mái bầu trên mặt tháp chuông – có ruộng đất riêng. Lão Blerơ vốn là dân lĩnh canh miền Bri. Baco, tay công nhân giao hàng đã từng vắt vẻo trên chiếc xe đạp chở hàng ba bánh, trở hết tài xiếc, lách giữa những tàu điện và xe tắc-xi của thành phố Pari, và cứ như lời gã nói, gã luôn miệng mắng nhiếc một cách yêng hùng những khách bộ hành nhón nhác như đàn gà ở các đại lộ và quảng trường. Viên cai Bectrăng, người lúc nào cũng đứng tách riêng, hơi xa một tí, ít nói và nghiêm chỉnh, bộ mặt khô ngô, hùng tráng đầu rất ngay ngắn, mắt nhìn thẳng, trước làm đốc công một

xưởng đồ hộp. Tirloa, trước đây đã từng nhả nài tô sơn xe cộ, không một chút cầu nhàu, người ta nói quả quyết như vậy. Tuylacơ làm chủ quán rượu ở cửa ô “Ngai vàng”. Ođo bộ mặt hiền từ và hơi xanh cũng đã mở một quán rượu cạnh đường, không xa chỗ mặt trận hiện nay là mấy. Quán của gã đã bị đại bác làm cho thất điên bát đảo, điều đó tất nhiên, vì anh chàng Ođo vẫn nổi tiếng là xúi quẩy. Mexnin Andrê, người hiện giờ còn phảng phất giữ được tí chút vẻ chải chuốt trang nhã, ngày xưa bán bicacbônát và các món thuốc “công hiệu như thần” tại một quảng trường; em gã là Jôdep thì bán báo chí và tiểu thuyết có minh họa ở một nhà ga thuộc hệ thống xe lửa Quốc gia. Trong khi đó, ở thành phố Liông, cũng gần đây, Côcôn, mục kính kẹp, tay xám xịt những han chì bóng loáng tíu tíu bận rộn sau những quầy hàng của một cửa hàng ngũ kim, còn Bêcuwơ, Adôn và Pôteclô, từ bánh mắt đã kéo lê ngọn lửa tởm của chiếc đèn mờ xuống những hầm mỏ của Công ty Than Miền Bắc.

Lại còn những tay mà chẳng bao giờ người ta nhớ xưa làm nghề gì và người ta nhầm lẫn anh nọ với anh kia; cùng những anh làm đủ nghề lằng nhằng, lang thang khắp thôn quê, trong túi dết tha đi đến mười nghề lật vật; không kể cái gã Pêpanh khả nghi, hình như chẳng có nghề ngỗng quái gì, (người ta chỉ biết là cách đây ba tháng, khi gã mới khỏi bệnh, còn ở trại thu dung, gã đã cưới vợ để được lĩnh món tiền trợ cấp cho phụ nữ có chồng bị động viên).

Trong bọn người quanh tôi, không có ai làm nghề tự do. Những giáo viên thì thành hạ sĩ quan ở đại đội hoặc thành y tá. Trong trung đoàn có một thầy tu dòng Mari đóng lon đội trong quân y vụ, một ca sĩ hát giọng nam cao thì làm lính xe đạp cho y sĩ trưởng; một luật sư làm bí thư cho đại tá; một tay sống về lợi nhuận đóng cai binh lương ở Đại đội Biệt Động. Còn ở tiểu đội chúng tôi, những loại ấy không có. Chúng tôi là lính chiến, hầu như không có ai là trí thức, nghệ sĩ hay tư sản; những kẻ trong cuộc chiến tranh này chỉ dám liều ló mặt qua những khe chiến hào hoặc có ra trận chỉ là trong chốc lát, hoặc dưới mũi lưới trai đầy lon.

Đúng, thật vậy, anh em khác nhau sâu xa lắm. Tuy thế mà lại giống nhau. Mặc dầu khác nhau về tất cả chuyện quá khứ; mặc dầu trước kia chúng tôi từng cách nhau một trời một vực, nhưng nay thì đại loại ai cũng như ai. Qua cái hình thức thô lậu, đồng đều, tất cả đều giấu giếm và đều để

lộ những phong tục, những tập quán chung, cùng chung cái tính cách đã đơn giản hóa của những con người trở lại trạng thái nguyên thủy.

Một ngôn ngữ chung, hỗn hợp những tiếng lóng của xưởng máy và doanh trại, những thổ âm pha thêm một vài từ mới, đã gắn liền chúng tôi như một thứ nước “xốt” với đám người đông đảo đã mấy mùa qua rút quang nước Pháp để về chồng chất ở miền Đông Bắc này.

Thế rồi ở đây cũng ràng buộc bởi một số mệnh không phương cứu vãn, bị cái phiêu lưu vĩ đại lôi cuốn đến chỗ ra đứng cùng hàng với nhau, trải bao tháng ngày, bao đêm trường, chúng tôi bắt buộc đi đến chỗ mỗi ngày càng giống nhau thêm. Sự chật hẹp khủng khiếp của cuộc sống chung siết chặt chúng tôi, làm chúng tôi phải thích ứng, xóa mờ kẻ nọ vào với người kia. Thật là một loại tiêm nhiễm không thể tránh. Đến nỗi anh lính nào cũng như anh lính nào. Muốn thấy sự đồng dạng ấy, không cần phải nhìn từ xa qua những khoảng cách làm cho chúng tôi rút bé đi như những hạt bụi lặn trên đồng ruộng.

Người ta chờ đợi. Ngồi mãi mãi, người ta đứng dậy. Khớp xương dần kêu răng rắc như tiếng gỗ nề, như tiếng bản lề cũ kỹ. Âm ướt làm han rỉ con người, như nó làm han rỉ súng ống, chậm hơn nhưng sâu hơn. Rồi lại bắt đầu đợi chờ, đợi chờ một cách khác.

Trong tình thế chiến tranh, người ta cứ chờ mãi, người ta hóa thành những cái máy để đợi chờ.

Hiện giờ thì người ta chờ xúp. Rồi sẽ đến chờ thư. Nhưng việc nào, thời gian này: ăn hết xúp mới sẽ nghĩ đến thư. Xong lại chờ những cái khác.

Đói, khát là những bản năng ghê gớm tác động mãnh liệt vào tâm trí bọn đồng đội chúng tôi. Vì xúp chậm đến, họ bắt đầu than phiền và cáu tiết. Nhu cầu về thức ăn và thức uống từ miệng họ phát ra thành những tiếng cầu nhàu:

- “Tám giờ rồi đây. Cơm nước đâu, sao không thấy dẫn đến? Chậm thế là quái gì?”

Lamuydơ mắt ướt vì thèm thường, hai má rục lên những mảng đỏ lớn màu rượu vang, cầu nhàu:

- Đúng thế, tớ đói mềm từ trưa qua đến nay.

Sự bất mãn mỗi lúc một thêm chua chát:

- Thằng Pluymê chắc đã nốc hết vào bụng bi-đông rượu hần phải mang cho tớ và nốc cả những bi-đông khác nữa. Có lẽ hần đã say mềm, ngã gục ở đâu đây.

Mactorô nhấn thêm:

- Điều đó thì đích xác và chắc chắn.

Tialoa rống lên:

- Cái bọn phục dịch này thật là đồ ăn hại, đồ đòi bọ. Cái giống đáng tởm làm sao! Toàn một bọn háu đói và lười biếng. Cả ngày chỉ loăng quăng ở hậu tuyến, thế mà cũng không đến cho đúng giờ được. À! Nếu quyền ở tớ, tớ sẽ bắt chúng ra chiến hào thay cho cánh ta để chúng phải cật lực! Trước hết, tớ nói: Trong trung đội, từng người sẽ lần lượt làm bếp, mang xúp, cố nhiên là những... anh nào đồng ý... Thế là...

Côcôn kêu tướng lên:

- Tớ thì tớ chắc chắn là cái thằng chó chết Pêpe đã làm cho những đứa khác bị chậm. Nó cố ý làm thế. Với lại cái thằng nhóc khốn nạn ấy không thể nào dậy sớm được. Nó phải ngủ hàng mười giờ, y như một chàng công tử bột. Không vậy thì ông tướng đâm lười cả ngày.

Lamuydơ quát:

- Ông thì ông giã cho nó! Cậu chờ xem, nếu tớ có mặt ở đây, tớ sẽ bắt nó phải ra khỏi giường. Ông sẽ đập bót vào đầu nó, nắm chân mà lôi nó dậy.

Côcôn nói tiếp:

- Hôm nọ, tớ đã tính: Nó mất bảy giờ bốn mươi bảy phút mới đi từ hầm trú ẩn 31 lại đây. Thực ra, nhiều lắm chỉ cần năm giờ thôi không hơn.

Côcôn là con-người-chữ-số. Gã chi li, quý yêu những tài liệu chính xác. Bất cứ trường hợp nào, gã cũng chúm mũi tìm những thông kê mà gã tích lũy với lòng kiên trì của loài sâu bọ, và ai muốn nghe là gã sẵn sàng trưng ra. Giờ đây, gã sử dụng những con số của gã như sử dụng vũ khí. Bộ mặt gã gầy gò, gồm những nét cạnh khô khan, những tam giác và những góc trên đó gác lên đôi nhỡn kính hình tròn, nhấn lại vì hần học.

Gã trèo lên tấm ván đứng bắn, kê từ hồi đây còn là chiến hào thứ nhất, điên cuồng thò đầu lên trên lũy. Trong tia sáng lạnh lẽo là là mặt đất lóng lánh đôi nhỡn kính và cả giọt nước thông lòng ở mũi gã, nom như hạt kim cương.

-Này cái thằng Pêpe ấy, phải biết, hết như cái ca thùng. Chỉ một ngày thôi, nó ních vào bao tử hàng mấy kilô, thực tưởng không thể tin được.

Lão Blerơ ngồi “nuốt giận” trong một góc. Bộ ria lão run run, trắng ngà ngà và thông xuống như chiếc lược xương.

- Còn nói gì nữa? Những thằng mang xúp là những thằng tồi trong bọn đồ tồi, cả một bọn nhác nhớn và cày hôi.

Ôdo nằm xoài ra đất, mồm há hốc, trông hết một tay tử vì đạo, mắt lơ lơ nhìn Pêpanh đi lại như con sói, than thở:

- Bọn chúng thì phân gio cả nút.

Nỗi căm kình cắn hờn những kẻ đến muộn cao thêm, cao mãi.

Tirloa, cái anh hục hặc, tíu tít, chạy vạy. Thật đúng vai trò của gã. Bằng những cử chỉ sắc cạnh, gã nhen thêm lòng tức tối của các bạn.

- Nếu chúng mang đến thức ăn ngon thì còn nói gì! Nhưng lại toàn những thức “đầu bãi, loại nước” mà cánh ta phải cố nuốt cho trôi.

- Chà! Chào các cậu, hôm qua chúng cho ăn thịt tồi quá, thật rắn như đá mài. Thế mà dám gọi là bít-tết bò, hử? Bít-tết xe đạp thì đúng hơn. Tớ đã bảo các cậu nhà ta. “Này, cẩn thận đấy, đừng nhai nhanh quá mà gãy răng: Có thể tụi đóng giầy quên chưa rút hết đinh ra đâu!”

Câu pha trò, do Tiaret, hình như là nguyên quản lý một rạp chiếu bóng lưu động, vừa tung ra, những lúc khác thì đã làm anh em cười, nhưng nay tâm trí cả bọn đương bức tức, nên tiếng vang của nó chỉ là một loạt gầm gừ vòng quanh các binh sĩ.

- Để cậu khỏi kêu hần là rắn quá, những lần khác, chúng sẽ tương cho ăn những thứ gì mềm mềm: bột biển vô vị hoặc thuốc cao. Cậu sục vào thì thấy như là uống nước lã không hơn, không kém.

Lamuydơ nói:

- Toàn là thứ lỏng, không chắc dạ. Ăn vào tưởng là no, nhưng dạ dày vẫn trống rỗng. Thế là tí một, tí một, ngày càng hao mòn, kiệt quệ, chết vì thiếu ăn.

Bikê cáu tiết, oang oang:

- Lần sau, tớ xin vào yết kiến lão “via”. Tớ sẽ bảo: “Thưa Đại úy...”

Bacơ nói:

- Tớ thì tớ khai ốm. Rồi tớ nói với “Y sĩ trưởng...”

- Thế thì cậu nói mấy cũng vô ích, chẳng được kết quả gì. Chúng nó thông lung với nhau cả để bóc lột thằng lính trơn mà.

- Tớ thì tớ bảo chúng muốn anh em mình chết cả nút!

- Đến rượu cũng thế nốt. Ở chiến hào chúng mình có quyền được cấp phát rượu – điều này đã được quyết nghị, quyết nghị từ bao giờ và ở đâu thì tớ không biết, nhưng điều đó thì tớ biết, thế mà từ ba ngày rồi chúng mình đóng ở đây, đã ba ngày đâu thấy tắm hơi rượu.

- Trời! Khô quá.

*

* *

Một gã poa-luy^[10] đứng ở góc chiến hào, báo tin:

- Đồ chén đã đến kìa!

- Không phải là sớm quá!

Thế là trận giông tố những câu nguyên rửa dữ dội tan ngay như có phép lạ. Và cơn giận dữ đột nhiên biến thành sự hài lòng.

Ba người phụ dịch thở hổn hển, mặt nhễ nhại mồ hôi, đặt xuống đất những bình con, một bi-đông dầu hỏa, hai xô bằng vải, và một xâu những nắm tròn^[11] xiên vào một cái gậy. Tựa mình vào vách chiến hào, họ chùi mặt bằng “mùi soa” hoặc bằng ống tay áo. Và chúng tôi thấy Côcôn lại gần Pêpe, miệng tươi cười, quên hẳn mình vừa lãng mạ làm nhục danh giá của anh ta, thân mật chìa tay về một trong những cái bi-đông buộc vòng quanh mình Pêpe như kiểu thắt lưng phao.

- Có gì để sức nào?

Người phụ dịch thứ hai trả lời lơ lửng:

- Ở đây.

Kinh nghiệm đã cho gã biết là kể rõ thực đơn ra bao giờ cũng gây những thất vọng chua chát.

Và vẫn thở hổn hển, gã bắt đầu nguyên rửa con đường dài cùng những khó khăn vừa vượt qua: “chỗ nào cũng nhan nhản những người là người. Đi qua, khó khó là. Đôi lúc phải thu mình lại, mỏng như tờ giấy thuốc lá”... “Chà! Có kẻ còn bảo rằng lính đầu bếp chả biết *phục hậu!*^[12]...” Ấy mà gã ta thì lại trăm nghìn lần thích công việc hơn là mỗi ngày hai lần làm cái nghề nấu bếp đêm như thế.

Parađi đã mở nắp những bình con và khám soát các bình chứa:

- Đậu khô nấu dầu, thịt, canh và cà phê. Có thể thôi.

Tuyacơ oang oang lên:

- Khỉ ơi! Thế còn rượu?

Gã khích anh em:

- Này, các cậu, lại đây mà xem! Thế này thì quá quất lắm. Không có rượu đâu, đành treo mõm.

Bọn khát rượu nhăn nhó chạy lại. Những kẻ thất vọng đến tận ruột gan đó thét lên:

- A! Thế thì cút thật!

Gã phụ dịch mặt vẫn đỏ và đầy mồ hôi, đưa chân chỉ vào một cái xô:

- Thế thì cái gì trong xô này?

Parađi nói:

- Ủ, tớ nhầm, có rượu vang đấy.

Gã phụ dịch nhún vai, lườm Parađi một cách vô cùng khinh bỉ:

- Cái thằng bố quấy này! Mắt mày có mù thì phải đeo kính chứ.

Gã tiếp:

- Mỗi người một ca... Có lẽ ít hơn một tí, vì một thằng ngốc nào đó đụng phải tớ khi qua giao thông hào “Khu Rừng” và làm chao sánh mắt mấy giọt – Gã vội vàng cao giọng nói thêm. – À, nếu tớ không mang nặng đi thì phải biết thằng cha đã được một cái đá vào mông. Nhưng nó mở máy chuồn thẳng, thẳng chó!

Và, mặc dầu lời tuyên bố cứng cỏi đó, chính gã cũng bỏ chuồn; những lời nguyên rửa bóng gió chỉ trích sự thiếu thành thực và tính tham ăn của gã mà nhờ thú nhận khẩu phần bị bớt đã khơi lên, nhao nhao đuổi theo gã. Trong khi đó, cả bọn húc đầu vào ăn, người đứng, kẻ ngồi xồm, kẻ quỳ, kẻ thì ngồi trên một cái bình hay một cái túi đất moi trong hố hầm ra, hoặc ngã nghiêng trên mặt đất, lưng vùi trong đất cát, bị kẻ qua lại quấy rầy, bị chửi rửa trả lại. Trừ một vài câu chửi hoặc pha trò thông thường, họ không nói gì, hoàn toàn còn bận nhai, nuốt, miệng và môi bê bết mỡ như những “quy lát” sủng.

Họ hài lòng.

Khi những hàm răng bắt đầu ngừng nhai, họ đưa ra những câu nói đùa tục tĩu. Họ chen chúc nhau, thi nhau nói thật to để xen chuyện. Factadê, gã nhân viên thị chính khăng khiu, mỉm cười. Gã này, những ngày đầu, giữa đám chúng tôi, có vẻ đứng đắn và sạch sẽ như một khách lạ hoặc một người ốm dậy. Lamuydơ sung sướng đến chảy nước mắt, mở và há hoác cái miệng cà chua; bộ mặt đỏ hồng của Pôteclô nở ra và nở lại nữa; những nét nhăn của lão Blerơ rung rinh khoái chí. Lão này đứng nhô đầu ra đằng trước, lắc lư thân hình ngắn ngủi, gày còm trông giống như cái cán đỡ bộ ria to tướng buông thông của lão. Và ngay cả bộ mặt choắt nhỏ, nhăn nheo thảm hại của Côcôn cũng rạng rỡ lên.

*

* *

Bêcuwơ hỏi:

- Có cần hâm cà phê lại một chút không?

- Hâm bằng cái gì, hà hơi vào ư?

Bêcuwơ vốn ưa cà-phê nóng, nói:

- Để tớ xoay cho. Khó đêch gì cái việc ấy. Các cậu cứ sắp sẵn một cái bếp con, và lấy mấy cái vỏ lõi lê làm nóng. Tớ biết ở đâu có củi rồi. Tớ lấy con dao đeo mấy miếng gỗ mỏng, đủ để hâm cái nồi. Rồi anh em xem...

Thế là gã đi lùng củi.

Trong lúc chờ đợi cà-phê, họ quán thuốc, họ nhồi píp.

Họ rút những túi đựng thuốc lá ra. Và anh em có những cái túi bằng da hoặc bằng cao su mua ở hiệu. Đó là số ít. Bikê móc thuốc lá ở chiếc bát tất, mé trên thắt bằng một sợi dây. Những gã khác phần lớn dùng túi bông chống hơi ngạt làm bằng một thứ vải không thấm nước, rất tiện để bảo quản thuốc râu ngô hay thuốc hảo hạng. Lại có những gã vét thuốc ngay trong túi áo ca-pô.

Những gã hút thuốc ngồi vòng tròn, khắc nhỏ ngay ở cửa ra vào hàm, nơi đa số anh em bán trung đội ở, và nước bọt vàng khè chất nicôtin làm ướt sũng chỗ anh em thường đặt tay và quỳ gối khi gấp mình lại để ra vào.

Nhưng nào ai chú ý đến chi tiết đó?

Nhận lá thư vợ Mactorô, họ bàn đến chuyện giá cả hàng hóa.

Mactorô nói:

- Mụ nó vừa viết thư cho tớ. Một con lợn béo, tốt lành khỏe khoắn, các cậu có biết bây giờ ở vùng tớ giá bao nhiêu không?

... Vấn đề kinh tế đột nhiên biến thành một cuộc cãi lộn dữ dội giữa Pêpanh và Tuylacơ.

Những tiếng độc nhất được văng ra rồi đến:

- Điều mày nói, hay không nói, ông đêch cần. Câm mồm đi.

- Quân bản thủ? Nói hay không là quyền tao.

- Một quả ba ki-lô đủ bịt miệng mày tức khắc.

- Được! Rồi xem thằng nào câm họng?

- Thì thử đi! Ừ, có giỏi thì thử đi!

Hai gã sùi bọt mép, nghiêng răng và tiến lại nhau. Tuylacơ lăm lăm cái búa thời tiền sử, đôi mắt lác nẩy lửa. Còn gã kia, tái mét, mắt xanh lè, bộ mặt ác ôn rõ ràng đương nghĩ đến lưỡi dao của hắn.

Lamuydơ đưa bộ mặt bốc máu và bàn tay hòa giải to như đầu một đứa bé ra can hai người đương vật lộn nhau bằng mắt và cắn xé nhau bằng lời.

- Thôi, thôi, đừng đả nhau, vỡ đầu rách tai cả giờ, chỉ thiệt thân thôi!

Những kẻ khác cũng can thiệp và tách hai địch thủ ra. Hai tay này vẫn trừng trừng hung dữ nhìn nhau qua các bạn khác.

Pêpanh lại nhải chửi nốt mấy câu giọng cay đắng và rên rỉ:

- Đồ cướp, đồ du côn, đồ đều! Cứ liệu thần hồn, sẽ biết tay ông.

Tuylacơ thì phân trần với một poa-luy đứng cạnh gã:

- Cái thằng chó chết ấy! Đấy! Cậu xem nó đấy. Cậu biết đấy, không cần phải nói. Ở đây người ta đụng chạm với hàng đông những kẻ mà người ta chẳng biết là hạng người nào. Biết mặt nhau mà không biết lòng nhau. Còn

thằng này, nó muốn sinh sự thì cho nó biết tay. Chờ mà xem: Có ngày tớ sẽ cho nó vỡ mặt.

Trong khi đó, người ta lại tiếp tục trò chuyện làm lấp những dư âm cuối cùng của cuộc cãi lộn. Parađi bảo tôi:

- Thật chẳng ngày nào là không! Hôm qua thì thằng Pledăng lồng lộn muốn đánh vỡ miệng thằng Phuymex, không biết vì sao, hình như chuyện mấy viên thuốc phiện thì phải. Có phải không là cứ sống mãi như súc vật rồi đến thành súc vật cả núi mất.

Lamuydơ nhận định:

- Bọn chúng thật chẳng đáng tí nào. Cứ như trẻ con.

- Tất nhiên, chúng chỉ là những con người mà lại.

*

* *

Trời càng trưa dần. Thêm một chút ánh sáng đã lọc qua đám sương mù bao phủ mặt đất. Nhưng trời vẫn nhiều mây, thế rồi bắt đầu đổ mưa. Mây tối tả hạ thấp dần. Mưa phùn. Gió đưa về chúng tôi, với một đà chậm chạp và chán chường, cái khoảng trống không ẩm ướt. Sương mù và nước mưa làm nhóp nhúa và xám xịt hết thảy, từ cặp má căng nhiều điều của Lamuydơ, đến cái áo dài như vỏ màu da cam phủ trên lưng Tuylacơ. Nước làm tắt ngấm trong chúng tôi cái vui nặng trĩu mà bữa ăn vừa rồi đã đưa lại tràn đầy. Không gian bị thu hẹp lại. Nổi lên trên mặt đất, nơi cái chết hoành hành, là bầu trời buồn thiu.

Cả bọn đứng chôn chân ở đó, vô công rồi nghề. Qua hết ngày hôm nay sẽ cũng khá vất vả. Biết làm gì cho hết buổi chiều? Ai nấy run lên vì rét, ai nấy đều khó chịu như một đàn súc vật bị ngăn trong hàng rào, chốc chốc họ lại đổi chỗ cho nhau.

Côcôn giải thích cho người bên cạnh vị trí của chiến hào rắc rối. Gã đã được xem một đồ bản chỉ hướng và gã đã tính toán. Trong khu của trung đoàn, có mười lăm đường chiến hào của quân ta. Có những đường đã bỏ không dùng, mọc đầy cỏ và hầu như đất bị lấp bằng. Có những đường khác được tu sửa luôn luôn và lộ nhô những binh sĩ. Những đường hào song song đó nối với nhau bằng vô số đường giao thông ngoắt ngoéo như những đường phố cổ. Mạng lưới chiến hào còn chi chít quá sức tưởng tượng của chúng tôi, những người đương sống ở đó. Trên hai mươi năm cây số đường rộng của mặt trận, kể có đến hàng nghìn cây số đường hào, chiến hào, giao thông hào, hầm ngầm mà quân đội nước Pháp có mười binh đoàn. Vậy thôi về phía Pháp, có độ một vạn cây số chiến hào về phía Đức con số cũng tương tự. Và mặt trận Pháp cũng chỉ có là non một phần tám diện tích các mặt trận trên thế giới.

Côcôn nói thế rồi ngoảnh lại người bên cạnh, kết luận:

- Trong tất cả đó, cậu xem, chúng mình là cái thá gì...

Bacơ thăm hại – bộ mặt thiếu máu của dân ngoại ô với chòm râu dê màu hung gạc ngang, với dùm tóc tỏa xuống như một dấu phẩy – cúi đầu:

- Đúng thế, nghĩ cho kỹ, thì một người lính hoặc nhiều người lính cũng vậy có ra quái gì, chẳng ra quái gì sốt trong đám đông hàng hà sa số. Thế là người ta thấy mình biến chìm, như chỉ là mấy giọt máu trong cái biển mênh mông những người và vật.

Bacơ thở dài và lặng im – Nhờ phút lặng im đó, nghe vắng tiếng thì thầm kể tiếp một câu chuyện:

- Hấn đến với hai con ngựa. Xi... ịt... một tạc đạn. Thế là chỉ còn một con...

Vônpat nói:

- Người ta chán mớ đời.

Bacơ càu nhàu:

- Người ta vẫn cầm cự đấy!

Paradi bảo:

- Phải giữ vững chứ.

Mactorô hỏi, thiếu tin tưởng:

- Sao vậy?

- Chẳng cần giải thích, phải vật là cứ vậy.

Lamuydor khẳng định:

- Chẳng có lý do gì sốt!

Côcôn nói tiếp:

- Có chứ... Đó là vì... Thực ra, nhiều lý do lắm...

- Cầm cái mồm! Tốt hơn hết là không có lý do gì. Chỉ là cứ phải cầm cự thế thôi.

Blerơ giọng trầm, không bỏ lỡ dịp bào không lấp câu quá quen thuộc:

- Cửa đáng tội, chúng muốn cánh ta chết cả nút!

Tiaret nói:

- Lúc đầu, tớ nghĩ lung lắm, đến một đồng chuyện tớ tư lự, tính toán; giờ thì tớ đếch nghĩ nữa.

- Tớ cũng thế...

- Tớ cũng vậy.

- Tớ thì chẳng bao giờ nặn óc.

Mexnin André giọng chanh chua nhạo báng:

- Đồ bẻm mép, mày chỉ giỏi giả đần.

Gã nọ, tự thấy đắc chí, nói rõ ý:

- Trước hết, cậu cũng không thể biết một tý gì.

Viên cai Bctrăng nói:

- Chỉ cần biết một điều, điều duy nhất, đó là bọn Đức hiện cắm rễ ở nước ta, và không thể để chúng đi qua, thế nào cũng có ngày phải tổng cổ chúng càng sớm càng tốt.

- Phải, phải, phải cho chúng cút đi: đứng thế, không sai một ly; chẳng thể còn gì? Tội gì mà bóp đầu vò trán nghĩ này nọ, có điều là lâu đấy.

Fuiat gào lên:

- A! Khỉ ơ! là khỉ! Lâu tí ti thôi.

Bacơ nói:

- Tớ thì không hẳn học nữa. Lúc đầu, tớ học hặc với tất cả mọi người, với bọn ở hậu phương, với bọn thường dân, với người dân địa phương, với bọn phục hậu. Ủ, tớ học hặc, nhưng lúc đó là đầu chiến tranh, tớ còn trẻ. Bây giờ thì tớ xử sự chín hơn.

- Chỉ có một cách xử việc đời là: Gặp sao hay vậy!

- Mẹ kiếp, không thể cũng đến phát điên mất. Cứ thế này thì cũng đủ phát điên rồi phải không Firmanh?

Vônpat đồng tình sâu sắc, gật đầu tán thành, khạc nhổ rồi trở mắt ngây nhìn bãi đờm:

Bacơ nhấn mạnh:

- Cậu nói đúng quá.
- Ở đây, không nên nhìn ngó xa. Cứ sống ngày nào hay ngày ấy, nếu có thể. Giờ nào hay giờ ấy.
- Thằng mặt sành, mày nói đúng đấy. Trên sai gì thì cứ thế mà làm, cho đến bao giờ bảo cút thì ta cút.

Mexin Jôdep ngáp:

- À, thế đấy.

Những bộ mặt chín như như da thuộc, đầy bụi đất, lặng im không nói nữa. Quả vậy, đó đúng là ý nghĩa của những con người, cách đây một năm rưỡi đã bỏ mọi miền đất nước tới tập hợp ở biên cương: đành chịu không tìm hiểu, đành chịu từ bỏ bản chất của mình; ước mong đừng mất mạng và chiến đấu để sống đỡ hơn chút nào hay chút ấy.

Bacơ đi đi lại lại chậm rãi, chân nghiêng bùn:

- Làm tròn phận sự, đúng lắm, nhưng đồng thời phải biết xoay xở, đối phó.

*

* *

Tuylacơ nhấn mạnh:

- Phải làm như vậy, không biết xoay xở thì đừng có hòng, không ai xoay xở thay cho đâu.

- Đâu có cái loài người biết quan tâm đến kẻ khác
- Trong chiến tranh, ai có thân, nấy lo!
- Đúng, đúng.

Một lúc im lặng. Rồi từ trong cảnh thiếu thốn, những con người đó hồi tưởng lại những cảnh thú vị.

Bacơ lại nói:

- Tất cả đó, sao bằng cảnh đời sung sướng hồi ở Xoaxông.
- A! Sướng ời là sướng!

Thoáng nghĩ đến thiên đường đã mất, những cặp mắt sáng lên và hình như cả những bộ mặt bị rét lạnh kích thích cũng vậy.

Tirloa thở dài, thôi không gãi nữa, thờ thần nhìn ra xa, xuyên qua đất hầm:

- Sống thế mới thực lu bù.
- A! Trời ời là trời! Cả cái thành phố đó tản cư gần hết, cánh ta hầu như hoàn toàn làm chủ. Nhà này, giường này...
- Tủ nữa này!
- Cả hầm chứa rượu nữa!

Lamuydơ nghe nói mà đôi mắt rơm rớm, mặt tươi như hoa và lòng thôn thức.

Cadillac mới đến cùng với đội nghiên cứu viện người Ô-véc-nhơ, hỏi:

- Các cậu đóng ở đây có lâu không?

- Hàng tháng.

Thế là câu chuyện gần tắt, lại nở như ngô rang, gọi lại thời kỳ sống sung túc.

Parađi nói như giấc mộng:

- Hồi đó, có những tay lính chuồn dọc theo và phía sau những căn buồng, lúc trở về nơi tạm nghỉ, bao nhiêu là gà buộc quanh mình, mỗi nách cắp một con thỏ mượn chẳng của ông bà nào chẳng biết mặt mà cũng không bao giờ gặp lại.

Thế là anh em lại nhớ đến hương vị xa xăm của thịt gà và thịt thỏ.

- Có những thứ anh em trả tiền hăn hoi. Hồi đó, tiền tiêu như rác. Anh em còn giàu mà.

- Ừ đến hàng triệu. Suốt ngày vung tiền không thể tưởng tượng được. Thật là những thứ hội hè siêu phàm.

Blerơ bảo Cadillac:

- Nói câu tin hay không tùy ý, chứ hồi đó, mặc dầu thế, ở đây cũng như ở khắp nơi chúng ta đặt chân tới, cái thiếu nhất là củi lửa. Cứ phải chạy theo củi, tìm củi, tranh thủ lấy củi. Chà! Cái chuyện chạy theo củi lửa mới mệt làm sao?

- Chúng tớ thì hồi đó ở nơi đóng quân của B.Đ.Đ^[13] tay đầu bếp ở đó hồi ấy là gã Mactanh Xêda to lớn. Hăn thực có tài xoay củi.

- À, đúng, hăn ta thực là một tay cừ. Ai cũng phải nhận hăn có nhiều mảnh khõe.

- Ông bạn ơi, bếp hăn bao giờ cũng có lửa. Ngoài đường hồi đó, ông bạn gặp nhan nhản những tay đầu bếp lăng xăng đi kiếm củi, kêu trời, kêu đất,

rằng củi hiếm, than hiếm. Còn hấn thì hấn đủ củi lửa. Khi hết cái đốt, hấn bảo: “Đừng lo, tớ xoay được ngay”. Và cũng không lâu thật.

- Có thể nói là hấn làm khí quá: Lần đầu tớ gặp hấn trong bếp, có biết hấn đun xúp bằng gì không? Với một cây đàn vi-ô-lông hấn tìm được trong nhà.

Mexin Andrê nói:

- Thế thì đồ bỏ thực. Tớ biết rằng đàn vi-ô-lông cũng chẳng được tích sự gì lắm, nhưng, thế cũng quá...

- Lần khác, hấn dùng những cây gậy đánh bi-a. Tớ chỉ kịp vớ được một cái để làm can, còn hấn đem đun ráo. Sau đó là những ghế bành của phòng khách bằng gỗ đào hoa tâm đều bí mật chui vào lò bếp. Hấn chặt phá ban đêm vì sợ bọn có lon bắt gặp thì sinh chuyện.

Pêpanh nói:

- Hấn làm quá... Chúng tớ thì chỉ phá có một cái tủ cũng đốt được mười lăm ngày.

- Thì tại hồi đó thiếu thốn tất cả mà! Cần nấu xúp mà đếch có củi, đếch có than. Sau đợt cấp phát, đành đứng đực ra đấy, hai bàn tay không trước từng đồng thịt giữa những thằng bạn cứ nhìn mình phớt tỉnh, mà chỉ chờ dịp để chửi mình om tỏi, Thế thì làm thế nào được?

Cái nghề đầu bếp bắt phải thế. Có phải lỗi chúng tớ đâu.

- Bọn sĩ quan thấy đánh xoáy như vậy không nói gì à?

- Thì chính bọn họ cũng thả cửa! Đêmedông này, cậu có nhớ chuyện trung úy Virvanh phá cửa một hầm rượu bằng một phát búa không? Một tay binh nhì trông thấy và trung úy đành cho hấn cái cửa làm gỗ đun, để hấn đừng nói toang ra.

- Lại còn cái anh khốn khổ Xaladanh, sĩ quan hậu cần. Lúc tranh tối tranh sáng, người ta gặp hắn chui dưới hầm nhà lên, mỗi tay hai chai rượu vang trắng. Thật hết như một bà vú ôm bốn tí nhau. Bị lộ, hắn bắt buộc phải trở xuống hầm rượu, lấy thêm phát cho hết thấy mọi người. Chú cai Bectrăng, chúa nguyên tắc, không chịu uống. Đây cái anh bị thịt, cậu còn nhớ chứ?

Cadillac hỏi:

- Thế cái tay đầu bếp giỏi tìm củi lửa, giờ đâu rồi?

- Ngổa rồi. Một cái nồi^[14] đã tương đúng vào trong nồi của hắn. Hắn không bị thương, nhưng khi thấy món mì của hắn tung lên trời, hắn thất kinh mà chết. Lão y sĩ bảo là tim bị kích động mạnh. Tim hắn vốn yếu, hắn chỉ khỏe tìm củi gỗ. Hắn được chôn cất tử tế. Người ta làm cho hắn chiếc quan tài bằng những chiếc ván sàn buồng; người ta đã tháo đinh ở những bức họa để ghép ván và dùng gạch để đóng đinh. Khi người ta khiêng hắn đi, tớ tự bảo:

“Cũng may cho hắn là hắn chết rồi. Nếu còn sống, thấy thế, hắn sẽ tiếc biết bao vì đã không nghĩ đến việc lấy ván buồng ra mà đun.” A! Cái thằng kỳ dị, thằng chó đẻ!

Vônpat giọng triết lý:

- Cánh lính quèn vẫn giỏi xoay sở trên lưng kẻ khác. Khi ta chuồn việc nặng hay giành lấy phần ngon chỗ tốt thì kẻ khác sẽ thiệt thòi.

Lamuydơ nói:

- Tớ lăm lúc xoay sở để khỏi phải ra chiến hào và tớ không tính đã trốn được bao nhiêu lần. Tớ thú thực điều đó. Nhưng khi anh em bị nạn, tớ không tìm cách lợi dụng, không nghĩ đến xoay sở nữa. Tớ quên cả bộ quân phục đang mặc, quên hết. Tớ chỉ thấy có anh em và tớ xông ra. Nhưng nếu không thể, ông bạn ạ, thì tớ nghĩ ngay đến thân xác tớ.

Lamuydor nói thể không phải là suông. Quả thực gã là một tay thiên tài, giỏi lẩn tránh mọi nặng nhọc. Tuy nhiên, gã cũng đã xông pha bom đạn, cứu được nhiều người bị thương.

Gã giải thích sự việc không chút khoe khoang:

- Lúc đó, tất cả anh em đang núp trong cỏ. Đạn bắn dữ dội! Đùng! Đùng! Veo! Véo! Khi thấy anh em bị đạn, tớ nhòm dậy, mặc dầu người ta gào tớ: “Nằm xuống!” Tớ không thể để mặc anh em được. Tớ chẳng có gì đáng khen, vì tớ không thể làm khác được.

Hầu hết anh em trong tiểu đội đều lập được một vài chiến công và những huy chương chiến công lần lượt được gài lên ngực họ.

Bikê nói:

- Tớ thì tớ chưa cứu được người Pháp mình, nhưng đã tóm được những quân Bôtso^[15].

Trong những cuộc tấn công tháng năm, gã đã vượt lên trước, mắt hút như một chấm đen rồi trở về với bốn thằng cha đội cát-két.

Tuylacơ nói:

- Tớ thì tớ đã giết được ít nhiều bọn nó.

Cách đây hai tháng, với cách điệu hãnh diện, gã đã bày ra chín tử thi giặc trước chiến hào mới chiếm được.

Gã nói thêm:

- Nhưng chỉ ghét nhất là bọn quan Đức.

- Chà! Những đồ bò!

Rất nhiều anh em, từ thâm tâm, đã thốt ra câu đó cùng một lượt.

Tirloa nói:

- Nay, ông bạn này, người ta bảo nòi giống bột sọ bản thủ. Lính Đức thì tớ không biết có đúng không, hay người ta bịa ra để bịp chúng ta, hoặc giả, xét cho cùng, họ không phải là những con người đại khái như chúng ta.

Ôđo tiếp:

- Rất có thể họ cũng là những người như chúng ta.

Côcôn kêu lên:

- Chưa chắc!

Tirloa nói tiếp:

- Dầu sao chúng ta không biết rõ về lính. Còn sĩ quan Đức? Không, không, không: chúng không phải là người, mà là những quái vật. Ông bạn ạ, chúng thật là một loài dòi bọ ghê tởm. Có thể nói là những vi trùng của chiến tranh. Phải nhìn sát tận chúng, những thằng ghê gớm, vừa cao vừa cứng, gầy như que củi và đều thuộc loại đầu trâu mặt ngựa.

- Hoặc toàn là một loại miệng hùm nọc rắn.

Tirloa nói tiếp:

- Có một lần, đi liên lạc về, tớ gặp phải một thằng là tù binh. Cái thằng mới ghê tởm làm sao! Một tên đại tá người Phổ, theo người ta nói, là một hoàng thân đấy, có cái huy hiệu quý tộc bằng vàng in trên vật dụng. Trong khi đưa nó đi trong giao thông hào, nó phát khùng vì có người đã dám đi qua chạm phải nó! Và nó cứ vênh cổ lên, dáng hãnh diện nhìn mọi người. Tớ mới tự nhủ: “Cái thằng khi già, chờ đấy, ông thì làm cho mày gằm lên bây giờ!” Rồi, chờ dịp, tớ đứng chững chặc sau lưng nó, ngấm nghĩa cẩn thận, lấy đà hết sức, tống cho một cái móng giò vào mông đấy. Ấy, ấy nó ngã phịch xuống, hầu như tặc thờ.

- Tắc thờ à?

- Ủ, vì nó tức uất lên khi hiểu đầu đuôi, biết rằng cái đít sĩ quan và quý tộc của nó đã bị giầy đinh của một chú lính trơn đá vào. Rồi nó rống lên như một con mụ đàn bà, lấy bầy chân tay như một thằng ngộ gió.

Blerơ nói:

- Tớ thì vốn không ác. Tớ có con thờ và ở nhà, khi phải làm thịt nuôi một con lợn nuôi đã quen, tớ vẫn khó chịu. Nhưng những hạng đó, tớ sẵn sàng xiên cho một lưỡi lê giữa bụng có thằng – Xịch – Thế là xong.

- Tớ cũng vậy.

Pêpanh nói:

- Chưa kể chúng nó có những cái vung^[16] bằng bạc, những súng lục lúc cần có thể bán lại được trăm đồng, những ống dòm lăng trụ vô giá. Chà, tiếc quá. Buổi đầu chiến dịch tớ bỏ mất nhiều dịp may. Hồi ấy, tớ hoàn toàn ngốc nghếch. Đáng kiếp cho tớ. Nhưng đừng lo: Thế nào tớ cũng vớ được cái mũ bạc. Nghe chứ, tớ thề rằng thế nào tớ cũng được một chiếc. Không những tớ muốn cái thần xác mà cả sống áo của một tên đeo lon của Ghiôm^[17]. Đừng lo: trước khi chiến tranh kết liễu, thế nào tớ cũng xoay xong.

- Cậu tin rằng chiến tranh sẽ kết liễu à?

Người kia trả lời:

- Đừng lo.

*

* *

Nhưng đây, phía phải chúng tôi, có tiếng lao xao và đột nhiên nhô ra một tốp người chuyển động ồn ào, những hình thù màu sẫm lẫn lộn với những hình thù nhiều màu sắc.

- Cái gì thế hở?

Bikê đánh liều ra xem; gã trở lại, ngón tay trở qua vai, chỉ cái đám sặc sỡ:

- Ô này! Các cậu, ra mà xem. Có người.

- Có người: Thế nào?

- Ủ, những Ngài, chứ gì. Những chú “xi-vin”^[18] với bọn sĩ quan tham mưu.

- Những vị “xi-vin” à? Miễn là họ cầm cự!

Đó là một sáo ngữ. Nó làm cho người ta phá lên cười, dầu đã được nghe đến trăm lần, dầu sai hay đúng, người lính đã quên xuyên tạc nghĩa gốc của nó và coi nó là một sự xúc phạm éo le đến cảnh đời thiếu thốn và hiểm nghèo của mình.

Hai vị tiến lại, hai vị khoác ba-đờ-xuy, tay cầm can, một vị khác bận quần áo đi săn. Mũ dạ nhung và cầm ống nhòm.

Theo sau họ và hướng dẫn họ là những cái áo dài nhà binh màu xanh nhạt, lấp loáng những da màu nâu hoặc da láng màu xám đen.

Một đại úy giơ cánh tay chói sang một băng lụa thêu vàng với những tia vàng, chỉ cái ghế đứng bần trước một bờ hào xẻ rãnh cũ kỹ, mời các tân khách trèo lên để xem. Vị bận quần áo hành trang chống ô leo lên.

Bacơ nói:

- Các cậu đã được thấy cảnh tượng một trường ga bận lễ phục chỉ một toa xe lửa hạng nhất ở ga miền Bắc cho một nhà đi săn giàu có ngày khai mạc mùa săn giàu có, ngày khai mạc mùa săn: “Thưa ông chủ, mời ngài lên”. Các cậu biết đấy, đúng là cảnh tượng những bọn thượng lưu, quần áo mới toanh, bánh chọe, những da những kền sáng loáng, vênh vào trang bị để đi săn siết lẳng nhăng!

Ba bốn binh nhì võ trang không tề chỉnh, vội lẫn xuống hầm sâu. Bọn khác đứng im như tê liệt, tàu thuốc cũng tắt ngấm, và chỉ còn nghe tiếng xì xào trò chuyện của bọn sĩ quan và tân khách.

Bacơ thấp giọng:

- Đây là những khách du lịch chiến hào.

Rồi nói to hơn: “Ồ đây ạ, thưa các Quý Bà, Quý Ông!” Người ta nói với họ như thế.

Facfađê sợ cái miệng bô bô của Bacơ khiến những nhân vật có thể lực đó chú ý đến, rí tai bảo khế:

- Cậu lùi ra.

Trong tốp người có những đầu ngoảnh về phía chúng tôi. Một ngài tiến về chúng tôi, đầu đội mũ mềm, cà vạt phát phới. Ngài ta có bộ râu bạc, trông ra vẻ nghệ sĩ. Một vị nữa theo sau, áo ba-đờ-xuy đen, mũ mơ-lông đen, râu đen, cà-vạt trắng, kính cặp mũi.

Vị thứ nhất nói:

- À! À! Anh em poa-luy đây rồi. Thật đúng là những poa-luy chính cống.

Ngài đến gần bọn chúng tôi, hơi ngượng nghịu như khi đi xem thú ở Vườn Bách thảo và không khỏi vụng về bắt tay người đứng gần nhất như người ta đưa một mẩu bánh cho voi. Ngài lưu ý các vị khác:

- Ê này, họ uống cà-phê đấy.

Một tay ba hoa cải chính:

- Anh em gọi nó là “nước chắt”.

- Có được không, các ông bạn?

Người lính cũng ngượng nghịu trước cuộc gặp gỡ lạ lùng và ngoại lai này, lâu lâu cười và đỏ mặt, còn ngài kia thì cứ: “Hề! hề!”

Rồi ngài sẽ gạt đầu làm hiệu và lùi trở ra.

- Tốt lắm, tốt lắm các bạn ạ. Các bạn là những người can trường.

Đoàn người, gồm những áo dạ màu nhạt, y phục thường dân xen lẫn những màu tươi bình phục – giống những phong lữ thảo và tử dương hoa giữa mảnh đất tối tăm của một vườn bụi hoa cảnh – chuyển động, đi qua rồi sà sang phía đối diện với chỗ mà lúc nãy họ tới. Một sĩ quan nói: “Thưa các vị nhà báo, chúng ta còn nhiều chỗ nữa nên xem.” Khi cái đám sáng chói đó đã đi khuất, chúng tôi nhìn nhau. Những gã ban nãy chuồn xuống hầm lại từ từ chui lên, đầu ló ra trước. Anh em trấn tĩnh tinh thần và nhún vai.

Tiaret nói:

- Đó là những nhà báo.

- Nhà báo à?

- Phải, những tiên sinh đẻ ra những tờ báo. Cái cậu con tườu này, hình như cậu không hiểu: đã có báo, tất phải có người viết ra nó.

Mactorô nói:

- A! Thế chính bọn chúng vẫn nhồi sọ chúng ta phải không? Bạo làm bộ cầm tờ giấy trước mắt, lên giọng óc và đọc: – Hoàng thái tử Đức phát diên sau khi đã bị giết vào đầu chiến dịch và trong khi chờ đợi, hẳn bị đủ

các loại bệnh mà người ta cầu cho hắn, Ghiôm sắp chết chiều hôm nay và ngày mai sẽ lại chết. Quân Đức hết đạn dược, lương thực, chỉ ăn gỗ; theo những tính toán đáng tin cậy nhất, chúng chỉ có thể cầm cự đến hết tuần. Không cần phải đánh, muốn lúc nào là tóm được chúng lúc ấy. Nếu ta còn chờ đợi ít ngày, chính vì chúng ta chưa muốn xa cuộc sống ở chiến hào; ở đây dễ chịu quá, nào nước, nào hơi đốt, nào hương sen để tắm ở mọi tầng. Chỉ có một điều bất tiện là mùa đông ở đây hơi nóng quá... Còn bọn Áo thì từ lâu đã không cầm cự được nữa: Chúng chỉ làm ra vẻ thôi...” Cứ như thế đã mười lăm tháng rồi và thằng chủ nhiệm bào với bọn bồi bút: “Này các bạn, lia lịa đi chứ, cố mà nặn ra như thế cho tôi trong khoảnh khắc và kéo dài bồi bác đủ bốn trang cho có giấy trắng mực đen”.

Fuiat nói:

- À! Đúng thế!

- Thế nào, bác cai, bác lại cười à? Thế người ta nói có đúng không?

- Cũng đúng ít nhiều, nhưng các chú nói quá. Nếu không có báo thì các chú vêu mồm ra trước hết. Thực thế, khi anh bán báo đi qua, sao các chú đều nhao nhao lên gọi:

- “Tôi! Tôi!”

Lão Blerơ nói to:

- Vả lại như thế thì đã làm sao! Mà cô bồi nhọ báo chí thì ích gì, cứ làm như ta: không nghĩ gì cả.

- Phải, phải, thôi, ngấy lắm rồi. Bọn đầu lừa, sang chuyện khác đi thôi.

Câu chuyện bị phân tán, sự chú ý rời rạc, tản mạn. Bốn chú họp nhau đánh bài cho đến khi chiều tối trông không rõ bài nữa mới thôi. Vônpat cố chụp lấy một tờ giấy thuốc lá vừa lọt khỏi tay gã đang bay lên bay xuống, ngoằn ngoèo trước gió trên vách chiến hào như một con bướm trắng.

Côcôn và Tiaret nhắc lại những kỷ niệm thời còn ở doanh trại. Những năm quân dịch đã để lại trong tâm hồn một ấn tượng không phai nhạt: Đó là một mớ kỷ niệm phong phú tươi màu, lúc nào cũng sẵn sàng và từ mười, mười lăm hoặc hai mươi năm, người ta vẫn quen tìm ở đó những đầu đề trò chuyện... Quen đến nỗi bây giờ tác chiến dưới đủ mọi hình thức đã một năm rồi người ta vẫn tiếp tục gọi lại.

Tôi nghe được một phần câu chuyện của hai người, tôi đoán nốt phần cuối. Chẳng qua, trước sau chẳng có gì khác, vẫn một loại những mẩu chuyện mà những binh sĩ cũ dốc từ quãng đời binh lính quá khứ của mình; người kể chuyện đã từng làm cho một sĩ quan ác nghiệt phải câm miệng bằng những lời lẽ thích đáng và gân guốc. Gã đã dám, đã to tiếng, mạnh bạo mà nói!... Và mẩu lọt vào tai tôi:

- ... Thế ra, cậu tưởng khi Nonoi lẩn tở mà tở chịu hẳn? Không bao giờ ông bạn ạ. Cả bọn đều im thin thít; nhưng tở, nói to: “Thưa ông quân – tở bảo thế – có thể được, nhưng...” (tiếp đến một câu mà tôi không nhớ nữa)...Ồ! Cậu phải biết, tở nói như thế đấy. Nó làm tỉnh và khi chuồn đi, nó bảo tở “Được, được...” Thế rồi từ đó thành ra hẳn với tở.

- Giống kiểu tở với thằng Đôđơ, viên quân của đơn vị 13 hồi tở nghỉ phép. Một thằng chết toi. Hiện giờ nó ở điện Pantông làm người gác ở đây. Nó ghét tở thậm tệ. Thế rồi...

Thế rồi mỗi người trút ra hết những từ ngữ lịch sử của mình.

Bọn họ, anh nào cũng giống anh nào; nhưng không một ai không bảo: “Tở, tở đếch giống kẻ khác”.

*

* *

- Gã đưa thư!

Đó là một người cao, vai rộng, bắp chân to tướng, ăn bận đầy đủ và chải chuốt như một hiến binh.

Gã đương bực mình. Vừa có những lệnh mới và bây giờ hàng ngày, gã phải đến tận bộ chỉ huy của Đại tá để mang công văn giấy tờ. Gã phỉ báng quyết định đó và tưởng như mình bị chùy.

Nhưng, bực mình thì bực mình, gã vẫn theo thói quen đi qua gặp ai cũng trò chuyện với anh này, anh kia một tí, trong khi gọi những viên cai ra lấy thư. Và mặc dầu bực bội, gã vẫn không những giữ riêng tin tức mà gã tú được. Vừa cởi dây gói bó thư, gã vừa làm quà truyền miệng lại mớ tin tức hàng ngày.

Trước hết, gã bảo rõ ràng trên báo cáo có in lệnh cấm không được đội mũ mũ.

Tiaret bảo Tirloa:

- Cậu nghe đây chứ? Thế là bây giờ cậu bắt buộc phải tung cái mũ mũ của cậu đi.

Gã đội mũ mũ, lòng tự ái với lợi ích tiện nghi riêng bị va chạm trả lời:

- Không bao giờ! Tớ không chịu. Lệnh đó không đụng đến tớ được.

- Lệnh của nguyên soái chỉ huy quân đội kia mà.

- Thế thì nguyên soái tổng chỉ huy phải ra lệnh cho trời đừng mưa đã. Tớ nhất định không biết.

Phần lớn những mệnh lệnh ít lạ lùng bằng kiểu trên, vẫn luôn được tiếp đón như vậy... trước khi chấp hành.

Gã đưa thư nói:

- Trong báo cáo, cũng có lệnh phải xén râu. Và đầu tóc cắt cho ngay ngắn.

Bacơ có chùm tóc đỉnh đầu bị lệnh đó trực tiếp hăm dọa nói:

- Đồ béo ơi! Cậu ngậm miệng đi. Cậu tưởng tớ sẽ làm theo thế thì cậu nhầm to. Dứt khoát là không bao giờ.

- Với tớ, cậu nói gì thì nói. Chấp hành mệnh lệnh hay không tùy cậu. Tớ cần đêch gì?

Bên cạnh những tin tức cụ thể, thành văn bản, có những tin tức khác, rộng rãi hơn, nhưng cũng hồ đồ và kỳ cục hơn: Sư đoàn sẽ được thay chân hoặc để đi nghỉ – mà nghỉ thực sự, trong sáu tuần – hoặc đi Ma-rốc, hoặc có thể đi Ai-cập.

- Ê!... Ô!... À!...

Họ chú ý nghe. Họ xiêu lòng trước uy thế của cái mới, cái lạ. Nhưng có người hỏi gã đưa thư:

- Ai bảo cậu thế?

Gã chỉ rõ những nguồn tin:

- Viên quản chỉ huy đội hậu bị phụ trách phụ dịch ở T.H.D. của Q.Đ.

- Ở cái gì?

- Ở Tổng hành dinh của Quân đoàn. Và không phải chỉ mình viên ấy nói. Cậu biết chứ, có cả cái chú mà tớ đã quên tên: Hấn ta giống chàng Ganlơ mà không phải là Ganlơ. Lại còn cả cái anh nào chẳng biết trong gia đình hấn ta mà, mà giữ chức gì cũng chẳng biết nốt. Nhờ thế tớ mới biết tin đây chứ.

- Rồi sao nữa?

Họ ngồi đấy, quay thành vòng tròn quanh người kể chuyện mắt thêm khát.

- Cậu bảo chúng tớ sang Ai-cập hử? Tớ không biết Ai-cập là đâu cả: Tớ chỉ biết hồi còn bé, còn đi học thì ở đó có những Pharaông^[19]. Nhưng từ bấy đến giờ!...

- Ở Ai-cập...

Ý nghĩ dần dần in sâu vào trí não...

Blerơ nói:

- Ở không, vì tớ dễ say sóng... Nhưng chẳng sao, say sóng cũng chóng khỏi. Được, nhưng không biết mẹ nó nghĩ sao?

- Làm thế nào? Rồi bà ấy quen đi chứ! Cậu sẽ thấy đầy đường phố những người da đen và những chim lớn, nhiều như bên ta gặp chim sẻ?

- Nhưng không cần phải sang Andát à?

Gã đưa thư nói:

- Có, Ở Ngân khố^[20] có những tay tin như thế.

- Với tớ, thế cũng được.

... Nhưng lý trí và kinh nghiệm thu được đã thắng và xua đuổi sự mơ mộng. Người ta đã quả quyết bao nhiêu lần rằng sắp đi xa, bao nhiêu lần người ta đã tin thế và bao nhiêu lần đã ngã ngựa! Vì thế, tất nhiên, đến một lúc nhất định, người ta tỉnh mộng.

Tất cả, toàn là tin vịt. Nhiều tin vịt quá rồi. Hãy chờ đã rồi hãy tin – và đừng băn khoăn mảy may.

Họ trở về chỗ mình, đây đó vài người trong tay cầm một lá thư nhẹ bồng, nhưng quan trọng.

Tirloa nói:

- À, tớ phải viết thư mới được. Tớ không thể để tám ngày liên không biết. Thế đây, chả làm thế nào được.

Ôdo nói:

- Cả tớ nữa, tớ phải viết cho cô vợ bé nhỏ.

- Mariet vẫn mạnh giỏi chứ?

- Vâng, vâng, chả phải lo cho Mariet.

Mấy gã đã ngồi để viết thư. Bacer đứng, tờ giấy trải trên một quyển sổ con trong một hộc lõm trên vách, hình như đương lúc cảm hứng. Gã viết, viết mãi, đầu nghiêng xuống, mắt đắm chiều, dáng điệu bị thu hút hết như một kỵ sĩ đang đà phi ngựa.

Lamuydor vốn không có trí tưởng tượng, khi đã ngồi xuống, đặt tập giấy lên đôi đầu gối êm, thấm nước miếng vào bút chì mực thì cứ loay hoay đọc lại mãi nhưng lá thư cuối cùng đã nhận được, không biết viết gì thêm ngoài những điều gã đã viết và cứ vò đầu muốn viết thêm những điều khác.

Một vẻ dịu hiền của tình cảm như tỏa trên mặt gã Ôdo nhỏ bé, ngồi thu hình trong một kiểu khảm bằng đất. Gã suy nghĩ, bút chì cầm tay, mắt dán vào tờ giấy; dáng mơ mộng, gã nhìn, gã ngắm nghía, gã trông và một bầu trời khác nào kia như chiếu sáng vào gã. Tầm mắt gã hướng vào phía đó. Gã vươn mình đến tận quê nhà.

Thời gian viết thư là thời gian người ta sống lại thời xưa nhiều hơn và khoái hơn cả. Nhiều anh em thả mình vào dĩ vãng và trước hết, nhắc đến miếng ăn miếng uống.

Dưới những vỏ ngoài thô kệch, tối tăm, ở nhiều kẻ khác, những trái tim để một kỷ niệm lên tiếng thầm thì kể lể và gọi lại những ánh sáng xa xưa: một buổi sáng mùa hạ, khi màu xanh mát rượi của khoảng vườn hòa vào khắp màu trắng toát của căn phòng thôn dã, hoặc khi trên đồng nội, gió dồn

từng đợt chậm và mạnh vào cánh đồng lúa mì, và cạnh đó, lay động lúa mạch trong một khoảng ruộng vuông vẫn từng đợt mau lẹ và nhỏ nhẹ. Hoặc một buổi chiều mùa đông, một cái bàn, xung quanh quây quần những phụ nữ vẽ hiện từ, một cây đèn dịu dàng, ánh sáng êm ả tỏa dưới chân đèn.

Trong khi đó, lão Blerơ lại đem chiếc nhẫn ra làm nốt. Lao đã quàng cái vòng nhôm chưa thành hình vào một đầu gỗ tròn rồi lấy dũa mài. Lão chăm chú vào công việc, hết sức suy nghĩ, hai nét răn hằn trên trán. Thỉnh thoảng dừng lại, ngẩng đầu lên, dịu dàng nhìn cái vật nhỏ đó như là nó cũng biết nhìn lại lão.

Có một lần, nhân làm một cái nhẫn khác, lão bảo tôi: Cậu phải hiểu rằng đây không phải là vấn đề làm khéo hay không. Điều quan trọng là đây tớ làm cho vợ tớ, hiểu chưa? Khi tớ rảnh rồi, khi tớ lười nhác, tớ lại nhìn cái ảnh này (lão chia ra tám ảnh một mẹ đàn bà béo trực, má phỉnh), thế là tớ lại dễ dàng bắt tay vào cái nhẫn khi này. Có thể nói là hai vợ chồng tớ cùng làm lên nó, cậu hiểu chưa? Chúng có là cái nhẫn đã đánh bạn với tớ và khi tớ gửi nó lại cho mẹ đỡ, tớ đã từ giã nó.

Bây giờ lão làm một cái nhẫn khác. Trong đó có cả đồng. Lão hăng say lắm. Đó chính là trái tim lão muốn thổ lộ ra càng rõ càng hay và hăm hở lao vào công việc nắn nót đó.

Trong những lỗ đất tro trọi này, bọn họ, những người kính cẩn nghiêng mình trên những thứ trang sức nhẹ bồng, thô sơ và bé nhỏ đến nỗi bàn tay to cứng của họ cảm khó khăn và đành để lọt, nom càng man rợ, càng nguyên thủy và càng có vẻ “con người” hơn trong mọi cảnh khác.

Người ta liên tưởng đến người sáng chế đầu tiên, thủy tổ của những nhà nghệ sĩ, đã gắng gửi gắm vào những đồ vật lâu bền cái hình dáng mà họ trông thấy và cái linh hồn mà họ cảm thấy.

*

* *

Bikê vốn hay lưu động, đóng vai người canh cổng^[21] trong khu chiến hào của chúng tôi báo tin:

- Có một bọn sắp qua đây. Cả một nút người.

Đúng ngay lúc ấy, một viên quan, lưng da thắt ở bụng, quai da ở cằm, nhô ra, tay vung võ kiếm.

- Các người kia, dẫn ra. Thế nào, ta đã bảo dẫn ra mà. Các người đứng cà-răng đây à... Mau lên, phối! Ta không muốn thấy các người trong lối đi này nữa, nghe chưa?

Anh em loạc choạc tránh. Vài gã ở phía hai bên, chậm chậm tụt dần xuống đất.

Đó là một đại đội hậu bị làm công tác dọn đất ở phòng tuyến thứ hai và tu sửa giao thông hào mặt sau của khu vực. Họ xuất hiện, trang bị đầy dụng cụ, áo quần tiêu tụy, kéo lê từng bước đi.

Người ta nhìn họ, từng người một tiến lại gần, đi qua rồi khuất hẳn. Đó là những người già, nhỏ bé khảng khiu, má xam xám gio, hoặc những tay to xác mà yếu người, bó chặt trong những áo ca-pốt bạc màu và nhem nhuốc, mất cúc, há hốc như những cái mồm hết răng.

Tiaret và Bacơ, hai gã láu tôm, co mình đứng dựa vào vách, trước còn im lặng trừng trừng nhìn họ. Bỗng hai gã mỉm cười.

Tiaret nói:

- Cuộc diễn binh của lính quét.

Bacơ báo tin:

- Anh em sắp được cười đùa ba phút.

Vài gã lao công già đó trông nôn cả người. Một lão đi trong hàng ngũ, hai vai trĩ xuống như cổ chai, lồng ngực lép kẹp, chân cẳng khăng khiu và bụng thì lại to.

Bacơ không nhìn được nữa, liền nói:

- Ê này, lão Bụng Phệ.

Thấy một cái áo ca-pôit vá chằng vá chịt đủ các màu xanh đi qua, Tiaret nhận xét:

- Cái áo lạ kỳ.

Gã gọi giật lão lính cự:

- Này, bố “mẫu vải hàng”... Rồi gã nhấn mạnh: Này, cái anh kia, ấy, bảo này.

Lão lính quay lại nhìn gã, miệng há hốc:

- Bố ơi bố, bố có ngoan thì cho con biết địa chỉ anh thợ may Luân-đôn của bố.

Bộ mặt già nua đầy vết nhăn cười gằn – nhưng rồi lão lính nghe lời Bacơ gọi, dừng chân một chút, lại bị làn sóng người theo sau xô đẩy đi.

Sau mấy bộ mặt loảng xoảng vô vị hơn, lại một nạn nhân khác đi tới để bị chế giễu. Trên cái gáy đỏ và sần sùi, một thứ lông cừu bần thủ mọc lên. Đầu gối gập xuống, mình nghiêng về đằng trước, lưng còng, người lính hậu bị này đứng không vững. Tiaret trở vào hăn, reo lên:

- À này! Con người dàn xếp trứ danh đấy^[22]. Gặp phiên chợ thì phải mất tiền mới được xem gã. Ở đây thì đêch phải tiền.

Hăn lau bầu chửi rửa, còn anh em đây đó thì cười rộ. Thế cũng đủ để làm cho hai ông bạn lấu tôm càng hứng thú phóng ra những câu pha trò

trong đám quần chúng dễ tính, nhạo báng những cái lỗ lã của bọn lính già nua đó đang ngày đêm vất vả bên lề cuộc đại chiến để chuẩn bị và tu sửa những chiến trường.

Và cả những khán giả khác cũng cười lây. Đã khôn khổ, họ còn giễu cợt những kẻ khôn khổ hơn mình.

- Này, ngắm thằng này – và thằng kia nữa, kia!

- Úi dào, thì mày hãy ngắm cho tao hình dạng của thằng lùn kia. Ê! Cái thằng xa trời kia! Ê!

- Lại còn cái thằng bất tận kia^[23]. Thật là một kiểu nhà chọc trời. Này lại thằng kia nữa, đáng nhìn đấy. Ủ, mày đáng nhìn đấy, bố già ạ!

Người lính mà người ta đang nói đến, đi từng bước cầm cái cuốc nhô ra đằng trước kiểu cầm một cây nến, mặt cau có, mình nghiêng hẳn về phía trước, cứng lại vì bệnh đau lưng.

Khi y đi tới vừa tầm, Baco vỗ vai y, hỏi:

- Này! Ông nội, đãi hai xu, lấy không?

Người lính sói đầu, phật ý, càu nhàu: “Đồ vô lại”.

Thế là Ba cơ rít lên:

- Đồ mặt địt, đồ cút đái, mày lại không lễ phép được một chút à.

Người lính già, chuyển hẳn mình lại, nổi xung, lúng lúng.

Baco vừa cười vừa reo lo:

- Ê, này, cái đồ rế rách đấy, nó gằm gừ đấy. Anh em coi, nó thích sinh sự đấy và nếu nó chỉ trẻ lại sáu mươi năm thì hẳn nó hung dữ ra trò.

- Và nếu nó không say mềm nhỉ.

Pêpanh thêm vào vô tội vạ, và đưa mắt lùng những nạn nhân khác trong làn sóng người đang đi đến.

Người ì ạch cuối cùng trong bọn họ đi đến với bộ ngực lép kẹp và khuất dần với cái lưng còng.

Cuộc điều binh của bọn lính cự đã mòn mỏi, nhem nhuốc vì sống trong chiến hào, kết thúc giữa những bộ mặt châm biếm mỉa mai và hầu như độc ác của cái bọn người ở lỗ thê thảm đó đang thập thò ló ra trong những hang bùn.

Thời gian trôi qua. Buổi chiều bắt đầu làm tối bầu trời, nhuộm đen mọi vật, hòa lẫn với cái định mệnh mù quáng đồng thời với tâm hồn tối tăm đốt nát của đám quân chúng đang bị chôn vùi ở đó.

- Trong ánh hoàng hôn, có tiếng chân người bước; lại tiếng lao xao và một toán khác len lách tới.

- Quân tabo^[24].

Họ điểu qua, mặt xám xỉ, vàng hoặc nâu, bộ râu lơ thơ hoặc chổi xể, hoặc quăn quăn. Áo ca-pốt họ xanh vàng, mũ cát bột bùn mang huy hiệu hình bán nguyệt, khác huy hiệu lựu đạn của chúng tôi. Trên những khuôn mặt phèn phẹt hoặc trái lại, xương xương và sắc sảo, sáng bóng như đồng xu, mắt họ giống như những hòn bi bằng ngà và mã não. Chốc chốc, trong hàng ngũ, bộ mặt than đá của một tân binh người xứ Xê-nê-gan lác lư, cao hần hơn đầu bọn khác. Đi cuối đại đội là một lá cờ con màu đỏ có hình một bàn tay xanh ở giữa.

Người ta nhìn họ. Người ta lặng im, không ai cất tiếng. Họ oai nghiêm và còn làm người ta hơi sợ nữa.

Tuy nhiên bọn người Châu Phi đó có vẻ vội và hoạt bát. Tất nhiên là họ đi ra tiền tuyến. Đó là vị trí của họ. Cuộc hành quân này là dấu hiệu một

trận tấn công rất gần. Họ là lính dành để xung phong.

- Quân này với đại bác bảy năm ly, có thể nói là những ân nhân của cánh mình. Ở nơi nào cũng thế, sư đoàn lính Maroc này luôn được tung ra trước, trong những trường hợp quyết định.

- Họ không thể ăn nhịp với cánh ta. Họ tiến nhanh quá và không thể gì cản họ lại...

Trong cái đám quỳ sứ bằng gỗ vàng, bằng đồng, hun hoặc gỗ mun đó, có kẻ thì nghiêm nghị; mặt nhìn phát sợ im lìm, hệt như những cạm bẫy. Có kẻ lại cười, tiếng cười lạnh lạnh hệt như tiếng những nhạc cụ kỳ quặc của thứ âm nhạc ngoại lai, và họ há mồm trông thấy cả răng.

Và người ta kể lại những đặc điểm của lính Ả-rập: cái hăng tiết lúc xung phong, sự say sưa dùng lưỡi lê đâm giết, cái tính thích không bao giờ tha giết kẻ thù. Anh em nhắc lại những chuyện mà tự họ ưa kể và tất cả hầu như cùng dùng những từ ngữ và cử chỉ giống nhau: Họ giơ tay: “Cảm-rách, Cảm-rách!” “Không, chẳng cảm-rách gì hết!” rồi họ ra hiệu phóng lưỡi lê đâm ngang tầm bụng, rồi rút về, rút từ đùi lên nhờ chân đạp.

Một tân binh đi qua, nghe chuyện, nhìn chúng tôi, toác miệng cười dưới vành khăn chụp mũ ở trên và lặp lại, lắc đầu ra hiệu bảo không: “Chẳng cảm-rách, không cảm-rách đâu, chẳng bao giờ! chặt đầu ngay!)”.

Bikê, anh chàng chưa bao giờ biết sợ, cũng phải thú nhận:

- Với bộ da kiêu vãi bạt căng lều, quân này quả thực thuộc một giống người khác bọn ta. Cậu biết không, hễ phải nghỉ ngơi là chúng cẩu. Chúng chỉ sống để chờ lúc sĩ quan bỏ đồng hồ vào túi và nói: “Tiến lên, tiến!”

- Xét cho cùng, đó là những người lính chính cống.

Lamuydơ hộ pháp nói:

- Chúng ta thì không phải là lính đâu, chúng ta ấy à, chúng ta là những con người.

Trời đã tối, nhưng câu nói chính xác và trong trẻo đó mang lại như một luồng sáng cho những kẻ có mặt ở đây để đợi chờ, đợi chờ từ sáng nay và từ hàng tháng nay.

Họ là những con người, những con người lương thiện, bình thường, đột ngột bị tách ra khỏi cuộc đời. Cũng như bất kỳ ai trong đám quần chúng, họ dốt nát, ít hăm hở, tầm mắt hẹp hòi nhưng giàu lý trí thô thiển, đôi khi cũng có đi làm đường; họ dễ dàng để cho kẻ khác dẫn dắt, sẵn sàng làm cái mà người ta bảo làm, biết chịu đựng khó nhọc và có thể bền bỉ chịu cực chịu khổ.

Đó là những con người giản dị, đã được giản dị hóa hơn nữa và vì sức mạnh của hoàn cảnh, chỉ có những bản năng nguyên thủy là phát triển: bản năng sinh tồn, tính ích kỷ, hy vọng bền bỉ được luôn luôn thoát chết, vui thích được ăn, được uống và được ngủ.

Thình thoảng từng cơn, những lời kêu nhân đạo, những rung động sâu sắc thốt ra từ chỗ âm u và vắng lặng của những tâm hồn lớn lao trong con người của họ.

Khi đã tối hẳn, bắt đầu trông không thật rõ nữa, thì đằng xa có tiếng rầm rì rồi một mệnh lệnh vang lên to hơn, lúc lại gần:

- Bán trung đội hai! Tập hợp!

Người ta xếp hàng. Điềm danh bắt đầu.

Lão cai hộ:

- Tiến!

Mọi người cất bước. Đến trước kho dụng cụ thì dừng lại, giậm chân tại chỗ. Người ta phát cho mỗi người một cái xẻng hoặc một cái cuốc. Một hạ sĩ quan giơ tay áo trong bóng tối:

- Anh này, một cái xẻng. Xong, phối. Anh này, cùng một cái xẻng, còn anh, một cái cuốc. Nào nhanh lên, còn để chỗ cho người khác.

Anh em theo cái giao thông hào thẳng góc với chiến hào má đi ra, đi thẳng về phía trước, tới cái biên thù lưu động, sinh động và khủng khiếp hiện giờ.

Trên bầu trời xám, một phi cơ, không nhìn thấy nữa, hỗn hển thở giạt từng hơi mãnh liệt, quay vòng tròn sà xuống, làm động cả khoảng không. Phía trước, bên phải, bên trái, khắp nơi, tiếng sấm sét làm tóe nổ giữa bầu trời xanh đậm những luồng chớp nhoáng.

III – LÙI QUÂN XUỐNG NÚI

Ánh bình minh nhạt mờ chiều cảnh vật chưa rõ hình và còn tối. Một mảnh ruộng nằm trải giữa con đường dốc, phía phải từ bóng tối xuôi xuống và giữa khu rừng Alơ tối đen như đám mây, nơi nghe mà không thấy những xe cộ của đoàn xe quân lương đang chuẩn bị và lăn bánh. Chúng tôi, anh em ở tiểu đoàn 6, đến đây lúc gần sáng. Chúng tôi xếp súng thành bó, và bây giờ giữa khoảng đất tròn lơ mờ sáng đó, chân ngập trong sương mù và trong bùn, chúng tôi đóng quân thành từng tốp đen tối phớt xanh hoặc lẻ tẻ từng bóng đơn độc, tất cả đều quay đầu nhìn con đường đồ dốc ở đằng kia. Chúng tôi chờ bộ phận chốt của trung đoàn. Tiểu đoàn 3, trước ở phòng tuyến thứ nhất đã rời chiến hào sau chúng tôi.

Tiếng ồn ào...

- Họ đến kìa!

Một đám đông dài lù mù hiện ra ở phía tây và nhô ra như từ đêm tối trong cái tranh tối tranh sáng của con đường.

Thế là xong! Cái cuộc chuyển quân đáng nguyên rủa đó, bắt đầu từ sáu giờ chiều hôm qua, kéo dài suốt đêm; đến nay thì người sau rốt đã đi khỏi giao thông hào cuối cùng.

Chuyến đóng quân lần này ở chiến hào thực khủng khiếp. Đại đội 18 lúc đó ở hàng đầu; quân số đã bị tổn thất nặng: mười tám người bị giết, khoảng năm chục bị thương, tính ra trong bốn ngày, cứ ba người thì mất một. Mà không phải bị vì giáp kích, chỉ toàn vì oanh tạc.

Anh em biết thế, và khi tiểu đoàn bị hại nặng đến gần phía đằng kia lúc chúng tôi gặp nhau, chân bì bõm trong bùn ruộng, người này nghiêng vào người kia để nhận ra nhau.

- Hừ, 18!

Tự bảo thế, anh em lại nghĩ: “Cứ thế này mãi, chúng ta sẽ ra sao tất cả? Riêng mình thì sẽ ra sao...?”

Đại đội 17, đại đội 19 và đại đội 20 lần lượt đến và xếp súng thành bó.

- Kia, bọn 18!

Đại đội này đến sau cùng: đóng ở chiến hào đầu, họ được đổi vị trí sau rốt.

Ngày đã hơi rạng, cảnh vật trở màu xám nhạt. Người ta nhận được đại úy chỉ huy đại đội một mình dẫn đầu binh lính đang xuôi đường dốc. Ông ta chống gậy, bước đi khó khăn, vết thương cũ ở trận La Macnơ lại tấy lên vì bệnh tê thấp và vì một nỗi đau đớn khác nữa. Mũ mấn trùm tai, ông cúi đầu mà đi như theo sau một đám ma: người ta thấy rõ là thực sự ông đang đi đưa ma vậy.

Đại đội đã tới.

Đoàn người tiến đến, rất lộn xộn. Chúng tôi bỗng thấy nhói trong lòng. Trong cả tiểu đoàn vừa đi qua, Đại đội này rõ ràng ngắn hơn ba đại đội kia.

Tôi ra đường cái và tiến lại gần những anh em của đại đội 18 đang đi tới. Binh phục của những kẻ sống sót này đều một sắc vàng hoe vì màu đất, nhìn hệt như đồ kaki. Da thì đã bị bùn nâu khô đi làm cho cứng queo. Những tà áo ca-pốt lộ cộc như những mảnh ván đập vào lớp đất vàng chát trên đầu gối họ. Mặt mũi mọi người hốc hác, đen đui, mắt thao láo và như đương lên cơn sốt. Bụi bặm và ghét bẩn làm cho mặt mày thêm dãn deo. Tiếng ồn ào nổi lên nhưc ọc giữa bọn lính mới rời cái địa ngục khủng khiếp lên đó. Họ tranh nhau nói oang oang, khoa chân khoa tay, cười và hát.

Trông họ, chẳng khác gì một đám quần chúng trong một hội hè tràn lên đường cái!

Đây là trung đội hai với viên thiếu úy cao lớn, áo ca-pốt khít quanh một thân hình cứng đờ như cái ô quần chặt. Vừa theo đoàn quân, tôi thích cánh

để chen lên, tới tận tiểu đội Macsan là tiểu đội thiệt hại nặng nhất: trong số mười một anh em ở đó, nổi khổ với nhau từ một năm rưỡi nay, chỉ còn ba người với viên cai Macsan.

Macsan thấy tôi, thốt một tiếng vui mừng và nở nụ cười. Anh bỏ quai da súng ra, bắt tay tôi, ở một tay anh vắt vẻo cái can dùng trong chiến hào.

- Này, anh bạn cô tri, khá không? Đạo này thế nào?

Tôi ngảnh mặt đi và nói khẽ:

- Thế nào, gay go lắm nhĩ...

Đột nhiên anh sầm mặt lại, vẻ nghiêm trọng:

- Ủ, có thể, cậu ạ, lần này thật khủng khiếp. Bacbiê đã bị giết.

- Tớ cũng nghe nói thế... Bacbiê!

Macsan kể:

- Lúc đó là 11 giờ đêm thứ bảy. Bacbiê bị đạn đại bác bóc mất một mảng lưng như bị lưỡi dao cạo rọc. Betxơ bị một mảnh đại bác xuyên qua bụng và dạ dày. Bactêlêmy và Bôbê bị đạn ở đầu và ở cổ. Suốt đêm, anh em chạy trong chiến hào, từ góc này sang góc kia để tránh những làn đạn. Cậu biết thằng Gôđôfroay chứ? Khúc giữa mình hắn bị bay đi, bao nhiêu máu trong mình chỉ một lúc trào ra sạch, như một thùng nước bị đổ nhào. Nó bé thế mà kỳ quá, ra bao nhiêu là máu; máu chảy thành một suối dài ít nhất là năm mươi thước trong chiến hào. Cunha, hai chân bị mảnh đạn bửa nát. Khi vực được gã, gã chưa chết hẳn. Chỗ ấy là trạm quan sát^[25]. Lúc ấy, tớ cùng phiên gác với bọn họ. Nhưng khi viên đạn rơi, tớ vừa đi vào mé trong chiến hào hồi giờ. Lúc quay lại thì thấy khẩu súng mà tớ để tại chỗ như bị bàn tay nào bẻ gấp làm đôi, nòng súng cong queo như cái mở nút chai, một nửa bóng súng vụn ra như cám. Mùi máu tươi sặc nôn người.

- Và cả thằng Môngđanh nữa, phải không?

- Hấn thì chết vào sáng hôm sau, tức là hôm qua trong cái hầm công cộng mà một “chiếc nôi” đã làm sụp. Hấn đang nằm và ngực bị bẹp. Cậu có nghe nói chuyện thằng Francô nằm cạnh Môngđanh không? Hầm sụt làm hấn gãy sống lưng, khi bới được hấn và đặt ngòì trên đất, hấn còn nói được. Hấn nghiêng đầu về một bên, nói: “Tôi chết mất”, và hấn tắt thở. Cùng với hai đứa, còn có cả thằng Vigin. Thằng này thì mình mấy không thương tích gì nhưng cái đầu thì hoàn toàn bẹp dí, bẹp như một cái bánh đa, và to tướng rộng như thế này này. Nhìn hấn đặt nằm dài trên đất, đen đũi và hình dạng khác hấn, cứ tưởng như đó là bóng của hấn; cái bóng mà ban đêm khi xách đèn đi ta thường thấy trên mặt đất.

- Vigin thuộc lớp lính 13, còn quá trẻ! Môngđanh và Francô đầu đã có lon vẫn là hạng người rất tốt. Ông bạn Macsan ơi! Thế là mất thêm mấy tay bạn thân cố cựu.

Macsan nói:

- Đúng thế.

Nhưng Macsan bị một đám đông bạn hữu gọi và hỏi han tíu tít. Anh vung vẩy, trả lời những câu chế giễu của họ và cả bọn vừa cười vừa xô đẩy nhau.

Tôi nhìn hết bộ mặt này đến bộ mặt khác. Tất cả đều vui vẻ và ngoài những nét dãn vì mệt nhọc và vì cái bẩn thỉu của đất cát, tất cả lộ vẻ đắc chí.

Úi chao! Nếu ở tiền tuyến mà họ được phép uống rượu, thì tôi sẽ bảo: “Bọn họ say tuốt cả rồi”.

Tôi tìm bắt chuyện với một người trong bọn sống sót này.

Hấn đang lầm rầm hát, chân nhẹ nhàng bước theo nhịp, như những kỵ binh trong dân ca: đó là gã lính trống Vandecbo.

- Này, cậu Vandecbo, thế nào, cậu có vẻ hỉ hả lắm nhỉ!

Hắn, xưa nay vốn trầm lặng, gào lên:

- Lần này vẫn chưa đến lượt: tớ hãy còn đây, thấy chưa!

Và với cử chỉ hung hăng của một thằng điên, gã thoi cho tôi một quả vào vai.

Tôi hiểu...

Những anh em đó sung sướng, mặc dầu mới ở địa ngục ra, chính vì họ vừa ra khỏi được địa ngục. Họ trở về, họ đã thoát chết. Một lần nữa, thần chết có mặt ở đây, đã chừa họ. Thay phiên nhau, cứ sáu tuần một lần, mỗi đại đội phải ra tiền tuyến! Sáu tuần! Những binh lính của cuộc đại chiến này, trong việc lớn cũng như việc nhỏ, đều có một triết lý ngây thơ: không bao giờ họ nhìn xa chung quanh họ, hoặc đằng trước họ. Họ chỉ suy nghĩ gần như tạm bợ từng ngày. Hôm nay, mỗi người trong bọn họ lại vững dạc được sống thêm một mẫu thời gian nữa.

Vì vậy mặc dầu mệt mỏi đến kiệt sức, mặc dầu vẫn còn vấy máu vì cái cuộc bắn giết vừa qua, mặc dầu bao bạn đồng đội đã gục xuống quanh mình, mặc dầu hết thảy, mặc dầu cả bản thân họ, họ vui như hội vì thoát chết, họ hưởng nổi vinh quang còn được đứng thẳng.

IV – VÔN PAT VÀ FUIAT

Đến chỗ trú quân, anh em kêu:

- Này Vônpat đâu nhỉ?

- Và cả Fuiat nữa, đâu rồi?

Hai gã đã bị tiểu đoàn 5 trưng dụng và đưa lên tiền tuyến. Lẽ ra phải gặp lại hai gã ở vị trí trú quân. Nhưng không thấy gì. Tiểu đội mất mát hai người!

Viên đội rống lên:

- Khi ời là khi? Cho mượn người thì thế đấy!

Đại úy được tin, chửi rửa, giục:

- Phải tìm ra cho tôi đủ hai anh ấy. Phải tìm ra ngay tức khắc, tìm đi!

Facfađê và tôi đương nằm trong buồng chứa rơm, im không cựa quậy và sắp lịm vào giấc ngủ thì bị lão cai Bctrăng hò dậy:

- Đi mà tìm Vônpat và Fuiat.

Chúng tôi vội vàng đứng dậy, rùng mình lo lắng ra đi. Hai đồng đội của chúng tôi bị tiểu đoàn 5 điều đi, đã bị cuốn vào cảnh thay phiên góm ghê vừa rồi. Ai biết được hai gã giờ ở đâu và số phận hiện ra sao!

... Chúng tôi leo lên sườn đồi. Lại bắt đầu đi ngược lại con đường dài đã đi từ mờ sáng đến tối. Dầu không có hành lý, chỉ mang có súng trường và đạn, cũng thấy mệt lử, buồn ngủ, tê dại giữa cánh đồng buồn thiu dưới bầu trời mù mịt sương. Chẳng mấy chốc, Facfađê thở hỏn hên. Lúc đầu, gã có chuyện trò mấy câu, rồi vì mệt mỏi, gã phải làm thỉnh. Gã vốn gan dạ nhưng khảng khiu; trong cả cuộc đời trước đây của gã, gã chưa hề quen sử

dụng đến bộ giò, trong văn phòng tòa thị chính, từ thuở mới thụ phép ban thánh thể lần đầu, gã chỉ có ngồi cạo giấy giữa cái lò sưởi gang và những công chức già tóc hoa râm.

Khi chúng tôi ra khỏi rừng để vừa trượt vừa lội bì bõm chui vào khu hào giao thông, thoáng thấy hai bóng người gầy nhỏ hiện ra ở phía trước. Hai anh lính đi đến: chỉ trông rõ cái bọc tròn gói đồ lễ và súng của họ. Hai thân hình lão đảo hiện rõ thêm:

- Chúng đây rồi!

Một trong hai bóng người, đầu trắng to tướng, băng bó chằng chịt.

- Có một thằng bị thương! Vônpat đây!

Chúng tôi chạy lại. Đế giày bì bõm trầy trật trong bùn dính xộp, đạn bị xóc, lách cách trong bao.

Hai đứa dừng lại chờ chúng tôi khi đến vừa tầm:

Vônpat kêu lên:

- Mau mắn thế!

- Cậu bị thương à?

Gã hỏi lại:

- Gì hử?

Vải băng quanh đầu dày quá khiến gã không nghe được. Phải kêu to mới lọt được vào tai gã. Chúng tôi đến gần, kêu lên, gã mỗi trả lời:,

- Có quái gì việc đó. Chúng tôi từ trong cái hồ mà tiểu đoàn 5 đặt ở đó từ hôm thứ năm trở về đây.

Facfadê, giọng the thé như giọng đàn bà, để lọt qua lớp bông che tai của Vonpat, thét lên:

- Các cậu ở lì đó mãi từ hôm ấy sao?

Fuiat trả lời:

- Phải rồi, khỉ ơ là khỉ! Chúng tớ ở lì đây. Cậu tưởng rằng không có lệnh trên, dễ thường chúng tớ dám chấp cánh mà bay hoặc lia bốn vó mà tẩu hần?

Nhưng, cả hai đã ngồi phịch xuống đất. Đầu Vonpat, bịt kín những vải, một nút to ở đỉnh, để lộ bộ mặt vàng vàng, đen đen, giống một cái ba lô bần thủ.

- Các cậu đã bị bỏ quên, tội nghiệp chưa!

Fuiat kêu lên:

- Một tí thôi! Họ bỏ quên chúng tớ có một tí tẹo thôi! Bốn ngày bốn đêm trong hố đạn đại bác, trên thì đạn bay như mưa, dưới thì thêm sắc mùi cứt.

Vonpat nói:

- Còn phải bảo! Đó không phải là một trạm quan sát bình thường, người đi kẻ lại luân phiên đều đặn. Đó chỉ là một hố đạn đại bác, giống hết những hố đạn đại bác khác, không hơn, không kém. Ngày thứ năm, họ bảo chúng tớ: “Cứ nấp ở đây và bắn luôn tay”. Họ bảo chúng tớ thế. Hôm sau, thật ra thì cũng có một tên liên lạc của tiểu đoàn 5 ló mũi đến, hỏi: “Các cậu làm trò khỉ gì ở đây!” “À thì...! Chúng tớ bắn mà; người ta bảo chúng tớ bắn thì chúng tớ bắn. Họ đã ra lệnh bắn, tất phải có lý do. Chúng tớ chờ được lệnh làm việc khác hơn là cứ bắn thế này”. Thằng cha bỏ đi, hần đại gì mà ở lại chỗ bom đạn. Hần còn nói: “Cẩn thận đây!”

Fuiat tiếp:

- Cả hai anh em có độc một cái bánh, một xô rượu, mà đại đội 18 đã phát cho khi vào hố bố trí và cả một hòm đạn nữa. Chúng tớ bắn hết đạn, uống sạch rượu. Chỉ giữ phòng xa vài viên đạn và một mẩu bánh kem; rượu thì hết nhẵn.

Vônpat nói:

Chúng tớ tính nhâm. Về sau khát quá. Này, các cậu cho biết có gì uống không?

Facfadê trả lời:

- Tớ còn một ca rượu.

Fuiat chỉ vào Vônpat:

- Cho hẩn đi. Vì hẩn mất máu. Tớ chỉ khát thôi.

Vônpat run lấy bầy. Trong cái bọc giẻ to tướng quần vào đầu, đôi mắt tí hí đỏ ngầu vì sốt.

Gã vừa uống vừa nói:

- Dễ chịu quá.

Gã nghiêng ca, dốc xuống đất giọt rượu cuối cùng vì phép lịch sự, nói tiếp:

- À! Chúng tớ còn tóm được hai thằng Đức. Chúng bò trên cánh đồng, lở dỏ sa vào hố chúng tớ, thật mù như như kiểu chuột chũi mắc cạn. Chúng tớ gói ghém chúng cẩn thận, thế là xong. Sau khi bắn liên ba mươi sáu tiếng đồng hồ thì sạch đạn. Chúng tớ lắp nốt đạn vào súng rồi ngồi chờ trước hai thằng tù binh gói ghém kia. Thằng cha liên lạc, lúc trở về, quên không báo cáo là có chúng tớ ở đây. Còn các cậu, ở đơn vị 6 thì lại quên không đòi chúng tớ về. Đại đội 18 cũng quên nốt. Chỗ chúng tớ chẳng giống một trạm quan sát đông người lui tới, luân phiên thay đổi nhau đều đặn như ở cơ quan hành chánh, đành phải chờ đó cho đến khi trung đoàn trở về. Cuối

cùng, bọn lái thương ở đoàn 204 đến sục sạo trên cánh đồng tìm thương binh mới báo cáo là còn chúng tớ. Thế rồi, người ta ra lệnh cho chúng tớ rút lui ngay tức khắc, người ta bảo thế đấy. Chúng tớ bèn nai nịt, vừa cười rộ vì cái “ngay tức khắc” đó. Cởi dây những thằng Đức, đem chúng nộp cho đơn vị 204. Thế là chúng tớ về đây.

“Dọc đường, lại còn vớt được một anh đội chúi mũi trong một cái hố, không dám lộ ra vì anh chàng đã bị súng nổ làm chấn động thần kinh. Anh em đã mắng cho hắn một mẻ, nên hắn đỡ ngón ngắn hơn và đã cảm ơn chúng tớ. Tên hắn là đội Xaxecđốt.”

- Còn vết thương của ông bạn thì thế nào?

- Bị ở hai tai. Một “cái nôi”, một cái nôi kích sù cậu ạ, nổ như sát ngay mình, có thể nói là đầu tớ lọt giữa những mảnh trái phá, nhưng vừa sát sạt thế là bị ở tai.

Fuiat nói:

- Cậu mà trông thấy, hắn tởm lắm. Hai cái tai lủng lảng. Chúng tớ có được hai băng cá nhân và bọn tải thương cho thêm một gói. Thế là hắn quán cả ba quanh đầu.

- Đưa đồ đạc chúng tớ mang cho, về đi thôi.

Facfadê và tôi chia nhau lệ bộ của Vônpat. Fuiat khát nước đến sa sầm mặt, bứt rứt, cầu nhàu, và bướng bỉnh, nhất định cứ mang lấy súng ống, đồ đạc.

Chúng tôi từ từ bước đi. Đi mà không phải xếp hàng, bao giờ cũng thủ. Rất ít dịp được đi như vậy nên thấy lạ và thấy khoái. Một luồng gió tự do bỗng làm bốn chúng tôi trở nên vui vẻ. Anh em đi trong cảnh đồng như đi ngoạn cảnh.

Vongạt hãnh diện nói:

- Chúng mình là bọn nhàn du đây!

Khi đến chỗ ngoặt đầu dốc, gã bắt đầu có những ý nghĩ lạc quan.

- Cậu ạ, dầu sao, đây là vết thương may mắn. Nhất định là tớ sẽ được đưa về hậu phương.

Mắt gã nhấp nháy và sáng lên ở giữa cái cục tròn và trắng to tướng lắc lư trên đôi vai – ở chỗ hai tai, đều có vết máu đỏ đỏ.

Phía dưới xa, nơi có làng mạc, vọng lại tiếng chuông 10 giờ. Vônpat nói:

- Tớ đếch cần giờ giấc. Thời gian đi qua, chả còn can hệ gì đến tớ.

Gã đâm ra liên tưởng. Một cơn sốt nhẹ làm lời nói của gã thêm sinh động và dồn dập theo nhịp bước chậm rãi mà gã đã biết mùi khoan khoái.

- Chắc chắn là người ta sẽ in cho tớ một cái nhãn đỏ trên áo ca-pốt và đưa tớ về hậu phương. Thế là, tớ sẽ được một anh chàng thật lễ phép đưa đi và nói với tớ: “Đi mé này, rồi rẽ sang bên kia... Thế!... anh bạn tội nghiệp ạ.” Rồi trạm xá lưu động, rồi đoàn xe y tế với những bà Hồng thập tự nâng niu dọc đường như họ đã từng nâng niu thằng Crapôlê Juylo, rồi bệnh viện ở hậu phương. Giường thì trải nệm trắng tinh, một lò sưởi gang cháy, phù phù giữa đám anh em, một loại người chỉ chuyên có việc chăm sóc chúng tớ, chúng tớ chỉ việc xem họ làm, những đôi dép quy định và một cái bàn đêm: có đủ đồ đạc! Và trong những bệnh viện lớn, miếng ăn, chồn ở đều đầy đủ. Tớ sẽ ăn những bữa thật ngon, tớ sẽ tắm rửa. Có gì là tớ hưởng tuốt. Lại còn những thức ngon của ngọt mà muốn hưởng không cần phải tranh giành nhau, đánh nhau chí mạng. Tớ sẽ nằm soải hai bàn tay trên giường, hai bàn tay nhàn rỗi, giống như là những cửa lịch sự – như những đồ chơi của trẻ em ấy mà! – và dưới chân, đôi cẳng chân sưởi thả cửa từ trên xuống dưới, ngón xòe ra như bó hoa tím^[26].

Vônpat ngừng lại, lục tìm, móc ở túi cùng với cái kéo Xoaxông nổi tiếng, một vật gì và đưa tôi xem:

- Này, cậu đã thấy cái này chưa?

Đó là tấm ảnh vợ và hai con trai gã, đã nhiều lần gã cho tôi xem. Tôi nhìn và gật gù khen.

Vônpat nói:

- Tớ sẽ được nghỉ dưỡng sức và trong khi đôi tai tớ liền lại, vợ con tớ sẽ nhìn tớ, tớ sẽ nhìn vợ con. Và giữa lúc tai tớ mọc lại như cây rau xà-lách thì các cậu ạ, chiến tranh, chiến tranh sẽ tiến tới... Quân đội Nga... Biết thế nào mà nói được!...

Tự ru mình trong cái viễn cảnh vui tươi, suy nghĩ hẳn ra miệng, gã đã cách biệt với chúng tôi trong nỗi hoan hỉ riêng của mình.

Fuiat kêu lên:

- Đồ giặc! May may mắn quá, thằng giặc ạ!

Sao khỏi thèm muốn được như gã? Gã sắp bỏ đi một hoặc hai hoặc ba tháng, và trong thời gian đó, không còn phải phơi thân ra chỗ nguy hiểm, không còn bị cực khổ, gã sẽ hóa thành một tay tọa hưởng.

Facfadê nói:

Lúc đầu, khi thấy có kẻ ước ao “vết thương may mắn”, tớ cho là khiếm. Nhưng dù sao, nói gì thì nói, giờ thì tớ hiểu rằng đó là điều duy nhất mà một tên lính khốn khổ không điên rồ có thể ao ước.

*

* *

Chúng tôi sắp đến gần làng. Đi vòng quanh khu rừng. Khi đến góc rừng, chợt một hình dáng phụ nữ hiện ra sắp bóng. Ánh mặt trời làm thành một vầng sáng quanh người. Cô ta đứng sững ở một mép rừng, cây cối phía sau kết thành một tấm phong gồm những nét dài tím tím. Mình thon, đầu tóc

vàng nhạt sáng rực; giữa gương mặt xanh, thấy rõ những nốt đen của đôi mắt mênh mông. Con người lộng lẫy đó nhìn chúng tôi chằm chằm, hai chân run lẩy bẩy, rồi đột nhiên đi sâu vào rừng, chói lòa như một bó đuốc.

Sự ấn hiện đó kích động mạnh Vônpat. Gã quên lửng mất cái câu chuyện đương nói.

- Người đàn bà này quả là một con nai cái!

Fuiat nghe không ra, cãi:

- Không phải. Tên cô ta là Uđôxi. Tớ đã gặp rồi nên tớ biết. Một người tản cư, chả biết ở đâu đến. Chỉ biết cô ta hiện ở Gămbanh với một gia đình.

Vônpat nhận xét:

- Cô ta gầy và đẹp. Giá được gần một tối thì cũng thú – một miếng ngon, thịt gà to đấy... Mắt cô mới lạ sao!

Fuiat nói:

- Cô ta thật kỳ quặc. Không ở yên được một chỗ. Chỗ nào cũng thấy cô ta dẫn mớ tóc vàng của mình đến. Rồi lại phối, mất tắm hơi. Và cậu phải nhớ, cô ta không biết nguy hiểm là gì. Lắm lúc lém phếng đến tiền tuyến. Người ta từng thấy cô chờn vờn ngoài cánh đồng trước chiến hào. Kỳ quặc thật.

- Kìa, cô ta đấy, lại hiện đấy. Mắt cô không rời bọn chúng ta. Hay cô để ý đến anh em mình?

Cải hình người, vẽ bằng những nét sáng ngời, giờ phút đó càng điểm tô cho lẽ rừng dầu kia thêm đẹp.

Vônpat, lại hoàn toàn bị ý nghĩ được về hậu phương xâm chiếm, tuyên bố:

- Tớ thì tớ đếch cần đàn bà.

- Dầu sao, trong tiểu đội ta, cũng có anh mê tí cô. Này, nói đến chó sói thì...

- Thấy nó lộ đuôi ra.

- Chưa đâu, gần lộ thôi... Trông!

Từ một khu cây thấp, mé phải chúng tôi, cái mõm của Lamuydor, giống hệt một con lợn lòi màu nâu, xuất hiện và thò dần ra.

Gã đương theo vết cô nàng. Gã trông thấy cô, đứng dừng lại, rồi như bị thu hút, lao mình lên. Nhưng khi nhảy xổ vào cô ta, gã chạm trán với bọn chúng tôi.

Nhận ra Vônpat và Fuiat, Lamuydor hô pháp reo lên vui sướng. Lúc này, gã chỉ nghĩ đến chuyện giằng lấy những bị, những súng, những túi dết.

- Đưa tất cả đó cho tớ! Tớ đã nghỉ ngơi chán rồi. Nào, đưa đây!

Gã muốn mang hộ tất. Facfadê và tôi sẵn sàng đưa cho gã những đồ lễ của Vônpat, còn Fuiat thì đã hết sức, đành chịu rời những túi dết và cây súng.

Lamuydor biến thành một đồng đồ lễ lưu động. Dưới cái gánh nặng to tướng và cồng kềnh, gã bị khuất hẳn người, gập mình xuống, chỉ bước được từng bước ngắn.

Nhưng chúng tôi cảm thấy gã còn bị một ý nghĩ cố định ám ảnh và gã luôn nhìn ngang nhìn ngửa. Gã tìm cô gái mà hồi nãy gã định xông tới.

Mỗi lần dừng chân để buộc chặt lại một hành lý, để thở và chùi mồ hôi nhòe chảy ra, gã lăm lét đưa mắt nhìn cái góc chân trời và lục soát vỉa rừng. Nhưng nào thấy cô ta.

Tôi thì tôi lại trông thấy cô. Và lần này tôi có cảm giác là chính cô để ý đến một người trong bọn chúng tôi.

Cô hiện ra nửa người, đằng kia, phía bên trái, trong bóng cây xanh của cánh rừng. Một tay vịn một cành cây, cô nghiêng mình, lộ rõ đôi mắt âm thầm và bộ mặt xanh xao, được ánh sáng rọi chiếu cả một bên, mặt cô như mang một vầng trăng lưỡi liềm. Tôi thấy cô mỉm cười.

Liếc theo hướng mắt cô đã làm tiết lộ tâm sự cô, tôi bắt gặp, phía sau chúng tôi một tí, Facfađê cũng đang mỉm cười tương tự.

Rồi cô lẩn vào bóng lá cây, hiển nhiên là mang theo cả nụ cười sòng đôi đó...

Thế là tôi khám phá được sự ăn ý giữa người thiếu nữ lang thang thướt tha và mảnh dẻ, không giống hẳn một ai đó, với anh chàng Facfađê, cũng khác biệt hẳn chúng tôi, mịn màng mềm mại, và ẻo lả như một cây tử đinh hương. Lẽ tất nhiên...

... Lamuydơ chả thấy gì sốt. Bị vướng những hành lý mang hộ cho Facfađê và tôi, nên gã như mù tịt, chỉ lo giữ gánh nặng khỏi trông trành và bện nhìn xuống đất tìm chỗ đặt đôi bàn chân nặng trĩu.

Tuy nhiên gã có vẻ khổ sở. Gã rên rỉ, nghệt thở vì một điều ưu tư buồn trĩu và nặng nề. Qua tiếng thở hổn hển của lồng ngực gã, tôi như cảm thấy tim gã đập nhanh và mạnh. Nhìn kỹ Vônpat đầu bịt kín bông băng và anh chàng to lớn, mãnh liệt, đầy huyết lực kia, lúc nào cũng đeo đẳng cái dục tình vĩnh cửu nó cắn rứt, mà chỉ riêng gã biết nó sắc bén đến đâu, tôi tự nhủ là trong hai người, kẻ bị thương nặng hơn lại không phải là Vônpat như người ta nghĩ.

Cuối cùng, chúng tôi về đến làng.

Fuiat bảo:

- Sắp được uống rồi.

Vônpat nói:

- Tớ sắp được đưa về hậu phương.

Lamuydơ phì phò:

- Hợ... hợ...

Bọn bạn đồng đội reo lên, chạy tới, tụ tập ở một khoảng đất nhỏ trước ngôi nhà thờ có hai tháp chuông bị đạn đại bác tàn phá đến nỗi không thể nhìn từ phía trước nữa.

V – CHỖ TRÚ QUÂN

Con đường cái nhọt nhọt chằng dặc lên giữa rừng khuya bị những bóng đen làm tắc nghẽn rất lạ lùng. Hình như một phép thần kỳ đã làm cánh rừng lan ra đó và lẫn đi, trong dày đặc của đêm tối. Đó là trung đoàn đang đi tìm một chỗ trú quân mới.

Những hàng người nặng nề, chồng chất hàng đồng hành lý ngổn ngang đang lẫn mò xô đẩy nhau: Mỗi đợt sóng người, bị đợt sau đẩy tới, lại va vào đợt trước. Phía hai bên, những hình bóng nhẹ nhõm hơn của bọn hạ sĩ quan đi tách riêng. Nghe lăm râm những tiếng hò nhau, những mẩu câu chuyện, những lệnh truyền, tiếng ho và tiếng hát, tất cả cái đó lẫn lộn, cất lên từ đám đông dày đặc giữa những bờ đường. Tiếp theo những tiếng ồn ào đó là tiếng chân bước lạo xạo, tiếng lách cách của những vỏ lưỡi lê, những ca, những bi đông sắt, tiếng ầm ầm và chan chát của sáu mươi cỗ xe thuộc đoàn xe binh lương và đoàn xe của trung đoàn đi theo hai tiểu đoàn. Cái khối người đang nện gót và kéo dài ra trên đường dốc đông đảo đến nỗi, mặc dầu bầu trời đêm bao la vô tận, người ta vẫn tưởng như chìm đắm trong cái mùi hôi chuồng nhốt sư tử.

Đi trong hàng, chẳng ai thấy gì hết; đôi lúc, nhân hàng ngũ chùng lại, có đụng ngay mũi vào thì cũng bắt buộc phải nhận ra ánh sáng tây của chiếc cà-mèn, ánh thép xanh của cái mũ sắt, ánh thép đen của khẩu súng. Có những lúc nhờ ánh sáng chời chang của một cái bật lửa, hay ngọn lửa đỏ của một que diêm nhỏ xíu chiếu ra, thấy được, ở bên kia những nét nổi bật gần gũi và rục rờ của những tay và mặt, hình bóng của từng loạt vai đội mũ lô nhô, chập chờn như những làn sóng chạy lên tấn công cái bóng tối khổng lồ. Rồi lại tắt ngấm. Và trong khi chân cứ bước thì mỗi người đi phải dán mắt bất tận vào chỗ ánh chùng là lưng người đi trước.

Sau nhiều lần nghỉ chân, mỗi lần nghỉ lại để rơi mình trên cái xác, bên những bó súng – cứ có hiệu còi là phải kết súng thành bó, vội vàng đến phát sốt nhưng cũng chậm chạp đến bức người vì phải mò mẫm trong bóng tối đen như mực – ánh bình minh đã ló, tỏa dần ra và xâm chiếm không gian. Bóng tối, như những bức tường lơ mờ, đổ sụp. Một lần nữa, chúng tôi lại

gặp cái quang cảnh vĩ đại của buổi bình minh, mở ra trên cái bầy người lang thang bất tận của chúng tôi.

Cuối cùng, chúng tôi qua khỏi cái đêm hành quân đó như bước qua những vòng đồng tâm từ bóng tối kém phần dày đặc, đến tranh tối tranh sáng rồi đến ánh sáng lờ mờ. Chân dờ lại như gỗ, lưng ê ẩm, vai tê dại. Mặt mày vẫn xám xịt, đen đui; có thể nói chật vật lắm mới thoát khỏi bóng đêm, – thoát được rồi cũng không thể nào rũ sạch được.

Lần này, cái đàn người đồng đều và đông đảo này sắp đến nghỉ ngơi ở một chỗ trú quân mới. Nơi sắp phải sống tám ngày là nơi nào? Có lẽ (vì cũng chẳng ai biết đích xác) là Gôsanh Labê. Anh em hết lời khen:

- Hình như vùng ấy tươi hết sức!

Giữa cái chạng vạng của buổi sớm mai, trong hàng ngũ anh em mà người ta bắt đầu đoán được những hình thù và nét mặt, nhận được những bộ mặt cúi gằm, những cái miệng há hốc ra ngáp, nghe nổi dậy những tiếng nói chêm vào:

- Cái chỗ trú quân này thật không tiền khoáng hậu. Có bộ tư lệnh Lữ đoàn, có cả tòa án binh. Có các cửa hàng, thức gì cũng đủ.

- Có lữ đoàn thì chắc là thơm lắm.

- Theo cậu thì sẽ tìm được bàn ăn cho tiểu đội chứ?

- Tớ đã bảo: gì cũng có tất!

Một gã “tiên tri báo gở” lắc đầu:

- Cái thứ chỗ trú quân mà ta chưa đến bao giờ, nó ra thế nào thì tớ không biết. Tớ chỉ biết là rồi thì cũng giống các chỗ khác thôi.

Không ai tin lời gã. Thoát khỏi cơn sốt âm ỉ của đêm tối, càng tiến về phương Đông, trong không khí giá lạnh để đi tới phía làng xóm mới sắp chói lòa ánh sáng mặt trời, hình như ai cũng thấy đó là một loại đất lành...

*

* *

Vừa tỉnh mơ thì đi đến một khu nhà còn yên giấc ngủ trong sương mù dày xám ở chân đồi.

Đây rồi!

Chao! Thế là đã đi tắt cả hai mươi tám cây số trong đêm trường. Nhưng, sao vậy! Vẫn còn phải đi. Lại qua khỏi những khu nhà lần lượt khuất trong đám sương mù vô hình, trong tấm màn khâm liệm những bí mật.

- Hình như còn phải đi lâu. Đằng kia, đằng kia cơ! Như những cái máy, chúng tôi bước đi. Tứ chi đờ đẫn, đau như dằm; khớp xương kêu răng rắc khiến người kêu oai oái.

Trời sang chậm. Màn sương mù bao phủ mặt đất. Trời rét đến nổi, ngay cả những lúc nghỉ chân, anh em tuy mệt lử vẫn không dám ngồi, cứ đi đi lại lại như những bóng ma trong cái ẩm ướt mờ đục.

Gió buốt mùa đông quất vào da thịt, quét xua những lời nói, những tiếng thở dài.

Cuối cùng, cái màn sương mù bao phủ chúng tôi, làm chúng tôi ướt sũng, đã bị mặt trời chọc thủng. Thật giống một cánh rừng tiên xuất hiện giữa những đám mây mặt đất.

Cả trung đoàn vươn vai, thực sự tỉnh giấc, nhẹ nhàng ngẩng những bộ mặt trong ánh bạc nhuốm vàng của tia sáng đầu tiên.

Rồi, thật nhanh, mặt trời trở nên gay gắt. Thế là không khí lại thật oi bức.

Đi trong hàng ngũ, anh em thở gấp, đổ mồ hôi và tiếng càu nhàu lại càng nhiều hơn lúc nãy, khi hai hàm răng lập cập và sương mù xoa cái khăn

ấm ướt của nó lên mặt và vào tay người.

Cái miền đi qua trong buổi sáng oi bức này là đất phấn vôi.

- Đồ chó chết! Ở đây chúng nó lát đường bằng những đá vôi.

Con đường trở nên loá mắt và bây giờ trở thành một dải mây khô kiệt, toàn những vôi và bụi trải lên trên hàng ngũ chúng tôi và cọ vào người khi chúng tôi đi qua.

Mặt mũi anh em đỏ ngầu, bóng nhẫy và sáng loáng, có những mặt ứ máu có vẻ như bột vadolin; có những má và trán trát một lớp xám quánh lại và nứt nẻ. Bàn chân trông chẳng còn ra bàn chân, hình như vừa lội trong thùng vữa thợ nề. Xắc, súng phủ đầy phấn trắng và đoàn chúng tôi kẻ dài ở hai bên bờ đường một vệt màu sữa trên đôi bờ cỏ. Khổ nữa là:

- Sang phải! Có đoàn xe!

Anh em vội vàng, cứ phải xô đẩy nhau, tránh sang phải. Đoàn xe vận tải – một chuỗi dài những xe thật lớn, hình vuông, chạy như bay trong tiếng ầm ầm ma quái – đang đâm bổ trên đường. Thật đáng nguyên rủa! Chúng đi đến đâu là tấp tểnh đầy những bột trắng bám trên mặt đất bốc lên và quạt cả vào vai chúng tôi.

Thế là chúng tôi như khoác một tấm màn xám nhạt, mặt như mang thứ mặt nạ nhợt nhạt, có phần dày hơn ở lông mày, ria mép, râu cằm và trong những kẽ nhăn. Thành ra chúng tôi như vừa là mình, vừa là những ông cụ già kỳ dị.

Tiaret nói:

- Sau này, khi bọn mình già, thì cũng xấu như thế này thôi.

Bikê nhận định;

- Cậu phun ra khói trắng.

Lúc nghỉ chân đứng yên, chúng tôi giống hệt như những dây tượng thạch cao lơ lửng ra đời chút vẻ người.

Lại lên đường. Không ai nói nữa. Anh em mệt. Mỗi bước là chập vật, khó khăn. Mặt mày nhảu nhó, những nét cau có kết lại dưới cái lang hủi bằng bạc của bụi đường. Sự cố gắng mãi không thôi khiến chúng tôi co quắp mình mấy ngấp tràn một nỗi mệt nhọc buồn bã và kinh tởm.

Cuối cùng mới gặp cái “ốc đảo” mà chúng tôi từng mãi miết theo đuổi: bên kia một ngọn đồi, trên một ngọn đồi khác cao hơn, những mái nhà lợp đá đen trong những chùm cây lá xanh tươi màu rau xà-lách.

Làng đó rồi. Mới nhìn thấy chứ chưa đi đến nơi. Trong giờ lâu, trung đoàn càng bò tới gần thì như thấy nó càng xa ra. Cuối tốt cùng, lúc mười hai giờ trưa mới đến chỗ trú quân, lúc này nó đã bắt đầu trở nên hư ảo và huyền hoặc.

Trung đoàn, bước đều, súng trên vai, tràn vào đến tận bờ đường phố Gôsanh Labê. Phần lớn những làng trong quận Padơcale chỉ có một phố. Nhưng phố thế nào! Thường dài hàng mấy cây số. Ở đây, đường phố lớn độc nhất đến trước trụ sở làng thì tách đôi làm thành hai phố khác, cả làng là một chữ Y to rộng, đôi bên viền không đều những mặt nhà thấp.

Bọn lính xe đạp, những sĩ quan, những viên hầu cận tách khỏi cái khối dài chuyển động. Rồi, cứ tiến dần thì từng tốp chui vào những công kho chứa rơm; bao nhiêu nhà ở còn dùng được phải dành cho sĩ quan và các văn phòng. Tốp chúng tôi, lúc đầu được dẫn đến cuối làng – rồi vì có sự hiểu lầm giữa bọn hậu cần – lại được đưa trở lại đầu làng, nơi chúng tôi đã vào hồi nãy.

Đi lại như vậy mất khá nhiều thời gian. Tiểu đội bị lôi kéo từ bắc sang nam rồi từ nam sang bắc, ngoài nỗi mệt nhọc ghê gớm và sự cẩu kính phải đi lại vô ích, anh em nóng ruột đến sôi sục. Muốn thực hiện được dự định ôm ấp từ lâu là tìm, hoặc thuê được, ở nhà dân một chỗ có kê bàn để tiểu đội có nơi ngồi ăn uống, điều căn bản là phải nhận xong chỗ đã và được buông thả ra càng sớm càng tốt. Chúng tôi đã nói nhiều đến việc có bàn ăn

và những điều tiện lợi của nó. Chúng tôi đã bàn định, đã góp tiền, đã quyết định lần này phải lao vào khoản chi tiêu phụ đó.

Nhưng có thực hiện được không? Nhiều nhà ở đã bị chiếm chỗ. Chúng tôi không phải là những kẻ độc nhất mang đến đây niềm ước mơ tiện nghi đó, thế thì phải chạy đua tìm bàn... Ba đại đội còn đến sau chúng tôi nhưng bốn đại đội khác đã đến trước rồi. Nào những pô-pôt^[27], không công khai chính thức của bọn y tá, thư ký, lái xe, hầu cận v.v... và những pô-pôt chính thức của hạ sĩ quan, của trung đội, biết thế nào hết được. Cả bọn đó nhiều thế lực hơn những tay lính trơn của đại đội, lại được đi lại dễ dàng và nhiều phương tiện hơn, ắt có thể thực hiện sớm kế hoạch. Và khi từng tốp bốn người một chúng tôi tiến đến cái kho chứa rơm dành cho tiểu đội, đã thấy những tay trong bọn nông nghênh ấy lộ ra ngưỡng cửa những nơi vừa chiếm cứ, đang loay hoay quét dọn.

Tiaret bắt chước tiếng bò rống, dê kêu.

- Chuồng đầy rồi!

Một kho chứa rơm khá rộng. Rơm cắt vụn, khi bước chân lên thì bụi lậm, phảng phất mùi chuồng tiêu. Nhưng được cái cũng kín đáo. Chúng tôi chọn chỗ và cởi bỏ khí giới, quân trang.

Những gã trước đây đã từng nhiều lần mơ mộng một thiên đường đặc biệt, lại một lần nữa vỡ mộng.

- Bảo này! Theo tớ thì đây cũng tệ như những nơi khác thôi, phải không, các cậu.

- Thì cũng tám lạng với nửa cân.

- Ủ, đúng cái số chó chết.

- Tất nhiên rồi.

Nhưng đâu phải lúc chuyện vẫn đề mất thời giờ. Phải xoay xở thật nhanh để vượt trước bọn khác. Hệ thống ở đây có chữ X (xoay xở) phải mở hết tốc lực. Anh em ai nấy vội vã. Dầu lưng đau, gối nhức vẫn phải hăm hở cố gắng đến kiệt cùng để hòng được một tuần ăn ở dễ chịu.

Tiểu đội chia thành hai tốp, ba chân bốn cẳng, một đi về phía phải, một đi sang trái, trong cái đường phố đã chật ních những lính rối rít, tìm tòi – bọn nào cũng quan sát nhau, dè chừng nhau... và đều vội vàng. Đã vài chỗ, vì chạm trán nhau, sinh ra xô xát, chửi bậy.

- Chúng mình phải bắt đầu ngay ở phía đằng kia; không thì tro khác bây giờ!...

- Tớ có cảm giác như là một cuộc ác chiến vô hy vọng giữa anh em binh lính, trên những đường phố trong làng chúng ta vừa chiếm lĩnh.

Mactorô nói:

- Đối với chúng ta, chiến tranh là luôn luôn vật lộn và đánh đấm, luôn luôn, không ngừng.

Anh em gõ hết cửa này đến cửa khác, rụt rè tự giới thiệu, coi mình như một món hàng ế đi chào bán. Một gã lên tiếng:

- Thưa bà, bà có còn một xó xinh nào cho anh em binh sĩ không? Chúng tôi sẽ trả tiền tử tế.

- Không ạ, đã có các sĩ quan – hoặc: hạ sĩ quan rồi – hoặc là: đây đã làm chỗ ăn tập thể của nhạc binh, của các thầy thư ký, của những bưu viên, của những ngài Y tế lưu động v.v.

Thất vọng chồng lên thất vọng. Anh em lại lần lượt đóng những cửa anh em vừa hé mở, và đứng ngoài ngưỡng cửa nhìn nhau, đôi mắt mỗi lúc một thêm ngao ngán.

Bacơ lầu nhàu:

- Trời là trời! Mày xem rồi chả tìm được đích gì đâu. Bao nhiêu là quân thổ tả cùng tranh phần trước chúng ta. Lũ chúng toàn là những thằng đều!

Khắp nơi, đám người càn nhung nhúc. Ba đường phố đều đem ngòm người, theo nguyên tắc những bình thông. Anh em gặp những dân sở tại: những người già hay những người không ra hồn người, tay chân co quắp, bộ mặt đẽ non, hoặc những tên trai trẻ phảng phất cái bí mật của những bệnh kín hay của những quan hệ chính trị. Trong bọn lòng khướu thì có những bà già và rất nhiều thiếu nữ béo phịch, má phúng phính, dáng đi lạch lè như bầy ngỗng trắng.

Có một lúc, giữa hai ngôi nhà, trong một lối nhỏ, tôi thoáng thấy một bóng đàn bà đi qua ngõ tối.

Chính là Ôđôxi! Ôđôxi, cô gái nhanh nhẹn như con nai mà trước đây, trong cánh đồng, Lamuydơ như một con yêu tinh trong rừng lũng sâu, và vào cái buổi sáng đưa Vônpat bị thương, và Fuiat về, cô lại hiện ra, nghiêng mình bên mé rừng, gắn bó với Facfadê bằng một nụ cười chung.

Chính là cô mà tôi vừa trông thấy, giống như một tia sáng mặt trời trong lối nhỏ. Rồi cô lẩn vào sau một bức tường dày; nơi đó lại rơi vào bóng tối. Té ra, cô ta đã ở đây rồi! Lạ thật! Cô đã theo chúng tôi trong suốt cuộc di cư vừa dài vừa vất vả này. Cô đã bị hấp dẫn.

Thực tình, cô đã bị hấp dẫn, bị lôi cuốn: tuy chỉ trong nháy mắt, tôi cũng thấy rõ bộ mặt cô với mớ tóc sáng quắc quanh, trông nghiêm trang, mơ màng, tư lự.

Lamuydơ, theo sát gót tôi, mà không trông thấy cô. Tôi cũng chẳng nói gì với gã. Cũng chẳng mấy chốc gã sẽ nhận ra cái ngọn lửa tươi đẹp đó mà gã trút cả tâm hồn vào, trong khi nó tránh gã như một đám lửa ma trôi. Và chẳng, hiện nay, chúng tôi đang bận rộn. Phải chiếm cho bằng được cái xó xinh hăng thềm ước. Với một nghị lực vô hy vọng, anh em lại tiếp tục đi lũng, Bơ lơ lơi chúng tôi đi. Gã rất quan tâm làm cho bằng được. Gã run lên và cả nhúm tóc bám bụi của gã cũng rung rinh. Héch mũi ra đằng trước, gã hướng dẫn chúng tôi đi. Gã đề nghị chúng tôi thử tấn công vào cái cửa màu vàng trông thấy đằng kia. Tiến bước, nào!

Gần cái cửa màu vàng, chúng tôi gặp một hình người đang cúi: Blero, một chân đặt trên một cái móc đá đang dùng dao cạo đất ở đế giày khiến đất phần rơi là tả... Trông lão như một tay đang điêu khắc.

Bacơ giễu:

- Chưa bao giờ chân cậu được trắng thế nhỉ.

Blero trả lời:

- Không nói đùa nhớ. Cậu có biết cái xe con khi ấy nó ở đâu không?

Lão giải thích thêm:

- Tớ phải đi tìm cái xe chữa răng để họ móc cho tớ cái hàm ấy vào và nhổ nốt những răng sâu còn lại. Phải, hình như nó đỗ đâu đây, cái thứ xe và hàm răng ấy mà.

Lão gấp dao, đút túi và bỏ đi theo bức tường, bụng cứ bần khoăn cái việc làm tái sinh hàm răng của mình.

Một lần nữa, chúng tôi lại giờ trò tán tỉnh của bọn ăn xin.

- Chào bà, thưa bà, bà còn một xó nhà nào để anh em có thể ngồi ăn uống được không? Anh em sẽ giả tiền, sẽ giả tiền, vâng, đúng thế.

- Không có.

Qua cái ánh sáng nhạt như trong bể kính nuôi cá của một khung cửa sổ thấp, một lão đàn ông ngẩng bộ mặt phèn phẹt kỳ quái, đầy những đường nhăn song song, giống như một trang giấy viết tập cũ.

- Này, nhà nó, hãy còn cái buồng nhốt chó kia mà.

- Trong buồng chó không có chỗ vì còn phải giặt giũ ở đấy.

Bacơ không để lỡ dịp:

- Có lẽ cũng được đấy ạ. Xin cho xem.

Mụ đàn bà vẫn cứ quét, lảm bảm:

- Ở đây còn phải giặt giũ.

Bacơ mỉm cười, mặt làm duyên:

- Ông bà hiểu cho, anh em không phải như những bọn bố lếu ăn no uống say rồi làm xấu làm bẩn. Nào, cứ cho chúng tôi xem qua.

Mụ đàn bà đã bỏ chổi xuống. Mụ khắng kheo, gầy đét. Cái áo ngoài của mụ lủng lẳng trên vai như treo ở mắc áo. Mặt mụ vô duyên, đờ đẫn, như bằng giấy bồi. Mụ nhìn chúng tôi, lưỡng lự rồi miễn cưỡng đưa chúng tôi vào một cái buồng tối om, nền đất, chất đầy quần áo bẩn thỉu.

Lamuydơ thành thực reo lên:

- Tuyệt quá.

- Em bé này kháu nhỉ! Bacơ nói thế và gãi xoa cái mặt tròn, tựa như cao su sơn, của một con bé đang nhìn chúng tôi chăm chăm, cái mũi nhỏ và bản ghếch lên trong bóng tối mờ. Thừa bà, em là con bà phải không?

- Và cả em này nữa, phải không ạ? – Mactorô đánh liều hỏi thế, vừa trở vào một đứa bé đương kỳ lớn mau, má căng như cái bong bóng lợn, đầy những vết kẹo lầy nhầy bột bụi.

Và Mactorô vợ vẫn vuốt ve cái bộ mặt nham nhở và nhom nhóp mặt đường đó.

Mụ đàn bà không thềm trả lời.

Và chúng tôi tro ra đó gật gù với nhau, gượng cười, như những đứa ăn mày xin ăn mà chưa được.

Lamuydơ rĩ tai tôi, nửa lo nửa mong:

- Miễn là cái con mụ già chó đẻ này nó ưng cho. Đây, cừ đấy chứ, còn các chỗ khác, cậu phải biết, chúng nó phỗng tay trên cả rồi!

Cuối cùng, mụ đàn bà bảo:

- Nhưng không có bàn.

Bacơ reo lên:

- Bà đừng lo không có bàn! Kia, chẳng có một tấm cửa cũ xếp ở xó kia là gì. Chúng tôi sẽ dùng nó làm bàn.

Cái mụ đàn bà hình nhân, đa nghi, rõ ràng đang tiếc sao đã không tống khứ chúng tôi tức khắc từ đầu, trả lời:

- Nào, các ông lại sắp làm lộn lùng pheo tất cả đồ đạc của tôi đấy hử!

- Tôi đã bảo bà đừng lo mà. Đây, bà xem. Nào, ông bạn Lamuydơ, giúp cho một tay.

Và trước con mắt khó chịu của mụ đàn bà đánh đá, anh em đặt tấm cửa cũ lên hai chiếc thùng gỗ.

Tôi bảo:

- Lau chùi qua loa, thế là tươm tất rồi.

- Thừa vâng, bà mẹ ạ, vài nhát chổi là không cần khăn giải bàn cũng được.

Mụ không còn biết nói sao, chỉ hăn học nhìn chúng tôi.

- Chỉ có hai cái ghế đầu, còn các ông thì mấy người?

- Vào khoảng gần một tá.

- Dê-xu-ma! Những một tá!

- Thì có sao đâu, rồi xong xuôi cả. Đây có một tấm ván, kia kia: thế là được một ghế dài. Phải không, Lamuydor?

Lamuydor trả lời:

- Tất nhiên.

Mụ đàn bà nói:

- Tấm ván ấy, tôi quý lắm. Những ông lính đến trước các ông đã toan đánh thó của tôi.

Lamuydor, cố điềm đạm, lựa lời để khỏi phật ý cái con mụ đang nắm trong tay phúc lợi của anh em:

- Nhưng chúng tôi thì chúng tôi không phải là những quân ăn cắp.

Tôi không bảo thế, nhưng các ông phải biết, lính tráng thường làm hỏng tuốt. Giào ôi! Chiến tranh này thật là tai hại!

- Thế cứ như vậy, cho thuê một cái bàn và cho đun ghế một tí vào cái bếp lò, bà tính bao nhiêu?

- Mỗi ngày hai hào.

Mụ chủ nhà lấp bắp có vẻ miễn cưỡng, như là bị anh em moi mất số tiền ấy của mụ không bằng.

Lamuydor nói:

- Đắt đấy.

- Các ông lớp trước ở đây đã trả tôi thế đấy. Các ông ấy lại còn tử tế lắm, còn san sẻ miếng ăn miếng uống. Tôi biết rằng các ông nhà binh vốn dễ dàng, thế nào cũng xong. Nhưng nếu kêu đắt quá thì cũng chẳng thiếu gì người hỏi thuê căn buồng với cả bàn và bếp lò này, họ lại không đông đến mười hai người đâu. Luôn luôn có người đến hỏi, và nếu chúng tôi muốn, họ còn trả giá cao hơn. Những mười hai người!...

Lamuydơ vội vàng thêm:

- Tôi nói “đắt đấy”, nhưng thế nào cũng là xong thôi. Phải không, các cậu?

Trước câu hỏi lầy lệ ấy, chúng tôi đồng ý ngay.

Lamuydơ nói:

- Giá được chén rượu thì tốt quá. Bà có bán rượu không?

Mụ ta đáp:

- Không.

Mụ nói thêm, giọng run run vì giận dữ:

- Các ông phải biết nhà binh bắt những người có rượu phải bán giá hào rưởi. Hào rưởi! Cái chiến tranh tai ác này tệ hại thật! Thừa ông, hào rưởi thì lỗ vốn, nên tôi chẳng bán nữa. Rượu để nhà dùng thì vẫn có. Chẳng giấu gì, đôi khi vì nể nang thì tôi cũng để lại ít nhiều cho những người quen, cho những kẻ biết điều, nhưng các ông cũng hiểu cho rằng nhất thiết không phải giá hào rưởi.

Lamuydơ thuộc vào hạng những kẻ biết điều đó. Gã nắm ngay cái bi-đông thường đeo bên mình.

- Thì bà cho tôi một lít. Bao nhiêu tiền nào?

- Hai hào hai, giá vốn đấy. Ông biết cho, chỉ là để giúp ông đấy vì các ông là nhà binh mà.

Bacơ, không sao nhin nổi nữa, làu bầu riêng trong miệng. Mụ la nguyệt anh một cái rõ gớm và làm ra bộ đưa trả lại cái bi-đông cho Lamuydơ.

Nhưng Lamuydơ, hí hứng sắp được uống rượu, má đỏ bừng như đã đượm thắm hơi men, vội vàng can thiệp:

- Đừng sợ, chỉ chúng ta biết với nhau thôi, bà mẹ ạ. Không ai tố bà đâu.

Vẫn không nhúc nhích và chua ngoa, mụ nguyên rửa sự quy định giá rượu. Và Lamuydơ, vì quá thèm thuồng, không chống nổi, tự hạ mình và mất hẳn lương tâm đến nỗi nói với mụ:

- Thưa bà, thôi, biết sao, đó là việc quân sự. Cũng chẳng cần tìm hiểu làm gì.

Mụ dẫn chúng tôi vào chỗ để rượu. Ba cái thùng to tướng tròn phình phình chập hẵn cái xó nhỏ đó.

- Chút ít rượu để nhà dùng riêng đấy ư?

Bacơ lảm bảm:

- Cái con mẹ già này mánh khéo lắm.

Con mụ quay mình lại, cúi:

- Dễ các ông muốn cho người ta phá sản vì cái chiến tranh khốn nạn này hử! Mất biết bao nhiêu tiền về cái nợ, lại cái kia, cũng khá rồi đấy.

Bacơ gặng hỏi:

- Về cái gì chứ.

- Ai chả biết là ông thì ông có thiệt hại gì tiền của. Không, chúng tôi chỉ thiệt có cái mạng thôi.

Anh em vội can thiệp, sợ câu chuyện trở thành nguy hiểm cho những quyền lợi trước mắt lúc này. Trong khi đó, có người gõ vào ngoài cửa kho rượu và một tiếng đàn ông vọng qua:

- Này, Panmia! Tiếng đó gào lên thế.

Mụ đàn bà bước thấp bước cao bỏ đi ra nhưng vẫn cẩn thận để cửa mở,

Lamuydơ nói với chúng tôi:

- Hầu lắm! Xong xuôi rồi!

Bacơ không thông được cách tiếp đãi đó, lắm bầm:

- Cái bọn này đều thật.

Mactorô tiếp:

- Thật là nhục nhã và phát tởm.

- Hình như bây giờ các cậu mới biết cái cảnh này hơn.

Bacơ mắng:

- Còn mày, đồ “bị thọt”, mày thấy nó bắt chẹt thế mà còn ngoan ngoãn nói được: “Thưa bà, thôi, biết sao, đó là việc quân sự!” Nói chứ, cậu ạ, cậu nhát như cáy!

- Thì còn cách nào khác, nói thế nào chứ? Không thì phải buộc cái bụng lại, đếch có bàn và cũng đếch có rượu. Nó mà có bán bốn hào thì cũng phải mua, có phải không? Thế còn là may đấy. Tớ thú thật là lúc đó tớ lo, cứ sợ nó không nghe.

- Tớ cũng biết rằng ở đâu và lúc nào cũng thế thôi: nhưng mà kệ xác...

- À, ừ! Dân thì họ xoay xở chứ. Phải có những tay nhân lúc này để làm giàu. Có phải ai cũng thí mạng được đâu.

- Ôi chao! Cái dân tử tế của miền Đông!

- Hề, và cả cái dân tử tế của miền Bắc!

- Họ giang tay đón tiếp chúng mình!...

- Xòe tay thì đúng hơn...

Mactorô nhắc lại:

- Tớ thì tớ bảo đó là một sự nhục nhã và phát tởm.

- Câm đi! Con bò cái nó vào kia.

Anh em vòng về chỗ trú để báo tin thành công, rồi đi mua sắm. Khi trở lại cái phòng ăn mới, thì cứ vấp phải việc chuẩn bị bữa trưa. Baco đã lĩnh thức ăn, nhờ có quen biết lão cấp dưỡng trưởng, vốn ghét cay cái lối chia nhỏ phần thức ăn như thế, gã đã tranh thủ được lĩnh thẳng phần khoai và thịt cho cả mười lăm người trong tiểu đội.

Gã đã mua được mỡ – một cục nhỏ mười bốn xu – thế là có cái rán khoai. Lại còn được cả đậu hòa-lan đóng hộp: bốn hộp. Hộp thịt bê nấu đông của Mexnin André sẽ dùng làm món ăn vặt đầu bữa.

Lamuydơ thích mê:

- Tất cả nom cũng không đến nổi đấy chứ!

*

* *

Anh em đi thăm bếp. Bơ vui sướng đi quanh cái lò đương phì phò tỏa hơi nóng, kê chặt một bên phòng.

Gã rủ tai tôi:

- Tớ đã lên đặt ghế một cái nồi để nấu xúp.

Gã nhắc cái vung lên:

- Lửa này không được nóng lắm. Tớ đặt nồi đã nửa giờ rồi mà nước vẫn còn trong xống.

Lát sau, đã nghe gã đôi co với mẹ chủ nhà. Nguyên do là cái nồi đặt ghế ấy: mẹ thiếu chỗ thổi nấu. Người ta đã nói với mẹ rằng chỉ cần chỗ để một cái xoong; và mẹ đã tin như thế, nếu biết lỗi thôi thế này, mẹ đã chẳng cho thuê buồng. Bơ trả lời, cười cợt, và gã xuề xòa khiến cái mẹ yêu tinh đó sau cũng nguôi.

Những anh em khác, từng người một lần lượt đến. Họ nháy mắt, xoa tay, lòng đầy những mơ mộng ngon bổ, y như những người đi ăn tiệc cưới.

Thoát khỏi cái sáng lóa bên ngoài, bước vào cái khối vuông tối om om này, mắt thành quáng gà, họ đứng ngẩn ra ít phút như những con cú vọ.

Mexnin Jôdep nói:

- Chẳng được sáng sủa lắm.

- Hừ, cái ông bạn, còn đòi gì nữa!

Những gã khắc đồng thanh reo lên:

- Ở đây tối thậm đi thôi.

Và trong cái hoàng hôn của hầm tối, những cái đầu gật gù khen phải.

Một việc bất thần: Facfadê sơ ý cọ lưng vào tường mềm và bần, bị quệt vào vai một vệt rộng và đen đến nỗi tối như ở đây cũng cứ thấy. Facfadê, vốn trau chuốt con người, cầu nhàu và để muốn khỏi cọ một lần nữa vào tường, gãi lại va phải cái bàn, khiến cái cùi dĩa của gã rơi xuống đất. Gã cúi xuống mò mẫm trên mặt đất gồ ghề từ bao năm nay bụi bặm và mạng nhện đã lặng lẽ trải xuống. Khi tìm thấy thì thìa đã đen thui, thông lòng những mạng nhện. Đánh rơi một vật gì xuống đất cố nhiên là một tai nạn. Ở đây sống phải thật là cẩn thận.

Lamuydor đặt cái bàn tay béo mập như một cục thịt vào giữa hai bộ thìa đĩa:

- Nào, chén đi!

Anh em bắt đầu ăn. Bữa ăn thật phong phú và hảo hạng. Tiếng chuyện trò lẫn với tiếng chai rót rượu ra và tiếng hàm nhai nhồm nhoàm. Trong khi anh em tận hưởng cái thích thú được ngồi ăn, một luồng ánh sáng lọc qua cửa hầm phủ lên một vật khoảng không và một khoảng vuông của bàn một thứ ánh sang ban mai đầy bụi, làm lấp loáng một bộ thìa đĩa, một lưỡi trai trên mũ và một con mắt. Tôi nhìn trộm cái cái buổi liên hoan nhỏ bé, ấm đạm và vui như phá ấy.

Bikê kể lại chuyện gã chạy vạy van nài ngược xuôi mới tìm được một chị thợ giặt bằng lòng làm ơn giặt giúp sống áo, nhưng “mẹ kiếp đất thôi là đất!” Tuylaco miêu tả cái hàng người nối đuôi nhau trước cửa hàng tạp phẩm; không ai được phép vào, người ta bị ngăn lại ở ngoài như một bầy cừu.

- Và mặc dầu cậu chỉ đứng ngoài thôi, nếu cậu không hài lòng, cứ cố to miệng, thì người ta sẽ tổng khứ cậu đi.

- Còn có những tin gì nữa? Bản báo cáo chế định những trừng phạt nghiêm khắc đối với những sự phá phách ở nhà dân và kể cả một danh sách những sự trừng phạt – Vônpat đã được đưa đi điều dưỡng – Lớp binh 93^[28] sắp về hậu phương: Pêpe cũng ở trong số đó.

Bacơ, mang thức rán ra, báo tin là ở bàn ăn mù chủ có những binh sĩ cùng ngồi: những lão y tá của bọn súng máy.

Fuiat ngồi chễm chệ trong bóng tối của căn phòng chật hẹp và hôi hám – ở đây anh em chen chúc nhau tối tăm chẳng khác gì trong hầm chiến hào (nhưng nào ai nghĩ tới sự so sánh đó?) – nói với giọng tin tưởng: chúng nó tưởng chiếm được chỗ bờ, nhưng chính chúng ta mới thực là bờ.

Pêpanh nói:

- Các cậu không biết chứ, bọn đại đội 9 mới may làm sao! Một mù già cho chúng ở không vì chồng mù chết đã năm mươi năm nay, khi xưa là một tay khinh binh. Hình như mù còn cho không chúng ta một con thỏ, hiện chúng đang chén “xi-vê”^[29].

- Thì ở đâu cũng có người tốt. Nhưng cái bọn đại đội 9 được cái may là sa đúng vào nơi tử tế nhất làng.

Panmia vừa mang cà-phê vào, cà phê mù cấp cho chúng tôi. Mù đã lành hơn, mù nghe anh em chuyện trò và còn hỏi nọ hỏi kia bằng một giọng hơi xược:

- Sao các ông lại gọi viên quản là anh xộp?

Bacơ nghiêm trang đáp:

- Vì từ trước vẫn gọi thế.

Khi mù đi rồi, anh em mới đánh giá cà-phê của mù.

- Cậu xem này, trong vắt! Thấy cả đường trôi dưới đáy cốc – Mù ta bán một hào đầy.

- Thật như nước lọc.

Cửa hé ra kẻ thành một vệt sáng. Bộ mặt một chủ bé lộ ra. Chúng tôi kéo chú vào như kéo một con mèo con, và đưa cho chú một miếng sô-cô-la.

Chú thổ lộ:

- Tên em là Saclô. Nhà em ở cạnh đây. Nhà em cũng có lính. Lúc nào nhà em cũng có lính. Họ mua gì nhà em cũng bán cả. Phải cái tội là thỉnh thoảng họ lại say khướt.

Côcôn vừa nói, vừa đặt em bé giữa hai đầu gối:

- Lại đây em. Em nghe đây. Có phải ba em bảo: “Miễn là chiến tranh kéo dài cho!” phải không, hử?

Thằng bé gật đầu:

- Thì hẳn thế rồi, vì người ta có dịp làm giàu. Ba bảo là đến cuối tháng năm thì được lãi năm vạn quan.

- Năm vạn quan! Đâu có thể!

Thằng bé giẫm chân:

- Có, có! Ba nói với má thế mà. Ba muốn cứ như thế này mãi. Má thì nhiều lúc cũng không biết nói gì, vì anh Adônphơ của em hiện ở mặt trận. Nhưng sắp lo cho anh ấy về hậu phương, thế thì tha hồ chiến tranh kéo dài.

Tiếng the thé từ những phòng của mẹ chủ vọng sang ngắt đứt câu chuyện tâm tình đó. Chú Bikê “lưu động” vội đi dò duyên cớ.

Gã trở về, nói:

- Chẳng có gì cả. Đó là lão chủ nó mắng vợ vì con mẹ không biết làm ăn gì cả. Nó bảo mẹ làm ăn ngốc nghếch, ngược đời. Nó nói không còn ai ngu như mẹ.

Anh em đứng dậy, rời bỏ cái không khí nặng mùi ống điếu, mùi rượu và mùi cà-phê bung bít trong gian hầm. Vừa ra khỏi ngưỡng cửa, một hơi nóng nặng nề thổi vào mặt, còn nồng thêm vì cái mùi xào rán từ bếp đưa ra mỗi khi cửa mở.

Anh em đi qua hăng hà sa sô là ruồi đậu đặc thành từng đám đen trên tường; bay lên thành từng lớp rào rào khi có người qua lại.

Lại sắp bắt đầu như năm ngoái!... Bên ngoài thì ruồi, bên trong thì chấy rận.

- Còn thêm cả vi trùng ở bên trong nữa.

Trong một góc của cái nhà nhỏ bé bần thủ chất đông những đồ cũ rách, những mảnh nát vụn của năm xưa, đầy tro bụi của bao ngày qua, bên cạnh những đồ đạc dụng cụ, có cái gì dương ngộ nguây: một lão già, cổ dài trụi hết lông tóc, sần sùi và hồng hồng như cổ một con gà vì bệnh mà rụng hết lông. Trông nghiêng, lão cũng giống một con gà mái: không có cằm mà mũi thì dài; má hóp phủ một lớp râu xám, hai mi mắt rậm da môi và tròn hum húp, mở lên nhăm xuống như hai cái vung trên đôi trông mắt lơ dờ như thủy tinh.

Bacơ đã quan sát lão:

- Coi lão kia: hẩn tìm của chôn. Hẩn bảo rằng trong cái nhà này có của chôn. Hẩn là thông gia ở đây. Cậu xem lão bất thành linh bò lom khom xuống, chúm mũi tìm hết xó xỉnh. Này, trông lão kia.

Lão già dùng cái gậy dò dẫm một cách có kế hoạch. Lão gõ vào chân tường, vào những viên gạch lát đất. Lão đụng phải những người và những khách khứa đi lại và cả ngọn chổi của mụ Panmia. Mụ ta mặc lão tìm, không nói một lời, có lẽ mụ nghĩ thăm rằng của chôn có không chẳng biết, nhưng lợi đầu bằng sự khai thác cái tai họa công cộng.

Hai mụ đàn bà, đứng trong khung cửa sổ, thì thăm tâm sự cạnh một tấm bản đồ cũ của nước Nga bám đặc những ruồi.

Một mụ làm rằm nói:

- Đúng, nhưng chính dùng rượu Picông thì phải cẩn thận, nếu rót không khéo tay thì không được đúng mỗi chai mười sáu phân, thế là hụt lãi nhiều quá. Tôi không bảo là lỗ vốn nhưng dù sao cũng hụt mất lãi. Muốn tránh hụt, phải ăn ý trong bọn bán lẻ với nhau. Nhưng khó mà ăn ý được đâu là việc lợi ích chung.

Bên ngoài, trời nắng gắt, đặc những ruồi. Những con vật bé nhỏ này, cách mấy hôm trước còn hiếm, giờ thì ồn lên khắp nơi những tiếng rì rầm nhỏ bé và nhiều vô kể của chúng. Tôi đi ra, gã Lamuydơ theo sau. Chúng tôi dạo chơi. Hôm nay thì được yên: anh em được nghỉ hoàn toàn vì đêm qua vừa hành quân. Có thể ngủ cũng được nhưng hay nhất là lợi dụng thì giờ nghỉ để đi chơi tự do: ngày mai lại sẽ bị điều đi tập và phụ dịch...

Có những bọn chẳng may mắn bằng chúng tôi, ngay bây giờ đã mắc vào cái dây xích của những phụ dịch.

Đáp lại lời Lamuydơ mời hẳn cùng đi la cà với chúng tôi, Corvixa đập ngón tay vào cái mũi nhỏ và tròn cứng ngang như một cái nút chai giữa bộ mặt dài, trả lời:

- Tôi không đi được. Tôi phải đi dọn rác.

Gã trở cái xẻng và cái chổi dùng để làm công tác dọn bùn, hốt phân dọc theo những bức tường, cúi mình trong không khí bệnh tật.

Chúng tôi uể oải bước đi. Buổi chiều dề trỗi lên cánh đồng thiu thiu ngủ, làm khô những dạ dày ních đầy rượu thịt. Thịnh thoảng mới trao đổi vài câu với nhau.

Xa kia, có tiếng kêu: Bơ bị mấy con mụ như thú dữ đương hành. Một con bé xanh xao, tóc buộc sau lưng thành một nhúm vàng nhạt như nhúm gai, môi miệng viền những mụn nhiệt, và mấy mụ đàn bà đứng trước cửa, trong bóng mát, hí hoáy đan lát và may đang dòm cái cảnh tượng đó.

Sáu anh lính đi qua, một viên cai hậu cần đi kèm. Họ mang từng chồng áo ca-pốt mới và những bó to giấy. Lamuydơ nhìn những bàn chân sưng húp và thành chai của mình.

- Đúng đây. Tớ cần giấy, không thì sẽ lòi cả chân ra đấy. Thế nào thì tớ cũng không thể đi chân không được, phải không?

Có tiếng máy bay vù vù. Anh em ngược mắt nhìn theo, cổ vắn vẹo, chảy nước mắt vì chói ánh mặt trời. Khi thôi không ngẩng nhìn nữa, Lamuydơ tuyên bố với tôi:

- Những cái máy móc này không bao giờ trở nên thực dụng được. Không bao giờ.

- Sao cậu lại nói thế nhỉ! Đã tiến bộ biết bao nhiêu rồi, tiến nhanh lắm...

- Phải, nhưng sẽ dừng ở đây. Không bao giờ làm hơn được nữa đâu, không bao giờ.

Lần này thì tôi không cãi lại sự phản đối bướng bỉnh do ngu dốt khiến có dịp là phủ nhận những hứa hẹn của sự tiến bộ. Tôi cứ mặc anh bạn to béo ngoan cố tưởng tượng rằng sự cố gắng phi thường của khoa học và công nghiệp đột nhiên đến anh là dừng lại.

Sau khi đã bắt đầu phát lộ cái tư tưởng sâu sắc của mình, gã tiếp tục, và chột cúi đầu ghé sát tôi, gã nói:

- Ôđôxi ở ngay đây, cậu có biết không?

Tôi làm bộ ngạc nhiên:

- Ủa!

Đúng, ông bạn ạ. Cậu thì chả bao giờ nhận thấy gì, tớ nhận thấy thế (và Lamuydơ khoan dung mỉm cười với tôi). Vì thế tớ nghĩ: cô ta đến đây, chính vì cô để ý đến anh em trong bọn ta, chẳng có sai.

Gã lại tiếp:

- Cậu này, có muốn tớ nói toạc ra không? Cô đến đây vì tớ đấy.

- Cậu có chắc thế không?

Gã bò mòng trả lời, giọng âm thầm:

- Có. Trước hết vì tớ thèm muốn cô ta. Vả lại, đã hai lần cậu ạ, tớ bắt gặp cô trên đường đi, đứng trên đường tớ đi nghe chưa? Cậu bảo sao cô lại bỏ chạy; cô ta bỏ chạy vì còn e lệ, có thể thôi...

Gã đứng đực lại giữa phố và nhìn thẳng vào mặt tôi. Mặt gã dày phính, má và mũi nhờn những mỡ, có vẻ nghiêm trọng. Gã đưa quả đấm khẽ sù lên bộ ria mép vàng sẫm, được uốn quần cẩn thận, và nhẹ nhàng vôn vê nó. Rồi gã lại tiếp tục thổ lộ tâm sự với tôi.

- Tớ thèm cô ta, nhưng cậu nên biết rằng tớ sẽ cưới hẳn hoi. Cô ta tên là Ôđôxi Đuymai. Trước thì tớ không nghĩ đến chuyện lấy nhau. Nhưng từ khi biết rõ tên họ, tớ thấy như có khác; nên tớ sẽ lấy. Trời! cái con người mới đẹp làm sao. Mà cũng chẳng phải vì cô đẹp mà thôi... À!

Anh bạn to béo tràn trề tình cảm và xúc động, anh cố bộc lộ với tôi bằng lời nói.

- Chà! Cậu ạ!... Có lúc tớ phải ghì mình lại. Gã dần từng tiếng, giọng trầm trầm, những thớ thịt ở cổ và ở má, máu bốc lên đỏ bừng... cô ta đẹp quá, cô ta... Còn tớ, thì tớ... Cô ta thật là có một không hai – chắc cậu cũng thấy thế vì cậu tài nhận xét. Cô là một cô gái quê, nhưng, này cô ta có một cái gì, tớ chả hiểu, còn tệ hại hơn một thiếu nữ ở Pari, hơn cả một thiếu nữ Pari lịch sự và trung diện phải không? Cô ta... Tớ thì...

Gã nhúu đôi lông mày hung hung. Gã muốn giải bày với tôi cái rục rờ của những điều gã đang suy nghĩ. Nhưng gã không biết cách diễn đạt, đành lặng im, đành cứ thui thủi với nỗi xúc cảm không thể thổ lộ được, bao giờ cũng vẫn thui thủi mặc dầu không muốn.

... Chúng tôi đi cạnh nhau dọc theo dãy nhà. Trước cửa, xếp hàng những xe chở đầy thùng rượu. Trên những cửa sổ ngoảnh ra đường nở rộ những khối xanh đỏ đủ màu của đồ hộp, của những bó dây bụi nhùi – của tất cả những thứ mà người lính phải mua dùng. Hầu hết những người nông thôn theo đuổi nghề bán tạp hóa. Thương nghiệp địa phương mãi lâu mới phát động; bây giờ đã có đấy rồi, mỗi người đều lao mình vào việc buôn bán, phát sốt lên vì những con số, choáng mắt vì những bài tính nhân.

Chuông nhà thờ đánh. Một đám đi ra. Đó là một đám ma nhà binh. Một cỗ xe binh lương, do một anh lính xe dẫn dắt, chở một quan tài phủ lá cờ. Theo sau là một tổp lính, một viên quản, một cha tư tế và một người thường dân.

Lamuydơ nói:

- Cái đám ma quên cụt đuôi.

Gã làm rằm:

- Trạm xá lưu động gần đây thôi. Nó cứ vui dần, Cậu ạ. Chà! Những kẻ chết đi thật là sung sướng. Nhưng chỉ đôi khi thôi, không phải lúc nào cũng thế... Vậy đó!

Chúng tôi đã đi khỏi những ngôi nhà cuối cùng. Trong cánh đồng, ở cuối phố, đoàn xe của trung đoàn và đoàn xe binh lương đã đỗ ở đấy. Có đủ những xe nhà bếp, những xe leng keng theo sau chứa đầy vật dụng linh tinh, những xe cứu thương, xe vận tải, xe lương và cả cũi xe ngựa con của gã đưa thư.

Lều vải của bọn đánh xe và lính gác quây quần quanh đoàn xe. Trong những khoảng trống, từng bày ngựa, chân giẫm đất trông, tro tro cặp mắt nhìn bầu trời. Bốn tay lính đương kê một cái bàn. Lò rèn ngoài trời nhả khói. Cái thành phố di kỳ và lúc nhúc đỏ đặt trên khoảnh ruộng bị trũng xuống với những vết xe song song và quay tròn cứng khô vì nắng, xung quanh đã bắt đầu ngập rác rưởi.

Ngoài rìa doanh trại, một chiếc xe lớn sơn trắng khác hẳn với những xe khác về vẻ sạch sẽ nhẵn nhụi. Coi chẳng khác gì giữa đám chợ phiên, cái xe lớn lịch sự của bọn Bôhêmiêng, vào xem phải trả giá đắt hơn các xe khác.

Đó chính là cái xe nha khoa trứ danh mà lão Blerơ đang tìm.

Đúng lúc đó, Blerơ cũng ở đấy, đứng trước xe, ngắm nghía. Chắc lão đã đi vòng quanh xe khá lâu rồi, mắt dán vào nó. Y tá Sămbromơ của sư đoàn, vừa đi có việc về, leo cầu thang xếp bằng gỗ sơn đi lên cửa xe. Gã ôm một hộp lớn bích-quy, một chiếc bánh mì hảo hạng và một chai sâm-banh.

Blerơ gọi giật gã:

- Này Đuy Fetxiê^[30], cái xe này có phải xe chữa răng không?

Sămbromơ, một anh chàng thấp, đầy, sạch sẽ, mày râu nhẵn nhụi, cằm trắng, cổ cùn, trả lời:

- Có chữ đề ở đó. Nếu anh không trông thấy thì không nên nhờ nha sĩ chữa răng mà chính nếu nhờ thú y chữa mắt cho.

Blerơ lại gần, nhìn đồ thiết bị nói:

- Kỳ quặc bỏ mẹ.

Lão tới gần thêm, lại lui xa ra, lưỡng lự không muốn ký thác hàm răng mình cho cái xe đó. Sau cùng lão nhất quyết, bước lên cầu thang, rồi biến vào trong xe.

*

* *

Chúng tôi tiếp tục đi dạo... rẽ vào một đường nhỏ, hai bên đường những bụi cây cao, đất bám trắng. Tiếng ồn ào đã dịu dần. Ánh nắng chói lọi khắp

nơi, thiêu nóng mặt đường, giải ra đây đó trên đường những luồng trắng quáng mắt, bóng chân và rung rinh trên nền trời xanh ngắt.

Đến chỗ ngoặt đầu tiên, mới thoáng nghe tiếng bước chân sột soạt nhẹ nhàng, chúng tôi đã đối diện với Ôđôxi!

Lamuydơ thốt ra một tiếng kêu nặng nề. Lại một lần nữa, có lẽ gã vẫn tưởng cô ta đi tìm gã, gã tin ở điều tốt số... Cả thân hình hộ pháp của gã lao vào cô.

Cô nhìn gã, dừng lại giữa bụi gai. Mặt cô gầy lẹ, xanh xao, lo lắng, đôi mắt tuyệt đẹp chớp chớp. Cô đầu trần, yếm vải hở ở ngực, gằn đôi vú. Nhìn gằn như thế, cô thiếu nữ chói lọi những màu vàng dưới ánh mặt trời, thật là quyến rũ. Da cô, trắng như ánh trăng, kêu gọi và khiến phải ngạc nhiên. Đôi mắt long lanh, hàm răng trắng muốt lóng lánh trong cái miệng chúm chím, đỏ như trái tim.

- Cô ơi... Cô ạ... Tôi ưa cô quá...

Và gã giang tay về phía con người quý hóa đang đứng ngay ra đó.

Cô ta rùng mình, trả lời:

- Anh để tôi yên! Anh làm tôi kinh tởm!

Tay gã vỗ lấy một trong đôi tay nhỏ nhắn, cô cố giật ra, vùng vẫy để gỡ. Mái tóc cô vàng sẫm xỏ ra, rung rinh như ngọn lửa. Gã kéo cô vào mình. Gã vươn cổ về phía cô, cả đôi môi cũng chầu ra. Gã muốn hôn cô. Gã muốn hôn với hết sức bình sinh, với cả sức sống. Gã thêm hôn đến chết cả người.

Nhưng cô giẫy giụa, kêu lên một tiếng ắng cổ, cô phập phồng, bộ mặt xinh đẹp xấu đi vì hăm hăm giận dữ.

Tôi lại gằn, đặt tay lên vai anh bạn, nhưng sự can thiệp của tôi không ích gì, gã lùi lại, gằn gừ, chịu thua.

Ôđôxi quát lên:

- Anh điên hay sao!

Gã khốn nạn rên lên, tung hứng, rụng rời, như điên.

- Không!...

Cô bảo:

- Từ rày thì bỏ cái thói này đi, nghe chưa!

Và cô bỏ đi, toàn thân run rẩy. Gã cũng chẳng buồn nhìn theo: gã đứng đó, hai tay buông thõng, miệng há hốc nhìn chỗ lúc này cô đứng, đau đớn tận ruột gan vỡ mộng và như không hồn.

Tôi kéo gã đi. Gã theo tôi, lặng thinh, lòng xao xuyến, mũi xẹt xẹt, thở hồng hộc như vừa chạy một lúc lâu.

Gã cúi cái đầu to lớn xuống. Trong ánh sáng tàn nhẫn của mùa xuân vĩnh cửu, gã hết như tên không lò một mắt khốn nạn trong chuyện thần thoại lang thang trên những bờ biển xa xưa của xứ Xixin, bị sức mạnh chói lọi của một cô gái bé trêu cợt và khuấy phục, chẳng khác một thứ đồ chơi quái dị thời khai thiên lập địa.

Một anh hàng rượu rong, đẩy cái xe cút kít chở một thùng rượu, đã bán mấy lít cho bọn lính gác. Hắn khuất sau khúc đường ngoặt, cái mặt vàng và dẹt như miếng phó mát, mớ tóc lơ thơ, xơ xác đầy bụi, trong cái quần lụng thùng hần nom gầy quá đỗi, tưởng như hai cẳng chân chỉ nổi vào thân bằng những sợi chỉ.

Và giữa bọn lính gác rồi việc, ở nơi tận cùng của đất nước, dưới cái biển chỉ đường làng lắc lư kèn kẹt trước gió, một cuộc trao đổi ý kiến về “con rôi” lang thang đó bắt đầu.

Bigornô nói:

- Cái đầu thằng cha đê tiện thật. Mấy lại, cậu có muốn biết ý kiến của tớ không? Không nên để cho biết bao những thường dân bá láp như thế vớ vẩn ở mặt trận len lỏi hết chỗ nọ đến chỗ kia, nhất là những thằng ma cô mà ta ghét biết gốc gác.

Cornê đáp:

- Cậu chỉ nói quá, đồ lão lêu.

Bigornô nhấn mạnh:

- Đồ mặt đê giầy, mày thì còn biết gì. Thật là thiếu cảnh giác. Tớ đã nói là không bao giờ sai.

La Mônlet thì thầm:

- Đàn bà ở đây xấu bỏ mẹ. Trông hết cả tình.

Bọn lính gác khác, ngược mắt nhìn trời, ngó theo hai phi cơ địch đang lồng lộn tứ tung. Xung quanh hai con chim sắt cứng nhắc ấy đang bay lượn trên không, theo tia chiếu của đèn pha lúc đen như quạ, lúc trắng như hải âu, hàng loạt đạn nổ điểm bầu trời xanh như một vệt tuyết dài trong ngày nắng đẹp:

Chúng tôi trở về. Gặp hai người tản bộ đi tới: Caraxuyt và Sêyxie.

Họ báo tin rằng đầu bếp Pêpe sắp về hậu phương theo luật Đanbiê và sẽ được điều vào một trung đoàn hậu bị.

Caraxuyt có cái mũi to tướng, khả ố, chẳng xứng với mặt chút nào. Gã nói:

- Đó là một dịp tốt cho Blerơ.

Trong làng, từng đám lính, hoặc từng cặp hai người, qua lại, những câu chuyện trao đổi gắn bó họ với nhau. Những gã đi một mình họp với nhau

thành từng cặp, rời nhau ra, rồi chuyện trò chưa dứt, lại họp với nhau như bị đá nam châm hút.

Một cảnh lộn xộn náo nhiệt: giữa đám đông, màu giấy trắng nhấp nhô như sóng. Đó là gã bán báo đương bán hai xu một tờ báo thực ra giá chỉ một xu. Fuiat đứng giữa phố, gầy đét như chân con thỏ rừng. Tại góc một ngôi nhà, Parađi phơi nắng cái mặt hồng hồng như chân giò ướp.

Bikê theo kịp chúng tôi. Gã bận thường phục: áo ngắn và mũ vải nhọn. Gã liếm môi:

- Tớ đã gặp bọn anh em cánh hẩu. Cùng uống mấy chén. Cậu hiểu chứ; mai lại phải cặm cùi rồi. Trước hết phải giặt giũ áo quần và lau chùi súng ống. Chỉ riêng cái ca-pốt của tớ, làm cho sạch, chẳng phải chuyện chơi. Không còn là cái ca-pốt nữa mà như một thứ áo giáp ấy.

Môngtroi, phân viên văn phòng, trở ra và gọi với Bikê:

- Này, thằng chó đẻ! Có thư đây. Tao tìm mày suốt một giờ rồi! Lúc nào mày cũng đếch có nhà, đồ ngốc.

Gã quan sát, cân nhắc trong tay, rồi xé phong bì và báo tin:

- Cửa bà cụ nhà tớ.

Anh em đi chậm lại. Gã đọc, ngón tay dò bấm theo dòng chữ, đầu lắc lư một cách tin tưởng, môi mấp mảy như một nữ tín đồ.

Càng gần đến giữa làng, người càng tập nập. Anh em chào viên thiếu tá và vị tu sĩ tử tế bận đồ đen đi cạnh ông như một phụ nữ đang dạo cảnh. Pidông, Gơông, chú Excutone, kỵ binh Clôđo lần lượt lên tiếng gọi với chúng tôi. Lamuydơ như đui như điếc, chỉ còn biết cất chân bước.

Biduac, Săngriông, Rôket kéo đến ồn ào, báo một tin quan trọng:

- Này, biết không, Pêpe sắp về hậu phương.

Bikê ngẩng mũi khỏi lá thư, nói:

- Khỉ quá, người ta làm quá mức. Bà cụ nhà tớ cứ lo cho tớ.

Gã chỉ cho tôi một đoạn trong thư mẹ: “Khi con nhận được thư này – gã đánh vần mà đọc – thì chắc con đang ở trong bùn và đang bị rét, cái gì cũng không có, thiếu thốn hết cả, con Ogien khôn khổ của mẹ...”

Gã cười:

- Bà cụ viết cái này đã mười hôm nay rồi. Bà nói chẳng đúng tý nào! Có bị rét đâu vì từ sáng nay trời đẹp kia mà. Có khổ sở đâu vì đã có một căn buồng để đánh chén. Trước thì có cơ cực đấy, nhưng giờ thì tươi rồi.

Chúng tôi trở về cái chuồng chó đã thuê và ngẫm nghĩ về câu nói đó. Cái đơn giản cảm động của nó làm tôi xúc động, cho tôi thấy một tâm hồn, cả một loạt vô số tâm hồn. Vì mặt trời đã ló, vì đã nhận được chút ánh sáng và một chút có vẻ như êm ấm, thế là cái quá khứ khổ cực không còn nữa và cả cái tương lai khủng khiếp cũng không có nữa... “Giờ thì tươi rồi”. Còn có gì đâu.

Bikê ngồi vào bàn, chêm chệ “ra về” để trả lời bức thư, gã đặt giấy cẩn thận và xem lại giấy, bút, mực rồi đưa chữ lớn dọc theo trang giấy nhỏ.

Gã bảo tôi:

- Nếu cậu biết tớ viết gì cho bà cụ, cậu phải cười nôn ruột.

Gã đọc lại lá thư, vuốt ve nó, mỉm cười một mình.

VI – THÓI QUEN

Chúng tôi ngự ở sân nuôi gà vịt.

Con gà mái lớn, trắng như một miếng pho mát phết kem, nằm ấp trong đáy rổ cạnh cái lều đóng kín trong đó chủ nhà đang loay hoay sục sạo. Những con gà mái đen thì đi lại lảng xảng. Nó gồng lên và rút lại từng con cái cổ chun dãn, bước từng bước dài kiểu cách. Người ta thấy cái hình nghiêng của nó lấp lánh như một mẩu rom, và tiếng nó như phát ra bởi một lò xo máy. Nó đi, lông lánh những vằn đen và loáng như mớ tóc một ả vũ nữ “Gitan”, và vừa đi, nó vừa tỏa lê thê trên sân một đàn gà con.

Những năm tròn nhỏ nhắn nhẹ nhàng có màu vàng hoe, do bản năng thúc đẩy và lời cuốn đi, hồi hả chạy theo chân mẹ từng bước ngắn và lẹ, và mổ ăn. Đàn gà còn để sót lại: hai con gà con đứng im và nghĩ ngợi, không để ý đến những tiếng túc túc của gà mẹ.

Paradi nói:

- Điềm không hay. Gà con mà nghĩ ngợi là gà mắc bệnh.

Rồi Paradi hết gõ chân ra lại vắt chân vào với nhau. Cạnh đó, trên chiếc ghế dài, lão Blerơ thì lại duỗi chân ra, ngáp một cái thật to mà lão khoan khoái kéo dài. Rồi lão lại quay ra nhìn. Hơn ai hết, lão thích quan sát gà vịt trong cái cuộc đời ngắn ngủi chỉ biết lo ăn cho mau của chúng.

Và cả bọn cùng ngắm đàn gà, ngắm cả con gà trống trần trụi, già lụ khụ; sau lớp lông xơ xác, cặp giò trông như cao su lộ liễu, đen như miếng sườn nóng. Con này lại gần con gà mái trắng đang ấp. ả gà mái khi thì ngoảnh mặt đi, ra ý dứt khoát cự tuyệt, kêu to mấy tiếng oang oác, khi lại nhìn trộm nó bằng đôi trông mắt nhỏ, xanh và như trắng men.

Bacơ nói:

- Dễ chịu lắm.

Blerơ trả lời:

- Nhìn bầy vịt nhỏ kia...

Một đàn vịt con non choẹt đi qua – hầu như còn là những quả trứng có chân – cái đầu to to kéo rất nhanh cái thân yếu đuối, què quặt nhờ cái cổ mỏng như sợi dây. Con chó lớn nằm ở góc đằng xa cũng nhìn theo bằng cặp mắt thật thà, đen láy. Mặt trời chiếu vào thân con chó thành từng dải, làm hiện lên một vòng tròn đẹp màu hung.

Bên kia sân nuôi gà vịt, qua lỗ hổng của bức tường thấp, thấy rõ vườn cây ăn quả, lá cây xanh tốt, ướt và dày phủ lên mặt đất bóng mềm, rồi đến một màn lá xanh điểm hoa, có bông trắng như những pho tượng nhỏ, có bông mượt và nhiều màu như núi cà-vạt. Xa hơn là đồng cỏ có bóng bạch dương trải những nét vằn xanh đen và xanh vàng. Xa hơn nữa, là một ô vuông cây “hublông” đứng tăm tắp rồi đến một ô bắp cải xếp thành hàng dưới đất. Trong ánh nắng ở không trung và ở mặt đất, có tiếng bầy ong đang vang ca trong lao động đúng như lời thơ nói, và tiếng hát của con dế mèn chẳng khiếm tốn chút nào, bất chấp những bài ngụ ngôn, một mình kêu inh cả một vùng.

Đằng kia, từ ngọn cây bạch dương, một chú chim khách sà xuống quay lông lông, thân nửa đen, nửa trắng giống hệt mẩu giấy báo cháy dở.

Những chú lính vờn vai một cách thú vị trên chiếc ghế đá dài, mắt lim dim phơi mình ngoài ánh nắng đang sưởi nóng không khí trong cái khu sân rộng.

- Thế là ở đây mười bảy ngày rồi! Trước cứ tưởng như ngày một ngày hai là đi!

Paradi lắc đầu và tặc lưỡi:

- Biết thế quái nào được!

Qua cửa thấp của cái sân trông ra ngoài đường thấy một tốp lính dạo chơi, mũi ghếch lên trời, ngón nắn, rồi đến Tenluyruyơ đi một mình: ở giữa phố, gã lắc lư cái bụng phồn thịnh mà gã là chủ nhân ông, hai chân vòng kiềng như hai quai đồ và khắc nhỏ khắp xung quanh mình thật nhiều, bừa bãi.

- Trước cứ tưởng ở đây cũng khô như những nơi trú quân khác. Chính lần này mới thực sự là nghỉ ngơi vì vừa được nghỉ lâu, vừa được nghỉ thật.

- Vừa ít phải đi tập, ít phải đi phụ dịch.

- Thế rồi thỉnh thoảng anh em đến đây hưởng thông dong.

Cái lão già đương ngồi co rúm đầu ghé dài – chẳng ai xa lạ, chính là cái lão tìm của chôn gặp hôm mới đến – lại gần, giờ ngón tay lên.

Lão lắc lư đầu, cả quyết:

- Khi lão còn trẻ, lão rất được gái thích. Lão đã chơi bao nhiêu là cô gái tơ.

Chúng tôi chỉ ừ ào vì ngoài câu chuyện lắm cảm của lão, chúng tôi đang hết sức chú ý vào tiếng động hữu ích của cái xe bò đang qua, chất đầy và đi vất vã.

Lão lại tiếp:

- Giờ thì lão chỉ nghĩ đến tiền thôi.

- À phải, đồng của chìm mà bố đương tìm chứ gì.

Lão cảm thấy chung quanh không ai tin lão.

Lão gõ ngón tay trở vào đầu rồi trở về phía nhà:

- Này, cái con vật kia... – Lão chỉ vào một con vật bé tí màu đen đang chạy trên trần nhà bằng thạch cao, nói tiếp. – Có biết nó bảo gì không? Nó

nói: Tôi là con nhện giăng sợi tơ của Đức mẹ Đồng trinh^[31].

Và cái lão cổ lỗ ấy nói thêm:

- Không nên bao giờ xét đoán việc người ta làm vì không thể bao giờ biết được rồi sẽ xảy ra những gì.

Paradi lễ phép trả lời:

- Cụ nói đúng đấy.

Mexnin Andrê vừa tìm cái gương trong túi để ngắm bộ mặt tươi tỉnh vì trời đẹp, vừa lầu bầu trong miệng:

- Cái lão này kỳ quặc thật.

Bacơ, mặt ngây ra vì khoái, thì thào:

- Lão dở hơi.

Lão già bần khoản, nóng nảy đứng lên:

- Chào các anh, tôi đi đây.

Lão đứng lên để lại đi tìm của chôn. Lão vào trong căn nhà mà chúng tôi đang tựa lưng; lão để cửa mở và do đó, thấy được phía trong buồng, dưới chân một lò sưởi khổng lồ, một con bé đang chơi búp-bê nghiêm túc đến nỗi khiến Blerơ suy nghĩ và nói:

- Con bé thế mà phải đấy.

Những trò chơi của trẻ em là những công việc nghiêm trọng. Chỉ có những người lớn mới chơi nghịch.

Ngắm chán những súc vật và người qua lại, chúng tôi lại nhìn thời gian trôi qua, nhìn hết thấy.

Chúng tôi quan sát đời sống của mọi sự vật, chứng kiến thiên nhiên đang hòa mình vào thời tiết, vào trời, biến sắc theo mùa. Trong đời sống luôn luôn lang thang, chúng tôi ngẫu nhiên đã gắn bó với cái vùng xa xôi này, lâu hơn và yên ổn hơn các nơi khác, và sự gắn bó này làm chúng tôi nhạy cảm với mọi sự đổi thay rất nhỏ ở đây. Tháng chín, do vị trí của nó từ tháng tám chuyển qua và chưa bước sang tháng mười, là tháng dễ xúc cảm nhất, những ngày nắng ấm đã điểm vài nét báo hiệu mong manh.

Chúng tôi đã hiểu ý nghĩa những lá úa kia đang chạy như bầy chim sẻ trên những viên đá vệt. Nói thực ra, ở đây, cảnh vật và chúng tôi đã làm quen với nhau. Sau bao nhiêu lần di động, chúng tôi đến bất rỗi ở đây và ngay cả những khi nói đến chuyện ra đi, chúng tôi thực cũng không nghĩ đến chuyện phải đi.

Blerơ nói:

- Sư đoàn 11 đã nghỉ hẳn hoi một tháng rưỡi.

Bacơ tiếp, như đinh đóng cột:

- Và trung đoàn 375, chín tuần lễ.

- Theo tớ thì chúng ta ở lại ít ra cũng như vậy, ít ra, tớ bảo thế.

- Có thể ta kết thúc chiến tranh ở đây, chưa biết chừng. Bacơ thấy mềm lòng và nghe chừng cũng tin là như thế:

- Thì thế nào chẳng có ngày kết thúc.

Những anh em khác, nhắc theo:

- Thế nào chả có ngày!...

Paradi nói:

- Lẽ tất nhiên, chưa biết chừng...

Gã nói một cách yếu ớt, không tin tưởng lắm. Tuy nhiên, đó là một câu nói không ai cãi được. Người ta dịu dàng nhắc lại, để nói ru lòng như một bài hát cổ.

*

* *

Facfađê đã đến gặp mặt chúng tôi được một lúc. Gã đứng gần chúng tôi, vẫn hơi cách một tí, và ngồi xuống, tay chống cằm trên một thùng gỗ lật úp.

Gã sung sướng một cách vững chắc hơn anh em. Ai cũng biết thế; chính gã cũng biết thế: gã ngẩng đầu, đôi mắt xa xăm lần lượt nhìn lưng lão già đang lưng của chôn cũng như nhìn bọn chúng tôi đương bàn chuyện ở lì không đi đâu nữa! Trên khuôn mặt anh bạn thanh nhã và giàu tình cảm ấy, sáng lên một thứ vinh quang vị kỷ, khiến gã thành một nhân vật riêng biệt, tô điểm cho gã và cách biệt gã với chúng tôi, ngoài ý muốn của gã, như những tấm lon mà từ trời rơi xuống với gã.

Tình duyên của gã với Ôđôxi đã tiếp tục ở đây. Chúng tôi đã có chứng cứ, và chính gã một lần cũng đã nói ra miệng.

Cô ta ở không xa, và hai anh chị gần gũi nhau lắm. Chiều hôm nọ, tôi đã chẳng trông thấy cô là gì? Cô dọc theo tường nhà mục sư, khăn trùm không kín tóc, rõ ràng là đến chỗ hẹn hò – Cô đi vội vã, người nghiêng nghiêng, miệng bắt đầu mỉm cười. Tôi đã chẳng trông thấy là gì?... Tuy giữa hai người có lẽ mới chỉ có những lời hứa hẹn và thề thốt, cô đã là của gã và gã là người sẽ ôm cô trong tay.

Vả lại, gã sắp xa chúng tôi: gã sắp được gọi về hậu phương, ở Bộ tư lệnh Lữ đoàn, ở đấy cần một anh khảng khiu biết đánh máy chữ. Tin này chính thức rồi, có văn bản rồi. Thế là gã thoát: cái tương lai mịt mù mà những anh em khác không thể trông thấy được, đối với gã thì đã rõ ràng, chắc chắn.

Gã nhìn cửa sổ mở của một căn buồng tối om nào ở đằng kia, gã lóa mắt vì thứ bóng tối buồng the đó, gã hy vọng, gã sống gấp đôi. Gã sung sướng: vì cái hạnh phúc nay mai, dầu chưa tới, là cái hạnh phúc duy nhất có thực ở cõi đời này.

Vì vậy, một không khí thềm thường tội nghiệp đã nảy nở quanh gã.

Paradi lại lầm bầm nói:

- Chưa biết chừng!

Tuy nói vậy, gã cũng chẳng tin tưởng gì hơn những lần trước, gã đã từng nói những lời quá mức ấy trong cái chật hẹp của khung cảnh hiện tại của chúng tôi.

VII – LÊN TÀU

Ngày hôm sau, Bơơ cất tiếng nói:

- Đề tớ cắt nghĩa đầu đuôi cho mà nghe. Có những kẻ cầm quy...

Một tiếng còi ác nghiệt cắt phăng lời giải thích của gã, đứng ngay âm tiết ấy.

Anh em đang đứng ở một sân ga. Một cuộc bão động đêm đã đánh tan giấc ngủ, lôi chúng tôi ra khỏi làng và chúng tôi đã đi bộ đến đây. Thời gian nghỉ đã hết; người ta đổi khu vực, điều anh em đi nơi khác. Chúng tôi đã rời Gôsanh nhân lúc đêm tối, không trông rõ người và vật, không thể đưa mắt từ giả và cũng không mang theo đi được một hình ảnh cuối cùng.

Một đầu máy xe lửa chạy qua, sát đến nỗi hầu như đụng phải chúng tôi, và huyết còi inh ỏi. Tôi thấy cái miệng của Bơơ bị tiếng rú của cái máy khổng lồ ấy đánh lấp, thốt ra một câu rủa, và những anh em khác, đầu đội mũ mắc quai da xuống hàm – vì lúc đó chúng tôi canh gác trong ga – đang nhăn nhó vì bất lực và bị điếc tai.

Bơơ cúi sườn, rít lên, quát cái còi đương phì khói:

- Kêu cho chán đi!

Những cái đầu máy bất trị càng già mồm, làm tịt họng những người đang nói. Khi nó ngừng, tai chúng tôi vẫn còn vang inh lên, câu chuyện thế là tắt hẳn. Bơơ đành kết luận vắn tắt:

- Đây.

Rồi anh em đưa mắt nhìn quanh.

Chúng tôi như bị lạc lõng trong thành phố.

Hàng dãy tòa nhà dài dằng dặc, những đoàn tàu từ bốn mươi đến sáu mươi toa đứng sừng sững như những dãy nhà, mặt nhà tối om, thấp lè tè và cũng một kiểu, cách nhau bằng những ngõ hẹp. Trước mặt chúng tôi, dọc theo những đám nhà lưu động, là đường xe lửa lớn, cái phố dài vô tận mà những đường ray trắng chạy vút ra hai đầu rồi biến đi trong cõi xa xăm. Từng đoàn tàu, từng đoàn tàu tròn vẹn, thành từng cột lớn nằm ngang, chuyển động đi đi rồi trở lại. Khắp nơi là tiếng đập đều đều của những toa xa trên mặt đất bọc thép, những tiếng còi chói tai, tiếng leng keng của chuông báo hiệu, tiếng ầm ầm xình xịch của những khối thép khổng lồ đưa cánh tay cụt ra bắt khớp với nhau, tiếng xích sắt chan chát và những tiếng vang động trong cái thân dài có xương sống của đoàn tàu. Ở tầng dưới ngôi nhà dựng lên giữa ga, như một tòa thị chính, tiếng chuông vội vã của máy điện tín, và máy điện thoại vang lên oang oang xen lẫn tiếng người. Khắp xung quanh, trên mặt đất đen những than, là những nhà chứa hàng, những kho hàng thấp, nhìn qua cửa rộng, thoáng thấy mé trong bệ bộn, những túp lều của những người bẻ ghi, những tay ghi lờm chờm, những tháp chứa nước, những cột sắt ghép thừa, làm dây thép của nó kẻ lên nền trời như những dòng kẻ nhạc; đó đây, những cột hiện mặt tròn, và, chót vót trùn lên cái đô thị tối và thấp đó là hai chiếc cần trục chạy bằng hơi nước giống như những tháp chuông nhà thờ.

Xa hơn, trong những khoảng đất trống và khu để không, xung quanh những con đường ngoắt ngoẻo rồi rầm bển tàu và nhà cửa, có những xa nhà binh, xa và những đàn ngựa xếp hàng đến tận tít mù xa.

- Cậu coi, đây rồi tập nập bao nhiêu công việc.
- Cả một binh đoàn chiều nay người ta sắp cho lên tàu.
- Kia, đương đến kia.

Một đám mây phủ lên tiếng ầm ầm của bánh xe lăn và tiếng lộp cộp của vó ngựa, đang tiến lại mỗi lúc một to hơn trong cái đại lộ của nhà ga kéo dài giữa những hàng nhà cửa.

- Có những đại bác đã được chở lên tàu rồi.

Trên những toa không mui đằng kia, giữa hai dãy dài, những đồng hồm chồng thành hình tháp, quả có thấy một bên của bánh xe và nòng đại bác dài và thon. Hòm đạn, nòng súng và bánh xe đều loang lổ rằn ri những màu vàng, nâu và xanh lá cây.

- Đại bác đã nguy trang. Đằng kia, cả ngựa cũng được đem sơn đi. Này trông, cái con kia có bốn vó rộng như thể mặc quần ấy. Ấy, trước nó trắng và người ta đã phết cho nó một lớp sơn để đổi màu nó đi.

Con ngựa nói trên đứng xa những con khác – những con này như nghi ngờ nó – và phô ra bộ lông mà xám xám vàng vàng, rõ ràng là một màu giả dối.

Tuylacơ nói:

- Thương hại cho con vật!

Paradi bảo:

- Đây, cậu xem, ngựa đây, không những họ đưa chúng đi chết mà còn làm khổ chúng nữa.

- Làm thế là phúc cho chúng chứ sao?

- Ừ phải, cả chúng ta nữa, chính cũng vì phúc của chúng ta!

Gần chiều, nhiều binh lính đi đến. Từ khắp nơi, họ đổ cuộn cuộn vào nhà ga. Những lính có lon bô bô chạy trước những hàng ngũ. Người ta giới hạn không cho anh em tràn ra ngoài, ngăn anh em dọc hàng rào hay trong những khu vuông có chắn, mỗi nơi một ít. Anh em xếp súng thành bó, đặt xác xuống và vì không được phép ra ngoài, đành ngồi chờ, sát cánh nhau, vùi vào trong bóng tối lờ mờ.

Những đoàn lính tiếp tục tới mỗi lúc một đông hơn trong hoàng hôn mỗi lúc một tối. Cùng một lúc với binh lính, cả xe ô tô cũng đến. Chẳng mấy chốc, tiếng ầm ầm thành không ngớt: những xe hôm lọt thỏm giữa một thủy triều vĩ đại những xe tải nhỏ, vừa và lớn. Tất cả những xe cộ đó xếp hàng,

đổ yên, chen chúc nhau trong những nơi quy định. Một thứ tiếng lầm rầm bao la, gồm tiếng người và những tiếng động khác linh tinh toát ra từ cái biển người và xe lao xao quanh ga đó và bắt đầu thấm lậu vào nhà ga.

Côcôn, con-người-thông-kê nói:

- Chưa thấm vào đâu. Riêng ở Bộ Tư Lệnh của Binh đoàn đã có ba mươi ô-tô sĩ quan.

Gã tiếp:

- Cậu có biết phải bao nhiêu đoàn tàu năm mươi toa một để chở hết Binh đoàn – cả người và đồ lể – tất nhiên trừ những xe cam-nhông, chúng có tự lực đi đến khu mới. Đừng tính nữa, cậu mày ạ. Phải chính mười đoàn tàu.

- Chà! Khiếp thật! Và ta có băm ba binh đoàn!

- Đồ tổ chầy! Có đến ba mươi chín chứ!

Sự náo nhiệt tăng thêm. Nhà ga đầy thêm người lại càng đầy tràn thêm nữa. Đứng xa ở chỗ mà mắt chỉ phân biệt được một hình người hay một bóng mờ của hình người mà nhìn lại, thì đấy là một cảnh hỗn loạn, một tổ chức láo nháo như một cơn khủng bố. Cả cái hệ thống đẳng cấp sĩ quan tỏa ra, tất bật qua qua lại lại như những sao băng, giờ cánh tay chói những lon, ra hết lệnh này đến lệnh khác cho bọn loong toong và lính xe đạp len lỏi chuyển đi; bọn thì chậm chạp, bọn thì thoăn thoắt như cá bơi dưới nước.

Giờ thì tôi thực sự rồi. Những bóng đen quân lính mặc đồng phục tụ tập quanh những đồng hồ súng trở nên mờ mờ, không phân biệt được nữa và lẫn với màu đất. Rồi đến lúc chỉ có nhờ ánh lửa ống điếu và thuốc lá mới nhận ra được. Đôi chỗ, cạnh những đám đông, những chấm nhỏ và sáng đỏ liên tiếp vẽ thành một dãy dài, viên lầy bóng tối như chuỗi đèn ngoài phố vào ngày hội.

Trên cái khoảng rộng hỗn độn và náo động đó, tiếng người hò với nhau âm âm như sóng biển vỗ vào bờ; và bao trùm lên cái lầm rầm không bờ

biển đó, lại những hiệu lệnh, những tiếng kêu, tiếng hò reo, tiếng xôn xao của một cuộc dỡ hàng, chuyển hàng, tiếng chan chát của những búa máy đóng dồn dập trong bóng tối và tiếng gào rống của những nỗi hoi.

Trong cái bóng bao la, tối sẫm, đầy người và vật, khắp nơi đèn bắt đầu bật sáng. Đó là đèn pin của những sĩ quan và chỉ huy chi đội, đèn đất của bọn lính xe đạp. Bọn này, đây đó, đu đưa ngoắt ngoéo cái đóm lửa trắng bạch viền một khoảng sáng xanh nhợt nhạt.

Một đèn pha, đốt bằng hơi đất, bật lên chói lòa, tỏa ra một chòm ánh sáng. Những đèn pha khác cũng chọc thủng, xé rách cái màn xám xịt của cảnh vật.

Nhà ga lúc đó có một vẻ quái đản. Những hình thù khó hiểu hiện ra, in mình trên nền trời xanh đen. Từng đồng ùn lên, rộng như những tàn tích của một thành phố. Người ta thấy cái đầu mút của những dãy dài dằng dặc, những vật đang lặn vào bóng tối. Người ta tìm đoán những khối sâu mà những phần gần nhất nổi bật lên như vọt ra từ một cái vực lạ.

Bên trái chúng tôi, những chi đội kỵ binh và bộ binh vẫn cứ tiến mãi như trận lụt dày đặc. Tiếng người lan ra như mây mù. Vài hàng quân hiện ra trong tia lửa lân tinh hay trong ánh đỏ và tiếng lao xao kéo dài.

Trong những toa chở hàng, nơi người ta thấy được những khói xám và những cái miệng đen ngòm nhờ ngọn lửa xoáy tròn và mù khói của những bó đuốc, bọn lính xe lửa đang cho ngựa lên tàu bằng những tấm ván ghéch. Lại những tiếng gọi, tiếng quát, tiếng chân đánh đập kháng cự, tiếng móng ngựa bắt kham đá tứ tung vào thành toa xe trong đó chúng bị nhốt, và tiếng gã dắt ngựa chửi rủa.

Phía bên cạnh, người ta chuyển những xe ô-tô con lên toa đá. Một đám lúc nhúc vây lấy cái núi non những bó rom cỏ ngựa. Một đám đông lộn xộn khác hì hục trên những đồng tướng kiện hàng.

Paradi thở dài:

- Đứng chôn chân có đến ba tiếng đồng hồ rồi đây.

- Thế còn bọn kia là bọn nào?

Trong ánh sáng chớp chờn, một đàn yêu tinh, quanh mình lập lòe những đom đóm, hiện ra rồi biến mất, mang theo những dụng cụ kỳ dị.

Côcôn bảo:

- Trung đội đèn chiếu đây.

- Cậu lại nặn óc nghĩ ngợi rồi, ông bạn ạ. Cậu nghĩ gì thế?

Côcôn đáp:

- Hiện giờ ở Binh đoàn có bốn Sư đoàn. Cái này có khi thay đổi: khi thì ba, có khi thì năm. Giờ thì bốn. Và mỗi Sư đoàn ta – Cái con-người-chữ-số, vinh dự của tiểu đội chúng tôi, nói tiếp – có ba trung đoàn bộ binh; hai tiểu đoàn bộ binh tuần tiểu; một trung đoàn bộ binh hậu bị – không kể những trung đoàn đặc biệt. Pháo binh, Công binh, Quân lương, v.v... Cũng không kể Bộ tư lệnh của Sư đoàn bộ binh và những công vụ không ở biên chế lữ đoàn, trực thuộc vào Sư đoàn. Một trung đoàn bộ binh với ba Tiểu đoàn phải dùng đến bốn đoàn tàu: Một cho bộ Tư lệnh đại đội biệt động, và một cho mỗi tiểu đoàn. Không phải tất cả quân đội đều lên tàu ở đây. Những địa điểm lên tàu được bố trí dọc đường xe lửa tùy theo sự liên lạc giữa những chỗ trú quân và tùy ngày giờ di chuyển.

Tuylacơ nói:

- Tớ mệt lắm rồi. Ăn không có đủ những thứ chắc dạ. Còn đứng được là theo lệ phải đứng, chứ đếch còn hơi đếch còn sức nữa.

Côcôn lại nói tiếp:

- Tớ được biết: bộ đội, những bộ đội thực sự thì chỉ lên tàu từ nửa đêm trở đi. Hiện nó còn tập trung đây đó trong những làng quanh đây mươi cây số. Trước hết, tất cả các cơ quan của Binh đoàn sẽ đi trước với những đơn

vị không trực thuộc Sư đoàn – nghĩa là trực thuộc Binh đoàn – Côcôn ân cần giải thích.

- Trong những đơn vị không thuộc Sư đoàn, sẽ không thấy binh chủng Khí cầu, không thấy đội Phi cơ: những binh chủng kênh cang này có phương tiện riêng để tự vận chuyển, với quân số, văn phòng và y tế riêng... Trung đoàn tuần tiễu là một trong những đơn vị không thuộc Sư đoàn đó.

Bacơ nói liền:

- Làm gì có Trung đoàn tuần tiễu. Chỉ có tiểu đoàn thôi. Vì người ta chỉ nói: Tiểu đoàn tuần tiễu nào đấy.

Trong bóng tối, Côcôn nhún đôi vai đen và mực kính của gã hất ra một tia sáng khinh bỉ.

- Đồ ngu ngốc, mày đã thấy thế hử? Này, nếu mày lấu một tí thì mày cũng biết rằng bộ binh tuần tiễu khác kỵ binh tuần tiễu. Đó là hai loại riêng biệt.

Bacơ nói:

- Rõ khi! Tớ quên mất bọn kỵ binh.

Côcôn tiếp:

- Thế đấy! Trong những đơn vị không thuộc Sư đoàn mà trực thuộc Binh đoàn, có pháo binh của Binh đoàn, nghĩa là pháo binh Trung ương, ngoài pháo binh của các Sư đoàn. Pháo Binh của Binh đoàn gồm trọng pháo, chiến hào pháo, xưởng pháo binh, tự động xạ pháo, cao xạ pháo và gì gì nữa! Rồi có Công binh, Hiến binh, gồm có Hiến binh đi bộ và đi ngựa, Y vụ, Thú y vụ, một đội xe hậu cần, một trung đoàn hậu bị để canh gác và phụ dịch ở Tổng hành dinh, cơ quan Quân nhu với đoàn xe Hành chính. Lại còn có Đoàn gia súc, Trại trữ ngựa, lừa v.v...; Vụ quản lý xe – tất cả một ỏ các công vụ, nếu cần, tớ có thể kể cậu nghe hàng giờ – Phát ngân viên chuyên điều khiển Ngân khố và Bưu vụ, Tòa án binh, đội Điện tín, toàn Tổ máy phát điện. Tất cả đó đều có những Giám đốc, những Thiếu tá, các ngành

chính và ngành phụ, đầy lúc nhúc những thư ký, tùy phái, cần vụ và cả một mớ láo nháo. Cậu xem thế thì đủ thấy một nguyên soái chỉ huy Binh đoàn phải đứng giữa bao nhiêu là thứ!

Giữa lúc ấy, một đoàn lính khuân vác vây tròn lấy chúng tôi. Ngoài đồ trang bị cá nhân, họ còn khiêng nào hòm, nào gói bọc giấy có dây buộc. Họ kéo lê thê những cái đó rồi để xuống đất mà thốt lên: úi chà!

- Đó là những bí thư của Bộ Tham mưu. Họ thuộc vào Tổng hành dinh, nghĩa là một loại tùy tùng của nguyên soái. Khi họ di chuyển thì khiêng theo những hòm tài liệu lưu trữ, những bản, những sổ sách. Kia, cậu coi, đó, một cái máy chữ mà hai gã kia – một bố già và một tay trẻ phục phịch – khiêng đi, quai xách quàng vào một khẩu súng. Bọn họ chia thành ba phòng, lại còn có cả Phần vụ thư tín, bộ phận Ấn tín, Phần vụ họa đồ của Binh đoàn chuyên phân phát những bản đồ cho Sư đoàn và vẽ những bản đồ, sơ đồ theo ảnh chụp từ máy bay, vẽ theo chỉ dẫn của những quan sát viên và những tù binh. Những sĩ quan của các phòng đó, dưới quyền của hai đại tá chỉ huy và phó chỉ huy, hợp thành Bộ Tham mưu của Binh đoàn. Nhưng Tổng hành dinh chính thức, cũng gồm những cần vụ, cấp dưỡng, lính coi kho, thợ máy, thợ điện, lính xen dầm và những kỵ binh hộ vệ thì do một thiếu tá chỉ huy.

Nói đến đây, chúng tôi bị xô chung một cái cực kỳ mạnh.

Một người, có nhiều người nữa giúp sức, đang đẩy một cái xe về phía những toa xe, kêu lên như có ý xin lỗi:

- Kia! Coi chừng! Các cậu tránh ra!

Công việc họ thật vất vả. Mặt đất thì nghiêng, và chiếc xe, hễ không gò lưng đẩy nó, không bám chắc vào bánh thì nó lùi ngay. Trong bóng tối, những con người lẫm lẫm chen bám vào xe vừa nghiêng răng vừa mắng mỗ như đối xử với một con quái vật.

Bacơ vừa xoa lưng vừa gọi giật một tay trong bọn lính điên tiết kia:

- Này, con vịt già, liệu đây có lên được không?

Gã này còn bận hì hục, tru tréo:

- Khi ơi là khi! Coi chừng cái tảng đá này đấy! Mày làm hỏng xe của ông bây giờ!

Trong một cử động bất thành linh, gã lại va phải Bươ. Lần này thì gã vặc ngay:

- Đồ tồi, đồ phân gio, sao mày lại đứng đây?

Bươ cãi lại:

- Ồ, cái thằng này say rượu hay sao? Tại sao tao lại ở đây! Mà hỏi lạ nhỉ. Đây, đồ chấy rận, mày liệu xác!

Một người dẫn một bọn còng lưng khiêng những đồ vật linh tinh, nhưng nặng đến gập người, kêu lên:

- Tránh ra!

Không còn biết đứng vào đâu nữa. Đâu cũng làm vướng người khác. Anh em tiến lên, phân tán ra rồi lùi vào trong cái mớ hỗn độn đó.

Cô con điềm tĩnh như một nhà bác học, cứ tiếp tục:

- Ngoài ra, tớ bảo, còn có những Sư đoàn tổ chức gần hết như Binh đoàn.

- Thôi biết rồi, đừng nói nữa!

Paradi nhận định:

- Trong cái chuồng có bánh xe này, con ngựa nó làm om sòm. Cứ y như một bà mẹ chồng.

- Tớ đoán chắc: đó là con ngựa của lão Y sĩ trưởng. Theo Thú y sĩ hôm nọ nói thì nó là một ả bò non đang động dục.

Lamuydơ bị một loạt sóng pháo binh khiêng hòm đồn đi, tỏ ý khâm phục:

- Phải nhận là tổ chức tài thật. Không cãi được vào đâu!

Mactorô cũng thừa nhận:

- Đúng thế đấy. Điều khiển tất cả cái bộ máy này, không thể là những tay đàn, cũng không thể là những tay lười được... Con khi, đồ tồi! Khi máy đặt đôi giây khốn nạn xuống thì máy phải ý tứ một chút chứ!

- Thực là một cuộc dọn nhà cậu nhí. Khi tớ dọn nhà đến Maccutxit với cả gia đình, cũng không rối rắm đến thế. Thật tớ không thích làm cho rắc rối...

Không ai nói nữa, chỉ còn nghe Côcôn lên tiếng:

- Muốn xem cho hết cả cái quân đội Pháp đang đóng ở tiền tuyến điều qua – tớ không nói đến những quân đóng ở phía sau mặt trận còn đông gấp đôi, cũng không nói đến những bộ phận như những bệnh xá lưu động, tốn đến chín triệu quan và chuyển đi hàng 7000 bệnh nhân mỗi ngày – muốn xem họ điều qua trong những đoàn tàu sáu mươi toa, liên tiếp không ngừng, cứ mười lăm phút một chuyến, phải mất đến bốn mươi ngày và bốn mươi đêm.

Anh em nói:

- Chà!

Những điều đó quá sức tưởng tượng của anh em. Họ chẳng thêm đề ý đến nữa. Họ chán ngấy những con số to lớn đó. Họ ngáp và ứa nước mắt nhìn trong cảnh đảo lộn những ngựa phi, tiếng reo, cột khói, tiếng rống, ánh lửa và tia chớp – ở đằng xa, phía chân trời đỏ rực, cái vệt dài khủng khiếp của đoàn xe thiết giáp đương đi qua.

VIII – NGHỈ PHÉP

Ođo ngồi ở đó một lúc, gần cái giếng cạnh đường, trước khi theo con đường tắt qua ruộng để về chiến hào. Hai tay ôm lấy một đầu gối, khuôn mặt xanh xao ngược lên, mép không có ria, chỉ có hai vệt đen ở góc môi, gã huyết sáo rồi ngáp đến chảy nước mắt trước ánh sáng ban mai. Một anh lính lái xe trú ở đằng kia, ven rừng nơi có một hàng dài vừa xe vừa ngựa, giống chỗ nghỉ chân của bọn Bô-hê-miêng đi ra giếng cạnh đường mức nước, tay xách hai chiếc thùng bằng vải lủng liểng theo bước chân gã. Gã dừng lại trước anh bộ binh không mang khí giới, chỉ có một túi dết đầy phồng và đang ngái ngủ này.

- Cậu đi phép à?

Ođo trả lời:

- Phải, mình đi phép về.

Gã lính xe bỏ đi, nói:

- Ủ, thế thì ông bạn sướng đấy. Đã nốc được sáu ngày phép trong bụng rồi còn gì.

Vừa lúc đó, có bốn người xuống đường, bước nặng nề và vội vàng. Giày của họ bám bùn, nom lớn như giày vẽ ra tranh hài hước. Thoáng thấy bóng Ođo, họ đứng tập cả lại như một. Rồi họ reo lên, chạy lại, chia những bàn tay to lớn như có đeo găng len sắc đỏ hoe:

- Kia Ođo! Đây! Ođo! Đây, cái thằng khỉ kia, cậu đã trở về đây à?

Ođo đáp:

- Chào các chú.

- Về phép vui vẻ chứ? Cậu bảo sao cơ, thế nào, cậu?

Ôdo trả lời:

- Ủ, cũng khá hả hê.

- Chúng tớ vừa đi phụ dịch lấy rượu về; chúng tớ lấy đủ phần rồi. Cùng về luôn chứ?

Cả bọn nối đuôi nhau từ bờ đường bước xuống rồi khoác tay nhau đi qua cánh đồng bầy nhầy một chất vữa xám, bước chân bì bõm nghe như tiếng nhào bột trong thùng làm bánh.

- Thế là cậu đã gặp vợ, gặp cái cô Mariet nhỏ bé của cậu rồi đấy. Trước đây cậu chỉ sống vì chừng ấy và cứ mở miệng là khiến chúng tớ nhức óc về chuyện vợ cậu.

Bộ mặt xanh xao của Ôdo nhúu lại.

- Vợ tớ thì nhất định tớ đã gặp rồi, nhưng chỉ được có tí ti thôi. Không có cách nào hơn được. Thật là không may, nhưng sự thế là như thế.

- Như thế nào?

- Còn thế nào nữa? Cậu biết là chúng tớ ở Vinle-Labê, một xóm nhỏ bốn nhà không hơn không kém, nằm hai bên đường. Một trong số nhà đó, đúng là quán rượu của chúng tớ mà vợ tớ ở, hay nói mở lại thì đúng hơn, từ khi cái xó đó không bị đại bác phá phách nữa.

“Thế rồi, nhân tớ sắp được về phép, cô ta đã xin giấy thông hành đi Mông-xanh-Êloa là chỗ bố mẹ tớ ở và giấy phép tớ cũng ghi về đó. Cậu đã thấy cách chúng tớ trù tính chưa?

“Cô ta là người tính toán, cậu nghe chưa, nên đã xin giấy thông hành trước khá lâu cái ngày đó là tớ được đi phép. Thế nhưng tớ lại đi phép, có thể nói trước khi cô được giấy thông hành. Dầu sao, tớ cũng cứ về. Cậu chẳng lạ gì đại đội ta, đến lượt phép, chớ có dễ nhỡ. Thế là tớ ở với bố mẹ để chờ vợ. Tớ yêu bố mẹ lắm đấy, nhưng tớ cũng cứ bực mình. Còn ông bà

cụ tở được tở về thì hài lòng lắm, nhưng thấy tở ở với các cụ bực mình thì cũng buồn theo. Biết làm thế nào được? Đến hết ngày thứ sáu hết ngày phép, trước hôm phải đi, thì một chú thanh niên đi xe đạp, con trai lão Florenxơ ấy mà – cầm đến lá thư của Mariet bảo rằng cô ta chưa được giấy thông hành”.

Cả bọn tru lên:

- Trời! Khổ quá!

Ồo tiếp tục:

- ... Nhưng tở chỉ còn một việc là đến nhờ Thị trưởng Mông-xanh – Êloa để ông xin phép Ủy ban Quân chính, và thế là tở thân đi Vinle, chạy nước mã hồi về thăm vợ.

- Đáng lẽ phải làm như vậy ngay từ hôm đầu, sao lại để đến hôm thứ sáu!

- Tất nhiên thế. Nhưng tở lại sợ chéo nhau dọc đường rồi nhớ mất, không gặp được. Vì thế, ngay khi về, tở cứ dăm dăm chờ cô ta, chốc chốc lại tưởng thấy cô ngoài cửa bước vào. Cô ta dạn chờ thì tở chờ.

- Rốt cuộc cậu có gặp không?

- Chỉ gặp được có một ngày, hay đúng hơn, một đêm.

Lamuydơ khoái hoạt reo lên:

- Thế đủ rồi!

Paradi thêm vào:

- Ủ, đúng đấy. Trong một đêm thì một tay cao cường như cậu, cũng đủ làm, lại cả chuẩn bị làm được khỏi công việc!

- Ấy cứ trông nó, cái bộ mặt đã mệt chưa! Thật là cu cậu đã làm một bữa khướt, cái thằng tôi, cái đồ chó chết!

Bị các bạn tới tấp đùa giỡn tục tằn, Odo chỉ lúc lắc bộ mặt xanh xao và nghiêm trang:

- Bọn bay hãy khóa mõm lại dăm phút.

- Thế đầu đuôi ra sao, chú kể đi nào.

Odo nói:

- Chuyện có hay ho gì đâu mà kể.

- Thế ban nãy cậu nói ở với ông bà cụ thì buồn tênh cái sự đời kia mà?

- Đúng thế! Hai ông bà thấy tớ chưa gặp Mariet bèn hết sức làm khuây tớ bằng những lát dăm-bông ướp thật to, bằng rượu mạn, lại nào vá vúi quần áo, nào cho quà này bánh nọ, nuông chiều hết cách... (Tớ lại còn nhận thấy hai cụ cố nhin không hục hặc nhau như thường ngày). Nhưng khuây thế quái nào được. Tớ cứ trơ trố nhìn ra cửa xem nó có động đậy chẳng, có biến thành vợ tớ chẳng. Thế rồi tớ đã đi tìm lão Thị trưởng và tớ lên đường hôm qua, lúc hai giờ trưa – hay tớ nói đúng hơn, lúc mười bốn giờ vì từ hôm trước, tớ luôn luôn nhắm giờ! Vậy là vèn vện chỉ còn một đêm đi phép!

“Sâm sâm tối, khi đến gần, qua cửa toa đoàn xe lửa nhỏ còn đi lại được vùng đó trên từng đoạn ngắn, có chỗ tớ còn nhận ra cảnh vật, có chỗ không nhận ra nữa. Đó đây, tớ cảm thấy bỗng nhiên như cảnh vật lại hiện ra như cũ, chạy sấn đến tớ như muốn chào hỏi. Rồi lại im lặng. Sau cùng, xuống tàu, và cực quá đi mất, lại phải đi bộ đến tận ga cuối cùng.

“Thật chưa bao giờ, các cậu ạ, chưa bao giờ thời tiết như thế; mưa liên sáu ngày; sáu ngày liền, nước trời xối xuống rửa đi lại mặt đất. Đất nhão nhoét ra, chuyển đi, trôi vào những lỗ và làm thành những lỗ khác”.

- Ở đây cũng thế. Mưa chỉ mới ngớt từ sáng nay.

- Thế mới xui cho tớ. Khắp nơi, những con suối lớn và mới toanh chảy lấp cả bờ ruộng như xóa những đường kẻ trên trang giấy. Những ngọn đồi, hình như cũng chảy theo nước từ cao xuống thấp. Từng cơn gió giật trong mưa đột nhiên khiến nước rơi xuống mù trời, rào rào như ngựa tề, quất cả vào chân, vào mặt, vào cổ.

“Tớ cứ thây kệ. Khi cuộc bộ đến nhà ga, không có ma nào có thể khiến tớ quay lại được.

“Thế đéch nào đến làng thì lại thấy nhiều người: những cậu cũng đi phép, tuy không về Vinle nhưng phải qua đó để đi nơi khác. Thế là cũng nhập bọn... Năm anh cũng là lính cũ, không quen biết nhau. Đến làng tớ chẳng thấy gì sốt. Ở đó, đại bác còn già nhiều hơn ở đây, lại nước ngập, trời thì đã tối.

“Tớ đã nói làng ấy chỉ có bốn nóc nhà. Có một điều là nhà ở cách xa nhau. Chúng tớ đến chân dốc. Tớ không nhận rõ mình đang ở đâu. Cả bọn cùng đi, tuy có biết làng này ít nhiều vì là người thân cận, cũng chẳng biết gì hơn tớ, bởi mưa cứ như trút nước.

“Không thể đi thông thả được nữa. Chúng tớ co cẳng chạy. Qua trại Alo – một thứ hình ma bằng đá – đó là nhà thứ nhất. Những mảnh tường bị xé thành cột, chân ngập trong nước: nhà như vừa bị đắm. Xa hơn một tí là một trại khác, cũng ngập nước.

“Nhà tớ là nhà thứ ba, ven đường, chỗ cao nhất dốc. Chúng tớ leo lên, xông pha mưa gió đang đập vào mặt và bắt đầu làm mù cả mắt trong đêm tối. Lạnh ướt thấm vào tận mắt. Mưa như từng loạt súng máy khiến chúng tớ cứ tán loạn cả ra.

“Đến nhà rồi! Tớ chạy vọt lên như tên lính Ả-rập lúc xung phong. Mariet! Qua cái màn mờ mờ của bóng tối và mưa gió, tớ thấy Mariet đứng trong cửa, hai tay giơ lên trời! Mưa dữ quá xô nàng vào mé trong, khiến nàng phải cúi mình trong khung cửa, trông giống như Đức mẹ Đồng Trinh trong khăn thờ. Tớ phóng như bay vào, tuy vậy vẫn nhớ vầy mấy ông bạn đồng hành kia cũng theo tớ. Chúng tớ ùa vào nhà. Thấy tớ, Mariet hơi mỉm

cười rồi rơm rớm nước mắt. Hẳn cô ta chờ lúc chỉ có hai đứa với nhau để cười và khóc cho thỏa. Tớ bảo anh em tạm nghỉ, kẻ thì ngồi vào ghế, người thì ngồi trên bàn.

“Mariet hỏi:

“- Các ông này về đâu?

“- Chúng tôi đi Vôven.

“Nàng tiếp:

“- Lạy chúa! Đi không kịp đâu. Đêm hôm thế này, đường thì lúc, lại toàn những vũng lầy khắp nơi, các ông không thể đi hết đoạn đường ấy đâu. Đừng cố, không được đâu.

“- Đã thế thì ngày mai anh em sẽ đi. Chỉ cần bây giờ tìm được chỗ ngủ đỡ.

“Tớ bảo:

“- Để mình cùng đưa các cậu đến trại Người chết treo. Ở đấy có chỗ, không thiếu gì chỗ. Các cậu sẽ đánh một giấc đến mờ sáng thì đi.

“- Được! Ta cố một mạch đến đấy nào.

“Cái trại đó là nhà cuối cùng của thôn Vinle ở lưng chừng dốc nên rất hy vọng là không bị ngập nước và bùn.

“Chúng tớ lại ra đường. Ngã cứ oành oạch! Ướt không còn thể chịu được. Nước thấm qua đế giày vào tận bát tất, thấm qua da quần vào tận đầu gối. Trước khi đến trại Người chết treo thì gặp một bóng người áo quàng đen rộng, tay cầm chiếc đèn lồng, hấn giơ cái đèn, để lộ một lon vàng trên cánh tay áo và một bộ mặt sùng sộ.

“Cái bóng ấy ưỡn ngực, tay chống háng, nói trong khi mưa vẫn rào rào trên mũ hấn:

“- Các người làm trò gì ở đây thế?

“- Đây là binh lính đi phép về Vôven. Tối nay không thể đi được, muốn ngủ nhờ trong trại Người chết treo.

“- Các người nói gì vậy? Ngủ ở đây à? Các người dở hơi hay sao? Đây là đồn Công an. Tớ là hạ sĩ quan đương phiên gác, trong nhà hiện có tù binh Đức.

“Và hấn còn thêm:

“- Mà này, tớ nói cho mà nghe, các người phải phối đi ngay, đừng lồi thối. Đủ rồi, chào các người.

“Thế là lại quay gót, lại xuống dốc, bước trầy trật như say rượu, nào trượt, nào thở, ngã nghiêng, bì bõm. Một anh bạn đồng hành gào vào tai tớ trong mưa gió: “thôi thì anh em đành theo cậu về nhà; không tìm được chỗ ngủ thì chẳng cần vội.”

“- Nhưng rồi ngủ ở đâu? – Đừng ngại, thế nào cũng tìm được, chỉ nghỉ ở đây có vài giờ thôi mà. Tìm được, thế nào cũng tìm được, tớ đã bảo mà. Trong lúc chờ đợi, hãy trở lại nhà một lát. – Một lát thì được.

“Và Mariet lại thấy chúng tớ nối đuôi nhau về, cả năm thằng ướt như chuột lột.

“Nhà thì đâu có rộng, chỉ vền vện có một buồng nhỏ, anh em hết quay ngược lại quay xuôi:

“Một anh hỏi:

“- Chị này, ở đây có căn hầm nào không?

“Mariet đáp:

“- Hầm có nước. Cầu thang đi xuống chỉ có hai bậc thì bậc dưới nước đã ngập không thấy nữa.

“Anh chàng lại nói:

“- À! chán quá. Và tôi cũng đã nhìn, không có gác để thóc thì phải...

“Một lát sau, gã đứng dậy, bảo tớ:

“- Thôi, chào anh. Chúng tôi đi đây.

“- Thế nào, trời thế này mà các anh đi à?

“Gã đáp:

“- Nghĩ mà coi, lẽ nào anh em lại cản trở anh chị!

“- Nhưng, ông bạn ơi...

“- Không nhưng gì hết. Chín giờ tối rồi. Tinh mơ anh đã phải đi. Thôi, chào nhé. Đây, các cậu, đi chứ?

“Cả bọn hòa theo:

“- Hân chứ lì! Chúc ông bà một đêm tốt lành nhé.

“Thế là bọn ra mở cửa. Mariet và tớ nhìn nhau. Cả hai không nhúc nhích. Rồi lại nhìn nhau và đâm bỏ theo họ. Tớ nín lấy một vạt áo ca-pốt, Mariet thì giữ chặt một cái đai lưng áo – vạt áo, đai áo đều sưng nước.

“- Không thể được. Không thể để các anh đi được. Ai lại thế.

“- Nhưng...

“Tớ trả lời, trong khi vợ tớ gài cửa lại:

“- Không nhưng gì hết.

Lamuydơ hỏi:

- Thế rồi sao?

Ôđo trả lời:

- Thế là xong, có gì đâu. Mọi người ngoan ngoãn ở lại thế đấy suốt đêm. Ngồi tựa mình vào các xó, ngáp ngắn ngáp dài như thức canh người chết. Lúc đầu thỉnh thoảng còn to nhỏ vài câu. Chốc lại có anh hỏi: “còn mưa không nhỉ?” rồi ra xem nói: “còn mưa”. Đúng thế, vẫn còn nghe tiếng mưa rơi. Một gã to lớn, ria méo kiểu người Bảo, chống lại với giấc ngủ như người rừng. Đôi lúc một hai gã lặn ra ngủ thật, nhưng lúc nào cũng có một anh ngáp, cố giữ phép lịch sự mở một mắt ra rồi vươn vai hoặc hơi nhòm dậy để ngồi lại cho đỡ mỏi.

“Mariet và tở đều thức thâu đêm. Cứ nhìn nhau, cũng có khi nhìn những người khác, họ cũng nhìn mình, có thể thôi.

“Rồi buổi sáng đến, làm cửa sổ quang quắn hơn. Tở ra xem trời. Mưa vẫn chưa bớt. Trông vào buồng thì thấy những bóng người lơ mơ đương cử động, thở phì phò. Mariet hai mắt đỏ ngầu vì đã nhìn tở suốt đêm. Giữa nàng và tở, một anh lính run lập cập nhồi thuốc vào ống điếu.

“Có người gõ cửa kính. Tở hé cửa ra. Một hình người, mũ cứng nước lênh láng – chừng như cơn gió khủng khiếp đương thổi đã lồi, đã đẩy và cùng vào đây với anh ta – hiện ra, hỏi:

“Này nhà hàng, có thể cho ít cà phê được không?

“Mariet nói to:

“- Thưa ông, có, có ngay ạ!”

“Cô ta bỏ ghế đứng dậy, người hơi tê cóng. Cô không nói gì, soi mắt trong mầu gương, nắn lại mái tóc rồi nói rất dịu dàng:

“- Để em pha cà phê cho tất cả các anh”.

“Khi đã uống xong, tất cả phải lên đường. Và lại khách hàng cứ mỗi lúc một đông. Họ châu mồm qua cửa sổ mở hé, gọi:

“- Này, bà hàng! Có cà phê chứ? Cho ba cốc cà phê!

“- Bốn cốc đấy! Một người nữa gọi: “Và thêm hai cốc nữa”.

“Mấy anh nghỉ đêm lại gần Mariet để chào chia tay. Họ thậm biết rằng đêm vừa rồi họ thực là thừa. Nhưng tớ thấy rõ họ cũng chẳng biết có nên nhắc đến việc đó hay lơ đi là hơn.

“Cái gã to béo người xứ Maxêdoan đã quyết định nói:

“- Chị này, anh em thực đã làm rầy anh chị!

“Ông bạn nói thế để tỏ mình có giáo dục.

“Mariet cảm ơn và bắt tay ta.

“- Thưa ông, có gì đâu. Chúc các ông nghỉ phép may mắn!

“Còn tớ thì tớ xiết lấy nàng trong lòng, ôm hôn nàng thật lâu, trong nửa phút... Cũng bức thật – Chao, không bức sao được! Nhưng cũng hài lòng vì Mariet đã không tống cổ bọn họ ra. Và tớ cảm thấy vợ tớ cũng phục mình vì đã làm như nàng.

“Một anh đi phép, lật gấu áo ca-pốt lên, móc tay vào túi nói:

“- Nhưng không chỉ có thể thôi. Chị cho biết hết bao nhiêu tiền cà-phê?

“- Thôi ạ, vì đêm qua các ông nghỉ ở đây: các ông là khách của tôi.

“- Ô! Bà chị, sao thể được!...

“Thế là cứ vật nài nhau rồi chào nhau rôm rả! Ông bạn này, cậu bảo thế nào thì bảo, chúng ta chỉ là những con người xoàng xĩnh, nhưng lễ phép với nhau như thế, quả thực lạ lùng.

“- Thôi chúng ta phối chứ?

“Họ lần lượt từng người bước ra. Tớ ở lại sau cùng. Một khách qua đường khác, ngay lúc đó, gõ cửa kính: lại một chàng nữa thêm cà-phê. Mariet nghiêng mình ra ngoài cửa, nói to:

“- Ông chờ cho một phút.

“Rồi nàng ấn vào tay tớ một gói buộc sẵn.

“Em đã mua một chân giò. Định để hai ta cùng ăn, với một lít rượu còn nguyên xi. Thực tình khi em thấy bọn anh những năm người, em không muốn đem ra mời và giò thì lại càng không bụng nào nghĩ đến ăn. Đây là chân giò, bánh và rượu. Em đưa cho anh để anh dùng một mình vậy. Còn các anh kia, tiếp đãi thế cũng là đủ lắm rồi! Nàng nói thế”.

Ồdo thở dài:

- Tội nghiệp cho Mariet. Mười lăm tháng rồi tớ chưa gặp nàng, và bao giờ mới sẽ lại gặp nhau! Mà biết có còn gặp nhau nữa không? Cái ý nghĩ của nàng thật dễ mến quá. Nàng nhét tất vào túi dết tớ...

Gã hé cái túi dẹt vải xam ra.

- Nay, còn cả đây: chân giò này, bánh này, rượu này. Còn nguyên cả đây. Các cậu có biết bây giờ tớ sẽ đem nó làm gì không? Các ông bạn ơi, ta cùng chia nhau nhắm chứ?

IX – CON GIẬN LỚN

Sau hai tháng nghỉ dưỡng bệnh, xa đơn vị, lúc gã trở về anh em vây lấy gã. Nhưng gã lộ vẻ cau có, lầm lỳ và hay tìm tránh vào chỗ vắng.

- Thế nào, Vônpat, cậu không nói gì à? Chỉ nói có thể thôi ư?

- Khi này, hãy kể cho bọn tớ nghe cậu đã thấy gì ở nhà thương và khi dưỡng bệnh, từ cái hôm cậu rời chúng tớ mang cái đầu đầy bông băng và cả cái mồm nữa mà ra đi. Hình như cậu đã có qua các phòng giấy. Nói đi chứ, mẹ kiếp!

Mãi Vônpat mới hé răng:

- Tớ không muốn kể về gì về cái đời mặt kiếp của tớ.

- Mà nói gì? Nó nói thế nào nhỉ?

- Tớ chán ngấy rồi, thế đấy! Cái bọn chúng nó ấy à, tớ phát ốm, muốn nôn mửa, cậu có thể bảo vào mặt chúng như thế.

- Nhưng họ đã làm gì cậu chứ?

Vônpat nói:

- Toàn một loại đồ đều!

Gã đứng đó, đầu vẫn như xưa, tai liền lại, lưỡng quyền như người Thát-đát, mặt gàn bướng, cổ chấp giữa vòng anh em thắt mắc đương vây quanh. Người ta cảm thấy thâm tâm gã chua chát, xáo động ghen ngào, cổ ngậm miệng trong cái yên lặng uất ức.

Nhưng cuối cùng lời nói cũng phải bật ra. Gã quay đầu về phía hậu phương – rồi chĩa quả đấm vào cái không gian vô tận.

Gã rít lên giữa hai hàm răng xám:

- Nhiều quá thể, chúng nó nhiều quá thể!

Và trong trí tưởng tượng của gã, gã như đang đe dọa, xô đẩy một con thủy triều đang lên của những bóng ma.

Ít lâu sau, anh em lại hỏi nữa, biết rằng cơn giận không giữ được mãi trong lòng, gặp dịp thì cái yên lặng dữ dội ấy sẽ nổ bùng ra ngay.

Hôm đó, trong một hào sâu ở hậu tuyến, sau một buổi sáng đào công sự, anh em tụ tập lại ăn cơm. Trời mưa như thác; nước ngập, khiến mọi người hỗn loạn, bị bõm xô đẩy vào nhau. Anh em phải xếp thành hàng. Ăn đứng, không có lấy một nơi trú chân dưới bầu trời tầm tã. Phải hết sức mới giữ được những “thịt khỉ”^[32] và bánh khỏi bị nước mưa hắt tứ tung vào. Vừa ăn, vừa cố thu tay, che đầu dưới những mũ mấn. Nước đổ rào rào, bắn tung tóe và chảy như suối trên những tấm khoác mềm bằng vải thô hay dạ; khi dữ dội, khi ngấm ngấm, nước thấm vào người và thức ăn. Chân mỗi lúc một ngập thêm, bám rễ vào suối nước ở đáy hồ đất sét.

Vài gã cười, râu mép nhỏ giọt, những anh khác thì nhăn nhó vì phải nuốt những bánh mềm sũng nước với thịt bị nước mưa rửa sạch, và vì những giọt nước mưa từ tứ phía cứ lùa từng chỗ hở của tấm áo khoác dày bết bùn mà quất vào da.

Bacơ ôm cái cà-mèn vào ngực, thét gọi Vônpat:

- Thế nào, cậu bảo ở vùng cậu vừa về, đã gặp nhiều thằng chó chết phải không?

Blerơ trong cơn gió thốc mãnh liệt làm bạt cả tiếng nói, cũng kêu to lên:

- Thí dụ thế nào? Cậu thấy những bọn chó chết ấy là những ai?

Vônpat bắt đầu:

- Này có... rồi thì... Mẹ kiếp! Chúng nó cứ nhan nhản cả. Có...

Gã cố nói lên những điều đã xảy ra. Nhưng gã chỉ có thể nhắc lại: “Chúng nó cứ nhan nhản cả”; gã như bị tức tối, thở hổn hển. Gã nuốt một miếng bánh nhão nhoét, nuốt luôn cả cái mớ bòng bong ngọt ngạt của những kỷ niệm vừa qua.

- Có phải cậu muốn nói những thằng “phục hậu” phải không?

- Còn phải nói!

Gã vừa ném qua bờ hào mẩu thịt bò còn lại, và câu nói ấy, tiếng thở dài ấy bật ra dữ dội từ miệng gã như từ một cái nồi hơi.

Bạcr khuyên can, giọng nhạo báng, nhưng không khỏi pha chút chua chát:

- Cái anh thổ tả này, thầy kệ những thằng phục hậu. Nhắc đến chúng có ích lợi gì?

Co rúm người, núp trong cái mũ mấn mỏng manh và mềm nhẽo bằng vải sơn, sáng loáng vì nước mưa, Vônpat vừa giờ chiếc cà mền rộng ra ngoài mưa để rửa, vừa cầu nhàu:

- Tớ cũng không đến nỗi gàn lảm đâu, tớ biết rằng ở hậu phương dù sao cũng có những thằng ma cô, phải có chứ. Tớ cho rằng cần có những thằng khệnh khạng. Nhưng nhiều quá, nhiều quá chừng và toàn một loại, toàn là những hạng tòi, thế đấy!

Sau lời tuyên bố đó, rọi một chút ánh sáng vào cái mớ lộn xộn u ám những bất bình mà gã đã mang về với anh em, Vônpat thấy nhẹ nhõm, kể lại, giọng nhát gừng giữa những loạt mưa tầm tã:

- Họ di chuyển tớ từ từ, vừa đến cái nơi đầu tiên đó thì đã thấy hàng sọt, hàng bồ những hạng đó. Chúng bắt đầu gây cho tớ một cảm giác xấu. Thôi thì đủ các thứ cơ quan hành chính, cơ quan phụ, những cục, những vụ, những trung tâm, những phòng giấy, những tổ. Thời gian đầu cậu ở đấy, cậu

gặp bao nhiêu người là bấy nhiêu cơ quan mà tên gọi cũng khác nhau. Nhiều đến ngợp người lên. Cậu ạ, cái thằng cha nào đã nghĩ ra tên tất cả những cơ quan đó, hẳn là một đầu óc không vừa!

“Thì làm thế nào mà tớ chẳng phải ngấy lên được? Nhan nhản trước mắt tớ toàn là cơ quan, đến nỗi khi làm việc gì cũng mơ thấy cơ quan!”

Gã lại nhai đi nhai lại:

- Chà! cậu ạ, cả cái bọn ma-cô ấy, chúng cứ loăng quăng phình phờ, ăn diện chải chuốt, nào mũ lưỡi trai, nào áo sĩ quan, nào giày có cổ, xúng xáo xúng xính. Chúng sức toàn miếng ngon, ăn uống kiểu cách, tắm rửa suốt ngày. Chúng đi lễ, thuốc lá phì phèo luôn miệng và đêm đến thì rúc vào nệm ấm mà đọc báo. Để rồi sau đây chúng cũng nói: “Tôi đã than gia chiến tranh đây”.

Một điều đã đập mạnh vào tâm trí Vônpat và nổi bật lên trong cái ảo tưởng lơ mơ và mê say của gã:

- Tất cả những thằng lính đó, đêch thằng nào phải mang theo mình cà-mên và ca để mà đứng như bọn ta. Chúng phải hưởng mọi sự tiện lợi. Chúng thích đến ngồi ăn ở nhà một con mụ nào đó, chễm chệ một bàn riêng bắt chước kiểu ông lớn và con mụ dành một góc tủ để cất bát đĩa riêng của chúng, những đồ hộp và những thức ăn của chúng, tóm lại, tất cả những lạc thú của giàu sang và thanh bình trong cái hậu phương chết tiệt ấy!

Anh chàng ở cạnh Vônpat lắc lắc cái đầu dưới những thác nước từ trên trời đổ xuống, nói:

- Thì càng hay cho chúng chứ sao.

Vônpat lại bắt đầu nhắc lại:

- Tớ không phải là gàn.

- Có lẽ thế, nhưng cậu mâu thuẫn đây.

Vônpat thấy câu đó như chửi mình, gã giật nảy mình, hung hăng ngẩng đầu lên. Con mưa chỉ rình có lúc đó, hắt vào mặt gã từng đồng nước.

- Láo, thật láo quá! Mâu thuẫn! Hừ, cái thằng cục cứt này!

Anh chàng bên cạnh lại tiếp:

- Thưa ngài, đúng thế. Tao bảo là mày cứ cẩu rẩu cái mồm, nhưng mày vẫn thích được như chúng, như những thằng Cáy-hôi ấy.

- Thì hẳn vậy, nhưng đồ mặt mông, cái đó có chứng tỏ cái gì? Trước hết, anh em chúng ta đến đây đều đã xông pha nguy hiểm thì phải đến lượt hưởng chứ. Đàng này thì luôn vẫn chỉ những thằng đó, mày ạ, vớ lại trong bọn chúng, có những thằng trai trẻ khỏe như bò mộng, cân đối nở nang như đồ vật. Hơn nữa, chúng nó đông quá thế. Mày xem, trước sau tao chỉ bảo là “nhiều quá”, bởi vì thực là nhiều quá.

- Nhiều quá! Mày biết thế nào là nhiều quá, đồ tồi! Mày có biết những cơ quan đó là những cơ quan gì không?

Vônpat đáp:

- Tớ đếch rõ là cơ quan gì, nhưng tớ bảo...

- Thế mày tưởng điều khiển hết mọi việc của quân đội không phải là phức tạp lắm sao?

- Tớ không cần biết, nhưng...

Anh chàng bên cạnh trông không rõ mặt vì tầm hum cái mũ mấn dưới trời mưa như trút, lên giọng chế giễu, hoặc vì anh ta hết sức dửng dưng với vấn đề, hoặc vì anh có ác ý làm cho Vônpat thêm sôi sục.

- Thì cậu muốn được thay chân chúng, chứ gì?

Vônpat trả lời giản dị:

- Tớ không biết làm những công việc đó.

Giọng the thé của Baco xen vào:

- Thì đã có người khác biết thay cho cậu. Tớ quen một thằng...

Vônpat gào lên tuyệt vọng trong đông bão:

- Cả tớ, tớ cũng đã gặp bọn đó! Đây, không xa lắm lắm, chẳng rõ ở nơi nào, chỗ có bệnh viện tiếp nhận và một trạm quân nhu, tại đó, tớ đã gặp cái thằng con chạch ấy.

Gió lướt qua chúng tôi, lung lay như ý hỏi:

- Cái gì thế này?

Lúc đó trời ngớt mưa nên Vônpat đã có thể nói dễ nghe hơn:

- Thằng cha nó hướng dẫn tớ trong cái trật tự lộn xộn y như trong phiên chợ ấy, vì chính nó cũng là một cái kỳ quan của nơi đó. Nó đưa tớ qua các hành lang, qua các phòng của những tòa nhà và những lán gỗ làm thêm, khi thì nó hé cánh cửa có nhãn đề tên buồng, khi thì nó chỉ vào cửa, bảo tớ: “Cứ xem đi, thế đấy, xem đi nào!” Tớ đã đi với nó, nhưng nó không trở lại chiến hào như tớ. Mà chắc chắn rằng nó cũng không phải ở chiến hào như tớ. Mà chắc chắn rằng nó cũng không phải ở chiến hào về đâu. Cái con chạch ấy, lần đầu tớ gặp, thấy nó bước nhẹ nhàng ngoài sân, bảo tớ: “Đây là cơ quan thường trực”. Tớ đã chuyện trò với nó. Hôm sau, nó đã vớ được chức cần vụ để tránh khỏi phải ra trận, vì từ chiến tranh đến giờ, nay mới đến lượt nó phải ra.

“Ngồi ở ngưỡng cửa căn buồng mà suốt đêm nó đã ngủ trong nệm ấm, nó đương đánh giầy cho cái thằng khiêu của nó: một đôi bốt vàng lộng lẫy. Nó phết xi cứ như là thép vàng, cậu ạ. Tớ đã dừng lại xem nó làm. Thằng cha kể cho tớ nghe chuyện nó. Cậu ạ, tớ không nhớ rõ lại câu chuyện ngồi sọ lồi Ả Rập^[33] ấy, cũng như không bao giờ nhớ được sử nước Pháp với những niên hiệu mà người ta ê a ở nhà trường. Cậu ạ, không bao giờ nó

bị đưa ra mặt trận, mặc dầu nó thuộc lớp lính năm 3 và khỏe như vâm. Những nguy hiểm, vất vả, cơ cực của chiến tranh đâu phải phần của nó, chỉ là của kẻ khác thôi. Thực tế, nó biết rằng một khi đã ra nơi bom đạn thì trận mạc sẽ cuốn xác nó, nên nó bám chặt chân mà ở lại. Người ta đã tìm đủ mọi cách để đưa nó đi, nhưng không tài nào được. Nó thoát khỏi tay tất cả các đại úy, tất cả các đại tá, tất cả các y sĩ trưởng, mặc cho họ tha hồ cẩu kính giận dữ với nó. Nó kể cho tớ thế đấy. Nó đã làm cách gì? Nó đã ngồi phịch xuống, giả bộ ngốc nghếch. Nó ngây ra như một khúc dồi, hết như một mớ giẻ bần. Nó kêu van: “Hình như tôi bị mệt toàn thân”. Người ta không biết phải đối phó với nó thế nào, sau đó, rút cục đành mặc xác nó. Ai cũng phải nôn nó ra. Thế đấy. Cậu cũng hiểu chứ, nó cũng tùy trường hợp mà thay đổi cách thức. Khi thì nó đau chân, nó biết lợi dụng chân đau một cách bần tiện. Rồi nó xoay xở tam khoanh tứ đốm, chước gì nó cũng hay, không bỏ lỡ một cơ hội nào. Phải biết cái thằng khỉ ấy, nó thuộc hết giờ các chuyến xe lửa! Nó luồn mình vào một nhóm nào đó của một trại mà nó nhờ vả được, nhẹ nhàng bám riết lấy, cố sức khiến cho người ta cần đến nó. Ba giờ sáng đã dậy pha cà-phê, đi xách nước khi cả bọn còn đánh chén: cuối cùng bất cứ đâu nó lọt vào được, nó thành như người nhà, cái thằng khốn nạn ấy, cái thằng chó chết ấy! Nó chịu thương chịu khó để chuồn cái khó, cái khổ. Tớ thấy nó hết như cái thằng ma-cô, có thể lao động cật lực kiếm một trăm đồng một cách lương thiện, thì không muốn, lại chặt vật không kém để làm tờ bạc giả năm mươi đồng. Nhưng này, nó sẽ giữ được nguyên vẹn cái thân xác nó. Ra mặt trận nó sẽ bị lôi cuốn theo làn sóng. Nó đại gì. Nó mặc xác những kẻ đi đến chỗ vỡ đầu sút tai, nó lại càng thấy kệ họ khi vì chiến trận mà chết. Khi chiến tranh kết thúc, nó sẽ trở về nhà nói với bạn bè thân thuộc: “Tôi về đây, bình an vô sự”. Bè bạn nó sẽ hài lòng vì nó là một đứa tốt nết, điệu bộ dễ thương, dầu nó chỉ như một thằng chó chết, và – thật là ngược đời – cái giống dồi bọ ấy, ai thấy cũng phải ưa. Mà này, những hạng kiêu ấy, đừng tưởng là ít ỏi. Có hàng thùng trong các trại, không biết chúng bầu vúi và luôn lọt thế nào ở các địa điểm xuất phát. Chúng nói: “Tôi không đi đâu”, và chúng không đi thật, không bao giờ người ta đẩy chúng ra mặt trận được.

Bacơ nói:

- Tất cả cái đó thì có gì mới lạ. Chúng tớ biết, biết cả rồi!

Vônpat mãi mê với câu chuyện chuyển đi của gã, nói thêm:

- Lại còn những phòng giấy. Có nguyên cả những ngôi nhà, có những đường phố, khu phố toàn là phòng giấy. Tớ chỉ qua một xó xỉnh nhỏ ở hậu phương, nhỏ như một chấm mà đã ngập mắt những phòng giấy. Không, tớ không thể ngờ được rằng trong chiến tranh lại có đến ngàn ấy người ngồi bàn giấy...

Trong hàng anh em, một bàn tay thò ra, sờ soạng không gian:

- Này, hết mưa rồi...

- Thế thì cậu xem, chúng ta sắp vào hầm trú ẩn đây...

Quả thực có tiếng hô “Bước!”

Mưa đã tạnh, anh em nối đuôi nhau trong cái ao dài nông choèn đọng ở đáy chiến hào, nơi mà vừa rồi, từng mảng nước mưa lồng lộn.

Tiếng thì thầm của Vônpat lại tiếp tục trong tiếng rầm rập của đoàn quân đi và tiếng bì bõm lội bùn. Tôi vừa nhìn đôi vai của một cái áo ca-pốt tôi tàn sưng ướt thấu xương rung rinh trước mắt, vừa nghe gã nói.

Giờ thì Vônpat đương cẩu vớ bọn chiến binh.

- Càng quay lưng lại tiền tuyến thì thấy chúng càng nhiều.

- Chiến trường của bọn chúng khác chiến trường của ta.

Tuylacơ còn giữ mỗi hiềm khích xưa đối với chúng. Gã nói:

- Phải thấy ở những chỗ trú quân, những người anh em đó đã vùng vẫy như thế nào trước hết là tìm cho mình chỗ ăn chỗ ở tinh tươm. Khi chúng đã giải quyết xong vấn đề dạ dày, là đi lòng những cửa hàng rượu lậu. Cậu thấy chúng rình bằng cách liếc dòm vào cửa những nhà bản thủ xem có anh lính nào chuồn nhè nhẹ ở nơi đó ra, mắt la mày kết, trông trước trông sau, vừa đi vừa liếm mép.

- Cũng có những thằng biến hình tốt: tớ biết một thằng ở vùng tớ, vùng Bờ biển Vàng là nơi tớ...

Tuylacơ gạt phăng:

- Im đi, chúng nó cá mè một lứa. Đếch thằng nào bù thằng nào.

Vônpat nói:

- Ủ, chúng nó sung sướng thật. Nhưng cậu tưởng chúng hài lòng rồi đấy hử? Không đâu, chúng còn kêu oang lên.

Gã chữa lại:

- Tớ gặp một thằng, nó hay kêu rên. Nó rất là bức với những lý thuyết^[34]. Nó nói: “Tội gì mà học lý thuyết. Lý thuyết nó cứ thay đổi luôn luôn mà. Này nhé, về công vụ hiến binh, chỉ cần học cái chương trình thôi, về sau thì khác cả. Chà! Bao giờ thì cái chiến tranh này chấm dứt!” – Nó nói thế.

Ôđo nói liêu:

- Bọn đó thì chỉ đâu đánh đấy.

- Thì hử thế! Của đáng tội, không phải lỗi chúng. Đừng quên rằng những anh lính nhà nghề đó, được hưởng các thứ phụ cấp, được tặng huy chương, lại tham gia chiến tranh theo cái kiểu kỳ lạ đó, trong khi chúng ta, chúng ta chỉ là những thường dân nhập ngũ.

Vônpat nói:

- Cậu làm tớ nhớ đến một tay kiếm lâm mà tớ đã gặp. Hử luôn miệng kêu ca vì bị bắt đi làm phụ dịch. Thằng cha bảo tớ: “Người ta sử dụng chúng tôi thật là chán ngấy. Chúng tôi đã là những hạ sĩ quan cũ, anh nào ít ra cũng đã ở lính bốn năm. Chúng tôi được trả lương cao, thật thế. Và sao

nữa? Chúng tôi còn là những công chức! Nhưng họ đã làm nhục chúng tôi. Ở Tổng hành dinh, họ sai chúng tôi lau chùi, dọn rác. Dân sự thấy cái cách đối xử như thế, đâm ra khinh chúng tôi. Mà hơi càu nhàu cãi lại là họ dọa tổng ra chiến hào như những bộ binh. Còn gì là uy tín của chúng tôi! Sau chiến tranh, khi chúng tôi trở về thôn xã với trách nhiệm kiểm lâm – nếu còn mang xác trở về – thì dân sự ở đó bảo: “A, trước đây chính ông đã dọn rác những đường phố ở X...?” Muốn lấy lại cái uy tín cũ bị sự bất công và bội bạc của người đời làm tổn hại, tôi thấy rõ rằng – hấn bảo thế – sẽ cần phải làm biên bản, làm biên bản nữa, làm biên bản thả cửa đối với bọn giàu có, đối cả với những tay quyền thế!

Lamuydơ nói:

- Tớ biết một anh hiến binh có công tâm. Hấn ta bảo:

“– Nói chung thì hiến binh không rượu chè, nhưng đâu mà chẳng có những đồ tồi, phải không? Nhân dân thực sự có gờm hiến binh, điều đó đã dành. Nhưng thú thực rằng có những tay đã lạm dụng điều đó và họ – bọn chó đều trong hiến binh – thường uống rượu quýt. Nếu tôi là chánh hiến binh hoặc đội trưởng chẳng hạn, tôi sẽ trị chúng, mà trị thẳng tay – hấn ta bảo thế – vì rằng dư luận thường chỉ vì một anh hiến binh làm biên bản láo mà oán trách cả toàn thể hiến binh.”

Parađi nói:

- Còn tớ, một trong những ngày xấu nhất của đời tớ là cái lần tớ chào một thằng hiến binh vì tớ thấy nó có lon chéo trắng^[35] tưởng lầm là một thiếu úy. May mắn làm sao (tớ nói thế không phải để an ủi mà vì có lẽ đúng là như thế thật), may mắn làm sao, hình như nó không trông thấy tớ. Im lặng một lúc.

Anh em lại lầm rầm:

- Ừ, tất nhiên là thế. Nhưng biết làm thế nào? Nghĩ đến làm gì cho bận.

* *

Một lúc sau, khi chúng tôi ngồi dọc theo một bức tường, lưng tựa vào đá, chân thọc sâu vào đất, Vônpat lại tiếp tục mở gói cảm tưởng ra:

- Tớ vào một cái phòng, làm phòng giấy của Trại, chắc là phòng kế toán. Lúc nhúc những bàn là bàn. Người thì đông như một cái chợ. Nói năng thì ồn ào. Dọc hai bên tường và ở giữa, những thằng cha ngồi, trước mặt bày biện như hàng bán giấy cũ. Tớ đưa lá đơn xin được trở về Trung đoàn cũ, thì họ bảo tớ: “Tự anh phải xoay xở lấy, phải tự mình lo chứ!” Tớ vớ lấy một thằng đội. Hắn hơi bộ tịch một chút, mặt non nớt, kính gọng vàng – kính cũng đeo lon đấy. Hắn còn trẻ, nhưng vì tái đặng, hắn có quyền không phải ra mặt trận. Tớ nói: “Thưa ông đội!” Nhưng hắn không để tai nghe vì đương bận gặt một anh thư ký. Hắn nói: “Khốn nạn cái anh này. Tôi đã bảo anh hàng chục lần rồi là phải thông báo một bản để thi hành cho Đội trưởng ký binh. Hiến binh của Binh đoàn và một bản để biết, không cần chữ ký, chỉ ghi tên người ký, cho hiến binh Quyền lực Quốc gia ở Amiêng và những trung tâm trong vùng mà anh đã có danh sách – lẽ tất nhiên là phải kinh qua nguyên soái chỉ huy khu vực. Thật là đơn giản thôi mà”. Hắn ta bảo thế.

“Tớ lùi lại ba bước chờ hắn gặt mắng cho xong. Năm phút sau, tớ lại gần thằng đội ấy. Hắn bảo tớ: “Này anh, tôi không có thì giờ tiếp anh được vì còn bận trăm thứ trong đầu”. Quả thật, hắn đương phát câu lên trước cái máy chữ, cái máy khốn nạn, vì theo lời hắn, hắn đã quên không ấn nút chữ cái, nên đáng lẽ gạch đít đề mục trang, lại tương cả một hàng toàn số 8. Thế là chẳng thèm nghe gì nữa, hắn cứ chửi vung bọn Mỹ, vì máy của hắn sản xuất ở Mỹ.

“Sau đó, hắn lại hực hặc với một thằng tay chân lẻo khoẻo vì theo vì theo lời hắn, trên phiếu gửi phân phối các bản đồ, đã quên sở Binh Lương. Đàn gia súc và Đoàn xe hành chính của Sư đoàn bộ binh 328.

“Ở bên cạnh, một anh chàng loay hoay in cho được thật nhiều thông tư, quá sức in của thạch bản nên mặt hắn đỏ gay, mồ hôi nhễ nhại, mà chỉ cho ra những bản chữ lèm nhèm. Những thằng khác thì tán chuyện. Một gã đáng bảnh bao hỏi: “Những ghim cài Pa-ri” để đâu nhỉ?” Nói năng thì

chúng dùng những từ lạ: “Thưa ông, ông làm ơn cho biết những thành phần nào hiện đóng ở X...” Thành với phần, tiếng quái gì lại tiếng thế? – Vônpat nói: “Phía cuối cái bàn lớn của những thằng cha tớ vừa kể và tớ đã men lại gần, với thằng đội ở mé trên, sau một đồng tương giấy tờ, đang vùng vẫy và ra lệnh (tốt hơn hết là hấn xếp đồng giấy lại cho gọn gàng), có một thằng khác không công việc gì, tay cứ gõ nhịp vào giấy thăm. Hấn phụ trách việc cấp giấy nghỉ phép, nhưng vì cuộc đại tấn công đã bắt đầu, phép với tắc đều đình chỉ, thành hấn đếch có việc. Hấn nói: “Chà! Thú quá!”

“Đây, mới chỉ là một bàn trong một phòng, trong một bộ phận thuộc trại thôi đấy. Tớ còn thấy những thằng khác, rồi những thằng khác nữa, cứ nhiều mãi lên. Không biết thế nào mà nói, thật đến hoa cả mắt”.

- Chúng có lon chéo không?

- Ở đây thì ít thôi. Nhưng trong những cơ quan ở tuyến thứ hai, thằng nào cũng có. Hàng nút, như một vườn bách thú đeo lon ấy.

Tuylacơ kể:

- Nói đến hạng lon chéo, tớ đã thấy một thằng đẹp mã nhất. Thằng cha lái xe, áo quần dạ mượt như sa-tanh, lon chéo còn mới nguyên, quai da kiêu sĩ quan Anh, tuy hấn trước sau chỉ là binh nhì thôi. Hấn tỳ tay vào má, khuỷu tay tì vào cái xe hơi choáng lộn những kính với gương đỏ mà hấn là tay hầu hạ lau chùi. Cậu mà thấy, hấn cười nôn ruột. Cái thằng ba que bánh bao ấy, nó lại khuỳnh chân ra nữa chứ!

- Thật hệt như anh lính poa-luy vẽ trên các báo phụ nữ, trên những tờ lá cải xinh xinh đều cang.

Mỗi người có những kỷ niệm và điệp khúc về cái đề tài “những thằng chuồn việc nặng” đã bao nhiêu lần nhắc đi nhắc lại đó, mọi người cùng mở bầu tâm sự, tranh nhau nói. Ở chân bức tường buồn tênh, nơi chúng tôi chổng chất như những chiếc ba-lô, trong khung cảnh bị dày xéo, xám xịt và bùn lầy trải ra trước mặt, bị mưa gió làm khô căn, những tiếng lao xao bao phủ lấy chúng tôi.

- ... Bộ cánh của hắn đặt hắn ở hiệu thợ may, chứ không phải lấy ở kho.

- ... Tùy phái ở Cơ quan Lục lộ, rồi ở Quận nhu, rồi làm lính xe đạp ở bộ phận tiếp liệu của đơn vị XI.

- ... Mỗi buổi sáng, hắn có một công văn phải mang đến sở Quân nhu, sở Đồ bản xạ kích, đến Đội cầu và buổi chiều đến Đội Pháo của Sư đoàn và đội Chiến hào pháo. Thế thôi.

- ... Cái thằng lính tùy tùng ấy nói: “Khi chúng tớ đi phép về, phụ nữ hoan hô chúng tớ rầm lên ở các rào chắn ven đường xe lửa”. Tớ mới bảo hắn: “Họ lầm các cậu là chiến sĩ đấy”.

- ... Tớ bảo: “À! Ra là anh bị động viên, phải không? – Nó trả lời: “Đúng thế, vì tớ đã tuần du sang nói chuyện ở Mỹ, có ủy nhiệm của Bộ trưởng. Thế chẳng phải bị động viên là gì? Với lại, ông bạn ạ, tớ không trả tiền thuê nhà, thế tức là bị động viên”.

- Và, tớ thì...

Vônpat, với uy thế của kẻ mới đi xe về, nói to, làm mọi tiếng lao xao im bật.

- Để kết thúc câu chuyện, tớ đã thấy, chỉ trong một lúc, cả một loạt bọn trong một bữa, tiệc tùng phê phỡn với nhau. Trong hai ngày, tớ được cử làm phụ bếp ở một trong số những nhóm thư ký và thợ thuyền hành chính. Đơn xin của tớ chậm được trả lời, họ bắt làm lại đơn thứ hai, rồi đơn thứ ba, giấy tờ đi đi về về, chậm lại ở mỗi phòng ít lâu; trong khi chờ đợi, không để tớ ngồi không được, họ đành tạm giao tớ việc đó.

“Kết quả tớ đã làm bếp ở cái “chợ con” ấy. Có lần tớ phải hầu bàn vì thằng chánh đầu bếp đi phép lần thứ tư về, đang mệt. Mỗi lần tớ vào phòng ăn trong dinh quận trưởng ấy, tớ mắt thấy tai nghe hết các ngài đó, và tất cả cái ồn ào êm ả và sáng sủa đó đã đập vào mắt tớ.

“Trong bọn không phải chỉ có các anh thuộc các cơ quan phụ lực, mà cả những tay thuộc về bộ phận chiến đấu: có toàn những thằng già, nhưng ngồi

đó đây cũng không ít những thằng trẻ.

“Tớ bắt đầu thấy tức cười khi một thằng trong bọn ngu ngốc ấy nói: “Đóng các cửa chớp lại thì cẩn thận hơn”. Ông bạn ơi, ở trong cái phòng cách hỏa tuyến đến hai trăm cây số, thằng cha tiêm la ấy muốn làm ra điều có thể bị máy bay oanh tạc...”

Tirloa lục túi, nói:

- Tớ có một thằng anh em họ, nó viết cho tớ: “Anh Adônphơ thân mến, bây giờ em bị lưu lại hẳn ở Pari, làm thuộc viên của bệnh xá số 60. Trong khi anh ở ngoài ấy, em lại phải ở Thủ đô, dưới sự đe dọa của phi cơ hay khinh khí cầu của địch!”

- Ha ha! Hi hi!

Câu nói đó, gây ra một niềm vui nhẹ, anh em thưởng thức nó như một món quà ngon.

Vônpat lại tiếp:

- Sau đó, tớ lại càng thêm buồn cười, trong cái bữa tiệc của bọn phục hậu ấy. Tiệc thì ngon thật: có cá thu, vì hôm đó là thứ sáu; nhưng nấu như cá lòn bơn Macgoritor, tớ biết thế nào mà nói? Nhưng chuyện trò thì...

- Chúng gọi lưỡi lê là Rôdali phải không?

- Phải, những thằng người rơm ấy gọi thế. Nhưng trong khi ăn, các ngài ấy nói phần lớn về mình thôi. Nói chung, thằng nào cũng tìm cách phân trần vì sao mình không ra tiền tuyến. Chúng lại còn trò chuyện linh tinh, vừa nhai nuốt như thần trùng. “Tôi thì tôi bị ốm, tôi thì tôi yếu mệt, hãy trông thân thể suy nhược thế này, tôi thì lại đâm lẫn lộn”. Chúng cố moi trong mình vài thứ bệnh để khoác lác: “Tôi muốn ra trận, nhưng tôi mắc bệnh sán khí một lần, hai lần, ba lần”. Úi chà! Cái bữa tiệc đó! Một tay lấu cá đã giải thích: Cũng như những hài kịch, những thông tư bảo mọi người đều phải ra mặt trận, bao giờ cũng có màn chót làm ồn hết mọi tình tiết còn lại. Cái màn thứ ba đó, chính là đoạn thông tư: “... trừ khi nhu cầu công vụ không cho

phép...” Lại có thằng kể: “Tôi có ba anh bạn sĩ quan, tưởng có thể nhờ vả được. Tôi định liên lạc với họ; nhưng chưa kịp nhờ cậy thì lần lượt họ đã bị tử trận. Các ông xem, – nó bảo thế -, tôi thật xúi quẩy!” Một thằng nữa giải thích cho một thằng khác rằng riêng nó, nó muốn ra trận, những lão y sĩ trưởng đã ôm ghì lấy nó bắt phải ở lại trại ở hậu phương. Nó nói: “Thế là tôi đành chịu, nhưng xét cho cùng, tôi đem trí óc ra phục vụ tổ quốc còn kết quả hơn là đeo súng máy trên lưng”. Thằng cha ngồi cạnh đã há cái miệng phễu viền râu mép ở phía trên mà “ừ” biểu đồng tình. Thằng này đã vui lòng đi Bordô khi quân Đức tiến gần đến Pari, lúc đó, Bordô đã thành một thành phố thanh lịch. Nhưng về sau, nó quả quyết trở về tiền tuyến, ở ngay Pari và nói đại khái như sau: “Tôi hữu dụng cho nước Pháp với cái tài năng của tôi mà tôi cần tuyệt đối bảo tồn vì nước Pháp.”

“Chúng còn nói tới những thằng vắng mặt. Chúng nói về lão thiếu tá giờ trở nên khó tính và giải thích rằng lão ấy càng già yếu lại càng hắc. Chúng nói tới một nguyên soái thường bất thần kiểm tra để cuối cùng bắt mọi người đều phải ra trận, nhưng từ tám hôm nay nằm bẹp vì ốm. “Lão này nhất định chết đến nơi, bệnh trạng của lão không còn phải lo nữa”. Chúng nó nói thế và hút thuốc lá, thứ thuốc mà những thằng ngốc của giới thượng lưu gửi tới trại biểu những chiến sĩ ngoài mặt trận. Lại có thằng nói: “Anh biết không, cái thằng Fradi bé loắt choắt, xinh xinh như một Tiên đồng ấy, đã tìm được cơ hội để ở lại: người ta cần đồ tể ở lò sát sinh, nó cậy cục xin vào được, bắt chấp cái bằng cử nhân luật và cái chức thư ký quản lý văn khế của nó. Còn cái thằng con nhà Flandranh, nó đã cầu cạnh được một chân sửa đường. – Nó mà làm phu sửa đường à? Liệu người ta có để nó làm không? – Một trong bọn “giả dái non hột” ấy đáp: – “Chắc lắm chứ, làm sửa đường thì được lâu dài...”

Mactorô cầu nhàu:

- Cậu nói toàn những đồ ngu đồ đốn.

- Mà chẳng biết tại sao, chúng đều ghen tị một thằng gọi là Anfrêy, tớ chỉ nhớ tên nó có thể thôi: “Xưa kia, nó sống đời xa hoa ở thủ đô Pari, sáng com khách, chiều com thết. Mỗi ngày đi thăm xã giao mười tám bận. Nó nhõn nhõn ở các phòng khách từ năm giờ chiều^[36] đến tận sáng. Nó không

hề biết mệt trong việc điều khiển dĩa hội, tổ chức liên hoan, ngón ngấu xem kịch, không kể những cuộc du lịch xe hơi. Và tất cả những cuộc đó, tràn ngập sâm banh. Nhưng chiến tranh xảy đến. Thế là thương hại thay thằng bé, nó không thể đứng gác khuya thêm một chút ở lỗ châu mai và cắt dây thép gai. Nó cần được tĩnh dưỡng nơi êm ấm. Và lại, một dân Pari như nó, vui mình trong chiến hào ư? Đờn nào lại thế?!” Một thằng ma-cô khác trả lời: “Tôi hiểu lắm, đã ba mươi bảy tuổi rồi, đờn tôi đến lúc phải an dưỡng!” Trong khi cái thằng người ấy nói thế, tớ lại nghĩ đến Duymông, tay gác rừng, tuổi bốn mươi hai, bị cả năm đạn tương vào sọ, đã hy sinh bên cạnh tớ trên sườn đồi 132, sát gần đến nỗi khi anh ta giẫy chết, mình tớ cũng bị rung chuyển.

- Thế những thằng ôn vật ấy nó đối xử với cậu như thế nào?

- Chúng bắt chấp, nhưng cũng không làm quá lắm. Chỉ thỉnh thoảng thôi, khi chúng không giữ được ý tứ. Chúng lườm tớ bằng khóe mắt và nhất là cứ chú ý lúc đi lại dừng đưng phải tớ vì mới ở mặt trận về, người tớ hãy còn bần thiêu.

“Sống giữa cái đồng những thằng nhút nhát đó, tớ cũng ngáy tởm, nhưng tớ tự nhủ: “Thôi, Firmanh, mày chỉ qua đây chốc lát thôi mà...” Chỉ một lần, tớ suýt phát khùng vì một thằng nó nói: “Sau này, khi ta trở về, nếu còn sống mà về”. – Không! Nó không có quyền nói thế. Chúng nó chuồn thì chuồn, tớ không thềm nói. Nhưng lại làm bộ ta đây đã xông pha nguy hiểm khi mà mới sắp ra trận đã trốn biệt đi đâu rồi thì tớ không nhin được. Cậu lại còn nghe chúng kể cả chuyện chiến đấu, vì chúng theo dõi những thứ chuyện đó, và cả sự diễn biến của chiến tranh vững hơn cậu. Và sau này khi cậu trở về, nếu còn trở về được, với cái sự thật bé nhỏ của cậu thì chính cậu là thằng nói láo giữa cái bọn ba hoa khoác lác đó.

“Chà! Ông bạn ạ, cái buổi tối đó, trong ánh đèn và khói thuốc, cả bọn chúng chè chén, hưởng thụ cuộc đời, lợi dụng cảnh thanh bình! Trông cứ như một cuộc nhẩy, ba-lê trên sân khấu, một cảnh tung bừng vinh diệu. Cậu ạ?”

Cuối cùng, Vônpat lóa mắt kết luận: “Có những thằng... những thằng... Còn có đến trăm nghìn thằng thế đấy.”

Nhưng, những con người đang đem sức lực và tính mạng của mình để giữ sự an ninh cho kẻ khác lại vui thú vì nổi tức giận đang làm Vônpat ghen thờ, dồn gã vào một xó và khiến gã tràn ngập trong những bông ma của bọn phục hận.

Tiaret lâm bầm:

- Cũng may là hắn không nói đến bọn thợ máy khi có chiến tranh mới học việc và đến tất cả những thằng trốn ở nhà lấy lý do vì nhu cầu quốc phòng để thoái thác nhanh chóng. Nó mà tương ra đến hết thứ thì chúng mình đến phát ngáy.

Bacơ chế nhạo:

- Cái thằng ruồi nhặng, mày bảo cò đến trăm nghìn đũa. Thế nhưng năm 1914, mày đã nghe rõ chưa, Minlorăng, bộ trưởng chiến tranh đã nói với các nghị sĩ: “Không có ai phục hận”.

Vônpat lầu bầu:

- Cậu ạ, Minlorăng là ai, tớ đếch biết, nhưng nếu hắn nói thế thì hắn quả là một thằng chó chết.

*

* *

- Cậu ạ, ở những nước khác, người ta muốn làm gì thì làm, nhưng ở nước chúng ta và ngay cả trong một trung đoàn ra trận, cũng có những sự lợi dụng, những bất công.

Bctrăng nói:

- Bao giờ người ta cũng núp sau một kẻ nào đó.

- Đúng thế: dù cậu là ai, luôn luôn, ừ, luôn luôn vẫn có những đứa đề tiện hơn hoặc đề tiện kém cậu.

- Ở ta thì tất cả những thằng không ló mặt đến, “chiến hào, hoặc không bao giờ ra tiền tuyến, và cả những thằng chỉ thỉnh thoảng mới ra, tất cả, cậu có thể coi là những thằng “phục hậu”. Nếu chỉ cấp lon chéo cho những lính chiến thực sự, cậu sẽ biết có bao nhiêu thằng phục hậu.

Côcôn nói:

- Một trung đoàn gồm hai tiểu đoàn thì có đến hai trăm năm mươi đứa.

- Bọn chúng, gồm lính cần vụ, và, trước đây ít lâu, phải kể cả lính hầu của bọn quản.

- Thêm bọn đầu bếp và phụ bếp.

- Bọn đội nhất và thường cả những thằng coi lương nữa.

- Cả bọn cai bếp nước và bọn phụ dịch ăn uống.

- Máy thằng cha văn phòng và thằng giữ cờ.

- Cả bọn đưa thư nữa.

- Những tên lái xe, những lính thợ và cả trung đội của chúng với tất cả những hạ sĩ quan và cả bọn công binh nữa.

- Bọn lính xe đạp.

- Không phải tất cả lính xe đạp.

- Hầu hết cả bộ phận quân y.

- Trừ những lính khiêng cáng, lẽ tất nhiên, vì không những họ phải làm cái nghề khốn khổ mà vì họ cùng ở với đại hội. Khi xung phong, họ dùng cả

đòn cẳng để tấn công. Còn bọn y tá thì đúng thế.

- Hầu hết bọn cha xứ, nhất là cha xứ ở hậu phương, vì rằng cậu ạ, những cha xứ mang súng, tó gặp rất ít. Còn cậu thì sao?

- Tớ cũng không thấy. Chỉ nghe nói trên báo chí, ở đây thì không.

- Hình như có chứ.

- Chà!

- Quái gì! Chỉ thằng lính quèn là hay gì trong cái chiến tranh này.

- Nhiều bọn khác cũng xông pha. Riêng gì chúng ta!

Vônpat chua chát:

- Đâu! Hầu như riêng chúng ta!

*

* *

Rồi gã nói tiếp:

- Tớ biết cậu sẽ bảo tớ rằng bọn lính lái xe ô tô và bọn trọng pháo đã khốn khổ nhiều ở Vécđong. Đúng thế. Nhưng so với chúng ta, họ còn có phần ít bị nguy hiểm hơn. Chúng ta luôn luôn phải xông pha, còn họ chỉ có thể một lần thôi (và họ đâu có hay bị đạn súng trường và lựu đạn như chúng ta). Bọn lính trọng pháo nuôi thỏ ngay cạnh hầm và đã chén trứng trứng mười tám tháng liền. Chúng ta mới thực sự là ở đầu sóng ngọn gió. Những ai chỉ thỉnh thoảng hoặc chỉ một lần ra xông pha, đâu có thể nói là nguy hiểm được. Nếu không thì ai cũng ở nơi nguy hiểm cả. Mụ giữ trẻ đang dạo trên đường phố Pari cũng thế vì còn có tàu bay và khí cầu như lời thằng ngốc mà người anh em vừa nói lúc này.

- Trong cuộc viễn chinh thứ nhất ở Đacđanen, cũng có một dược sĩ bị thương vì mảnh đạn trái phá. Cậu không tin à? Thật đây, một sĩ quan, mũ viền xanh^[37] mà cũng bị thương đây!

- Đó là chuyện may rủi như tờ đã viết cho Manggut, phụ trách một con ngựa “thay phiên” của Trung đội. Gã cũng bị thương, nhưng vì một chiếc xe cam-nhông.

- Ủ, như thế đây. Dù sao bom cũng có thể rơi trong một nơi tản bộ ở Pari, ở Bordô, hoặc ở Xalônic.

- Phải, phải, vì nói thế chẳng dễ dàng lắm sao: “Đừng có phân biệt giữa các mối nguy hiểm!” Khoan! Từ đầu chiến tranh đã vãi thối trong bọn chúng bị chết vì một may rủi đáng mừng. Đâu có giống nhau được, vì chết là dứt khoát vĩnh viễn hết, còn gì.

Tiaret nói:

- Phải rồi. Nhưng các cậu làm rầy người ta với những chuyện “phục hậu”. Nói ra cũng không làm gì được thì tốt hơn là bắt sang chuyện khác. Tớ lại nhớ đến cái anh tuần cảnh ở Sorêy, chỗ chúng ta đóng thối trước. Hắn ta cứ đi ngoài đường phố, mắt sục sạo khắp nơi để lục ra những thường dân đúng tuổi đi lính. Hắn đánh hơi như một con chó để lũng những thằng trốn việc quân. Bất chợt hắn dừng lại trước một mẹ đàn bà to béo có râu mép và chỉ trố mắt ra nhìn bộ râu mép ấy mà mắng: “Thằng kia, mày dễ không ra trận được à?”

Pêpanh nói:

- Tớ thì mặc xác những thằng phục hậu hay bán phục hậu vì mất thì giờ vô ích. Nhưng tớ ghét nhất khi chúng vênh váo làm gan. Tớ đồng ý Vônpat: chúng tìm cách chuồn thì được, con người ta là thế. Nhưng về sau, chúng đừng có khoe: “Tôi đã là chiến binh”. Này, nhưng bọn lính tình nguyện chẳng hạn...

- Cùng tùy từng loại tình nguyện. Những đứa lính nguyện không điều kiện trong bộ binh thì được – tuy lố đấy, nhưng cứ im đi cho chúng. – Còn những thằng đầu quân vào các cơ quan quân sự hoặc ác binh chủng đặc biệt, kể cả trọng pháo, làm tớ bắt đầu phát cáu. Ai chẳng biết bọn chúng! Chúng nó làm bộ duyên dáng mà nói với những người quen biết: “Tôi đã tình nguyện đi chiến đấu”.

- Chà! Hành động của ông đẹp đẽ quá. Ông đã tự ý nguyện xông pha đạn lửa! – Vâng, thưa bà hầu tước, tôi đã thế đấy”. Đồ bố lếu!

- Từ biết một vị đã từng đầu quân vào trại máy bay. Thằng cha có bộ binh phục keng quá: Giá hấn tình nguyện vào đoàn Hý Ca kịch thì có lẽ hơn.

- Ủ, nhưng vẫn cứ chuyện đó thôi. Về sau nó không thể khoe ở các phòng khách: “Này, hãy coi tôi: một tình nguyện quân đấy nhé!”

- Tớ bảo “có lẽ hơn”, thì chưa đúng. Ủ, nếu hấn ta vào đoàn Ca kịch thì tốt hơn rất nhiều. Ít ra, hấn cũng làm cho người ta cười hẩn hoi chứ không đến nỗi chỉ khiến người ta gằn.

- Cậu cai này, có phải khi chiến tranh thì anh em phải liều cái tấm thân, phải không?

Bectrăng nói:

- Phải. Chiến tranh có nghĩa là tai họa chết chóc cho mọi người, hết cả mọi người: không ai là thần thánh ngoại lệ. Vậy thời phải mạnh dạn ra trận chứ đừng làm kiêu giả vờ với bộ quân phục ba lãng nhăng. Những cơ quan ở hậu phương cần thiết đấy, nhưng nhất luật phải do những người thực sự yếu đuối và già nua phụ trách.

- Cậu thấy không, biết bao nhiêu đứa lăm tiền và lăm mồi giao du đã từng kêu: “Chúng ta hãy cứu lấy nước Pháp! – Và bắt đầu là hãy tự cứu chúng ta!” Khi mới tuyên chiến, đã có một phong trào rộng lớn tìm cách lẩn tránh nghĩa vụ, sự thể là thế. Những thằng giỏi nhất đã trốn được. Chỉ trong cái xó xỉnh bé nhỏ vùng tớ ở, tớ cũng nhận ra rằng hầu hết bọn chúng là

những thằng trước đây đã to miệng bô bô nhiều nhất, đề cao lòng yêu nước... – Dù sao – như anh em vừa nói – đã trồn như trạch, thì tòi tệ nhất là còn làm ra bộ đã xông pha nguy hiểm. Vì những ai đã thực sự xông pha cần được quý mến như đối với những kẻ hy sinh.

- Thế rồi sao nữa? Bao giờ thì cũng thế, ông bạn ạ. Cậu không đòi được con người đâu.

- Chẳng làm thế nào được đâu. Phản kháng à? Khiếu nại à? Này, nói đến khiếu nại, cậu có biết Macgulanh không?

- Có phải Macgulanh, người anh em mà họ đã để chết trên đồi Lor Coratxiê vì tưởng anh ta đã chết thực phải không?

- Ấy, cậu ta muốn khiếu nại. Ngày nào cũng thế, cậu ta nói là sẽ kêu về việc đó lên đại úy, lên thiếu tá và đòi quy định mỗi người đều phải lần lượt ra chiến hào. Sau bữa ăn, cậu ta nói: “Tớ sẽ khiếu nại, thật, như cái ca rượu này có thật”. Rồi lát sau: “Nếu tớ không khiếu nại thì cái ca rượu này không có thật”. Nếu đi qua lần nữa thì lại nghe: “Này, đây là cái ca rượu hử? Cậu xem tớ có khiếu nại không!” Rót cuộc, cậu ta chẳng khiếu nại gì hết. Cậu có thể bảo tớ: “Thì nó chết rồi mà”. Đúng thế, nhưng trước khi chết, cậu ta vẫn đủ thì giờ để khiếu nại hàng mấy nghìn lần.

Blerơ mặt hầm hầm, mắt nảy lửa, quát:

- Những chuyện đó thôi như cứt, nghe làm gì?

- Chúng tớ thì đêch biết gì vì có thấy gì đâu. Nếu chúng tớ mà trông thấy!

Vônpat kêu lên:

- Ông bạn ạ, đối với những thứ trại đó – để tớ nói cho mà nghe – cần phải xoay hướng các dòng sông khắp nơi vào đây, sông Xen, sông Garon, sông Rôn, sông Loa này để rửa sạch chúng đi. Chưa được thế thì bọn chúng ở đó còn cứ sống, sống sung sướng nữa, đêm nào cũng như đêm nào, chúng vẫn ngủ yên lành.

Anh lính im lời. Xa xa, gã thấy cái cảnh đêm trường gã phải qua, co quắp, hồi hộp chú ý và đen như mực, dưới đáy hố quan sát mà miệng hố rách tả tơi lại hiện ra, cứ mỗi lần đại bác nổ lóe sáng lên nền trời.

Côcon chua chát:

- Cái đó nó làm cho ta không thèm chết nữa.

Một gã khác, điềm tĩnh như không, bẻ lại:

- Có chứ, sao lại không... Này, đừng nói quá lên, đồ cá mắm.

X – ACGÔVAN

Ánh hoàng hôn từ phía thôn xóm lại, đưa theo một làn gió nhẹ, hiền hòa, hiền hòa như những lời thủ thi.

Trong những ngôi nhà dọc theo đường làng – một con đường lớn, chỉ một quãng ngắn có vẻ phố phường – những căn buồng, vì ánh sáng mặt trời không chiếu qua các cửa sổ trắng nhạt nữa, đã thấp đèn, thấp nến. Thành thử đêm tối lại rời buồng mà ra ngoài và thấy rõ cả bóng tối và ánh sáng lẫn lẫn đổi chỗ cho nhau.

Quanh làng, mé đồng ruộng, binh lính không có trang bị đi dạo lang thang, mũi nghênh trước gió. Một ngày kết thúc yên ổn. Chúng tôi tận hưởng cái nhàn rồi mơ hồ mà chỉ khi nào thật mỗi một người ta mới cảm được cái thú vị. Trời đẹp, lại bắt đầu nghỉ ngơi, anh em đắm ra mơ mộng. Hình như trời tối xuống, làm cho những khuôn mặt trầm lại trước khi làm cho sẫm xuống. Những vầng trán phản ánh cái thanh thản của sự vật.

Viên đội Suyla lại gần, nắm lấy cánh tay tôi, kéo tôi đi. Anh bảo:

- Lại đây, mình chỉ cho cậu cái này.

Ven làng đầy những hàng cây lớn êm ả. Chúng tôi men theo những hàng cây đỏ. Thỉnh thoảng những cành lá rộng xum xuê cũng cử động thong thả, oai nghiêm, dưới làn gió nhẹ.

Suyla đi trước. Anh dẫn tôi vào con đường trũng, rẽ ngoặt, bứt bùng. Những đám cây con mọc viền hai bên đường, lá cành chằng chịt với nhau. Chúng tôi đi một lúc giữa cái màu xanh dịu dàng đó. Một làn ánh sáng cuối cùng trải băng trên đường, dồn vào cành lá những đốm vàng nhạt tròn, giống như những đồng tiền vàng.

Tôi kêu lên

- Đẹp quá.

Anh vẫn im lặng, đưa mắt nhìn về một bên. Rồi dừng lại,

- Đây thì phải.

Anh kéo tôi trèo qua một khúc đường ngắn, lên một thửa ruộng, chung quanh cây to bao bọc thành một ô vuông ruộng sặc mùi cỏ mới cắt.

Tôi chăm chú nhìn mặt đất và nói:

- Nay, ở đây bị giẫm nát hết. Chắc vừa có cuộc hành lễ gì đó.

Suyla bảo tôi:

- Lại đây.

Anh đưa tôi vào thửa ruộng gần lối vào. Ở đó, một nhóm binh sĩ đương thăm thì với nhau. Anh bạn tôi chìa tay ra:

- Đây đây.

Một cái cọc rất thấp – chưa đầy một thước – đóng cách hàng rào có mấy bước. Hàng rào ở đây toàn là những cây non.

Anh nói:

- Chỗ này, sáng hôm sau, họ đã đem bắn anh lính của đơn vị 204.

- Cọc này đóng vào ban đêm. Tang tảng sáng thì người ta dẫn anh ấy ra. Chính những bạn cùng tiểu đội với anh đã bắn chết anh. Số là anh ta định chuồn, không ra chiến hào nữa. Lúc thay phiên, anh ở lại phía sau rồi lén về chỗ trú quân. Anh ta chỉ làm có thế thôi; chắc người ta trừng phạt là muốn để làm gương.

Chúng tôi lại gần, nghe mẩu chuyện của những người khác. Một người nói:

- Không đâu, hoàn toàn không phải thế. Anh ta không ngỗ ngược, cũng không thuộc những loại rắn đầu rắn cổ như cậu thường thấy. Chúng tớ đã cùng ra đi với nhau, tớ biết. Anh ta cũng thực thà chất phác như chúng ta thôi, không hơn, không kém – chỉ hơi lười một chút, có thể thôi. Anh ta đã ở tiền tuyến ngay từ đầu, ông bạn ạ, và không bao giờ tớ thấy anh ta say rượu.

- Phải nói cho hết lẽ là chẳng may cho anh ta, anh có những thành tích bất hảo. Cậu biết chứ, có hai người cũng làm chuyện đó, nhưng tay kia chỉ vớ có hai năm tù. Còn Caja^[38] thì vì một vụ án đã bị trước khi tại ngũ nên không được hưởng trường hợp giảm đáng. Lúc còn là thường dân, anh ta đã làm một việc bướng bỉnh trong cơn say.

Một người khác cúi xuống, nói:

- Trông kỹ thì thấy một ít máu ở dưới đất.

Một người nữa tiếp:

- Có đủ các trò nghi thức từ A đến Z, có đại tá đi ngựa, có chuyện tước quân tịch, rồi trói anh vào cái cọc thấp bé kia, cái cọc buộc súc vật. Với cái cọc nhỏ như thế, chắc anh phải quỳ hoặc ngồi xếp xuống đất.

Sau một lúc im lặng, một người thứ ba phát biểu:

- Nếu không phải cái việc để làm gương như viên đội đã nói thì vụ này cũng thật khó mà hiểu.

Trên cái cột, có những dòng chữ tố cáo và phản đối do binh sĩ viết nguệch ngoạc. Một huân chương quân công thô sơ cắt bằng gỗ đã được đóng vào đó, mang hàng chữ: “Tặng Caja, động viên từ tháng tám 1914 – Nước Pháp nhớ ơn”.

Trở về chỗ trú quân, tôi thấy Vônpat đương nói giữa đám anh em vây quanh. Gã kể một mẩu chuyện mới nào đấy về chuyến đi của gã tới miền những kẻ có diêm phúc.

XI – CON CHÓ

Thời tiết xấu kinh khủng, mưa gió quất vào khách qua đường, xuyên vào đường làm ngập lụt và bốc cả đường lên.

Đi phục dịch xong, tôi trở về chỗ trú quân ở đầu làng. Qua màn mưa dày đặc, quang cảnh buổi sáng hôm đó trông vàng bản, trời đen thui như phủ đá đen. Mưa quất đồm độp vào máng uống nước của súc vật. Dọc theo những dãy tường, những bóng người thu mình lại, gập lưng xuống như hổ thẹn, bì bõm bước mau.

Mặc mưa, mặc trời lạnh, gió buốt, một đám đông tụ tập trước đường ngằm ở bờ thành của cái trại nơi chúng tôi tạm trú. Họ xúm xít, lưng tựa lưng, trông xa như một miếng bọt biển khổng lồ lúc nhúc. Những anh ngó được qua vai người khác, và qua các khe đầu, giương to mắt, nói:

- Thăng cha gan thật.

- Kể thì nó liều thật, không biết sợ.

Rồi những anh tò mò tản ra, mũi đỏ, mặt ướt đầm trong mưa quất và gió buốt, hai tay hời nẩy giờ lên trời vì kinh ngạc giờ lại để rơi xuống và thọc vào túi.

Đứng ở giữa, dưới làn mưa như rạch vào người, Fuiat mình trần, đang dội nước tắm. Gã là nguyên nhân của sự tụ tập.

Thân hình gầy như con mướp, đôi cánh tay dài mảnh khảnh vùng mạnh, gã hăm hở soàn soạt xát xà phòng và dội nước lên đầu, lên cổ, lên ngực, lên cả cái lồng xương sườn gồ ghề của gã. Má gã hóp như cái phễu, vì cạo sát mạnh đã nổi lên một mớ râu bọt trắng như tuyết, và trên đỉnh đầu cũng kết lại một đồng bọt lầy nhầy, nước mưa rơi xuống làm lở chỗ.

Vì thiếu thùng, cái anh chàng kiên gan ấy dùng ba cà-mèn đựng đầy nước không biết đã múc được ở đâu trong cái làng không có nước này.

Trong cảnh khắp nơi mưa trên ngập dưới này, không có lấy một chỗ sạch để đặt bất cứ cái gì, gã đành giắt khăn mặt khi dùng xong vào thắt lưng quần, và đút ngay xà phòng vào túi, sau mỗi lần cọ xát.

Những anh em còn đứng lại đây khâm phục cái cử chỉ anh hùng giữa cảnh trời mưa gió, lắc đầu nhắc đi nhắc lại:

- Thật hấn mắ phải cái bệnh ở sạch.

- Cậu biết không, nghe đồn hấn sắp được biểu dương về vụ chiến đấu ở hồ đại bác cùng với Vônpat.

- Ấy, ông bạn lộn ỉ ả, biểu dương nó là đáng lắm.

Và vô tình người ta lại lẫn lộn hai thành tích, thành tích ở chiến hào và thành tích ở đây. Anh em coi gã như người anh hùng của ngày nay, còn gã thì cứ thờ phì phò, khịt mũi, hôn hên, găm gừ, khạc nhổ, cổ mà lau khô thân thể từng nhát thật nhanh và đột ngột dưới trời mưa tầm tã, rồi, cuối cùng, gã mặc lại quần áo.

Tắm xong, gã mới thấy rét.

Gã xoay mình tại chỗ rồi đứng thẳng người ở cửa kho rơm, hai anh em tạm trú. Gió mùa đông giá buốt quất vào, làm nham nhở bộ mặt gầy hóp sạm nắng, khiến nước mắt gã trào ra loang lổ trên đôi má xưa từng bị gió phương Nam hun cháy. Mũi gã cũng chảy nước, giở giọt.

Không chịu nổi luồng gió rét thấm thía nó quất vào tai, vào bắp chân, đầu đầu đã quấn khăn quàng cổ, đầu đôi “căng gà” đã chằng chịt xà cạp vàng, gã đành chui vào buồng chứa rơm, nhưng lại trở ra ngay, mắt tròn dử tợn, miệng lầu bầu những “mẹ kiếp!” với “đồ kẻ cướp”. Giọng gã là giọng người sinh trưởng cách đây hàng nghìn cây số, tận chỗ góc trời xa xăm, mà chiến tranh đã bắt buộc gã phải rời khỏi.

Rồi gã đứng ở ngoài, chờ vợ hơn bao giờ hết trong khung cảnh bắc phương này. Gió về, thổi vào người gã, rồi lại về, cứ giật từng cơn, lay chuyển và hành hạ cái thân hình khô đét, nhẹ bồng như người rơm.

Vì cái kho rơm mà chúng tôi được phân phái đến ở trong thời gian nghỉ ngơi này – ác nghiệt làm sao, trời! – là nơi hầu như không thể nào ở được. Nó sâu thẳm, tối om, ướt át và chật hẹp như một cái giếng. Cả một nửa bị ngập nước – chuột nổi lênh bênh – còn bên nửa kia thì anh em chúng tôi chen chúc. Tường làm bằng những thanh nan gắn với nhau bằng bùn khô đã gãy từng đoạn, nứt nẻ, thủng lung tung khắp chung quanh, nhất là ở phía trên, lỗ lại càng rộng hoác. Lúc mới đến, anh em đã suốt đêm đến sáng bị tạm những kẻ nứt vừa tầm tay, nhét vào đấy những cành còn nguyên cả lá và những mẩu phân. Những lỗ ở trên cao và những mái nhà thì luôn luôn toang hoác. Vì vậy trong khi ánh sáng yếu ớt, đành bắt lực chơi vơi ở ngoài, gió, trái lại, cứ ùa vào hết tốc lực, thổi thốc từ tứ phía vào, và cả tiểu đội cứ phải liên hồi chịu cảnh gió luồng.

Thế là khi vào buồng, người ta phải đứng ngay như cột, trong bóng tối mờ hỗn độn, mà sờ soạng, run bần bật và rên rỉ.

Fuiat, mò vào một lần nữa, vì rét cứ như kim đâm vào người, hơi hận đã trót tắm. Gã đau lưng và sườn. Gã muốn làm một việc gì, nhưng biết làm gì?

Ngồi ư? Không được. Vì bản quá thể: đất và gạch đầy bùn, còn rơm rạ trải ra để nằm thì ướt sũng vì nước thấm và bê bết những vết chùi chân. Hơn nữa, ngồi thì bị cồng, mà ngả lưng vào ổ rơm thì đến bực vì mùi phân và hơi nước tiểu... Fuiat đành nhìn cái chỗ của mình mà ngáp đến treo quai hàm, cái quai hàm đã dài lại dài hơn vì bộ râu cằm nếu ngày sáng sửa thấy đã điểm sương.

Mactorô nói:

- Những anh em và những thằng ông mãnh khác, đừng tưởng chúng sung sướng hơn gì chúng ta đâu. Sau bữa ăn chiều, tớ đã đi tìm một chú ở đơn vị mười một, trong trại áp, gần y xá. Phải trèo qua tường bằng một cái thang quá ngắn.

Mactorô, người vốn ngắn ngủi, nhận xét thêm:

- Bước soạc căng mới qua được. Khi vào được cái thứ chuồng gà và chuồng thỏ ấy, thì bị hết thằng này đến thằng khác xô đẩy, va vấp, còn mình thì cũng vấp, cũng đẩy lại từng thằng. Thật không biết đút đầu vào đâu. Tớ đành phải bò ra.

Côcôn nói:

- Tớ thì tớ định chén xong lủi ngay vào nhà lão thợ rèn mua cái gì nóng sốt để tọng thêm. Hôm qua lão ấy bán cà-phê, nhưng sáng nay bọn cảnh binh vừa vào thăm thế là lão sợ run và đóng chặt cửa hàng rồi.

Fuiat đã gặp hai anh chàng vừa nói tiu nghỉu trở về, nằm phịch xuống chân ổ rom.

Lamuydơ ra sức thử lau súng của mình. Nhưng không thể lau súng ở đây được, dầu đã ngòì bệt xuống đất, gần cửa, dầu đã vén tấm vải lều ướt át, cứng quèo và lạnh ngắt treo ở phía trước như một thạch nhũ: Trời tối quá.

- Mà này cậu ạ, nếu cậu đánh rơi một đinh ốc thì tìm thật là nguy khôn, nhất là trời rét, chân tay đờ đẫn ra.

- Tớ, tớ còn phải khâu vá ít nhiều, nhưng chịu thôi! Chỉ còn một cách: ngả mình lên ổ rom, lấy khăn mùi xoa hay khăn mặt phủ lên đầu để các mùi khai thối nồng nặc của rom rạ lên men, và ngủ. Fuiat hôm nay không phải phụ dịch, cũng không phải phiên gác, được hoàn toàn tự do, đã định tâm làm thế. Gã thấp nển, lục trong mớ đồ đạc, gỡ ra cái khăn quàng lòng thòng như khúc ruột và trong bóng tối viền quanh, cái hình thù da bọc xương của gã co lại rồi duỗi ra.

Ngoài cửa, một hình người đội mũ mũn, cất tiếng oang oang:

- Các chú trong ấy ời, đi phụ dịch gọt khoai.

Đó là viên đội Henriô. Anh ta dễ dãi và hóm hỉnh. Vừa bông đùa một cách thô tục mà dễ thương, anh ta đốc thúc anh em đi ra cho hết, không một ai ý trốn được. Bên ngoài, trong cơn mưa bất tận, trên con đường lai láng, trung đội thứ hai đang lần bước. Họ cũng vừa bị viên quản đến thúc và dẫn

đi làm. Hai trung đội đi lẫn vào nhau. Anh em leo lên đường phố, trèo lên đồi đất sét trên đó cái bếp lưu động đang nhả khói.

- Nào, các chú, mỗi người một tay, tất cả cùng làm thì không lâu đâu...
Này, chú kia, còn kêu ca cái gì nữa? Kêu cũng vô ích thôi.

Hai mươi phút sau, mọi người sùng sục chạy về. Trong kho chứa rơm, sờ soạng thì chỉ gặp những đồ vật và hình người sưng nước, ẩm ướt lạnh ngắt. Mùi hăng của loài vật bị ướt pha lẫn với mùi nước phân ủ trong ổ rơm.

Anh em tụ tập đứng quanh những đồng ván dày chống trần buồng, quanh những tia nước từ lỗ mái nhà vọt thẳng xuống – như những cái cột lờ mờ trên cái bề lờ mờ vấy bùn.

Anh em reo lên:

- Bọn nó đây rồi.

Hai thân hình lần lượt che kín khung cửa, sưng nước giở giọt. Vốn là Lamuydơ và Bacơ lúc nãy đi kiếm một cái hỏa lò than. Họ trở về, hoàn toàn tung hứng, cau có và nom dữ tợn: “Chẳng thấy bóng vía một cái hỏa lò nào hết. Với lại củi than cũng đếch có, bỏ cả gia tài ra mua cũng đếch có”.

Không tài nào có lửa.

Bacơ hãnh diện một cách chính đáng, vì đã có hàng trăm thành tích, nói:

- Việc mua hỏa lò, thế là tong. Tớ mà đã chịu thì chẳng mặt nào mua được.

Anh em đứng yên, rồi từ từ đổi chỗ trong tí chút không gian có được, lòng rầu rĩ vì bao nhiêu cơ cực.

- Tờ báo này của ai đây?

Bêcuơ nói:

- Cửa tớ đây.

- Báo nó tán cái gì thế. À, rõ khi. Tớ thế này, đọc thế nào được.

- Chúng nó viết thế này: trong giờ phút này, binh sĩ đã được chăm sóc đầy đủ, đã được sưởi ấm trong những chiến hào. Họ có đầy đủ thức ăn cần thiết, nào đồ len, nào áo lót, nào hỏa lò, lò sưởi đầy ắp than củi. Và chính ngay ở chiến hào tiền tuyến cũng như thế đấy.

Mấy anh trong số tù nhân khốn nạn của kho chứa rơm, càu nhàu.

- Đào! Mẹ kiếp!

Rồi họ giờ nắm đấm ra khoảng không bên ngoài và vào tờ báo.

Nhưng Fuiat không bận tâm nghe anh em trò chuyện. Trong bóng tối, gã gắp cái thân hình xanh dợt, xương xẩu, lênh khênh như thân Đông Kysôt và vươn cái cổ gầy gò, nổi gân chằng chịt như những giây đàn vi-ô-lông. Dưới đất có cái gì đấy làm cho gã phải chú ý.

Đó là Labri, con chó của tiểu đội bạn. Labri, con chó becgiê lai, lông bông, đuôi cắt cụt nằm vo tròn trên một ổ nhỏ tí bằng rơm vụn.

Gã nhìn nó và Labri cũng nhìn gã.

Bêcuwơ lại gần, và bằng giọng ngân nga của vùng ngoại ô thành Linlơ, nói:

- Nó bỏ cơm không ăn. Nó ốm đấy, con chó con này. Ê, Labri, mày sao thế con? Bánh của mày đây này. Thịt của mày đây này. Ăn đi. Các thức trong cà-mèn ngon đấy... Nhưng này, nó chán đời, nó đau khổ. Một ngày gần đây, người ta sẽ thấy nó chết lẻ loi.

Labri chẳng được sung sướng. Anh lính được giao nuôi nó, đối với nó ác nghiệt, hay ngược đãi và có chăm sóc gì nó đâu. Nó bị cột suốt ngày. Nó rét, nó khó chịu, nó bị bỏ rơi. Nó không được sống cái đời sống của nó.

Thỉnh thoảng thấy người ta rộn rập quanh mình, nó cũng hi vọng được ra ngoài. Nó vươn lưng, nhòe dậy, hơi phe phẩy đuôi. Nhưng chỉ là ảo mộng. Nó lại nằm xuống, cố ý không nhìn vào cái cà-mèn gần đấy của nó. Nó buồn rầu không thiết sống nữa. Dầu nó có tránh được viên đạn hay mảnh trái phá mà cũng như chúng tôi, nó rất dễ bị, thì cuối cùng nó cũng đến chết ở đây thôi.

Fuiat đặt bàn tay gần còm lên đầu con chó. Chó lại ngược mắt nhìn gã. Hai cái nhìn giống nhau, chỉ khác ở chỗ là một bên từ trên nhìn xuống, một bên từ dưới lên.

Fuiat đành ngồi xuống ở góc nhà – ra sao thì ra! – tay thu vào nếp áo ca-pô, chân dài khép lại như giường xếp.

Gã mơ tưởng, đôi mắt nhắm nghiền dưới hàng lông mày hơi xanh. Gã thấy lại quá khứ. Đó là một trong những lúc, nơi xa xôi kia, quê hương mà gã đang cách trở, khoác những vẻ dịu dàng của tạo vật. Vùng Hêrôn thơm tho và tươi thắm, những đường phố ở Xetto. Gã thấy rõ lắm, gần lắm, tưởng như nghe được tiếng thuyền máy trên sông đào miền Nam, tiếng dỡ hàng ở kho cảng. Và những tiếng quen thuộc ấy như cất tiếng rõ ràng gọi gã.

Phía trên đường cái, ngạt ngào mùi hoa dạ hương và cúc vạn thọ, thơm đến nỗi mùi hương vương cả vào miệng, tưởng như nếm được, ngay giữa ánh nắng rực rỡ, trong làn gió nhẹ hiền hòa thơm phức và ấm áp tựa như ánh mặt trời vỗ cánh bay, trên núi Xanh-cle, ngôi lán nhỏ của gã hiện ra giữa hoa tươi, lá thắm. Từ đấy trông xuống được cả hồ Thỏ xanh rêu giao nhau với biển Địa trung hải màu biếc da trời, và thỉnh thoảng trên nền trời màu lam, thấy được cả hình ảnh lơ mờ lơ mờ chớm của rặng Piarênê.

Chính tại đó, gã đã ra đời, đã lớn lên, sung sướng, tự do. Gã đã chơi đùa trên nền đất ánh vàng và đỏ hoe, và cũng đã chơi giả làm lính. Cái say sưa được hươi thanh kiếm gỗ làm đỏ bừng đôi má tròn, đôi má giờ đây đã hom hem và như đầy sẹo. Gã mở mắt, nhìn xung quanh, lắc đầu và thấm thía tiếc cái thời gã còn có những tình cảm trong sạch, say sưa, tươi sáng đối với chiến tranh và sự vinh quang.

Gã đưa tay che mắt, như để giữ lại những hình ảnh trong lòng.

Giờ thì lại đến cảnh khác.

Cũng trên cao đó, cũng chính nơi ấy, về sau, gã đã gặp Clêmenxơ. Lần đầu nàng đi qua, lộng lẫy ánh mặt trời. Nàng ôm một lượm rom, gã trông nàng óng ánh vàng đến nỗi cạnh đầu nàng, màu rom như ngả sang màu hung hung. Lần thứ hai nàng cũng đi với một cô bạn gái. Cả hai đều dừng lại ngắm gã. Gã nghe hai người thì thào và gã quay đầu nhìn lại. Thấy bị lộ, hai cô nàng ù chạy, quần áo sột soạt, tiếng cười giòn giã như tiếng chim đa đa.

Và cũng chính chỗ đó, về sau hai người đã dựng nhà ở đây. Phía trước, một hàng nho chạy dài, đông cũng như hạ, gã đội mũ rom ra chăm bón. Ở cổng vườn là một cây hoa hồng mà gã quen thuộc lắm, và cây hồng đó như cũng chỉ dùng gai để cố níu gã lại tí chút lúc gã đi qua.

Gã rồi có trở về với những cảnh đó không? Chao ôi! Gã đã nhìn quá sâu vào dĩ vãng nên không thể không thấy tương lai trong cái rõ ràng khủng khiếp của nó. Gã nghĩ tới, trung đoàn mỗi lần thay phiên là mỗi lần hụt đi một phần người. Gã nghĩ tới những trận nặng nề đã phải chịu và sẽ còn phải chịu, nghĩ tới cả những bệnh tật, sự hao mòn sức khỏe...

Gã đứng dậy, vung vẩy tay chân như để xua đuổi những việc đã qua và cả những việc sẽ tới. Gã lại rơi vào giữa bóng tối giá lạnh, gió buốt, giữa những con người ngổn ngang và ngơ ngác ngồi mò trong đêm. Gã trở về với hiện tại và tiếp tục run lẩy bẩy.

Cất bộ chân dài bước hai bước, gã vấp phải một nhóm anh em đang thì thào tán chuyện ăn uống để tiêu khiển và tự khuây khỏa.

Một người nói:

- Ở nhà tớ làm những chiếc bánh lớn lạ lùng, những chiếc bánh tròn to như bánh xe ấy, cậu ạ!

Và gã vui vẻ thao láo đôi mắt thật to ra như để nhìn những chiếc bánh của nhà.

Gã thăm hại người Phương Nam^[39] xen vào:

- Ở vùng tứ, những bữa tiệc ngày lễ kéo dài quá, đến nỗi lúc đầu bánh còn nóng giòn, cuối bữa đã ỉu xiu.

- Có một thứ rượu ngon ngon... Mẽ thì cũng thường thôi, nhưng này, ông bạn ạ, mà cái thứ rượu ở vùng tứ ấy, nếu không đủ đến mười lăm độ thì không được coi là rượu.

Fuiat liền nói đến một thứ vang đỏ thẫm, hầu như là tím, pha thêm nước vẫn cứ ngon, hình như nó sinh ra để uống pha với nước.

Một gã người xứ Béac nói:

- Vùng tứ thì có rượu Juranxông, thứ chính hiệu ấy, chứ không phải cái thứ vẫn bán lấy tên là Juranxông nhưng lại chế ở Pari. Tứ, tứ chính có biết một thằng chủ rượu này.

Fuiat nói:

- Nếu cậu qua vùng tứ, nhà tứ có rượu vang ngọt đủ loại, đủ các màu, cậu xem lắm màu như là màu hàng vải lụa. Cậu cứ ở chơi nhà tứ khoảng một tháng, tứ sẽ cho cậu mỗi ngày nếm một loại, không loại nào giống loại nào, người anh em ạ.

Anh lính, lòng đầy biết ơn nói:

- Túy lúy biết bao nhỉ!

Thế là Fuiat xúc động khi đi sâu vào những kỷ niệm về rượu, nó cũng gợi lại cho gã cái hương vị dậy mùi tỏi của bữa ăn nơi xa xôi. Mùi rượu mạnh và rượu ngọt lẫn vị thanh nhã như bốc lên đầu gã giữa cơn đông tố chậm chạp và buồn thiu đang dày vò trong lấm chửa rom.

Gã sức nhớ trong làng tạm trú quân đây có cửa hàng rượu của một người nguyên quán ở Bêdiê. Manhac đã từng bảo gã: “Anh bạn ạ, cứ đến tớ chơi một hôm nào đấy. Chúng mình sẽ uống rượu quê nhà. Mẹ kiếp! Tớ, tớ có vài chai, cậu nếm sẽ biết”.

Mỗi hy vọng đó, đột nhiên làm Fuiat lóa mắt. Một niềm rạo rức khoái trá chạy suốt từ đầu đến chân, gã như đã tìm được con đường đi của mình... Uống rượu nho miền Nam, lại cái miền Nam đặc biệt của gã, và uống rõ nhiều... Thế là lại sẽ thấy cuộc đời nhuốm hồng, sương biết bao, dầu là chỉ một ngày thôi! Ừ, đúng, gã đang cần rượu, gã mơ ước được say sưa.

Lập tức gã bỏ mặc anh em chuyện trò để đi luôn đến đánh chén ở nhà Manhac.

Nhưng vừa ra tới cửa, gã đụng phải viên cai Broayê đương chạy rong ngoài phố như anh bán hàng rong, đến mỗi cửa lại réo lên:

- Ra nghe báo cáo!

Đại đội tập hợp thành hình vuông trên cái đồi đất sét, chỗ lò bếp lưu động đang phun khói đen ra ngoài mưa.

Fuiat tự nhủ:

- Báo cáo xong, sẽ đi đánh chén.

Và cứ mãi nghĩ về chuyện đó, gã nghe đọc báo cáo một cách lơ đãng. Nhưng dù lơ đãng đến đâu, gã vẫn còn nghe viên chỉ huy đọc: “Tuyệt đối cấm không được ra khỏi nơi trú quân trước mười bảy giờ và sau hai mươi giờ”, và viên đại úy không thềm đếm xia đến tiếng làm rầm lan vòng quanh của binh sĩ, giải thích lệnh trên.

- Đây là Đại bản doanh của Sư đoàn. Các anh còn đóng ở đây thì đừng có lộ mặt ra. Phải tránh mặt đi. Nếu Trung tướng Sư đoàn trưởng mà trông thấy các anh ngoài phố thì Ngài lập tức bắt phạt các anh đi lao công. Ngài không muốn trông thấy một chiến sĩ nào. Các anh phải ẩn suốt ngày ở nơi

tạm trú. Muốn làm gì thì làm, miễn là đừng để người ta trông thấy các anh, đừng một ai trông thấy cả.

Và anh em lại chui vào kho chứa rơm.

*

* *

Hai giờ rồi. Chỉ trong ba tiếng nữa, khi trời đã tối om mới có thể đánh liều ra ngoài mà không bị phạt.

Trong khi chờ đợi, ngủ ư? Fuiat không buồn ngủ nữa; sự thèm rượ đã lay động gã. Với lại, nếu ngủ ngày thì đêm sẽ không ngủ được. Cái đó chớ! Đêm đến mà cứ thao láo mắt thì còn khổ hơn là ngủ mà đầy ác mộng.

Trời càng thêm u ám. Mưa gió càng tăng, bên ngoài cũng như bên trong...

Thế thì làm gì bây giờ? Không thể đứng yên, không thể ngồi, không thể nằm, không thể đi lại, không thể làm việc được, thì biết làm gì?

Một nỗi thống khổ, mỗi lúc một tăng, đè nặng lên đám binh sĩ mỗi một và lạnh cóng ấy, đang đau khổ tận thịt xương và thực sự không biết dùng thân xác của họ để làm gì bây giờ?

- Mẹ kiếp! Khổ quá đi mất!

Những con người bị bỏ rơi đó kêu lên như thế như một lời than van, như một tiếng cầu cứu.

Rồi, tự nhiên họ bắt đầu làm cái công việc duy nhất mà ở đây họ có thể làm được là đi bóc lột tại chỗ để khỏi tê xương, cóng da.

Thế là họ đi đi lại lại rất nhanh, hết dọc đến ngang trong cái buồng bé xíu chỉ ba bước chân là hết! Họ đi vòng quanh, chạm trán nhau, lướt vào nhau, đầu nghiêng về phía trước, tay đút túi, gót giày nện xuống đất. Những

con người đó bị gió lạnh mùa đông quất vào đến tận trong ổ rom, trông như một bọn cùng dân đọa lạc của thành thị, dưới bầu trời thấp trệt mùa đông, đang chờ cửa nhà tế bần nào đó mở. Nhưng cửa sẽ không mở cho họ đây, có chăng là phải bốn ngày nữa, hết hạn nghỉ, vào một tối nào đó để họ lại ra chiến hào.

Cô con ngồi xồm, lẻ loi một xó. Gã bị rận cắn, nhưng kiệt sức vì rét và ướt át, gã không đủ can đảm thay quần áo, đành ngồi ỳ ra đấy, ủ rũ, không cựa quậy, mặc cho rận nó làm thịt.

Càng gần đến năm giờ chiều, mà thế nào rồi chả đến, Fuiat lại bắt đầu say sưa với cái mộng được uống rượu. Gã chờ đợi với nguồn ánh sáng ấy trong lòng.

- Máy giờ rồi nhỉ?... Năm giờ kém mười lăm... Năm giờ kém năm... Nào, đi nào!

Gã đã ra ngoài, trong đêm tối, bằng những bước nhảy nhót làm bắn nước lên. Gã tiến thẳng đến cửa hàng của Manhac, con người hào hiệp và liến thoắng quê ở Bêdiê. Trong đêm mưa gió tối như mực, gã khó khăn lắm mới tìm được cửa. Rõ khi, nhà chẳng có đèn lửa gì cả! Khi ời là khi! Cửa lại đóng chặt! Gã bật diêm, lấy bàn tay to tướng và gầy khô che lại như cái chao đèn, soi thấy cái biển số kiếp: “Cửa hàng cấm quân đội”. Manhac mắc cái tội vi lệnh gì đó, đã bị đẩy trong bóng tối, không được hoạt động nữa!

Và Fuiat quay lưng, bỏ cái hàng rượu nay đã thành nơi giam gã chủ quán cô đơn. Nhưng gã vẫn không từ bỏ ước mộng của mình. Gã sẽ đi nơi khác, sẽ uống thứ rượu thường, gã sẽ trả tiền, thế thôi.

Gã thọc tay vào túi sờ ví tiền. Cái ví còn đầy... Gã như có ba mươi bảy xu. Chẳng to tát gì lắm, nhưng... Nhưng đột nhiên, gã giật nảy mình, dừng ngay lại và vỗ trán một cái. Bộ mặt dài ngoẵng của gã nhăn nhó ghê tởm trong bóng tối.

Không, gã đâu còn đến ba mươi bảy xu! Hừ, gã ngu thật! Gã quên tính cái hộp cá “xacđin” mới mua hôm qua vì cái thứ mì lốm đốm của cơm bữa

làm gã phát ngáy. Gã còn quên những cốc bia đã thết bọn thợ đã đóng thêm đinh vào giầy cho gã.

Khô quá! Gã đâu chỉ có khoảng mười ba xu.

Để được say sưa vừa ý mà trả thù lại cái cảnh sống hiện tại, gã cần đến một lít rượu mới vừa. Mà một lít thứ đồ ở đây giá hai mươi một xu. Thiếu nhiều tiền quá.

Gã đưa mắt nhìn bóng tối quanh mình. Gã tìm một người nào đó. Có thể có một thằng bạn nào sẽ cho gã mượn tiền hoặc thết hẳn gã một lít.

Nhưng thằng nào, ai nhỉ? Không phải là Bêcuwo, hẳn ta chỉ có một bà mẹ nuôi cứ nửa tháng lại gửi cho ít thuốc lá và giấy viết thư. Không phải Bacơ, vì có bao giờ thằng cha ấy chịu cho mượn. Không phải lão Blerơ, vốn keo kiệt, sẽ không thông cảm. Cũng không phải Bikê vì hình như hẳn đương bất bình với gã. Cũng không phải Pêpanh, bản thân thằng này cũng thường hay xin xỏ kẻ khác và ngay cả khi nó mời mọc anh em, nó cũng không chịu thò tiền ra trả. Ồ, nếu Vônpat còn ở đây!... Cũng còn Mexnin Andrê đấy, nhưng chính gã còn đương nợ hẳn ta nhiều chầu rượu. Còn tên cai Bectrăng. Thì nhận một lời nhận xét của hẳn, gã đã tàn nhẫn gạt hẳn ra và hiện giờ hai đứa vẫn gườm nhau. Còn Facfadê? Bình thường, gã không hề chuyện trò với hẳn. Không, gã biết rõ không thể nhờ vả Facfadê điều đó được. Vả chăng, mẹ kiếp! Tội gì mà nặn óc tìm cho ra những vị cứu tinh? Giờ này thì cả cái bọn đó còn biết chúng ở đâu?

Chậm chậm, gã quay lại nơi tạm trú. Rồi như cái máy, gã lộn lại và bước ngập ngừng về phía trước. Cứ thử xem sao. Có thể, ngay tại chỗ, có những thằng anh em đang ngồi vào bàn... Gã đi đến khoảng giữa làng, đứng vào lúc đêm vừa đến vui hẳn cảnh vật.

Những cửa chính và cửa sổ sáng trưng của các tiệm rượu hắt ánh vào bùn ngoài phố chính. Cứ vài chục bước lại một tiệm. Thoáng thấy những bóng nặng nề của binh lính, phần lớn thành từng tốp, đi xuống đường. Khi có chiếc xe hơi đi qua, người ta phải tránh ra để nó đi, quáng mắt vì ánh đèn pha, và bùn lỏng, mà bánh xe tung ra khắp mặt đường, bắn cả vào người.

Những tiệm rượu chật ních người. Qua những cửa kính mờ vì hơi phủ, thấy bên trong đầy ắp một đám đông chen chúc những người đội mũ cát.

Fuiat vào bừa trong một tiệm. Từ ngưỡng cửa, hơi ẩm tiệm rượu, ánh sáng, mùi rượu và tiếng ồn ào làm gã mềm lòng. Cái bọn người đang chè chén ấy, xét cho cùng, là một mẫu quá khứ còn lại trong hiện tại.

Gã nhìn hết bàn này đến bàn khác, bước lên đụng bàn đụng ghế, soát kỹ những khách ăn trong gian phòng. Chết nổi! Gã không quen ai cả.

Nhìn chỗ khác cũng vậy. Thật không may cho gã. Gã đã hết sức vờn cổ ra, đưa mắt cuống cuống sục sạo tìm lấy một mống quen biết trong số những kẻ mặc quân phục đó đương từng nhóm hoặc từng cặp vừa uống rượu vừa chuyện trò hay ngồi một mình viết lách. Gã giống như một thằng ăn mày chẳng được ai để ý tới.

Chẳng tìm được ma nào giúp đỡ, gã quyết định ít ra cũng tiêu hết số tiền trong túi. Gã len đến quầy trả tiền...

- Một chai nửa rượu vang, và hạng tốt ấy...

- Vang trắng?

- Ừ, trắng.

Mụ chủ quán đưa cho gã một chai nhỏ đầy rượu và một cái cốc, thu lấy mười hai xu, vừa nói:

- Cậu là người miền Nam đây.

Gã ngồi vào một góc bàn đã có bốn tay tửu đồ choán chỗ. Họ đương xoắn xuýt với nhau trong một canh bài. Gã rót đầy miệng cốc, uống cạn rồi lại rót đầy.

Một thằng cha mới đến, bận áo làm việc màu tím than, đôi lông mày kẻ một nét ngang rậm giữa khuôn mặt nhợt nhạt, cái đầu nhọn, hai tai kéch sù, réo vào tai gã:

- Nào, cùng nâng cốc chúc sức khỏe cậu. Khéo vỡ cốc!

Hắn là Haclingơ, lính quân giới.

Ngồi một mình với cốc rượu, trước mặt là người anh em đương tỏ ý khát, thật cũng chẳng danh giá gì. Nhưng Fuiat vờ như không hiểu cái ý muốn của anh chàng đương lắc lư trước mặt gã với một nụ cười làm duyên. Gã vội nốc cạn cốc. Thằng cha kia quay lưng, không quên cầu nhàu rằng “những thằng phương Nam ít thảo mà lại tham ăn”.

Fuiat tay chống cằm, lơ đãng nhìn một góc tiệm rượu, nơi binh lính dồn đông lại, thích cánh nhau, chen ép và xô đẩy nhau để đi qua.

Cái thứ rượu trắng này tất nhiên cũng khá đấy. Nhưng chỉ có mấy giọt ấy rơi vào cái sa mạc của Fuiat thì thấm vào đâu? Nỗi phiền muộn chưa tan được mấy lại kéo trở lại.

Gã người phương Nam đứng dậy, bước đi với hai cốc rượu trong bụng, một đồng xu trong ví. Gã còn có can đảm đi thăm một tiệm rượu nữa, đưa mắt vào dò, rồi bỏ đi, miệng lầm bầm để làm ra vẻ: “Mẹ kiếp! Cái thằng súc sinh ấy, không bao giờ là gặp được mặt nó!”

Rồi gã trở về nơi tạm trú. Nơi này, gió mưa vẫn luôn luôn rào rào từng cơn không ngớt. Fuiat thấp cây nền của mình; trong cái ánh lửa lập lòe của ngọn nến đang chập chờn một cách tuyệt vọng như muốn bay đi, gã lại thăm con Labri.

Tay cầm mẫu nền, gã ngồi xổm trước con chó khôn nạn có lẽ rồi đây sẽ chết trước gã. Con Labri ngủ, nhưng chỉ chập chờn thôi, vì nó bỗng mở ngay một mắt và vẫy đuôi.

Gã người thành Xetto vuốt ve nó và bảo thầm:

- Không làm cách nào được. Chịu...

Gã không muốn nói thêm với nó, sợ làm nó buồn; nhưng con chó tỏ đồng tình, lắc lư cái đầu, trước khi nhắm mắt ngủ lại.

Fuiat đứng dậy, hơi khó nhọc vì khớp xương gã như han gỉ và gã đi nằm. Gã chỉ còn ước vọng một điều: nằm xuống ngủ được để cho tiêu tan cái ngày thê thảm này, cái ngày hư không này, cái ngày như hằng bao nhiêu ngày khác mà gã còn phải dũng cảm chịu đựng, vượt qua, trước khi đến ngày cuối cùng của cuộc chiến tranh hoặc của cuộc đời của gã.

XII – CÁI CỔNG LỚN

- Có sương mù đây, cậu có muốn đi đến đây không?

Pôteclô hỏi tôi như vậy. Cái đầu tóc tơ ngon lành của gã quay về phía tôi, đôi mắt gã xanh trong làm cho cái đầu có vẻ cũng trong suốt.

Pôteclô quê ở Xusê và từ khi quân Tuần tiễu đã chiếm lại được Xusê, gã thiết tha muốn về thăm lại cái làng xưa kia gã đã sống sung sướng, khi gã còn là một con người.

Thật là một cuộc đi thăm nguy hiểm. Không phải vì đường xa: Xusê ở ngay cạnh đây thôi. Từ sáu tháng nay, chúng tôi đã sống và hoạt động trong những chiến hào và giao thông hào ngay sát nách làng, hầu như nghe được cả tiếng nói từ làng vọng lại. Ở đây, chỉ cần leo thẳng lên con đường đi Bêtuyn, có chiến hào bờ sát hai bên, có hầm trú ẩn của chúng tôi đào ngay dưới đất, rồi theo đường đi xuống độ bốn, năm trăm thước nữa là thẳng sâu vào Xusê. Nhưng những nơi này thường xuyên bị địch bắn phá khủng khiếp. Từ khi chúng rút lui, quân Đức không ngớt phóng đến đây những đạn đại bác rất lớn chốc chốc lại nổ vang trời, làm rung chuyển cả chúng tôi ở dưới hầm. Và chúng tôi thấy qua bờ dốc hầm, lúc chỗ này, lúc chỗ khác, như suối phun, từng cột đen và to lớn gồm đất cát và mảnh vụn và những đồng khối thẳng đứng, cao như nóc nhà thờ. Tại sao chúng lại bắn phá Xusê? Chẳng ai hiểu cả, vì trong cái làng đã bị đôi bên giành đi cướp lại, chiếm đoạt của nhau rất kịch liệt, không còn lấy một bóng người nào, không còn sót lấy một tí gì đâu.

Nhưng sáng hôm nay quả thực có một đám sương mù dày đặc bao phủ lấy chúng tôi, và nhờ tấm màn to lớn chia cắt đất trời như vậy, chúng tôi có thể đánh liều mạo hiểm... Ít ra cũng chắc chắn là không bị lộ. Màn sương mù bịt kín cái con mắt hoàn hảo của cái khinh khí cầu đang ở đâu đó trên không, ngập trong bông và ngăn một bức tường bao la, nhẹ nhàng và mờ đục giữa trận tuyến của chúng tôi với các đài quan sát ở Lenx và Angơ, nơi quân địch đang rình mò chúng tôi.

Tôi bảo Pôteclô:

- Được đây!

Viên quân Bactơ được chúng tôi báo cho biết, gật đầu và hạ mi mắt xuống ra hiệu rằng gã sẽ nhắm mắt làm ngơ. Chúng tôi leo lên khỏi chiến hào và thế là cả hai chúng tôi đã đứng trên con đường đi Bêtuyn.

Đây là lần đầu tiên, tôi đi qua quãng đường này giữa ban ngày. Trước kia chúng tôi chỉ được thấy nó từ rất xa, cái con đường khủng khiếp biết bao lần chúng tôi đã chạy dọc hoặc nhảy phóc qua, cúi mình trong bóng tối, dưới làn đạn veo veo.

- Thế nào? Đi chứ, ông bạn!

Được vài bước, Pôteclô đã dừng lại giữa đường, ở đó sương mù trải dài như một mớ bông. Gã đứng đó, mở to đôi mắt màu xanh da trời và há hốc cái miệng đỏ lôm.

Gã lâm bầm:

- Chà! Úi chà! Úi chà...

Tôi quay lại nhìn gã thì gã trở con đường, lắc đầu bảo tôi:

- Nó đây. Trời ơi, nó bây giờ thế này đây... Đoạn đường mà chúng ta đang đứng, tớ thuộc đến nỗi nhắm mắt lại, tớ cũng thấy được nó đúng như trước kia và ngay tự mình nó cũng hiện lại trong óc tớ. Ông bạn ạ, thấy lại nó như thế này, thật là khủng khiếp. Xưa kia, nó là con đường đẹp đẽ, hai bên bờ giống toàn cây to...

- Còn bây giờ thì ra sao? Cậu nhìn mà xem: một cái gì dài dài, nát bét, thiếu não... Cứ nhìn mà xem, hai giao thông hào hai bên, suốt dọc tro trọi, đá lát bị cày lên, nát như, cây bật cả rễ, cửa cụt, cháy sém, những đồng củi vung vãi, thùng đạn lỗ chỗ! – Nay, chỗ này có khác gì cái môi hót bọt không nào! – Chao! ông bạn ạ, ông bạn ơi, cậu không thể tưởng tượng được con đường này đã đổi dạng đến thế nào!

Và gã lại bước đi, mỗi bước lại nhìn và thêm kinh ngạc.

Mà thực tế, nó quái đản thật, cái con đường mà hai bên, hai đội quân đã ần núp, đã bám chặt lấy và đã từng giao chiến cả trên mặt đường trong suốt một năm rưỡi. Nó là một con đường lớn bị bắn phá toi bời, chỉ có từng loạt đạn súng trường, từng hàng từng dây trái phá đi qua đi lại, cày đất lên thành luống, đội đất lên, tung đất ở đồng phủ lên, đào nó và lật nó tận đáy sâu. Nó giống một lối đi đốn kiếp, không màu sắc, bị lột da và già cỗi, trông ảm đạm và vĩ đại.

Pôteclô nói:

- Giá cậu được trông thấy nó trước kia nhỉ. Xưa nó sạch sẽ và phẳng phiu. Hai hàng cây đều đầy đủ, lại đủ lá lay, đủ màu sắc, nom cứ như bướm bướm. Và trên đường lúc nào cũng có người qua lại cho mình chào hỏi: khi thì một phụ nữ hiền hậu lắc lư giữa hai cái thùng, khi thì những người ngồi trên xe ngựa, nói năng bô bô, áo căng phồng trước gió. Chà! Cuộc sống ngày xưa sung sướng biết bao!

Gã đi sâu vào đôi bờ của con sông phủ sương mù dọc theo lòng đường, tiến đến phía đất có hàng rào. Gã cúi xuống và dừng lại ở chỗ đất mấp mò nhô lên, trên đó hiện lên rõ ràng những cây thánh giá. Những cây thánh giá cắm bên mồ ấy xuất hiện rải rác trong bức tường sương mù như những đường thánh giá trong một nhà thờ.

Tôi cất tiếng gọi gã. Nếu cứ đi chậm chậm như đưa đám thể này, bao giờ mới đến được. Đi thôi chứ!

Tôi đi trước và Pôteclô lê gót theo sau, đầu óc gã rối bời và nặng trĩu những ý nghĩ, cố đưa mắt thăm dò cảnh vật, nhưng vô hiệu. Chúng tôi đến một khu đất trũng. Đến đây, con đường đã xuống dốc, một giải đất gập ghềnh che khuất nó về phía Bắc. Ở nơi kín đáo này, có chút ít dấu người qua lại.

Trên mảnh đất hoang, bản thủ và bệnh hoạn, cỏ khô ngập trong bùn nâu bóng, là hàng dãy xác chết. Ban đêm, khi người ta thu dọn chiến hào và

cánh đồng, người ta đã khiêng lên đó. Những xác chết đó hiện đang chờ đợi – có những xác đợi đã khá lâu – để được đưa đi vào lúc ban đêm về cái nghĩa địa ở hậu phương.

Chúng tôi nhẹ nhàng lại gần. Họ nằm sát với nhau: Mỗi người hoặc gio tay, hoặc gio chân cứng đờ theo tư thế khác nhau lúc hấp hối. Có những bộ mặt đã hơi mốc meo, da xỉ vàng với những chấm đen. Nhiều người, mặt hoàn toàn đen hắc như quẹt hắc ín, môi sưng phù to tướng, giống hệt đầu người da đen bằng cao su thổi phồng. Họ đâu phải là người da đen. Giữa hai cái xác, thò ra, không rõ là của xác nào, một bàn tay bị cắt rời, chỗ đứt lèo nhèu một nút gân.

Có những người chỉ còn là những xác ma không rõ hình người, bản thiêu, để thò ra vài đồ vật nhà binh hoặc những mẫu xương. Phía xa người ta đã khiêng đến một tử thi nát đến nỗi phải nhét vào cái vĩ dây thép đan, buộc vào hai đầu một cái cọc để khiêng cho khỏi rơi vãi dọc đường. Thế là xác chết ấy, cuộn tròn trong cái võng sắt đó được mang đến đặt ở đây. Trông không còn biết đâu là đầu, đâu là chân. Trong cái đồng thịt đó, chỉ nhận ra được cái túi quần há hốc. Một con bọ ở đấy bò ra rồi lại chui vào.

Quanh người chết, có những lá thư bay lả tả. Những thư đó đã tuột ở túi hoặc ở bao đạn của họ ra, khi người ta đặt họ xuống đất. Trên một mẫu giấy trắng tin đương phàn phật trước gió bắc nhưng vẫn dính vào bùn, tôi hơi cúi xuống, đọc được câu: “Anh Henri thân yêu, hôm nay ngày sinh nhật của anh, trời đẹp quá!” Anh này nằm sấp; lưng bị xẻ thành một đường sâu từ hông này sang hông kia; đầu anh hơi quay lại để lộ đôi mắt hờm và trên thái dương, trên má, trên cổ, đã mọc một thứ râu xanh.

Một không khí nồng nặc đến nôn ruột phảng phất trong gió, lờn vờn bay quanh những xác chết và cái đồng di vật chất chồng bên cạnh: vài lều hoặc quần áo bằng thứ vào nào đó vậy máu đã khô cứng lại, đen thui vì sém đạn đại bác, cứng quèo, màu đất và đã mục nát, trong đó một lớp dòi bọ đang lúc nhúc bới đục. Chúng tôi thấy ngọt ngọt. Chúng tôi nhìn nhau lắc đầu, không dám lên tiếng thú thực với nhau rằng thôi quá. Tuy vậy cũng chỉ từ từ rời khỏi nơi đó.

Nhưng đây trong sương mù hiện ra những bóng người cúi khom lưng đang xúm nhau khiêng một vật gì. Đó là những người tải thương của hậu bị quân đang khiêng một xác chết khác. Họ bước đi, nét mặt già nua, tiêu tụy và dưới sức nặng, họ thở hì hục, toát mồ hôi, méo cả mặt. Khiêng tay đôi một xác chết đi trong giao thông hào, khi có bùn lầy, là một công việc hầu quá sức người.

Họ đặt người chết xuống, người này quần áo còn mới toanh. Một người khiêng nói:

- Vừa mới đây, anh ta còn sống. Mới từ hai giờ, anh ta bị trúng đạn vào đầu vì anh cố tìm một khẩu súng Đức trên cánh đồng. Thứ tư này, anh sẽ đi phép nên muốn mang theo khẩu súng đó về nhà. Anh đóng lon đội ở đơn vị 405 thuộc lớp lính 14. Một chú thanh niên xinh xắn đấy.

Người ấy giở chiếc mùi xoa che mặt cho chúng tôi xem: anh ta còn trẻ lắm, trông như đang ngủ, duy chỉ có lòng mắt thì lộn ngược, má vàng nhạt và một thứ nước màu hồng làm ướt lỗ mũi, mồm và mắt.

Trong cái đám người chết nằm đây, xác anh ta điểm vào một nét sạch sẽ. Người anh còn mềm, khi có ai lay thì nghiêng đầu về một bên như để thoải mái hơn, khiến ta có cảm giác ngây thơ là anh chưa chết bằng những người khác. Nhưng vì còn rõ mặt người hơn, hình như anh ta trông bi thảm, gần gũi và thân thiết hơn đối với người nhìn. Và nếu chúng tôi có nói câu gì trước tất cả cái đồng người rửa nát kia, thì chỉ có thể nói: “Tội nghiệp thằng bé quá!”

Chúng tôi lại đi. Con đường từ đó bắt đầu xuôi xuống phía dưới, nơi làng Xusê. Dưới chân chúng tôi, trong sương mù trắng xóa, con đường này hiện ra như một thung lũng khủng khiếp của sự khổ ải. Những đồng gạch đá vụn, những thứ còn lại, những rác rưởi bần thủ chất đông giữa mặt đường lát đá đã vỡ tung, và trên đôi bờ lầy lội, càng làm thêm rối rắm. Cây cối ngổn ngang mặt đất hoặc bay trụi đầu mất những cành lá gãy nát. Lề đường bị trái phá lật đổ hoặc đảo lộn tứ tung. Suốt dọc hai bên con đường đó, nơi chỉ có những cây thánh giá của các ngôi mộ là còn đứng nguyên, là những chiến hào đã bị lấp đi đào lại hàng chục lần, những hố con, những lối đi trên các hố con, những tấm phen trải ở những nơi lồm bồm.

Càng đi, mọi vật càng hiện ra xáo lộn, khủng khiếp, đầy hôi thối, cho ta một cảm giác như trời tan đất lở. Chân người giẫm lên mặt đất lát toàn bằng mảnh trái phá. Mỗi bước đi là mỗi bước vấp. Chúng tôi như bị mắc bẫy, chân cứ vướng víu vào cái mớ hỗn độn những khí giới gãy, những mảnh nồi niêu, những bi-đông, lò bếp, máy khâu, lẫn lộn với những mớ dây điện, những quân trang Đức và Pháp rách nát dưới lớp bùn khô, những đồng trống như áo quần lay nhầy một chất xám màu nâu đo đỏ. Lại còn phải coi chừng những đạn đại bác chưa nổ nằm khắp nơi, quả thì nhô đầu, quả thì thò đít, quả thì nằm nghiêng, quả đỏ, quả xanh, quả màu nâu sẫm.

- Đây là chiến hào của tụi Đức, cuối cùng chúng phải bỏ lại đây.

Có đoạn, chiến hào bị lấp mất, có đoạn lại lộ chỗ những hố đạn đại bác. Những bị đất bị xé thủng, rách toác, đổ sụp xuống, dốc sạch đất, rung rinh trước gió. Mấy tấm ván dùng để chống thì bị nổ tung và nhô lên tua tủa khắp nơi. Hàm trú ẩn thì ngập đến tận miệng những đất và những thứ gì chẳng biết. Trông tưởng chừng như một lòng sông bị nghiền nát, đập bẹp ra, đầy những bùn, một lòng sông hầu cạn khô, bị nước và người bỏ quên. Có chỗ chiến hào đã bị đại bác xóa sạch; cái hào miệng phình đứt quãng, hóa thành chỉ còn một khoảnh đồng đất mới, có những lỗ nằm cân đối bên nhau suốt cả dọc ngang.

Tôi chỉ cho Pôteclô cái khoảnh đồng lạ lùng như đã bị một chiếc cày khổng lồ đi qua đây.

Nhưng ruột gan gã còn đang rối bời trước cảnh vật tang thương.

*

* *

Gã lấy ngón tay chỉ một khoảng trống ngoài đồng, nét mặt kinh ngạc như vừa tỉnh một giấc mơ:

- Quán rượu Đỏ.

Đó là một mảnh đất phẳng lát gạch đã vỡ.

- Còn cái kia là gì?

Một móc đá ư? Không, không phải một móc đá. Đó là một cái đầu lâu, một cái đầu đen thui, như đã bị thuộc và đánh xỉ vậy. Mồm méo xệch, ria mép tua tủa hai bên: hết như cái đầu mèo lớn bị đốt thành than. Còn thân hình – thân hình của một tên Đức – thì lại ở dưới đất, bị chôn đứng.

- Còn kia nữa?

Cái khối bi thảm ấy gồm một cái sọ dừa trắng bệch, và cách hai thước, một đôi ủng; giữa sọ và đôi ủng, một đồng da rách mướp và giẻ vụn quện chặt vào nhau bằng một thứ bùn màu.

- Đi thôi. Sương mù đã loãng rồi. Nhanh lên.

Trước mặt chúng tôi, độ một trăm thước, trong những làn sương mù đã loãng hơn đang theo bước chúng tôi, che phủ chúng tôi mỗi lúc một bớt kín, một viên đại bác rít lên và nổ... Nó rơi đúng vào chỗ chúng tôi sắp đi qua.

Chúng tôi đi xuống. Đường đã bớt dốc.

Chúng tôi đi sát bên nhau. Anh bạn tôi không nói gì, chỉ nhìn hết bên phải rồi đến bên trái.

Thế rồi, gã lại dừng lại, như khi còn ở trên kia đường. Tôi nghe gã lúng búng nho nhỏ:

- Ủa! Đây rồi mà... Chính là đây rồi mà...

Quả vậy, chúng tôi chưa rời khỏi cánh đồng, cái cánh đồng mênh mông, khô cằn, cháy rụi – thế mà chúng tôi lại đã vào đến làng Xusê rồi!

*

* *

Làng đó đã mất tích. Chưa bao giờ tôi thấy một làng nào biến hẳn đi như vậy. Ablanh xanh Nade và Carenxy còn giữ được hình thù, mặc dầu nhà cửa sập nát, gãy gục, sân đầy vôi vữa và gạch ngói. Còn ở đây, trong khung cảnh những cây to bị tàn hại bao quanh chúng tôi trong sương mù, nom mờ ảo, không còn một vật gì còn giữ được hình dạng: Không còn lấy một vạt tường, một cửa lưới sắt hoặc một cái cổng còn đứng thẳng được, và dưới cái đồng rôi tung những xà nhà, đá và sắt vụn, người ta ngạc nhiên thấy còn những tấm đá lát: chỗ này, xưa kia là một đường phố!

Thật chẳng khác gì một khu đất hoang, bần thiêu, lầy lội, cạnh một thành phố, từ bao năm nay nhân dân vẫn thường xuyên đem ra đổ ngập lên, không trừ một chỗ nào, những gạch vụn, tường vụn, những vật liệu dỡ nhà bỏ đi và những dụng cụ hỏng nát; một lớp đồng đều những rác rưởi và mảnh vỡ ngập người, phải khó khăn lắm mới chậm chạp len qua được. Bom đạn đã biến đổi mọi vật, đến nỗi cả cái dòng suối của cối xay cũng bị chuyển dịch. Giờ thì suối đó chảy lung tung, tích thành cái ao ở những chỗ còn lại của miếng đất nhỏ xưa có cắm cây thánh giá.

Trong mấy lỗ đạn đại bác, những con ngựa to lớn căng phòng, chết trương, trong những lỗ khác rải rác hàng đồng xương thịt bị trái phá tàn khốc làm cho tan nát, mất hẳn hình người.

Nơi đây, nằm ngang con đường mòn phải dần bước leo lên, những đồ vật vụn nát tràn ngập như trên sông băng tan hoặc như trận lụt dưới bầu trời buồn thiu nặng trĩu, có một xác người nằm soài như ngủ; nhưng khác người ngủ là cái xác dán chặt mình xuống đất. Đó là một anh phụ dịch mang xúp cho lính, râu bánh đeo ở đai da, chùm bi-đông của anh em khoác vào vai anh bằng một mớ dây quai. Có lẽ mảnh đạn đại bác đã bắn thủng lưng anh mới đem qua. Chắc hẳn chúng tôi là những kẻ đầu tiên tìm thấy anh, người lính vô danh chết trong tầm tối. Trước khi những người khác tìm được anh, có lẽ thầy anh đã tan nát. Chúng tôi tìm tấm thẻ căn cước của anh. Thẻ bết vào vũng máu đông lại quanh bàn tay phải anh. Tôi ghi lấy cái tên đã viết bằng những chữ máu.

Pôteclô để mặc tôi làm một mình. Gã như người đang mê ngủ. Gã nhìn, hốt hải nhìn khắp nơi. Giữa những sự vật tan hoang, mắt tìm trong cảnh

trống không đó, gã tìm đến nơi vô tận, tìm mãi đến chân trời mù sương.

Rồi gã ngồi xuống một cái rầm nhà nằm ngang ở đó, sau khi đã lấy chân đá bắn đi cái xoong méo vụn đặt trên rầm. Tôi ngồi xuống cạnh gã. Trời mưa bụi nhẹ nhàng. Cái ẩm ướt của sương mù tan thành giọt, làm cho mọi vật như loáng một lớp bóng nhẹ nhàng.

Gã làm bầm:

- Chà! Mẹ kiếp!... Mẹ kiếp!...

Gã lau mồ hôi trán, ngược mắt nhìn tôi như van lơn. Gã cố tìm hiểu, thu lấy cảnh tàn phá trên khắp mảnh đất này và hòa mình vào cái tang tóc đó. Gã lúng búng những lời không đầu đuôi, những tiếng kêu than. Gã bỏ cái mũ cát rộng ra, đầu gã bốc khói. Rồi gã nặng nhọc nói với tôi:

- Cậu ạ, cậu không thể tưởng tượng nổi, không thể nào tưởng tượng nổi...

Gã hớn hên tiếp:

- Quán Rượu Đỏ là chỗ có đầu lâu tên Đức và khắp xung quanh, từng đống rác... Cái chỗ nhớp nhúa bẩn thỉu ấy, xưa kia là... ven đường, một cái nhà gạch và hai nhà ngang thấp ở cạnh... Cậu ạ, ở ngay cái chỗ chúng ta vừa dừng chân, biết bao nhiêu lần, ừ, biết bao nhiêu lần, tớ đã vừa cất tiếng chào người đàn bà hiền hậu đang cười đùa ở ngưỡng cửa, vừa chùi miệng và nhìn về phía Xusê, nơi tớ đang đi về! Và được vài bước lại ngảnh lại réo đùa với mẹ một câu! Ô! Cậu không thể nào tưởng tượng được...

- Thế mà, giờ đây!...

Gã khoát tay vòng quanh, chỉ cho tôi tất cả cái hoang vắng đang bao bọc xung quanh gã.

- Chẳng nên ở đây lâu, cậu ạ. Sương mù tan rồi, cậu thấy đấy.

Gã đứng lên nặng nhọc.

- Thì đi...

Giờ đến việc hệ trọng hơn. Nhà gã...

Gã lưỡng lự, tìm hướng, rồi bước đi...

- Đấy đấy... Không, tớ đi quá mất rồi. Không phải đấy. Tớ không còn biết nay là đâu – trước kia là đâu nữa. Chao! tai ương, khôn khổ.

Gã vịn hai bàn tay lại, đầy thất vọng, đứng không vững giữa đồng gạch vữa và ván gỗ. Gã tìm những cái xưa có trong nhà: Cái thâm kín của những gian buồng, ánh sáng nhạt nhạt bên trong. Tất cả cái đó đã tan tác trong không gian, tung tóe trước gió. Có lúc mất hướng trong cánh đồng ngồn ngàng, không dấu vết, gã nhìn trời như để tìm kiếm.

Sau nhiều lần đi đi lại lại, gã dừng lại một nơi rồi lùi lại một chút.

- Trước là chỗ này đây. Không thể nhầm được. Cậu thấy không: Chính nhờ hòn đá này mà tớ nhận ra. Trước ở đây có cái cửa hầm. Còn thấy dấu vết một thanh sắt của cửa hầm đã bay mất.

Gã khịt mũi, nghĩ ngợi, gật gù chậm chậm mãi không thôi.

- Khi không còn gì nữa thì mới biết rằng xưa kia là hạnh phúc biết bao. Chà! Xưa thật sung sướng.

Gã lại gần tôi, cười khích động:

- Thật là kỳ, phải không? Chắc cậu chưa bao giờ thấy cảnh này: Không tìm ra cái nhà mà từ lâu xưa nay mình vẫn ở...

Gã quay mình và giờ thì gã kéo tôi đi.

- Thôi, phôi đi, còn gì nữa đâu. Có đứng hàng giờ nhìn dấu vết những vật cũ cũng thế thôi! Đi thôi, cậu ạ.

Chúng tôi trở về. Chúng tôi, hai kẻ còn sống hiện ra như hai vệt đen trong nơi mờ ảo mịt mù này, trong cái làng ngổn ngang trên mặt đất dưới chân chúng tôi.

Chúng tôi lại lên dốc. Trời hửng sáng hơn. Sương mù tan rất nhanh. Anh bạn tôi im lặng đi từng bước dài, đầu cúi xuống, chỉ cho tôi một khu đất.

Anh nói:

- Nghĩa địa đây. Xưa kia chính nó nằm ở đây, trước khi nó lan ra khắp nơi, trước khi hút lấy tất cả không bao giờ ngừng.

Đến giữa dốc, chúng tôi đi chậm lại. Pôteclô xích gần vào tôi.

- Cậu xem, tất cả cái đó thật là quá. Cả cuộc đời tớ cho đến nay đã bị xóa nhòa quá đáng.

- Nhưng này, vợ cậu vẫn còn khỏe, con gái cậu cũng thế. Cậu đã biết rồi kia mà.

Gã làm ra vẻ mặt kỳ quặc:

- Vợ tớ ấy à... Tớ sẽ kể cho cậu một điều: Vợ tớ...

- Vợ cậu làm sao?

- Này, tớ đã gặp vợ tớ đấy, cậu ạ.

- Cậu có gặp? Tớ cứ tưởng cô ta ở vùng tạm chiếm?

- Phải, cô ta ở Lenx, với cha mẹ tớ. Thật đấy, tớ có gặp... Chà! Với lại, nghĩ cho cùng, mẹ kiếp!... Tớ sẽ kể hết cho mà nghe. Này nhé, cách đây ba tuần lễ, tớ đã về Lenx. Hôm ấy là ngày 11. Hai mươi hôm rồi chứ gì.

Tôi choáng váng, nhìn gã... Nhưng gã có vẻ nói thật. Vừa đi cạnh tôi, trong ánh sáng đang trải ra, gã nói lúng búng:

- Có lẽ cậu còn nhớ, hôm ấy người ta bảo... Nhưng hồi đó, hình như cậu không có mặt ở đây. Họ bảo: phải tăng cường hệ thống dây thép gai phía trước con đường hào song song Bi-a. Cậu biết thế nghĩa là gì rồi. Đến tận bây giờ, việc đó chưa bao giờ thực hiện được: Cứ thoát ra khỏi chiến hào là đã lộ mình ra ở phía trên cái dốc tên là quái gì chả nhớ.

- Dốc đường xe trượt.

- Ủ, đúng. Chỗ ấy khó qua nhất, ban đêm hay lúc sương mù cũng như ban ngày, vì súng trường đã chĩa sẵn trên giá bắn, còn súng máy thì giữa ban ngày cũng ngắm sẵn. Khi bọn Đức không thấy gì thì chúng tưới đạn tứ tung vào.

“Người ta đã lấy người trong đại đội biệt động; nhưng có những thằng chuồn mất nên đành phải thay thế bằng một số lính lựa chọn trong các đại đội khác. Tớ ở trong số bọn này. Được lắm. Bọn tớ từ chiến hào mò ra. Không có qua một tiếng súng! Anh em nói: “Thế là nghĩa lý gì?” Nhưng kia đã thấy một thằng Bôtsơ, hai thằng Bôtsơ rồi mười thằng Bôtsơ dưới đất bò lên – như bọn quỷ sứ áo xám – chúng vừa ra hiệu cho chúng tớ, chúng vừa gào lên: “Ca-ma-rát!” Chúng tiếp tục ra khỏi hào giao thông quốc tế của chúng vừa nói: “Chúng tôi là người xứ Andat.”^[40]

Chúng bảo: “Chúng tôi sẽ không bắn vào các anh đâu. Đừng sợ, bạn đây. Chỉ yêu cầu các anh để chúng tôi chôn những người chết của chúng tôi”. Thế là mỗi bên cứ làm việc mình, lại còn chuyện trò với nhau nữa. Vì họ là người Andat. Sự thực, họ phải báng chiến tranh và bọn sĩ quan của họ. Viên đội của chúng tớ cũng rất biết rằng không được phép chuyện trò với quân địch, và người ta còn đọc cho chúng tớ hay rằng chỉ cần nói chuyện với chúng bằng súng. Nhưng viên đội bảo rằng đây là một cơ hội duy nhất để củng cố lại những dây thép gai và nếu chúng để ta làm cái việc chống lại chúng thì tội gì mà không thừa cơ...

“Thế rồi, tự nhiên một thằng trong bọn lính Đức nói: Trong các anh đây, có ai là người ở vùng bị chiếm và muốn được tin gia đình mình không?”

“Cậu ạ, thế là tớ không nén nổi. Chẳng biết phải trái gì nữa, tớ lại gần, nói: Này, có tôi. Tên lính Đức bèn hỏi tớ mấy câu. Tớ trả lời rằng vợ tớ hiện ở Lenx với bố mẹ và con gái nhỏ. Hắn hỏi chỗ ở của vợ tớ. Tớ nói rõ thì hắn bảo hắn biết chỗ đó lắm. Hắn nói: Nghe chứ, tôi sẽ mang thư hộ anh, không những chỉ thư đi, mà cả thư trả lời cho anh nữa. Rồi đột nhiên thằng cha Đức ấy đập vào trán, xích lại gần tớ: Này, anh này, còn hơn thế nữa kia. Nếu anh bằng lòng làm như tôi bảo, thì anh sẽ nhìn thấy được vợ anh và cả con anh, tất cả, rõ ràng, như tôi trông thấy anh bây giờ. Hắn bảo muốn thế thì chỉ cần đi với hắn vào một giờ nào đấy với cái áo ca-pốt Đức và mũ ca-lô mà hắn sẽ đưa cho. Hắn sẽ để tớ lộn sòng vào bọn phụ dịch đi lấy than ở Lenx; bọn này sẽ đi đến tận nhà chúng tớ. Tớ sẽ trông thấy vợ con, chỉ cần tớ phải lén lút, đừng lộ mặt vì hắn đảm bảo đối với những tên cùng đi phụ dịch, còn có những hạ sĩ quan ở trong nhà thì hắn không đảm bảo... Cậu này, tớ có nhận không?”

- Việc nghiêm trọng đấy!

- Thì đã hắn là nghiêm trọng. Tớ đã quyết định trong tức khắc, không nghĩ ngợi, không muốn nghĩ ngợi gì cả, vì tớ đã quáng mắt với ý nghĩa sẽ được gặp lại người nhà. Và sau đó có bị bắn chẳng nữa, thì cũng đành. Ăn chả thì giả nem, chứ gì. Chẳng qua là cái luật cung cầu như người ta nói, phải không?

“Cậu ạ, mọi việc trôi chảy cả. Chỉ có một khó khăn là phải cất công tìm cho tớ cái mũ ca-lô khá rộng vì cậu biết đấy, đầu tớ lo quá. Nhưng rồi cũng xong: Cuối cùng, người ta đã lòng được cho tớ một cái ô chày khá rộng vừa lọt được đầu tớ. Tớ lại có đúng đôi bột Đức, đôi bột của Carôn ấy mà, cậu biết chứ. Thế là chúng tớ ra đi trong chiến hào Đức (mà nó cũng giống hệt chiến hào của ta thôi) với những thứ đồng chí Đức đó. Họ nói với tớ bằng tiếng Pháp rất thạo – như cậu đương nói với tớ đây – rằng tớ cứ yên tâm, đừng sợ.

“Không có gì đáng sợ xảy ra cả. Lúc đi thì thế đấy. Mọi việc bí mật và đơn giản đến nỗi tớ tưởng như mình là một thằng Đức giả cây. Xâm phạm tới thì đến Lenx. Tớ nhớ đã đi qua La Pecsơ dọc theo phố Mười-Bốn Tháng-Bảy. Tớ thấy dân thành phố đi lại ngoài đường như là ở những chỗ chúng mình trú quân. Vì trời tối, tớ không nhận ra họ, họ cũng không nhận ra tớ,

vì trời tối cũng có, và cũng là vì cái quái gở lạ thường của câu chuyện... Khi tớ vào đến vườn của bố mẹ tớ thì trời tối như hũ nút.

“Tim tớ đập mạnh: Tớ run rẩy suốt từ đầu đến chân, tưởng chừng như cả người tớ chỉ là một trái tim đang đập. Tớ phải dẫn mình mới nhận được khỏi phá lên cười, nhất lại cười đùa bằng tiếng Pháp vì tớ sung sướng, cảm động quá. Thằng bạn Đức bảo tớ: Anh sẽ đi qua một lần, rồi một lần nữa, nhìn qua cửa lớn và cửa sổ. Anh nhìn, nhưng đừng làm ra vẻ để ý... Cẩn thận đấy... Thế là tớ trấn tĩnh, nén cảm xúc ngay tức khắc. Thằng chó ấy kẻ cũng hảo đấy, vì tớ mà bị tóm thì hắn cũng đến ôm đòn, phải không?”

“Cậu biết đấy, ở quê tớ cũng như trong khắp miền Pa đơ Cale, cửa vào nhà chia làm hai phần: Phần dưới như một thứ chân song cao đến nửa người, phần trên làm thành một thứ cánh cửa. Như thế, chỉ cần đóng có phần dưới cửa là được nửa phần ngăn cách.

“Lúc đó, cánh cửa trên đang mở. Buồng trong là phòng ăn và tất nhiên cũng vừa là bếp, đang sáng đèn và có tiếng người.

“Tớ đi qua nghển cổ ngó vào. Thấy những đầu đàn ông và đàn bà hồng hồng, sáng sáng quanh bàn tròn và ngọn đèn. Mắt tớ dồn vào vợ tớ, vào Clôtiđơ. Tớ thấy rõ mồn một. Nó ngồi giữa hai thằng, hai hạ sĩ quan thì phải, đang nói gì với nó. Còn nó thì làm gì? Chẳng làm gì sốt; nó mỉm cười, duyên dáng nghiêng đầu, mớ tóc tơ hơi hoe ánh vàng lên dưới ngọn đèn.

“Nó mỉm cười. Nó hài lòng. Nó có vẻ thỏa mãn cạnh bọn đeo lon Đức, cạnh ngọn đèn và cái lò sưởi đương phả vào tớ một hơi ấm mà tớ rất quen thuộc. Tớ đi qua, lộn lại, rồi lại đi qua. Tớ lại thấy nó, vẫn cứ mỉm cười. Không phải thứ nụ cười miễn cưỡng, cũng không phải thứ nụ cười lấy lòng, mà là một nụ cười thực sự, tự lòng nó phát ra để tặng cho người. Và trong cái khoảnh khắc tớ qua lại đó, tớ thấy được cả con gái bé tớ giang hai tay về phía một thằng sĩ quan béo mập và cố leo lên đầu gối lão ta. Cạnh đó, tớ còn nhận ra ai nữa? Mụ Mađolen Vandaec, vợ thằng Vandaec, bạn đồng ngũ thân thiết của tớ, ở đơn vị 19, đã bị chết ở Môntyôn, trong trận La Macơ.

“Rõ ràng mụ ta biết chồng đã chết, vì mụ bận đồ tang. Và cả mụ nữa, mụ cũng cười, cười hân hoan lắm, cậu ạ... Rồi mụ nhìn hết anh nọ đến anh

kia như muốn bảo: “Tôi ở đây thật là thoải mái!”

“Chà! Cậu ạ, tớ đã ra khỏi đó và đâm đầu vào bọn ca-ma-rát đang chờ để đưa tớ về. Tớ trở về như thế nào, thực không thể kể được. Tớ như bị sét đánh. Tớ bước đi chập choạng như một thằng đốn kiếp. Lúc đó thì đừng có ai trêu tớ! Tớ sẽ gầm lên; tớ sẽ làm vung lên để bị giết một thể cho hết cái đời chó má này đi.

“Cậu nghe chưa? Vợ tớ, nàng Clôtinđơ của tớ đã cười giữa cái ngày chiến tranh đó! Thế là nghĩa lý gì? Thì ra chỉ cần ta vắng mặt một thời gian là người ta coi như không có ta nữa? Anh bỏ nhà để ra chiến trận, tất cả tưởng như là tan vỡ. Và trong khi anh nghĩ như vậy, thì người ta quên dần sự vắng mặt của anh, dần dần anh trở nên như không có nữa, bởi vì người ta không cần đến anh cũng cứ được sung sướng như trước và cũng cứ cười được. Chà! Tức quá! Cái con đĩ rác kia nó cười, tớ chẳng thèm nói làm gì, nhưng nàng Clôtinđơ của tớ, mà lúc đó, lúc đó bất đồ tớ trông thấy, muốn nói gì thì nói, rõ ràng là nó đã đéch cần đến tớ hẳn hoi rồi!

“Mà giá nó vui cười với bà con, bạn hữu cho cam. Nhưng không, nó lại cười với chính những thằng hạ sĩ quan Bôtơ. Tớ hỏi cậu, còn gì mà không nhảy ngay vào buồng, tát cho nó hai cái tát nên thân và vắn cổ cả cái con đĩ mặc áo tang kia đi chứ!

“Ừ, ừ, tớ đã toan làm thế. Giờ thì tớ biết rằng thế thì hơi quá... nhưng tớ đương điên tiết mà lại.

“Cậu nhớ cho rằng tớ không muốn nói quá lời hơn nữa về nó: Clôtinđơ là một con bé ngoan. Tớ biết tính nó và tớ tin nó: cậu biết chứ, điều này chắc chắn lắm: Nếu tớ nghèo, thì trước tiên, nó sẽ khóc hết nước mắt. Nó tin là tớ vẫn còn sống, cái đó tớ thừa nhận, nhưng câu chuyện không phải là thế ấy. Nó không thể cấm mình được sung sướng, thỏa thích và mỉm cười, một khi nó có đủ lửa ấm, đèn sáng và người để chuyện trò, dầu tớ có còn đó hay không.”

Tôi kéo Pôteclô đi:

- Cậu nói quá đấy cậu ạ. Cậu cứ nghĩ lẫn thân...

Chúng tôi bước đi chậm chậm. Còn ở chân sườn dốc. Sương mù óng ánh bạc trước khi tan sạch đi. Trời sắp nắng. Trời đã nắng rồi.

*

* *

Pôteclô nhìn lên và nói:

- Chúng ta sắp vòng theo đường Carăngxi và từ mé sau đi lên.

Chúng tôi rẽ qua cánh đồng. Được một lúc, gã bảo tôi:

- Cậu cho là tớ nói quá à? Cậu bảo tớ nói quá à?

Gã nghĩ ngợi:

- Chà!

Rồi gã nói thêm, vẫn gật gù cái đầu; suốt buổi sáng nay gã vẫn thường gật gù đầu như thế:

- Nhưng rút lại, đầu sao có một sự việc hăn hoi...

Chúng tôi lên dốc. Rét lạnh đã chuyển thành ẩm áp. Đến một nơi đất phẳng phiu, gã đề nghị:

- Ta hãy ngồi lại một lát trước khi về.

Gã ngồi xuống, nặng trĩu cả một thế giới ý nghĩa rồi như mớ bong bóng. Trán gã nhăn lại. Rồi gã ngoảnh lại tôi, bộ lúng túng như muốn nhờ cậy việc gì.

- Cậu này, tớ cứ tự hỏi không biết như vậy tớ có đúng không.

Nhưng sau khi nhìn tôi, gã lại nhìn cảnh vật như muốn hỏi cảnh vật hơn là hỏi tôi.

Cảnh trời đất lúc đó vừa biến đổi. Sương mù hầu như chỉ còn là một giấc mộng. Những khoảng cách hiện rõ. Cánh đồng chật hẹp, buồn thiu, xám xịt, lớn thêm ra, xua tan bóng tối và nhuộm thắm màu sắc. Ánh sáng từ phương đông gác sang tây, như đôi cánh phủ dần lên mặt đồng.

Thế rồi, xa kia, dưới chân chúng tôi, thấy rõ Xusê giữa những đồng cây cối. Nhờ trông xa và nhờ ánh sáng, cái làng nhỏ bé đó trông như được phục hồi, mới mẻ dưới ánh mặt trời.

Pôteclô nhắc lại, kém cả quyết và thiếu tin tưởng hơn:

- Tớ có đúng không nhỉ?

Tôi chưa kịp nói, gã đã tự trả lời, trong ánh sáng, giọng nói trước còn hầu như khe khẽ:

- Cậu phải biết, cô ta còn son trẻ, mới hai mươi sáu tuổi đầu. Cô ta không thể cảm được lòng xuân từ khắp trong mình tràn ra. Khi được nhàn nhã cạnh ánh đèn và lò sưởi, thì tất phải tươi cười chứ. Mà dù cho có cười thật ròn rã đi nữa, thì thành thực chỉ là cái tuổi trẻ nó dâng lên ức đẩy thôi. Nói cho đúng, không phải cô ta vui vì kẻ khác, mà chỉ vì mình thôi. Cuộc sống là thế. Cô ta sống, ừ, phải đấy, cô ta sống, chỉ thế thôi. Mà cô ta sống thì có tội tình gì. Anh không muốn cho cô ta chết chứ gì? Đã vậy, thì anh muốn bắt cô ta phải làm gì chứ? Suốt cả ngày khóc lóc vì tớ và vì bọn Đức ư? Hay hằn học ư? Ai mà có thể cứ khóc hoài hoặc hằn học, gắt gỏng trong suốt mười tám tháng được? Không thể thế được. Này, tớ bảo, đã lâu quá rồi. Lỗi là ở đó.

Gã ngừng lời để nhìn toàn cảnh nhà thờ Đức Bà Lorét, bây giờ đã sáng trưng.

- Và con bé của tớ thì cũng hệt như thế. Khi nó lại gần một người nào mà không bị hắt hủi thì rốt cuộc nó sẽ tìm cách leo lên đầu gối hắn ta. Nếu đó là chú bác nó hoặc là bạn của bố nó, có lẽ nó sẽ thích hơn – có lẽ thế,

nhưng hẳn là kẻ duy nhất lúc nào cũng ở gần kề, thì con bé cũng đành cố sấn vào hẳn, dù hẳn là con lợn ỉ đeo kính trắng.

Gã đứng lên, đến trước mặt tôi, vung tay oang oang lên:

- Hừ! Người ta có thể bảo tớ cái điều này: Nếu sau chiến tranh, tớ không còn để mà trở về nữa, tớ sẽ tự bảo: Thôi, mày ạ, mày bương rồi, đêch còn Clôtinđơ, đêch còn tình yêu! Một ngày gần đây, trong trái tim của nó, mày sẽ bị thay thế. Chả còn nghi ngờ gì nữa: Kỷ niệm về mày, hình ảnh của mày sẽ xóa nhòa dần đi trong đầu nó và hình ảnh một thằng khác sẽ thay vào. Nó sẽ lập lại một cuộc đời khác. Hừ! Nếu tớ không trở về nữa!

Gã cất lên một tiếng cười thật tình.

- Nhưng tớ quyết sẽ trở về! Ủ, thật thế, phải có mặt ở đó. Không thì!...

Gã lại tiếp, nghiêm trang hơn:

- Phải có mặt ở đây, cậu ạ. Nếu không thế, nếu ta không có mặt ở đây, thì dù kẻ kia có trong trắng như thiên thần đi nữa, cuối cùng thì lỗi vẫn là ở ta cả. Đời là thế đấy. Nhưng tớ, tớ sẽ có mặt.

Gã cười.

- Như người ta thường nói, tớ đã đến nỗi nào đâu.

Tôi cũng đứng lên, vỗ vào vai gã:

- Ông bạn ạ, cậu có lý đấy. Rồi sẽ đâu vào đấy cả.

Gã xoa tay, vẫn nói luôn miệng.

- Ủ, mẹ kiếp, rồi đâu vào đấy cả. Đừng lo.

“Chà! Tớ biết rằng muốn cho đâu vào đấy được thì còn phải nai lưng ra, nhất là về sau này. Phải quần quật đấy. Mà không phải chỉ quần quật bằng chân tay.

“Phải làm lại tuốt. Ủ, thì ta làm lại. Nhà cửa? sạch rồi. Vườn tược? Mất tích. Hừ, ta sẽ dựng lại nhà, gây lại vườn. Càng thiếu thốn, càng phải làm lại. Chung quy, đời là thế, người ta sinh ra là để làm lại phải không? Ta sẽ cùng làm lại cuộc đời chung; làm lại những ngày, làm lại cả những đêm.

“Và những người khác cũng thế. Họ cũng sẽ làm lại thế giới của họ. Tớ nói cậu nghe nhé? Có thể không lâu như người ta tưởng đâu.

“Này, tớ thấy rất rõ mù Madolen Vandaece có thể lấy một anh chồng khác. Mù là gái góa; nhưng cậu ạ, mù góa đã mười tám tháng rồi. Mười tám tháng đó, cậu tưởng không phải là quãng đời đó sao? Với khoảng thời gian ấy, ngày nay người ta thôi không để tang nữa rồi! Người ta thật không nghĩ, khi người ta bảo: “Mù là đồ dĩ rác!” và nói tóm lại khi người ta muốn cho mù phải tử tiết? Nhưng không, cậu ạ. Con người sẽ quên đi, bắt buộc phải quên đi. Không phải tại người khác, cũng không phải tại bản thân chúng ta mà ra thế, chính là tại sự quên lãng, thế thôi. Bất thành linh, tớ lại trông thấy mù, thấy mù đang đùa cợt, tớ lộn ruột lên, tưởng như chồng mù vừa mới chết hôm qua. Nhưng, đâu thế! Anh chàng khôn nạn nghèo từ tám đời rồi! Lâu rồi, lâu lắm rồi. Người ta đâu còn vẫn như xưa. Nhưng cẩn thận đấy, phải trở về, phải có mặt ở đó. Ta sẽ có mặt ở đó, và sẽ chăm lo phục hồi lại như cũ”.

Đọc đường, gã nhìn tôi, nháy mắt, tươi tỉnh vì đã tìm được một ý kiến để bầu víu vào:

- Ngay từ giờ, tớ đã thấy rằng sau chiến tranh, tất cả dân làng Xusê lại sẽ bắt tay vào lao động và cuộc sống... Không phải chuyện chơi! Này, cái lão Putxơ, thằng cha kỳ quặc ấy, cậu ạ! Lão tí mủ đến nỗi quét cỏ vườn với cái chổi lông, hoặc quỳ hẳn trên bốn cỏ, lão dùng kéo để xén cỏ. Ủ, thì lão lại sẽ cứ được làm như vậy! Còn mù Imagine, cái mù trước ở một chỗ nơi mấy cái nhà cuối làng, cạnh biệt trang Caclo, một mù đàn bà to tợn, bước đi như là lặn trên mặt đất, như là dưới cái váy căng tròn, to tướng, có đặt bánh xe. Cứ mỗi năm trước, mù lại rặn ra được một đứa con. Cứ đều đặn, ngay ngắn y như một khẩu súng máy khắc ra trẻ con! Thì rồi lại tha hồ cho mù cứ nai lưng mà đẻ.

Gã dừng lại, nghĩ ngợi, hơi mỉm cười rồi như nói với mình:

- Này, cậu ạ, tớ đã nhận ra rằng... Cái này cũng chẳng quan trọng lắm – gã nhấn mạnh, như đột nhiên bị ngưng vì cái chi tiết quá nhỏ nhặt đó – nhưng tớ đã nhận ra (tuy để ý đến việc khác mà chỉ trong nháy mắt là nhận ra được việc này) rằng bây giờ nơi chúng tớ sạch sẽ hơn hồi tớ còn ở...

Chúng tôi thấy ở dưới đáy những khúc nhỏ đường sắt len lách mất hút trong đám cỏ chết khô. Pôteclô dùng bột chỉ cho tôi mẫu đường sắt bỏ đi ấy, và mỉm cười:

- Cái này là đường xe lửa của chúng tớ đấy. Chúng tớ gọi nó là đường tàu con giun. Nghĩa là nó đi rất chậm. Nó chạy không nhanh! Con sên còn nhanh hơn! Rồi sẽ làm lại nó. Nhưng chắc chắn là nó sẽ không đi nhanh hơn. Nó đi nhanh thế nào được!

Khi chúng tôi đến đỉnh dốc, gã ngoảnh đầu lại, nhìn một lần cuối cùng những nơi bị tàn phá mà chúng tôi vừa thăm. Lần này còn hơn hồi nãy, nhìn càng ở xa, khoảng cách như làm sống lại cái làng qua những rừng cây sống sót, cành lá bị xén ngắn đi, giống như những hàng cây non mới mọc. Lại còn hơn hồi nãy, trời đẹp phủ lên đám trắng, hồng những mớ vật liệu đó, một vẻ hoạt động của sự sống và cả sự tư tưởng nữa. Những hòn đá cũng được sự đổi mới biến hình. Những tia nắng đẹp như báo trước cái gì sẽ đến và chỉ rõ tương lai. Bộ mặt của anh lính ngắm nhìn cảnh ấy cũng rạng lên cái phản ánh của sự phục sinh. Mùa xuân và hy vọng cảm hóa gã, nở thành nụ cười: đôi má hồng, đôi mắt xanh trong sáng và bộ lông mày vàng ánh của gã như mới được tô thắm...

*

* *

Chúng tôi đi xuống giao thông hào. Ánh mặt trời chiếu xuống tận đó. Giao thông hào vàng hoe, khô ráo và dội tiếng. Tôi ngắm nghía cái chiều sâu đều đặn, vách hào nhẵn nhụi gọt xén bằng xẻng. Tôi thích chỉ nghe tiếng động rõ ràng, gãy gọn của giày chúng tôi bước trên mặt đất cứng hay

trên những tấm phen gỗ, từng miếng gỗ nhỏ đặt nối tiếp với nhau làm thành một thứ sàn.

Tôi nhìn đồng hồ. Đồng hồ chỉ chín giờ; và cũng cho tôi thấy cái mặt đồng hồ tô màu một cách tinh tế trên đó phản ánh bầu trời xanh, hồng, bóng lá cây mảnh dẻ của hàng cây non giồng cạnh, trên bờ chiến hào.

Pôteclô và tôi cùng nhìn nhau, với một niềm vui mơ hồ. Chúng tôi hài lòng nhìn nhau như là hai người mới gặp mặt! Gã chuyện trò với tôi. Tuy tôi đã quen với cái giọng ngân nga miền Bắc của gã, tôi vẫn nhận ra gã nói như hát.

Chúng tôi đã từng qua những ngày gian khổ, những đêm bi thảm trong rét mướt, trong nước, trong bùn. Giờ đây dẫu hãy còn là mùa đông, một buổi sáng đẹp trời đầu tiên đã báo hiệu cho chúng tôi và làm chúng tôi tin tưởng rằng một lần nữa, mùa xuân sắp trở lại. Miệng chiến hào đã điểm trang cỏ xanh mơn mớn và trong những đợt rừng mình sợ sinh của đám cỏ non ấy, từng đóa hoa thức giấc. Sắp hết những ngày ngắn ngủi, chật hẹp. Xuân về từ trên và cả từ dưới hầm. Chúng tôi vui sướng thở hít. Chúng tôi vui mừng.

Thực vậy, những ngày gian khổ sắp qua. Chiến tranh cũng sẽ qua, chứ gì. Chắc chắn chiến tranh sẽ kết thúc trong mùa đẹp để đương tới đây và đã rạng chiếu chúng tôi, bắt đầu mơn trớn chúng tôi với làn gió xuân mát mẻ.

Một tiếng rít. Ấy kìa, đạn lạc.

Đạn ư? Đâu phải! Con sáo đấy!

Thật buồn cười, vẫn giống như xưa... Nào sáo, nào chim hót điệu dàng, nào cánh đồng, những hội mùa, cảnh thềm kín ấm cúng trong phòng thướt tha ánh sáng. Ồ! Chiến tranh sắp hết, sắp được vĩnh viễn về hẳn với gia đình, gặp vợ, gặp con, hoặc người vợ trẻ măng như là còn bé, sẽ mỉm cười với họ trong cái ánh tươi trẻ nó như đã xum vầy mọi người ngay từ đây.

... Ở một ngã ba giao thông hào, trên bờ ruộng có cái gì giống như cái cổng xây. Đó là hai cái cột tựa nghiêng vào nhau, giữa chằng chịt một mớ

dây điện lòng thòng như dây leo. Trông dễ coi, chẳng khác gì một cảnh xếp đặt, một cảnh bài trí sân khấu. Một cây leo mảnh dẻ quấn xung quanh một trong hai cái cột, và đưa mắt nhìn theo thì thấy nó đã bạo dạn leo ngay sang cả cột kia.

Đọc theo giao thông hào đôi bờ rung rinh cỏ mọc giống như sườn của một con ngựa đẹp còn sống, chẳng mấy chốc chúng tôi đã về tới chiến hào của mình mé đường cái Bêtuyn.

Vị trí của chúng tôi đây rồi. Anh em đã tụ tập ở đó. Họ ăn uống, tận hưởng khí trời ấm áp.

Ăn xong, họ chùi cà-mèn và đĩa nhôm với mẩu bánh...

- Ô kìa! Hết nắng rồi!

Thực thế. Một đám mây đang trải ra và che lấp mặt trời.

Lamuydơ nói:

- Các chú ơi! Lại sắp mưa đây.

- Rõ xúi! Vừa lúc sắp ra đi!

Fuiat nói:

- Cái xúr nồm thật!

Mà thực tế thì cái khí hậu của phương Bắc này tệ quá. Nào mưa phùn, nào sương mù, nào khói, nào mưa. Khi có chút nắng thì nắng tắt mau giữa bầu trời rộng lớn ẩm ướt này.

Bốn ngày ở chiến hào của chúng tôi đã hết. Xẩm tối chiều nay sẽ thay phiên. Anh em thông thả chuẩn bị để ra đi: nhét đồ đạc vào cho đầy và để gọn ba-lô, túi dết, lau qua súng trường rồi bọc lại.

Bốn giờ rồi. Hoàng hôn xuống nhanh. Người nọ không trông rõ người kia nữa.

- Rõ khi! Mưa rồi!

Vài giọt – Rồi ào ào. Ái! Chà chà! Phải cài lại mũ mấn và vải lều. Chúng tôi bị bơm trở vào hầm trú ẩn, bùn dây cả lên đầu gối, lên tay và khuỷu tay vì đáy chiến hào đã bắt đầu nhầy nhụa. Trong cái hầm công cộng, chúng tôi vừa kịp thấp cây nền cắm trên mẩu đá, rồi đứng xung quanh mà run lập cập.

Nào, lên đường!

Chúng tôi leo lên bóng tối ẩm ướt và gió rét ở ngoài.

Tôi thoáng thấy vóc người vạm vỡ của Pôteclô. Trong hàng ngũ, chúng tôi bao giờ cũng ở cạnh nhau. Khi hàng quân bắt đầu chuyển, tôi gọi gã:

- Ông bạn có đây chứ?

Gã ngoảnh lại đáp to:

- Ở trước mặt cậu đây.

Lúc đương quay mình, gã bị một loạt mưa gió tạt vào mặt, nhưng gã chỉ cười. Mặt gã luôn luôn hiền từ sung sướng như buổi sáng nay. Một trận mưa rào làm thế nào xua tan được nỗi thích chí mà gã mang trong trái tim chắc chắn và vững chãi, và một buổi tối xấu trời cũng chẳng dập tắt được ánh sáng mặt trời, trước đây vài giờ, tôi đã thấy rọi vào tư tưởng gã.

Chúng tôi đi – Chúng tôi xô đẩy vào nhau. Bước thụt mấy bước. Mưa vẫn không ngớt, nước chảy rờn rờn như suối ở lòng chiến hào. Ván lát lung lay trên mặt đất đã mềm. Vài gã nghiêng bên này hay nghiêng bên kia rồi trượt chân. Rồi trong đêm tối, chả còn thấy ván nữa, nên đến những khúc ngoặt, chúng tôi đặt nhăm chân sang một bên, đứng ngay vào những lỗ nước.

Trong bóng tối nhá nhem, tôi vẫn dính mắt vào cái mũ cát vỏ như bằng đá đen của Pôteclô, nước rùng rùng như mái nhà dưới trận mưa rào và cái lưng rộng của gã có mang một miếng vuông vải sơn lóng lánh. Tôi theo chân gã, chốc chốc gọi gã và gã lại trả lời – lúc nào cũng vui vẻ, điềm tĩnh và mạnh mẽ.

Đi hết lớp ván lát thì chân bước vào một lớp bùn dầy. Giờ thì tối mịt. Bất thành linh dừng lại và tôi xô vào Pôteclô. Phía trước, nghe một câu mắng hơi hằn học:

- Thế nào, có tiến lên không? Bị đứt bây giờ đây!

Một giọng nói thăm hỏi trả lời:

- Tớ đéch kéo chân lên được.

Anh chàng bị sa lầy rút cuộc cũng nhấc được chân ra, và chúng tôi phải chạy nhanh để đuổi kịp phần trên của đại đội. Anh em bắt đầu thở hồng hộc, rên la và chửi rửa những thằng đi đầu. Bạ chỗ nào đặt chân chỗ ấy: bước hụt, bám mình vào vách hào, hai tay bết bùn. Cuộc hành quân biến thành một cuộc chạy tán loạn, rầm rập tiếng sắt leng keng và tiếng chửi rửa.

Mưa thêm mạnh. Lại đột ngột đứng dừng lại. Có người ngã! Òn ào.

Cái anh bị ngã đã đứng dậy được. Lại đi. Tôi cố hết sức để theo sát cái mũ cát của Pôteclô lấp lánh yếu ớt trong đêm tối trước mắt tôi; chốc chốc lại gọi gã:

- Thế nào?

- Được, không sao cả.

Gã vừa khịt mũi, vừa thở, trả lời tôi như vậy. Giọng gã vẫn trong trẻo, ngân nga.

Ba-lô bị xóc trong cuộc chạy đua huyền não này, đè trĩu và làm tê tái đôi vai. Chiến hào bị một đồng đất mới sập làm nghẽn lối. Khi đi qua hụt chân

xuống... Phải rút chân ra khỏi đám đất mềm dính chắc, cứ mỗi bước lại phải giơ chân thật cao. Sau khi chận vật lắm mới vượt khỏi quãng đó thì lại đâm ngay vào rãnh nước trơn. Giày chúng tôi vạch ra ở đáy hai đường ổ gà hẹp, chân mắc vào đó như mắc vào đường lầy, hoặc khi gặp những vũng nước thì lại tụt ngay vào đấy. Có một chỗ phải cúi thật thấp để chui qua cái cầu nặng nề và trơn, bắc qua giao thông hào. Chui được cũng không phải chuyện dễ: phải quỳ xuống bùn, dán mình xuống đất, bò luôn mấy bước. Xa hơn một tí, chúng tôi phải lượn đi vừa nắm lấy một cái cọc mà đất vì ngâm nước đã làm cho đổ nghiêng đứng ngay vào giữa lối đi.

Đến một ngã tư.

Viên quân đứng nép vào một góc để chúng tôi đi qua và nói:

- Nào, tiến lên! Mau chân lên một chút, các chú ạ. Chỗ này nguy hiểm đấy.

Một tiếng người rống lên, khàn khàn và hỗn hển đến nỗi tôi chẳng nhận ra là ai, nói:

- Anh em hết gói rồi.

Một gã khác, hết hơi, kiệt lực, rên lên:

- Mẹ kiếp! Tớ ngấy lắm rồi. Tớ ở lại đây thôi.

Viên quân trả lời:

- Tôi biết làm thế nào? Có phải tại tôi đâu, hả! Nào, ba chân bốn cẳng lên, chỗ này nguy đấy. Kỳ thay phiên trước đã bị đại bác xơi đấy!

Chúng tôi đi giữa cơn bão táp vừa mưa vừa gió. Có cảm giác như đi xuống, xuống mãi, trong một cái hố. Trượt chân, ngã và va vào vách chiến hào, rồi huych cánh tay một cái thật mạnh vào vách để bật đứng dậy. Cuộc hành quân giống một cuộc trượt ngã dài, mỗi người cố mà bám víu bất cứ vào đâu. Cứ trượt về phía trước và cố giữ người cho thật thẳng.

Chúng tôi đến đâu rồi. Dầu mưa như trút, tôi vẫn ngẩng đầu ra khỏi cái vực trong đó chúng tôi đang rầy rụa. Trên nền trời mây lơ mờ, tôi thấy hai bờ hào, và đột nhiên lộ ra, chênh vênh trên miệng hào, một thứ cổng ngầm thăm đăm làm bằng hai cột đen nghiêng đầu vào nhau, ở giữa rũ xuống như một mớ tóc bị bứt ra. Đó là cái cổng lớn mà buổi trưa tôi đã tìm thấy.

- Tiến lên! Tiến lên!

Tôi cúi đầu và không thấy gì nữa; nhưng tôi lại một lần nữa nghe tiếng đế giày thọc vào bùn rồi rút ra, tiếng lách cách của bao lưỡi lê, những tiếng kêu la nặng nề và tiếng thở dồn dập của các lồng ngực.

Lại một lần nữa bị dồn dứ dội. Đoàn quân đột ngột dừng lại, và cũng như lúc nãy, tôi lại húc vào Pôteclô, tựa người vào lưng gã, cái lưng mạnh mẽ, vững chãi như một thân cây lớn, như hiện thân của sức khỏe và hy vọng. Gã kêu tôi:

- Cậu ơi, gắng lên, đến rồi đây!

Đoàn quân đứng im. Phải lùi lại,... Mẹ kiếp!... Nhưng không, lại cứ tiến nữa!

Đột nhiên, một tiếng nổ dứ dội rơi vào chúng tôi. Tôi rung đến tận óc, tiếng dội kim khí ngập đầu, mùi diêm sinh nóng bỏng sộc vào mũi làm tôi ngột ngạt. Đất đã nứt ra trước mắt tôi. Tôi thấy mình như bị bốc lên, tung về một phía, gấp người lại, gần bị nghẹt thở và lóa mắt trong tia chớp và tiếng sét đó... Tuy vậy, tôi vẫn nhớ rõ lắm: trong giây phút đó, tự nhiên tôi cuống cuồng và xốn xác tìm anh bạn chiến đấu của tôi, tôi thấy thân gã vọt lên, thẳng đứng, đen đui, hai cánh tay giang rộng hẳn ra và một ngọn lửa đã thay chỗ cho cái đầu gã.

XIII – NHỮNG LỜI VẮNG TỤC

Bacơ thấy tôi đang viết lách. Gã bò qua ô rơm lại gần tôi, chìa bộ mặt linh lợi điểm mớ tóc màu hoa như tóc anh hề, đôi mắt nhỏ, sắc sảo, lông mày nhú lại và giãn ra như hai đầu mũi. Miệng gã trệu trạo, lớp cộp cấn và nhai một tấm sôcôla mà tay gã còn cầm một mẫu uơn ướn.

Miệng còn đầy, gã lúng búng, hà vào tôi một hương vị của cửa hàng mút kẹo:

- Nay, cậu, cậu là tay cầm bút, sau này cậu sẽ viết về binh sĩ, cậu sẽ nói đến chúng tớ, phải không?

- Có chứ! Tớ sẽ nói về cậu, về các bạn đồng ngũ, và về cảnh sống của bọn ta...

- Thế này nhớ...

Gã hát hàm chỉ những giấy tờ tôi đang ghi chép. Dừng bút chì lại, tôi ngấm gã, nghe gã nói. Gã muốn hỏi tôi gì đó.

- Cậu này, tớ không dám chỉ bảo cho cậu đâu... Nhưng có một điều tớ muốn hỏi cậu. Việc là thế này: nếu cậu để bọn lính tráng ăn nói trong sách của cậu thì cậu sẽ để họ nói năng như họ thường nói, hay cậu sẽ uốn nắn lại lời ăn tiếng nói? Tớ muốn nói về những câu tục tằn anh em thường dùng. Vì rằng, dầu chúng ta vẫn hấu với nhau và cũng chẳng ai vì thế mà đốp chát với nhau, nhưng bao giờ cũng thế, dầu chỉ trong một phút thôi, hễ cứ hai thằng lính mở miệng ra là y như lấp đi lấp lại những lời mà bọn nhà in nó chẳng ưa gì in. Thế thì sao? Nếu cậu không nói những lời đó ra, cậu sẽ tả không hết: Thì cũng như muốn vẽ cảnh mà lại không tô đúng một trong những màu rực rỡ nhất vào đúng chỗ của nó. Tuy nhiên, ai lại viết thế nhỉ.

- Anh bạn ạ, tớ sẽ để những câu thô tục vào đúng chỗ, vì đó là sự thật.

- Nhưng cậu này, nếu cho những câu tục tĩu vào thì bọn cùng thuyền với cậu, chúng đêch đếm xỉa đến sự thật, sẽ không bảo là cậu đều cắng ư?

- Cũng có thể, nhưng tớ vẫn cứ viết thế, mặc thây bọn chúng.

- Cậu có muốn biết ý kiến của tớ không? Dầu tớ không thạo sách vở, tớ vẫn cho thế là can đảm vì không ai làm như thế cả. Nếu cậu dám làm thì cậu cừ thật, nhưng cuối cùng, cậu cũng sẽ khó chịu vì tính cậu vốn nhả nhận quá!... Chính đó cũng là một nhược điểm tớ thấy ở cậu, từ khi chúng mình biết nhau. Lại cả cái thói quen rõ thói của cậu là mỗi lần được phát rượu, lấy có cậu cho uống là hại, đáng lẽ biểu phần cậu cho anh em thì cậu lại đem dốc lên đầu để rửa tóc.

XIV – ĐỒ LỀ CỦA LÍNH

Cửa kho rơm trông ra cuối sân trại những người câm – Kho thấp lè tè, như một cái hang. Chúng tôi chỉ gặp toàn những hang là hang, đầu ở trong nhà cũng thế! Qua khỏi mảnh sân, phân ngập dưới đế giày kêu xộp xộp, hoặc muốn đi vòng thì phải dò dẫm khó khăn trên vỉa gạch chật hẹp, vào tới cửa kho là tối om, không còn thấy gì nữa...

Rồi, cố mà nhìn mãi, mới thấy một khoang lò mờ với những khối đen lò mờ đang ngồi xồm, hoặc nằm, hoặc loăng quăng từ xó này sang xó khác. Tận phía trong, cả bên phải và bên trái, hai ánh nền yếu ớt, quầng tròn như những vàng trắng úa xa xăm, khiến ta phân biệt được hình người của những khối đó, miệng đang thở ra hoặc hơi nước, hoặc khói dày đặc.

Chiều nay, trong cái hang như hang thú lò mờ đó, nơi tôi đã phải cẩn thận để chui vào, mọi người đang rộn rịp. Sáng mai đã phải ra chiến hào. Những người khách lò mờ của kho rơm bắt đầu sửa soạn hành lý.

Vừa mới từ ngoài bóng chiều mờ nhạt bước vào, bị bóng tối bịt ngay lấy mắt, tôi cũng tránh được không giẫm phải nào bi-đông, nào cà-mèn, nhưng lại tương ngay vào những hòn viên tròn^[41] chất đông ngay ở giữa, hệt như những đồng gạch trong công trường... Tôi về chỗ mình. Một hình người, lưng vạm vỡ, tròng trọc, lông như len, đang ngồi xồm ở đấy, đầu cúi xuống một dãy những vật gì nho nhỏ lấp lánh dưới đất. Tôi vỗ vào cái vai phủ mảnh da cừu của gã. Gã quay lại và qua ánh sáng nhập nhèm, lúc mờ lúc tỏ của cây nến đặt trên một lưỡi lê cắm xuống đất, tôi thấy một nửa mặt gã, một con mắt, một mảnh ria mép và một góc miệng hơi hé. Gã cầu nhàu một cách thân mật rồi lại cúi nhìn đồ lề của mình.

- Cậu làm cái quái gì thế?

- Tớ sắp xếp. Tớ chuẩn bị.

Cái gã giống như kẻ cướp đó đương hình như kiểm điểm những đồ vật đã cướp được, chính là ông bạn Vônpat của tôi. Tôi đã thấy rõ những thứ ở đây: Gã giải tấm vải lều gấp làm tư lên trên giường – nghĩa là trên mảnh ô-rom dành cho gã – rồi trên vải lều, gã đã dốc hết và bày ra tất cả những gì đựng trong túi gã.

Đó là cả một kho đồ mà gã âu yếm nhìn với sự chăm lo của người nội trợ, gã giữ gìn, chăm chú và sắc mắt, để đừng ai giẫm phải... Tôi lấy mắt điểm cuộc trưng bày phong phú ấy.

Quanh cái mùi-soa, ống điều, túi thuốc lá, trong túi có cả thép giấy cuốn, quanh con dao, cái ví tiền và cái bật lửa (tài sản cần thiết không thể thiếu được), là hai mẩu dây giày bằng da xoắn vào nhau như những con giun quanh chiếc đồng hồ để trong cái hộp nhựa trong nhưng đã mờ và bạc ra một cách kỳ dị vì đã lâu năm. Rồi đến một cái gương tròn nhỏ, và một cái gương nữa vuông: cái này đã mẻ, nhưng thuộc loại tốt hơn, có hót cạnh. Một lọ dầu nhựa thông, một lọ dầu xăng gần hết, và một chiếc lọ không. Một khóa thắt lưng Đức mang dòng chữ “Gott mit uns”^[42], một mũi tét ở dây đeo kiếm cũng của Đức, một mũi tên tàu bay^[43] bọc một phần vào trong giấy, giống cái bút chì thép và nhọn như mũi kim: một cái kéo gấp, một cái thìa đĩa cũng gấp, một mẩu bút chì và một mẩu nến, một ống thuốc aspirin đựng thêm cả những viên thuốc phen, nhiều hộp sắt tây.

Thấy tôi kiểm điểm chi tiết của cái của gã, Vônpat giúp tôi nhận ra vài loại đồ.

- Cái này là chiếc tất tay cũ bằng da của sĩ quan. Tớ cắt những đầu ngón để nút nòng súng trường; đây, là dây điện thoại, nếu muốn cúc áo ca-pôt không rơi thì chỉ buộc bằng dây này mới chắc. Và trong này, cậu muốn biết là cái gì à? Đó là chỉ trắng, bền, không phải thứ chỉ may ở những quần áo mới phát, lèo nhèo như bún nát bị đĩa chọc, còn đây là một bộ kim cài vào cái bưu ảnh. Ghim bằng thì để riêng kia... Và đây, thì là giấy mà. Như cả một cái tủ sách ấy, cậu nhỉ.

Thực vậy trong hàng mớ đồ vật móc ở túi Vônpat ra, có cả một đồng giấy má nhiều lạ lùng: Đây là cái túi nhỏ màu tím đựng giấy viết thư, phong

bì in loại xấu đã sờn mép; đây là quyển quân bạ, bìa cứng queo và bám bụi như da dê một lão phong trần, khắp nơi bỏ ra và mất đi từng mảnh; rồi đến một tập sách nhỏ bìa vải sơn, nứt nẻ, đầy ắp giấy tờ và ảnh, ngự trị ở giữa là ảnh vợ và con.

Vônpat rút cái ảnh đó khỏi tập giấy úa vàng và đen sạm, cho tôi xem một lần nữa. Tôi lại được nhìn mặt chị vợ Vônpat, một người đàn bà mình đầy đà, nét mặt hiền và lạnh, hai bên là hai cậu bé con áo cổ trắng, thẳng anh mảnh khảnh, thẳng em tròn như quả bóng.

Bikê nói:

- Tớ mới có hai mươi tuổi, tớ chỉ có ảnh bố mẹ thôi.

Rồi kê vào sát ngọn nến, gã cho chúng tôi xem ảnh một cặp vợ chồng già giương mắt nhìn chúng tôi, trông ngoan ngoãn như hai đứa con của Vônpat.

Một anh khác bảo:

- Tớ cũng mang theo ảnh người nhà. Không bao giờ tớ rời ảnh gia đình.

Một anh nữa nói thêm:

- Trời! Anh nào mà chẳng mang theo bầu đoàn thể tử.

Bacơ nhận xét:

- Khỉ thật, một cái ảnh, nhìn mãi cũng mòn đi. Không nên nhìn luôn và nhìn lâu quá: tớ không hiểu làm sao chứ nhìn đếch giống nữa.

Blerơ nói:

- Cậu nói phải đấy. Tớ cũng thấy như vậy, đúng là như vậy.

Vônpat tiếp:

- Trong giấy má của tớ có cả một bản đồ miền tớ.

Gã mở bản đồ trước ánh sáng. Bị sòn đến nổi như trong suốt ở các đường gấp, nó giống một thứ mảnh mảnh bằng những ô vuông khâu lại.

- Tớ còn cả báo (gã mở một bài báo viết về người lính) và một quyển sách (quyển tiểu thuyết hai mươi lăm xu “Gái hai lần trinh”)... Này, lại một mẫu báo khác: con Ong miền Êtampơ. Tớ chẳng hiểu tại sao lại giữ cái thứ đó. Chắc cũng phải có lý do. Thông thả tớ sẽ nghĩ xem. Lại còn cổ bài của tớ và một bộ cờ bằng giấy, với những quân hàm làm bằng thứ xi gấn thư.

Bacơ lại gần, nhìn cảnh đó, nói:

- Trong túi tớ còn nhiều thứ hơn nữa kia.

Gã nói với Vônpat:

- Đồ chấy rận, cậu có binh bạ của lính Đức, những ống i-ốt, một khẩu súng lục không? Tớ, tớ có những cái đó, và cả đến hai con dao kia.

Vônpat đáp:

- Tớ không có súng lục, không có binh bạ Đức, nhưng nếu muốn, tớ có thể có hai con dao và cả đến mười con dao nữa. Tuy vậy, tớ chỉ cần một con thôi.

Bacơ tiếp:

- Cái đó thì tùy thôi. Nhưng đồ mặt dầy, cậu có khuy bấm không?

Bêcuơ reo lên:

- Tớ không sẵn trong túi.

Lamuyơ khẳng định:

- Lính tráng thì không thể thiếu được thứ đó. Không có nó để bấm nút dây treo vào quần thì không được đâu.

Blerơ nói:

- Cái túi bộ đồ lễ làm nhẵn của tớ, bao giờ cũng để trong túi cho tiện lấy.

Gã chìa bộ ấy ra, bọc trong cái túi mặt nạ. Gã rung rinh nó: cái rũa con và cái rũa to va vào nhau xúng xoảng và nghe cả tiếng keng-keng của những đốt nhẵn nhôm chưa giũa.

Bikê nói:

- Tớ thì luôn luôn sẵn dây gai, thứ đó mới thật cần thiết.

Pêpanh bảo:

- Cần cũng chưa bằng đánh.

Rồi gã đưa ra ba cái đánh ở lòng bàn tay: một cái lớn, một cái nhỏ và một cái vừa.

Từng người một, những anh khác đến góp vào câu chuyện, vừa soạn những đồ lễ của mình. Chúng tôi quen dần với bóng tối mờ mờ. Nhưng lão cai Xalave, đúng là có tiếng khéo tay, gắn được cây nến vào cái đèn treo gã làm bằng vỏ hộp phó-mát và một ít dây thép. Chúng tôi châm lửa, và quanh cái đèn treo ấy mỗi người kể ra một cách thiên vị, với cái thiên ái của người mẹ, những thứ có trong túi.

- Trước hết, chúng ta có bao nhiêu túi nhỉ?

Một gã nào đó, mà dứt khoát là Côcôn, con-người-chữ-số đáp:

- Túi à? Mười tám cái.

Lamuyơ hộ pháp cãi:

- Mười tám túi! Đồ mồm chuột, cậu chỉ nói quá.

Côcôn đáp lại:

- Hoàn toàn đúng mười tám cái. Có giỏi thì đếm xem sẽ biết.

Lamuydơ muốn cho việc đó rõ ràng, liền giơ hai tay gần ánh đèn để đếm cho đúng: Gã điểm trên những ngón tay béo múp đỏ như gạch bản: Hai túi lưng lửng ở vạt áo ca-pốt sau, một túi đựng bông băng mà dùng để nhét thuốc lá, hai túi trong áo ca-pốt vạt trước, hai túi ngoài ở hai bên có dải buộc. Ba cái ở quần, mà ba cái rưỡi đây, vì còn cái túi con phía trước.

Facfadê bảo:

- Tớ tương địa bàn vào đây.

- Tớ thì để mầu bụi nhùi thừa.

Tirloa nói:

- Còn tớ thì tớ để ở đó một cái còi nhỏ mà vợ tớ gửi cho, lại dặn tớ rằng: “Nếu anh bị thương lúc giao chiến, anh sẽ huýt lên để đồng đội đến cứu”.

Anh em cười về câu nói ngây ngô.

Tuylacơ chen vào, khoan nhượng và nói với Tirloa.

- Ở hậu phương họ chẳng biết chiến tranh là gì. Còn chúng ta, nếu nói về chuyện hậu phương, thì chẳng khỏi những điều ngốc nghếch.

Xalave nói:

- Đừng tính nó, túi đó nhỏ quá. Thế là mười.

- Trong áo ngắn, có bốn. Thế cũng chỉ mười bốn thôi.

- Còn hai túi đạn, hai cái túi mới ấy, có cả quai móc.

Xalave nói:

- Thế là mười sáu.

- Này thằng khốn kiếp, đầu óc đặc sệt, soát lại áo cộc của tao xem. Còn hai túi kia mày chưa tính! Thế thì mày còn đòi gì nữa! Tuy nhiên đó chỉ là những túi ở chỗ thường thấy. Đó là những cái túi thường phục, hồi là thường dân, mày nhét vào nào khăn hỉ mũi, thuốc lá và cả địa chỉ mà mày sẽ gửi đi.

Xalave, nghiêm trang như một công chức, kết luận:

- Mười tám! Có mười tám túi, đúng thế. Xác nhận!

Câu chuyện đến quãng đó thì có ai bước hụt cửa, hết như ngựa giậm chân – và có cả tiếng chửi rủa.

Sau một lúc im lặng, một giọng lạnh lạnh gào lên hách dịch:

- Này, trong ấy đang chuẩn bị đấy chứ? Chiều nay là phải xong xuôi và phải gói ghém thật chắc, các chú ạ. Lần này thì ra tiền tuyến và có thể kịch liệt nữa là khác.

Những tiếng trả lời lơ đãng:

- Được rồi, được rồi, ông quản ạ.

Bonet, nằm bò dưới đất, hý hoáy đề bì thư với cây bút chì, hỏi:

- “Acnetxo” viết thế nào nhỉ?

Trong khi Côcôn đánh vần cho gã chữ “Ecnet” và viên quản đi khuất, vừa đi vừa lặp lại câu kệ của mình nghe đã xa, ở cửa bên cạnh, Blerơ lên tiếng nói:

- Các chú ơi, nghe tớ nói, bao giờ các chú cũng phải để sẵn ca vào túi. Tớ đã thử để khắp các nơi khác, nhưng chỉ có túi mới thực là tiện, cứ tin tớ. Nếu cậu đang hành quân, có trang bị hoặc bỏ trang bị ra để len lách trong chiến hào, bao giờ dưới bàn tay cũng sẵn có nó mỗi lần có dịp dùng đến: hoặc một anh bạn hầu có rượu muốn đãi cậu, bảo cậu: “Đưa ca đây”, hoặc một gã bán rượu lang thang đi qua. Các chú cứ nghe lời tớ, sẽ thấy bao giờ cũng tiện: hãy bỏ ca vào túi.

Lamuydơ nói:

- Không khi nào cậu thấy tớ để ca vào túi. Ý kiến của cậu thực lòng bông và chỉ tổ bất tiện, không hơn không kém. Tớ chỉ thích hơn hết là ngoắc nó vào dây quai với một cái móc.

- Buộc nó vào cúc áo ca-pốt, như cái túi mặt nạ, thế lại hay hơn. Vì nếu đã bỏ trang bị ra rồi mà gặp lúc có rượu, thì cậu đành nhịn thêm.

Bacơ nói:

- Tớ có một cái ca Đức. Nó đẹp, nếu cần thì để vào túi bên cũng được. Và khi cậu đã tương hết đạn lên trời hoặc ấn đạn vào túi hết, đem nó bỏ vào bao đạn thì hầu lắm.

Pêpanh bảo:

- Ca Đức thì chả có gì đặc biệt. Không để đứng được, dùng chỉ tổ vướng.

Tiaret, sành tâm lý, bảo:

- Hãy khoan, đồ đòi bọ. Lần này nếu tấn công như tên quân vừa làm rộn lên đó, cậu chắc sẽ kiếm được một cái, đúng ca Đức, lúc đó thì mới thật đặc biệt!

Ôđo nhận xét:

- Tên quân bảo thế nhưng hẳn biết gì.

Côcôn nhấn thêm:

- Ca Đức đựng được hơn một ca vì ở ba phần tư ca đó có một vạch ngang chỉ đúng dung tích một ca thật. Mà có một ca to thì bao giờ cũng lợi hơn, vì nếu ca cậu chỉ vừa đúng thôi thì khi muốn rót cho cậu có đúng một ca cà phê, rượu vang, rượu mạnh hoặc bất cứ gì, ắt phải rót đầy ngang miệng, điều mà lúc cấp phát không ai làm vì rót thế nó trào ra mất.

Parađi, bất bình mỗi khi nhớ lại những thủ đoạn đó, lên tiếng:

- Theo tớ thì họ lại không làm thế. Thằng cha binh lương, khi rót cho cậu, nó tương ngay ngón tay vào ca và vỗ hai cái vào tròn ca. Rút cuộc, cậu bị lừa mất phần ba ca rượu, tha hồ cho cậu thất lung lại mà nhịn thềm.

Bacơ bảo:

- Ủ, đúng thế. Nhưng cũng không nên dùng ca to quá vì thằng cha rót rượu cho mình, nó đâm nghi, quá đi một giọt nó cũng sợ run người. Thành thử để khỏi rót trội cho cậu, nó lại rót hụt đi và cậu đành trơ khác với cái thứ liền đó trong tay.

Trong khi đó, Vônpat lần lượt bỏ lại vào túi những đồ vật gã vừa bày hàng ra. Đến cái ví tiền, gã ngắm nghía, điệu bộ đầy thương hại.

- Cái anh bạn này dẹt bỏ mẹ đi thôi.

Gã đếm:

- Ba đồng! Cậu ạ, tớ phải xoay thêm một ít, nếu không lúc trở về thì hết nhẵn tiền.

- Không phải chỉ riêng mình cậu ví rỗng.

- Lính tráng thu ít, tiêu nhiều, đúng thế. Tớ tự hỏi những tay chỉ trông vào lương thì không biết sẽ ra sao.

Paradi trả lời, rất mực giản dị như kiểu Cornêy:

- Thì nó chết.

- Này, đây, tờ có của này trong túi, không bao giờ rồi.

Và Pêpanh, mắt linh lợi, giơ ra một bộ thìa đĩa bằng bạc. Gã nói:

- Trước nó là của mụ khi cái nơi chúng ta trú quân ở Grăng Rôxoy.

- Giờ có lẽ nó cũng vẫn là của mụ chứ?

Pêpanh làm một điệu bộ mập mờ, nửa tự hào, nửa nhũn nhặn, rồi đánh bạo, mỉm cười, nói:

- Tớ biết con mụ cáo già ấy. Chắc chắn là mụ còn tìm cái bộ đồ ăn bằng bạc của mụ khắp nơi, trong từng xó xỉnh, cho đến lúc mụ chết.

Vônpat nói:

- Cả đời tớ chỉ xoay được có mỗi cái kéo. Có những thằng vận may hơn. Tớ thì không. Vì vậy, tất nhiên tớ giữ gìn kéo quý hóa lắm, mặc dầu có thể nói kéo đó chẳng dùng được cho tớ việc gì ráo.

- Tớ cũng có tước trộm được đây đó một ít đồ vật linh tinh, nhưng thám thắp gì? Bọn công binh bao giờ chúng nó cũng vượt tớ về môn xoay giỏi, thế thì sao?

- Làm cách gì đi nữa, cũng luôn luôn có thằng nó vượt mình, cậu ạ! Mặc nó.

Y tá Xacrôn gọi to:

- Trong ấy có ai cần canh-ki-dốt không?

Blerơ nói:

- Tớ, tớ giữ cẩn thận thư vợ.
- Tớ thì xem xong là gửi trở về.
- Tớ thì giữ lấy. Đây này.

Ơdor giơ ra một bó giấy đã nát, bóng loáng, nhờ bóng tối mờ mờ nên nhìn cũng bớt đen đui.

- Tớ giữ thư lại. Thỉnh thoảng tớ đọc lại. Khi nào thấy lạnh hoặc mệt mỏi, tớ đọc lại. Thư thì không nóng đâu nhưng nó hình như sưởi ấm.

Câu nói kỳ quặc đó ý nghĩa có lẽ sâu sắc, vì nhiều người cũng ngắc đầu lên nói: “Ừ, có thể”.

Câu chuyện cứ tiếp tục nhất gừng trong cái kho chứa rom quái đản ấy, có từng bóng người to lớn cử động qua lại, bóng tối chong chát ở các góc và những chấm sáng yếu ớt của vài ba cây nến rải rác đó đây. Tôi thấy cái đám anh em đang dọn dẹp, bận rộn và vương vís ấy, đi lại, hiện ra nom lạ lùng, rồi cúi mình, xếp trên mặt đất. Họ lầu bầu một mình, hoặc gọi nhau, chân cứ vương cả vào đồ đạc. Họ cho nhau xem những cửa của mình.

- Này, coi này!

Kẻ khác thềm thường, trả lời:

- Còn phải nói!

Anh em muốn có tất cả những thứ mình còn thiếu thốn. Trong tiểu đội có những cửa quý mà mọi người đều thèm muốn lâu nay một cách kỳ diệu: Ví dụ cái bi-đông hai lít Bacơ đang chiếm giữ mà một phát súng bắn “thuốc không” tài tình đã làm nổ ra thành đưng đưng hai lít rưỡi; con dao to khét tiếng chuôi sừng của Bectrăng.

Trong cái đám chen chúc nhộn nhịp đó, người ta liếc mắt lướt qua những đồ vật bảo tàng ấy, rồi mỗi người lại nhìn trước mặt mình, lo lắng đến cái “mở hàng” của mình, hì hục xếp gọn nó lại. Mà thực là những đồ

hàng đáng buồn. Tất cả những thứ làm cho lính tráng dùng đều tầm thường, xấu xí, chất lượng tồi, từ những đôi giày bằng giấy bìa cắt, từng mảnh khâu buộc chằng chịt vào nhau bằng thứ chỉ quèn, đến những quần áo cắt vụng, dựng xấu, khâu tồi, nhuộm kém, bằng dạ bờ và mỏng tanh – giống như giấy thấm – nắng một ngày là phai, mưa một giờ là nước xuyên qua, cho đến những đồ bằng da mỏng hết cách, giòn như vỏ bào, rách ở những chỗ khâu, những quần áo lót bằng ni, mỏng mảnh hơn cả vải bông, và thuốc lá khét như rơm.

Mactorô ở cạnh tôi. Gã trở những anh bạn:

- Cậu xem những gã khốn nạn ấy đương ngấm đồng tạp hóa của chúng. Hệt như bầy mẹ ngấm con. Cậu thử nghe chúng. Chúng gọi đồ đạc đấy. Ấy, cái thằng ấy, khi nó nói: “Con dao của tớ!” nghe cứ như là nó nói: “Thằng Lêôn, thằng Sacơ, thằng Đônphơ”. Mà, cậu biết đấy, chúng không thể bỏ bớt đồ lè của chúng được. Cũng kỳ đấy. Không phải vì chúng không muốn nhẹ – cái nghề ra trận mang những thứ đó có khỏe hơn đâu, phải không? Chỉ vì chúng không thể bỏ được, chúng say mê những thứ ấy quá.

Đồ vớ lè! Nó nặng khủng khiếp và úi chào! Ai cũng biết rằng mỗi vật làm cho sức nặng của nó thêm phần ác liệt, mỗi thứ đồ nhỏ cũng làm vai thêm trĩu.

Vì không phải chỉ có những thứ nhồi trong túi áo và túi dết. Muốn đủ lệ bộ của lính, phải kể cả thứ mang trên lưng.

Cái xác, chính vừa là hòm, cũng vừa là tủ. Và tay lính cụ biết cách làm cho nó rộng ra một cách hầu như thần kỳ bằng cách khéo nhét được đồ vật và lương thực đâu vào đấy. Ngoài số đồ lè quy định và cần thiết – hai hộp thịt bò, mười hai bích quy, hai tấm cà-phê, hai gói canh đúc, gói con đường, bộ quần áo vải chế phục và giày ống để thay – chúng tôi còn tìm được cách nhét thêm mấy hộp đồ hộp, thuốc lá, sôcôla, nén, giày vải, và cả xà phòng, đèn cồn đặc, đồ len. Thêm vào cái chăn, cái mền đắp chân, vải lều, dụng cụ tùy thân, gà-mèn và cả đồ để cắm lều trại, thế là xác phình lên, to tướng, rộng ra, thành đồ sộ và nặng bẹp người. Anh bạn cạnh tôi đã nói đúng. Mỗi lần về đến vị trí, sau bao nhiêu cây số giao thông hào, người lính thề rằng lần sau sẽ bỏ bớt hàng đóng đồ vật để cái vai đỡ chết nặng vì xác. Nhưng

mỗi lần chuẩn bị để lại lên đường, gã lại mang y nguyên cái gánh nặng liệt người và hầu như quá sức ấy – gã không bao giờ bỏ được nó, dầu luôn mồm chửi rủa nó.

Lamuydơ nói:

- Có những thằng láu lỉnh, gặp dịp, tìm được mảnh khốe gởi nhằng ít thứ vào xe của đại đội hoặc xe quân y. Tớ biết có một thằng nó tương hai somi mới và một quần đùi vào ngay cái hòm nhỏ của viên quân. Nhưng, cậu biết chứ, đại đội có những hai trăm rưởi thằng, thế là lộ ngay và không phải thằng nào cũng có thể lợi dụng được. Nhất là bọn có cấp bậc: Càng là hạ sĩ quan, chúng càng cố lấy cố để gửi nhờ đồ đạc. Ấy là chưa nói đến lão thiếu táo nhiều lần bất thành linh đi khám xe, nếu thấy bất kỳ áo quần đồ đạc trong cái xe thổ tả nào, là lão quăng ngay ra giữa đường, rồi: a-lê, đi! Có phải thế không, đó là chưa kể những trận la mắng và phạt ngồi nhà ngục là khác.

- Những buổi đầu thì còn dễ dãi, cậu ạ – Tớ đã thấy có những thằng nó nhét cả túi dết và cả xác vào cái xe trẻ con rồi chúng đẩy trên đường.

- Ô! Còn phải nói! Đó là thời kỳ hấu của chiến tranh! Giờ thì khác cả rồi.

Không đề tai nghe những chuyện đó, Vônpat khoác lấy cái chăn như trùm khăn quàng, nom giống mũ phù thủy già, cứ loay hoay quanh một vật gì đặt dưới đất.

Gã nói một mình:

- Tớ tự hỏi có nên mang cái bình chó chết này đi không? Cả tiểu đội có độc một cái này, tớ đã luôn luôn giữ. Ừ, nhưng giờ thì nó chảy như cái rổ rau.

Gã không quyết định được và thật là cả một cảnh biệt ly.

Bacơ liếc ngấm và chế gã. Nghe tiếng Bacơ nói: “Đồ giả ngốc bệnh hoạn”. Nhưng lời nhạo báng đó ngừng lại.

- Nghĩ cho cùng, nếu ở vào địa vị hấn, ta cũng đến ngổ như hấn.

Vônpat đề sau này sẽ quyết định:

- Sáng mai, khi soạn xác sẽ hay.

Sau khi khám soát và chắt đầy các túi, thì đến lượt những túi dệt rồi bao đạn. Bacoliền luận về cách tra đủ được hai trăm viên đạn quy định vào ba bao đạn. Bỏ cả gói thì không được. Phải tháo hấn gói ra, đặt đứng từng viên cạnh nhau, lộn đầu đuôi với nhau. Thế là ních được chắt từng bao đạn, không còn chỗ hở và quàng thành dây lưng nặng khoảng sáu lô.

Súng đã lau rồi. Anh em kiểm tra lại việc học kín cái cơ bấm và nút chặt miệng súng – hai việc rất cần thiết trong tác chiến ở chiến hào.

Lại còn cái việc nhận ra được dễ dàng từng cây súng.

- Tớ thì cắt khóa vào quai. Này, tớ cắt bên mép đây.

- Tớ thì lại quần vào phía trên quai súng một khúc dây giây – thế là sờ, nhìn đều nhận được cả.

- Tớ thì dùng cái khuy bấm. Không lẫn được. Trong tối, sờ thấy ngay và tớ bảo: “Súng mình đây”. Vì rằng cậu phải biết, có những tay nó phớt đều, cứ im đi trong lúc bạn lau súng, xong, mới ra sức nhẹ nhàng đánh tráo lấy súng thẳng ngốc kia vừa lau. Thế rồi chúng lại còn cả gan nói: “Thưa Đại úy, súng tôi hợp cách”. Tớ thì tớ không đồng tình với thủ đoạn ấy. Đó là hệ thống X (xoay xở), mà hệ thống X, cậu ạ, đã có nhiều lúc tớ chán mớ đời rồi.

Và cứ thế, súng của anh em, tuy giống nhau, vẫn khác nhau như những tự dạng.

*

* *

Mactorô bảo tôi:

- Thật là lạ lùng và kỳ dị. Mai đã ra chiến hào rồi mà chiều nay chưa có thằng nào say lặn cây thịt ra, và nghe chứ, cũng chưa xảy ra chuyện cãi lộn nào. Còn tớ thì...

Nhưng gã chữa lại ngay:

- À! Cũng phải nói rằng hai chú kia đã nốc được tí chút, ít nhiều chuẩn choáng hơi men. Tớ cũng không bảo là không... chưa đến nỗi say mềm, nhưng mặt mũi thì đã khó coi rồi đấy...

- Đó là Poatrôn và Poanpô, thuộc tiểu đội Broayê.

Hai gã này đương nằm, tỉ tê trò chuyện. Người ta thấy được cái mũi tròn của một gã cũng sáng bóng như miệng gã, ngay cạnh ngọn nến. Tay giờ một ngón lên, gã làm những cử chỉ giải thích nhỏ nhẹ, bóng tay theo đó in hình một cách trung thành.

Poatrôn tuyên bố:

- Tớ biết nhóm lửa nhưng lửa mà tắt thì tớ không biết nhóm lại.

Poanpô nói:

- Đồ ngu! Nếu mày biết nhóm thì mày cũng biết nhóm lại, vì có tắt thì mày mới nhóm và có thể nói là khi mày nhóm tức là nhóm lại đấy.

- Mày nói toàn chuyện lão lêu. Tớ đếch biết tính toán, tớ cũng đếch cần những lời nói của mày. Tớ bảo thằng với mày và tớ nhắc lại rằng nhóm lửa thì tớ làm được. Nhưng khi lửa đã tắt, phải nhóm lại thì tớ đếch làm được. Không thể nào nói hơn.

Tôi không nghe Poanpô đối đáp thêm.

Poatrôn lại cầu nhàu:

- Cái thằng chó má, cái đồ bướng bỉnh, tớ đã bảo mày hàng chục lần rằng tớ không biết. Ốc mày thật quả là óc chó!

Mactorô nói riêng với tôi:

- Nghe những cái đó thật là ngấy hết chỗ.

Quả thực là hồi nãy gã đã nhận định hơi vội vàng.

Một không khí phát sốt, do những cốc rượu tiễn hành gây ra, đang ngự trị trong căn buồng lụp xụp đầy rơm rạ bụi mù, trong đó đám người – kẻ thì đứng bần thần, kẻ thì quỳ mà đập chạn chát như thợ mỏ – đang sửa chữa, xếp đồng, lèn chặt nạo lương thực, xống áo và dụng cụ. Tiếng nói ồn ào, cử chỉ hỗn độn. Trong ánh sáng lẫn với khói, thấy nhô ra những bộ mặt rượu thịt và những cánh tay đen đui, dựng thẳng, cử động phía trên bóng tối như những con rối. Thêm vào đó, trong cái kho rơm kê buồng chúng tôi, cách nhau chỉ có một bức tường cao bằng đầu người, nổi lên những tiếng sặc mùi rượu. Có hai gã đang gây lộn với nhau, hung hăng và điên rồ một cách tuyệt vọng. Gian buồng dội lên những tiếng thô tục nhất trong đời. Nhưng một trong hai gã là người ở tiểu đội khác, bị anh em bên đó tổng cổ ra ngoài, những tiếng chửi rủa của gã kia thành ra cũng yếu dần và tắt đi.

Mactorô nhận xét với đôi vẻ kiêu hãnh:

- Cánh chúng mình còn khá hơn!

Đúng thế, nhờ có Bectrăng, vốn luôn luôn ghét cay ghét đắng tật nghiện rượu, cái tai họa nó đầu độc không biết cơ man nào là người, nên tiểu đội chúng tôi là một trong những tiểu đội ít bị rượu vang rượu mạnh làm cho hư hỏng.

... Họ kêu, họ hát, họ cợt nhả lung tung khắp chung quanh. Và họ cười không ngớt. Trong cơ thể của con người, tiếng cười nghe như tiếng động của bộ phận bánh xe và của đồ vật.

Người ta cố đi sâu ít nhiều vào những bộ mặt đang lộ ra với những khía cạnh, những nét sắc cảm động trong cái chuồng giam thú tối tăm, trong cái chuồng chim óng ánh này. Nhưng không thể được. Người ta chỉ thấy được những bộ mặt đó, còn phần sâu kín trong những đầu óc đó, người ta không chút nào thấu tỏ được.

*

* *

Betrăng bảo:

- Mười giờ rồi, các cậu ạ. Rồi thì mãi đến mai mới xắc lên vai. Giờ là lúc ngả lưng cái đã.

Thế là từng người một, từ từ nằm xuống. Chuyện trò vẫn chưa chịu dứt. Người lính cứ thả mình tùy thích mỗi lần không bị tuyệt đối bắt buộc phải vội vàng. Mỗi người đi lại tay cầm một vật gì, và tôi thấy lướt trên tường cái bóng lớn tướng của Odo đi qua trước ngọn nến, đầu ngón tay lủng liềng hai túi con long nảo.

Lamuydor cựa mình tìm tư thế nằm. Gã như khó chịu: dầu là tay ăn khá, hôm nay rõ ràng là gã đã chén quá nhiều.

Mexnin Jôdep từ chỗ nằm thét lên:

- Anh em có người muốn ngủ đây! Đồ bò, có cần hòng đi không!

Lời cảnh cáo ấy làm yên được một lát, nhưng vẫn không ngăn nổi tiếng lao xao và tiếng chân đi lại.

Parađi nói:

- Đích thị là ngày mai lên đường, đến chiều thì phới ra tiền tuyến. Nhưng chả ai nghĩ đến việc đó. Biết vậy, thế thôi.

Dần dần mọi người về chỗ. Tôi ngã mình trên ổ rom, Mactorô quần trùm chần cạnh tôi.

Một hình thù lớn tướng bước vào, rón rén để khỏi làm rầm. Đó là viên đội quân y, một thầy dòng Mari, một người hiền lành to lớn, có râu và đeo kính. Người ta có cảm giác rằng khi gã bỏ cái áo ca-pốt, chỉ mặc áo cộc thì ngượng nghịu vì phải phô đôi cẳng ra. Cái hình thù hà mã râu xồm đó kín đáo và vội vội vàng vàng. Gã hỏn hển thở dài, nói lúng búng.

Mactorô hát đầu chỉ vào gã, nói nhỏ với tôi:

- Cậu trông hẩn đấy. Cái hạng người này lúc nào cũng phải nói những chuyện bố vờ. Khi hỏi hẩn trong đời thường dân hẩn làm gì thì hẩn không nói. “Tôi là thầy dòng dạy học” mà hẩn lại nhìn hé bằng nửa con mắt, qua mục kính, bảo rằng: “Tôi là giáo sư”. Khi hẩn dậy thật sớm để đi lễ, hẩn thấy hẩn đã làm thức cậu dậy, hẩn không nói: “Tôi đi lễ”, nhưng “Tôi đau bụng. Tôi phải ra cầu tiêu một tí, nhất định thế”.

Xa hơn một tí, lão Ramuya nói về quê lão:

- Vùng tớ là một làng nhỏ xíu không to đâu. Suốt ngày, ông cụ tớ hút thuốc luôn miệng. Lúc làm lụng cũng như lúc nghỉ, ông cụ cứ phun khói ra ngoài trời hoặc cả vào hơi nôi bốc lên.

Tôi nghe câu chuyện gợi lại hình ảnh thôn quê đó và chuyện bỗng mang tính chất chuyên môn và kỹ thuật.

- Muốn thế, ông cụ chuẩn bị một cái vỏ rom. Cậu biết vỏ rom là gì không? Cậu lấy một thân cây lúa còn xanh, lột vỏ ra. Dem chẻ đôi ra, rồi chẻ đôi nữa, thành những phần to nhỏ khác nhau, như thường gọi những số khác nhau. Rồi dùng chỉ và bốn sợi rom, ông cụ quấn cán ống điều lại.

Bài học ấy phải ngừng lại vì không ai nghe. Chỉ có hai cây nến còn thấp. Bóng tối dang cánh lớn phủ lên đám người nằm ngổn ngang.

Những câu chuyện riêng còn thì thảo đó đây trong cái buồng ngủ thời nguyên thủy này. Vài mẩu lọt vào tai tôi:

Lão Ramuya bây giờ nói xấu viên thiếu tá.

- Cậu ạ, cái lão thiếu tá bốn lon, theo tớ thì không biết hút thuốc. Hắn hút lấy hút để, hút chảy cả ống điếu. Hút thế không thể gọi là miệng, phải gọi là mồm. Gỗ điếu nứt ra, sém đi, không còn là gỗ nữa, hóa thành than. Ống điếu bằng đất thì chịu được hơn, nhưng rồi cũng sém đi. Mồm đêch gì mà hút thế. Cho nên, cậu ạ, nghe tớ nói nhé: rồi sẽ xảy ra chuyện ít khi có: cứ bị đốt cực nóng, nung đến tận tủy, ống điếu hắn sẽ nổ tan trong miệng trước mặt mọi người. Rồi cậu xem.

Dần dà, sự yên tĩnh, im lặng và bóng tối phủ lên trong kho rơm, chôn vùi những lo âu và hy vọng của đám người. Dãy người nằm bó trong chăn cạnh nhau và giống nhau, nhìn hết như một thứ đàn phong cầm khổng lồ đương phát ra những tiếng khò khè phức tạp.

Đầu đã chui vào chăn, tôi còn nghe Mactorô kể lể với tôi về thân thế gã. Gã nói:

- Tớ buôn giẻ rách, cậu ạ, nói đúng hơn, tớ là anh hàng giẻ rách. Nhưng tớ, tớ buôn sỉ; tớ buôn lại của những chú kiếm giẻ ngoài phố. Tớ có cửa hàng – một kho chứa, còn gì – tớ dùng để chứa giẻ. Tớ buôn đủ thứ giẻ, từ quần áo cũ đến hộp đồ hộp, nhưng chủ yếu là cán bàn chải, bao bì, giấy dép cũ và tất nhiên là tớ chuyên buôn da thỏ.

Một lát sau, tôi lại còn nghe gã nói với tôi:

-Riêng về tớ, tuy bé nhỏ và hèn yếu, tớ vẫn khiêng nổi cái bị nặng trăm cân vào kho, leo thang, chân đi guốc. Một lần, tớ đụng phải một thằng cha đáng ngờ vì theo người ta nói, nó chuyên buôn người da trắng^[44].

Fuiat bỗng kêu lên một mạch:

- Mẹ kiếp, cái mà tớ không tài nào nghĩ được là thứ trò tập tành và hành quân họ bắt chúng ta làm như tử trong kỳ nghỉ. Lưng tớ đau như dằm, tớ không tài nào ngủ được, khắp người như mồi.

Phía Vônpat có tiếng leng keng đồ sắt. Gã đã quyết định mang theo cái bình vừa nặng mỗ nó sao lại phải cái tậ khổ sở bị thủng.

Một gã thức ngủ chập chờn, rên lên:

- Trời là trời! Bao giờ cho hết cái chiến tranh này đi!

Một tiếng kêu phản kháng, bướng bỉnh và khó hiểu vọt ra:

- Chúng muốn cho bọn ta chết sạch!

Rồi đến một câu cũng mập mờ như lời kêu phản kháng:

- Lo làm quái gì?

... Lâu về sau, tôi thức giấc, lúc đó đồng hồ đánh hai giờ, và trong ánh sáng nhọt nhạt, chắc hẳn là sáng trắng, tôi thấy bóng Pinêgan đang dần vật. Xa xa có tiếng gà gáy. Pinêgan ngồi hơi nhòm dậy. Tôi nghe tiếng gã khàn khàn:

- Khỉ chưa, đương giữa đêm mà gã đã há họng ra kia. Cái con gà này say rượu chắc!

Rồi gã cười, nhắc lại: “Cái con gà này say rượu”. Gã lại quán mình trong chăn, ngủ lại, nghe ục ục tiếng cười lẫn với tiếng ngáy.

Côcôn bị Pinêgan làm thức giấc. Thế là con người chữ-số nghĩ ra miệng, nói:

- Khi bắt đầu ra trận, tiểu đội có mười bảy người. Hiện nay vẫn có mười bảy, kể cả những người được bổ sung. Mỗi người đã dùng mòn bốn chiếc ca-pốt, một chiếc thứ màu xanh đầu chiến tranh, ba chiếc xanh màu khói thuốc lá, hai quần, sáu đôi giày ống. Phải tính mỗi người là hai súng trường: còn quần áo mặc ngoài che bắn thì không tính được. Lương thực dự trữ của chúng ta đã được đổi hai mươi ba lần. Ta có mười bảy người thì đã mười bốn lần được tuyên dương, hai lần trong lữ đoàn, bốn trong sư đoàn và một

trong binh đoàn. Có một lần anh em ở luôn chiến hào mười sáu ngày liên tiếp. Cho đến nay đã tạm đóng và trú quân trong bốn mươi bảy làng khác nhau. Từ khi bắt đầu chiến dịch, một vạn hai nghìn người đã qua ở trung đoàn, mà trung đoàn, gồm hai nghìn lính.

Có tiếng ú ớ lạ tai làm gã ngừng lại. Đó là lão Blerơ, vì hàm răng giả mới cấy nên lão không nói được, cũng như không ăn được. Nhưng tôi nào lão cũng lấp nó, can đảm, hăm hở giữ nó suốt đêm vì người ta đã hứa với lão rằng cuối cùng lão sẽ quen với cái vật mà người ta đã ghép vào mặt lão ấy.

Tôi nhòm nửa người như là ở chiến trường. Một lần nữa, tôi ngắm nghía những con người đã qua khắp các miền và qua khắp các biển cỏ trôi dạt về đây, người này tiếp kẻ kia. Tôi nhìn tất cả bọn họ đang chìm đắm trong vực sâu của bất động và quên lãng, trên bờ vực vài gã như còn muốn bám víu lấy, với những mối lo tính đáng thương, với những bản năng ngây thơ và sự dốt nát của những người nô lệ.

Tôi đã say trong giấc ngủ. Nhưng tôi vẫn nhớ những việc họ đã làm và họ sẽ làm. Và trước cái thảm cảnh sâu thẳm của đêm tối khốn nạn của loài người đang tràn đầy cái hang đó, dưới tấm màn u tối, tôi bỗng mơ tưởng đến một ánh sáng chói lọi nào đấy mà tôi cũng chẳng biết.

HẾT TẬP MỘT

PHẦN THỨ HAI

XV – QUẢ TRỨNG

Anh em hoang mang. Đói, khát; và ở nơi trú quân khốn khổ này, chẳng có gì hết!

Việc tiếp tế thường vẫn đều đặn, bây giờ bị gián đoạn, thế là tình hình thiếu thốn trở nên nghiêm trọng.

Một bọn người hốc hác đang nghiền răng và cái quảng trường nhỏ hẹp ở chung quanh họ trơ ra những đường hẻm trơ trụi, những ngôi nhà chỉ còn khung và những cột dây thép mất hết dây. Nhóm người đó bàn tán về sự thiếu thốn đủ mọi mặt:

- Chẳng có tí bánh nào, đếch có thịt, rượu cũng tong rôi.
- Phó mát cóc có, mà mứt và bơ cũng phèo nốt.
- Thiếu tuốt, chẳng phải tán, cái gì cũng không có, kêu ca lắm cũng chẳng được gì.
- Thực là một nơi đóng quân mạt kiếp: ba hàng căng-tin rỗng tuếch, họa chăng chỉ có gió và nước!
- Mà có bao nhiêu tiền đi chẳng nữa, hay dù mà chẳng có xu nào trong mề gà thì cũng chịu chết, vì chẳng có ma nào bán hàng!
- Mà có giàu như Rốt-sin hay như anh thợ may nhà binh thì cũng thế thôi, tiền bạc có mua được cóc khô gì?
- Hôm qua ở đại đội 7, có một con mèo nó gừ gừ. Tớ chắc bọn họ đã nhá nó rồi.

- Ủ, tớ biết, mà con mèo đó có béo tốt gì, gầy trơ xương sườn ra^[45].

- Chạy ngược chạy xuôi cũng vô ích thôi, sự thể là như vậy!

Blerơ nói:

- Có những thằng vừa mới đến đã nhanh nhẩu mua được mấy bi-đông rượu của người bán rượu ở góc phố.

- Chà! Đồ chó! Chúng nó thật tốt số được nốc rượu vào dạ dày!

- Nhưng phải nói đó là thứ rượu mật hạng chỉ dùng để tráng ca, tôi pip, uống gì được.

- Chúng nó bảo có thằng đã được ngón cả một con gà tơ.

Fuiat nói:

- Rõ nỡm!

- Tớ chẳng được chén mấy tí vào bụng: tớ còn một con cá dầu và, trong cái túi con, còn một ít chè tớ nhá với đường.

- Ăn thế thì thâm tháp gì, dầu cật khánh ăn và ruột bé lép kẹp.

- Từ hai hôm nay chỉ một món xúp: một thứ nước nhờn vàng vàng, lầy nhầy, loáng như vàng. Không phải là xúp, mà là một thứ nước xào rán gì. Bao nhiêu cái toàn lẳng xuống đáy nôi.

- Có lẽ chúng dùng để đúc nên thì phải.

- Khổ nhất là châm pip mà cũng chẳng có lửa.

- Đúng thế, thật là cực! Tớ không còn tí bác nào cả. Trước tớ có mấy mẩu, nhưng hết đã tám đời rồi! Sục sạo mãi trong túi áo ca-pốt chẳng thấy gì hết. Mà muốn mua thì đừng hòng!

Quả thực là thiếu thốn. Những gã chiến binh không châm được píp hay thuốc lá, lấy ra rồi lại đành bỏ vào túi, đi lang thang trông thật đáng thương hại. Cũng may, Tirloa còn có cái bật lửa trong còn sót chút đầu xăng. Những anh em nào biết thế, đứng chụm xung quanh gã, tay chực sẵn một cái píp nhồi đầy thuốc chưa châm. Mà đến một mẫu giấy để châm vào ngọn lửa của cái bật lửa cũng không có nốt: thành thử phải kê píp vào ngọn lửa để châm, tốn hết chút xăng còn sót lại trong cái bụng lép kẹp của cái bật lửa.

... Còn tôi, thì tôi đã gặp may mắn... Tôi trông thấy Paradi đương đi lảng vảng, bộ mặt hiền lành phơ ra gió, vừa đi vừa càu nhàu, miệng nhả mẫu gỗ.

Tôi bảo gã:

- Này, cầm lấy!

Gã kinh ngạc nhìn cái vật mà tôi đưa cho như người ta nhìn một đồ tư trang quý giá, reo lên:

- Một bao diêm! Úi chà! Hảu thật! Diêm!

Lúc sau, người ta trông thấy gã châm píp, khuôn mặt hồng hào của gã đỏ ối lên trước ánh lửa, và mọi người reo lên, nói:

- Paradi có diêm!

Về chiều, tôi gặp gã bên cạnh một bức tường hình tam giác còn sót lại ở một mặt nhà, ở góc hai đường phố của cái làng khốn khổ nhất trong các làng đó. Gã vẫy tôi:

- Suyt!

Gã có vẻ ngộ nghĩnh, hơi ngượng. Gã bảo tôi, giọng hơi cảm động, vừa nói vừa cúi nhìn xuống chân:

- Này, lúc này cậu đã biếu tớ một bao diêm. Thế thì tớ thưởng cho cậu cái này. Đây!

Và gã đặt một vật gì vào lòng bàn tay tôi.

Gã nói thêm:

- Cẩn thận! Khéo vỡ!

Lóa mắt vì ánh sáng và màu trắng nõn của đồ tặng của gã, tay cầm mà chẳng dám tin, tôi nhận ra... một quả trứng.

XVI – THIÊN ĐIỂM TÌNH

Paradi, anh bạn đồng hành đi cạnh tôi, trong khi hành quân:

- Nay, tớ nói thực, cậu tin hay không tin cũng mặc, tớ mệt lử, mệt quá sức rồi... Chưa bao giờ tớ chán ngấy như cuộc hành quân này.

Gã lê chân, và trong bóng tối, gã nghiêng cái thân hình vuông vắn xuống, trên lưng dè nặng một chiếc ba-lô phình rộng lằng nhằng và cao một cách quái gở. Hai lần gã bị vấp và chệnh choạng.

Paradi là một con người cứng rắn. Nhưng suốt đêm qua, gã làm nhiệm vụ liên lạc viên, gã đã chạy suốt đêm trong chiến hào trong khi anh em khác được ngủ, trách nào mà chẳng mệt lử cò bợ.

Vì vậy gã càu nhàu:

- Sao vậy? Mấy cây số này chắc hẳn bằng cao su, không thể khác được.

Và cứ ba bước gã lại nâng cái ba lô lên trên lưng, xóc mạnh nó lên, ba lô lại kéo tụt xuống, và gã thở dốc, cả người lẫn ba lô chòng chành và ỳ ạch như một cái xe thổ tả chở quá nặng.

Một anh lính có lon nói:

- Đến nơi rồi.

Bọn lính có lon thì lúc nào và trong hoàn cảnh nào cũng nói như vậy. Thế mà mặc dầu anh ta đã khẳng định, quả thực chúng tôi đang đến cái làng tối sẫm đó, nhà cửa như vẽ bằng phấn và bằng những nét mực thô kệch trên nền trời như mảnh giấy xanh, bóng dáng đen đen của ngôi nhà thờ có tháp chuông nhọn, hai bên là hai cái tháp mảnh dẻ và nhọn hơn, thực ra đó chỉ là bóng dáng một cây trắc bách diệp lớn.

Nhưng binh nhì khi đi đến cái làng tạm trú quân đâu đã hết vất vả? Chẳng mấy khi tiểu đội hay bán trung đội được yên ổn nghỉ ngơi ở nơi đã chỉ định cho họ: khi thì nghe lằm, khi thì chỉ định trùng, một mớ bong bong phải giải quyết tại chỗ, rắc rối mãi hàng nửa giờ, hàng giờ sau mọi người mới được đưa hẳn đến cái chỗ ăn ở tạm thời của mình.

Lần này cũng vậy, sau khi đi lang thang mãi như thường lệ, chúng tôi mới được đưa vào nơi nghỉ đêm của chúng tôi: một nhà cầu, dựng trên bốn tấm ván dày, bốn bề không tường không vách, thông thoáng. Nhưng gian nhà cầu đó được cái khá tiện lợi là có mái. Phía trong đã thấy để một chiếc xe ngựa nhỏ, và một cái cây, anh em chiếm chỗ ngay xung quanh hai vật đó. Paradi lúc này, phải đi đi lại lại mãi, luôn mồm gặt gong và cầu nhàu, liên vút ba lô xuống đất, rồi nằm phịch xuống đó một lúc lâu như chết lịm, kêu rằng chân tay bị tê liệt, gót chân bị nhức nhối và cả mình mẩy đau như dằm.

Nhưng đây, ngôi nhà trên mà gian nhà cầu là nhà xép, sừng sững trước mặt chúng tôi, bỗng nhiên sáng trưng ánh đèn. Trong cảnh xám xịt bình lặng của buổi tối không có cái gì thu hút anh lính bằng một cái cửa sổ đằng sau có ánh đèn ló ra.

Vônpat đề nghị:

- Lên nhà trên một tí, đi!

Paradi đáp:

- Thì đi.

Gã trời dậy, đứng lên. Khệnh khạng vì mệt nhọc, gã bước lại gần cái cửa sổ ánh vàng vừa hiện ra trong bóng tối. Rồi gã đi về mé cửa.

Vônpat theo chân gã, rồi đến tôi.

Chúng tôi bước lên nhà trên và hỏi ông cụ vừa mở cửa cho chúng tôi, một ông già hom hem như một cái mũ tã, mắt hấp háy xem có rượu nho bán không.

Ông già lắc cái đầu phát phơ mấy dúm tóc trắng như bông trả lời không.

- Thế bia, cà phê? Thứ gì cũng được...

- Không, các bạn ơi, tuyệt nhiên không có gì cả. Chúng tôi không phải là người ở đây. Chúng tôi là những người tản cư, các ông biết đấy...

- Đã không có gì thì ta đi thôi.

Chúng tôi quay gót. Tuy nhiên, trong một chốc lát chúng tôi cũng đã được hưởng chút hơi ấm của căn phòng và đã được vui mắt ngắm ngọn đèn sáng... Vônpat đã ra đến ngưỡng cửa và lưng gã đã biến vào đêm tối.

Trong khi đó tôi trông thấy một bà già ngồi phệt trên một chiếc ghế dựa ở một góc bếp đang loay hoay làm một việc gì đó.

Tôi bấm tay Paradi.

- Đó là mỹ nhân của chủ nhà. Cậu vào tán tỉnh với mụ mấy câu.

Paradi ra vẻ nghiêm trang đứng đưng chẳng thiết. Gã không thèm để ý đến phụ nữ vì từ một năm rưỡi nay những phụ nữ mà gã trông thấy đều chẳng phải là dành cho gã. Và chẳng, nếu họ có là của gã chẳng nữa, gã cũng chẳng cần.

Gã bắt đầu ngáp và nói:

- Trẻ hoặc già, làm quái gì!

Nhưng vì lười chưa muốn đi, và cũng chẳng có công việc gì khác, gã đi về phía bà già.

Gã ngáp xong, lằm bằm nói:

- Chào cụ.

Bà già giọng run run, trả lời:

- Chào các cháu.

Lại gần, trông thấy bà rõ hơn. Bà hom hem, người co rúm trong thân hình trơ xương, mặt trắng bệch như mặt đồng hồ.

Bà đang làm gì vậy? Tì người vào ghế và vào bàn, bà đang lau giày. Tay bà nhỏ nhắn như tay trẻ em nên bà làm chặt vật lắm: cử chỉ của bà kém phần chắc chắn và thỉnh thoảng bà đưa bàn chải ra ngoài; hơn nữa đôi giày rất bẩn.

Thấy chúng tôi chăm chú nhìn, bà lẩm bẩm rằng bà phải đánh xi ngay tối nay đôi giày của cháu gái bà làm nghề bán trang phục ở tỉnh để cô ta trở ra tỉnh ngay sáng sớm hôm sau.

Parađi cúi xuống để nhìn kỹ hơn đôi giày có cổ và bỗng nhiên gã giơ tay ra cầm lấy.

- Cụ ơi, để đó cháu đánh cho, cháu đánh ba cái xong ngay cái đôi giày của cô cháu gái cụ.

Bà già lắc đầu lắc vai chối từ.

Nhưng anh bạn tôi cứ giằng lấy đôi giày, còn bà cụ vì yếu đuối đành để gã giật lấy và chỉ phản đối qua loa đôi chút.

Parađi đã nắm mỗi tay một chiếc giày, cầm nhẹ nhàng và ngắm nghía một lúc, có lẽ gã nắm hơi chặt tay đôi chút.

Gã nói giọng hơi khác cái giọng bình thường gã vẫn nói với chúng tôi:

- Xinh nhỉ!

Gã vớ lấy bàn chải và bắt đầu chùi chải một cách say sưa và cẩn thận, mắt gã chăm chú vào công việc và gã mỉm cười.

Rồi khi chùi hết bùn, gã quệt xi vào đầu cái bàn chải kép nhọn đầu và chăm chú lướt nhẹ tay đánh bóng.

Đó là một thứ giày da mịn. Đúng là kiểu giày của một cô gái làm dáng: trên giày lóng lánh một hàng khuy nhỏ.

Gã rí tai tôi, vẽ hãnh diện:

- Không thiếu một nút khuy.

Gã không buồn ngủ nữa, thôi không ngáp nữa. Trái lại gã mím đôi môi. Một ánh xuân tươi làm rạng rỡ khuôn mặt gã, trước đây gã đương buồn ngủ thì bây giờ tưởng chừng như gã vừa tỉnh dậy.

Gã đưa ngón tay mân mê cổ giày đen mượt màu xi mé trên loe rộng ra tổ cáo hình dáng đôi cổ chân tròn trĩnh. Ngón tay gã đánh giày rất khéo nhưng khi lật đi lật lại đôi giày thì có vẻ vụng về, gã mỉm cười với đôi giày và băng quơ nghĩ tận đâu đâu, còn bà già thì giơ tay lên trời như phân bua với tôi:

- Anh lính này thật là tử tế quá!

Công việc đã xong, giày đã đánh rồi, mà thật là cầu kỳ tỉ mỉ. Da sáng bóng. Chẳng còn việc gì làm nữa...

Gã để giày lên mép bàn, cẩn thận như để đồ thờ; sau đó mới buông tay ra.

Nhưng gã vẫn dính mắt nhìn, ngấm xong gã cúi xuống nhìn đôi giày sáng đá của mình. Và tôi vẫn còn nhớ, trong khi so sánh như vậy thì cái anh chàng to lớn đó, anh chàng có số kiếp anh hùng, phóng đảng và tính thày tu, lại một lần nữa mỉm cười, lòng hân hoan.

- Bà già ngồi trên ghế loay hoay. Bà chợt nghĩ ra một điều:

- Để tôi bảo em nó! Thừa ông, để nó ra cảm ơn ông.

Bả ngoảnh về phía cái cửa ở ngay đó, gọi:

- Jôdêphin!

Nhưng Paradi khoát tay ngăn bà lại; tôi thấy cử chỉ của gã thật là đẹp đẽ.

- Không, cụ ơi, làm quái gì cái đó, không phải phiền cô em. Chúng cháu về đây. Phiền phức làm gì, thôi!

Lời nói của gã từ thâm tâm nên quả quyết, và bà cụ nghe lời, ngồi yên không gọi nữa.

Chúng tôi trở về ngủ trong gian nhà cầu, giữa hai cái tay cày đang nằm tại đó.

Paradi lại bắt đầu ngáp, nhưng dưới ánh ngọn nến, trong cái chuồng bò đó, một lúc sau nụ cười vui sướng còn phảng phất trên khuôn mặt gã.

XVII – SẬP HẦM

Trong khi mọi người tíu tít nhận thư từ, có anh vui vẻ nhận được một bức thư, có anh hài lòng được một tấm bưu thiếp, có anh thêm nặng gánh những chờ đợi và mong nhớ, một anh bạn giơ ra một tờ giấy, báo cho chúng tôi một tin lạ kỳ:

- Cậu có biết lão La Fuin^[46] ở làng Gôsanh không?
- Cái lão gàn gàn lúc nào cũng đi tìm của ấy, phải không?
- Ừ, mà này, lão đã thấy của rồi!
- Có đâu, mày phiêu...

- Đồ bị thối, tao nói mà mày không tin à? Thì mày còn muốn tao nói gì? Giảng kinh nhé? Cái đó thì tao không thuộc... Sân nhà lão bị trúng đại bác, và gần bức tường, một hòm đầy tiền bạc đã tung ra, đồng của bắn cả vào lưng lão. Lại còn cái lão cha xứ cừ thì thụt đến và khoe rằng đó là nhờ phép thánh của cha.

Anh em nghe, miệng há hốc.

- Một kho của... Chà, chà!... thật may mắn cho cái lão cán thuồng ấy!

Câu chuyện bắt ngờ đó bỗng làm chúng tôi nghĩ ngợi lung.

- Như vậy thật là chả biết thế nào là chừng nhỉ?

- Ừ, thế mà bọn mình cứ chế nhạo mãi cái lão khộm đó khi hắn cứ nhắc đến cái của chôn của hắn làm điếc cả tai chúng ta...

- Cậu có nhớ không, khi đó chúng ta có người bảo rằng chưa biết chừng. Nói thế mà ngờ đâu lại đúng, cậu nhớ chứ?

Facfadê, từ khi anh em nhắc đến làng Gôsanh thì thù người ra, vẻ mặt băng khuôn như có một bộ mặt mê hồn đang cười với gã, nói:

- Dù sao, cũng có những điều mà ta có thể chắc chắn được.

Nhưng gã lại nói thêm:

- Nhưng còn cái việc này thì lúc đó tớ cũng không tin!... Chà! Chiến tranh xong, khi tớ trở về đó, chắc là lão già tha hồ mà lên mặt.

*

* *

Viên quản người cao lớn nói:

- Cần một người tình nguyện giúp sức công binh làm một việc.

Anh em lâu bầu không nhúc nhích:

- Ít khi lắm nhé!

Viên quản nói tiếp:

- Để giúp việc đào bới các bạn đồng đội lên.

Thế là anh em không lâu bầu nữa, vài người ngẩng mặt lên.

Lamuydơ nói:

- Có tôi.

- Vậy thì ông bạn to lớn, hãy nai nịt đi rồi theo tôi.

Lamuydơ buộc ba lô, quần chần và đeo túi dết vào.

Từ khi sự khủng hoảng về tình duyên trắc trở của gã đã dịu, gã ủ rũ hơn trước, và mặc dầu gã vẫn béo thêm, như số kiếp gã là phải béo, gã thường dăm chiêu, cô độc và ít nói.

Ngày vừa hết. Đến tối, thấy một vật gì đang tiến đến gần, ở trong chiến hào, lúc nhô lên lúc thụt xuống, theo những chỗ gồ ghề của đáy hào: một hình người như đương quờ quạng trong bóng tối, và có lúc giang tay ra như cầu cứu.

Đó là Lamuydơ. Gã trở về với anh em. Người gã bết bùn và đất. Gã run lập cập, mồ hôi nhễ nhại, như chưa thoát khỏi cơn sợ hãi. Môi mấp máy, gã lẩm bầm “Hự! Hự!” trước khi thốt được ra lời. Anh em hỏi mãi gã chẳng trả lời:

- Sao vậy? Gì thế?

Gã ném mình vào một góc, giữa chúng tôi và, ngã người ra.

Anh em rót rượu cho gã. Gã ra hiệu chối từ. Rồi quay mình lại phía tôi gã gật đầu gọi tôi. Khi tôi đã đến gần, gã thì thào nói với tôi như tiếng cầu kinh nhà thờ:

- Tớ lại vừa thấy Ôđôxi.

Gã cố thở mạnh. Ngực rít lên, và gã nói tiếp, tròn mắt như còn nhìn vào một cơn ác mộng:

- Cô ta đã rửa ra rồi.

Gã tiếp:

- Ở cái nơi mà bọn ta đã chịu để mất và bọn quân thuộc địa đánh giáp lá cà vừa chiếm lại mười hôm trước đây.

“Trước hết anh em đã đào cái lỗ để làm sập hầm. Tớ làm tận lực. Vì tớ làm nhiều và nhanh hơn anh em nên tớ tiến lên trước. Những anh em khác ở phía sau đào rộng thêm và củng cố. Nhưng đến một lúc, tớ tiến đến một chỗ

xà ngang, xà dọc chẳng chịt: tở đã lọt vào một chiến hào cũ đã bị lấp, lẽ tất nhiên. Lấp chưa hết, có chỗ còn trống rỗng. Ở giữa khúc gỗ ngang dọc mà tở phải nhặt đi từng cái một, tở thấy một vật gì giống như cái bao đất dựng ngược, đứng thẳng và ở trên có cái gì buông rủ xuống.

“Thế rồi một cái xà gãy sập và cái bao di kỳ rơi xuống đè lên tở. Tở bị mắc kẹt, và một mùi hôi xác chết xông vào họng... Ở mé trên cái bao có một cái đầu người và cái vật lúc nãy thấy buông rủ xuống chính là mớ tóc.

“Cậu nên nhớ rằng lúc đó tở trông không rõ lắm. Nhưng tở đã nhận ra cái thứ tóc mà khắp cả thế giới không đâu có, rồi nhận ra chỗ mặt còn lại, vỡ toạc ra, cổ bị bọt, chết có lẽ đã được một tháng rồi – Đó là Ôđôxi đấy, cậu ạ.

“Phải, đó chính là cái người đàn bà mà trước kia tở chưa bao giờ lại gần được, cậu nhớ chứ, tở chỉ được nhìn từ xa chứ không bao giờ được đụng chạm đến, chẳng khác gì ngọc vàng. Mà cậu biết đấy, hồi đó nàng chạy rong khắp đó đây. Nàng lang thang giữa những phòng tuyến. Thế rồi một ngày kia, chắc nàng đã bị trúng đạn và chết mất xác tại đó, cho đến cuộc phá hầm tình cờ này mới tìm ra được.

“Cậu đã nhớ rõ vị trí rồi chứ? Một cánh tay tở phải đỡ lấy nàng còn cánh tay kia thì làm việc. Nàng cố hết sức đè nặng lên tở. Cậu ơi nàng cố mà ôm lấy tở, còn tở thì cố đẩy ra, khiếp quá. Hình như nàng muốn nói: “Trước kia anh thèm thuồng em, thế thì hãy lại đây, lại đây!” Nàng mang ở... ở trên người nàng có buộc một bó hoa cũng đã rửa rồi, và bó hoa đó quệt vào mũi tở chẳng khác gì xác một con vật.

“Tở phải đưa hai tay ra ôm lấy nàng, và cả hai quay mình thông thả, để cho nàng ngã về phía bên kia. Chỗ đó chật quá, ép quá, đến nỗi có một lúc khi quay tở vô tình đã ôm ghì nàng vào ngực, cậu ơi, như khi trước nếu mà nàng đồng ý thì tở đã ôm nàng...

“Tở phải mất hàng giờ để rửa ráy cho hết cái sự tiếp xúc đó với nàng, rửa cho cho hết cái mùi hôi mà nàng đã dấy vào tở dù muốn hay không. Chao! Cũng may, mà tở mệt lử như một con vật thờ nặng.”

Gã nằm sấp xuống, nắm tay lại và ngủ thiếp đi, mặt vùi vào đất, chìm vào giấc mơ tình yêu và thịt rữa.

XVIII – NHỮNG QUE DIÊM

Đã năm giờ chiều. Người ta trông thấy cả ba người đang động đậy ở chiến hào tối tăm.

Trông họ khủng khiếp, đen đui và hung ác trong hố đất, châu đầu vào cái bếp đã tắt, mưa và sự sợ ý đã làm tắt bếp và ánh đèn bếp trở mắt nhìn những mẩu củi cháy dở vùi trong đồng tro và những mẩu củi tắt dí đang nguội lạnh dần.

Vônpat loạn choạng đi tới nhóm người, vút xuống một bó đen đen mang trên vai.

- Tớ bấy nó ở một cái hầm, bấy khéo, khó mà biết được.

Blerơ nói:

- Củi thì có, nhưng phải nhóm lửa lên. Không có thì làm sao chín được miếng thịt dai này?

Một anh đen đui rên lên:

- Miếng thịt ngon quá. Thịt vai. Tớ cho đó là miếng thịt ngon nhất trong con bò.

Vônpat hỏi gắt lên:

- Cho lửa đây! Hết diêm rồi, chẳng còn cóc gì nữa.

Pupacđanh nhăm nhắng, vì lưỡng lự, lắc lư thân hình nặng nề như thân gấu trong chiến hào tối om như hang thú:

- Phải có lửa!

Pêpanh từ hầm ló đầu ra, đen đui như một anh nạo ống khói lò sưởi, cũng nhần mạnh:

- Không lồi thôi, nhất quyết là phải có lửa.

Và gã đi ra cửa, cả khối người đen đui hiện ra như bóng đêm trong buổi chiều chạng vạng.

Blerơ tuyên bố giọng vừa cương quyết vừa tức mình:

- Cậu đừng lo, tớ sẽ kiếm ra được.

Lão vừa làm công tác cấp dưỡng chẳng được bao lâu, và muốn tỏ ra mình có đủ năng lực đối phó với những trường hợp khó khăn trong nghề.

Lão nói y như Mactanh Xêda khi xưa đã nói, hồi còn mồ ma anh ta. Lão noi gương anh đầu bếp trứ danh tương truyền là có tài lúc nào cũng kiếm được lửa, cũng như những kẻ khác, bọn có lon cổ noi gương Nã-phá-luân.

- Nếu cần, tớ sẽ phá gỗ ở cái lều chỉ huy sở. Tớ sẽ trưng thu diêm của viên Đại tá. Tớ sẽ...

Pupacđang dẫn đầu. Mặt gã đen thui như cái trôn xoong bị lửa dần dần làm ám nhò. Trời rét như cắt ruột, nên cả người gã phủ kín từ đầu đến chân. Gã mặc một cái áo quàng nửa bằng da dê, nửa bằng da cừu: nửa nâu, nửa trắng trắng, thành thử cái áo hai màu ghép theo hình học làm cho gã giống như một con vật thần bí.

Pêpanh đội cái mũ vải đen và loáng những mỡ, nổi tiếng là chiếc mũ vải bằng lụa đen. Vônpat, quần chằng chịt mũ quàng đầu và những áo len, giống như một khúc gỗ biết đi một lỗ hở hình vuông để lộ bộ mặt vàng ở trên cái lớp vỏ dày đặc của khúc gỗ chìa ra hai cẳng chân.

- Ta hãy đi về phía đại đội 10. Chúng thường có đủ mọi thứ cần dùng. Đơn vị ấy ở mé Con đường Cột Điện, xa hơn cái Giao thông hào mới.

Bốn anh phồng khùng khiếp bước đi, lừ lừ như một đám mây, trong chiến hào ngoằn ngoèo trước mặt, như một cái ngõ hẻm bẩn thỉu, nguy hiểm, không đèn đuốc và không lát gạch. Vả lại chỗ đó tuyệt nhiên không có một người, vì là đường đi giữa trung tuyến và hỏa tuyến.

Những anh lính đầu bếp đi kiểm lửa gặp hai người lính marôc trong bụi tối hoàng hôn. Một anh da đen như đôi bột, một anh da vàng như đôi giấy vàng. Một tia hy vọng lóe lên trong đầu những anh đầu bếp.

- Các chú ơi, có diêm không?

Anh đen trả lời và cười để lộ những hàm răng dài trắng như tráng men trong cái miệng màu nâu sẫm:

- Mắc xì.

Anh màu vàng tiến ra và hỏi:

- Thuốc lá? Có dùm thuốc lá nào không?

Và anh giơ cánh tay áo màu cứt ngựa chia bàn tay rộng lớn, chắc như lim, nhuộm màu nâu gụ, nó còn đọng lại trong những nét nhăn trong lòng bàn tay, đầu ngón tay có những móng màu tím tím.

Pêpanh cầu nhàu, móc túi và lấy ra một dùm thuốc lá lẫn bụi đưa cho anh tân binh.

Đi xa chút nữa, anh em gặp một tay lính gác đương thiu thiu ngủ trong lúc tối mịt giữa một đồng hỗn độn đất cát. Anh lính nửa thức nửa ngủ này nói:

- Đi sang bên phải, rồi lại rẽ sang bên phải nữa, thế rồi cứ đi thẳng. Nhớ đừng có lạc đường.

Cả bọn lại đi. Đi một lúc lâu.

Sau nửa giờ đi vô tích sự, trong cảnh hoang vắng, Vônpat nói:

- Có lẽ ta đi đã xa rồi.

Blerơ thốt ra:

- Này hình như ta đi xuống dốc thì phải, khi chưa. Các cậu thấy thế nào?

Pêpanh chế nhạo:

- Đồ ván mục, đừng lo. Nhưng nếu bố run, thì cứ việc bỏ rơi chúng tớ.

Họ lại đi trong đêm tối đương sập xuống...Chiến hào vẫn vắng tanh vắng ngắt, khủng khiếp, dài dằng dặc, cảnh tượng trở nên tan hoang và kỳ lạ. Hai bên lũy xiêu vẹo, những chỗ sụp làm cho mặt đất mấp mô như những dãy núi ở nước Nga.

Bốn anh kiếm lửa to lớn bắt đầu hơi ròn rợn, càng đi sâu vào đêm tối trong con đường quái gở ấy càng thấy rợn.

Pêpanh đang đi đầu bỗng dừng lại và giơ tay ra ngăn anh em.

Trong bóng tối họ thì thảo bảo nhau:

- Có tiếng người bước...

Thế là họ sợ thật. Cả bọn bỏ hầm đi lâu quá như thế là sai lầm. Họ ở trong tình trạng phạm lỗi và nhớ xảy ra chuyện gì!

Pêpanh nói:

- Ta vào đây, mau lên, mau lên!

Gã trở một lỗ hồng hình chữ nhật, là là sát mặt đất. Sờ soạng mò mẫm thì thấy cái bóng đen hình chữ nhật đỏ là một cái hầm trú ẩn. Người trước kẻ sau, họ chui tọt vào. Người đi cuối cùng, nóng nảy xô những tay đi trước và họ lèn nhau nép vào bóng tối của lỗ hồng.

Tiếng bước chân và tiếng nói mỗi lúc một rõ và gần thêm.

Từ cái nhóm bốn người đứng nấp trong cái hang đó, mấy bàn tay đánh liều thò ra sờ soạng. bỗng nhiên Pêpanh thì thảo như tắc thở:

- Cái quái gì thế này?

Những anh khác chen nhau tì vào gã, hỏi:

- Gì thế?

Pêpanh khẽ nói:

- Băng đạn! Những băng đạn Đức để trên ván. Chúng mình đang ở trong giao thông hào của bọn Đức!

- Chuồn đi thôi!

Ba người xô ra.

- Cẩn thận, trời ơi! Đừng động đây... tiếng chân đi...

Có tiếng chân người bước. Tiếng bước đi khá nhanh của một người đi một mình.

Anh em không cựa quậy, nín thở. Mấy đôi mắt nhìn sát đất thấy ở mé tay phải trong bóng đêm có cái gì cử động, rồi một bóng người hiện ra với đôi cẳng chân, lại gần, đi quá...Bóng người đã hiện rõ, trên đầu đội một cái mũ sắt có quàng mảnh vải, dưới vải đoán thấy một mũi nhọn. Ngoài tiếng chân bước của người đi qua, tất cả đều im lặng.

Tên Đức vừa đi khỏi thì bốn anh cấp dưỡng, chẳng ai bảo ai, cùng một cử động, sấn đến, xô nhau chạy như những người điên, nhảy xổ vào hắn.

Hắn nói:

- Camo-rát, các ngài ơi!

Nhưng một ánh dao loáng lên và biến mất. Tên đó phục xuống như độn thổ, trong khi hắn ngã xuống thì Pêpanh tóm lấy cái mũ sắt, và cầm ở tay.

Pupacđanh gắt gỏng:

- Chúng ta biến đi thôi!

- Phải soát người nó chứ!

Họ nhắc tên đó lên, lật lại và nâng cái xác mềm nhũn, ươn ướt và còn ấm. Bất thành linh cái xác bật một tiếng ho.

- Nó chưa chết hẳn.

- Không, nó chết rồi. Đó là không khí phì ra.

Họ rũ túi của hắn ra. Nghe tiếng thờ dòn dập của bốn cái bóng đen cúi xuống lục soát.

Pêpanh nói:

- Cái mũ sắt là của tớ. Chính tớ đã đâm nó. Tớ cầm mũ sắt.

Họ giựt ở xác chết cái ví dày những giấy tờ còn ấm, bộ ống nhòm, cái mè gà và đôi ghệt.

Blerơ lắc lắc một hộp con và reo lên:

- Diêm! Nó có diêm.

Vônpat kêu khẽ:

- Chà! Khi già!

- Bây giờ thì ba chân bốn cẳng chạy đi!

Họ dồn cái xác chết vào một góc, và lao mình đi, anh nào anh nấy sợ vỡ mật, không để ý đến sự ồn ào khi họ chạy lộn xộn.

- Đẳng này kia! Lại đẳng này! Ế các chú rẽ sang đây!

Chẳng nói chẳng rằng, mọi người chạy túi bụi qua con đường ngoắt ngoéo của giao thông hào vắng lặng kinh khủng và dài dằng dặc.

Blerơ nói:

- Tớ hết hơi rồi, tớ quy rồi.

Lão loạn choạng rồi đứng lại.

Pêpanh rít lên, giọng hỗn hên, khàn khàn:

- Thôi, khi già, cố lên một chút.

Gã nắm tay áo lão và kéo bừa đi như người ta kéo một con ngựa bất kham.

Bỗng nhiên Pupacđanh nói:

- Đến rồi!

- Đúng rồi, tớ nhận ra cái cây này.

- Chính là con đường Cột điện.

Blerơ rên lên, hơi thở rung chuyển như một cái máy nổ: “Chà!”

Và lao mình xuống một lần cuối cùng, lão nhảy lên phía trước và ngồi phệt xuống đất.

Một người lính gác kêu lên:

- Đứng lại!

Nhận ra bốn anh chiến sĩ, gã lúng búng:

- Thế nào? Các cậu từ đâu về mà lại đi đường ấy?

Anh em cười phá, nhảy cẫng lên như những con rồ, người đầy mồ hôi và máu, trong đêm tối trông họ lại càng đen thêm; cái mũ sắt của tên sĩ quan Đức lóng lánh trong tay Pêpanh.

Anh lính gác miệng há hốc, lảm bảm:

- Ôi chao! Mẹ kiếp! Nhưng thế nào?

Một sự phản ứng vui sướng làm cho họ nhảy nhót như điên.

Mọi người tranh nhau cùng nói. Họ nhớ lại một cách lộn xộn, trong lúc vội vàng, tấn bi kịch mà họ vừa bùng tỉnh chẳng còn hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện ra sao. Thì ra từ lúc chia tay với anh lính gác gác ngái ngủ, họ đã đi lạc đường và tiến vào Giao thông hào quốc tế, một nửa là của Pháp và một nửa là của quân Đức. Giữa đoạn hào của Pháp và đoạn của Đức, không có chiến lũy phân chia, mà chỉ có một khu vực trung lập, hai đầu lúc nào cũng có hai người quan sát. Có lẽ tên lính Đức quan sát lúc đó bỏ vị trí, hoặc khi thấy bốn cái bóng đen đi đến thì hấn trốn đi nơi khác, hoặc hấn rút lui mà chưa có thì giờ gọi viện binh đến. Hoặc nữa là tên sĩ quan Đức cũng lạc đường, đi quá chân vào khu vực trung lập... Nói tóm lại, anh em biết câu chuyện đã xảy ra, nhưng vẫn chưa hiểu đầu đuôi ra sao.

Pêpanh nói:

- Tức cười nhất là bọn mình đều biết cả, nhưng chẳng ai nghĩ tới chuyện cảnh giác trước khi ra đi.

Vônpat nói:

- Bọn mình đi tìm diêm chứ làm gì!

Pêpanh reo lên:

- Và bọn mình tìm được! Anh cán mai kia, không đánh mất đấy chứ?

Blerơ đáp:

Mất thế đếch nào được! Diêm của Đức tốt hơn diêm của ta. Vả lại để nhóm lửa chúng mình chỉ còn có vậy thôi! Mất được à! Trừ phi có thằng nào cướp lại!

- Chúng mình về chậm mất rồi. Nước trong nồi có lẽ đang đóng băng. Chạy nhanh về đi. Sau đây, về đến cái cổng chỗ anh em mình ở, chúng ta sẽ kể lại cái vố mà chúng ta vừa chơi cho bọn Đức.

XIX – OANH TẠC

Giữa cánh đồng, sương mù bao la.

Trời xanh ngắt. Một chút nữa tuyết đã rơi lúc gần sáng phủ trắng lên vai và các kẽ tay áo. Chúng tôi đi hăng tưng, đội mũ quàng kín đầu. Trong tranh tối tranh sáng nhờ nhờ trắng chúng tôi giống như một đám dân bị tàn sát từ một miền phía Bắc đang di cư về một miền khác ở phía Bắc.

Chúng tôi đi trên một con đường xuyên qua làng Ablanh-xanh-Nade bị tàn phá. Thoáng trông thấy lơ mờ từng đống trắng những nhà cửa và những mái nhà trơ vơ như những đám mạng nhện đen đen. Làng này dài đến nỗi khi chúng tôi biến vào đó lúc giữa đêm, đến khi băng giá bình minh bắt đầu chiếu ánh lơ mờ nhợt nhạt chúng tôi còn trông thấy những ngôi nhà cuối cùng. Chúng tôi nhận thấy trong một hầm nhà, qua chấn song sắt, ở bờ cái đại dương hóa đá ấy, một nhóm lửa mà những người canh phòng cái thành phố chết đó đã đốt lên. Chúng tôi lội bì bõm trong những ruộng lầy và lạc bước trong những vùng im lặng, bùn gấn chặt chôn chân xuống, rồi chúng tôi cố giữ thăng bằng đi trên một con đường khác, con đường đi từ Carenxi đến Xusê. Những cây dương liễu lớn ở bờ đường gãy gục, thân cây tan nát; ở một nơi trơ ra một hàng cột những thân cây to lớn bị gãy gập, và trong bóng tối, chúng tôi thấy hai bên những cây thấp lè tè, ngọn bị chẻ ra như những cây cọ, xác xơ rồi bông bong nào gỗ nào sợi, gập khúc lại và như quỳ xuống. Thỉnh thoảng có chỗ đất lồi làm cuộc hành quân rối loạn, lắc lư. Đường đi biến thành ao, phải nhón gót mà vượt, gót giày nện xuống nước rào rào như tiếng bơi chèo. Trên đường có rải những tấm ván to đặt cách quãng. Chúng tôi bị trượt chân khi những tấm ván đó bị ngập bùn và đặt không ngay ngắn. Có khi nhiều nước quá thì ván nổi lên, người đi qua đè nặng lên thì phập một cái, ván chìm xuống và người hoặc bị ngã, hoặc chênh choạng, nên chửi rủa om sòm.

Lúc đó vào khoảng năm giờ sáng. Tuyết không rơi nữa, cảnh vật trơ trụi, kinh khủng hiện ra trước mắt chúng tôi, nhưng xung quanh vẫn còn là một vùng rộng quái gở đầy sương mù và bóng tối.

Chúng tôi đi, đi mãi. Đến một nơi có mô đất cao, tối om, phía dưới lúc nhúc những bóng người. Viên đội trưởng nói:

- Tiến lên thành hàng hai. Cứ hai người một, lần lượt mang một tấm gỗ và một cái phen.

Thế là bắt đầu phải khuôn vác. Một trong hai người đeo thêm khẩu súng của bạn đồng ngũ. Anh này cựa quậy và kéo ra một cách chật vật ở đồng gỗ một tấm ván dài trơn như mỡ, nặng có đến bốn mươi cân, hoặc một tấm phen bằng cả cành cây nguyên lá, rộng như một cánh cửa mà anh ta vừa vịn có thể giữ vững trên lưng; hai tay giơ lên bám chặt lấy mép nó, thân mình thì cúi gập xuống.

Rồi cứ thế lại đi rải rác trên con đường bây giờ trông đã xám xám, đi thật chậm, thật nặng nề, vừa đi vừa rên, vừa chửi rủa, nhưng vì còn phải hì hục nên câu chửi nghẽn ở cổ họng. Đi được, chừng trăm thước thì hai người trong mỗi cặp lại đổi gánh nặng cho nhau – người mang hai khẩu súng lại chuyển sang mang tấm ván hay tấm phen – thành thử đi được hai trăm thước thì tất cả mọi người, trừ những sĩ quan, đều mồ hôi nhỏ giọt mặc dù gió bắc thổi ác nghiệt, trong bình minh trắng xóa.

Bỗng nhiên một ngôi sao sáng chói lóe ở đằng xa, tại nơi đất hoang chúng tôi đang đi đến: pháo sáng. Một quầng sáng màu sữa soi sáng bầu trời, xóa mờ những chòm sao, rồi óng ả rơi xuống duyên dáng như những điệu bộ của nàng tiên.

Trước mặt chúng tôi, ở phía dưới kia, vọt ra một tia sáng, một ánh chớp, một tiếng nổ.

Đạn đại bác.

Qua làn ánh sáng lan rộng rất nhanh ngang phía chân trời, chúng tôi trông thấy rõ ràng ở trước mặt, có lẽ cách vào khoảng một cây số, hiện lên một ngọn núi kéo dài từ Đông sang Tây.

Cả cái mé núi phía chúng tôi từ đây trông thấy được đến đỉnh núi thuộc về quân chúng tôi chiếm giữ. Mé núi bên kia, cách tiền tuyến chúng tôi

chùng trăm thước là tiền tuyến Đức.

Viên đại bác rơi trên đỉnh núi, vào tuyến của chúng tôi. Địch bắn.

Lại một viên đạn đại bác nữa. Một viên thứ ba, rồi một viên nữa trông lên đỉnh đồi những cột ánh sáng màu tím chiều rọi tới chân trời.

Thế rồi theo ngay đó, những ngôi sao lấp lánh hiện ra, cùng với một rừng những lùm khói sáng rực ở trên đồi. Một ảo ảnh thần tiên màu xanh và trắng lơ lửng nhẹ nhàng trước mắt chúng tôi, trong cái vực sâu hoàn toàn của đêm tối.

Trong bọn chúng tôi, những người đang cố sức lấy gân chân, gầy tay để chống cho gánh nặng bết bùn trên lưng khỏi tuột xuống đất, họ không trông thấy gì và không nói năng gì. Những người khác, run lẩy bẩy vì rét, vừa khịt mũi, vừa chùi mũi bằng những chiếc mũi soa ướt đeo lẳng nhăng, vừa chửi rủa những chướng ngại ở dọc đường bị phá tan hoang vừa nhìn vừa bàn tán.

Họ nói:

- Y như là đốt pháo bông.

Một ngôi sao đỏ, rồi một ngôi sao xanh lục, rồi một bó lửa đỏ chậm chậm hơn hiện ra như để đóng góp thêm vào cái ảo ảnh một cuộc dàn cảnh lớn lao của một tấn nhạc kịch thần tiên bi thảm đương diễn ra trước mắt bọn chúng tôi đương bò sát, lúc nhúc và bì bõm ở dưới thấp.

Trong hàng ngũ chúng tôi, anh em không thể không thì thảo thán phục như một người dân thường, trong khi một nửa số anh em khác trở mặt ra nhìn:

- Ô! Một cái đỏ!... Ô! Một cái xanh!

Đó là quân Đức bắn pháo sáng, và cả quân Pháp cũng bắn pháo hiệu xin đại bác.

Con đường đi đến chỗ ngoặt và lên dốc. Ánh sáng ban ngày mãi bây giờ mới chịu hé. Mọi vật hiện ra bần thiêu. Xung quanh con đường phủ đầy một lớp sơn màu ngọc trai xám xám điểm những vệt trắng, cảnh vật thật đang hiện ra ảm đạm. Anh em đi khỏi làng Xusê đã bị tàn phá, nhà cửa chỉ còn trơ những nền nhà nát như những gạch ngói, cây cối biến thành những bụi gai tươi bởi lởm chởm trên mặt đất. Rẽ sang mé tay trái thì đi lọt xuống một cái hố. Đó là lối vào giao thông hào.

Anh em vát những tấm ván và phen xuống đất trong một khoảng đất tròn dành riêng, người vừa nóng bừng vừa giá lạnh, bàn tay ướt át, chân bị chuột rút, xước tuột da, mọi người ngồi ở trong hào và chờ đợi.

Vội mình đến tận cầm vào trong hố, ngực ti vào đất dày che đỡ, chúng tôi chứng kiến một tấn bi kịch chói lòa và sâu sắc đang biến diễn. Đại bác bắn càng nhiều thêm. Trên đỉnh đồi, những cột ánh sáng, trong bình minh nhợt nhạt, đã hóa ra những chiếc dù hơi khói, những con sứa xanh xao điểm một chấm lửa: rồi trong ánh sáng ban ngày rõ hơn, những chiếc chổi phát trần bằng khói được vẽ lên rõ nét, giống như những lông đà điểu màu trắng và xám bất chợt hiện ra trên mặt đất hỗn độn và ảm đạm của sườn đồi 119, cách chỗ chúng tôi từ năm trăm đến sáu trăm thước, rồi dần dần tiêu tan đi. Đó thực ra là cột lửa và cột khói quấn quýt lấy nhau trong cơn lốc và nổ vang như sấm sét. Lúc đó chúng tôi trông thấy ở sườn đồi một nhóm người chạy đi tìm chỗ để nấp vào đất. Lần lượt từng người một họ biến vào những lỗ kiến rải rác ở đây.

Bây giờ thì phân biệt được rõ những phát đại bác rơi xuống: cứ mỗi phát là một nắm khói trắng lưu hoàng, ở dưới đen, hiện ra trên trời, nơi khoảng cao sáu mươi thước, tách đôi ra, loang lổ và trong tiếng nổ, tai phân biệt được tiếng rít của những nắm đạn con mà tùm khói màu vàng văng xuống đất một cách dữ dội.

Đại bác nổ thành những loạt sáu tiếng một theo nhau: đoành, đoành, đoành, đoành, đoành, đoành. Đó là trái phá 77 ly.

Anh em thường khinh thường đạn trái phá 77, vậy mà chính Blêboa đã bị chết cách đây ba hôm vì một mảnh đạn này. Thường thì đạn nổ rất cao.

Bacơ giải thích, mặc dầu anh em đều biết cả:

- Cái bô cút đáí^[47] bảo vệ được cái đầu lâu cậu chống với những hòn chì. Thế là chỉ có vai cậu là bị đạn, cậu sẽ ngã xuống nhưng không chết. Lẽ tất nhiên là vẫn phải cẩn thận. Chú ý đừng có nghếch mũi lên trong khi nó nổ hay là giơ tay ra xem có mưa hay không. Chứ còn cái đại bác 75 của ta!...

Mexnin Andrê ngắt lời:

- Nhưng nào phải chỉ có trái phá 77. Còn đủ các loại. Nhìn hộ tó cái này...

Có những tiếng rít chói óc, rung rung hay kèn kẹt, những tiếng quất. Và ở những sườn dốc trái dài lơ mờ đằng kia, nơi quân chúng tôi nấp trong những hầm trú ẩn, mây khói đủ các hình thù đang ùn ùn chất đóng. Những cột lửa mờ mờ như những chiếc lông chim khổng lồ bây giờ hòa lẫn vào những làn hơi nước bao la, những hình nấm bắn tia thẳng lên trời, những chiếc phát trần bằng khói, vừa rót xuống vừa tỏa rộng ra, hoặc trắng, hoặc xám lục, hoặc đen như than, đỏ như đồng, óng ánh vàng, hoặc như vẩy mực.

Hai tiếng nổ cuối cùng gần nhất trên miếng đất nện đã tạo thành những hình tròn khổng lồ bụi đen và nâu, khi tan ra thì từ từ bay theo gió, biến thành hình những con rồng truyện thần thoại.

Chúng tôi đứng nấp ở dưới hầm, những bộ mặt xếp hàng sát mặt đất, đưa mắt nhìn sáng cái miền đầy rẫy những hình thù ma quái, chói lòa và hung dữ trong cảnh đồng đất bị trời dè bẹp.

- Đây là loại 150 ly phun khói.

- Thằng mồm bò, loại 210 ly đẩy chứ.

- Lại có cả đạn phá nữa. Quân chó má! Này mà xem cái kia!

Chúng tôi trông thấy một viên đại bác nổ ở trên mặt đất, tung đất cát và các mảnh vụn lên trong một đám khói tóe ra như cái quạt xòe. Có thể nói đó là một ngọn núi lửa phá nứt đất phun ra một cách khủng khiếp những thứ tích tụ trong lòng trái đất.

Chung quanh chúng tôi tiếng âm âm như dưới địa ngục. Người ta có cảm giác kỳ lạ sự điên cuồng của tạo hóa càng được tăng cường liên tục mỗi lúc một cao. Cơn phong ba đủ các thứ tiếng nặng chình chịch, tiếng hò reo điên cuồng, tiếng rú quái vật đang trút xuống mặt đất phủ đầy những đám khói xơ xác, ở chính mặt đất đó chúng tôi đứng vùi đến cổ, và hơi đạn nổ làm chao đi chao lại như một chiếc tàu.

Bacơ gào lên:

- Này các cậu, thế mà có thằng bảo với tớ là chúng nó đã hết đạn!

- Ô! Là, là! Chuyện đó chúng ta nghe nhầm tai rồi. Báo chí nó đưa ra làm quà cho ta biết bao nhiêu là chuyện bịa đặt khác.

Trong những tiếng hỗn độn đó, nghe thấy một điệu tích tắc đều đều rõ mồn một.

Trong các thứ tiếng ồn ào của chiến tranh, cái tiếng cối xay chậm chạp đó nhói vào tim chúng tôi nhiều nhất.

- Cối xay cà phê rồi! Của chúng ta đấy, nghe mà xem: tiếng nổ đều đều, còn của tụi Đức thì tiếng nổ ngắt không đều: tặc... tặc-tặc-tặc-tặc... tac-tac... tac...

- Mà nghe nhầm đấy, thằng khỉ! Có phải súng máy đâu: đó là một cái xe mô-tô đang đi trên con đường mé hẻm 31, tít đằng kia.

Pêpanh cười gằn, ngẩng mặt lên quan sát không trung, tìm một cái máy bay:

- Tớ thì tớ cho là trên kia có một chú phi công đang ngắm chúng ta, đầu nó cúi xuống cái cán chổi^[48] của nó.

Anh em bàn cãi. Chẳng biết thế nào cả! Tình hình là như thế. Giữa những tiếng long trời lở đất phức tạp ấy, mặc dầu chúng tôi đã quen tai nhưng vẫn có thể nhầm lẫn được. Như hôm trước đây, cả một tiểu đội đóng trong rừng nghe thấy một con la gần đó cất tiếng kêu, nửa tiếng lừa nửa tiếng ngựa hí, lại cho là tiếng đạn đại bác.

Lamuydơ nhận định:

- Mà này, sáng nay cái số “đồi lộn”^[49] mới khá chứ.

Anh em ngược mắt lên đếm.

Côcôn đã đếm từ trước nói:

- Có tám cái của ta và tám cái của Đức.

Thực thể ở chân trời, đối lập với những khinh khí cầu của giặc trông bé hơn vì ở xa, có tám khinh khí cầu của chúng tôi đứng cách nhau đều đặn, như tám con mắt dài nhẹ nhõm và nhạy cảm của quân đội chúng tôi nối liền với những trung tâm tư lệnh bằng những sợi dây thần kinh sinh động.

- Chúng trông thấy bọn ta cũng như ta thấy bọn chúng. Thoát sao khỏi mắt của những vật thần kỳ khổng lồ ấy?

- À, đây, quân ta đã trả lời!

Quả thực, bất thành linh mé sau lưng chúng tôi, dậy lên những tiếng nổ gầy gọn, chói tai nhức óc của đại bác 75 ly. Tiếng nổ liên tiếp không ngừng.

Trận sấm sét ấy làm chúng tôi phấn khởi, say sưa. Chúng tôi gào thét lên cùng với tiếng đại bác và, giữa cái hồi càn rùng quái đản mà mỗi tiếng là một phát đại bác, chúng tôi nhìn nhau không ai nghe được tiếng của nhau, trừ tiếng nói lạ kỳ the thé phát ra từ cái họng to của Baco.

Rồi chúng tôi ngھn cổ nhìn về phía trước và trông thấy ở mé cao trên đồi, hiện ra một rặng cây ma quỷ, rễ cây khổng khiếp bám chặt vào mé dốc khuất bên kia, nơi quân địch đóng.

- Cái gì lạ thế?

Trong khi ở một trăm năm trước sau chúng tôi pháo đội 75 tiếp tục nổ vang nghe như tiếng chan chát rõ ràng của một cái búa khổng lồ đập trên đe, tiếp liền theo đó là tiếng nổ choáng váng mạnh mẽ và điên cuồng, thì một tiếng ụng ục khác lạ bao trùm lên hết thảy, vang đến chỗ chúng tôi.

- Loại này cỡ lớn thật!

Viên đạn đại bác rõ không khí có lẽ cao đến một nghìn thước trên đầu chúng tôi. Tiếng động của nó trùm lên tất cả như một cái chụp, kêu ầm ầm. Hơi đạn đi chậm chậm. Chúng tôi cảm thấy đó là một loại đạn béo tròn, lớn xác hơn những thứ khác. Chúng tôi nghe thấy nó bay qua rồi rớt xuống phía trước như một sức rung động nặng nề và lớn dần đoàn xe điện ngăm tiến vào ga; sau đó tiếng rít nặng nề của nó lan ra xa. Chúng tôi bèn quan sát ngọn đồi trước mặt. Sau vài giây đồng hồ, ở đó nổi lên một đám mây màu nâu theo chiều gió tỏa ra khắp một nửa chân trời.

- Đó là khẩu 220 của pháo đội địa điểm “gamma”.

Vônpat khẳng định:

- Loại đạn này, người ta trông thấy được nó khi nó từ miệng súng bay ra. Nếu theo dõi được đúng hướng bắn, thì mặc dầu ta ở xa, cũng có thể nom rõ thấy đường đạn đi.

Một viên nữa tiếp theo.

- Kìa, trông, trông! Mà có thấy viên này không? Mà nhìn chậm quá, mắt hút rồi. Phải quay đầu thật nhanh mới thấy được. Đây, lại viên nữa, thấy chưa?

- Tớ không thấy.

- Đồ mặt mọt! Dễ phải bắn hàng loạt thì mày mới thấy hẳn! Thật là đồ bị thối! Đây, mau lên, viên này này. Đồ con tườu, đã thấy chưa?

- Thấy rồi, có thể thôi à?

Vài gã đã nom thấy một khối nhỏ đen đen, mỏng mảnh và nhọn, giống như một con sáo cụp cánh mở vươn ra phía trước, từ trên trời lao xuống đất vẽ nên một đường cong.

Vônpat hãnh diện nói:

- Nặng một trăm mười tám cân đấy, anh bạn ơi, và khi nó rơi vào một cái hầm thì nó giết sạch. Những người không bị mảnh nó tung đi thì cũng bị hơi đạn đập vào nát như hoặc chết dí, không kịp ngáp.

- Người ta cũng trông thấy rất rõ đạn 270, y như một khối sắt lớn, khi súng moóc-chiê tung nó lên trời: a-lê hấp!

- Và cả đạn 155 Rimailô^[50], nhưng loại này đi tít mù không trông theo được vì nó đi thẳng và xa quá: càng nhìn càng thấy nó vút tan đi trước con mắt trống của cậu.

Tất cả cái chuồng mãnh thú cùng hoạt động, như được sỏ cũi, trong mùi diêm sinh, mùi thuốc súng, mùi giẻ cháy, đất nung phảng phất thành từng lớp trên cánh đồng. Tiếng rống, tiếng gầm, tiếng thét hung ác dị kỳ, tiếng mèo kêu như xé tai, lộn ruột, hoặc tiếng hú dài như tiếng còi tàu thủy gặp nạn ngoài khơi. Lại cũng có khi tiếng động giống như những tiếng kêu kinh ngạc thốt ra, gặp nhau trên không trung, đôi âm điệu thành giống như tiếng người. Cánh đồng từng chỗ nhô lên rồi lại thụt xuống; trông trước mặt, từ đầu này sang đầu kia chân trời, như một trận đông tổ của vạn vật.

Và những khẩu đại bác cỡ lớn ở đằng xa, xa tít, đưa vọng lại những tiếng ầm ầm văng vẳng và chìm đi, nhưng người ta vẫn cảm thấy sức phá hoại ghê gớm của nó khi những luồng hơi đập mạnh vào lỗ tai.

Trên miền bị oanh tạc, bỗng phì ra và lắc lư một khối nặng nề, trông như nắm bông màu xanh đang lan ra bốn phía. Cái vệt màu này rõ ràng là tấp nham trong bức họa làm chúng tôi phải chú ý, và tất cả những bộ mặt của bọn người chúng tôi đang bị giam trong hầm ngoảnh cả lại phía tiếng nổ ghê rợn.

- Đó là hơi ngạt, có lẽ thế. Chuẩn bị mặt nạ đi!

- Đồ chó đẻ!

Facfađê nói:

- Đó thực là những phương tiện bất chính.

Bacơ nửa nạc nửa mỡ, nói:

- Vì lẽ gì?

- Chứ gì, những phương tiện bản thủ, hơi...

Bacơ cãi lại:

- Nghe mày nói mà phát chán, phương tiện chính với chả bất chính? Khi đã có những con người bị bẹp dí, cắt khúc làm đôi, chẻ từ trên xuống, róc ra thành bó vì đạn đại bác thường, khi những bộ ruột bị lòi bằng hết như bị đinh ba kều ra, sọ người như bị vô đập tụt cả vào phổi, hay là ở thân người, đầu biến mất chỉ còn một khúc cổ, óc phọt ra như mút quả phúc bồn tử, rớt xuống ngực và lưng; khi ta đã trông thấy tất cả những cái đó rồi, mà sao còn nói được: “Như thế này thế này mới là những phương tiện sạch sẽ, nói cho nhau nghe nào!

- Nhưng dù sao đạn trái phá là được phép dùng, ai cũng thừa nhận...

- A! Mày muốn tao nói không? Đây, mày làm tao cười ra nước mắt và chẳng bao giờ tao có thể khóc ra được nhiều nước mắt như thế đấy!

Nói xong gã quay lưng đi.

- Hê! Các chú, coi chừng!

Chúng tôi vênh tai nghe: một gã đã nằm xoài ra; những gã khác nhú lông mày, theo bản năng, nhìn về cái hầm trú ẩn mà họ không kịp đến; trong mấy giây đó, người nào cũng rụt cổ vào. Một thứ tiếng soàn soạt của đôi kéo không lồ đang lại gần và cuối cùng là tiếng ầm ầm chói tai như những mảnh tôn bị rỗ tung.

Viên đạn đại bác rơi không xa chúng tôi: có lẽ độ hai trăm thước. Chúng tôi rúc vào đáy hào, ngồi xồm ở đó cho đến khi một loạt mảnh đạn nhỏ tóe đến.

Paradi đào ở vách chiến hào ra một mảnh đạn vừa cắm vào đó, giống như một miếng than cốc lồm chồm cạnh sắc mà gã hất lên trong lòng bàn tay cho khỏi bị bỏng. Gã nói:

- Chưa nên nhận cái này vào mắt, mặc dầu nó bắn lại từ xa như thế.

Rồi bỗng nhiên gã cúi đầu; chúng tôi cũng cúi xuống.

B. sứt, b.sứt...

- Hỏa tiễn!... Thôi nó qua rồi!

Cái hỏa tiễn bay lên, rồi rơi thẳng xuống đất. Bình thường thì cái ngòi nổ này của viên đạn, sau khi đạn nổ, tách rời ra khỏi bộ phận đã nổ tan và chôn vùi dưới đất. Nhưng nhiều khi nó bay tứ tung, giống như một hòn cuội nóng đỏ. Phải coi chừng nó. Sau khi đạn nổ rất lâu nó còn có thể trúng vào anh, và theo những đường đi kỳ quặc không thể lường trước được, nó vượt qua bờ hào và xuyên vào những lỗ trú ẩn.

- Không có cái gì nguy ác bằng hỏa tiễn. Như có một lần, tở...

Bacdor thuộc đại đội II ngắt lời:

- Còn có loại ác hơn: đại bác quân Áo, cỡ 130 và 74. Hai loại này tớ rất sợ. Người ta bảo rằng nó mạ kền. Nhưng có điều tớ biết, vì mắt tớ đã thấy, là nó đi nhanh đến nỗi không có cách gì tránh được; vừa nghe tiếng vo vo là nó đã nổ ngay.

- Đại bác 105 của Đức cũng vậy. Cậu chẳng còn kịp nằm nép xuống giấu bộ ngực nữa. Bọn pháo binh có lần đã giải thích cho tớ như vậy.

- Nay, tớ bảo cho cậu biết: đạn đại bác thủy quân, cậu chưa kịp nghe thấy nó đã đến rồi kia.

- Và cả đạn đại bác kiểu mới chó má này nữa, nó nảy thia lia trên mặt đất, chui vào đất rồi lại vọt ra cứ sáu thước một, đến hai ba lần rồi mới nổ. Khi trước mặt tớ, chúng nó có loại đại bác này thì tớ mất cả tinh thần. Tớ còn nhớ có một lần...

Viên đội mới, vừa đi qua lúc đó, đứng lại, nói:

- Các chú ơi, tất cả những cái đó đã ra quái gì? Phải xem chúng đã bắn vào ta như thế nào ở cái nơi mà tớ vừa trở về đây. Toàn đạn cỡ lớn: loại 380, 420 và hai thứ 44. Chỉ khi nào ta đã bị quần ở đó rồi thì mới có thể nói rằng: “Bây giờ tớ mới biết thế nào là bị quần”. Cây cối bị cắt hàng loạt như lúa chín, tất cả các hầm trú ẩn đều bị khám phá và bắn tan tành mặc dầu đã đắp ba lần gỗ khúc, tất cả các ngã tư đường đều bị tưới đạn; đường đi bị tung lên, biến thành những đống gỗ ghè chồng chất những đoàn xe tan nát, những đại bác bị tiêu hủy, những xác chết xoắn vào nhau như xúc bằng xẻng. Các chú sẽ thấy cả ba mươi người cùng chết một lúc ở những ngã ba, có những thằng bị bắn lên giời, quay như chong chóng cao đến 15 thước trên không, mảnh quần còn sót lại vắt trên ngọn cây. Các chú đã thấy loại 380 ấy rơi vào một cái căng tin ở Vecdoong^[51], xuyên từ mái nhà qua hai, ba tầng gác rồi nổ tung ở tầng cuối cùng, thế là cả tòa nhà lớn bị hất tung lên trời; còn ngoài đồng thì từng tiểu đoàn chạy tán loạn, nằm rạp người dưới cơn bão lửa như những con vật nhỏ khốn nạn không có cách che thân. Ngoài đồng ruộng thì cứ mỗi bước lại gặp ngay những mảnh đạn dày bằng cánh tay, rộng như thế này này, phải bốn người lính mới khiêng nổi. Ruộng

nương như một nơi hoang địa đầy đá tảng... và cứ như vậy hàng tháng không ngớt. Chà! Thật khiếp! Thật khiếp!

Viên đội nói xong bỏ đi, có lẽ để tới chỗ khác kể lại tóm tắt kỷ ức của anh.

- Này cậu cai trông những thằng kia, chúng ngốc hay sao vậy?

Chúng tôi trông thấy ở vị trí bị oanh tạc những hình người nho nhỏ chạy vội chạy vàng đến những nơi đạn đương nổ.

Betrăng nói:

- Đó là bọn pháo binh. Khi một quả đại bác cỡ lớn nổ, họ chạy ngay đến sục sạo trong lỗ đất để tìm lấy cái ngòi, vì vị trí và cách thức cái ngòi cắm sâu vào đất có thể cho biết hướng của pháo đội địch đã bắn ra. Cậu hiểu chứ? Còn muốn biết khoảng cách của pháo đội đó, chỉ cần đọc những vạch khắc chung quanh ngòi mà bọn địch khi bắn viên đạn đi đã khắc vào đó.

- Tuy thế, nhưng bọn họ dám xông ra ngoài khi bị oanh tạc dữ như vậy, kẻ cũng gan dạ thật.

Một anh chàng thuộc đại đội khác, đương đi lại trong chiến hào, cũng chạy lại góp chuyện:

- Bọn pháo binh thì một là tốt, rất tốt, hai là xấu, cũng rất xấu. Hoặc là những tay cừ khôi, hoặc là những tay thật mềng. Như tớ đây, tớ đã...

- Cậu nói thế thì tất cả bọn lính trơn đĩa nào chả thế.

- Cũng đúng thôi, nhưng tớ không nói tất cả bọn lính trơn. Tớ chỉ nói về bọn pháo thủ, và tớ cho rằng...

- Này các chú, có tìm ngay một chỗ tốt để mà trú ẩn không? Một mảnh đạn lớn có thể trúng vào đây bây giờ.

Anh lính lạ chuồn mất với câu chuyện bỏ dở, và Cô-côn xưa nay vẫn hay buồn binh, tuyên bố:

- Thì vào hầm chải đầu chơi, vì ở ngoài này không đủ vui. Paradi trở những vị trí cao của quân chúng tôi mé bên phải, nói:

- Kia đằng kia họ phóng ngư lôi đấy!

Những quả ngư lôi lao lên gần như thẳng đứng, như những con sáo, vừa rung rinh vừa kêu xoàn xoạt, rồi dừng hẳn lại, lưỡng lự và lại rơi xuống, khi rơi phát ra trong những giây cuối cùng một thứ tiếng kêu của trẻ con mà người ta nghe thấy rất rõ. Nhìn từ đây, những con người ở trên đỉnh cao trông giống như những cầu thủ vô hình đứng thành hàng mà chơi bóng.

Lamuydor nói:

- Thằng em tớ tin cho tớ biết là ở Aegôn bọn chúng còn phải chịu đựng những con chim gáy như chúng nó nói. Đó là những viên đạn lớn, nặng, phóng rất gần, khi đến gần đích, nó kêu gù gù, thật đấy, em tớ bảo thế và khi nó nổ thì phải biết, nó làm toáng lên, em tớ bảo thế.

- Chẳng có gì bí mật hơn là cái loại ở chiến hào, nó như đuổi theo sát đất, chồm lên người chúng mày và nó nổ tan ngay trong chiến hào, làm tan hoang cả thành lũy.

- Này, này, mày có nghe thấy gì không?

Một tiếng rít bay đến chúng tôi rồi đột nhiên tắt ngấm. Viên đạn không nổ.

- Viên đạn ấy bị thôi!

Rồi người ta lắng tai để được hài lòng nghe thêm, hay không nghe thấy nữa những viên đạn khác đến.

Lamuydor nói:

- Tất cả các mặt ruộng, đường xá, làng xóm đều phủ đầy những viên đạn đại bác bị thổi đủ các cỡ; phải công nhận rằng có cả đạn của ta nữa. Dưới đất cũng có mà ta không trông thấy. Tớ tự hỏi sau này đến lúc nói: “Nào, bây giờ thì không phải là chuyện đó nữa, cày bừa đi thôi” thế thì lúc đó ta làm thế nào mà cày bừa được?

Bằng một giọng đều đều điên khùng, cơn bão táp sắt lửa vẫn tiếp tục. Những viên trái phá khi nổ, rít lên, loảng xoảng và giận dữ, những viên đạn đại bác cỡ lớn gầm thét như một chiếc đầu tàu mở hết máy đâm sầm vào một bức tường rồi vỡ tung ra, hoặc như tiếng đoàn tàu chở những thanh sắt và cột sắt lăn lông lốc từ trên dốc xuống. Bầu không khí trở nên mờ mịt ngồn ngộn, từng luồng hơi nặng nề tạt qua; và xung quanh đó tất cả đất cát tiếp tục bị cày xới càng sâu hơn, càng triệt để hơn.

Và rồi những khẩu đại bác khác cũng góp phần vào. Đó là những đại bác của chúng tôi. Tiếng nổ giống như loại 75, nhưng mạnh hơn, tiếng vang của nó rền lâu hơn và chói tai như tiếng sét đánh vào núi.

- Đó là đại bác 120 nòng dài. Loại này đặt ở lè rừng cách đây một cây số. Đại bác này đẹp lắm giống như những con chó săn màu xám. Hình thù nó thanh thanh, nòng nhỏ nhắn. Cậu trông thấy chỉ muốn gọi chúng là “quý phu nhân”. Nó không giống đại bác 220, thứ đại bác y như một cái mõm, một cái thùng đựng than, khắc đạn từ dưới lên trên. Loại 220 phá hoại cũng khiếp lắm, nhưng đi trong đoàn xe pháo binh thì nó giống như những anh chàng cụt chân ngồi trên những cỗ xe nhỏ.

Câu chuyện đã uể oải. Đó đây có người ngáp.

Cuộc bắn phá kéo dài và rộng lớn ấy làm cho mọi người mệt mỏi. Tiếng người nói bị vùi lấp, không nghe được.

Bacơ kêu lên:

- Từ xưa tới giờ tớ chưa bao giờ thấy một cuộc bắn phá nào như thế này.

Parađi nhận định:

- Thì bao giờ người ta chả bảo thế.

Vônpat oang oang:

- Nhưng xét cho cùng, mấy hôm nay người ta nói luôn đến một cuộc tấn công. Tớ bảo đấy là bắt đầu một cái gì đó.

Những anh khác chỉ nói:

- À!

Vônpat tỏ ý muốn “đánh một giấc” và gã nằm xuống đất, lưng tựa vào một bên vách, chân đạp lên vách bên kia.

Anh em nói chuyện về các vấn đề linh tinh. Bikê kể chuyện về một con chuộc mà gã đã trông thấy.

- Nó lớn tướng và béo tròn, cậu ạ... tớ vừa bỏ giày ra, thế là nó gặm tan cái cổ giày luôn. Nên nhớ là giày tớ vừa bôi mỡ.

Vônpat đương nằm yên, cựa quậy nói:

- Các cậu léo nhéo, làm tớ mất ngủ!

Mactorô nói:

- Thằng váy đụp, mày lại muốn làm anh em tưởng rằng mày ngủ khi được giữa những tiếng ầm ầm như bây giờ phải không.

- Khò – ò, ò...

Vônpat trả lời bằng những tiếng ngáy.

*

* *

- Tập hợp. Bước.

Chúng tôi đổi địa điểm. Họ dẫn chúng tôi đi đâu? Chẳng ai biết cả. Chỉ biết chúng tôi hiện là đội quân trừ bị, và họ điều chúng tôi lần lượt tới củng cố các vị trí hoặc tới dẹp cho thông các giao thông hào, mà muốn tránh bế tắc và va chạm thì việc đi lại của quân đội trong giao thông hào khá phức tạp, không kém gì việc tổ chức qua lại của các đoàn xe lửa ở những nhà ga có nhiều hoạt động. Không thể nào phân biệt được hướng của cuộc chuyển quân vĩ đại trong đó trung đoàn chúng tôi chỉ là một bánh xe nhỏ đang quay, và cũng không thể hình dung được tất cả những đường chiến hào trong toàn bộ quân khu lớn lao. Nhưng khi tràn ngập trong cái mớ canh hẹ ở hạ tầng, chỉ những đi với lại không ngừng, mệt lử, như người, tay chân rã rời vì đứng lâu tại chỗ, người cứ mê toi đi vì đợi và ồn ào, ngạt thở vì khói, chúng tôi cũng hiểu rằng pháo binh của chúng tôi đang xuất trận mỗi lúc một mạnh và cuộc tấn công hình như đã đổi chiều.

*

* *

- Đứng lại!

Một loạt súng trường mạnh mẽ, hung dữ và kỳ quái đập vào bờ chiến hào là nơi người ta vừa ra lệnh cho chúng tôi dừng chân lại.

- Bọn Frit (Đức, N.D) bắn nhiều đây. Chúng sợ ta tấn công, chúng hoảng. Chà! Chúng bắn dữ!

Một trận mưa đạn dày đặc đổ trên đầu chúng tôi, băm nát không gian một cách khủng khiếp, xiết mạnh và lướt qua cánh đồng.

Tôi nhìn qua một lỗ châu mai, thoáng thấy một cảnh lạ lùng:

Ở trước mặt chúng tôi, cách chưa đầy mười thước, những hình người nằm xoài, không cử động, ở cạnh nhau, đó là một dãy lính bị chết. Và từ bốn phía, từng làn đạn bay đến, bắn lỗ chỗ vào hàng tử thi đó!

Đạn cày xới đất lên thành những vệt thẳng, tung lên từng đám bụi dài mỏng, xiên thủng và đập vào những thi hài đã cứng nằm dính trên mặt đất, bẻ gãy chân tay đã khô, chui vào những bộ mặt xanh nhợt hết máu, làm nước ngầu đỏ bắn tung vào những hốc mắt đã rửa ra nước, và dưới làn đạn, người ta thấy những thi hài cựa quậy một chút, và có nơi cả dãy tử thi như đổi chỗ.

Chúng tôi nghe thấy tiếng cụt ngùn của những viên đạn đồng nhọn xuyên vào quần áo và thịt xương: nghe như tiếng dao chặt mạnh mẽ, tiếng gậy vút mạnh vào quần áo. Trên đầu chúng tôi cả một mớ tiếng rít bay qua kèm theo những tiếng thia lia, một thứ tiếng trầm trầm ngày càng mạnh. Và chúng tôi phải cúi đầu xuống con đường đi kỳ lạ ấy của những tiếng kêu, tiếng gọi.

- Ê này, phải rời bỏ chiến hào này!

*

* *

Chúng tôi rời mẩu chiến trường nhỏ xíu đó để đi nơi khác, chiến trường mà đạn bay qua đã xẻ nát làm bị thương và giết thêm một lần nữa những xác chết. Chúng tôi rẽ sang mé tay phải và đi về phía sau. Giao thông hào ở đây dốc ngược lên. Đến đầu khe thì chúng tôi đi ngang qua một trạm điện thoại có một nhóm sĩ quan pháo binh và lính pháo thủ.

Ở đây chúng tôi nghỉ chân một lúc nữa. Chúng tôi đứng giẫm chân tại chỗ và nghe quan sát viên của pháo binh phát ra những mệnh lệnh mà điện thoại viên nấp ở dưới đất tiếp lấy và truyền đi:

- Khẩu thứ nhất, độ cao như trước. Lệnh sang trái hai phần mười. Mỗi phút ba phát.

Vài người trong bọn chúng tôi đánh liều thò đầu ra khỏi bờ hào và trong một loáng, thu được trong tầm con mắt toàn diện cái chiến trường từ sáng đại đội chúng tôi loay hoay xoay quanh.

Tôi đã trông thấy một cánh đồng xám xám, rộng bao la trên đó nhấp nhô những làn bụi hồng đỏn và nhẹ nhẹ mà gió tạt ngang qua, đó đây vút lên một cột khói.

Trên khoảng rộng bao la ấy, mặt trời và bóng mây đã vẽ ra từng vệt đen và trắng, chỗ chỗ ánh sáng vàng kạch lòe lên – đó là pháo binh chúng tôi bắn – và có một lúc tôi thấy lấp lánh những điểm chói sáng ngấn ngủi. Một lúc khác, một phần cánh đồng mờ nhạt đi dưới một tấm thảm hơi khói mờ mờ trắng đục như một con lóc bão tuyết.

Ở đằng xa, trên những cánh đồng bị thảm dài đằng dặc hầu như bị xóa nhòa, màu tang tóc, lỗ chỗ thủng như bãi tha ma, chúng tôi nhận thấy cái khung của một nhà thờ giống như một mảnh giấy rách, và từ bên này sang bên kia toàn cảnh có những vạch dọc lờ mờ sát nhau có kẻ ngang ở dưới như những nét nguệch ngoạc bôi ra ở trên trang tập đồ: đó là những con đường cái có cây. Có những chấm người lôm đôm trên con đường ngoằn ngoèo mỏng manh kẻ ngang kẻ dọc chia cánh đồng ra thành từng ô vuông.

Trên những đoạn đường lăm chằm người, chúng tôi nhận ra những bóng người từ những vạch sâu tiến ra, cựa quậy ở trên cánh đồng, hướng về bầu trời hoành hành khủng khiếp.

Khó mà tưởng tượng được rằng mỗi chấm nhỏ xíu đó là một người bằng thịt bằng xương run rẩy, yếu ớt, vô cùng bất lực trong không gian, nhưng mỗi người mang theo bao nhiêu là tư tưởng âm thầm, bao nhiêu kỷ niệm xa xăm, bao nhiêu hình ảnh trong lòng: trông thấy đám bụi bặm người, bé nhỏ như sao trên trời ấy, mà ta phải kinh hoàng.

Hỡi những người đồng loại khốn khổ, những kẻ vô danh cùng khốn, bây giờ là lượt các bạn xuất trận! Lần khác sẽ đến lượt chúng tôi. Có lẽ ngày mai đến lượt chúng tôi sẽ thấy bầu trời nổ vang trên đầu, đất đai nứt toác dưới chân, chúng tôi sẽ bị tràn ngập trong lửa đạn kinh hoàng, sẽ bị cuốn hút đi trong cơn phong ba bom đạn trăm nghìn lần mạnh hơn bão táp.

Họ dồn chúng tôi về những hầm trú ẩn ở hậu tuyến. Trước mắt chúng tôi, cảnh chiến trường tắt ngấm. Tai chúng tôi nghe tiếng sấm sét nhẹ dần dưới cái đe khủng khiếp của những đám mây. Tiếng phá hoại muôn vật im

dần. Thế rồi tiểu đội chúng tôi lại ích kỷ lao mình vào những tiếng động thân thuộc của đời sống hàng ngày, lại ngập mình trong sự đơn trón nhỏ mọn của những hầm trú ẩn.

XX – KHÓI LỬA

Bất thành linh bị đánh thức, tôi mở mắt ra trong đêm tối.

- Gì thế? Có việc gì vậy?

Anh cai Bctrăng ở ngoài miệng hố, nơi tôi nằm, nói vào – tôi nghe tiếng mà không trông thấy người:

- Đến lượt cậu canh gác. Bây giờ hai giờ sáng rồi.

Tôi lều bều là tôi sẽ ra, tôi vươn vai và ngáp trong cái hầm chật hẹp như dưới mồ; tôi dang tay ra và chạm phải nền đất sét mềm và lạnh. Rồi bò trong bóng tối nặng nề đè trong hầm, rẽ qua những mùi ngọt ngào giữa những thân hình nghiêng ngả li bì của những người đang ngủ. Bị vướng và bước hụt trên những quân trang, ba lô, những chân tay duỗi ra bốn bề, sau tôi sờ được khẩu súng của tôi và ra đến ngoài, đứng vào chỗ thoáng khí, người hãy còn ngái ngủ và đứng loạng choạng trong gió bắc rét buốt và tối đen.

Run lẩy bẩy, tôi theo chân anh cai đi giữa những đụn cao tối om, càng đi thì phần dưới chân đụn càng thắt hẹp lại một cách lạ lùng. Anh đứng lại. Đây rồi tôi cảm thấy có một khối lớn tách ra khỏi lưng chừng bức tường ma. Cái khối ấy há miệng ngáp, hý lên như ngựa. Tôi trèo vào cái hốc đó.

Mặt trăng đã lặn trong sương mù, nhưng ánh sáng vẫn còn lơ mờ phủ lên mọi vật, mắt dò dẫm mãi cũng phải quen. Rồi ánh sáng đó tắt đi vì trên trời kia, một mảng mây đen là là lướt qua. Sờ soạng mãi, khó khăn lắm tôi mới thấy được cái khung và lỗ châu mai ở trước mặt, và trong một cái hốc, bàn tay đã thông thạo của tôi sờ phải một đồng cán lựu đạn.

Bctrăng nói khẽ với tôi:

- Cậu phải mở mắt coi chừng đấy nhé. Đừng quên rằng trước mặt kia, về mé trái có trạm trinh sát của ta. Thôi nhé, lát nữa gặp nhau.

Rồi bước chân của anh xa xa, theo sau là tiếng bước chân hãy còn buồn ngủ của người lính gác mà tôi đến thay phiên.

Bốn bề súng nổ lét đét. Bất thành linh, một viên đạn đập chát vào đất bờ hào là chỗ tôi tựa mình. Tôi áp mặt nhìn qua lỗ châu mai. Tuyến của chúng tôi nằm ngoằn ngoèo trên mặt cao của cái khe núi: đất trước mặt tôi dốc xuống một cái vực tối om trong đó chẳng còn trông thấy gì. Tuy nhiên, rồi quen mắt cũng phân biệt được một hàng đều đặn những cọc dây thép gai của chúng tôi trông ở sát bóng tối, và đó đây những vết loét tròn của những hố hình phễu của đạn đại bác, hố nhỏ hố nhỏ, hố to; vài hố gần nhất đầy những đồng chông chắt chắt biết những gì có vẻ bí mật, Gió bắc thổi tạt vào mặt tôi. Tất cả đều yên lặng, chỉ có gió thổi và cái âm thấp bao la đang nhỏ giọt. Rét làm run người mãi không thôi. Tôi ngược mắt nhìn lên chỗ này, chỗ nọ. Một cảnh tang tóc khủng khiếp đè nặng lên mọi vật. Tôi có cảm giác là chỉ còn mỗi một mình, như bị đắm tàu, giữa một thế giới bị thiên tai đảo lộn.

Trời bỗng rực sáng lên: pháo sáng. Khung cảnh nơi tôi bị vùi lấp hiện lên, sáng rõ quanh mình tôi. Tôi thấy lộ ra cái đỉnh rách nát, xơ xác của chiến hào chúng tôi, và ở bờ đằng trước, cứ năm bước một bóng dáng của những người lính gác dựng đứng lên như những con dòi đứng thẳng. Súng của họ để bên cạnh lấp lánh như mấy giọt ánh sáng. Chiến hào đắp bằng những bao đất, và chỗ nào cũng bị hoác ra, nhiều nơi đất bị sụt xuống càng rộng hơn. Những bao đất cái nọ đè bẹp lên cái kia và bị xô lệch, rồi rạc dưới ánh sáng của pháo sáng rơi xuống trông như những tảng gạch đá lớn bị bật ra từ những di tích lâu đài cổ đại. Tôi nhìn qua lỗ châu mai. Trong làn hơi khói trắng bệch mà pháo sáng đã tóe ra, tôi thấy những hàng cọc, và cả những đường dây nhỏ bé của hàng rào dây thép gai chằng chịt với nhau từ cọc này sang cọc kia. Trước mặt tôi, nó giống như những nét bút mực vẽ nguệch ngoạc, xóa đi xóa lại trên cánh đồng tái xám và lổ chỗ. Thấp hơn nữa, trong bóng tối bao la như biển tràn ngập khe núi, mọi vật đều yên lặng như chết.

Từ chỗ quan sát, tôi bước xuống rồi đi phóng chừng về phía anh lính gác gần đây. Tôi giơ tay ra và đụng vào gã.

Chẳng biết gã là ai, tôi lên tiếng khe khẽ hỏi:

- Cậu đấy, hả?

Gã không biết tôi là ai, cũng mù tịt như tôi, đáp lại:

- Phải.

Và gã nói thêm:

- Giờ này thì yên tĩnh. Vừa rồi tứ tượng chúng sắp tấn công, có lẽ chúng thử tấn công, ở mé bên phải kia, ở đó chúng đã ném rất nhiều lựu đạn. Đại bác 75 bắn chặn, vờ-răng... vờ-răng... Tứ thấy thể nghĩ trong bụng: “Cái thứ đại bác 75 này quả thực sinh ra để mà bắn. Nếu quân Đức vừa rồi có ló ra thì chúng đã được ném mùi đó”. Này, nghe xem đằng kia, đại bác đang hục hặc. Nghe thấy chưa?

Gã ngừng lại, mở nút bi đông, uống một hớp và câu cuối cùng của gã, vẫn rất khẽ, có hơi men:

- Chà! Chà! Thật là một cuộc chiến tranh bắn thiêu! Cậu có thấy rằng bọn ta nếu được ở nhà có phải là hơn không? Mà, này, cái gì kia? Thằng ngốc kia, nó làm trò gì thế?

Một phát súng vừa nổ cạnh chúng tôi, vạch ra một nét sáng ngắn và bất thành linh. Rồi cũng vẫn ở tuyến chúng tôi, nhiều tiếng súng nữa nổ vang: ban đêm, tiếng súng thường hay lây.

Hai người chúng tôi đi lần mò trong bóng tối đã lại trườn lên đầu chúng tôi như một cái mái nhà, để hỏi thăm đầu đuôi với một trong những người vừa bắn. Đi chập choạng có khi va vào nhau, chúng tôi lại gần, nắm lấy gã và hỏi:

- Này, cái gì thế?

Thì ra gã trông thấy hình như có cái gì động đậy, rồi chẳng thấy gì nữa. Gã lảng giềng không quen biết và tôi, hai người lại lần đi trong bóng tối dày

đặc trên đường trơn như mỡ, ỉ ạch và phân vân trở về, người không xuống như mang một gánh nặng sụn xương.

Ở một góc chân trời, rồi một góc khác, bốn bề xung quanh chúng tôi đại bác nổ vang, và tiếng nổ nặng nề của nó hòa với những loạt súng trường khi thì dồn dập khi thì tắt hẳn, và với tiếng nổ của hàng chùm lựu đạn, tiếng to hơn tiếng súng Loben và Môde gần gần như tiếng súng trường cổ điển. Gió thổi mạnh hơn, đến nỗi phải chống đỡ với nó trong bóng tối: từng đám mây lớn bay qua mặt trăng.

Hai người chúng tôi đứng đó, sát nhau, đụng vào nhau, hai người không quen nhau, ánh chớp đại bác từng phát một rọi chiếu vào chúng tôi hoặc làm chúng tôi che lẫn nhau đi; chúng tôi bị bóng tối dồn ép giữa vòng vây bao la những đám cháy lúc bùng lên lúc tắt đi trong phong cảnh ma quái ấy.

Anh bạn nói:

- Chúng ta là những kẻ bị dọa dầy.

Chúng tôi chia tay nhau, mỗi người đứng trước lỗ châu mai của mình, mồn mắt nhìn cảnh vật im lặng.

Cơn phong ba kinh khủng và bi thảm nào sắp nổ ra đây? Bão táp không nổ ra trong đêm đó. Trong những phút chờ đợi cuối cùng dài dằng dặc, khi ánh sáng ban mai đầu tiên ló tới, thì tình thế còn trở nên tạm yên là khác.

Khi bình minh ập xuống chúng tôi như một buổi chiều đông tố, dưới cái màn ám khói của những đám mây là là, một lần nữa tôi lại thấy nhô lên sống lại các kiểu bờ dốc ngược, buồn tênh và bản thiêu, vô cùng bản thiêu, lỏng chỏng những vật đổ nát, cút đái, của cái chiến hào đang vỡ sụn trong đó chúng tôi trú ẩn.

Những đám mây xám ngắt khiến cho những bao đất ngả màu chì, những bao này xếp có chỗ phồng lên và lờ mờ sáng giống như những ruột gan vĩ đại phơi ra trên cảnh vật.

Đằng sau tôi, trong vách chiến hào, có một cái hốc, trong đó chất chứa những vật xếp ngang, chồng cao như một cái đàn thiêu.

Đó là thân cây chẳng? Không, đó là những xác chết.

*

* *

Khi tiếng chim dần dần từ các luống cày nổi lên, đồng ruộng mịt mù dần dần lại hiện ra, ánh sáng rõ dần và tung bùng trên từng ngọn cỏ, tôi nhìn xuống khe núi. Mé dưới cánh đồng nhô ra thụt vào như những đợt sóng đất cao cao, những hố hình phễu bị thiêu cháy, và ở mé ngoài hàng rào dây thép gai bóng tối còn ứ đọng lại như một cái hồ, và trên sườn đồi trước mặt, bức tường đêm tối vẫn còn sừng sững.

Tôi ngoảnh lại đằng sau và ngắm nhìn những tử thi hiện dần ra từ bóng tối, để lộ ra những hình thù cứng khô và vậy máu. Tất cả là bốn cái xác. Đó là các bạn đồng ngũ của chúng tôi. Lamuydơ, Bacơ, Bikê và chú bé Ođo. Họ đang rữa ra ở đó ngay cạnh chúng tôi, và chiếm mất nửa chỗ trong cái đường hầm ngoằn ngoèo mà những gã còn sống đang cố bảo vệ.

Người ta đã đặt họ ở đó thế nào xong thôi; những xác chết dựa vào nhau, cái nọ đè lên trên cái kia. Cái xác trên cùng được phủ bằng một mảnh vải lều. Người ta đã phủ mùi soa lên mặt những cái xác còn lại, nhưng khi đi sát cạnh không trông thấy vì đêm tối, hoặc ban ngày không để ý, anh em đã làm rơi mùi soa xuống, và bây giờ thì chúng tôi sống đối diện với những người chết đó, chồng chất lên nhau như một cái đàn thiêu chất bằng người sống.

*

* *

Họ cùng bị hy sinh với nhau đã bốn đêm rồi. Tôi nhớ lại lơ mờ đêm hôm đó như trong một giấc mộng. Hôm đó chúng tôi đi tuần tra, bọn họ với tôi, Mexnin Andrê và anh cai Bectrăng. Nhiệm vụ là tìm cho ra một trạm

quan sát mới của địch mà những quan sát viên pháo binh đã khám phá được. Vào nửa đêm, chúng tôi xuất phát từ chiến hào, bò xuống dốc, thành hàng cách nhau mỗi người ba bốn bước, cứ như thế đến chỗ thật thấp trong khe núi, cho đến khi thấy hiện ra cái giao thông hào quốc tế của chúng nằm bẹp như một con vật thất thế. Sau khi đã quan sát thấy trong khoảng đất đó không có quân địch đóng, chúng tôi lại bò lên, hết sức thận trọng; tôi lờ mờ trông thấy người bò bên phải và người bò bên trái tôi như những chiếc bao tối đen đang từ từ trườn mình, nhấp nhô, dầm mình trong bùn, giữa bóng tối đen như mực, tay đẩy ra phía trước mặt những ngọn súng nhọn. Xung quanh chúng tôi đạn bay vèo nhưng chúng hình như không biết có chúng tôi và không có ý tìm chúng tôi. Đến gần chỗ mô cao của chiến hào bên chúng tôi, chúng tôi thở một lúc; một người đã quay hẳn mình lại, bao lê của gã va vào một hòn đá. Lập tức từ Giao thông hào quốc tế, một quả pháo sáng vọt ra và rít lên. Mọi người nằm ép xuống đất, dán mình xuống, lúng túng nằm im không cựa quậy, và chờ đợi ở đó cách hào độ hăm nhăm, ba mươi thước, trên đầu chúng tôi ngôi sao khủng khiếp treo lơ lửng và tỏa sáng như ban ngày. Thế rồi một khẩu súng máy đặt ở mé bên kia khe núi đã quét vào khu vực chúng tôi đang nấp. Lúc pháo sáng đỏ lừ mới vọt lên chưa kịp tỏa sáng, anh cai Bectrăng và tôi may mắn trông thấy trước mặt một hố đại bác trong đó có một cái giá chống bị gãy sừng sững cắm trong bùn. Chúng tôi nằm bẹp dí vào hố đạn, hết sức vùi mình vào trong bùn, và cái bộ xương khôn khô gỗ mục ấy đã che lấp chúng tôi. Luồng đạn súng máy quét đi quét lại nhiều lần. Mỗi tiếng nổ là một tiếng rít rồi tiếng đạn đập mạnh và gọn vào đất có tiếng quật thành thạch và mềm nhũn, tiếp theo đó là tiếng người rên la, một tiếng kêu khế, rồi bất thành linh theo đó là một tiếng ngáy vang của một người đương ngủ bật thức dậy, rồi yếu dần đi, Bectrăng và tôi bị mưa đạn xuyên ngang bay lướt trên mình vài phân đạn thành một mạng lưới chết chung quanh chúng tôi, có khi làm xước quần áo khiến chúng tôi càng phải ấn mình sâu xuống đất, không dám cử động để khỏi nhô mình lên. Cứ như thế chúng tôi chờ mãi. Sau cùng tiếng súng máy im bật trong một sự yên lặng bao la. Mười lăm phút sau, cả hai chúng tôi bò bằng khuỷu tay ra khỏi hố đại bác và rơi phịch như hai bó hàng vào hố quan sát của chúng tôi. Vừa kịp thời vì lúc đó mặt trăng vừa ló ra. Chúng tôi phải nằm ở đáy chiến hào đến tận sáng, rồi đến tận chiều. Bờ hào bị súng máy quét liên tiếp. Dòm qua lỗ châu mai của trạm quan sát, chúng tôi không trông thấy những xác nằm dài trên mặt đất vì chỗ đó dốc; duy chỉ thấy chỗ sát mặt đất trong nhón tuyền một khối hình như là cái lưng của một người trong bọn họ. Đến chiều

chúng tôi đã đào một đường hầm để đi đến chỗ anh em gục ngã. Công việc đó làm một đêm không thể xong được; đêm sau công binh tiếp tục đào nốt vì chúng tôi mệt lả, lăn ra ngủ không thể nào gượng được.

Sau một giấc ngủ nặng như chì, khi thức dậy, tôi đã thấy bốn cái tử thi do anh em công binh đào từ mé dưới đất đào lên đã đến nơi được và đã móc kéo về bằng dây thừng theo đường hầm vừa đào. Mỗi tử thi mang nhiều vết thương gần nhau, những lỗ đạn chỉ cách nhau có vài phân: khẩu súng máy đã bắn rất sát. Người ta không tìm thấy thi hài của Mexnin André. Em gã là Jôdep đã hết sức liều lĩnh đi tìm. Jôdep đi một mình ra khỏi chiến hào, đi dọc đi ngang trên cánh đồng luôn luôn bị những làn đạn súng máy xiên chéo càn quét. Đến sáng người ta thấy gã lê đi như một con sên, mặt đen những đất, hốc hác kinh khủng trở về đứng ở bờ hào.

Chúng tôi lúi gĩa về, mặt mày gĩa xước rách vì dây thép gai, tay đầm máu, quần áo bết những cục đất to, và sặc mùi chết chóc. Gĩa nhắc đi nhắc lại như một thằng rồ: “Chẳng thấy đâu cả”. Gĩa vùi mình vào một xó, đem súng ra lau chùi, tai không buồn nghe những lời người ta nói với gã, và luôn mồm nhắc lại: “Chẳng thấy đâu cả”.

Từ đêm đó đến nay đã bốn đêm rồi, và tôi còn trông thấy những thân hình hiện ra, in hình trong ánh bình minh hé ánh sáng để một lần nữa tẩy uế cái địa ngục trần gian.

Bacơ, xác cứng đờ, trông dài và lớn vô cùng. Hai cánh tay gĩa dính chặt và sườn, ngực lép kẹp, bụng trũng xuống như lòng cái chậu. Đầu ghéch lên một đồng bần, mắt gã ló nhìn qua khe chân những người từ mé trái đi đến, mặt gã tối sầm, một vết tóc lầy nhầy rũ xuống bết vào, trên vết tóc quện những dòng máu đen, mắt đỏ đờng đỏc như luộc chín. Ođo trái lại trông nhỏ bé, khuôn mặt nhỏ nhắn trắng toát như mặt người hề trát phấn và thật xót xa trông gã nổi bật như một mảnh giấy trắng giữa đồng xác chết chằng chịt màu gio và màu xám. Bikê, người xứ Broianhơ, thì vạm vỡ, vuông như một phiến đá, trông như đang tập trung trong một cố gắng phi thường: tưởng như gã đang dùng sức nâng đám sương mù lên; sự cố gắng sâu sắc ấy toát ra ở bộ mặt nhăn nhó, gò má nổi lên, trán nhô ra trông ghê tởm, bộ tóc nâu nâu màu đất khô héo dựng ngược lên, miệng há hốc ra như đương kêu,

mi mắt giương to để lộ đôi mắt lơ lơ đùng đục trông như đá cuội; và hai bàn tay gã co quắp lại vì đã cào vào trống không.

Bacơ và Bikê bị thủng bụng, Ođo thủng cổ. Khi bị kéo và khiêng đi, xác họ càng bị hủy hoại thêm. Lamuydơ không còn một chút máu, mặt sưng vù và nhăn nheo, hai con mắt hõm dần, không đều, bên nông bên sâu. Người ta đã liệm gã vào một mảnh vải lều và ở nơi cổ gã có một vết đen đen. Vai phải gã bị nhiều vết đạn băm nát và cánh tay chỉ còn dính vào thân bằng những mảnh vải của tay áo và những sợi dây buộc chặt. Đem đầu tiên gã được đặt ở đó, cánh tay ấy lủng lẳng ra ngoài đóng tử thi, và bàn tay vàng vàng, đã bị teo, nắm một nắm đất, quệt vào mặt những người qua lại nên người ta lấy kim băng gài nó vào áo ca-pốt của gã.

Một đám chương khí bắt đầu bốc lên từ những tử thi đó, tử thi của những người anh em đã cùng chung sống chặt chẽ với chúng tôi, cùng chịu đau khổ lâu dài như chúng tôi.

Khi trông thấy họ, chúng tôi nói: “Cả bốn người cùng chết cả”. Nhưng thân hình họ đã biến dạng quá, nên chúng tôi cũng không nghĩ hẳn hoi là “Chính là họ”. Và phải ngoảnh mặt đi, không trông thấy những thân hình không cử động đó mới cảm thấy hết cái trống trải họ đã để lại trong lòng chúng tôi và mới cảm thấy cuộc chung sống của chúng tôi đã tan vỡ.

Những binh lính thuộc đại đội hoặc trung đoàn khác, những người lạ qua đây lúc ban ngày trông thấy những xác chết đó đè lên nhau giữa chiến hào đều giật mình – ban đêm thì họ không biết, vô tình tì tay vào bất cứ cái gì vừa tầm tay chẳng kể là người sống hay người chết. Đôi khi họ phát khùng lên:

- Người ta nghĩ thế nào mà cứ phơi những xác chết này ra đó, hở?

- Thật là xấu hổ.

Rồi họ nói tiếp:

- Quả thực là cũng chẳng thể đưa họ đi đâu được.

Trong khi chờ đợi, chỉ có bóng đêm chôn vùi họ mà thôi.

*

* *

Buổi sáng đã đến, người ta phát hiện ra ở đằng trước, mé dốc bên kia của khe núi là sườn đồi 119, một ngọn đồi trơ trụi, hết cây cối, bị cào nát nẻ, ngang dọc là những giao thông hào rung rinh với những đường chiến hào song song cắt khía để lộ ra đất quánh của miền đá trắng. Ở đó không có một cử động, và đạn đại bác của ta dội vào đó như tung những nắm bột bẻ lên, chẳng khác gì những làn sóng bao la đương vỗ ầm ầm vào một cái đập chắn sóng bị phá hủy và bỏ hoang.

Phiên gác của tôi đã hết và những người lính gác khác mình quần vải lều ướt rùng rùng, bết bùn thành vằn thành mảng, mặt mày xanh nhợt, từ dưới đất bò ra, cử động và đi xuống. Tiểu đội thứ hai chiếm chỗ ở ghế bắn và lỗ châu mai. Còn chúng tôi thì được nghỉ cho đến chiều.

Anh em ngáp, đi lang thang. Một anh bạn đi qua và một anh nữa. Có những sĩ quan đi lại, mang theo ống nhòm sừng bò (kính tiềm vọng) và ống viễn vọng. Anh em lại gặp nhau, lại tiếp tục cuộc sống. Những câu chuyện hàng ngày trao đi đổi lại. Nếu không có cảnh tượng điêu tàn, những đường hào bật tung chôn vùi chúng tôi ở sườn khe núi, và nếu không bắt buộc phải nói khe khẽ với nhau, thì có thể tưởng tượng là đang đóng ở hậu tuyến. Tuy nhiên, anh em đều mệt lử, mặt mày vàng khè, mi mắt đỏ hoe; thức lắm, anh nào trông cũng như người vừa khóc. Tất cả chúng tôi từ mấy ngày hôm nay, lưng không thêm chút ít và già người đi.

Từng người một, anh em trong tiểu đội tôi đã tập hợp đến một góc chiến hào. Anh em chen chúc nhau vào một nơi đất toàn là đất phẩn, ở dưới lớp đất lởm chởm những rễ cây bị chặt cụt, vì phải đào hầm nên đã để lộ ra những lớp đá trắng vùi trong đó có đến hàng chục vạn năm.

Tiểu đội Bectrăng đã đến đóng ở ngay cái lối đi mở rộng đó. Quân số tiểu đội giờ đây giảm đi khá nhiều: không kể những anh em bị hi sinh đêm vừa rồi, thì còn thiếu Pôteclô bị chết khi đổi phiên gác, Cadillac bị thương ở

ổng chân vì một mảnh đạn cũng ngay chiều hôm ấy (thế mà như đã xa xôi biết bao!), vắng Tirloa và Tuylacơ bị chuyển đi, một gã vì bị kiết lỵ, một gã bị sung phổi biến chứng nguy hiểm – như gã đã báo tin cho chúng tôi trong một chiếc bưu thiếp viết để giết thì giờ từ bệnh viện ở cái thị xã gã đang sống vất vưởng.

Một lần nữa tôi lại thấy tập hợp, gần gũi nhau những bộ mặt lem luốc đất bụi, đen thui màu khói xám và những dáng điệu quen thuộc của tất cả những anh em từ đầu đến giờ chưa lúc nào rời nhau, gần bó với nhau và ràng buộc với nhau bằng một mối tình huynh đệ. Tuy nhiên bây giờ thì không còn lộn xộn như khi xưa trong dáng dấp của những con người hang hốc...

Lão Blerơ lúng búng trong miệng một hàm răng mới trắng muốt đến nỗi cả bộ mặt tồi tàn thảm hại của lão chỉ nổi bật lên hàm răng bảnh chọe ấy. Với bộ răng mới mẻ ấy mà bây giờ lão đã quen thuộc, đôi khi còn dùng để nhai nữa, tính nết và tập quán của lão đã cải biến sâu sắc: bây giờ mặt mũi lão không bẩn thỉu lắm, có vẻ chải chuốt. Trở nên bảnh trai, lão thấy cần phải làm dáng. Nhưng hiện giờ thì lão ủ rũ, có lẽ – kỳ diệu thay! – vì lão không được tắm rửa. Chúi mình trong một xó, lão hé con mắt dò dẫm, nhai nhấm bộ ria mép lão binh, bộ ria mép trước kia là vật tô điểm duy nhất của diện mạo lão – và thỉnh thoảng lão nhổ một sợi râu.

Fuiat bị sổ mũi hoặc ngáp, mất tinh thần, bị rụng tóc, run lẩy bẩy. Mactorô thì vẫn không có gì thay đổi: râu xồm, con mắt xanh tròn xoe, hai cẳng chân ngắn ngủi đến nỗi quần như bị tụt thất lưng và ống quần thông xuống đến bàn chân. Côcôn thì vẫn là Côcôn xưa với cái đầu khô khan da mỏng dính, trong đó toàn là con số; nhưng từ tám hôm nay gã bị chảy rận hoành hành dữ quá, trông thấy chúng lồn nhồn bò lên tận cổ, ra tận cổ tay, thành ra nhiều khi gã lui ra xa anh em để vật lộn với chúng và trở lại với anh em thì mặt mày trở nên dữ tợn. Parađi vẫn giữ nguyên sắc mặt hồng hào, tươi tắn: gã chẳng có gì thay đổi, vẫn trơ trơ. Người ta tùm tùm cười khi trông thấy gã hiện ra từ đằng xa như một tờ áp phích mới trên cái nền toàn bao đất. Cả Pêpanh cũng không thay đổi gì, khi thoáng thấy gã lang thang đi qua, lưng khoác miếng vải sơn kẻ ô đỏ và trắng trên lưng như tờ quảng cáo, hay bộ mặt sắc nhọn như lưỡi dao và vẻ nhìn lạnh lùng đánh thép; Vônpat cũng vậy với bộ ghệt ngắn, cái chần khoác trên lưng, và một

bộ mặt phèn phẹt bệt những ghét: Tiaret không hề thay đổi, mặc dầu ít lâu nay không biết có một nguyên do bí mật nào đã kích thích gã làm hằn lên những gân đỏ ngầu trong con mắt. Facfadê có vẻ tự lự, đứng cách biệt, có vẻ đợi chờ. Trong những buổi phát thư, gã tỉnh táo, hết vớ vẩn, chạy ra chỗ phát thư rồi lại trở lại trầm ngâm. Những bàn tay văn phòng của gã đã viết biết bao nhiêu buro thiệp thật nắn nót. Gã không rõ cái chết của Ôđôxi. Lamuydơ về sau không hé cho ai biết chuyện gã ôm khủng khiếp lần cuối cùng tấm thân của cô nữa. Tôi hiểu rằng Lamuydơ hối hận là trong một buổi chiều đã rĩ tai tâm sự việc đó với tôi, và cho đến lúc chết gã giấu kín cái việc khủng khiếp trinh bạch ấy trong lòng, với một lòng tự trọng đáng phục. Vì vậy người ta còn thấy Facfadê vẫn băng quơ ấp ủ trong lòng hình ảnh của người con gái tóc vàng và chỉ khi nào tiếp xúc với chúng tôi bằng một vài tiếng ừ hử nhát gừng thì gã mới tạm nguôi trong phút chốc. Xung quanh chúng tôi, anh cai Bectrăng vẫn luôn giữ được thái độ nghiêm chỉnh, lúc nào cũng sẵn một nụ cười bình dị với chúng tôi, và mỗi khi anh em hỏi điều gì thì anh giải thích rõ ràng, và giúp đỡ anh em làm tròn phận sự.

Anh em lại trò chuyện như xưa, như vừa gần đây thôi. Nhưng phải chú ý nói khe khẽ nên câu chuyện bớt đi, và trở nên bình lặng đượm màu tang tóc.

*

* *

Có một việc bất thường: từ ba tháng nay, định kỳ của mỗi đơn vị đóng ở chiến hào là bốn ngày. Vậy mà lần này chúng tôi ở đây đã năm hôm rồi mà không thấy nói đến thay phiên. Những gã liên lạc và phục dịch cứ hai đêm một lần – không đều đặn cũng không bảo đảm – mang tiếp tế đến, – đã đưa tin đồn đại lằng nhằng sắp có cuộc tấn công đến nơi. Thêm vào những lời đồn đại đó còn có những triệu chứng khác: hoãn phép, thư từ không đến nữa; các sĩ quan cũng rõ ràng là khác hẳn trước: nghiêm túc và gần gũi anh em hơn. Nhưng nói chuyện việc đó với họ thì bao giờ cũng chỉ kết thúc bằng một cái nhún vai: không bao giờ họ cho người lính biết họ sẽ dùng anh ta vào việc gì; họ bịt một miếng vải che mắt anh ta cho đến phút cuối cùng mới bỏ ra. Vì vậy:

- Cứ để rồi sẽ xem sao.

- Chỉ có việc chờ xem.

Thành thử anh em chẳng lưu tâm đến cái biến cố bi đát anh em đã cảm thấy trước. Có phải là vì không thể hiểu hết được không hay là vì chán nản không muốn tìm hiểu rõ những quyết định mà anh em mù tịt, hoặc vì phải đành lòng buông trôi hoặc vì tin tưởng bền bỉ rằng lần này cũng vậy, ta sẽ lọt qua khỏi cơn nguy hiểm như trước? Dù sao, mặc dầu có những dấu hiệu báo trước và những lời phỏng đoán tiên tri rất có thể sẽ đúng, anh em lại máy móc rơi vào những mối quan tâm trước mắt: đói, khát, chấy rận giết đến đỏ ngầu móng tay, và sự mệt mỏi lớn lao làm cho mọi người xộc hấn đi.

Vônpat nói:

- Sáng nay mày có gặp thằng Jôdep không? Thương hại thằng bé, chẳng sống được bao lâu nữa đâu.

- Chắc chắn là thể nào nó cũng sẽ làm một việc điên rồ. Thằng bé này chết đến nơi rồi, mày có thấy không. Có dịp là nó sẽ lao đầu vào đạn đấy, rõ ràng như hai năm rưỡi.

- Nhưng ở vào trường hợp như hấn thì thể nào chẳng phát điên lên được? Hấn có sáu anh em, cậu biết đấy. Bốn người đã nghèo rồi: hai người ở Andát, một người ở Sămpanhơ và một ở Acgon. Nếu André mà cũng chết, thế là năm.

- Nếu André mà có bị hy sinh thì đã tìm thấy xác, đứng ở trạm quan sát chắc là phải nom thấy. Tội quái gì mà phải vò đầu vò óc cho mệt. Theo ý tớ thì cái đêm đi tuần tra, lúc về nó đã bị lạc đường. Thằng khỉ chắc là bò loanh quanh rồi rơi nhảm vào chiến hào Đức.

- Có thể hấn đã bị chúng hạ ở trên dây thép gai của chúng.

- Nhưng tớ đã bảo là nếu hấn chết thì đã tìm thấy xác. Chứ quân Bốtso khi nào nó lại đem xác hấn về. Nói tóm lại người ta đã tìm hấn khắp mọi

nơi mà không thấy đầu cả, tức là hoặc bị thương, hoặc không bị thương, chắc là hắn đã chuồn được.

Giả thuyết này hợp lý lắm thành ra ai cũng cho là đúng, và bây giờ ai cũng yên trí là Mexnin André đã bị bắt làm tù binh, và người ta thôi không nghĩ đến gã nữa. Nhưng người ta vẫn thương hại người em của gã.

- Thằng bé khốn khổ, nó hãy còn trẻ quá!

Và anh em trong tiểu đội liếc mắt nhìn trộm gã.

Bỗng nhiên Côcôn nói lên:

- Tớ đói quá!

Giờ ăn xúp đã qua rồi, nên anh em đòi ăn. Thì xúp đây: xúp còn lại từ bữa tối qua.

- Anh cai nghĩ thế nào mà để anh em đói rã họng ra thế này? Anh ta kia rồi. Để tớ cho hắn một châu. Này! Anh cai, sao không cho ăn, còn dớ dẩn gì?

Và cái đám người lúc nào cũng háu đói cùng nhắc lại:

- Ủ, ừ! Bữa ăn đâu?

Betrăng lẳng xẳng ngày đêm lúc nào cũng bận bịu, trả lời:

- Có tớ!

Pêpanh vốn là tay đầu bò nói:

- Thế nào! Tớ đói, dễ thường phải thôi kèn mãi sao! Ông thì mở mệ nó một hộp thịt bò ra bây giờ.

Màn hài kịch hàng ngày lại bắt đầu trên bề mặt của một tấn bi kịch.

Betrăng bảo:

- Đừng có mó đến lương thực dự trữ! Tớ lên gặp đại úy rồi về cho các cậu ăn ngay lập tức.

Khi trở về, anh mang về cấp phát cho anh em ăn món khoai tây trộn với hành. Khi miệng đã có cái nhai thì những nét cau có mất dần và mặt dịu đi.

Paradi lúc ăn trung trên đầu một cái mũ chụp nhỏ. Nào phải đâu chỗ diện và lúc diện, nhưng cái mũ ấy mới toanh, và người thợ may hứa khâu cho gã từ ba tháng rồi, hôm gã lên đường ra mặt trận mới đưa cho. Cái mũ mềm có hai sừng nhọn, bằng dạ màu xanh thẫm đặt trên cái mặt hồng hào của gã làm cho gã giống như một anh lính sen đầm bằng giấy bồi, hai má lòe loẹt. Trong khi ăn, gã nhìn tôi không chớp mắt. Tôi lại gần.

- Trông cậu phương phi lắm.

Gã trả lời:

- Nói làm quái gì cái đó. Tớ có câu chuyện muốn nói với cậu. Cậu lại đang này.

Gã vớ tay về phía cái ca gần đấy, để ở gần các đĩa ăn và đồ lật vật của gã, lưỡng lự rồi quyết định cất kỹ món rượu vào bụng và cái ca vào túi. Gã bước đi.

Tôi đi theo. Khi đi qua cái ghế đất, gã cầm lấy cái mũ sắt để ngựa ở đó. Đi được mười bước, gã lại gần tôi và nói khẽ với tôi, về mặt lạ lùng, không nhìn tôi như gã thường làm thế mỗi khi cảm động:

- Tớ biết Mexnin Andre ở đâu. Cậu muốn trông thấy hắn không? Theo tớ.

Nói xong gã bỏ cái mũ chụp ra, gấp nó lại, bỏ vào túi, đội mũ sắt vào. Gã lại đi, tôi lặng lẽ theo sau.

Gã đưa tôi đến một nơi cách đó độ năm mươi thước, chỗ hầm công cộng của chúng tôi và cái vòm bằng bao cát dưới đó người ta thường phải chui qua, mỗi lần chui có cảm giác như cái cầu bằng bùn đó sắp sụt xuống lưng. Chui qua cái vòm có một cái hốc đào trong sườn hào có bọc lên làm bằng phen trét đất sét. Parađi trèo lên và ra hiệu bảo tôi theo lên cái bọc hẹp và trơn ấy. Ở chỗ đó xưa kia có một lỗ châu mai để quan sát, nay đã bị phá hủy. Người ta đã làm lại lỗ châu mai ở nơi thấp hơn, có hai cái chắn đạn. Phải cúi gập người xuống mới khỏi thò đầu ra ngoài chỗ mới bố trí ấy.

Parađi bảo tôi, giọng khe khẽ:

- Chính tớ đã đặt hai cái chắn đạn này vào đây vì tớ có ý muốn nhòm ra ngoài. Cậu đặt mắt vào cái lỗ này.

- Tớ chẳng thấy gì cả. Tầm mắt bị vướng. Cái gói vải này là cái gì thế?

Parađi trả lời:

- Hắn đấy.

Trời? Đó là một cái xác chết, một cái xác chết ngồi trong một cái hố, gần một cách khủng khiếp...

Áp mặt vào tấm thép, dính mắt vào lỗ của cái chắn đạn, tôi trông thấy cả mình hắn. Hắn đang ngồi, đầu gục xuống giữa hai đầu gối, hai cánh tay đặt trên đầu gối, bàn tay hơi nắm lại như để móc, và gần sát ngay trước mặt tôi, tôi vẫn nhận dạng được mặt hắn mặc dầu hai con mắt lồi con ngươi ra, trắng dã, và lờm lờm về một bên, chòm râu bột bùn thành một khối, miệng méo xệch để hở cả răng ra. Trông hắn như nửa cười nửa mỉa với khẩu súng cầm trước mặt trong bùn. Hai bàn tay hắn vươn ra đằng trước, mặt trên xanh bầm, mặt dưới đỏ lôm như một thứ ánh sáng ẩm ướt từ địa ngục chiếu lên.

Chính là hắn, xác hắn đã bị dãi mưa, dầm bùn và đầy bọt, bần thiêu và xanh rùng rợn, chết đã từ bốn hôm nay, dính người vào vách hào của chúng tôi, vùi trong hố đại bác ở đó. Người ta đã không tìm thấy hắn vì hắn ở gần quá!

Giữa người chết bị bỏ rơi trong cô đơn khủng khiếp ấy và những con người đang sống ở trong hầm, chỉ cách nhau có một bức vách mỏng bằng đất, và tôi nhận ra rằng cái nơi mà tôi thường gối đầu để ngủ đối diện đúng vào chỗ mà cái hình hài kinh khủng ấy đang tì vào.

Tôi không nhòm qua lỗ nữa.

Parađi và tôi, hai anh em đưa mắt nhìn nhau.

Anh bạn tôi thì thảo vào tai tôi:

- Không nên bảo thằng bé biết vội.
- Không, không bảo ngay, phải không?
- Tớ đã nói với đại úy để cho lục soát túi của gã và ông ta cũng bảo “không cho thằng bé biết vội”.

Một làn gió nhẹ thoảng qua:

- Đã có mùi rồi!
- Còn phải nói!

Chúng tôi hít, mùi hôi thối xộc vào óc chúng tôi, làm chúng tôi choáng váng cả tâm hồn.

Parađi nói:

- Đó, thế đấy. Trong số sáu anh em, chỉ còn có Jôdep. Tớ bảo cậu điều này: tớ cho rằng hẳn chẳng sống được bao lâu nữa đâu. Thằng bé ấy nó sẽ liều lĩnh, nó sẽ tìm cái chết. Nếu nó không nhờ giời vớ được một vết thương cứu mạng thì thế nào nó cũng chết. Sáu anh em, quá lắm thực. Có phải là cậu cũng thấy là quá lắm không?

Gã nói thêm:

- Có điều kỳ lạ là hấn ở sát chúng ta quá.
- Cánh tay hấn đặt trúng vào chỗ tở thường gồi đầu.

Parađi nói:

- Ủ, cánh tay phải có đeo đồng hồ.

- Cái đồng hồ... tôi bỗng im bật... có phải đó chỉ là một ý nghĩ, hay một giấc mơ? Lúc này tôi nhớ, tôi nhớ rõ trước đây ba hôm, cái đêm chúng tôi bị một lửa, trước khi thiếp đi, tôi nghe như có tiếng đồng hồ tích tắc và tự hỏi tiếng đó ở đâu ra vậy. Tôi nghĩ như vậy và nói cho Parađi biết, gã trả lời:

- Có thể cậu đã nghe chính cái đồng hồ đó qua vách đất. Khi người ta chết rồi thì đồng hồ vẫn vẫn vờ nghĩ ngợi và quay. Chà! Cái giống máy móc ấy thật là vô tình; nó cứ âm thầm quay tròn ít lâu.

Tôi hỏi:

- Tay hấn có máu, hấn bị trúng ở đâu?

- Tở chẳng biết, có lẽ là ở bụng, tở coi như có vết đen ở trong lòng hấn. Hoặc ở mặt: cậu có nhận thấy một vết nhỏ ở má không?

Tôi hồi tưởng lại bộ mặt xám xịt và đầy râu ria của người chết.

- Mà quả thực, ở trên mặt, chỗ này có một vết gì ấy. Phải, có lẽ đạn do chỗ đó mà vào.

Parađi bỗng hấp tấp nói:

- Coi chừng! Hấn tới. Đáng lẽ ta không nên đứng ở đây.

Nhưng chúng tôi vẫn không đi, lưỡng lự, trù trù trong khi đó Jôdep Mexnin tiến thẳng đến chỗ chúng tôi. Trông gã lúc này yếu ớt hơn bao giờ hết. Từ xa đã thấy nước da gã xanh nhợt, nét mặt cau có, găng gổ, bước đi chậm chậm, lưng gù, tràn ngập một nỗi mệt mỏi vô tận và một ý nghĩ in sâu trong lòng.

Gã hỏi tôi:

- Mặt cậu có cái gì thế?

Gã đã thấy tôi trở cho Paradi chỗ đạn trúng vào.

Tôi giả vờ như không hiểu, rồi trả lời ư hử.

Gã đáp tôi một cách lơ đãng:

- À!

Lúc đó tôi lo quá: vì cái mùi hôi. Gã sẽ ngửi thấy và không thể nào nhầm được: nó sẽ tố cáo rằng có xác chết. Và có thể gã sẽ nghĩ ngay là...

Tôi thấy hình như bỗng nhiên gã cảm thấy có dấu hiệu, có tiếng gọi thăm thê của người đã chết.

Nhưng gã không nói gì, bước đi, tiếp tục tha thẩn một mình và đến chỗ ngoặt thì biến mất.

Paradi bảo tôi:

- Hôm qua hắn có đến đây với cái ca-men đầy thức ăn mà không buồn ăn. Như có một sự định trước, thằng khỉ ấy đến đó thì dừng lại, hắn làm một dáng điệu và hất com sang bên kia bờ hào, đứng ngay chỗ anh hắn ngồi. Thấy thế tớ chịu không nổi, nắm chặt tay hắn vừa đúng lúc hắn hất com đi, thế là com rơi cả xuống đây, trong chiến hào. Cậu ạ, hắn phát khùng lên, mắt đỏ ngầu, ngoảnh lại tớ: “Mày điên sao vậy? Mày rồ à?” Tớ ngẩn mặt ra, lúng búng chẳng biết nói gì đành nhận là chót nhỡ. Hắn nhún vai và nhìn tớ trừng trừng như một con gà sống non. Rồi hắn bỏ đi, miệng còn lải nhải

phân bua với Môngtrời lúc ấy có mặt ở đó: “Đây, mày coi, thằng ngốc quá”. Cậu đã biết Jôdep vốn có tính nóng nảy, tởm cứ làm bầm mả: “Thôi, không sao, không sao”. Hắn thì vẫn lải nhải, còn tởm thì tởm chẳng vui chút nào, cậu biết đấy, vì trong việc này tởm vẫn đúng mà phải chịu sai.

Hai người chúng tôi im lặng đi lên.

Chúng tôi trở về hầm trú ẩn công cộng trong đó anh em khác đang tụ tập. Hầm ấy trước là chỉ huy sở nên khá rộng rãi.

Khi bước xuống hầm, Paradi lắng tai nghe.

- Những khẩu đội đại bác của ta hoạt động dữ dội từ một giờ rồi, cậu có thấy không, hả?

Tôi biết gã muốn nói gì, tôi làm một dáng điệu mơ hồ:

- Cậu ạ, rồi ta sẽ biết, ta sẽ biết rõ!

Trong hầm, Tiaret đang nói chuyện về vấn đề doanh trại với ba thánh giả. Trong một xó, Mactorô đang ngáy; gã nằm ở gần cửa vào nên muốn đi xuống phải bước qua bộ căng ngăn ngủi của gã, trông như gã thu căng vào trong người. Một nhóm người đánh bài quỳ xung quanh một cái chần gấp lại.

- Đến lượt tao làm bài!

- 40 – 42! – 48 – 49! Khá đấy!

- Thằng chết treo, nó đỏ quá. Đỏ không thể tưởng tượng được. Mày mọc sừng đến ba lần^[52]! Không chơi với mày được. Đồ mặt dày, hôm nay mày đã được tao và hôm nọ nữa mày vớ nhẵn của tao!

- Đồ miệng sò, thế sao mày không chịu bảo?

- Tao chỉ có quân tướng, và tướng không quân.

- Nó có con pic hoàng bài.

- Thằng nỡm này, quân đó ít khi nó có.

Một gã đang ăn uống, lằm bằm ở một góc:

- Rõ thật... Cái miếng phó mát này hai hào rưỡi mà tôi tẻ quá! Ở ngoài thì như mát-tích thôi, ở trong như vôi cứng.

Trong khi đó Tiaret kể lại chuyện gã đã bị một viên thiếu tá nào đó làm cho ê chề trong hai mươi một ngày.

- Cái thằng lợn ỉ ấy, mày ạ, nó hắc búa nhất trần đời. Tất cả anh em đều len lét khi bị nó đem ra trần, nó ngồi phành phành trên một cái ghế đến nỗi đầy phè cái ghế, cái bụng phệ đồ sộ và cái mũ kêpi lớn tướng khoanh đặc những lon từ trên xuống dưới như một cái thùng rượu vang. Nó nghiêm với lính quèn. Tên nó là Lôep – đặc là tên một thằng Đức.

Parađi reo lên:

- Thằng ấy tớ biết. Khi xảy ra chiến tranh, lẽ tất nhiên là nó xin được miễn ra mặt trận vì yếu. Khi tớ đương theo kỳ huấn luyện, nó đã biết cách lẩn tránh rồi, nhưng nó lẩn tránh ở các đầu đường góc phố để tóm lính: một cái khay không cài: một ngày nhà pha, và nếu quân phục của cậu không tề chỉnh theo điều lệnh nó còn nhiếc cậu trước mặt mọi người và mọi người cười rữ; nó thì nó tưởng người ta cười cậu, còn cậu thì cậu biết người ta giỡn nó; nhưng biết gì thì biết, cậu cũng sắp đến lượt vào nhà pha nốt.

Tiaret lại nói:

- Nó có một con vợ. Mụ đó...

Parađi bật lên:

- Tớ cũng nhớ con mụ đó. Thật là một con mụ ôn vật!

- Có những kẻ đi đâu là dắt chó theo sau. Còn nó thì đi đâu nó cũng lê cái vật ôn tả ấy theo, con mụ cả người vàng khè, cậu biết đấy, như một loại tảo, hai cái móng xương xẩu, trông thật là dữ tợn. Chính con mụ đó nó huých thẳng chồng hành hạ chúng tớ: không có mụ thì thằng cha chỉ ngốc thôi chứ không ác mấy, nhưng có mụ thì nó lại ác hơn là ngốc. Cậu phải biết, như vậy biết bao nhiêu chuyện bí bẽ.

Lúc đó Mactơrô đang ngủ ở gần cửa vào, thức dậy, rên lên một tiếng vớ vẩn. Gã nhồm dậy, ngồi trên lớp rom như một người tù, và người ta trông thấy bóng dáng râu xồm xoàm của gã in hình lên tường, và con mắt tròn xoe của gã đảo đi đảo lại trong bóng tối. Gã ngẫm lại giấc mơ vừa rồi.

Rồi gã đưa tay xoa mắt và ôn lại những hình ảnh đã thấy đêm anh em xuất phát khỏi chiến hào như có liên quan đến giấc mơ vừa rồi của gã.

Giọng hãy còn ngái ngủ và vẩn vơ vì giấc mơ vừa rồi, gã nói:

- Cửa đáng tội, đêm đó như buồm gặp gió! Chà! Cái đêm lạ lùng. Tất cả những đội quân đó, từng đại đội, từng trung đoàn vừa hò hét vừa hát vang tiến lên theo dọc con đường. Trong bóng tối mờ mờ, trông thấy cả một rừng chiến sĩ đi lên, trào lên như nước biển, khoa chân khoa tay giữa đoàn xe pháo binh và xe cứu thương đi ngược lại. Chưa bao giờ tớ trông thấy nhiều xe đi trong đêm đến thế, chưa bao giờ!

Rồi gã đâm vào ngực một cái mạnh, ngồi lại chững chạc, lâu bầu rồi thôi không nói nữa.

Tiếng của lão Blerơ lúc bấy giờ mới cất lên, nói hộ cái ý nghĩ đương ám ảnh trong lòng mọi người:

- Bây giờ là bốn giờ. Bên ta có tấn công thì cũng quá muộn rồi.

Một người lính đang đánh bài trong góc kia cất tiếng the the:

- Sao, mày chơi nữa hay thôi hử, đồ mặt giời?

Tiaret vẫn kể tiếp câu chuyện về viên thiếu tá:

- Thế rồi một hôm ở doanh trại, nhà bếp dọn cho chúng tớ ăn xúp nấu với mỡ bò. Thối hoăng lên cậu ạ. Một đứa mới xin có ý kiến với đại úy, hẳn mang ca-men xúp đến dí vào mũi đại úy...

Trong góc kia có tiếng gắt rất cáu kỉnh:

- Đồ căng bò, sao mày không đánh chủ bài?

- ... Đại úy kêu lên: “Bỏ mẹ! Để lui ra đừng dí vào mũi ta thế. Đùng là thối nặc lên ấy”.

Một giọng nói bực dọc nhưng lúng túng vọng sang rè rè:

- Tao không quen đánh thế.

- Rồi đại úy làm báo cáo đưa lên lão thiếu tá. Thế là lão này tức điên lên, lão dẫn xác đến, tay vung vung tờ báo cáo:

“Cái gì nữa hử? Cái món xúp gây nổi loạn ấy đâu, đưa ta ném xem!” Chúng tớ đổ xúp vào ca-men sạch mang đến. Lão hít hít rồi nói: “Thế nào, thơm đấy chứ! Máy khi người ta cho ăn được món xúp bồ béo thế này!”

- Không quen đánh à! Nó nắm con bài đầu hoa kia mà. Rõ đồ guốc cùn, gà toi! Thật tai hại mày ạ.

- Thế nhưng đến năm giờ mở cổng trại, hai cửa quái lại dẫn xác đến, đứng như trời trồng trước mặt bọn bộ binh đang đi ra, cố tìm xem cánh này có chỗ nào hớ hênh thì chớp. Lão ta nói: “À, các ông mạnh ạ, các người định trêu tức ta làm trò cười nên mới kêu ca về cái món xúp tuyệt ngon ấy chứ gì. Ta ăn xúp đến sưng miệng, cả bà thiếu ta đây cũng ăn nữa, đợi tí xem ta có tóm hụt không nhé... Ê, đằng kia! Cái anh tóc dài, anh nghệ sĩ cao cao kia, lại đây tí!” Lão ngựa đực nói thế, còn mụ ngựa cái cứ đứng ngây cán tàn, gật gật đầu đồng ý.

- ... Cái ấy cũng tùy, vì hẳn ta không có con át. Trường hợp đặc biệt mà.

- Bỗng tự nhiên mọi ta tái nhợt mặt mũi, chặn tay lên bụng chả hiểu vì sao lại giật giật cả người. Đang đứng giữa bãi, con nhà lính chen chúc chung quanh, bỗng mọi đánh rơi cái ô rồi nôn thốc nôn tháo ra!

Paradi đột ngột lên tiếng:

- Này coi chừng! Trong hào người ta kêu gì đấy không nghe hả? Có phải kêu “báo động” không?

- Báo động à? Mày điên đấy à?

Người ta vừa nói xong câu ấy, một bóng đen đã luồn vào cửa hầm thấp và gọi:

- Đại đội 22 báo động! Chuẩn bị vũ khí!

Một loáng im lặng, tiếp theo mấy tiếng buột mồm:

- Tớ biết mà!

Paradi lầu bầu trong miệng rồi bò bằng đầu gối ra phía cửa hang chuột chúng tôi đang nằm.

Không ai nói gì nữa. Mọi người ngậm câm. Ai nấy vội vàng nhồm dậy, quỳ gối hoặc ngồi gập người; mọi người cài thắt lưng đạn. Những bóng cánh tay vung qua lại, dồn nhét các thứ vào túi. Rồi mọi người nhón nhào chui ra ngoài, túm quai kéo lê xác cùng với chăn, túi dết theo sau.

Bên ngoài ồn điếc tai. Tiếng súng nổ dậy to gấp trăm lần bao trùm chúng tôi cả hai bên và trước mặt. Các khẩu đội pháo bên chúng tôi gầm không ngớt tiếng.

Có tiếng hỏi rụt rè:

- Địch tấn công phải không cậu?

Một giọng đáp xẵng, cẩu kính:

- Tớ biết đâu đấy!

Răng nghiến chặt, anh em nuốt mọi ý nghĩ. Mọi người hồi hã, chen chúc, va chạm nhau, miệng hậm hực không thành tiếng.

Một mệnh lệnh truyền qua:

- Ba lô lên vai!

- Có lệnh thay đổi...

Một sĩ quan sai chân chạy dọc theo chiến hào, hích khuỷu tay mở đường. Câu nói dứt mất phần sau vì người nói chạy biến mất.

Lệnh thay đổi! Một cơn rừng mình rõ ràng truyền qua hàng quân, tim bật nảy lên khiến mọi người cùng ngừng đầu, cùng ngừng lặng trong phút chờ đợi kỳ lạ.

Nhưng không phải, chỉ có lệnh thay đổi về khoản ba lô. Không mang ba lô nữa, cuộn chần quanh mình, giắt dụng cụ vào thắt lưng.

Mọi người tháo chần, giật chần ra, cuộn tròn lại. Vẫn không nói năng, ai nấy mở mắt trăn trăn, ngậm cứng miệng.

Các viên cai đội lập cập đi qua lại, thúc những con người đương vội vã trong im lặng.

- Nào, mau lên! Nào, nào, vút cái gì đi đấy? Có quàng lên không hử?

Một toán lính, đeo phù hiệu đôi búa chéo trên tay áo, len lỏi đi đến, thoăn thoắt khoét lỗ trên thanh hào. Anh em vừa sửa sang nốt trang bị, vừa ghé mắt sang họ.

- Bọn ấy làm gì thế nhỉ?

- Bậc trèo lên đây.

Mọi người sẵn sàng. Họ xếp thành hàng, vẫn im lặng, chần quàng chéo qua vai, quai mũ chịt dưới cằm đứng tì trên khẩu súng. Tôi ngắm những khuôn mặt dùm lại xanh nhợt và thâm kín ấy.

Họ không phải là lính: họ là những con người. Họ chẳng phải là bọn tứ chiếng giang hồ, bọn lính nhà nghề đã được đào tạo cho cái lò sát sinh của loài người để làm đồ tể hoặc vật bị giết. Họ là dân cày và thợ thuyền mặc quân phục. Họ là những người dân thường phải rời làng. Họ đã sẵn sàng. Họ đang đợi lệnh xông vào chỗ chết và chỗ giết, nhưng khi nhìn kỹ những khuôn mặt qua hàng lưới lê thẳng đứng, ta thấy họ cũng chỉ là những con người.

Ai nấy đều biết rằng mình sắp mang đầu, ngực, bụng, mang cả tấm thân không có gì che đỡ này lên làm mồi cho những mũi súng kẻ sẵn, cho đạn đại bác, cho những đồng lựu đạn sẵn sàng tung ra, cho tất cả những thứ vũ khí đang đợi sẵn và nín lặng một cách khủng khiếp đằng trước kia, rồi mới chạm trán với những người lính khác màu áo cần phải giết. Họ không thờ ơ với cuộc sống như quân cướp, họ không giận dữ đến mù quáng như kẻ man rợ. Nghe mãi những lời tuyên truyền mà họ vẫn không bốc. Họ thoát ra khỏi sự kích động của bản năng. Họ không say, cả say rượu lẫn say máu. Hoàn toàn tỉnh táo, sức còn mạnh và người còn khỏe, họ dòn về đây để một lần nữa lao mình vào những hành động điên cuồng mà nhân loại nông cuồng đã bắt mỗi người phải nhận. Có một vẻ gì vừa trầm ngâm, vừa sợ hãi, lẫn một ý vĩnh biệt trong dáng im lặng của họ, trên lớp vỏ bình tĩnh dị thường bao phủ trên khuôn mặt họ. Họ không phải là kiểu anh hùng trong tưởng tượng, nhưng sự hy sinh của họ vượt cao quá tầm hiểu biết của những ai chưa từng thấy họ.

Họ đang chờ. Phút chờ đợi kéo dài, dài đến vô tận. Chốc chốc trong hàng lại có người khẽ giật mình khi một viên đạn từ phía trước bay đến, sượt qua mô chắn đạn trước mặt rồi thuôn vào lớp thịt nhão của mô đất sau lưng.

Ngày tàn tỏa ánh sáng sâm sẫm mà hùng vĩ xuống khối người còn khỏe mạnh và nguyên vẹn mà đến đêm sẽ chỉ còn sót lại một phần. Trời

mưa – vẫn cảnh trời mưa như gắn liền vào mọi kỷ niệm của tôi về những tấn bi kịch của cuộc đại chiến. Đêm sắp đến, sắp giương cái cạm bẫy rộng bằng cả thế giới trước mặt loài người.

*

* *

Những mệnh lệnh mới được truyền từ người này qua người khác. Họ chia nhau những quả lựu đạn xâu trong vòng dây thép. “Mỗi người lấy hai quả lựu đạn đi!”

Viên thiếu tá đi qua. Ông ta điềm đậm, mặc quân phục ngắn, nai nịt gọn, đã đơn giản hóa. Ông nói:

- Có chuyện hay, các chú ạ. Bọn Đức cuốn xéo rồi. Các chú tiến khỏe chứ, hả.

Tin tức mới bay lướt qua chúng tôi như gió:

- Có quân Marôc và đại đội 21 đang trước. Bên cánh phải xuất phát tấn công đầu tiên.

Có lệnh gọi các hạ sĩ lên gặp đại úy. Họ mang về từng ôm đồ sắt. Bctrăng nắn nắn tôi. Gã móc cái gì vào cúc áo ca pô của tôi. Một con dao nhà bếp. Gã bảo:

- Tớ gắn cái này vào áo cậu đấy.

Gã ngó tôi, rồi đi tìm những người khác. Pêpanh gọi:

- Còn tớ!

Bctrăng đáp:

- Không. Cấm không được lấy người tình nguyện trong việc này.

Họ vẫn chờ đợi trong không gian ẩm mưa, âm vang tiếng nện, rào quanh chỉ có tiếng đại bác nổ xa mênh mông. Bctrăng phát vũ khí xong đã quay về. Lác đác có người ngồi xuống, đôi người ngáp vặt.

Biết, lính giao thông xe đạp, luôn qua trước mặt chúng tôi. Tay gã mang chiếc áo mưa của một sĩ quan và rõ ràng gã quay mặt đi nơi khác. Côcôn gọi:

- Sao thế, mày không lên à?
- Không, tao không lên. Tao ở đại đội 17, tiểu đoàn 5 không tấn công!
- À, tiểu đoàn 5 lúc nào cũng bỏ, chẳng bao giờ như bọn mình!

Biết đã đi xa, mọi người hơi nhăn mặt khi thấy gã đã khuất.

Một người chạy đến nói gì với Bctrăng. Anh quay lại phía chúng tôi:

- Nào, ta đi. Đến lượt rồi.

Tất cả cùng chuyển mình một lần. Chúng tôi đặt chân lên những bậc do công binh đã khoét sẵn, chen vai nhau trèo ra ngoài chiến hào, bước lên mô chắn đạn.

*

* *

Bctrăng đứng trên bãi dốc. Anh đưa mắt nhìn loáng qua chúng tôi. Khi chúng tôi lên đủ, anh nói:

- Nào, tiến lên!

Tiếng người vang lên thật kỳ lạ. Giây phút xuất phát qua rất nhanh và bất ngờ như giữa cơn mê. Không có tiếng đạn rít trong không trung. Trong tiếng rền lớn lao của đại bác, chúng tôi rất dễ nhận ra cái im lặng lạ lùng này khi đạn không réo chung quanh mình.

Chúng tôi tiến xuôi theo triền bãi trơn và gồ ghề, cử động như máy, đôi khi dùng khẩu súng dài lưỡi lê để chống. Con mắt tự nhiên cứ nhìn xói vào một chỗ nào đó trên sườn dốc, vào mặt đất bị phá nát đang trải dài, vào mấy thân cọc gày đứng lơ lửng, vào những thứ gãy vỡ nằm dưới hố. Thật không thể tưởng tượng rằng mình có thể đứng giữa ban ngày trên mặt dốc này ở đó đôi người sống sót còn nhớ mình đã phải lườn qua đây trong đêm tối với muôn vàn thận trọng và những người khác chỉ mới nghiêng nghe dòm vội ra đây qua lỗ châu mai. Không, không có loạt súng nào bắn vào chúng tôi. Hình như không có ai thấy cả tiểu đoàn từ trong lòng đất tỏa ra thì phải! Giây lát ngừng bắn này chứa đầy một nỗi đe dọa đang lớn dần, lớn dần. Ánh sáng nhợt nhạt làm chúng tôi chói mắt.

Mặt dốc bốn bề đều đầy kín những người đang cất bước chạy xuống như chúng tôi. Bên phải lấp loáng bóng một đại đội đang tiến xuống lũng dưới kia theo giao thông hào 97, một công sự cũ của Đức đã hỏng nát.

Chúng tôi vượt qua rào dây thép gai, theo lối đi chưa sẵn. Địch vẫn chưa bắn sang chúng tôi. Đôi người lỏng công sảy chân ngã lại đây. Qua hết rào, chúng tôi ghép lại hàng rồi sắp ngửa chạy xuống dốc nhanh hơn một chút: linh tính thúc đẩy mọi người vận động nhanh hơn. Lúc ấy vài viên đạn bay đến chúng tôi. Bectrăng gọi chúng tôi dặn tiết kiệm lựu đạn, đợi đến phút cuối cùng.

Nhưng tiếng anh bị lấp ngay: bất thành linh những ngọn lửa tối sầm lóe lên trước mặt chúng tôi, kín cả chiều ngang bãi dốc và tung ra những tiếng nổ vang động kinh hồn. Pháo sáng bùng trên trời cao, đạn nổ âm trên mặt đất thành một dãy dài từ trái sang phải. Cả một bức màn khủng khiếp tách rời chúng tôi ra khỏi thế giới, tách rời chúng tôi với quá khứ và tương lai. Chúng tôi đứng sững lại như bị đóng cọc xuống đất, sững sờ trước đám mây dày sầm sét bao quanh; rồi một sức mạnh chung lại xốc cả đám người lên, ném vọt về phía trước, nhanh vun vút. Chúng tôi lão đảo bám vào nhau trong những làn khói ngập ngụa. Chúng tôi nhón nháo ủa về phía Lũng, ở đó chúng tôi thấy mở ra liên tiếp những hòng núi lửa rải rác, hoặc kề nhau, hoặc lồng vào nhau giữa tiếng ầm xé tai và những cột bụi đất tung lên trời. Rồi đạn pháo rơi vào đâu cũng không biết nữa. Hàng loạt tiếng nổ rào lên vang động ghê gớm đến nỗi con người cảm thấy chỉ riêng tiếng ồn của con

bão sét ấy, của những ngôi sao lớn đang nổ tung mảnh trên không kia cũng đủ nghiền nát thân mình. Chúng tôi thấy rõ hay cảm thấy mảnh đạn vút qua bên đầu, rít lên như tiếng sắt nung đỏ nhúng nước. Một luồng hơi đạn đốt bỏng tay khiến tôi buông rơi khẩu súng. Tôi loạng choạng cúi nhặt súng, lại cúi đầu lao lên trong cơn đông tố những nhit ánh chớp màu hung đỏ, trong cơn mưa đá cháy lỏng dội xuống đè người, giữa những luồng tro muối quất vào thân. Tiếng mảnh đạn bay réo đến buốt tai, như đập vào gáy, xuyên qua thái dương, chúng tôi nghe thấy phải bật tiếng kêu. Ngây ngất vì mùi diêm sinh, tim chúng tôi như bị xoắn lại. Những luồng hơi giết người cứ xô đẩy, nhắc nhở, nhào lắc chúng tôi. Chúng tôi chồm tới; không còn biết đi đâu. Mắt nhấp nháy quáng lòa và chảy nước. Phía trước mặt, một dòng thác chớp lòe choán hết tầm mắt nhìn, bùng kín mắt.

Đó là hỏa lực địch bắn chặn. Phải băng qua vầng lửa xoáy bốc và những đám mây dựng đứng kinh tởm kia. Chúng tôi vượt. Chúng tôi đã hú họa vượt qua; đây đó những đoàn người quay tròn bị tung lên, nằm xuống, loáng sáng trong ánh lửa vờn từ cõi chết chiếu sang. Tôi thoáng thấy những khuôn mặt quái dị há mồm thốt ra những tiếng kêu bị tiếng rầm rầm nuốt biển, không nghe được. Một lò than đầy những tảng đỏ, tảng đen không lồ hung dữ đổ xuống chung quanh tôi, moi tung đất dưới chân tôi, ném tôi sang bên như một thứ đồ chơi biết nảy. Tôi nhớ mình đã vọt qua một xác chết đang cháy đen thui, có một mảng máu đỏ tươi còn sủi trên thân. Tôi còn nhớ vạt áo khoác của người chạy bên tôi bén lửa cháy, vạch thành một đường khói. Phía tay phải, suốt dọc theo giao thông hào 97, một dãy bóng sáng khùng khiếp chen nhau dựng san sát như bóng người, khiến mắt chúng tôi nhìn sáng đến quáng lòa.

- Tiến lên!

Bây giờ chúng tôi tiến gần như chạy. Có người ngã quật sấp xuống, đầu chúi về phía trước, có người từ tốn xếp xuống, như ngồi xuống đất. Chúng tôi vọt **chéo** sang bên, tránh những người chết nằm đườn đườn ngoan ngoãn và cứng đờ hay ưỡn mình lên, tránh những người bị thương đang giãy giụa và túm lấy ta như cái bẫy chụp cực kỳ nguy hiểm.

Giao thông hào quốc tế!

Đến rồi đây. Dây thép gai bị đại bác bới lên với chùm rễ xoắn ốc, vát đi, cuộn tròn, quét lửa thành từng đồng lớn. Giữa những bụi gai sắt to tướng dẫm nước mưa ấy, mặt đất quang mở thành lối đi.

Giao thông hào không có địch chống giữ. Bon Đức đã rút khỏi hào hay một đợt xung phong thứ nhất nào đã lướt qua đây. Bên trong hào, súng dựng dọc lờm chờm ở lũy. Xác chết nằm rải rác dưới đáy. Trong lòng cái hố dài hỗn độn này còn thò lên mấy bàn tay cứng đờ lồng trong ống tay áo xám nẹp đỏ và những cẳng chân xỏ bốt. Nhiều chỗ bờ lũy bị sụp đổ, gỗ chống bị vằm nát; hai bên sườn hào bị phá vỡ tung, đầy ngập một đồng hỗn độn không tả xiết. Có nơi hào bị khoét thành giếng tròn. Tôi còn nhớ nhất là cảnh chiến hào tôi tả, phủ kín những mảnh nát muôn màu: bọn Đức khâu bao tải chứa đất bằng những mẫu nỉ, vải len in màu sắc sỡ, cướp được trong một hiệu vải trang trí nào đấy. Tất cả cái mớ màu sắc tấp nham, rách nát, xơ xác ấy cứ lòng thông, quật thành phạch, bay nhẩy trước mắt tôi.

Chúng tôi tản vào trong hào. Viên trung úy đã nhảy sang bên kia hào, cúi xuống gọi to và ra hiệu:

- Đứng ở lại đây. Tiến lên! Tiến mãi lên!

Chúng tôi trèo lên thành hào, bước giẫm vào bao tải, vào vũ khí, lên những lưng người xếp đồng. Đất trong lòng khe bị cày lên, ngổn ngang những thứ gãy vỡ, nhưng nhúc nhích thân hình ngổn ngang. Xác người có cái nằm im như gỗ đá, có cái còn cựa nhẹ hay giật mạnh. Hỏa lực địch bắn chặn cứ dồn những tràng đạn quái ác mé sau lưng chúng tôi, nơi chúng tôi vừa băng mình qua.

Được một lúc ngớt đạn, ngán ngùi, chập chờn, chúng tôi đỡ inh tai được một chút. Chúng tôi nhìn nhau. Mắt bùng sốt, máu dồn lên má. Hơi thở kêu khò khè và tim đập mạnh trong lồng ngực.

Chúng tôi loáng thoáng và hồi hải nhận ra nhau, như gặp lại nhau, một buổi nào đó mặt nhìn mặt ở thẳm cùng nơi chín suối. Trong giây lát hỏa lực hơi ngớt cơn này, chúng tôi vội hỏi nhau mấy câu:

- Cậu đấy à?

- Ôi chao chao, bị một mẻ ra trò!

- Côcôn đâu?

- Không biết.

- Cậu thấy đại úy không?

- Không?

- Vẫn thường chứ?

- Ừ.

Đã qua hết lòng khe. Triền dốc bên kia dựng cao. Chúng tôi nối hàng dọc trèo lên theo bậc thang khoét sơ sài trong sườn đất.

- Coi chừng!

Một người lính đã trèo lên hết nửa bậc thang bị một mảnh đạn pháo từ dưới kia bay lên xóc vào cột, rơi như người bơi lao xuống nước. Hình người méo mó nhào xuống vực nom rất rõ. Tôi thoáng thấy cả mớ tóc gã xoa tung trên nét viền đen của khuôn mặt.

Chúng tôi lên đến cao điểm. Một khoảng trống, không màu sắc, mở rộng trước mặt. Đầu tiên chỉ thấy một bãi hoang lờm chớm đá vôi, đá đen, vàng xám ngút ngàn. Chưa có một làn sóng người nào qua đây trước chúng tôi; phía trước chúng tôi, không một bóng người sống; mặt đất phủ đầy xác chết: những thân mới đang còn bắt chước dáng điệu đau đớn hay ngủ say, những xác cũ đã nhợt màu nằm lay lắt theo gió đầy, sắp bị đất nuốt tiêu hết.

Hàng dọc chúng tôi vừa xô lên, nhấp nhô, ló ra, hai người ở cạnh tôi liền trúng đạn, hai cái bóng ngã vật xuống đất, lăn dưới chân chúng tôi; một bóng rú thất thanh, bóng kia im lặng như con bò đờ. Lại một người nữa vụt biến đi với một cử chỉ điên loạn như bị ai xách gọn. Chúng tôi dồn hàng như máy, ẩy nhau tiến lên, tiến mãi lên; vết thương trong hàng quân tự nó

lại khép miệng. Viên quân dừng lại, vung gươm, rồi buông gươm quy xuống, ngã ngựa dần tẩm thân ra sau từng nấc ngắn. Mũ gã rơi xuống gót chân, gã vẫn cứ quỳ nguyên như thế, đầu trần, mặt ngựa lên trời. Hàng quân giữa đã tua lên vệt rề làm đôi, tránh không chạm vào con người quỳ yên lặng ấy.

Nhưng không thấy viên trung úy đâu nữa. Mất chỉ huy, thế là... Làn sóng người đang giẫm chân trên mép cao điểm, bỗng chùn lại, do dự. Tiếng thở hồng hộc nghe rõ trong tiếng chân nện.

Một chiến binh nào đó quát lên:

- Tiến!

Thế là tất cả lại tiếp tục nhào tới, chạy mỗi lúc một nhanh, đua nhau lao vào vực thẳm.

*

* *

Một trong số chạy đằng trước, chật vật, rên lên:

- Bctrăng đâu?

- Kia kia, ở đây!

Khi chạy qua, gã cúi xuống một người bị thương, nhưng gã đã bỏ ngay người đó đang giơ tay về phía gã và hình như nức nở khóc.

Chính vào lúc gã vừa theo kịp chúng tôi thì chúng tôi nghe thấy ở phía trước, từ một cái ụ đất, tiếng tặc tặc của một khẩu súng máy. Đó là giây phút lo ngại nhất, đáng sợ hơn là lúc chúng tôi đi qua vùng động đất cháy ran của cuộc bắn chặn.

Cái tiếng quen thuộc đó hướng về phía chúng tôi rất rõ ràng và khủng khiếp trong không gian. Nhưng chúng tôi cứ tiến.

- Tiến lên! Tiến lên!

Vì hết hơi, tiếng hô hóa ra những tiếng rên khàn khàn và chúng tôi cứ tiếp tục lao mình về phía chân trời.

Một người bỗng nhiên nói:

- Quân Bôtsơ! Tớ trông thấy chúng!

- Phải rồi... Đầu chúng kia kia, ở trên chiến hào... Cái đường vạch kia là chiến hào đấy. Gần ngay trước mặt. A! Đồ chó đẻ!

Quả thực chúng tôi đã trông thấy rõ những chòm mũ màu xám lấp ló là mặt đất, cách đây chừng năm mươi thước đằng sau một bãi đất đen bị xáo lộn và gồ ghề.

Toán người trong đó có tôi vụt chồm lên. Đã gần tới đích mà vẫn còn nguyên vẹn sao lại chẳng đến nơi được! Nhất định chúng tôi sẽ tới! Chúng tôi bước những bước thật dài. Chẳng còn nghe thấy gì nữa. Mỗi người lao mình về phía trước, người cứng đờ hầu như không thể quay đầu sang phải hay sang trái, bị cuốn hút vào cái việc khủng khiếp trước mặt.

Chúng tôi có cảm giác là nhiều người bước hụt và ngã soài xuống đất. Tôi nhảy dạt sang bên để tránh cái lưỡi lê ở đầu một khẩu súng đang rơi xuống đất. Ngay gần tôi, Facfadê mặt đầy máu, đứng thẳng người lên, xô vào tôi rồi choàng sang Vônpat ở cạnh tôi và túm lấy gã. Vônpat trрю người xuống và nhân đà kéo gã đi mấy bước, rồi vẫn không nhìn gã, hẩy gã ra cũng chẳng biết gã là ai. Vônpat bảo gã, tiếng nói ngắt quãng vì mệt như bị nghẹt thở:

- Khỉ ời, buông tao ra, buông ra. Lát nữa họ sẽ lượm cậu về, đừng lo.

Facfadê ngã lụi xuống, mặt gã bết máu đỏ đờ dẫn quay sang bên này rồi quay sang bên kia, còn Vônpat đi đã xa rồi còn rít qua hàm răng, nói như máy: “Đừng lo”, mắt gã vẫn dính vào con đường hào phía trước.

Một loạt đạn tung tóe xung quanh chúng tôi: thêm một số người đột nhiên dừng lại, ngã dần xuống, vũng vầy, giãy giụa, có những người nhào xuống với cả khối đồ lè trên lưng, có những tiếng thét thất thanh, điên cuồng, thất vọng, hoặc những tiếng “Ha!” khủng khiếp và những tiếng rên của những kẻ đột nhiên lìa đời. Và chúng tôi, những người còn nguyên vẹn, chúng tôi vẫn hướng về phía trước, chúng tôi tiến, chạy giữa trò đùa của cái chết đang quật tứ tung vào da thịt chúng tôi.

Dây thép gai. Cả một đoạn dây thép gai còn nguyên vẹn. Phải vòng sang mé khác. Phía giữa hàng rào dây thép gai mở ra một lối đi rộng và sâu: đại bác đã đào thành một cái hố khổng lồ chỉ chít những hố hình phễu chồng chất lên nhau, trông như miệng một ngọn núi lửa kỳ quái.

Cảnh tượng đảo lộn ấy thật kinh hoàng. Hình như rõ ràng những cái đó từ lòng đất phụt ra. Quang cảnh những lớp đất bị phá vỡ tan tành làm tăng thêm khí thế tấn công của chúng tôi và trong lúc lời nói khó khăn lắm mới thoát ra khỏi cổ họng, lắm gã buồn rầu hát đầu lên đã phải buột miệng thốt ra:

- Mẹ kiếp! Ta choảng cho chúng khiếp thật! Mẹ kiếp!

Như bị gió đẩy, chúng tôi leo lên, thụt xuống tùy chỗ lồi lên trũng xuống giữa khe đất vô cùng rộng lớn bị sục tung lên, đen sạm và đốt cháy dữ dội. Đất mềm bám chặt lấy chân, chúng tôi điên tiết rút chân ra. Quân trang, các thứ vãi rơi vãi trên đất mềm, những áo quần từ những túi dết bị đâm thủng vãi tung ra làm chúng tôi đỡ thụt chân vào bùn. Khi nhảy vào hố, hoặc leo lên những đồng đất, chúng tôi cẩn thận đặt chân lên những thứ đó.

Phía sau có tiếng thúc chúng tôi:

- Tiến lên, các chú! Trời ơi, tiến lên!

Có tiếng thét:

- Cả trung đoàn ở phía sau ta kia kìa!

Không ai ngoảnh lại xem, nhưng sự bảo đảm ấy kích thích chúng tôi lao lên.

Phía sau thành hào mà chúng tôi đang tiến đến gần không trông thấy những mũi lưới trai nữa. Lác đác đằng trước có những tử thi quân Đức chồng chất lên như có ngọn hoặc trải dài ra. Chúng tôi đã tới nơi. Bờ dốc hiện rõ từng chi tiết những hình thù hiểm ác: những lỗ châu mai... Chúng tôi đến sát một cách lạ lùng kỳ diệu...

Một vật gì rơi trước mặt chúng tôi: một quả lựu đạn. Anh cai Bectrăng đá hất trở lại về đằng trước và nó nổ ngay ở trên chiến hào.

Nhờ sự may mắn đó, tiểu đội chúng tôi nhảy vào chiến hào.

Pêpanh, bụng úp xuống đất, lao vào, gã lượn quanh một xác chết. Tới bờ hào, gã lao mình vào, gã là người vào đầu tiên. Fuiat tay vung mạnh, hò hét và nhảy vọt vào trong hầm gần cùng một lúc với Pêpanh. Tôi thoáng thấy trong chớp nhoáng ở đỉnh dốc bên bờ cái cạm bẫy người đen đen, cả một hàng quỹ đen sì cúi xuống, ngồi xổm lê mình vào.

Một loạt súng khủng khiếp nổ vào mặt chúng tôi, ngay sát cạnh, hất vào phía chúng tôi một hàng rào lửa theo dọc bờ đất. Sau một phút choáng váng, chúng tôi lại vùng vẫy và cười phá lên như ma quỷ: loạt đạn bắn cao quá. Kinh ngạc và rú lên vì thoát nạn, lập tức chúng tôi bò, lăn, ngã vào trong lòng chiến hào, người vẫn còn nguyên vẹn.

*

* *

Một thứ khói chẳng biết là gì tràn ngập chúng tôi. Trong cái vực thẳm hẹp, trước hết tôi chỉ trông thấy những bộ binh phục màu xanh. Chúng tôi đi sang phía này rồi đi sang phía khác, người nọ xô đẩy người kia, vừa quát tháo, vừa sục tìm. Chúng tôi quay trở lại, hai tay lúng túng, vương dao, lựu đạn và súng; lúc đầu chúng tôi không biết phải làm gì.

Có tiếng gào lên:

- Những quân chó chết, chúng nó núp trong hầm!

Ở dưới sâu, trong hầm có những tiếng nổ âm thầm làm rung chuyển đất. Chúng tôi bị những làn khói khổng lồ dày đặc ngăn cách nhau ra, bịt kín như đeo mặt nạ vào và không còn trông thấy gì nữa. Chúng tôi giãy giụa như những người chết đuối trong một bầu không khí tối om và cay sặc trong một mảnh của đêm tối. Chúng tôi vấp phải những tên ngồi xổm như những hòn đá, quần lầy nhau, bê bết máu và kêu rên. Chúng tôi chỉ thoáng lờ mờ trông thấy hai bên vách hào dựng ngược lên, làm bằng những bao đất vải trắng rách toét tả tơi như bằng giấy. Có nhiều lúc làn khói dai dẳng chao đi chao lại, và nhẹ bớt đi, chúng tôi lại trông thấy rõ lúc nhúc một đám đông người đang xung phong. Bị cắt rời khỏi khung cảnh bụi mù, trong làn hơi mờ mờ, những bóng người giấp lá cà in hình trên bờ hào, đổ xuống, chìm đi. Vài tiếng kêu yếu ớt: “Kamerad” thoát ra từ một đám người mặt mày hốc hác, mặc áo cộc xám, đang bị dồn vào một góc hào vỡ hoác. Dưới đám mây đen như mực, đám người mạnh như vũ bão chao đi, lộn lại về hướng cũ bên tay phải, nhô lên và quay tròn như cơn lốc dọc theo khúc đê tối om bị phá vỡ.

Rồi, bỗng nhiên chúng tôi có cảm giác là đã xong cả. Chúng tôi đã trông thấy, nghe thấy và hiểu rằng đợt tấn công của chúng tôi vượt qua lưới đạn bắn chặn đã không gặp một sự kháng cự nào tương đương và đối phương đã rút lui khi chúng tôi tới. Cuộc kháng cự đã tan rã trước mặt chúng tôi. Hàng người cầm cự mỏng manh đã tan vụn ra trong những hố và chúng tôi đã tóm chúng như lũ chuột hoặc đã giết chúng ngay tại chỗ. Không có một sức kháng cự nào, chỉ còn sự rỗng không, một sự rỗng không lớn lao. Chúng tôi chen nhau mà tiến như một dòng kinh khủng những người đi xem hội.

Và ở đây, chiến hào như bị sét đánh tan hoang. Với những vách trắng đỏ nhào, nó giống như vết tích lầy bùn của một con sông bị cạn, bờ đá bị phá, và từng chỗ còn sót lại những cái hố tròn nông choèn của một cái ao cũng cạn nước, trên bờ, trên lũy và dưới đáy hào trải ra một băng hà dài đặc những xác chết, những làn sóng mới của quân ta xô đến, tràn ngập lên tất cả. Trong đám khói từ hầm trú ẩn tuôn ra, trong làn không khí rung chuyển vì những tiếng nổ ở dưới đất, tôi hí hục đi đến một đám đông đặc những người đang bám chặt vào nhau quanh một thung lũng tròn rộng. Khi chúng

tôi đến thì cả đám người ấy lăn kên ra: đó là tàn dư ngắc ngoải của cuộc chiến đấu; tôi trông thấy lão Blerơ gỡ được mình ra ngoài, chiếc mũ sắt treo dưới cổ bằng cái quai da, mặt sây sướt, miệng hồng hộc lên những tiếng kêu man rợ. Tôi và phải một người đương bám ở cửa ra vào một cái hầm trú ẩn. Tay trái gã nắm vào cái tay vịn lên xuống, gã nép mình tránh cửa xuống hầm mở hoác và tôi om đầy nguy hiểm. Tay phải gã lắc lư trong mấy giây một quả lựu đạn. Lựu đạn sắp nổ... nó lọt vào trong hầm. Vừa lọt vào, nó nổ ngay và từ trong lòng đất, tiếng ời ời vang ra theo tiếng nổ. Gã lại lượm một quả lựu đạn nữa.

Một người khác, vớ được cái cuốc chim, đang đập phá cánh cửa của một hầm trú ẩn khác. Đất sụt xuống và miệng hầm bị lấp. Rồi thấy ló nhố những bóng người giậm chân, khoa tay trên cái mả đó.

Một người, rồi một người khác... Trong đám người còn sống sót tới nay, đến tận cái chiến hào mà anh em đã ra công lao tới sau khi đã chạm trán với đại bác, với đạn súng trường nã ra để bắn chặn, khó khăn lắm tôi mới nhận ra được những người quen biết, chẳng khác gì cả quãng đời trước đó bỗng đã trở nên rất xa xăm. Một cái gì đã nhào nặn và biến đổi họ. Một sự nhiệt cuồng đã làm họ nổi xung lên.

Một gã nghiêng rằng nói:

- Sao lại dừng ở đây?

Gã thứ hai hầm hờ hỏi tôi:

- Sao không tiến đến chiến hào kia nữa? Bây giờ đã đi đến đây thì chỉ nhảy mấy bước nữa là tới nơi.

- Tớ cũng vậy, tớ muốn tiến nữa.

- Cả tớ cũng vậy, chà! Đồ chó má!

Họ vùng vẫy như những lá cờ, coi cái may mắn sống sót là một vinh quang, họ hần học, không nguôi căm thù, tràn trề say sưa.

Chúng tôi bị ứ đọng, giẫm chân tại chỗ trên công sự vừa chiếm được, trên con đường đi kỳ dị đã bị vỡ nát, ngoằn ngoèo trên cánh đồng và dất dần chúng tôi tới những chiến hào bí mật khác.

- Tiến sang phải!

Thế là dòng người ủa theo một hướng. Chắc đó là sự vận động do sự kết hợp của các viên chỉ huy ở trên. Chúng tôi giẫm lên những cái xác mềm nhũn, có cái còn ngọ nguậy chậm chạp lê đi chỗ khác, tóe máu và kêu rên. Nhiều tử thi chất dọc chất ngang như những xà nhà và những đồng vụn nát, chất lên những người bị thương, dần lên họ làm họ nghẹt thở và chết ngạt. Để tiến lên phía trước, tôi phải đẩy một thân người cổ tóe máu như suối dương rên.

Trong cảnh trời long đất lở, toàn là đất sụt hoặc dựng đứng đầy những vật đổ nát, trên đám người bị thương và bị chết đang lúc nhúc ở đó, qua màn khói di động bao phủ chiến hào và vùng xung quanh, chúng tôi chỉ toàn thấy những bộ mặt đỏ bừng, mồ hôi và máu nhễ nhại, mắt sáng quắc. Họ vui mừng, vô cùng vững dạ, hung ác.

Hoạt động dần dần yếu đi. Một anh lính nói:

- Thế bây giờ chúng ta phải làm gì, hờ?

Bỗng nhiên một nơi khác lại nhốn nháo. Cách vài chục thước trong cánh đồng về mé con đường hầm của bờ dốc xám, một loạt súng trường nổ lép bép phụt lửa xung quanh một khẩu súng máy chôn dưới đất đương khạc đạn từng hồi và như giấy giụa.

Dưới đám mây xanh vàng trải cánh đen như than, chúng tôi trông thấy những người đương bỏ vây cái máy phun đạn và thắt chặt vòng vây. Tôi nhận ra ở gần tôi, bóng dáng lơ mờ của Mexnin Jôdep đang đứng thẳng người, không cần náu mình và tiến đến chỗ những hồi nổ ăng ăng.

Từ một góc chiến hào, một phát đạn nổ vọt ra giữa hai chúng tôi. Jôdep ngừng lại, chao người đi, cúi xuống và ngã khuyu một đầu gối. Tôi chạy lại, gã nhìn tôi:

- Không việc gì: vào đui... Tớ có thể bỏ một mình được.

Hình như gã đã trở nên ngoan ngoãn như một đứa trẻ dễ bảo. Gã lại lắc lư bỏ vào chỗ trống.

Tôi nhìn rõ mồn một cái hỏa điểm đã bắn trúng gã. Tôi theo mé tay trái rón rén vòng đến.

Tôi chỉ gặp có một người trong tiểu đội. Đó là Paradi.

- Cậu!

Tôi nhìn gã.

Gã nhìn tôi, trả lời bằng mắt.

Có những người khiêng trên vai hay cặp dưới cánh tay những tấm sắt giống như những loại côn trùng lớn, xô đẩy chúng tôi. Họ đi kín cả đường, và làm cho hai người chúng tôi cách nhau ra.

Có người kêu lên:

- Đại đội 7 đã cướp được khẩu súng máy. Thế là hết ăng ăng. Ban này, nó hóa đại đây. Con ác vật, con ác vật!

- Bây giờ chúng ta phải làm gì nữa?

- Chẳng làm gì cả.

Họ đứng lại đó lộn xộn. Họ ngồi xuống. Những người còn sống đã thôi không thở hồng hộc nữa, những người đang chết rên nôt những tiếng cuối cùng, xung quanh toàn là khói và lửa, tiếng đại bác như sấm sét ầm ầm đến tận chân trời. Chúng tôi không còn biết mình đang ở đâu. Không còn có đất, không còn có trời, chỉ thấy một làn khói trắng. Một phút tạm ngừng trong tấn bi kịch hỗn loạn. Những cử động và những tiếng kêu bắt đầu chậm lại. Khắp mọi nơi, tiếng đại bác bớt dần, và bây giờ thì nghe xa xa, nó làm rung

rinh bầu trời như những tiếng ho. Sự kích thích dịu dần, chỉ còn lại một sự
mỏi mệt vô hạn lại dâng lên, chìm ngập chúng tôi, và sự chờ đợi dài dằng
dặc lại bắt đầu.

*

* *

Địch ở đâu? Chúng đã để lại những xác chết ở khắp mọi nơi, và chúng
tôi đã thấy từng đoàn tù binh: ngay đằng kia hãy còn thấy bóng dáng một
đoàn tù binh âm thầm, dài dằng dặc và đầy khói in hình trên nền trời bản
thủ. Nhưng phần lớn quân địch như đã rút ra phía xa. Đó đây vài viên đạn
đại bác vung về bắn tới. Anh em coi thường. Được thoát nạn, họ trầm tĩnh,
chỉ còn có họ trong bãi sa mạc mênh mông những xác chết bên cạnh những
hàng người còn sống sót.

Đêm đã đến. Bụi tan hết rồi, bây giờ là bóng tối lơ mờ, rồi tối om bao
phủ lên hàng ngàn người hỗn độn kéo dài. Họ xích lại gần nhau, ngồi
xuống, đứng lên, đi lại, người nọ tì vào người kia, hoặc khoác tay nhau. Ở
những quãng trống giữa những hầm trú ẩn xung quanh ngổn ngang những
xác chết, họ tụ họp nhau lại, ngồi xõm xuống đất. Vài gã đã đặt súng xuống,
và đi phát phơ ra ngoài miệng hố, tay thòng lủng. Nhìn gần thì thấy họ sạm
đen, cháy sém, mắt đỏ ngầu, người bết từng mảng bùn. Họ không nói
chuyện, nhưng bắt đầu suy nghĩ.

Chúng tôi thấy những gã lính cáng hình thù nổi bật đang cúi cúi tìm tìm
và tiến lên, từng cặp hai người bám chắc lấy gánh nặng dài của họ. Ở đằng
kia, mé bên phải, nghe thấy tiếng xẻng và tiếng cuốc.

Tôi đi lang thang trong cảnh hỗn độn đó.

Ở một nơi bờ lũy bị oanh tạc san phẳng, bây giờ thành sườn thoải thoải,
có một người đang ngồi. Trời hãy còn mờ mờ sáng. Thái độ bình tĩnh của
gã, mắt nhìn ra phía trước nghĩ ngợi, trông như một pho tượng, khiến tôi
phải chú ý. Tôi cúi xuống thì nhận ra gã. Đó là anh cai Bectrăng.

Anh ngoảnh mặt lại phía tôi, và tôi cảm thấy anh mỉm cười với tôi trong bóng tối, một nụ cười trầm tư.

Anh bảo tôi:

- Mình sắp đi tìm cậu. Trong khi chờ đợi tin tức chiến sự của đơn vị bạn và hiện giờ chưa biết đằng trước đương xảy ra sự gì, chúng ta phải tổ chức canh gác chiến hào. Mình cắt cậu cùng gác với Parađi trong một hố quan sát do công binh mới làm xong.

Hai người chúng tôi ngấm nhìn bóng dáng những người qua lại và những kẻ đã chết, hoặc khom khom hoặc gập người theo nhiều tư thế khác nhau, vẽ lên bằng những nét mực đen trên nền trời xám dọc theo bức lũy tan hoang. Cảnh tượng những con người ngộ nguây trong bóng tối lẫn lộn với những người không cử động, trên những cánh đồng mà từ hai năm nay chiến trận đã luân chuyển và thiết lập những thành phố lính tráng, trên những bãi tha ma, trông thực kỳ dị.

Hai bóng đen đi qua trong bóng tối cách chúng tôi mấy bước. Họ nói chuyện khe khẽ với nhau:

- Mà biết không, tao không thèm nghe nó, cứ tương lưởi lê vào bụng nó, ngập sâu đến nỗi rút ra không được.

- Còn tao, chúng nó tất cả bốn thằng ở trong hố. Tao gọi chúng ra, cứ thằng nào ra là tao thịt. Máu đỏ lòm tay tao đến tận khuỷu. Hai ống tay áo dính chặt.

Gã trước lại nói:

- Chà! Sau này nếu còn sống sót mà về, khi bọn mình kể lại chuyện đó cho những người nhà nghe bên cạnh bếp lò và ngọn nến, thì ai mà tin được. Thế có khổ không, mà?

Gã kia trả lời:

- Cần đếch gì cái đó. Miễn là được trở về. Sao cho chóng xong, có thể thôi.

Bình thường, Bectrăng ít nói, và không bao giờ nói đến bản thân anh. Tuy vậy, anh cũng kể:

- Tớ phải đối phó với ba thằng. Tớ choảng như một thằng điên. Chao! Tiến đến đây thì chúng ta ai cũng như thú dữ cả.

Giọng nói của anh rất cao, hơi run run, tuy anh cố nén.

Bỗng nhiên, anh cất tiếng nói to như một nhà tiên tri:

- Tương lai! Những kẻ ra đời sau chúng ta sẽ nhìn những chiến công của chúng ta bằng con mắt như thế nào? Chính chúng ta là những kẻ lập ra những chiến công đó, chúng ta cũng chẳng biết nên so sánh nó với chiến công của các anh hùng của Plutacơ và Corney hay là với thủ đoạn hung tàn của những tên tướng cướp!

Anh lại nói tiếp:

- Tuy vậy, cậu hãy coi đây! Có một nhân vật đã vươn cao mình lên trên cuộc chiến tranh và sẽ luôn luôn sáng ngời vì lòng gan dạ đẹp đẽ và lớn lao...

Tôi tì trên cái gậy, cúi xuống nghe anh nói, trân trọng thu lấy những lời nói thốt ra trong chiều hôm yên tĩnh, từ một cái miệng xưa nay hầu như thường xuyên im lặng. Anh nói to lên, giọng trong trẻo:

- Liebnèch!

Anh đứng lên, khoanh tay lại. Khuôn mặt của anh đẹp đẽ, nghiêm trang và thâm thúy như mặt một bức tượng, cúi xuống ngực anh. Nhưng rồi một lần nữa, khác hẳn với thái độ im như hén thường ngày, anh nhắc lại:

- Tương lai! Tương lai! Sự nghiệp của tương lai là xóa cái hiện tại này, xóa hẳn nó triệt để hơn như người ta tưởng, xóa nó đi như một điều khả ố

và nhục nhã. Vậy mà cái hiện tại này đã phải có, đã phải có! Nhục nhã cho cái vinh quang quân sự, nhục nhã cho các quân đội, nhục nhã cho cái nghề làm lính, nó biến con người ta lần lượt thành những nạn nhân ngu ngốc và những tên đao phủ ghê tởm. Thực thế, nhục nhã: đúng thế, đúng quá; nó đúng, nhưng hiện giờ thì chưa đúng đối với chúng ta đây. Nhưng phải coi chừng những tư tưởng của ta bây giờ! Nó sẽ đúng khi nào nó được viết ra cùng với những chân lý khác mà người ta có thể tiếp thu cùng một lúc. Hiện giờ thì chúng ta còn lạc lõng, xa lắc, xa lơ cái thời đó.

Rồi anh thốt ra một tiếng cười âm vang và mơ mộng.

- Có một lần mình bảo anh em là mình tin những lời tiên tri để anh em răm rắp nghe theo mình.

Tôi ngồi xuống bên cạnh Bectrăng. Người chiến binh đó đã từng luôn luôn làm vượt cả bốn phận, tuy thế mà vẫn còn sống sót, trước mắt tôi, lúc bấy giờ, phong độ của anh như phong độ của một người hiến thân cho một tư tưởng đạo đức cao cả, đồng thời có đủ sức vượt ra ngoài sự xô đẩy ào ạt của mọi biến cố, và nếu được tham dự một chút vào một biến chuyển lớn lao thì có khả năng ngự trị cả thời đại của mình.

Tôi thì thầm:

- Tôi bao giờ cũng nghĩ những điều đó.

Anh nói:

- À ra thế!

Hai người chúng tôi nhìn nhau lặng lẽ, hơi ngạc nhiên và trầm mặc. Sau một lúc thật yên lặng, anh nói tiếp:

- Bây giờ đã đến giờ làm công vụ. Cậu cầm súng và đi theo mình.

*

* *

Từ hố quan sát, chúng tôi thấy ở phương Đông hé ra một làn ánh sáng mờ mờ như một đám cháy đương lan ra, xanh xanh và buồn thiu hơn là đám cháy thực. Nó vạch lên bầu trời một vầng sáng lan dần ra dưới một đám mây đen dài treo lơ lửng như khói một đám lửa tàn, như một vết bầm vấy vào vũ trụ. Buổi bình minh đang trở lại.

Trời rét đến nỗi mặc dầu chúng tôi mệt lử vẫn không thể nào đứng yên một chỗ được. Chúng tôi run rẩy, rùng mình, răng đánh lập cập, nước mắt giàn giụa. Rồi dần dần ban mai trải xuống chậm chạp. Mọi vật đều giá băng, nhợt nhạt và trống rỗng, xung quanh im lặng như chết. Sương giá, tuyết rơi, ở trên là một gánh nặng mây mù. Cảnh vật trắng xóa.

Paradi cử động: trông gã như một bóng ma dày cộm, nhợt nhạt. Tất cả chúng tôi đều trắng toát. Tôi đặt cái túi dết của tôi lên thành hào quan sát và trông nó cũng như bọc giấy trắng. Ở đáy hố, một chút tuyết màu xám xám, vỡ nát, nổi bông bênh trên vũng nước đen, chân chúng tôi ngâm trong đó. Phía ngoài hố, một tấm màn trời đã bao phủ trên những vật chông chất, trong những kẽ nứt, trên đóng tử thi hỗn độn.

Hai khối người lom khom, lơ mờ hiện ra, lô nhô như gò đồng sau màn sương. Họ tiến lên, lại gần chúng tôi và cất tiếng gọi. Đó là những anh em đến thay phiên gác cho chúng tôi. Mặt họ tím bầm và ướt át vì rét, gò má loáng như ngói trắng men, nhưng áo ca-pôt của họ thì không dính tuyết: họ đã ngủ ở dưới hầm đất.

Paradi lao mình ra ngoài. Trong cánh đồng, tôi đi theo cái lưng của gã còm cộm như lưng ông lão Mùa Đông, theo bước lạch bạch của đôi giày gã đang lê đi những nắm tuyết trắng trắng, êm êm. Người cúi gập làm đôi, chúng tôi trở về chiến hào: vết chân của những anh em đi trước chúng tôi in hằn đen trên lớp tuyết mỏng phủ trên mặt đất.

Trong chiến hào, đó đây những tấm vải bạt, riều nhung trắng, hay lông lánh sương giá, căng trên cọc thành những túp lều không đều đặn. Những gã lính gác sừng sững đó đây, giữa họ, những hình người ngồi xồm dưới đất, kêu rên, cố chống với cái rét để bảo vệ lồng ngực ấm của mình, hoặc cũng có người đã chết cứng. Một người chết đứng, mình đổ nghiêng

ngiêng, chân trong chiến hào, còn ngực và hai cánh tay chống vào bờ hào. Gã đang bới đất thì bỗng tắt thở. Mặt gã ngẩng lên trời, loang lổ băng giá như người bạch tạng, mi mắt trắng như lòng con mắt, ria mép quánh nước bọt cứng. Anh em ở ngay sát cạnh mũi hơi thổi.

Những thân hình khác đang ngủ, họ không trắng bằng những xác chết: tuyết chỉ nguyên vẹn không tan trên những đồ vật và người chết.

- Phải ngủ.

Paradi và tôi, hai anh em tìm chỗ ngả lưng, một lỗ nào đó có thể ngả mình và nhắm mắt.

Paradi lẩm bẩm:

- Trong hầm có người chết cũng phớt đi. Rét thế này thì người chết cũng phải e dè, không ác lắm đâu mà sợ.

Chúng tôi bước đi, một nhọc nên mặt cúi gằm xuống đất.

Thế rồi còn một mình tôi. Paradi đi đâu rồi? Có lẽ gã chúi vào một xó xỉnh nào đó. Có thể gã đã gọi tôi, mà tôi không nghe tiếng.

Tôi gặp Mactorô, gã bảo tôi:

- Tớ tìm chỗ để ngủ, vừa tôi tớ phải gác.

- Tớ cũng vậy. Chúng ta cùng đi tìm.

Mactorô nói: Cái tiếng âm ỉ và ồm ồm kia là cái gì vậy?

Nghe lờ mờ có tiếng chân người đi và tiếng nói, như bị dồn ép, từ giao thông hào gần đấy trào ra.

- Giao thông hào nào cũng đầy lính và kẻ lạ... Cậu là ai?

Một trong những người mà chúng tôi bất thành linh đi lẫn lộn vào, trả lời:

- Chúng tớ thuộc tiểu đoàn 5.

Những người mới đến nghỉ chân, quân phục chỉnh tề. Người vừa nói ngồi xuống để thở trên mặt tròn phè phè của một bao đất thò ra ngoài hàng. Gã đặt những quả lựu đạn của mình xuống chân, gã lấy ống tay áo quệt mũi:

- Các cậu đến đây làm gì thế? Họ có bảo cho biết không?

- Có chứ, họ bảo chúng tớ đến đây để tấn công. Chúng tớ tiến đến chỗ kia, tiến đến cùng.

Gã hất đầu chỉ lên phương Bắc.

Chúng tôi tò mò nhìn họ thì thấy có một chi tiết đáng chú ý:

- Các cậu đem theo tất cả lệ bộ đi à?

Chúng tớ thấy mang cả đi là hơn, thế đó.

Một mệnh lệnh phát ra:

- Tiến lên!

Họ đứng dậy và tiến, mặt còn ngái ngủ, mắt hum húp, nét mặt nhăn nhoe. Có những gã còn trẻ, cổ gầy nhảnh, mắt đờ đẫn, bước đi bình thường và hòa bình. Cái việc mà họ sắp làm đây, hôm qua chúng tôi đã làm, chúng tôi thấy nó quá sức con người. Tuy vậy, họ vẫn cứ tiến lên phương Bắc.

Mactorô nói:

- Buổi thức dậy của những kẻ bị tử hình.

Chúng tôi tránh sang để họ đi, vừa thán phục vừa kinh sợ. Khi họ đi khỏi rồi, Mactorô hắt đầu và lâu bầu:

- Bên kia chiến tuyến cũng có những thằng mặc quân phục xám đang chuẩn bị. Cậu tưởng chúng thích xung phong lắm hay sao? Cậu điên à? Thế thì tại sao chúng lại đến đây? Tớ biết rằng không phải tự chúng nhưng cũng là tự chúng, vì chẳng thế sao chúng lại đến đây... Tớ biết, tớ biết chứ, nhưng cái đó thật là kỳ quặc.

Trông thấy một người đi qua, gã nghĩ luôn đến chuyện khác:

- Kia, thằng gì thằng gì cao kều, cậu có biết nó không? Chà, cái thằng cao lênh khênh, người nhọn hoắt! Tớ cũng biết rằng tớ cũng cao lớn nhưng cao vừa vừa thôi, đằng này hấn cao quá. Cái thằng thước đúp ấy cái gì hấn cũng biết, biết tuốt, không một ai lòe được hấn. Ta thử hỏi hấn để kiểm lấy một xó xỉnh mà nằm.

Anh chàng cao chót vót như một cây bạch dương cúi xuống Mactorô, trả lời:

- Tìm đâu được một xó xỉnh hử? Anh bạn ơi, chắc chắn là có. Thiếu gì. Đây, ở đằng kia – gã chìa khuỷu tay ra hiệu như người đánh điện tín bằng tay – kia, đó là biệt thự Von Hindenbua, và đây, chỗ kia là biệt thự Goluych còn nguyên vẹn. Nếu các cậu không ưng, tức là các ngài khó tính đấy. Có thể trong nhà còn lại mấy kẻ ở chung, nhưng toàn là những kẻ ít hiếu động, nên cậu có thể nói to trước mặt họ được.

Một khắc sau, khi chúng tôi đã dọn vào một trong những hồ đục vuông vắn đó thì Mactorô bỗng la lên:

- Ối chao! Khi ơi là khi! Ở đây có những kẻ ở chung mà nó không bảo cho chúng ta hay, cái thằng cột thu lôi, cái thằng lênh khênh ấy!

Gã nhắm mắt lại rồi lại mở ra, gã gãi cánh tay và gãi sườn.

- Tớ buồn ngủ quá! Nhưng ngủ thì không ngủ được. Chịu không sao ngủ được.

Chúng tôi ngáp ngắn ngáp dài, thở ngắn thở dài rồi cuối cùng châm lên một mẩu nến nhỏ bị ướt, mãi mới chịu cháy, mặc dầu chúng tôi đã phải áp nó vào bàn tay. Rồi chúng tôi nhìn nhau mà ngáp.

Hầm của quân Đức gồm nhiều ngăn. Chúng tôi tì người vào bức vách bằng ván hở kẽ, và ở bên kia bức vách, trong ngăn số hai, có những người đang thức: có ánh sáng lọt qua kẽ ván và nghe thấy tiếng người thì thào.

Mactorô nói:

- Họ thuộc trung đội khác.

Bất giác chúng tôi lắng tai nghe.

Một gã, trông chẳng thấy người ở đâu, lảo xào nói:

- Khi tớ về nghỉ phép trước đây, trước tiên là tớ buồn vì tớ nghĩ đến anh tớ mất tích hồi tháng ba, có lẽ đã hy sinh rồi, và nghĩ đến thằng cháu Juyliêng, lớp lính 15 bị chết trong chiến dịch tháng Mười. Rồi dần dần vợ tớ và tớ lại bắt đầu sống sung sướng bên nhau. Làm thế nào khác được? Thằng con út chúng tớ mới lên năm đã làm cho vợ chồng tớ khuây khỏa nhiều. Nó cứ muốn chơi làm lính với tớ. Tớ làm cho nó một khẩu súng trường con. Tớ giảng giải cho nó thế nào là chiến hào và nó vui vẻ ríu rít như một con chim, quất tháo ầm ỉ, cầm súng bắn tớ. Chà! Thằng khỉ con, nó hăng quá! Sau này nó sẽ là một chiến sĩ cừ. Cậu ạ, nó thật có tinh thần thượng võ.

Im lặng. Rồi lại có tiếng nói chuyện lảo xào thoảng qua, trong đó nghe có người nói đến tên “ Nã-phá-luân” rồi lại tiếng người – có khi vẫn người ấy – nói:

- Guyôm là kẻ đã gây ra cuộc chiến tranh này, nó là một con vật hôi hám. Nhưng Nã-phá-luân thì khác, đó là một vĩ nhân!

*

* *

Mactorô ngồi quỳ trước mặt tôi, dưới ánh sáng le lói và yếu đuối của ngọn nến, trong hố tối tăm và trống trải thỉnh thoảng gió rét lọt vào sờn gai ốc. Trong hố lúc nhúc cháy rận và những con người còn sống khốn khổ chồng chất lên nhau toát ra một mùi phảng phất như mùi áo quan... Mactorô nhìn tôi, gã cũng như tôi, còn phảng phất nghe thấy tiếng người lính vô danh: “Guyôm là một con vật hôi hám, nhưng Nã-phá-luân là một vĩ nhân” và người chiến sĩ vô danh đó khâm phục tinh thần thượng võ của đứa con gã còn sống sót lại. Mactorô buông xuôi hai tay, lắc lư cái đầu mỗi một và ánh sáng nhọt nhọt hắt vào vách bóng dáng của hai cử động đó thoát trông như một bức họa khô hài.

Anh bạn râu rĩ của tôi nói:

- À! Chúng ta không phải là những đồ tồi cả, mà là những người khốn nạn, những kẻ đáng thương. Nhưng chúng ta ngốc nghếch quá, thật là ngốc nghếch!

Gã lại quay mặt nhìn tôi. Trong khuôn mặt xòm xòa lông lá của gã, khuôn mặt chó xù, tôi trông thấy hai con mắt tròn xoe như mắt chó, tỏ vẻ ngạc nhiên và nghĩ ngợi đến những sự việc phức tạp, và trong đầu óc tối tăm nhưng trong trẻo, gã đã bắt đầu hiểu.

Chúng tôi ra khỏi hầm không thể nào ở được. Thời tiết đã hơi dịu: tuyết đã tan và cảnh vật trở nên bản thủ.

Mactorô nói:

- Gió đã liếm hết đường rồi.

*

* *

Tôi được chỉ định theo Jôdép Mexnin đến trạm cứu thương ở Đường Cột Điện. Viên đội Angriô giao anh bạn bị thương cho tôi và đưa tôi giấy di chuyển.

Angriô bảo chúng tôi:

- Nếu giữa đường các anh có gặp Bectrăng thì phải bảo bắt đi nhanh lên nhé! Đêm nay hẳn phải đi liên lạc mà chúng tôi chờ hẳn đã một tiếng đồng hồ rồi. Và “lão khom” đã bắt đầu nóng tiết lên và dọa sẽ nổi lòi đình lúc nào không biết đây.

Tôi cùng đi với Jôdép, mặt gã xanh xao hơn mọi khi một chút và vẫn cứ im lìm từ từ bước đi. Thỉnh thoảng thấy gã đứng lại, mặt nhăn nhó. Chúng tôi đi theo giao thông hào.

Một anh chàng bỗng nhiên hiện ra. Đó là Vônpat, gã nói:

- Tớ cùng đi với các cậu đến cuối dốc.

Gã được rồi, gã vung vẩy một chiếc gậy xoắn rất đẹp và gã xóc trong tay chiếc kéo quý hóa mà lúc nào gã cũng mang theo như người ta xóc phách.

Cả ba chúng tôi đi ra khỏi giao thông hào, những khi chiều dốc của khoảng đất cho phép đi mà không sợ trúng đạn vì hiện giờ pháo binh địch không hoạt động. Vừa ra ngoài thì gặp ngay một tốp người đang tụ tập. Trời mưa, nhìn qua những căng chân nặng nề như những cây to buồn thiu trong sương mù trên cánh đồng xám, chúng tôi trông thấy một người chết.

Vônpat lách mình đến thân người nằm ngang giữa những người đứng thẳng đang chờ đợi. Thế rồi gã văng mình ngoảnh lại và kêu to về phía chúng tôi.

- Pêpanh đấy.

Jôdép gần như muốn ngất đi, lập bập:

- À!

Gã tựa vào tôi, chúng tôi lại gần. Pêpanh nằm soài, chân tay dang ra, co quắp, và mặt gã đầy nước mưa đang chảy, sung vù, bị giẫm nát và xám khùng khiếp.

Một người tay cầm chiếc cuốc chim, mặt ướt mồ hôi, nhăn nhó những vết dài đen, kể lại cho chúng tôi nghe về cái chết của Pêpanh:

- Hắn ta vào một cái hồ lô trong đó quân Đức còn đang núp. Anh em không biết là có người, đem hun khói để cho sạch, thế là sau khi hun, người ta tìm thấy hắn đã chết rồi, người kéo dài ra như ruột mèo, xung quanh là xác của bọn lính Đức mà hắn đã chọc tiết trước khi chết, hắn giết gọn ghẽ quá, tớ có thể nói như vậy, vì xưa kia tớ làm đồ tể ở ngoại thành Pa-ri.

Khi chúng tôi tiếp tục đi, Vônpat nói:

- Tiểu đội ta lại thiếu một người nữa!

Bây giờ chúng tôi đã đến đỉnh khe, chỗ bắt đầu của cao nguyên là nơi mà chiều hôm qua chúng tôi đã vượt qua cuống cuồng và bây giờ thì không nhận ra được nữa.

Cánh đồng này hôm trước tôi có cảm giác là phẳng lỳ, nhưng thực ra thì hơi dốc, bây giờ là một nơi đầy thịt xương tan nát. Từ thì nhan nhản, chẳng khác gì một bãi tha ma mà lớp đất ở trên đã bị hót đi.

Từng đám người đương đi dọc ngang, nhận diện những người đã chết hôm trước và đêm trước, lật những thi hài lên, nhận kĩ những chi tiết để nhận diện mặc dầu mặt mũi khác cả. Một trong những người đi nhặt xác ấy lấy ở bàn tay một người chết ra một tấm ảnh rách nát đã mờ, tấm ảnh cũng như bị giết chết.

Ở chân trời xa xôi, những đám khói đen của đạn trái phá cuộn cuộn bốc lên rồi nổ vang. Từng binh đoàn quạ như những mảng lâm chám đen rất rộng quét qua bầu trời.

Ở dưới đất, trong đám người nằm im lìm, chúng tôi nhận ra những bộ quần áo bị tiêu mòn và như bị xóa nhòa đi, những người lính Ả-rập, những tán binh và những lính lê dương bị chết trong cuộc tấn công tháng năm. Hồi đó, tiền tuyến ta đóng sát với rừng Bectônvan cách đây năm sáu cây số. Trong đợt xung phong đó, một trong những đợt xung phong ác liệt trong cuộc chiến tranh này và trong tất cả mọi cuộc chiến tranh, họ đã chạy một mạch tiến đến tận đây. Thành thử họ là một mũi dùi tiến quá sâu trong đợt tấn công, và họ đã bị súng máy của địch quét từ hai bên sườn những trận tuyến mà họ đã vượt qua. Từ mấy tháng nay rồi, cái chết đã làm cho mắt họ tan ra, má rữa hết rồi, tuy nhiên, trong những hình hài rải rác đã bị mưa gió

làm phân tán đi và gần hóa thành tro bụi, người ta vẫn còn nhận ra được vết tích phá hoại của những khẩu súng máy đã diệt họ, xuyên thủng lưng, thủng sườn, cắt người họ ra làm hai khúc. Bên cạnh những chiếc đầu đen thui, như bằng sáp, giống như những xác ướp ở Ai-cập, lổn nhổn những dòi bọ và những xác côn trùng, bộ răng nhọn hoắt trắng muốt từ trong hốc má nhe ra; bên cạnh những chân cụt, tay cụt đen đen ngồn ngang như rễ cây bật ra khỏi đất, người ta trông thấy những chiếc đầu lâu nhẵn nhụi, vàng vàng, đôi mắt nhắm bằng da đỏ, làn vải bọc xám tan vụn ra như những tờ giấy cỏ. Xương ống thòi ra ngoài đám sớng áoбет bê bùn hung hung đỏ hoặc một mẫu xương sớng lòi ra ngoài lỗ vải xác xơ quánh như hắc ín. Xương sườn rải rác đó đây như những lông chim gãy, gần đó lộ ra những mảnh da thuộc bị băm nát, những ca và ca-men bị thủng và bẹp dúm. Xung quanh một cái ba lô bị chọc thủng đẽ trên một đồng xương, một nắm mảnh da và những đồ quân trang, những vết trắng đều đặn và rải rác, cúi xuống trông thì đó là những đốt ngón chân ngón tay của một cái xác đã nát.

Đôi khi có chỗ đất phình ra hơi dài dài, – vì những người chết không mò đó rồi sao thế nào cũng bị nhận chìm xuống đất, – một mẫu vải thò ra cho biết là ở đó, một con người đã hóa ra hư không ở nơi đây của trái đất.

Quân Đức hôm qua còn đóng ở đây đã bỏ không kịp chôn vùi những người chết của chúng bên cạnh những người chết của chúng tôi, chúng có lẽ ba cái tử thi này thối rửa, cái nọ đè lên cái kia, lẫn vào cái kia, với những mũi chỏm tròn màu xám mép đỏ viền kín bằng một quai da màu xám, áo ngắn xám vàng, mặt xanh lè. Tôi nhìn hình dạng một bộ mặt: Một đám đấtбет từ cổ đến những mớ tóc dính vào mũi, mặt biến thành tổ kiến và trông mắt như hai trái cây đã thối. Một cái xác khác, mình rộng, khô đét, nằm sấp, bẹp dí, lưng rách bung, gần như bùng nhùng, bàn tay, bàn chân và mặt vùi vào đất.

- Cậu coi, thằng này vừa mới chết...

Ở giữa cánh đồng, dưới bầu trời mưa giá, sau một ngày nhợt nhạt của một cuộc chém giết cuồng loạn, một người đã bị chôn sâu xuống đất, chỉ còn lộ lên cái đầu đã mất hết máu và ướt át với một bộ râu nặng nề.

Đó là quân ta: mũi của hắn ở ngay bên cạnh. Mũi mắt phồng lên để hở một chút lòng trắng như men, và cái môi bóng loáng như một con sên trong

đám râu râu rì. Chắc hẳn hẳn đã bị chúi vào một hồ đại bác, rồi một quả đại bác nữa đã lấp cái hồ ấy đi, vui hẳn như tên Đức đầu mèo ở Quán rượu Đỏ.

Jôdép chậm chậm tiến lại gần và nói rất khó khăn:

- Tớ không nhận ra được cậu này.

Vônpat trả lời:

- Tớ thì tớ nhận ra được.

Jôdép thất thanh hỏi:

- Cậu nhận ra được cái anh chàng râu xồm này?

- Hẳn không có râu, cậu xem đây.

Vônpat ngồi xổm xuống, đưa đầu gậy xuống cầm của tử thi và gạt một cục bùn gắn chặt vào đầu như bộ râu phải rời ra. Rồi gõ nhặt cái mũ sắt của người chết, đội lại cho hẳn ta và đặt trước hai con mắt của tử thi, trong một lúc lâu, hai cái khuyên tay của chiếc kéo nổi tiếng của gã, cho nó như đeo kính.

Chúng tôi cùng kêu lên:

- Trời! Côcôn.

- Trời!

Khi đã được tin hoặc trông thấy một cái chết của một trong những người anh em đã chiến đấu bên cạnh mình, cùng sống đời sống đúng như mình thì ta bỗng dưng bị nhói thẳng đến da thịt, mà ta chưa hiểu rõ gì cả. Ngay lập tức, ta tưởng chừng như chính bản thân ta tiêu ma, và mãi sau này ta mới thấy thương tiếc người quá cố.

Chúng tôi nhìn cái đầu góm guốc ấy vì cuộc tàn sát bây giờ đã xóa nhòa một cách tàn nhẫn mọi ký ức. Lại mất thêm một bạn đồng ngũ nữa... Chúng tôi đứng quanh gã, ngần ngại.

- Hẳn xưa là...

Chúng tôi muốn nói đôi lời, nhưng không biết nói gì cho đủ nghiêm trang, đủ trân trọng và đủ chân thành.

Jôdép toàn thân đang bị đau đớn kinh khủng, khó khăn lắm mới nói được ra lời:

- Đi thôi, các cậu ơi! Tớ không còn đủ sức đâu để chốc chốc lại đứng lại.

Chúng tôi vĩnh biệt Côcôn khốn khổ, con-người-chữ-số, lướt mắt nhìn qua một lần cuối cùng, ngấn ngủi, gần như lơ đãng.

Vônpat nói:

- Ai có thể ngờ được...

...Không, không ai có thể ngờ được. Tất cả những người đó mất cùng một lúc làm cho tâm hồn chúng tôi tái tê. Số người sống sót lại chẳng còn là bao. Nhưng chúng tôi có một ý niệm mơ hồ về sự cao cả của những người đã chết. Họ đã hiến dâng tất cả sức lực của họ, rồi cuối cùng trong một lúc họ hiến cả sinh mạng. Họ đã vượt lên trên sự sống, sự cố gắng của họ là một cái gì siêu nhân loại và hoàn toàn.

*

* *

- Kìa, hấn vừa bị chết, vậy mà...

- Một cái thây gầy trơ xương mới bị một vết thương làm ướt cổ.

Vônpat nói:

- Chuột đây. Xác chết đã lâu rồi, nhưng chuột giữ gìn cho chúng. Cậu thường thấy những con chuột bị chết, có lẽ bị ngộ độc, ở gần chúng ta hoặc là gần mỗi xác. Này nhé, cái xác của người khốn khổ này sắp cho ta thấy những con chuột của nó.

Gã lấy cái chân hất cái xác bẹp lên và quả là thấy hai con chuột chết vùi ở đó.

Vônpat nói:

- Tớ muốn đi tìm Facfadê. Tớ đã bảo nó chờ tớ trong khi chúng tớ đang chạy và hấn vượt tớ. Khốn nạn thằng bé, miễn là nó chờ tớ!

Thế rồi, gã đi đi lại lại, tò mò, sục tìm những xác chết. Những người chết đứng đờ đẫn để mặc gã đi từ người nọ sang người kia, mỗi bước lại nhìn xuống đất. Bỗng nhiên, gã thét lên một tiếng kêu thống khổ. Gã vẫy tay gọi chúng tôi, rồi quỳ xuống đất, trước một người chết.

- Bectrăng!

Một cảm xúc đau chói dai dẳng làm chúng tôi quặn ruột. Trời! Một người như anh, xưa nay nghị lực và trí sáng suốt vượt trên cả chúng tôi mà cũng bị giết như những người khác ư! Anh đã bị giết, anh đã hứng lấy cái chết vì anh đã luôn luôn làm tròn nhiệm vụ. Anh đã tìm thấy cái chết ở một nơi đáng chết!

Chúng tôi nhìn anh rồi chúng tôi ngoảnh mặt đi để khỏi trông thấy nữa và chúng tôi nhìn nhau.

- Trời!

Trông anh thật khiếp tửm. Cái chết đã làm cho anh, bình sinh đẹp đẽ và bình thản như thế, nay diện mạo và cử chỉ thật là kỳ dị. Tóc xõa xuống mắt, miệng sùi bọt ra rìa mép, mặt sưng húp, anh như đang cười. Một mắt nhắm, một mắt mở, lưỡi lè ra. Hai cánh tay gập chéo trên mình, bàn tay mở, ngón tay xòe ra. Chân phải duỗi về một bên, chân trái bị một mảnh đạn bẻ gãy gập cong queo, rời hấn khớp, ướm nhòn, mất xương và khiến anh bị chết vì mất máu. Những cái giãy giụa cuối cùng lúc hấp hối có một vẻ châm biếm nào nuốt làm đáng điệu anh như một anh hề.

Chúng tôi sắp đặt anh lại, để anh nằm thẳng lên và vuốt mặt anh cho hết vẻ khủng khiếp. Vônpat đã móc túi anh lấy ra cái ví để mang về nộp văn phòng, gã trình trọng đặt cái ví đó vào những giấy má riêng của gã, cạnh tấm ảnh của vợ và con gã. Sau đó, gã lắc đầu:

- Các cậu ơi! Anh thực là một người tốt. Khi anh nói ra điều gì thì nhất định là chính xác. Chao! Chúng ta đang cần anh biết bao.

Tôi trả lời:

- Phải, chúng ta còn đang cần anh ấy nhiều lắm.

Vônpat thì thầm:

- Ôi! Chà, chà!

Và gã run lên.

Jôdép thì khe khẽ nhắc lại:

- Chà! Mẹ kiếp! Mẹ kiếp!

Cánh đồng đầy người như một cái quảng trường. Có những toán đi làm phục dịch, có những người đi riêng lẻ một mình. Đó, đây, những anh lính cáng bắt đầu làm cần cù, tỉ mỉ công việc bao la vô tận của họ.

Vônpat từ giã chúng tôi để trở về chiến hào báo những tin tang tóc mới, và nhất là tin mất Bectrăng. Gã bảo Jôdép:

- Chúng ta luôn báo tin cho nhau nhé. Thỉnh thoảng cậu viết cho tớ một câu giản dị như thế này: “Tốt cả – Ký tên: Phó mát”. Thế nhé!

Rồi gã đi lấp vào bọn người đi lại trong cái khoảng rộng dưới trời mưa buồn thiu, vô cùng tận.

Jôdép dựa vào tôi. Chúng tôi đi xuôi xuống khe núi.

Con đường dốc chúng tôi đang bước xuống gọi là “Những tổ ong của lính A-rập”... Những người lính A-rập của cuộc chiến đấu tháng năm hồi đó đã bắt đầu đào những hố trú ẩn cá nhân, rồi bị giết hết ở xung quanh đó. Có những người bị gục ngay ở bờ hố mới đào, tay vẫn còn cầm cái mai xẻng, bàn tay đã mất hết thịt, hoặc còn trố mắt nhìn nó bằng hai lỗ mắt sâu hoắm, tròng con mắt đã khô cứng què. Đất đầy những người chết, nhiều đến nỗi những nơi đất sụt xuống để lộ ra những cẳng chân người, những bộ xương gàn như mất hết quần áo, những đám đầu lâu chen chúc nhau vào sườn dốc dựng ngược, như những lọ sành.

Ở đây, trong đất có nhiều lớp người chết, và ở nhiều nơi đại bác sục vào làm những lớp người chết trồi bật ra, nằm rải trên những lớp người chết sau. Lòng khe chất đầy khí giới gãy nát, quần áo và dụng cụ. Chúng tôi giẫm lên những mảnh đạn, sắt vụn, bánh mì và cả bích quy từ những bao

tung ra và chưa bị mưa làm rửa. Những ca-men, những hộp đồ hộp, những mũ sắt lỗ chỗ thủng đạn trông như những môi hót bọt đủ các kiểu; và những cốc gãy tung cũng bị nhiều vết đạn xuyên thủng.

Chiến hào dọc theo cái thung lũng nhỏ ấy trông như những vết nứt nẻ do địa chấn gây ra, chẳng khác gì người ta đã đổ từng xe bò những vật kỳ dị lên trên sự tàn phá của một trận động đất. Và ngay ở nơi không có người chết thì mặt đất cũng sặc mùi xác chết.

Chúng tôi vượt qua Giao thông hào quốc tế hãy còn phát phơ những xống áo mọi màu ở một nơi quanh co mấp mô, quặt khúc, hình dáng méo mó của nó giữa đồng lộn xộn những giẻ vải trông chẳng khác gì nó cũng bị ám sát vậy. Dọc theo đó, đến tận bức tường đất chắn ngang, xác lính Đức xoắn xít vào nhau như những dòng thác tội nhân dưới âm phủ, vài cái xác thò ra khỏi hang đầy bùn giữa một đồng đầy những xà, những dây thừng, dây thép, sọt đất, phen và lá chắn. Ở bức tường chắn ngang, một xác chết bị chôn đứng ở giữa những xác khác; cùng chỗ đó, một xác nữa vùi nghiêng trong không gian bi thảm: cả khối đó, trông như một mảnh bánh xe sa lầy, một mẫu cánh của cái cối xay gió bị tung vỡ. Và trên tất cả đám thịt xương và rác rưởi lung tung đó, rải rác không biết bao nhiêu tranh ảnh tôn giáo, bưu ảnh, sách đạo, những tờ giấy viết bài cầu nguyện bằng chữ gô-tích từ những bộ quần áo bị xé toang vọt ra. Những bài cầu nguyện đó giống như những bông hoa trắng trẻo của sự dối trá và vô bổ tô điểm cho cảnh ôn dịch, cho cái thung lũng của sự diệt vong này.

Tôi tìm một lối đi vững chãi để đặt Jôdép đang bị vết thương dần dần làm tê liệt: gã cảm thấy sự tê liệt ấy lấn dần trong toàn thân. Khi tôi dắt đi, gã không để ý nhìn gì cả, còn tôi thì tôi quan sát cảnh đảo lộn ghê gớm mà chúng tôi đang bước qua để chạy trốn.

Chúng tôi đặt chân vào một nơi trước đây là một chòi canh. Một tên đội nhất Đức ngồi ở đó, lưng tựa vào ván nát. Một lỗ nhỏ ở dưới mắt hấn: một nhát lưỡi lê xuyên qua mặt đã cắm chặt hấn vào tấm ván. Trước mặt hấn, một tên khác phần trên đầu bị cắt đứt hấn đi như một quả trứng la-coóc, cũng ngồi, hai khuỷu tay chống lên đầu gối, tay nắm lại tì lên cổ. Bên cạnh đó, có một nửa thân người sừng sững như đang còn đứng gác, trông khủng khiếp: đó là một người đã bị chẻ ra làm hai từ đầu đến hông, tựa vào tường

đất. Không biết nửa người kia ở đâu, mảnh còn lại thì một con mắt lủng liểng ở bên trên, còn ruột gan xanh lè thì quần tròn quanh cẳng chân.

Ở dưới đất, chân đi dính bết vào một lớp máu đã khô cứng ở những lưới lê Pháp bị quần, gãy, cong queo vì đâm mạnh.

Nhìn qua kẽ hông của tường hào bị chém xẻ, chúng tôi thấy một cái nền đầy tử thi của bọn lính hộ vệ Phổ, có lẽ là đang quỳ với dáng điệu van lơn, bị xiên từ sau lưng, lỗ xiên đầy máu, như bị tội đóng cọc. Người ta đã lôi ở đó ra thì thể lớn tướng của một anh tán binh người Xê-nê-gan đã cứng queo trong tư thế lúc chết, mình vắn vẹo, tựa vào chỗ trống không, chân cũng như bám vào khoảng không, mắt nhìn vào hai khuỷu tay bị lựu đạn nổ tiện đứt: mặt hấn động đập như đương nhai những con dòi.

Một anh lính sơn binh đi qua bảo chúng tôi:

- Ở đây chúng đã phải phát cờ trắng, nhưng vì đối với phương của chúng là lính Ả-rập, nên phải biết, ai để chúng thoát!... Kia, đây là cái cờ trắng mà chúng đã phát.

Gã nắm lấy và vung vẩy một cái cán cờ dài nằm ở đó, trên cán cờ, người ta buộc một vuông vải trắng đang bay phàn phật một cách vô tư.

... Một hàng dài những người mang xẻng đang tiến theo dọc hào rách nát. Họ được lệnh làm cho đất hào sụp xuống những chỗ còn trống, lấp hết cả để chôn những thi hài ấy tại chỗ. Như vậy, những người lao động đội mũ sắt đỏ sắp sửa hoàn thành tại đây sự nghiệp đền bù, trả lại cho đồng ruộng hình thù vẹn toàn của nó bằng cách san lại những hố mà xác những kẻ xâm lăng đã lấp nửa chừng.

*

* *

Ở bên kia giao thông hào có tiếng gọi tôi; một người ngồi dưới đất dựa vào một cái cột, đó là lão Ramuya; nhìn qua áo ca-pốt và áo ngắn mở khuy của lão, tôi thấy băng quần đầy quanh ngực lão.

Lão bảo tôi, giọng khàn khàn, và nhẹ nhẹ, khò khè:

- Y tá đã băng bó cho tớ, nhưng từ bây giờ đến tối thì chưa thể khiêng tớ đi được. Nhưng tớ biết chắc chắn rằng thế nào thì chỉ lát nữa là tớ sẽ chết.

Lão hát đầu, van tôi:

- Cậu ở lại đây một lúc với tớ.

Lão cảm động, nước mắt lão tuôn ra. Lão giơ tay nắm lấy tay tôi. Lão muốn nói với tôi lâu và như muốn sám hối. Nước bọt hòa lẫn nước mắt, lão nói:

- Trước chiến tranh, tớ là một người lương thiện. Tớ làm việc từ sáng đến tối để nuôi gia đình. Thế rồi tớ đến nơi này để giết quân Bôtsơ... Và giờ đây thì tớ bị giết. Cậu ơi, nghe tớ, nghe tớ, hãy nghe tớ, đừng bỏ tớ đi...

- Tôi còn phải đưa Jôdép đi, vì anh ấy mệt quá rồi. Xong việc tôi sẽ trở lại.

Ramuya nhìn gã bị thương với đôi mắt đầy lệ:

- Không những còn sống mà lại còn bị thương nữa! Thế là thoát chết! Có những người vợ và những đứa con thật may mắn. Thôi thì cậu đưa hẳn ta đi rồi cậu trở lại đây. Mong rằng tớ chờ được cậu đến lúc đó...

Bây giờ thì phải leo lên mé dốc bên kia. Chúng tôi đi lọt qua khoảng đất hõm méo mó và bị tàn phá của giao thông hào 97.

Bỗng nhiên những tiếng rít điên rồ xé tan bầu không khí. Một loạt trái phá nổ ở trên đầu chúng tôi. Từ giữa những đám mây màu nâu, những đám sao băng khủng khiếp chói sáng lên và bắn ra tung tóe. Những loạt đạn lăn ào ào từ trên trời rơi xuống vỡ tan vụn ra trên sườn đồi thọc vào đất làm bật tung lên những lớp xương cũ, và những loạt lửa ầm ầm nổ ra thành một hàng đều.

Cuộc bắn chặn lại bắt đầu.

Người ta kêu lên như trẻ con:

- Thôi đi! Thôi đi!

Những máy móc reo rắc sự chết chóc, trận bão sắt thép ấy cứ theo đuổi chúng tôi mãi trong không gian, trong sự lì lợm ấy có một cái gì thật là quái gở. Jôdép cầm lấy tay tôi và qua vai tôi, gã nhìn đám mưa rào đang đổ trút xuống đó. Gã gục đầu xuống như một con vật điên cuồng bị dồn vào bước đường cùng.

Gã gầm lên:

- Thế nào, lại tiếp tục nữa ư? Mãi mãi ư? Tất cả những cái gì mà ta đã làm, tất cả những cái gì chúng ta đã thấy... Thế mà vẫn tiếp tục nữa ư? Không, không!

Gã quỵ xuống, thở hổn hển nhìn một cách bất lực về trước mặt, rồi nhìn về sau lưng, gã nhắc lại:

- Không bao giờ hết ư? Không bao giờ ư?

Tôi cầm cánh tay gã, xóc gã lên:

- Hãy đi đi, đối với cậu thì những cái đó sắp hết rồi.

*

* *

Phải gắng chờ ở đó trước khi leo lên. Tôi nghĩ đến việc đi tìm lão Ramuya hấp hối đang mong tôi. Nhưng Jôdép bám lấy tôi, và tôi thấy nhiều người xúm xít ở nơi mà tôi vừa bỏ anh bạn sắp chết. Tôi đoán ra: bây giờ đến đây cũng vô ích.

Đất ở khe, nơi chúng tôi đang bám chặt lấy nhau, run rẩy dưới cơn bão táp và mỗi phút đại bác như một cơn gió mạnh ào ào chuyển đến. Nhưng trong chỗ trũng mà chúng tôi trú ẩn, chúng tôi không sợ bị trúng đạn. Khi đạn vừa ngớt thì những người đang chờ đợi như chúng tôi tiến ra và bắt đầu leo lên: đó là những anh lính cẩu, họ cố gắng một cách phi thường để leo lên, trên vai khiêng một thân người, trông họ như những con kiến gan lì cố gắng mỗi khi bị những hạt cát xô xuống; còn có những người khác đi từng đôi, và có những người đi một mình: đó là những người bị thương hoặc những anh liên lạc.

Jôdép hai vai trĩu xuống, đưa mắt ước thử chiều dài của đoạn đường khổ ải cuối cùng của gã, nói:

- Thôi, ta đi đi.

Ở đó, có nhiều cây, một rừng thân cây liễu bị tước vỏ, có gốc rộng như mặt người, có những gốc khác bị khoét lõm toang hoác giống như những cổ quan tài dựng đứng. Quang cảnh nơi đây, những đồi, những vực, những chỗ phình phình tối tăm, mọi chỗ đều xơ xác đảo lộn trông như tất cả những đám mây của cơn phong ba đều tập trung lại đây. Bên trên cảnh vật bị hành hình và đen tối ấy, những thân cây tan tác chạy dài trên nền trời nâu, có vân, đôi chỗ trắng như sữa và lò mờ lấp lánh, một bầu trời bằng ngọc thạch.

Ở lối vào giao thông hào 97, một cây sồi bị đổ nằm chắn ngang, thân cây vụn vụn.

Một xác chết lấp đường hào. Đầu và hai chân bị vùi vào đất. Nước bùn chảy trong hào đã phủ lên những chỗ không bị vùi một lớp cát mỏng trơn. Dưới lớp cát ẩm ướt mỏng manh ấy, trông thấy phồng lên cái ngực và cái bụng bệu một chiếc sơ mi.

Chúng tôi bước qua xác chết lạnh giá, nhóp nhép và trắng trắng như bụng một con cá sấu gù bị trôi giạt. Bước đi rất chật vật vì đất mềm và trơn, chúng tôi phải thọc đến tận cổ tay trong đất bùn của vách hào.

Giữa lúc đó, một tiếng rít giữ dội lướt trên đầu chúng tôi. Chúng tôi nép mình xuống như những cây sậy. Viên đạn trái phá nổ tung ra, đỉnh tai chói mắt, trong không gian, trước mặt chúng tôi và vùi chúng tôi trong đám khói đen lớn như núi, nghe có tiếng rít khủng khiếp. Một người lính đang leo lên, dang hai cánh tay như quờ quạng và bị hất xuống chỗ đất sâu. Tiếng người hò hét nổi lên rồi tắt ngấm như bị gãy vụn. Qua bức màn lớn đen tối mà gió thổi thốc từ mặt đất lên tận trời cao, người ta trông thấy những anh lính cẳng đặt cẳng xuống, và chạy đến nơi có tiếng nổ, nâng lên một vật không cử động. Cảnh đó bất giác gợi lại cho tôi một hình ảnh không thể quên được trong đêm mà Pôteclô, bạn chiến đấu của tôi, con người có tâm hồn tràn đầy hy vọng, đã bị bắn tung trong đám lửa một viên đại bác, hai tay dang thẳng.

Cuối cùng, hì hục mãi, chúng tôi cũng lên tới đỉnh dốc. Ở đó, một anh bị thương khiến chúng tôi kinh hãi dựng lên như một cột hiệu: hắn đứng thẳng người, gió lay, nhưng hắn vẫn trơ trơ như bị chôn chân xuống đất; trong cái mũ chụp bị hất lên, đập phàn phật trong gió, mặt hắn như đang nhăn nhó và đang gào thét, và chúng tôi phải đi qua cái thứ cây đang kêu gào ấy.

*

* *

Chúng tôi đã đến tiền tuyến cũ của chúng tôi, là nơi từ đó chúng tôi xuất phát tấn công. Chúng tôi ngồi lên cái ghế dài để kê bắn ở sát bậc lên mà công binh đã đào trong giờ phút cuối cùng để chúng tôi xuất phát. Anh lính xe đạp Ôtêcơ mà từ lâu bây giờ chúng tôi mới lại gặp, đi qua và chào hỏi chúng tôi. Gã đi khỏi rồi lại quay trở lại, lấy ra trong nếp gấp ở cổ tay áo một chiếc phong bì thò lò ra như một vành lon trắng.

Gã bảo tôi:

- Có phải cậu nhận thư từ cho Bikê đã chết không?
- Phải
- Đây đây một bức thư gửi trả lại. Địa chỉ mất tiết rồi.

Phong thư có lẽ dầu dãi ngoài mưa ở mặt trên một bó thư, đã bị nước mưa rửa sạch, và giấy ngoài khô đi đã bị nát như, không thể nào đọc được địa chỉ trong những vệt nước tím. Chỉ còn một góc mấy chữ còn đọc được ở địa chỉ của người gửi... Tôi khê móc lá thư ra: “Mẹ yêu dấu...”

- À! Tôi nhớ ra rồi!...

Bikê bây giờ đã bị phơi thây ngoài trời, nhưng trước đây không lâu, ở ngay cái chiến hào mà hiện giờ chúng tôi đang nghỉ chân, vào một buổi trưa rực sáng và tuyệt đẹp, gã đã viết bức thư đó gửi về nơi tạm trú quân làng Gôsanh Labê để trả lời bức thư của mẹ đã có những lo âu băng quơ về gã và làm gã tức cười...

“Mẹ tưởng con đang bị rét, bị mưa, ở nơi nguy hiểm. Không có thể đâu, trái lại. Những cái ấy hết rồi. Trời nắng, mồ hôi ra, chúng con nhàn rồi, chỉ có việc đi loăng quăng ngoài nắng. Thư của mẹ làm con buồn cười...”

Tôi tra lại bức thư vào phong bì đã nát nhừ và mỏng mảnh: nếu không vì ngẫu nhiên mà tránh được những việc éo le thì có lẽ bức thư này đã được bà cụ nông dân kia đọc nó đúng vào lúc mà thân thể của con bà chỉ còn là một chút tro ướt đang thấm đi và chảy dần như một dòng nước đen sì trên vách hào, trong rét mướt và bão táp.

Jôdép tì đầu về đằng sau. Có một lúc gã nhắm mắt lại, miệng hơi hé, để lọt ra hơi thở nấc lên từng cơn. Tôi bảo gã:

- Can đảm lên!

Gã lại mở mắt ra, gã trả lời tôi:

- À! Cậu nói đó, cậu không cần phải nói với tớ. Cậu hãy nhìn những người kia, họ lại trở lại mặt trận, và cả cậu nữa, cậu cũng sẽ trở lại. Tất cả những cái đó sẽ tái diễn đối với các cậu. Chao! Phải thật cứng rắn mới có thể chịu đựng, chịu đựng được!

XXI – TRẠM CẤP CỨU

Bắt đầu từ đây, có thể trông thấy trạm quan sát của địch nên chúng tôi không thể đi ra ngoài giao thông hào nữa. Trước hết, chúng tôi đi theo con Đường Cột Điện. Chiến hào đào ở cạnh đường đi và đường đi bị xóa hẳn: cây cối bị bứt lên hết, chiến hào đã gặm và nuốt gần hết theo dọc con đường, chỗ còn lại đã bị đất và cỏ lấn hết, và dần dần ngày này qua ngày khác nó đã lẫn với đất ruộng. Ở nhiều nơi trong chiến hào một bao đất bung ra, để lại một lỗ hoắm bùn, chúng tôi trông thấy ở ngang tầm mắt lớp đá rải đường bị phơi lộ ra, hoặc rễ những cây ven đường đã bị ngã xuống, luyên vào bờ hào. Bờ hào đắp chỗ cao chỗ thấp như một làn sóng đất đầy những mảnh vụn, gãy nát và bọt đen sì mà cánh đồng đã thải ra và dòn vào sát cạnh hào.

Chúng tôi đi đến chỗ các giao thông hào chằng chịt gặp nhau. Trên đỉnh mô đất ngồn ngang in hình trên nền mây xám, một tấm biển nhỏ ảm đạm đã được đóng ở đó, nghiêng theo hướng gió. Hệ thống giao thông hào cứ thất hẹp mãi lại: từ mọi nơi của quân khu, người ta nhón nháo đổ xô đến trạm cấp cứu mỗi lúc thêm đông và ùn lại trong những đường đi sâu hoắm.

Những ngõ hẹp buồn tênh lác đác thân người. Tường đất, từng đoạn không đều, bị chặt khúc bởi những lỗ hoàn toàn mới, những hố hình phễu đất vừa bốt xong, trông phân biệt hẳn với nền đất mốc thối xung quang. Ở đó, những thân người đầy đất đang ngồi xồm, hàm răng tì vào đầu gối hoặc tựa vào vách, miệng im lìm như những khẩu súng của họ dựng cạnh đây. Đôi ba người chết đứng ấy quay về phía những người còn sống, những bộ mặt vấy máu, hoặc ngoảnh đi nơi khác, ngược mắt lên khoảng không trên trời.

Jôdép đứng lại để thở. Tôi đỡ gãi như đỡ một trẻ nhỏ:

- Sắp đến, sắp đến rồi.

Con đường ngao ngán, hai bên vách quá gồ, lại thất hẹp thêm. Chúng tôi có cảm giác bị nghẹt, cảm giác một con ác mộng phải xuống một nơi bó hẹp, thất lại và ở đấy sâu hai bên vách như đứng sát lại nhau, khép chặt vào.

Chúng tôi phải dừng lại, len lỏi, chập vật, dẹp những xác chết sang một bên, và chúng tôi bị xô đẩy vì dãy những người hỗn độn phía sau tràn đến mỗi lúc một đông: những người đưa thư, những anh khập khiễng, những người rên la, những kẻ kêu gào, vội vã cuống cuống, mặt lên cơn sốt đỏ bừng, hoặc xanh mướt, run lẩy bẩy vì đau đớn.

*

* *

Tất cả đám đông ấy, sau cùng ào đến tụ thành dòng và rên la ở ngã tư, trước cửa Hàm Cấp Cứu.

Một quân y sĩ vung chân vung tay và quát tháo để giữ lấy một chỗ quang, không cho làn sóng thủy triều dâng lên ấy tràn vào phòng trú ẩn. Hắn ta bằng bó tạm thời cho anh em ở ngoài trời chỗ cửa ra vào theo người ta nói, hắn đã cùng với những người phục dịch làm việc luôn tay suốt cả đêm qua và cả ngày hôm nay, công việc của hắn thật là quá sức người.

Ra khỏi tay hắn, một phần những người bị thương chuyển luôn vào trạm như lọt vào lỗ giếng, một phần nữa được đưa về phía sau trạm, rộng rãi hơn trong chiến hào đường Bêtuyn.

Trong khoảng trống hẹp do những hào hố gặp nhau kết thành giống như triều đình của bọn ăn xin, chúng tôi phải chờ đợi trong hai tiếng đồng hồ, bị chen ních ngạt thở, che lấp mặt nhau, người nọ trèo lên người kia như một đàn súc vật, sặc mùi máu và mùi hàng thịt. Một bệnh nhân không sao cầm được nước mắt, khóc rũ rượi, gã lắc đầu làm chảy cả nước mắt vào những người bên cạnh. Một người khác, máu chảy ồ ạt, kêu rầm lên: “Ồ này! Cẩn thận cho tôi nhờ!” Một gã thanh niên mắt đỏ ngầu, giơ tay lên và hồng hộc như người bị tội dưới âm ti: “Người tôi đương cháy!” gã gào lên và thở phì phò như một đàn lừa.

*

* *

Jôdép đã được băng bó. Gã len đến chỗ tôi và giơ tay bắt tay tôi. Gã bảo tôi:

- Không có gì trầm trọng, hình như thế thì phải. Thôi, vĩnh biệt.

Chúng tôi bị xô đẩy, rời khỏi nhau. Tôi nhìn gã một lần cuối cùng thì thấy mặt gã thất sắc, gã bị thu hút vào sự đau đớn, lơ đãng để cho một người lính cáng ở đại đoàn đặt tay lên vai dẫn gã đi. Bỗng nhiên, tôi chẳng còn trông thấy gã nữa.

Trong chiến tranh, cái sống cũng như cái chết, thường ngăn cách chúng ta không để chúng ta có thì giờ nghĩ đến nhau.

Người ta bảo tôi không nên đứng ở đó, phải xuống trạm Cấp Cứu mà nghỉ trước khi trở về.

Trạm có hai lối vào rất thấp, là là mặt đất, một lối vào thông với một cửa đường hầm hơi dốc và hẹp như cái cống. Muốn vào trong trạm phải quay lưng vào trước, rồi đi giật lùi, gấp đôi người trong cái ống hẹp đó, chân lần thấy có bực: cứ ba bước có một cái bực cao.

Vào đến trong rồi thì thấy như mình bị mắc cạm và có cảm giác không đủ chỗ để đi lên cũng như đi xuống. Đi sâu hơn nữa xuống vực thì cái cảm giác một con ác mộng bị nghẹt thở từ khi mới bước chân vào hào, khi lạc xuống đây càng tăng thêm. Bốn bề chỗ nào cũng bị va đầu, đụng chạm, ngăn lại, tắc tị không đi được nữa, thấy chật chội mà rùng mình. Phải xoay lại bao đạn ở thắt lưng da rồi ôm túi dết vào cánh tay, áp vào ngực. Đến bực thứ tư, đường đi thắt hẹp thêm và ta cảm thấy rờn rợn: hơi nhấc đầu gối lên để tiến về phía sau lưng thì lưng đập vào trần. Đến đó thì phải bò, vẫn là bò lùi. Càng đi sâu xuống, càng chìm đắm trong một bầu không khí hơi hám và nặng nề như lớp đất đè nặng ở trên. Tay sờ soạng vào đất sét lạnh, bầy nhầy như đất trong mả. Thứ đất ấy bốn bề đè trĩu lên ta, chôn vùi ta trong sự hoang vu ghê rợn, tạt vào mặt ta một luồng hơi mù mịt và mông mốc. Đến những bực cuối cùng, lần mãi mới tới thì một tiếng ồn ào như ma quái từ dưới hố đưa lên, bao vây lấy ta, nóng hổi như hơi bếp núc.

Sau hết, khi đến tận đáy cái hào có bực đó mà mỗi bước ta bị đụng chạm và thắt chặt ấy, vẫn chưa hết ác mộng: ta thấy lọt vào một cái hầm tối

om, rất dài, nhưng hẹp, nó chỉ là một cái hành lang cao chưa đầy một thước rưỡi. Nếu không khom người và khụy chân mà đi cong gối thì đầu ta sẽ va ngay vào những tấm ván dày ở trên trần, và những người mới đến không ai là không cầu nhàu – cầu nhàu hay gắt to tùy theo tính nết và tình trạng từng người – “Chà, may mà mình lại đội mũ sắt!”

Trong một xó, người ta trông thấy dáng điệu một anh ngồi xổm. Đó là anh y tá trực nhật dẫn mỗi người đi đến bằng một giọng đều đều: “quẹt bùn ở giày đi rồi hãy vào”. Vì vậy, bùn đã chất thành một đồng mà khi đi đến bậc cuối cùng thì ta vấp phải và lúng túng ở ngưỡng cửa cái địa ngục ấy.

*

* *

Trong sự ồn ào của những tiếng gào khóc và chửi rủa, trong cái mùi nặng nặng của những vết thương tập trung tại đó, trong khung cảnh lấp lánh như hang động của một cuộc sống lơ mờ và khó hiểu, trước hết tôi cố định cho được phương hướng. Dọc theo đường hầm, những ngọn nến yếu ớt chỉ chiếu sáng từng khoảng ở những nơi gần đó. Đằng xa, ở mé trong, thấy lơ mờ ánh sáng ban ngày như trong ngực tối thời Trung Cổ. Cửa hầm lơ mờ đó cho ta trông thấy được những đồ vật lớn xếp ở cạnh tường: những cái cẳng thấp lè tè như những cổ quan tài. Rồi loáng thoáng người ta trông thấy những bóng người nghiêng nghiêng, lom khom ở trên và quanh cẳng, và những túm người như bóng ma lúc nhúc ở sát tường.

Tôi ngoảnh lại, đối diện với phía ánh sáng lọt vào, một đám đông người lộn xộn đứng tùm tùm trước một tấm vải lều căng từ trần xuống đất. Tấm vải lều như vậy ngăn ra thành một ngăn con, ánh sáng chiếu qua lần vải màu như sơn dầu. Trong cái ngăn hẹp ấy, dưới ánh một ngọn đèn đất, người ta đang tiêm phòng bệnh uốn ván. Khi mảnh vải được hé lên để cho một người ra hay vào thì ánh sáng lóe ra một cách tàn nhẫn chiếu vào những bộ quần áo lếch thếch và rách rưới của những người bị thương đứng chờ vào tiêm ở đằng trước. Họ lom khom vì trần thấp, hoặc ngồi, hoặc quỳ, hoặc bò, xô đẩy nhau để khỏi mất lượt hoặc để tranh lượt của người khác, miệng kêu to như những tiếng sủa: “Tôi” “Tôi” “Tôi”. Ở góc đó, mùi hôi âm ẩm của đất đèn và của những người đầy máu me ngửi thấy mà khiếp.

Tôi lui ra xa, tìm chỗ khác để đứng hay ngồi. Tôi tiến lên một chút, sờ soạng, người vẫn lom khom dúi dúi, hai tay quơ ra đằng trước.

Nhờ ánh sáng của một cái píp mà một người đang hút cháy rục, tôi trông thấy ở trước mặt tôi một cái ghế dài đầy người ngồi.

Mắt tôi quen dần trong căn hầm tranh tối tranh sáng và dần dần tôi phân biệt được sơ qua cái dãy người chân tay và đầu chằng chịt quần bông băng.

Người thì bị què, người bị xả mặt, trông mất cả hình dạng con người, kẻ thì ngồi trên ghế, kẻ thì nhón nháo, họ bám vào cái ghế như bám vào một chiếc đồ. Đứng ở đó, họ tiêu biểu cho một bộ sưu tập tấp nập nham những đau thương và khổ ải.

Bỗng nhiên một người thét lên, nhồm dấy rồi lại ngồi xuống. Người bên cạnh hắn đầu trần, áo ca-pốt rách nát nhìn hắn và bảo:

- Mày kêu thế ích gì?

Mắt chăm chăm về phía trước mặt, tay để trên đầu gối, anh ta nhắc đi nhắc lại vu vơ câu đó nhiều lần.

Một gã thanh niên ngồi giữa ghế dài lắm bảm nói một mình. Gã bảo gã là phi công. Gã bị bỏng một bên mình và ở mặt. Bây giờ trong cơn sốt mê man, gã thấy như vẫn bị bốc cháy và thấy mình như vẫn còn bị đốt vì những ngọn lửa phụt từ động cơ. Gã lầu bầu: Gott mit uns^[53] rồi bằng tiếng Pháp: “Trời phù hộ chúng ta”.

Một anh lính Ả-rập tay buộc treo vào cổ, ngồi nghiêng về một bên, mang cái vai của mình như một gánh nặng đau đớn, hỏi gã:

- Cậu là anh chàng phi công bị rơi xuống đất phải không?

Anh phi công cố rặn mới trả lời được:

- Tớ đã trông thấy nhiều điều...

Anh lính kia ngắt lời:

- Tớ cũng vậy, tớ đã thấy nhiều điều. Có lắm kẻ đến phát điên lên được nếu được trông thấy những điều như tớ.

Một người trong số người ngồi trên ghế nhích đi để nhường chỗ cho tôi, bảo tôi:

- Lại đây mà ngồi. Cậu bị thương à?
- Không, tớ vừa đưa một cậu bị thương đến đây và tớ sắp đi bây giờ.
- Thế thì bị đất hơn là bị thương. Lại đây ngồi.

Một gã ngồi đó phân trần:

- Trong vùng tớ, trước kia tớ là xã trưởng. Nhưng sau này mà tớ trở về thì ai mà nhận được ra tớ nữa vì tớ buồn rû từ bao lâu rồi.

Một gã trông như người ăn mày, tay run run, đầu cúi gục, lưng khom khom, tay cầm cái mũ sắt để trên đầu gối như một cái bát ăn xin đang lẩy bẩy rên la:

- Tớ dính vào cái ghế này đã bốn tiếng đồng hồ rồi.

Một gã bị thương, người to lớn, thở hổn hển, mồ hôi nhỏ giọt như nước trong người gã đang sôi lên, cho tôi hay:

- Đây, cậu có biết không, chúng tớ đang chờ để được chuyển về hậu phương.

Râu mép gã lòng thòng như sắp bị bong ra khỏi khuôn mặt ướt nhom nhóp.

Gã chìa cho mọi người xem hai con mắt to tướng đùng đục và người ta trông thấy vết thương của gã.

Một người khác nói:

- Đúng như vậy. Tất cả thương binh của lữ đoàn đều dồn đến đây, hết người nọ đến người kia, không kể những thương binh các nơi khác nữa. Thực vậy, cậu coi mà xem: cái hố này, ở đây, là cái thùng rác của cả lữ đoàn.

Một anh thương binh hai tay ôm đầu, nói trong bàn tay, lầm rầm:

- Tớ bị hoại thư, chết dí rồi, trong người tớ đang tan ra từng mảnh, thế mà mới tuần trước đây, tớ còn trẻ trung sạch sẽ. Họ đã làm cho tớ thay đổi hẳn đi: bây giờ tớ chỉ là một cái thân tàn ma dại, lê đi chẳng được.

Một anh khác bảo:

- Tớ thì ngày hôm qua tớ hai mươi sáu tuổi. Bây giờ ai còn biết tớ bao nhiêu tuổi nữa?

Gã cố ngẩng lên cho người ta trông thấy bộ mặt lầy bầy, tiều tụy của gã, chỉ trong một đêm mà đã bị tiêu mòn, róc hết thịt, má hõm sâu, hai con mắt hoắm lại, đồng tử lơ lơ như đã tắt.

Một anh nữa ngồi khuất, nói một cách thăm hại:

- Đau quá đi thôi!

Gã kia nhắc lại như một cái máy:

- Mày kêu thế ích gì?

Im một lát, gã phi công kêu lên:

- Ở hai bên những thằng thầy tế gân cổ lên để lấp tiếng nhau.

Anh lính Ả-rập ngạc nhiên hỏi:

- Thế là cái gì vậy?

Một anh lính tiểu binh bị thương ở tay, cánh tay buộc vào mình, thôi không nhìn bàn tay khô đét của mình một lát để ngược mắt nhìn anh phi công hỏi:

- Thằng khi này, mày điên hay sao vậy?

Gã phi công, mắt nhón nhác, cố gắng diễn tả một cảnh tượng bí mật vẫn đeo đẳng trong con mắt gã:

- Các cậu nên biết rằng, từ trên cao, từ trên trời nhìn xuống thì chẳng trông thấy mây. Ruộng thì như ô vuông, làng mạc chỉ là những đụn nhỏ, đường đi ngoằn ngoèo như một sợi chỉ trắng. Cũng trông thấy những sợi rỗng như đường mũi kim nhọn vạch vào cát mịn. Những mạng lưới ngoằn ngoèo trong cánh đồng một vạch run run đều đều, đó là chiến hào. Sáng chủ nhật, tớ bay trên hỏa tuyến. Giữa tiền tuyến của ta và tiền tuyến của địch,

giữa những bờ ngoài cùng, giữa hai mép của hai quân đội bao la đóng ở đó, sát cạnh nhau, rình nhau mà không trông thấy nhau, chỉ có một khoảng cách ngắn ngủi thôi: có chỗ chỉ độ 40 thước, có chỗ chừng 60 thước. Mắt tớ nhìn thì thấy như có một bước chân vì tớ bay rất cao. Thế rồi bỗng nhiên tớ trông thấy ở hai bên quân Đức cũng như quân ta, trên hai tuyến song song gần kề nhau, có hai đám người nhộn nhịp giống nhau: có một đám đông, ở giữa như có một hạt nhân đang cử động và xung quanh như những hạt cát đen rải rác trên cát xám. Đám đông ấy không thấy cử động lắm: không có vẻ gì là báo động! Tớ lượn xuống mấy vòng để biết nguyên nhân.

“Và tớ đã hiểu: đó là ngày chủ nhật, người ta đang tiến hành hai buổi lễ ở phía dưới: có bàn thờ, thầy tu và đàn con chiên. Một trong hai đám lễ ấy, đám nào cũng thế, là phản ánh của đám bên kia. Tớ tưởng chừng như mình trông một thành hai. Tớ hạ xuống thấp nữa: không thấy họ nổ súng vào tớ. Sao vậy? Tớ không hiểu. Nhưng rồi tớ nghe thấy. Tớ nghe thấy một tiếng lằm rằm, chỉ có một tiếng lằm rằm thôi. Tớ nghe thấy lọt vào tai một lời cầu nguyện bay lên thành một khối, một bài hát bay lên tận trời và xuyên qua tớ. Tớ lượn đi lượn lại trên không trung để nghe tiếng hòa âm mơ hồ của những bài thánh ca tuy đối chọi nhau nhưng vẫn hòa lẫn vào nhau, – và nó càng cố để át nhau thì lại càng kết hợp lại với nhau trong bầu trời cao là nơi tớ đang bay lơ lửng.

Khi tớ hạ xuống rất thấp, nghe được hai câu từ dưới đất bay lên “Gott mit uns!” và “Trời phù hộ chúng ta” thì tớ bị trúng đạn phá – rồi tớ lại bay lên”.

Gã thanh niên đó nói xong rồi lắc lư cái đầu bịt kín những băng vải. Hồi tưởng lại chuyện đó, gã như càng bị phát điên lên.

- Lúc bấy giờ tớ tự bảo: “Ta điên đây mà!”

Anh lính Ả-rập nói:

- Chính cái sự thật của những điều đó mới là điên.

Mắt sáng rực lên vì mê sảng, người kể chuyện cố mô tả cái ấn tượng cảm kích nó xâm chiếm gã mà gã cố thoát ra.

Gã nói:

- Không! Thật là lạ! Các cậu hãy hình dung hai khối người giống hệt nhau, gào lên những điều giống hệt nhau mà vẫn trái ngược nhau, những tiếng thù địch nhau đó biểu hiện bằng cùng một hình thức. Thế thì, cuối cùng, Thượng Đế kia biết nghĩ thế nào? Tớ tin rằng Thượng Đế biết hết, nhưng dù có biết hết thì chắc là người cũng chẳng biết nên xử thế nào.

Anh lính Ả-rập kêu lên:

- Chuyện dớ dẩn:
- Thượng Đế cần đích gì đến chúng ta, cậu đừng lo.
- Nhưng chuyện đó có là gì tức cười? Những khẩu súng chẳng cùng nói một thứ tiếng đấy à? Thế mà nhân dân các nước vẫn chẳng thông qua nó mà chửi nhau là gì, và chửi ra trò nhé!

Gã phi công nói:

- Phải rồi. Nhưng chỉ có một Thượng đế thôi. Lúc lời cầu nguyện thốt ra thì đã đành, nhưng điều mà tớ không hiểu nổi là lúc mà nó đến thì Thượng đế tiếp nhận nó như thế nào?

Câu chuyện ngừng.

Người có đôi mắt thông minh trở cho tôi và nói:

- Ở chỗ kia, trong phòng này, có một đồng thương binh nằm ngôn ngang. Tớ tự hỏi, phải, tớ tự tự hỏi người ta làm thế nào mà đưa được họ xuống tận đây. Chuyện được họ xuống tận đây chắc là khủng khiếp lắm.

Hai anh lính thuộc địa người sắt lại và gậy còm tựa vào nhau như hai người say rượu đi đến, họ vấp phải chúng tôi, lùi lại và tìm một chỗ để ngã xuống.

Một trong hai người tiếp tục kể nốt câu chuyện, giọng khàn khàn:

- Mẹ nó, chúng tớ ở trong cái hào ấy ba ngày ba đêm liền, không có tiếp tế, không có một tí gì cả. Cậu biết không, chúng tớ phải uống nước tiểu của mình, nhưng đói vẫn hoàn đói:

Gã kia trả lời, giải thích rằng trước kia gã bị bệnh tả:

- Chào! Khô ghê quá cậu ạ: sốt, mửa, đau bụng. Cậu ạ, ốm liệt!

Gã phi công đang hang tiết cổ tìm cho ra ý nghĩa của một điều bí ẩn lớn lao, bỗng nhiên gất lên:

- Nhưng cái lão Thượng đế ấy chẳng biết lão nghĩ sao mà lại cứ để cho người ta tưởng lão phù hộ tất cả mọi người như thế? Sao lão lại để cho tất cả mọi người chúng ta, tất cả hai bên sát cạnh nhau cùng kêu gào như một lũ cuồng, một lũ ngốc: “Trời phù hộ chúng ta!” “Không! một nghìn lần không, chúng bay nhầm rồi, Thượng đế phù hộ chúng ta kia!”

Một tiếng rên thốt ra từ chiếc cáng, chập chờn một lúc trong bầu không khí yên lặng như để trả lời câu hỏi trên.

*

* *

Thế rồi một tiếng nói đau khổ vọng lên:

- Tớ thì tớ không tin ở Thượng đế. Tớ biết rằng không có Thượng đế vì nếu có thì sao lại còn đau khổ? Ai muốn phỉnh phờ thì cứ nói, ai muốn bày đặt những luận điệu lừa bịp cũng mặc kệ: Họ có nói rằng tất cả những nỗi thống khổ oan uổng đó là do Thượng đế toàn năng đã định sẵn, thì đó chỉ là một sự nhồi sọ trắng trợn mà thôi.

Một anh khác ngồi trên ghế nói:

- Tớ thì tớ cũng không tin là có Thượng đế vì tại sao trời lại rét. Tớ đã trông thấy nhiều người từ từ biến thành xác chết chỉ vì rét. Nếu có một Thượng đế hiền từ thì đã không có rét. Việc đó không cãi được.

- Muốn tin là có Thượng đế thì mọi sự là phải không như bây giờ. Nhưng có thể đâu!

Nhiều anh mất chân mất tay, không trông thấy nhau cũng lắc đầu thông cảm với nhau là không có Thượng đế.

Một anh khác nói:

- Các cậu nói phải đấy, đúng đấy.

Những con người tàn phế đó, những kẻ thất trận lẻ loi và rải rác trong chiến thắng ấy, bắt đầu thấy chân lý. Trong tấn bi kịch của những biến cố,

có những giây phút mà con người không những thành tâm mà còn chân thật, và ta trông thấy chân lý biểu hiện trên bản thân họ rõ ràng như mặt nhìn mặt.

Một gã mới tham gia vào câu chuyện:

- Còn tớ, nếu tớ không tin là vì...

Một cơn ho dữ dội tiếp tục câu nói một cách khủng khiếp. Khi cơn ho đã dứt, hai má gã tái xám, nước mắt đầm đìa, ngực bị nén xuống, có người hỏi gã:

- Cậu bị thương ở đâu thế?

- Tớ không bị thương, tớ ốm.

- À ra thế!

Giọng nói vừa rồi ý muốn bảo là: mày chả đáng được chú ý.

Gã hiểu ý, vội đề cao bệnh trạng của gã:

- Tớ đi đứt rồi, tớ bị thổ ra huyết. Sức lực mất hết. Và các cậu phải biết, bệnh đó mắc vào thì chỉ có chết.

Anh em nghi ngờ, lắm lắm;

- A! À thế, thế!

Nhưng dù sao họ vẫn tin rằng những bệnh thường dân thì so sánh thế nào được với những vết thương chiến tranh.

Gã đành chịu, cúi đầu nhắc khe khẽ một mình:

- Tớ không lê đi được thì còn bảo đi đâu bây giờ?

*

* *

Trong cái vực nằm ngang kéo dài mãi từ cánh này sang cánh kia và thắt hẹp lại cho đến tận lỗ hồng có ánh sáng ban ngày chiếu vào nhọt nhọt, trong căn phòng hỗn độn mà những ngọn nến đỏ hoe như bị sốt tỏa ánh sáng lung lay trong bóng tối, bỗng nhiên chẳng hiểu sao thấy nhọt nhọt lên. Chúng tôi thấy lộ nhô những chân tay và đầu người cử động, chúng tôi nghe thấy

những tiếng rên la và tiếng gọi nổi dậy và lan ra những bóng ma vô hình. Những thân hình nằm dài cựa quậy, co mình lại, quay nghiêng ngửa.

Trong căn phòng lụp xụp bẩn thỉu đó, giữa làn sóng người bị giam cầm, hành hạ và bệ rạc vì đau đớn, tôi trông thấy thân hình phức phịch của một gã y tá hai vai nặng nề, chòng chành như một bao đồ khiêng ngang, tiếng nói oang oang vang lên trong hầm. Gã tru lên:

- Đồ bò đê! Đồ dòi bọt! Mày lại sờ mó vào chỗ băng bó rồi. Khi ời, lần này thì tao buộc lại cho, thằng khác thì tao mặc kệ, nhưng nếu mày còn mó đến nữa thì sẽ biết tay tao!

Trong ánh sáng xam xám, gã quấn cuộn băng vải xung quanh đầu một người bé xiu, nửa ngồi nửa đứng, tóc lờm chờm, râu dựng ngược ra đằng trước, để thông hai tay im lặng, mặc cho gã y tá quấn băng.

Nhưng rồi gã y tá bỏ hấn ta ra, nhìn xuống đất và rú lên oang oang:

- Cái gì thế này, hở? Này bác kia, bác điên à? Ai lại nằm lên trên người bị thương, kiểu gì vậy?

Và bàn tay kéch sù của gã đẩy một thân người, để lộ ra một thân người thứ hai mềm nhũn mà gã kia đã nằm lên trên như nằm trên nệm. Gã vừa làm vừa thở phì phò và mắng nhiếc. Trong khi đó, anh chàng lùn tịt đầu quấn băng im lặng, không nói năng, đưa hai tay lên đầu cố dứt cuộn băng ra vì đầu gã bị xiết chặt...

... Người ta xô nhau, kêu inh ỏi: những bóng người in hình trên nền sáng hình như đương hì hục trong bóng tối trong hang. Dưới ánh sáng một ngọn nến, họ xúm quanh một người bị thương, họ bị văng đi văng lại, chật vật lăm mới giữ được gã nằm trên cáng. Gã mất cả hai bàn chân, đùi gã quấn một cuộn băng to tướng, phía trên thắt dây để cầm máu. Hai chỗ cụt rỉ máu đỏ lờm cả băng, trông gã như mặc quần đùi đỏ, mặt gã như quỷ sứ, loang loáng và sa sầm, gã đang bị mê sảng. Người ta vít hai vai gã và đè lên đầu gối gã: bị cắt mất hai bàn chân, gã còn muốn nhảy ra khỏi cáng để bỏ đi.

Gã khặc khừ, tiếng nói run run vì giận dữ và nghệt thở, giọng gã trầm xuống, có lúc đột nhiên lại bỗng lên như một cái kèn mà người ta cố thổi

cho thật khế:

- Để cho tôi đi! Trời ơi, tôi đã bảo để cho tôi đi... Hự!... Các anh tưởng tôi chịu ở đây hẳn? Lùi ra không tôi nhảy vào cắn cho bây giờ!

Gã co người lại rồi duỗi thật mạnh, đến nỗi những người đang lấy sức đè chặt gã xuống phải lao đao; ngọn nến văng đi văng lại trong tay một người đang quì, còn tay kia thì phải cố ghì lấy anh chàng điên bị cụt chân. Gã kêu to quá, đánh thức những người đang ngủ, làm cho những người đương thiu thiu cũng phải tỉnh dậy. Xung quanh, mọi người quay lại nhìn gã, họ nhồm lên, lắng nghe những lời kêu la lắm nhảm của gã, nhưng rồi tiếng gã cũng im dần trong bóng tối. Vừa lúc đó, trong một góc khác, hai người bị thương nằm bẹp dí như đóng đinh vào đất đang chửi nhau, người ta phải khiêng một người ra chỗ khác để cắt đứt cuộc cãi cọ điên cuồng.

Tôi đi xa về phía ánh sáng ở ngoài thâu qua những rui xà chẳng chịt như qua một cái lưới sắt nát. Tôi bước qua những dãy cánh dài vô tận, nằm chắn ngang cả đường hầm thấp và thất hẹp. Tôi như bị tắc thở. Dưới những ngọn nến lập lòe như ma trơi, những hình người nằm bệt trên cánh bây giờ không ngộ nguỵ mấy nữa, họ chịu nằm yên, than van và thở khò khè.

Trên thành một chiếc cánh, có một người ngồi, lưng tựa vào tường, ngực trắng bệch, gầy đét như ngực kẻ khổ hạnh, lộ ra giữa bóng tối sống áo phanh ra và rách rưới. Đầu gã ngả hẳn về đằng sau bị bóng tối che lấp, nhưng người ta trông thấy tim gã đập.

Ánh sáng ban ngày lọt ở đầu kia như nhỏ từng giọt xuống từ một nơi đất sụt: nhiều viên đại bác rơi cùng một chỗ đã làm vỡ cái mái đất dày của trạm Cấp Cứu. Ở đây vài ánh trắng quệt lên màu xanh, ở vai và ở những nếp răn của những áo ca-pôt. Một toán người bị tê liệt vì bóng tối và kiệt lực vội vã thoát khỏi cảnh âm u chạy đến lỗ hồng đó để hưởng chút không khí nhợt nhạt như những người chết tỉnh lại đôi chút. Trong suốt cái hầm tối om, mẫu ánh sáng ở góc đó chẳng khác gì một sự thoát nạn, một nơi ốc đảo giữa sa mạc, ở đó người ta còn có thể đứng lên được và được chút ánh sáng thần kỳ trên trời mơn trớn.

Một anh chàng nào đó miệng há hốc, đang chờ đợi trong ánh sáng tiêu tụy dưới hào sâu, bảo tôi:

- Ở nơi đó, có nhiều cậu đã bị phòi ruột phòi gan khi trái phá rơi xuống. Cậu ạ, phải nói là từng đồng thịt. Kìa, xem lão cha xứ đang kêu xương thịt của họ bị bắn lên cao.

Viên đội y tá vạm vỡ, mình mặc áo trấn thủ đi sẫm màu nâu, thành ra ngực gã giống như ức con đười-ươi, tay kêu xuống những mớ ruột gan treo lủng lẳng, quần quýt xung quanh những kèo cột bị gãy đổ. Gã cầm một khẩu súng trường cắm lưỡi lê để kêu vì không tìm đâu được một cái gậy khá dài; ông hộ pháp hói đầu, râu xồm và ngấn hơi ấy cầm khẩu súng một cách vụng về. Vẻ mặt gã hiền lành, nhu nhược và khốn khổ. Gã vừa cố moi móc những mảnh ruột rơi vãi trong xó xỉnh vừa ngoay ngán lăm bầm từng tràng những tiếng “Ồ” nghe như tiếng thở dài. Mắt gã che bằng kính xanh, hơi thở của gã ị ạch, đầu gã bé, và cổ gã béo múp như hình chóp.

Trông gã đang xâu và kêu từ trên cao xuống những mẩu dài ruột gan và những mảnh thịt xơ xác, chân giẫm lên gạch vụn lởm chởm ở tận cùng con đường cụt có tiếng rên la, người ta nghĩ đến một người đồ tể đang làm một công việc quái gở.

Nhưng tôi đã ngồi phệt xuống đất, lim dim hai mắt như không muốn trông thấy những cảnh tượng đương bày ra, thấp thỏm ở quanh tôi.

Tôi nghe được những mẩu chuyện lộn xộn, vẫn chỉ là những chuyện khinh khiếp về vết thương, không có gì khác:

- Mẹ cha nó chứ! Ở chỗ đó tó tưởng chừng như bao nhiêu đạn đều dòn vào một cái chấm.

Anh ta bị đạn xuyên qua đầu từ thái dương nọ sang thái dương kia. Người ta tưởng như có thể luồn dây qua được.

Ở gần tôi hơn, có anh đang lúng búng kể hết câu chuyện:

- Khi tó ngủ, tó nằm mê như vẫn còn đang chém giết.

Rồi đám thương binh như bị chôn vùi tại đó lại lăm rằm nhắc lại những việc đã qua, nghe đều đều như vô số bánh xe của một guồng máy đang quay, đang quay...

Một người mắt mù tịt, tay cầm gậy sờ soạng vào tường đang đi về mé tôi. Facfadê! Tôi gọi gã, gã quay mặt hướng về tôi, bảo tôi rằng gã bị hỏng một mắt, còn mắt kia cũng bị quăn băng. Tôi nhường chỗ cho gã, cầm vai dắt gã ngồi xuống. Gã cứ để tôi làm và kiên nhẫn ngồi ở sát chân tường chờ lượt mình, kiên nhẫn như một viên chức, như người ta chờ ở một phòng đợi.

Tôi đi lạc ra một chỗ xa hơn, một nơi vắng vẻ. Ở đó, có hai người nằm soài đang thì thảo với nhau. Họ ở sát ngay tôi nên tuy không lắng tai, tôi cũng nghe thấy họ nói gì. Đó là hai anh lính lê dương mũ sắt và ca-pốt màu vàng sẫm.

Một gã mĩa mai:

- Nói quanh co làm đêch gì, chuyện này thì tởng nghèo rồi. Thật là rõ ràng, ruột tở đã bị thủng: nếu mà ở bệnh viện trong một thành phố thì người ta mổ còn kịp, có thể khỏi được. Nhưng ở đây! Mà tở lại bị từ hôm qua. Từ đây ra đường cái đi Bêtuyn phải hai, ba tiếng đồng hồ, đúng không? Rồi còn phải bao nhiêu lâu nữa mới tới được một bệnh viện lưu động là nơi có thể mổ được? Vả lại bao giờ họ mới thêm đến đây nhặt chúng tở đi? Cậu nghe tở, chẳng phải lỗi tại ai cả, nhưng phải nhận định cho đúng. Chà! tở cũng biết rằng trong lúc này đây, bệnh tở chưa có gì là nguy kịch. Nhưng nó sẽ không như thế này mãi đâu, vì ruột tở bị thủng. Còn cậu, cậu sẽ khỏi hoặc cậu sẽ được chấp một cái chân khác. Còn tở thì tở sắp chết đây.

Gã kia cứng họng trước lý lẽ của người nói với mình, trả lời:

- À!

Gã này lại nói tiếp:

- Đôminich, hãy nghe tở, trước đây cuộc đời của cậu đã chẳng ra gì. Cậu nghiện rượu và khi đã say thì hay làm càn. Lý lịch tư pháp của cậu xấu lắm.

Gã kia trả lời:

- Tao không bảo rằng không đúng vì có thể thật. Nhưng việc gì đến mày?

- Chiến tranh xong rồi, tất nhiên thế nào đời cậu lại cũng chẳng ra gì. Hơn nữa, cậu còn bị lỗi thôi vì cái vụ thăng đống thùng.

Gã kia trở nên hung hãn, giọng cà khịa:

- Câm ngay! Việc đêch gì đến mày?
- Tớ cũng giống cậu, họ hàng chẳng còn ai. Ngoài Luidơ, không còn ai cả. Mà Luidơ cũng không phải là thân thích vì chúng tớ đã lấy nhau đâu. Đòi tớ, ngoài mấy lỗi lằng nhằng trong quân đội, tớ không bị án bao giờ. Tên tớ không bị một vết đen nào hết.
- Thế thì sao? Tao cần đêch gì chuyện đó.
- Tớ bảo đây này: cậu hãy đổi tên tớ. Cậu cứ lấy tên tớ, tớ cho đấy, vì chúng mình chẳng thằng nào còn họ hàng cả.
- Tên mày là gì?
- Cậu sẽ lấy tên là Lêôna Caclôtti, có thể thôi. Có gì là to chuyện. Có gì mà phải băn khoăn. Thế là cậu chẳng còn tiền án nào nữa và cậu sẽ có thể được sung sướng như tớ nếu tớ không bị phát đạn xuyên qua bụng.
- A! Đéo mẹ! Mày làm thế thật à? Mày ơi, tao không bao giờ ngờ được.
- Cậu cứ lấy tên tớ trong sổ lính của tớ để ở áo ca-pót ấy: Nào, lấy đi và đưa sổ của cậu cho tớ, tớ mang theo mình. Cậu tùy tiện muốn sống ở đâu thì sống, trừ ở nhà tớ. Vì nhà tớ ở Lôngdovin, xứ Tuynidi, người ta có quen tớ đôi chút. Cậu nhớ lấy tên nhé, à thôi, có viết rõ ràng rồi, cậu đọc lại trong sổ lính. Còn tớ thì tớ không nói với ai đâu: những trường hợp như thế này muốn thành công thì phải tuyệt đối ngậm miệng.

Gã ngẫm nghĩ rồi nói bằng một giọng run run:

- Khi nào tớ viết thư cho Luidơ để biệt ly, có lẽ tớ cũng sẽ bảo qua Luidơ để nàng biết là tớ đã làm một việc tốt và nàng sẽ hiểu tớ hơn.

Nhưng gã lại đổi ý và với một sự cố gắng phi thường, gã lắc đầu, nói:

- Mà thôi, đối với nàng, tớ cũng chẳng bảo. Đành là nàng đấy, nhưng đàn bà thì vốn hay bép xép.

Gã kia nhìn và nhắc lại:

- A! Trời đất ơi!

Lặng lẽ không cho hai người biết, tôi rời khỏi tán thảm kịch đang diễn ra ở xó hẻm chật hẹp thảm hại ấy, luôn luôn bị những người qua lại xô đẩy ầm ĩ.

Tôi đang sắp lách mình ra khỏi chỗ hầm thấp thì ở đằng kia có tiếng người ngã huych và tiếng lao xao kinh ngạc.

Đó là viên đội y tá vừa ngã xuống. Gã đang dọn dẹp những mảnh thịt mềm mềm đầy máu thì một viên đạn qua lỗ hồng đã bắn tới và xuyên vào cuống họng. Gã ngã lảo, nằm dài xuống đất. Mắt gã giương tròn trũng, kinh hoàng, miệng sùi bọt.

Miệng gã và nửa mắt dưới đèn lên một đám bọt hồng hồng. Người ta kê đầu gã lên một cái túi đựng băng. Cái túi lập tức bị thấm máu đỏ lôm. Một viên y tá tru tréo lên rằng sẽ hồng hết những gói băng hiện đang cần dùng. Người ta tìm một vật gì khác để kê cái đầu kia đang không ngừng phì bọt nhẹ và hồng. Người ta chỉ tìm ra được một chiếc bánh mì và đặt bánh đó dưới đám tóc bầy nhầy.

Người ta nắm lấy tay gã để hỏi han, nhưng chỉ làm gã đèn thêm bọt đang chất đông lại và người ta trông thấy cái đầu to lổm chổm râu đen của gã bị che lấp dưới đám bọt hồng. Gã nằm ngang, trông chẳng khác gì một con thủy quái đang thở phì phò; và đông bọt hồng tụ lại che kín đến tận đôi mắt tròn xoe, đục ngầu, mắt kính của gã.

Rồi gã thở khò khè như một trẻ em, gã từ từ lắc đầu sang hai bên như cố ra hiệu rằng không, và gã tắt thở.

Tôi ngắm cái xác lớn tướng không cử động ấy và tôi hỏi tưởng rằng trước đây gã là một người tốt. Gã có một trái tim trong sạch và đa cảm. Tôi tự trách tôi vì đã bao phen bắt bẻ những ý kiến nông cạn ngây thơ của gã và cái tính thốc mách của nhà tu hành mà gã áp dụng trong mọi công việc. Trước cảnh khốn đốn ấy, tôi thấy hồ hởi – phải, hồ hởi đến run người – vì một hôm thấy gã đứng bên cạnh dòm trộm tôi viết thư, tôi đã giữ mồm miệng lại mà không nói với gã những lời câu kính có thể khiến gã phật ý oan uổng. Tôi còn nhớ có một lần gã đã làm tôi nổi nóng lên vì những lời giải thích của gã về Đức Mẹ Đồng Trinh và về nước Pháp. Khi đó tôi cho rằng những tư tưởng của gã nói ra có thể là không chân thật. Sao gã lại chẳng chân thật? *Bây giờ đây, gã chẳng thật sự bị giết chết là gì?*

... Chính lúc đó sấm sét đã lọt vào hầm. Vách đất bị lung lay khủng khiếp đã tung mạnh chúng tôi người nọ vào người kia. Hình như đất ở trên đầu chúng tôi đã sụt xuống và đổ sập vào chúng tôi. Một mảng lớn những xà ngang đổ xuống làm cho lỗ hổng ở trên rộng thêm ra. Một tiếng va mạnh nữa, thêm một mảnh đất rộng nữa bị tan tành, âm âm đổ xuống. Xác của viên y tá hộ pháp lăn đi như một cây gỗ bắn vào tường. Cả cái xà dài của khu hầm như một bộ xương sống khổng lồ đen trũi kêu răng rắc inh tai làm cho những người bị giam trong ngục tối kinh hoàng thét lên.

Những tiếng nổ khác nối tiếp nhau, xô đẩy chúng tôi tứ tung. Trận oanh tạc như muốn xé tan và nuốt chửng trạm Cấp Cứu, xuyên thủng nó, làm nó bé hẳn đi. Trong khi đạn trái phá gầm thét dội xuống, ra oai sấm sét đè bẹp mé hổng của trạm Cấp Cứu thì làm ánh sáng ban ngày theo những chỗ rách, hở lọt vào. Người ta thấy hiện ra rõ hơn trước – và kỳ quái hơn – những bộ mặt đỏ rực hoặc xanh xao như sắp chết, những cặp mắt đang lịm tắt trong cơn hấp hối, hoặc sáng ngời trong cơn sốt, những thân hình bó chằng chặt vải trắng thành những đồng băng khổng lồ. Cảnh tượng ấy trước đây bị che kín, thì nay phơi rõ dưới ánh mặt trời. Những người bị thương, mắt ngơ ngác, trợn trừng, nhả nhỏ và vắn vẹo trước loại đạn lửa đang tràn vào. Đám người nhón nháo cuốn đi thành từng nhóm đông đặc qua hành lang tụ hụp như cái hầm tròn tránh của một chiếc tàu thủy lớn đương vỡ.

Gã phi công vươn thẳng người lên thật cao, gáy tì vào trần, vung hai cánh tay lên tiếng gọi Thượng Đế, hỏi Thượng Đế tên là gì, tên thật là gì. Người ta thấy cái anh chàng quần áo sộc sộc hờ tung như một vết thương để lộ trái tim ra giống như Đấng Cứu Thế, bị hơi gió hất ngã vào những người khác. Áo ca-pốt của anh chàng lái nhải “Mày kêu thế ích gì?” bây giờ đã bắt màu lam, một màu lam tươi có lẽ vì tiếng nổ đập vào đầu anh ta đã làm toát ra chất khở toan. Còn những anh khác, những người què bại, cụt mất chân mất tay, bị đạn trái phá tróc nã đang len lách bò vào các xó xỉnh giống như những con chuột chũi, như những con vật tội nghiệp yếu ớt, chạy trốn trước đàn chó săn khủng khiếp.

Rồi trận oanh tạc thưa thớt dần và ngừng hẳn, trong làn khói mờ mịt đặc sệt, rung rinh và nóng bỏng, các vật bị tàn phá vẫn đang rơi lỏng chỏng. Theo lỗ hổng tôi đi ra ngoài. Ra đến nơi thông thoáng, đến quãng đất mềm ngập những tấm ván làm vướng chân, tôi có cảm giác như hãy còn bị bao

vây, bị quấn chặt trong tiếng ồn ào tuyệt vọng. Tôi bám người vào những vật còn lại: đó là cái lũy giao thông hào. Khi tôi đi lọt vào hào, tôi đã thấy từ tí xa, giao thông hào vẫn lúc nhúc và tối tăm, vẫn đầy người tràn từ các chiến hào ra, chạy mãi không ngừng về những trạm cấp cứu. Và trong biết bao ngày, biết bao đêm, người ta sẽ còn trông thấy chảy vào đó những dòng người, những suối người tách ra khỏi chiến trường, rời khỏi cánh đồng chằng chịt những hầm hố, những cánh đồng đang đổ máu và ung thối vô cùng tận ở đằng kia.

XXII – DẠO CHƠI

Qua hết đại lộ Cộng Hòa, rồi đường Gambétta, chúng tôi tới quảng trường Thương Mại. Đình sắt ở những đôi giày đánh xi của chúng tôi kêu vang trên đá lát. Trời đẹp. Mặt trời sáng sửa lóng lánh chiếu sáng như qua lớp kính của một nhà kính trồng cây, làm chói lên những mặt kính các cửa hàng ở quảng trường. Áo ca-pô của chúng tôi đã được chải kĩ, tà áo để thông xuống, và vì xưa nay thường vẫn vén lên, nên trông rõ ở chỗ tủa xuống hai hình vuông, chỗ dạ sẫm hơn.

Bọn đi ngoạn cảnh chúng tôi dừng chân một lúc và lưỡng lự trước cửa hàng cà phê huyện lỵ, còn có tên là Cà Phê Lớn.

Vônpat nói:

- Ta có quyền được vào!

Blerơ kiểng chân, ngẩng mặt lên trên tấm màn đăng-ten của cửa hàng, đánh liêu nhòm qua khe chữ vàng trên tấm cửa kính, trả lời:

- Trong đó lắm sĩ quan quá.

Parađi nói:

- Vả lại, bọn ta đã đi xem được mấy đâu.

Chúng tôi lại bước đi, và bọn lính quèn chúng tôi ngấm qua những cửa hàng giàu có ở quanh quảng trường: những cửa hàng tân phẩm, hàng giấy bút, hiệu dược phẩm và tủ hàng của một người kim hoàn choáng lộn như quân phục đầy huân chương của một vị tướng. Chúng tôi trưng ra những nụ cười để tô điểm thêm cho bộ mặt. Hiện giờ được miễn mọi công tác cho đến chiều, chúng tôi được tự do sử dụng thì giờ của mình. Chân bước những bước đi êm đềm thoải mái, tay không vương vịu cũng ve vẩy như đi dạo chơi.

Parađi nhận định:

- Không thể chối cãi được, nghỉ ngơi như thế này bổ ích lắm.

Thành phố mở rộng trước bước đi của chúng tôi, gây cho chúng tôi rất nhiều cảm xúc. Chúng tôi tiếp xúc với cuộc sống, đời sống của đông đảo nhân dân, đời sống hậu phương, đời sống bình thường. Ở đây kia, đã bao phen chúng tôi đã tưởng rằng chẳng bao giờ sẽ được về tới đây!

Chúng tôi trông thấy những ông, những bà lịch sự, những cặp vợ chồng ríu rít trẻ em, những sĩ quan người Anh, những phi công trông từ xa đã nhận ra được vì cách ăn mặc trang nhã gọn ghẽ và những huy chương của họ. Những anh binh nhì đi rong chơi trong bộ quân phục chải chuốt, da dẻ kỳ cọ, đồ trang sức duy nhất là cái “lắc” căn cước khắc tên, lóng lánh trên ca-pốt dưới ánh nắng của mặt trời. Họ cẩn thận đánh bạo đi vào khung cảnh đẹp để sạch nhẵn không còn chút ác mộng.

Chúng tôi chốc chốc lại reo lên như những kẻ ở xa xôi về. Tiarét kinh ngạc:

- Đông người quá, mà y nhỉ?

Lão Blerơ:

- Chà! Thành phố này giàu khiếp!

Một chị công nhân đi qua và nhìn chúng tôi.

Vônpat hích khuỷu tay vào tôi, nhìn như muốn nuốt chửng chị ta, cổ vươn ra, rồi lại trở cho tôi hai người phụ nữ đang đi đến; mắt sáng lên, gã nhận xét rằng thành phố này nhiều phụ nữ.

- Mà y ơi, ở đây thật lắm mộng!

Vừa rồi, Parađi phải đánh bạo mới dám lại gần một đĩa bánh ngọt bày biện thật là lịch sự, mó vào và ăn; chốc chốc chúng tôi lại phải dừng chân ở giữa vỉa hè để chờ lão Blerơ đang mê mẩn ngắm nghía những cửa hàng bày áo va-rơ và mũ lưỡi trai đủ kiểu, cà-vạt bằng vải chéo xanh mơn, những đôi giày màu đỏ và có cổ bóng loáng như gỗ đào hoa tâm. Blerơ đã thay hình đổi dạng đến mức tột cùng. Xưa nay lão vẫn chiếm kỷ lục về luộm thuộm và bẩn thỉu, thì bây giờ quả là lão còn chải chuốt hơn cả bọn chúng tôi, nhất là từ khi có chuyện rắc rối về bộ răng giả của lão bị gãy trong một trận tấn công và đã được làm lại. Lão làm cho đáng điệu lão được nhẹ nhõm.

Mactorô nói:

- Hắn có vẻ trẻ trung và thanh niên.

Bỗng nhiên chúng tôi chạm trán với một ả rưng hết răng, cười há hốc trông thấy tận cuống họng. Vòng quanh cái mũ ả đội, lởm chồm mấy sợi tóc. Mặt ả thô lỗ và vô duyên, rõ chẳng rõ chịt, giống như những khuôn mặt vẽ nguệch ngoạc trên tấm vải thô của một cửa hàng ở phiên chợ.

Vônpat tán:

- Cô ta đẹp thật.

Mactorô được ả liếc mắt cười duyên, ngẩn ngơ không thốt được ra lời.

Những người lính bình thường phút chốc được đặt vào giữa những thú vui của một nơi đô hội, đã chuyện trò với nhau như vậy. Họ thường thức mỗi lúc một thâm thía hơn quang cảnh đẹp đẽ và sạch sẽ quá tưởng tượng. Họ lại hòa mình vào cuộc sống bình thản và yên ổn với ý muốn được sống êm ấm, và hơn nữa, sống hạnh phúc vì, nói cho cùng, nhà cửa xây dựng chính là để phục vụ cho họ.

- Các cậu ơi, các cậu có biết không, chúng mình rồi cũng sẽ quen với cuộc sống này.

Giữa lúc đó, một đám đông đương tụ tập quanh một cửa hàng tại đó, một người bán quần áo may sẵn đã bày ra thành một nhóm lối bịch những hình nhân bằng gỗ và bằng sáp.

Trên nền đất lát đá sỏi, chẳng khác gì đáy một cái bể thủy tinh thả cá, một tên Đức bận một bộ quần áo mới nguyên nếp, trên ngực lại có một chiếc huân chương chữ thập sắt bằng bia, đang quỳ gối hai tay bằng gỗ hồng về phía một sĩ quan Pháp tóc quăn, đội một cái mũ lưỡi trai trẻ em. Hai má viên sĩ quan phình phính hồng hào, mắt như búp bê đang liếc nhìn chỗ khác. Bên cạnh hai nhân vật, ở dưới đất nằm dài một khẩu súng mượn đầu ở một bộ vũ trang của một cửa hàng bán đồ chơi. Một cái biển con nêu đầu đề của cảnh hoạt tượng: “Kamarát!”

- Chà! Thật là khi.

Trước sự sáng tạo ấu trĩ đó, – vật duy nhất nhắc lại ở nơi đây cuộc chiến tranh vĩ đại đang hoành hành ở chân trời xa xôi, chúng tôi nhún vai và cười gằn, vì nó xúc phạm trắng trợn vào những kỷ niệm hãy còn nóng hổi của chúng tôi. Tiarét trầm ngâm và sắp thốt ra một câu mỉa mai chua chát: nhưng sự phản ứng ấy chỉ ngấm ngấm trong đầu óc gã vì chúng tôi còn lạ nước lạ cái, và bối ngỡ ở nơi không quen thuộc.

Thế rồi một mù rất lịch sự, xống váy sột soạt lóng lánh vóc lụa màu tím và đen, nước hoa thơm phức, trông thấy bọn tôi, và chìa ra một bàn tay nhỏ nhắn, đeo găng, sờ vào cánh tay áo của Vônpat rồi sờ vào vai lão Blerơ. Hai anh chàng bỗng ngây người sững sờ vì được tiếp xúc với người đẹp.

- Thừa các ông, các ông là những chiến sĩ thực sự ở mặt trận, phải chăng các ông đã mắt thấy những cảnh như thế trong chiến hào. Có phải không ạ?

Hai anh chàng khôn khổ được vuốt ve đến tận đáy lòng, hết sức lúng túng trả lời:

- Ờ... vâng ... vâng.

Trong đám đông có tiếng thì thào:

- À!... đấy! xem đấy! Các anh ấy mới thật từ mặt trận về đấy!

Khi còn mấy anh em với nhau, đứng trên những tảng đá vuông vắn ở vỉa hè, Vônpat và Blerơ đưa mắt nhìn nhau, hất đầu hỏi nhau.

Vônpat nói:

- Thì chả gì cũng gần giống như thế chứ sao?

- Phải rồi, chứ gì nữa!

Ngày hôm đó họ đã nói những lời tự dối mình đầu tiên.

*

* *

Chúng tôi bước vào hàng Cà-phê Công Nghệ và Bách Hoa.

Giữa nền nhà, một lối đi giải chiếu. Dọc theo tường nhà và những cột nhà vuông vắn, phía trước quầy hàng, thấy vẽ những hoa dây leo tím, những hoa anh túc màu nâu và những hoa hồng trông như những bắp cải đỏ.

Tiaret nói:

- Không thể chối cãi được, người Pháp chúng ta có khiếu thẩm mỹ thật!

Blerơ thấy hoa hoét xanh đỏ, nhận xét:

- Phải hết sức nhẫn nại và tỉ mỉ mới vẽ được như vậy.

Vônpat nói thêm:

- Trong những tòa nhà như thế này, khoái trá không phải chỉ là ở sự ăn uống!

Parađi cho chúng tôi biết gã có thói quen hay ra vào hàng cà-phê. Xưa kia, chủ nhật gã thường vào những hàng cà phê cũng đẹp và còn đẹp hơn cái tiệm này. Có điều là đã lâu quá rồi, gã giải thích như vậy – nên gã đã quên hẳn cái thú vào ngồi tiệm cà phê. Gã trở một bình nước nhỏ bằng men vẽ hoa treo trên tường:

- Có thể rửa tay ở đó được.

Chúng tôi nhả nhận tiến tới bình nước. Vônpat ra hiệu bảo Parađi mở vòi nước.

- Vặn hộ tớ cái máy phun.

Rồi cả năm anhem chúng tôi bước vào phòng đã có khách, xung quanh đều có người ngồi uống, và chúng tôi ngồi quanh một chiếc bàn.

- Ta làm năm véc-mút-cat-xi^[54] nhé?

Chúng tôi cùng đáp:

- Thì dù sao, uống cũng sẽ lại quen thôi.

Có những người thường dân đi lại, và đến gần chỗ chúng tôi. Họ nói khẽ với nhau:

- Anh Adôn, anh xem, họ đều có huân chương chiến công...
- Họ đều là những chiến binh chính cống!

Anh em đã nghe thấy cả. Họ chỉ chuyện trò với nhau một cách lơ đãng, tai để chỗ khác, và bất giác họ vênh vênh nét mặt.

Lát sau, người đàn ông và người đàn bà vừa nhận xét chúng tôi như vậy, chống khuỷu tay xuống mặt bàn đá hoa, nghiêng mình về phía chúng tôi, hỏi:

- Đời sống ở chiến hào gay lắm phải không các ông?
- Ồ... vâng... Chà! Ồ... ờ..., không phải lúc nào cũng phè phỡn...
- Các ông thực có một sức chịu đựng đáng phục về vật chất cũng như về tinh thần! Thế nhưng rồi cũng đã quen dần với đời sống đó, có phải không ạ?
- Phải rồi. Chà! Ồ... ờ... rồi quen dần, cứ như không ấy thôi...

Người đàn bà, tay lật xem một tập họa báo trong đó có vài quang cảnh bi đát, đất cát lật tung, lâu bầu:

- Dù sao, đó cũng là một cuộc sống khủng khiếp và đầy đau khổ. Anh Adôn này, đáng lẽ chẳng nên phổ biến những điều đó ra làm gì. Nào bắn thủ, nào cháy rận, nào phục dịch... Các ông dù can đảm đến đâu nhưng chắc cũng phải khổ sở...

Mụ nói câu đó và hướng về Vônpat. Anh chàng đỏ mặt lên vì hổ thẹn. Gã hổ thẹn vì cảnh khốn cùng mà gã vừa thoát khỏi và lại sắp trở về. Gã cúi đầu xuống và nói dối, có lẽ cũng không có ý thức rằng mình nói dối đến mức nào:

- Không, kể ra thì cũng không khổ sở mấy. Cũng chẳng khủng khiếp đến thế đâu mà!

Mụ kia đồng ý với gã:

- Tôi biết rằng cũng có những cái đền bù lại. Một cuộc xung phong chẳng hạn, chắc là phải huy hoàng lắm phải không? Tất cả các khối người tiến lên như trẩy hội! Rồi kèn trận thổi vang trên cánh đồng: “Đằng kia có rượu ngon”^[55]. Và những người chiến binh nhỏ nhắn không ai kìm nổi được, hô to “Nước Pháp muôn năm!” hoặc cười vang khi ngã gục. Chà!

Chúng tôi không được vinh dự như các ông... Nhà tôi là nhân viên hành chính ở Quận lý, hiện đang được nghỉ dài hạn để điều trị bệnh tê thấp...

Người đàn ông tiếp:

- Tôi thì tôi rất muốn ra lính, nhưng tôi không được may mắn. Ông trưởng phòng của tôi không thể rời tôi ra được.

Thiên hạ đi đi lại lại, đụng chạm vào nhau, tránh nhau. Những người bồi bàn len lỏi mang khay đựng những cốc mảnh dẻ, sáng loáng màu xanh, đỏ hoặc vàng tươi viền trắng. Bước đi sột soạt trên sàn trải cát hòa lẫn với những tiếng kêu sừng sốt của những vị khách khứa quen nhau, gặp nhau, người đứng kẻ ngồi, lẫn với tiếng cốc và tiếng bài cầu sát trên mặt bàn đá hoa... Phía trong cùng, tiếng đụng chạm của những hòn bi bằng ngà thu hút một vòng khán giả chen chúc đang thốt ra những câu pha trò cổ điển.

Một người ở đầu bàn đằng kia, mặt hồng hào như táo chín, chồm vào mặt Tiarét mà nói:

- Tráng sĩ ơi, mỗi người một nghề. Các vị là những anh hùng. Còn chúng tôi, chúng tôi làm việc để phục vụ đời sống kinh tế của đất nước. Đó cũng là một cuộc đấu tranh như các vị. Tôi cũng có ích, tôi chẳng nói là hơn các vị, nhưng không kém các vị.

Tôi trông thấy Tiarét – anh chàng láu cá của tiểu đội! – giương tròn hai mắt trong đám khói xì gà, và tôi thoáng thấy gã trả lời trong tiếng ồn ào bằng một giọng khiêm tốn và nặng nhọc:

- Vâng, chính vậy... mỗi người một nghề.

Chúng tôi len lén bỏ ra về.

*

* *

Từ lúc rời khỏi hàng cà phê Bách Hoa, chúng tôi nói năng rất ít. Hình như chúng tôi quên không biết nói gì nữa. Một điều bức bối làm những bộ mặt các bạn tôi nhăn nhó xấu xí. Hầu như họ vừa nhận ra rằng, trong một trường hợp chủ yếu, họ đã không làm tròn nhiệm vụ.

Cuối cùng, Tiarét mới lâu bầu, sự căm hờn bật tung ra càng mạnh khi chỉ còn anh em chúng tôi với nhau:

- Những thằng mọc sừng ấy, chúng nó nói churóng quá!

Paradi trả lời phũ phàng:

- Đáng lẽ hôm nay chúng ta phải uống cho thật say!

Chúng tôi lại đi, không hé một lời. Một lúc sau, Tiarét lại nói:

- Chúng nó là những thằng ngu, những thằng ngu bản thiú. Chúng lại định lòi chúng ta, nhưng lòi thế nào được tở!

Rồi con giận càng lên:

- Tở mà gặp lại chúng nó, thì tở nói cho phải biết!

Blerơ nói:

- Còn lúc nào gặp chúng nó nữa.

Vônpat tiếp:

- Tám ngày nữa chúng ta có thể đã đi đời rồi.

Đến gần quảng trường, chúng tôi chạm trán với một đám người lổ nhỏ đi từ Thị sảnh và từ một công thự mặt trước có những hàng cột trông như đèn đài. Đó là cảnh tan tầm bàn giấy. Họ là những thường dân đủ các hạng và đủ các tuổi, những quân nhân già có, trẻ có, nom xa thì ăn mặc cũng gần giống như chúng tôi... Nhưng lại gần, nhìn qua những bộ quần áo giả lính và những lon chéo của họ thì thấy lộ rõ họ là những kẻ trốn tránh, những tên đào ngũ chiến tranh.

Có những người đàn bà và trẻ em đang chờ họ, đứng tụ tập như những đám hạnh phúc xinh xinh. Những nhà buôn âu yếm đóng cửa hàng lại, tươi cười vì buổi hàng đã xong, và ngày mai đây, càng thêm phấn khởi vì những món lợi nhuận ngày càng nhiều làm cho họ run lên không ngừng, vì tiếng loảng xoảng thêm to ở trong két bạc. Họ đã ở lại ven toàn trong tổ ấm, họ chỉ cần cúi xuống là ôm hôn được con cái họ. Dưới những ánh đèn đầu tiên trong phố xá, người ta thấy chói lọi những con người giàu có ấy càng thêm giàu có, những con người yên ổn ấy đang ngày càng thêm yên tâm, nhưng dù sao trong lòng, còn chứa chất một lời cầu nguyện không dám nói ra. Tất

cả những kẻ đó, trong buổi chiều hôm, trở về những ngôi nhà đầy đủ tiện nghi, hoặc vào những tiệm cà phê để được người phục vụ. Những đôi trai gái, những nam nữ thanh niên hoặc thường dân, hoặc quân nhân ở cổ áo có thêu huy hiệu miễn huy, họp nhau và trong khi phần thể gian kia chìm đắm vào tăm tối, họ vội vã đi về ánh bình minh của căn buồng của họ, về cảnh đêm nghỉ ngơi và âu yếm.

Đi qua gần cửa sổ hé mở của một tầng nhà dưới, chúng tôi thấy gió nhẹ thổi phồng bức màn cửa đang ten làm nó trông như hình thù nhẹ nhàng và êm ái của chiếc áo lót người phụ nữ.

Những con người đông đảo ở đây đã dồn đuổi chúng tôi đi như những người dung nghèo khổ, mà quả thực chúng tôi là những người dung nghèo khổ.

Chúng tôi đi lang thang trên nền đá trải đường suốt buổi hoàng hôn đã bắt đầu lóe lên những ánh đèn, – các thành phố, ban đêm, long lanh như mang đầy ngọc quý.

Quang cảnh thế gian đó đã mang lại cho chúng tôi, dù muốn cưỡng lại cũng không được, ý thức về một sự thật lớn lao: một sự khác biệt bắt đầu hình thành giữa những con người, một sự khác biệt thật sâu xa, không thể dung hòa được, với những hố ngăn cách khó vượt qua hơn là sự khác biệt dù là rõ ràng và dứt khoát về nòi giống – là trong đám người đông đảo cùng một nước, có sự khác biệt giữa những kẻ bóc lột và những người phải làm quần quật, người ta đòi hỏi những người này phải hy sinh tất cả, phải cống hiến tất cả số đông của họ, sức lực của họ và nỗi đau khổ của họ, còn những kẻ khác thì giẫm đạp lên những cái đó, tiến lên, mỉm cười và toại nguyện.

Vài bộ tang phục điểm mấy vết đen trong đám đông, có lẽ thông cảm với chúng tôi, nhưng những kẻ khác thì vui đùa, làm gì có tang tóc.

Bỗng nhiên Vônpat nói, lời gã chính xác lạ lùng:

- Không phải chỉ có một xứ sở. Điều đó không đúng. Có hai xứ sở. Tôi bảo rằng người ta chia làm hai xứ sở xa lạ nhau: xứ sở của những người phải cống hiến và xứ sở của những kẻ hưởng thụ.

- Chứ sao? Phải có những người khốn cùng để cho những kẻ giàu sang lợi dụng.

- Và những kẻ giàu sang là kẻ thù của những người khốn khổ.

Tiarét nói:

- Chứ sao!

Blerơ nói thêm, một cách còn đơn giản hơn nữa:

- Kệ mẹ nó!

Còn Vônpat, gã chỉ nhắc lại, trong khi anh em lùi thúi bước đi, đầu cúi gằm:

- Trong tám hôm nữa, có lẽ chúng ta chết ráo rồi.

XXIII – PHỤC DỊCH

Buổi chiều buông xuống chiến hào. Trong suốt ngày, nó đã mon men đến, vô hình như định mệnh và giờ đây thì nó xâm nhập vào bờ lũy những hố dài như hai mép của một vết thương vô tận.

Ở dưới đáy hố, từ sáng chúng tôi đã nói chuyện, ăn uống, đã ngủ và viết lách. Chiều đến, một làn sóng xoáy tròn đã tỏa ra trong hố dài vô biên, xóc xáo và hợp nhất đám người lộn xộn, đờ đẫn với những người lẻ tẻ ở rìa rạc nhau. Đó là giờ mà mọi người phải nhô dậy để đi phục dịch.

Vônpat và Tiarét cùng đi lại. Vônpat nhìn đám mây mỗi lúc một tối sẫm, nói:

- Lại một ngày nữa đã qua, một ngày như những ngày khác.

Tiarét trả lời:

- Biết đâu đây, ngày hôm nay chưa hết đâu.

Kinh nghiệm lâu ngày về những sự khốn cùng đã cho gã biết là ở nơi chúng tôi đóng đây, không nên đoán trước dù chỉ là đoán trước tương lai nhỏ mọn của một buổi chiều tối tăm thường đang bắt đầu kết thúc...

- Nào, tập hợp!

Anh em tập trung chậm chạp, dềnh dàng theo thói quen. Mỗi người lần xác đến với khẩu súng trường, những bao đạn, bình nước, túi đựng một mẩu bánh mì. Vônpat còn đang ăn, má phình ra và phập phồng. Parađi lâu bầu, hai hàm răng lập cập, mũi tím bầm. Fuiat lê khẩu súng như lê một cái chổi. Mactorô ngắm nghía rồi bỏ vào túi cái mùi xoa chán phè, nhàu nát và cứng quèo.

Trời rét, mưa phùn. Mọi người run lập cập.

Ở đằng kia có tiếng như đọc kinh:

- Hai xẻng, một cuốc, hai xẻng, một cuốc...

Hàng người kéo đến kho để dụng cụ, dừng lại ở cửa kho rồi lại đi, lỏm chớm những cuộc xẽng.

Viên cai nói:

- Xong cả chưa? Đi!

Họ chuyển bước xuống dốc. Họ tiến về phía trước, đi đâu cũng không hay. Họ không biết gì hơn là trời đất sắp hòa với nhau trong một vực sâu chung.

*

* *

Họ ra khỏi chiến hào đen thui như một núi lửa đã tắt, và ra đến cánh đồng trong cảnh hoang hôn sương nhạt.

Những đám mây lớn xám xám, sũng nước, lồng thong trên trời. Cánh đồng màu gio, mờ sáng, đầy cỏ bết bùn và những vệt nước dài. Từng chỗ, những cây to trụi hết lá chỉ còn trơ ra những cành cây khẳng khiu, thân cây vằn vẹo.

Trong sương khói, họ không trông được xa. Và lại họ còn phải cúi xuống đất, nhìn vào bùn trơn.

- Chẳng khác gì cháo nhão!

Vượt qua ruộng, chân họ đạp vào một thứ bột quánh nhom nhóp luôn luôn bị giẫm bết ra rồi chảy ngược lại trước mỗi bước chân.

- Y như kem súc-cô-la! Kem cà-phê!

Trên những phần trái đá – đường cái cũ đã xóa nhòa bây giờ thành bình địa như ruộng nương – đoàn quân nghiêng nát, qua lớp đất mỡ, những hòn đá cuội vỡ vụn và kêu sào sạo dưới gót giày đinh.

- Như là đi trên bánh mì nướng phết bơ.

Có khi ở sườn một mô đất, lớp bùn đen dày hõm sâu xuống chất thành đồng như ta thường thấy quanh những chỗ cho súc vật uống nước trong

làng. Nơi đất trũng thì đầy những vũng nước, ao, chuôm, bờ loi thoi rách tả tơi.

Những anh láu lỉnh, lúc xuất phát còn sung sức, nói đùa: “Cạc, cạc!” khi gặp nước, bây giờ những câu bông đùa thừa thớt âm thầm. Dần dần họ im hẳn. Trời đổ mưa mau. Giọt mưa rơi thành tiếng. Ánh sáng ban ngày nhạt dần, không gian rồi mù như co hẹp lại. Dưới đất chỉ còn lại một chút ánh sáng vàng vàng nhợt nhạt đọng lại trên mặt nước.

*

* *

Ở phía Tây hiện ra dưới trời mưa những bóng thầy tu tùm hụp. Đó là một đại đội của Tiểu đoàn 204, khoác toàn vải lều. Khi họ đi qua, chúng tôi thấy mặt họ hốc hác và nhợt nhạt, mũi đen, trông như một đàn chó sói lướt thướt. Rồi không trông thấy họ nữa.

Chúng tôi theo một con đường mòn giữa những thửa ruộng cỏ mọc hỗn độn. Con đường đó nguyên là một cánh đồng đất sét, bị vô số vết bánh xe song song khía nát, và những vết chân người và bánh xe đi về phía trước hoặc đi về phía sau cày lên theo một hướng.

Chúng tôi nhảy qua giao thông hào rộng hoác. Việc đó không phải lúc nào cũng dễ dàng: bờ hào quánh trơn và đất lở làm nó tõe loe ra. Vả lại sự mệt mỏi đã bắt đầu đè trĩu lên vai chúng tôi. Xe cộ đi ngược lại chạy ầm ầm làm bắn tung nước. Những con ngựa kéo trọng pháo giậm chân, té vào chúng tôi từng nắm nước bùn. Bánh xe cam-nhông cuốn theo một vành nước, quay tròn và tõe ra xung quanh cái nhà lưu động ầm ỹ ấy.

Đêm càng khuya thì cảnh tượng những cỗ xe ngựa chuyển động, cỗ ngựa vượn thẳng lên, và những đoàn kỵ binh áo khoác bay phàn phật, súng khoác trên vai, càng in hình thành những nét kỳ quái trên nền trời đầy mây. Có lúc những xe ngựa chở đạn pháo binh vướng nhau, tắc lối đi, dừng lại, đứng tại chỗ khi chúng tôi vượt qua. Người ta nghe thấy một âm thanh lẫn lộn những tiếng trục xe ken két, tiếng nói, tiếng cãi nhau, những mệnh lệnh đối nhau chan chát, và tiếng mưa ào ào như tiếng biển cả. Người ta trông

thấy những móng ngựa và những áo khoác kỵ binh bốc hơi ở trên đám hỗn độn lò mờ.

- Cần thận!

Về bên phải, có cái gì trải dài dưới đất. Đó là một dãy tử thi. Khi đi qua, người ta bắt giắc tránh xa và dán mắt nhìn vào. Người ta trông thấy những đê giấy chồng lên, những cổ họng bị căng ra, những bộ mặt mờ mờ hốc hác, những bàn tay hơi co quắp và ở dưới là một mớ hỗn độn đen ngòm.

Dưới bầu trời đầy mây xơ xác như những xống áo tả tơi đang tỏa ra trong không trung đen tối, bị vấy bẩn từ bao ngày vì sự tiếp xúc lâu dài với đám người cùng khổ, chúng tôi vẫn đi, đi mãi trên đồng ruộng tái xám mòn dần dưới gót chân người.

Rồi chúng tôi lại đi xuống giao thông hào.

Đường hào ở sâu xuống từng dưới nữa. Muốn xuống phải đi vòng một vòng rộng, vì vậy những người đi tập hậu có thể nhìn thấy, trong một đường bán kính khoảng một trăm thước, toàn bộ đại đội tỏa ra trong chiều hôm, những con người bé nhỏ đen đen bám vào thành dốc, đi theo nhau và rời rạc, cuốc xẻng và súng ống dựng ngược hai bên đầu, chẳng khác gì một dóm ít ỏi những người bị tội, vừa đi vừa giơ hai tay lên van lơn.

Giao thông hào này còn ở tuyến thứ hai nên đông người. Ở ngưỡng cửa hầm trú ẩn, treo lủng lẳng một tấm da thú hay một miếng vải xám, có người đương ngồi xổm, râu tóc xồm xoàm, nhìn chúng tôi đi qua bằng con mắt lơ đãng nháy không trông thấy gì cả. Có những tấm vải khác treo thông xuống sát đất, thấy thò ra những cặp chân và nghe có tiếng ngáy.

- Mẹ kiếp! Dài quá đi mất! Trong bọn đương đi bắt đầu có người cầu nhàu như vậy.

Đoàn quân chùn lại, dồn nhau về phía sau.

- Đứng lại!

Phải dừng lại cho những người khác đi qua. Mồm chửi rửa, họ ùn cả lại ở hai bên bờ thoải thoải của chiến hào. Đó là một đại đội súng máy, vai khiêng những gánh nặng kỳ lạ.

Mãi không hết. Phải dừng chân như vậy thật mệt lử người. Gân thịt bắt đầu co quắp. Bị kiệt sức vì đứng lâu tại chỗ, chúng tôi rũ rời cả người.

Vừa bước được mấy bước, lại phải lùi về hào tránh nhau, để chỗ cho bọn lính điện thoại thay phiên đi qua. Chúng tôi lùi lại như một đám súc vật bị vướng víu.

Rồi chúng tôi lại nặng nề bước chân đi.

- Coi chừng cỏ dày!

Đường dây điện thoại lượn vòng trên chiến hào, vắt qua hào bằng những cọc chống. Khi dây không được căng lắm, nó lòng thòng trong hào và móc vào súng của người đi qua, những người bị vướng như vậy loay hoay chửi rửa bọn lính điện thoại không bao giờ biết mắc dây cho ra hồn.

Rồi sau vì vướng dây nhiều quá, những đường dây quí báu lỏng thõng chằng chịt rối ren, chúng tôi phải đeo súng vào vai, báng lộn ngược và đầu xéng chúc xuống đất chúng tôi bước lom khom mà đi.

*

* *

Bất thành linh chúng tôi bắt buộc phải đi chậm lại. Chỉ tiến từng bước một, người nọ dính sát vào người kia. Chắc đầu hàng đang gặp phải một nơi khó qua lại.

Rồi cũng đến được chỗ đó: mặt dốc dẫn đến một kẽ hở toang hoác. Đó là giao thông hào có mái. Những người khác đã đi khuất vào cửa hang thấp rồi.

- Té ra phải chui vào trong cái ruột lợn này à?

Mỗi người đều trù trù không muốn vùi mình vào hang tối đó. Vì ai cũng trù trù chậm chạp như vậy nên ảnh hưởng đến những khúc sau của đoàn quân, làm cho hàng quân trùng trùng, lối đi bị tắc và có khi, bất chợt phải dừng hẳn lại.

Vừa bước vào hầm, chúng tôi đã chìm ngập trong một bóng tối dày đặc làm mỗi người chúng tôi bị tách rời hẳn nhau. Một mùi mả mốc, mùi bùn tanh xộc vào mũi chúng tôi. Trên trần đường hầm, chúng tôi thấy có những đường vạch, những lỗ mờ mờ sáng: đó là chỗ nứt, những kẽ hở của những tấm ván ở trên. Đôi chỗ, nước rỉ chảy xuống thành dòng khá mạnh. Mặc dầu đã sờ soạng cẩn thận, chúng tôi vẫn vấp phải những đồng gỗ và va phải ở hai bên những tấm gỗ chống trông thấy lơ mờ dựng đứng.

Trong quãng hầm dài dằng dặc kín như bưng ấy, có những tiếng âm âm đinh tai nhức óc: đó là tiếng động cơ của chiếc đèn pha đặt ở đó, nơi chúng tôi sắp đi qua.

Sau khi dò dẫm mười lăm phút, ngập ngựa trong đó, thì một gã không chịu được nữa vì tối tăm và ẩm ướt quá, cúi tiết vì phải húc vào một nơi mù tịt, lầu bầu:

- Mặc kệ, ông bật đèn!

Một chiếc đèn pin lóe lên một chấm sáng. Lập tức có tiếng viên đội gầm lên:

- Con khi? Thằng ngốc nào bật đèn thế! Mày điên à? Đồ chó ghẻ, mày không biết qua trần này trông thấy ánh sáng được à?

Sau khi đã rọi lên bên vách ẩm đạm rỉ nước qua làn ánh sáng loe ra như hình tháp, chiếc đèn pin lại vụt tắt đi.

Anh chàng bật đèn lên tiếng nhạo báng:

- Đâu mà dễ thấy thế, đây có phải là tiền tuyến đâu!

- A! không trông thấy!

Viên đội đã đi lẫn vào hàng lính, cố tiến lên. Và người ta đoán ra là gã vừa đi vừa ngoái cổ lại để cố phân trần bằng mấy câu nhát gừng:

- Đồ bản thủ, đồ hề xiếc...

Nhưng bỗng nhiên gã lại the thé lên:

- Thằng nào lại hút thuốc kia! Khô thực!

Lần này thì gã muốn dừng hẳn lại, gã vươn lên cố đứng cho chắc, thở lặc lè, nhưng gã vẫn bị cuốn theo đà, phải bước đi hấp tấp. Những câu chửi rửa quất tháo không thoát ra được làm gã tức điên người. Trong khi đó, điều thuốc làm gã phát khùng đã lặng lẽ tắt đi.

*

* *

Tiếng rung bần bật của cái máy nghe rõ thêm và hơi ẩm tăng dần quanh chúng tôi. Chúng tôi càng tiến thì không khí trong hầm càng rung mạnh. Bất thần tiếng động cơ chuyển động làm đình tai chúng tôi, làm chúng tôi rung động cả toàn thân. Nhiệt độ càng tăng thêm: hình như có một con vật hà hơi vào tận mặt chúng tôi. Theo con đường hầm phủ đất, chúng tôi bước xuống căn hầm dữ dội đang ầm ầm rung chuyển ở đó, một ánh lửa đỏ sẫm hắt lên vách hầm và làm chúng tôi biến thành những bóng không lồ cúi lom khom.

Trong tiếng ầm ầm ngày càng mạnh, trong gió nóng và ánh lửa ngày càng tăng lên khủng khiếp, chúng tôi xô về phía lò lửa. Mọi người đều đình tai như ốc. Bây giờ hình như cái động cơ đang chồm qua hành lang hướng về phía chúng tôi, chẳng khác gì một chiếc mô tô, đèn pha chói lòa, phóng nước đại, chạy thật nhanh để đè bẹp chúng tôi.

Khi ngang qua cái lò lửa đỏ rực và cái động cơ đen xì, guồng máy quay rú ầm như gió bão, chúng tôi bị quáng lòa, chỉ vừa kịp trông thấy ở đó có

những bóng người đang cử động. Mắt nhắm lại, chúng tôi như ngạt thở vì hơi nóng rầy ầm ầm toát ra.

Sau đó, tiếng động và hơi nóng còn như đuổi theo sau chúng tôi rồi yếu dần... Anh bạn đi cạnh tôi lều bều sau bộ râu:

- Thế mà thằng ngốc kia nó cứ kêu là đèn tớ sáng, lộ mục tiêu.

Đã đến chỗ thoáng. Trời xanh thẫm, đồng màu với màu bạc hơn của trái đất. Mưa càng dữ. Chúng tôi đi chập vệt trong nước ngập bùn. Mỗi khi chiếc giày thụt xuống, phải mệt chết điếng mới kéo được chân lên. Trong bóng tối, trông không rõ lắm. Tuy nhiên khi chui ở hầm ra, cũng còn trông thấy một đồng lộn xộn những xà nhà lung tung trong chiến hào nơi đây đã rộng: đó là một cái hầm trú ẩn đã bị phá hủy.

Lúc đó, một chiếc đèn pha ngừng lại phía chúng tôi cánh tay dài có khớp rất dị kỳ của nó mà lúc trước nó đưa đi đưa lại trong bầu trời vô tận. Thế là chúng tôi đã nhận ra, trong đồng chằng chịt những cây gỗ bị nhổ bật lên, chôn xuống, và những xà nhà gãy, có rất nhiều binh lính bị chết. Sát ngay cạnh tôi, một cái đầu dính vào thân người đang quì bằng một sợi dây mơ hồ, và đang lủng lẳng trên lưng cái thân: trên má cái đầu lâu, một vết đen nham nhở những giọt máu đọng. Một cái thân khác ôm hai tay vào một cái cọc, và chưa ngã hẳn xuống. Một hình người khác nằm cong cong, bị đạn trái phá làm bay mất quần, để trơ bụng và sườn trắng hếu. Một thân nữa nằm bên rìa đồng người, để lê thê bàn tay ra ngoài lối đi. Ở nơi này người ta chỉ qua lại ban đêm vì hào đã bị sụt lấp, ban ngày không thể đi qua được, mọi người đều giẫm lên bàn tay đó. Dưới ánh sáng của ngọn đèn pha, tôi trông rất rõ bàn tay đó, xương xương, đã bị mòn, bẹp mỏng như tờ giấy cũ, chẳng khác gì một cái vây cá bị cụt.

Mưa tầm tã. Tiếng mưa rơi bao trùm hết thảy. Cảnh tượng ngao ngán ghê người. Chúng tôi thấy mưa rơi trên da thịt, mưa như muốn lột trần mọi người. Chúng tôi đi vào giao thông hào lộ thiên, chỉ còn lại đêm tối và đông tố phủ lên đám người chết gục ở đó và còn như cố bám vào mảnh đất đó như bám vào một cái mảng.

Gió buốt làm những giọt mồ hôi đóng băng trên mặt chúng tôi. Bây giờ đã gần nửa đêm. Thế là đã hành quân sáu giờ liền trong bùn mỗi lúc thêm nặng trĩu chân.

Chính là giờ mà ở các rạp hát ở Pari sáng lòa những hoa đăng, rực rỡ những đèn điện, đầy rẫy những xa hoa ngông cuồng, người ta đang rún rẩy trong những bộ quần áo đẹp, trong hơi ấm của những buổi dạ hội. Một số người đông đảo được tăng bốc nhớn nhoe đang nói nói cười cười, tươi vui vỗ tay, nở mặt nở mày, lòng rung động nhẹ nhàng bởi những cảm xúc mà vở hài kịch đã khéo gợi dần lên trong lòng họ, hoặc họ đang phưỡn bụng thưởng thức tất cả cái huy hoàng và hoa lệ của những chiến công quân sự thần kỳ nhan nhản trên sân khấu nhạc kịch.

- Sắp đến chưa? Mẹ kiếp, hay là không bao giờ đến được hở? Một tiếng rên la thốt ra trong hàng người dài dằng dặc nhô lên tụt xuống trong giao thông hào, mang nào súng, nào xẻng, nào cuốc dưới trận mưa rào vô tận. Chúng tôi vẫn đi, đi mãi. Sự mệt mỏi làm chúng tôi choáng váng, lão đảo ngã dúm dúm, người nặng như chì, ướt sũng, chúng tôi đụng vai vào vách đất cũng ướt như chúng tôi.

- Đứng lại!

- Đến rồi ư?

- À! phải, đến rồi.

Nhưng tạm thời chúng tôi bị dồn mạnh về đằng sau, có tiếng lão rào:

- Lạc đường rồi.

Bây người đang lang thang trong sự hỗn độn đã nhận ra một sự thực: đến một chỗ rẽ nào đó, người ta đã đi nhầm đường và bây giờ thì có họa thánh mới tìm ra được đường đúng.

Hơn nữa, lại có tin đồn từ miệng nọ qua miệng kia là phía sau chúng tôi, một đại đội võ trang đầy đủ đang lên đường ra hỏa tuyến. Con đường chúng tôi đi qua bị tắc những người đi. Thế là bị nghẽn.

Sống chết cũng phải cố mà lộn về cái hào mà chúng tôi đã lạc, hình như cái hào đó ở phía trái chúng tôi và phải rúc qua một đường hầm. Mọi người đã kiệt sức, cúi kính và chửi rửa lung tung. Họ lê từng bước, vút hết cuộc xêng đi rồi đứng sững ở đó. Ở nhiều chỗ, thoáng qua màu trắng của pháo sáng, từng tốp người ngồi phịch xuống đất. Cả đại đội rải rác trên đường dài từ Nam đến Bắc chờ đợi dưới trời mưa ác nghiệt.

Viên trung úy dẫn đường và đã làm cho chúng tôi đi lạc cố len qua anh em và tìm một lối rẽ ngang. Một giao thông hào nhỏ, thấp và hẹp mở thông sang bên cạnh.

- Chính là phải đi qua chỗ này, chắc chắn không sai. Nào, các bạn, bước lên.

Viên sĩ quan vội vã nói thế.

Mọi người cúi kính lại nhặt đồ lê lên... Nhưng trong nhóm người đã đi lọt vào một cửa hầm nhỏ, bỗng nhao nhao nổi lên những lời chửi bới nguyên rửa.

- Đây là chuồng xí!

Một mùi thối hoắc bốc ra xác định tính chất không thể chối cãi được của cái hào. Những người đã chót bước vào vội dừng lại, bưng bình không chịu tiến. Người nọ chen người kia và đều bị ngăn lại ở cửa chuồng phân.

Một anh kêu lên:

- Thà đi ngoài cánh đồng tở còn thích hơn.

Nhưng trên bờ hào, những tia chớp xé những đám mây khắp mọi nơi, cảnh tượng trông ghê gớm đến nỗi trong đám người chui rúc dưới hầm, lửa đạn dè trữu trên đầu, không một ai hưởng ứng anh chàng điên rồ đó.

Thôi thì dù muốn hay không, thế nào cũng phải đi qua nơi đó vì không có cách nào quay lộn lại.

Gã đi đầu thét lên:

- Nào, tiến lên trong cút đất!

Chúng tôi lao mình đi, nghệt thở vì kinh tởm. Mùi hôi thối không thể nào chịu nổi, chúng tôi bước vào đám cút, giẫm lên thấy nó mềm mềm lẫn với bùn dưới đế giày.

Đạn rít qua.

- Cúi đầu xuống.

Vì cái hào không sâu nên chúng tôi phải cúi xuống thật thấp để tránh đạn, vừa đi vừa lom khom trên những đồng cút rải rác giấy má mà chân người giẫm lên.

Cuối cùng chúng tôi lại đi vào cái hào mà lúc nãy nhâm lẫn đã rời bỏ. Chúng tôi lại bước, bước mãi, không biết bao giờ mới tới nơi.

Suối nước đang chảy ở đáy hào rửa sạch mùi thối tha và những cái bần bết bê ở chân chúng tôi. Chúng tôi vẫn lang thang, miệng câm lặng, đầu rỗng tuếch. Sự mỗi một làm chúng tôi choáng váng và đờ đẫn cả người.

Tiếng gầm của đại bác nối tiếp nhau mỗi lúc một mau, và sau cùng hòa hợp thành tiếng gầm của cả trái đất. Từ phía, tiếng đại bác bắn đi và tiếng nổ khi tới đích chớp lòe thành những vết loang lổ lên màn trời mờ mờ trên đầu chúng tôi. Rồi trận oanh tạc trở nên kịch liệt, những ánh chớp liên hồi không lúc nào ngớt. Giữa những tràng sấm sét liên tiếp, người nọ trông thấy rõ người kia, đồ da bị thấm nước, lưỡi xẻng đen và bóng loáng, và còn trông thấy cả những giọt nước mưa trắng trắng rơi không ngớt. Tôi chưa bao giờ được chứng kiến một quang cảnh như vậy: đúng là một cảnh sáng trắng cầu tạo bằng ánh lửa đại bác.

Đồng thời không biết cơ man nào là pháo hiệu bắn lên từ tuyến ta và tuyến địch, họp nhau lại, xoắn xuýt thành những đám sao; có một lúc hình như có một chùm sao Đại Hùng tinh bằng pháo hiệu xuất hiện trong bầu trời giữa hai thành hào để soi sáng cuộc hành quân khủng khiếp của chúng tôi.

*

* *

Chúng tôi lại bị lạc đường một lần nữa. Lần này đến tận sát cạnh tiền tuyến ta, những ở khoảng cánh đồng đó có một nơi đất trũng như lòng chảo lồi nhỏ có bóng người qua lại.

Chúng tôi đã theo dọc một đường ngầm tiến về một hướng, rồi lại đi ngược lại. Trong sự rung chuyển sáng chói của đại bác, ánh sáng giật giật như màn chiếu bóng hồi trước chiến tranh, chúng tôi trông thấy trên thành hào hai anh lính cẳng đang cố khiêng một cái cẳng nặng qua hào.

Viên thiếu úy, ít ra là đã biết nơi mà hẳn phải dẫn nhóm người lao động đến, gọi giật hai người:

- Giao thông hào mới ở chỗ nào hở?

- Tôi không biết.

Trong hàng ngũ có anh em hỏi thêm: “Ồ đây cách bọn Bôtsơ bao nhiêu?” Họ không trả lời. Họ còn nói chuyện với nhau. Gã đi trước nói:

- Tớ đứng lại đây. Tớ mệt quá rồi.

Gã kia bì bõm trong bùn với gánh nặng trên vai, trả lời giọng phát khùng:

- Nào, con khi, tiến lên! Không thể đứng mốc ra ở đây được!

Họ đặt cằng lên thành hào, đầu cằng treo ngay trên hào. Khi chui qua phía dưới, chúng tôi trông thấy hai chân của người nằm trong cằng, và nước mưa rơi vào trong cằng rỏ giọt đen ngòm.

Từ mé dưới anh em hỏi:

- Thương binh à?

Lần này thì anh lính cằng lâu bầu trả lời:

- Không, một xác chết nặng ít ra là tám mươi kilô. Thương binh thì còn nói gì – từ hai ngày hai đêm nay khiêng không ngót tay – nhưng học bơ ra để khiêng người chết thì có khổ người ta không.

Rồi anh lính cằng đứng trên bờ hào, đưa một chân vào một cái lỗ dưới chân bờ hào bên kia và xoạc hai chân thật rộng qua mặt hào, cố giữ thẳng bằng một cách chật vật. Gã nắm lấy đầu cằng và kéo sang bên kia: gã gọi người bạn đưa giúp sang.

Xa hơn chút nữa, chúng tôi thấy bóng dáng một sĩ quan đội mũ chụp đứng nghiêng nghiêng. Gã đưa tay lên mặt và người ta thấy ở ống tay áo gã lông lách hai vệt vàng vàng.

Có lẽ gã sẽ trở đường cho chúng tôi... nhưng không, gã hỏi có ai trông thấy pháo đội của gã không vì gã đang đi tìm nó.

Thế thì biết đến bao giờ mới tới được.

Tuy nhiên chúng tôi cũng tới nơi.

Chúng tôi đến một khoảng ruộng có than, lởm chởm những cột mảnh dẻ. Đến đó chúng tôi leo lên và lạng lẽ tản ra. Địa điểm đây rồi.

Nhưng nhận cho ra nơi làm việc là cả một vấn đề. Bốn lần liên tiếp, phải tiến lên rồi lại lùi về, làm thế nào cả đại đội đứng phân cách cho đều đặn dọc theo chiều dài cái hào mà anh em phải đào để cho khoảng cách thật đều giữa các kíp gồm một người mang cuốc và hai người mang xẻng.

- Tiến lên ba bước nữa... Quá rồi. Lùi lại một bước. Nào, lùi lại một bước. Điếc đấy à?... Đứng lại... Ở đấy!

Công việc cắt đặt người cho chinh xác đó do một viên trung úy và một hạ sĩ quan công binh từ dưới đất hiện lên điều khiển. Cả hai người cùng một lúc, hoặc riêng từng người một, hồi hỏ, chạy dọc theo hàng ngũ, khe khẽ quát lên những mệnh lệnh vào mặt anh em, có khi nắm cánh tay họ để hướng dẫn. Công việc được điều khiển một cách trật tự, nhưng đã biến thành lộn xộn, ồn ào náo động vì anh em kiệt sức, vừa yên chỗ đã phải luôn luôn nhổ rể đi nơi khác nên câu kính bực tức.

Quanh tôi có người nói nhỏ:

- Ta đang ở phía trước tiền tuyến.

Những tiếng khác thì thảo:

- Không, vừa sát sau tiền tuyến.

Chẳng ai biết thế nào. Trời vẫn mưa luôn, nhưng không mưa to bằng những lúc đương đi. Mưa cũng chẳng sao! Anh em đã nằm xoài xuống đất. Lưng và chân tay ngã xuống đất bùn êm êm, khoan khoái quá, nên nước lạnh xối vào mặt, ngấm vào da thịt, chảy vào chỗ nằm, anh em vẫn đứng đưng coi như không.

Nhưng nằm chưa kịp thở thì đã phải bắt đầu làm quần quật ngay. Người ta không đại dột để chúng tôi nghỉ rồi thì lì ra. Bây giờ đã hai giờ sáng: trong bốn tiếng nữa thì trời sẽ sáng rõ, không thể ở đây được nữa. Không thể bỏ phí một giây phút.

Người ta bảo chúng tôi:

- Mỗi người phải đào một thước rưỡi bề dài, bảy mươi phân bề ngang và tám mươi phân bề sâu. Như vậy mỗi nhóm phải đào bốn thước rưỡi bề dài và tôi nhắc các anh hãy cật lực mà đào. Càng xong sớm càng được về sớm.

Câu phỉnh phờ này ai cũng đều biết cả. Trong lịch sử của Trung đoàn chưa từng có chuyện một đội đi đào đất được người ta thả cho về trước lúc cần thiết phải rút lui để quân địch khỏi trông thấy, nhận ra và tiêu diệt cả người lẫn công sự.

Anh em làm bầm:

- Ủ, ừ, thôi được... không phải con cà con kê. Để dành hơi sức chứ.

Trừ một vài anh ngũ chí tử chốc nữa sẽ phải xuất tận lực ra mà làm, mọi người đều ra công đào rất dũng cảm.

Trước hết, phải tẩn công vào lớp đất trên của phòng tuyến mới: những cục đất lằng nhằng những sợi cỏ. Lúc đầu tiên, công việc làm dễ và mau – như mọi công việc đào đất thật – do đó ta có ảo tưởng sẽ làm xong nhanh chóng, sẽ có thể ngủ trong hố đã đào. Ý nghĩ đó làm cho anh em hăng hái chút ít.

Nhưng, có lẽ vì tiếng xẻng, hoặc vì vài người bi bô nói to quá mặc dầu đã căn dặn, nên sự náo động của chúng tôi làm một pháo hiệu vọt lên và rít ở mé tay phải chúng tôi, vạch ra một đường lửa.

- Nằm xuống!

Mọi người nằm bẹp xuống. Pháo hiệu chao đi chao lại tỏa ánh sáng xanh xao trên cánh đồng như đầy người chết.

Khi pháo hiệu đã tắt, mới đầu thì lác đác, sau là khắp mọi nơi, anh em lại nhôm dậy, ra khỏi công sự lúc này che khuất mình và lại bắt đầu làm việc cẩn thận hơn.

Lập tức một pháo hiệu thứ hai vọt lên thành một cột ánh sáng vàng vàng làm cho hàng người đang đào lại nằm bẹp dí xuống. Rồi một pháo hiệu khác, và một pháo hiệu khác nữa.

Đạn bay qua xé không khí quanh mình chúng tôi. Có tiếng kêu lên:

- Một cậu bị thương!

Một người dìu anh ta đi qua. Hình như có nhiều người bị thương nữa. Loáng thoáng thấy những nhóm người, người nọ lê người kia đi khuất đi.

Địa điểm trở nên nguy hiểm. Chúng tôi phải cúi khom, ngồi xổm xuống. Vài người quỳ xuống mà bới đất. Vài người khác nằm dài ra mà đào, hì hục, trở mình trần trọc như người ngủ mê thấy ác mộng. Lốp đất đầu đào thấy còn nhẹ, bây giờ là loại đất sét dính bết, cứng rắn khó đào, nó bám vào xẻng cuốc như bột mát-tích. Sau mỗi nhát xẻng lại phải nạo lưỡi cho hết đất.

Đã thấy lờ mờ thành hình một đường đất mới đào gồ ghề nho nhỏ, và mỗi người đều có ý nghĩ có thể chắt lên đồng đất cái túi dết và áo ca-pốt của mình cho nó cao hơn để có thể chúi mình đằng sau đồng đen mỏng manh ấy khi làn đạn bay đến...

Khi làm việc thì mồ hôi chảy ra; khi ngừng lại thì rét thấu xương. Vì vậy phải cố mà khắc phục sự đau đớn và mệt mỏi để tiếp tục đào.

Không, làm gì mà chóng xong được... Đất trở nên mỗi lúc một nặng thêm. Hình như có một sức mạnh thần bí chống lại chúng tôi làm cánh tay chúng tôi bị tê bại. Pháo hiệu luôn luôn quấy rầy, truy nã chúng tôi, không cho cử động lâu. Ánh sáng của pháo hiệu làm chúng tôi phải ngừng lại, ngậy người ra như đá, khi nó tắt, chúng tôi lại phải lao vào công việc gay go hơn. Hố đất sâu dần xuống chập chập kinh người, với bao nhiêu công sức và đau khổ.

Rồi đất thấy mềm mềm, mỗi nhát xẻng làm nước nhỏ giọt, chảy ròng ròng và đổ xuống với một tiếng nhào nhoẹt. Sau cùng một gã kêu lên:

- Có nước.

Tiếng kêu đó truyền sang đám người đang xúc đất:

- Có nước. Không đào được đâu!

- Nhóm cậu Mêluỵxông đào sâu nhất, thấy nước. Các cậu ấy đào vào một cái ao.

- Không thể đào được nữa!

Mọi người ngừng tay bồi rối. Trong đêm tối, người ta nghe thấy tiếng xẻng cuốc anh em vút xuống như súng hết đạn. Những hạ sĩ quan lần mò đi tìm viên sĩ quan xin chỉ thị. Có nhiều nơi, chẳng cần hỏi han gì, anh em ngủ một giấc khoái trá dưới trời mưa mon trón và pháo bông rực sáng.

*

* *

Chính vào khoảng lúc đó tôi nhớ lơ mơ như vậy – trận oanh tạc bắt đầu.

Viên đạn đại bác thứ nhất bắn tới xé toang bầu không khí như muốn cắt hẳn làm hai, vừa nổ toang và hất tung đất ở mé đầu tốp giữa cảnh mênh mông của đêm tối và mưa rào, làm hiện ra trong ánh chớp lửa đỏ những cử chỉ hỗn độn, thì nhiều tiếng rít nữa cũng đã hướng về chúng tôi.

Chắc là nhờ bắn mãi pháo hiệu, chúng đã trông thấy chúng tôi và điều chỉnh hỏa lực vào chúng tôi.

Mọi người đổ xô lẫn mình vào cái hố nhỏ đầy nước vừa đào xong. Họ len vào đó, dầm mình trong đó, rúc xuống, lấy lưới xẻng che lên đầu. Ở bên phải, bên trái, đằng trước đằng sau, những viên đại bác nổ gần đến nỗi mỗi quả xô đẩy chúng tôi, rung động chúng tôi trong lớp đất sét. Chẳng mấy chốc đất cát ở cái công thẩm hại đầy người và lồm chồm những cuộc xẻng đó, rung chuyển không ngừng dưới làn khói đen và những nắm lửa rơi xuống. Trên cánh đồng chói lòa, mảnh đạn và những vật vỡ nát rít lên ầm ầm và chéo nhau tứ tung. Không một giây phút nào không có người thẳm nhủ cái câu mà vài kẻ nằm úp mặt xuống đất, đương áp úng nói:

- Chuyến này thì đi đời.

Một hình người ở trước chỗ tôi nằm một chút, nhôm dậy và kêu lên:

- Chuồn đi thôi!

Những thân người đang nằm bồng nhấp nhôm ra khỏi đám bùn bao bọc họ như những tấm vải liệm, chân tay dính bết những bùn chảy lòng thòng hoặc bám thành từng mảng sũng nước. Họ kêu lên như những bóng ma:

- Cuồn đi thôi!

Họ đang lom khom quì; họ xô nhau về phía rút lui.

- Chạy lên! Nào, chạy lên.

Nhưng hàng dài người vẫn không nhúc nhích. Những tiếng kêu than không làm cho họ tiến lên. Đầu phía đằng kia không động đậy vì vậy cả khối người bị ùn lại.

Thương binh tiến lên trước, trèo lên mình họ, bò trên người họ như trên đồng rác, và tưới máu vào cả đại đội.

Cuối cùng người ta mới biết nguyên nhân vì sao phần đuôi của đại đội phải đứng yên đến điên người như vậy:

- Đầu đằng kia bị bắn chặn.

Những người phải ở lại đây bị một cơn kinh hoàng tột độ, họ nói không ra tiếng, chân tay đờ dại. Họ giãy giụa, kêu gào tại chỗ. Mặc dầu chỗ trú ẩn chỉ là một cái hố nhỏ chưa đào xong, nhưng nó cũng che cho họ khỏi thù người ra ngoài nên không ai dám rời nó ra để chạy sang cái hào ngang ở đâu gần đấy để tránh chết...

Thương binh được phép bò trên những người sống cũng là liều lĩnh lắm vì mỗi lúc đang bò, họ lại bị trúng đạn và rơi xuống đáy hố.

Thật là một trận mưa lửa đạn đổ xuống khắp mọi nơi lẫn với nước mưa. Từ đầu đến chân, ai nấy đều run lên và mê man trong tiếng âm âm quái gở. Theo từng đợt ánh sáng, một cái chết thê thảm nhất đang sà xuống, chồm

lên và chụp lấy chúng tôi. Ánh sáng của nó từ bốn bề buộc người ta quay ngược xuôi quan sát. Tầm thân xương thịt con người chờ sẵn để chịu sự hy sinh quái gở. Cảm xúc làm chúng tôi ngây dại, mạnh mẽ đến nỗi chỉ có lúc đó thôi, chúng tôi mới nhớ ra rằng trước đây chúng tôi đã từng cảm thấy như vậy, đã từng chịu đựng trận mưa đạn dội vào mình làm cháy da thịt khiến người ta phải kêu gào, và sức mùi hôi tanh. Chỉ trong lúc đang bị oanh tạc, người ta mới thật nhớ rõ những trận oanh tạc trước mà người ta đã từng chịu đựng.

Những người mới bị thương không ngừng bò qua, vẫn cứ chạy trốn làm anh em thêm sợ và kêu rên, tự nhủ:

- Chuyên này không thoát được, không còn ai thoát được.

Bỗng nhiên trong đám người có một khoảng rộng: họ bị hút về phía sau, họ đã dọn được đường.

Trước hết chúng tôi còn bò, sau bắt đầu chạy, người lom khom trong bùn và nước phản chiếu những chớp sáng và ánh đỏ, vừa chạy vừa vấp ngã vì dưới làn nước có chỗ nhô lên thụt xuống. Trông chúng tôi chẳng khác gì những viên đạn đại bác nặng nề bắn tung lên, và bị sấm sét xua dồn là là sát mặt đất.

Chúng tôi tới đầu hào lúc trước đã bắt đầu đào.

- Chẳng có hào hồ gì cả. Chẳng có gì hết.

Thực vậy, trên cánh đồng mà chúng tôi bắt đầu đào, mắt không nhìn thấy một nơi trú ẩn nào. Ngay cả khi pháo hiệu tỏa ánh sáng đe dọa xuống, chúng tôi cũng chỉ thấy đồng không, một bãi sa mạc lớn lao hung dữ. Hàm trú ẩn thì chắc chẳng xa mấy nỗi vì lúc đến thì chúng tôi đã đi theo cái hào đó. Nhưng biết hướng về phía nào để tìm ra nó.

Mưa càng dữ dội hơn. Anh em đứng lại một lát, trù trù trong một sự thất vọng thảm hại và bị ùn lại ở chỗ đất xa lạ đang bị oanh tạc, sau đó hàng ngũ bị rối loạn. Người thì chạy sang phải, người rẽ sang trái, có người chạy thẳng trước mặt, tất cả đều bé tẻo teo và chỉ còn sống sót một thời gian giữa

con mưa sấm sét, bị chia lìa nhau bởi những màn khói lửa và cảnh trời long đất lở đen ngòm.

*

* *

Trận oanh tạc ngót di trên đầu chúng tôi. Nó chỉ dồn dập ở nơi lúc này chúng tôi bị ùn lại. Nhưng từng giây từng phút nó có thể hướng về chúng tôi để bắn chặn, và như vậy là sẽ làm biến ráo.

Mưa trút xuống mỗi lúc thêm mau, như nạn hồng thủy trong đêm tối. Bóng tối dày đặc đến nỗi pháo sáng chỉ rơi chiếu được như từng mảng mây có khía những vệt nước, phía sau những mảng mây những bóng đen cuồn cuộn đi đi, lại lại, chạy vòng quanh.

Tôi không còn nhớ được là tôi đã chạy lang thang bao lâu với nhóm người mà tôi bám vào. Chúng tôi bước trong đất lầy. Mắt giương to về phía trước, chúng tôi cố lần mò về cái bờ hào và cái hố cứu mạng, về cái chiến hào ở gần đầu đó, trong vực sâu, như một cái bến.

Sau cùng một tiếng kêu an ủi thốt lên giữa tiếng ầm ầm của chiến tranh và của thiên nhiên:

- Một chiến hào!

Nhưng bờ hào thấy động đậy. Một đám người hỗn độn xoắn xuýt lấy nhau, hình như đang muốn rời khỏi hào, bỏ hào ra đi.

Những người đang chạy trốn đó kêu lên:

- Đừng đứng đây nữa, các cậu ơi, đừng đến đây, đừng lại gần. Thật là khủng khiếp. Đang đổ sụp cả. Chiến hào biến sạch cả, hầm trú ẩn cũng bị lấp ráo. Bùn vào tứ tung. Sáng mai sẽ là hết nhẵn. Chiến hào ở đây tong hết rồi!

Chúng tôi bỏ đi. Nhưng đi đâu? Chúng tôi quên không hỏi một chút gì đám người vừa hiện ra đó, ướt như chuột, bây giờ đã biến mất trong bóng tối.

Rồi ngay cả nhóm người nhỏ xíu của chúng tôi cũng bị tan rã giữa cảnh hoang tàn ấy. Chẳng còn biết là ta đang đi với những ai. Mỗi người đi một ngã: người này, rồi đến người khác chìm mình vào đêm tối biến mất để tìm cách thoát thân.

Chúng tôi leo lên rồi lại đi xuống. Tôi thoáng trông thấy ở phía trước tôi có những người lom khom, lưng gù đang trèo lên một sườn dốc trơn bị bùn và mưa cản lại dưới bầu trời đầy những ánh chớp tiếng nặng trịch trịch.

Rồi chúng tôi rẽ xuống một cái đầm lầy nước ngập đến đầu gối. Muốn bước đi phải nhắc chân lên thật cao, nghe rào rào như đang bơi. Mỗi bước chân là một sự cố gắng lớn lao nhưng vẫn chậm chạp một cách đáng sợ.

Đến đây chúng tôi đã cảm thấy gần cái chết, nhưng sau tới được một cái đập đất sét chắn ngang đầm. Chúng tôi bước theo cái lưng trơn của cái đảo mỏng manh đó, và tôi còn nhớ, có một lúc phải cúi xuống bám tay vào một đám xác chết ngập lưng chừng ở dưới nước, để khỏi trượt ra khỏi mặt đầm mềm nhũn và quanh co. Tay tôi sờ phải những mẫu vai, lưng cứng đờ, một mặt người lạnh như cái mũ sắt, và một cái pip mà hàm răng còn nghiến chặt một cách tuyệt vọng.

Ra khỏi đó, vừa ngẩng lên, chúng tôi nghe thấy những tiếng người lao xao gần đầu đấy.

- Có tiếng người! A! Tiếng người!

Những tiếng người đó đối với chúng tôi thấy mới êm ái làm sao, hình như nó gọi đích danh chúng tôi. Chúng tôi tập trung lại để đi đến chỗ có tiếng gọi bạn bè.

Những tiếng người nghe rõ hơn, gần lắm, ngay trong mô đất kia, thoáng trông như một ốc đảo; tuy vậy vẫn chưa nghe rõ tiếng đó nói gì. Âm thanh lẫn lộn nên chúng tôi chưa hiểu gì cả.

Một người trong bọn chúng tôi, lạc hẫng giọng, hỏi:

- Họ nói cái gì đó?

Bất giác chúng tôi không tìm cách vào đó nữa.

Một mối hoài nghi, một sự ngờ vực nhói lên trong lòng chúng tôi.

Lúc đó chúng tôi mới nghe rõ những tiếng nói rất rành mạch vang lên:

- Achtung!... Zueites Geschiitz... Schuss... ^[56]

Và ở phía sau, một phát đại bác đã trả lời mệnh lệnh điện thoại đó.

Thoạt tiên chúng tôi choáng người lên vì kinh ngạc và khiếp đảm.

- Chúng mình đang ở đâu? Tổ cha nó! Ta ở đâu?

Chúng tôi quay trở lại, dù sao cũng phải từ từ, người thêm nặng trĩu vì mệt mỏi và vì hối tiếc; chúng tôi chạy trốn, người mỗi mệt như bị bao nhiêu vết thương, vẫn còn cảm thấy đất địch nó lôi kéo lại, nhưng vẫn còn chút nghị lực để chống lại tư tưởng muốn chết ngay cho thanh thoát.

Chúng tôi tới một cánh đồng rộng. Đến đó, chúng tôi dừng lại, ném mình xuống đất, lưng tựa vào bờ một mô đất con, không thể nào bước thêm được một bước nữa.

Những bạn đồng hành lơ mơ nào đó và tôi, chúng tôi nằm không cựa quậy. Nước mưa rửa sạch mặt chúng tôi. Nó chảy như suối vào lưng và ngực chúng tôi, thấm qua vải ở đầu gối và chảy đầy vào giày chúng tôi.

Có lẽ khi trời sáng thì chúng tôi sẽ bị giết chết hoặc bị bắt làm tù binh. Nhưng lúc đó không ai nghĩ đến gì nữa. Không còn sức nào nữa, không còn biết gì nữa.

XXIV – BÌNH MINH

Chúng tôi chờ trời sáng ở nơi chúng tôi nằm phệt xuống. Ngày rạng đến dần dần, giá lạnh, âm u, thê lương và mờ tỏa trong khoảng không nhọt nhọt.

Mưa đã tạnh, không đổ xuống nữa. Trên trời không còn mưa. Cánh đồng xám xịt với những mặt nước mờ gương hình như nhô ra không những từ đêm tối, mà từ biển cả.

Thiu thiu nửa ngủ nửa thức, thỉnh thoảng hé mắt ra rồi lại nhắm lại, chân tay bại hoại vì mệt và rét, chúng tôi chứng kiến cảnh tái hiện không ngờ của ánh sáng.

Hào hồ đâu cả rồi?

Chúng tôi trông thấy những hồ ao và giữa những hồ ao là những lạch nước đọng màu sữa.

Nước còn nhiều hơn là chúng tôi tưởng. Nước ngập hết, tràn lan khắp mọi nơi, và lời tiên đoán của những người ban đêm đã thành sự thực: chẳng còn chiến hào nữa. Những lạch kia là những chiến hào nước ngập. Ngập khắp mọi nơi. Bãi chiến trường không phải là đang ngủ, mà đã chết. Đàng xa kia, có lẽ cuộc sống vẫn tiếp diễn, nhưng ở đây chúng tôi mắt nhìn chẳng tới được.

Tôi nhồm dậy, nặng nề, lắc lư như người bị ốm, để ngắm nhìn quang cảnh đó. Áo ca-pốt nặng trĩu bó chặt lấy tôi. Bên cạnh tôi là ba hình thù biến dạng kỳ quái. Một hình thù là Parađi cũng đang nhồm dậy, người gã bọc một cái vỏ bùn lạ lùng, và ở ngang thắt lưng chỗ đeo bao đạn phòng tướng lên một mảng bùn. Những người khác đang ngủ, nằm không cựa quậy.

Và cái im lặng này là cái gì vậy? Thật là kỳ lạ. Không một tiếng động, trừ ra thỉnh thoảng nghe tiếng một cục đất rớt xuống nước giữa cảnh tê liệt

kỳ quái của thế gian? Không có tiếng súng. Không có tiếng đại bác vì đại bác không nổ nữa. Cũng chẳng có tiếng súng trường vì người thì...

Nhưng người, thì người hiện ở đâu?

Dần dần chúng tôi trông thấy người. Không xa chỗ chúng tôi, họ đang nằm ngủ lãn quèo, bết bùn từ đầu đến chân, gần biến thành những đồ vật.

Xa hơn chút nữa, tôi thấy có những người khác co quắp và dán mình xuống như những con sên dọc theo bờ hào tròn tròn và ngập nước lưng chừng. Một dãy những đống xù xì, không cử động, những gói đồ đặt sánh cạnh nhau, nhớp nhúa nước và bùn, màu lẫn với màu đất, nằm lẫn lộn với đất.

Tôi cố gắng phá tan sự im lặng. Tôi lên tiếng, nói với Parađi cũng đang nhìn về phía đó:

- Họ chết rồi à?

Gã khề nói:

- Lát nữa sẽ lại xem. Bây giờ sẽ nằm đây chút nữa. Chốc nữa chúng mình mới có can đảm đi đến đó.

Hai chúng tôi nhìn nhau và đưa mắt nhìn những con người đã đến gục ngã ở đây. Mặt mũi chúng tôi mệt nhọc đến nỗi trông không còn ra hình thù mặt mũi nữa, một cái gì bần thiêu, không rõ nét, tím bầm, mắt đỏ ngầu ở phía trên thân người chúng tôi. Từ buổi đầu chúng tôi đã trông thấy nhau dưới đủ các hình dạng, vậy mà bây giờ chúng tôi không nhận được ra nhau nữa.

Cái khối thân hình Parađi ngoảnh đi, nhìn về phía khác.

Bỗng nhiên tôi thấy gã run lên. Gã giơ cánh tay to tướng bết những bùn và nói:

- Đằng kia... Đằng kia...

Trên mặt nước tràn từ một chiến hào vào giữa một khoảng đất hết sức nham nhở, sứt mẻ, có những đám đen đen nổi lênh bênh như những tảng đá ngầm tròn tròn.

Chúng tôi lê đến tận nơi. Đó là những người chết đuối.

Đầu và tay họ ngâm dưới nước. Lưng họ thất dây da quân trang lập lờ nổi trên mặt nước trắng xóa, áo vải xanh phồng lên, bàn chân gấn xiêu vẹo vào những cẳng chân, trương phềnh như những bàn chân tròn và đen thui dính vào cẳng chân không thành hình dáng của những hình nhân bằng bong bóng lợn. Trên một cái sọ chìm, tóc dựng ngược trong lòng nước như một mớ rong. Đây là một cái mặt người nổi lênh bênh, đầu giạt vào bờ, thân vùi trong cái mả nước đục. Mặt ngẩng lên trời, hai mắt là hai lỗ trắng, miệng là một cái lỗ đen ngòm. Da màu vàng ệnh của bộ mặt đó trương phình lên, trông mềm nhão và dãn deo như bột nhào để nguội.

Đó là những lính canh gác trước đóng ở đây. Họ không bị thương vì nếu bị thương, trông màu nước có thể biết. Họ bị mắc trong bùn không sao gỡ ra được. Bao nhiêu sức lực họ đem ra để thoát khỏi bờ dốc ngược và dính của cái hố bị nước ngập từ từ nhưng không sao tránh được đó chỉ làm cho họ bị lún xuống sâu thêm. Họ chết bám vào nền đất trơn tuột.

Chỗ này là tiền tuyến của ta, và đằng kia là tiền tuyến của quân Đức, cùng im lìm và chìm ngấm dưới nước như nhau.

Chúng tôi đi đến tận những cảnh hoang tàn nhão nhoẹt đó. Chúng tôi đi giữa nơi hôm qua còn là khu vực khủng khiếp, trong khoảng cách ghê gớm mới bén địa đầu mà đợt tấn công cuối cùng của chúng tôi đã phải dừng lại, ở đó đạn súng trường và đạn đại bác trong vòng một năm rưỡi đã không ngừng rạch ngang dọc trên không trung, và mấy ngày đó những trận mưa đạn tạt ngang bắt chéo nhau dữ dội trên mặt đất, từ chân trời này sang chân trời kia.

Bây giờ nó đã biến thành một trường yên nghỉ siêu phàm. Khắp nơi trên mặt đất, rải rác những hình người đang ngủ hoặc đang từ từ ngọ nguậy, giơ cánh tay, ngóc đầu, bắt đầu sống lại hoặc đang chết lịm dần.

Chiến hào của địch đang sụp xuống chỗ dưới đáy những kẽ trũng, những miệng phễu lầy lội đầy bùn và biến thành một tuyến vững nước và giềng. Đôi chỗ bờ hào còn chênh vênh trên mặt nước, thì thấy động dậy, lở ra và rơi xuống. Có nơi có thể nghiêng mình mà nhìn vào.

Trong cái vòng xoáy tròn như quay cuồng, đầy bùn bắn đỏ, không có một xác người. Nhưng chỗ kia thảm hại hơn là thây người, chỉ có một cánh tay, một cánh tay thôi, trần trụi và xanh xao như đá, lơ mơ hiện ra ở vách và từ một lỗ đất thò ra khỏi mặt nước. Người chết đã bị vùi trong hàm trú ẩn của mình và chỉ kịp giờ lên có một cánh tay.

Sát ngay đấy, chúng tôi nhận thấy rằng những đồng đất xếp thành hàng trên bờ còn sót lại của cái vực thẳm hẹp là những con người. Họ đã chết chưa? Hay là họ đang ngủ? Không biết được. Dầu sao, họ đang yên nghỉ.

Họ là người Đức hay người Pháp? Cũng không biết được. Một người mở mắt ra, lắc lư đầu nhìn chúng tôi. Chúng tôi hỏi hắn:

- Pháp hả?

Rồi:

- Deutsch?^[57]

Hắn không trả lời, nhắm mắt và lại trở về cõi hư vô. Chúng tôi chẳng còn biết hắn là ai nữa.

Chúng tôi không thể đoán ra lai lịch của những người đó: xem quần áo cũng không được vì bùn lấp đầy quá, xem mũ cũng không được vì họ đeo đầu trần hoặc đầu bịt kín trong mũ chụp len nhào nhoét và thối hoắc, xem vũ khí cũng không được vì họ không cầm súng hoặc tay họ nắm vào một vật mà họ lê theo chẳng còn ra hình thù gì và nhóp nhúa giống như một thứ cá mú gì đó.

Tất cả những người đó ở đằng trước và sau chúng tôi mặt như xác chết, kiệt lực, không lời và không ý chí, tất cả những người đó bết đầy đất, có thể nói như bị liệm bằng bùn, họ đều giống nhau như những người trần truồng. Từ cõi tối tăm khủng khiếp ấy, lác đác phía này phía nọ hiện về mấy thân tàn ma dại, cùng ăn bần như nhau bộ đồng phục của khôn khổ và bần thiêu.

Đây là sự tận cùng của tất cả. Trong một lúc, đây là sự ngừng trệ bao la, sự ngừng bắn bi hùng của chiến trận!

Đã có một dạo, tôi cứ tưởng rằng địa ngục ghê sợ nhất của chiến tranh là lửa đạn đại bác, rồi trong một thời gian khá lâu, tôi nghĩ rằng địa ngục kinh khủng nhất là bị chôn ngạt dưới những hầm sâu thất hẹp vĩnh viễn trên người mình. Nhưng không phải, địa ngục chính là nước.

Gió đã nổi. Gió lạnh giá và cái lạnh giá của nó thấu suốt qua thịt xương. Trên cánh đồng nhão nhoẹt và chìm ngập, lác đác những xác người giữa những vực nước ngoằn ngoèo, giữa những đồng xác không cử động kết vào nhau như những con rắn, thấy hiện ra những cử động nhẹ nhàng như sóng gợn. Chúng tôi trông thấy những toán, những khúc của đoàn lữ hành, rải rác những người khom mình dưới gánh nặng mũ sắt và áo bết bùn. Họ từ từ chuyển động, lê đi lê tẻ hoặc chen chúc dưới ánh sáng lờ mờ của bầu trời. Bình minh bần thiêu quá, tưởng chừng như ngày đã qua rồi.

Những người sống sót di cư qua cánh đồng cỏ ngao ngán ấy, bị sự khôn cùng không tả xiết xua đuổi làm cho họ kiệt quệ và khiếp sợ. Trông họ thiếu não, vài người trông thật tang thương, thâm trầm vì thấy rõ họ đã mất một phần xống áo trong khi cố vẫy vùng khỏi bị chôn vùi.

Khi đi qua, họ đưa mắt nhìn xung quanh, ngấm nghĩa chúng tôi, rồi nhận ra chúng tôi cũng là người, họ bảo chúng tôi trong tiếng gió:

- Đằng kia còn khiếp hơn ở đây. Lắm chú rơi vào hố, chúng tớ không sao lôi họ ra được. Tất cả những thằng ban đêm mon men đến miệng hố đại bác đều chết hết. Đằng kia là chỗ chúng tớ vừa đi lại đấy, cậu có thể thấy ở dưới đất một thằng bị chôn sống ở đó đang ngo ngoậy cánh tay. Có một con đường lát phen nhiều chỗ bị sụt và thủng, đó là một cái cạm bẫy người. Chỗ nào không lát phen là thụt xuống sâu hai thước nước... Còn súng! Có cậu

không lôi được súng lên. Cậu coi những thằng này: Chúng tớ phải cắt tà áo ca-pốt của chúng đi mới gỡ được chúng ra, đành mất túi, vì chúng tớ chẳng còn đủ sức để kéo cả áo lên. Áo ca-pốt của Đuyma mà chúng tớ đã lột ra được nặng đến 40 kilô. Thực tình hai người cùng cầm bằng hai tay mới nhấc được nó lên... Kia, thằng kia, tơ hơ hai cẳng chân vì nó bị tụt hết, cả quần ngoài, quần trong, giày, bị đất lột hết nhẵn. Chưa bao giờ chúng tớ thấy như thế, chưa bao giờ.

Họ kéo dài lê thê vì trong đám quân lếch thếch có những anh lếch thếch đi sau. Họ chạy trốn trong nỗi kinh hoàng lan ra như ôn dịch, chân bắt những tảng bùn lớn tướng. Loạt người ấy đi xa dần, những khối người nặng nề của họ bé dần đi, mình mẩy họ bó chặt trong những bộ quần áo xù tướng.

Chúng tôi đứng thẳng người lên, gió buốt làm chúng tôi run rẩy như cây bị gió.

Chúng tôi đi từng bước ngắn. Chúng tôi đi né sang một bên vì thấy ở đấy có một khối hai người đứng tựa vai vào nhau, người nọ quàng tay ôm người kia, trông rất dị kỳ. Có phải là hai chiến sĩ giáp lá cà ôm chặt nhau rồi cả hai cùng chết mà không thể buông nhau ra không? Không, đó chỉ là hai người tựa vào nhau để ngủ. Vì họ không thể nằm xuống đất đang lún xuống và vùi họ, nên họ ghé vào nhau, nắm vai nhau mà ngủ, chân chôn trong bùn đến tận đầu gối.

Chúng tôi tôn trọng giấc ngủ yên của họ, và đi ra khỏi bức tượng đôi, biểu hiện tâm tình của những người khôn khổ.

Rồi đến lượt chúng tôi cũng phải dừng lại. Chúng tôi đã không tự lượng sức mình. Chưa thể ra khỏi chỗ này được: chưa phải là đã thoát. Chúng tôi ngã lăn xuống một nơi đất hoắm nhão như bột nghe đánh phịch một tiếng như ta đổ một đồng phân.

Chúng tôi nhắm mắt lại, thỉnh thoảng lại mở ra.

Có nhiều người lão đảo đi về mé chúng tôi. Họ cúi xuống phía chúng tôi và nói bằng một giọng mệt mỏi khe khẽ. Một người bảo:

- Sie sind todt. Wir bleiben hier... ^[58]

Anh kia trả lời “đa” như một tiếng thở dài.

Nhưng họ trông thấy chúng tôi ngó ngoáy. Lập tức họ đến trước mặt chúng tôi. Anh chàng có giọng nói thều thào bảo chúng tôi:

- Nous levons les bras ^[59]

Và họ cứ đứng trơ ra.

Rồi họ nằm lăn xuống, lòng nhẹ nhõm như từ nay chẳng còn khổ ải. Một người trên má có những vết bunn như một người đã man, hơi nhếch mép mỉm cười.

Paradi, gồi đầu vào một mô đất, không nhúc nhích bảo họ:

- Cứ ở đây, lát nữa nếu mày muốn thì mày sẽ theo chúng tao.

Người Đức nói:

- Vâng, tôi ngấy lắm rồi.

Chúng tôi không trả lời.

Hắn nói:

- Còn những anh em khác cũng thế chứ?

Paradi trả lời:

- Ủ, nếu họ muốn ở lại cũng được.

Thế là cả bọn họ bốn người nằm soài xuống đất.

Một người bạn họ bắt đầu rên rỉ nghe như một tiếng hát nức nở. Thế là những người khác hơi nhồm lên, quỳ chung quanh gã và những bộ mặt hoen bầm mở to mắt. Chúng tôi cũng nhồm dậy và nhìn cảnh tượng ấy. Những tiếng rên rỉ ngừng hẳn. Cả thân hình to lớn của gã chỉ còn cái cuống họng đen ngòm động dấy như một con chim nhỏ bây giờ cũng không cử động nữa.

Một người trong bạn họ nói:

- Er ist todt. [\[60\]](#)

Gã bắt đầu khóc. Những người khác lại nằm xuống ngủ. Anh chàng vừa khóc cũng ngủ nốt, vừa ngủ vừa nức nở.

Vài chiến sĩ ta loạng choạng đi đến, bất chợt có lúc họ dừng lại như những người say rượu, hoặc họ bị trơn tuột như những con giun. Họ đến nép mình trong những hốc đất chúng tôi đang nằm, và chúng tôi chồng chất lên nhau ngủ trong cái huyết công cộng.

*

* *

Parađi và tôi tỉnh dậy, đưa mắt nhìn nhau, hồi tưởng lại. Chúng tôi trở lại cuộc sống, nhìn lại ánh sáng ban ngày tưởng như mình còn trong ác mộng. Trước mắt chúng tôi, cánh đồng lại hiện ra, tàn khốc, trải dài những đồi thấp mờ mờ còn ngập trong nước. Cánh đồng đầy sắt thép, lỗ chỗ hoen rỉ, loáng lên những vệt nước dài, và những vũng nước. Những thân người bị hủy diệt hoặc còn thoi thóp hoặc đang tan rã rải rác bao la như những đồng phân tro.

Parađi bảo tôi:

- Chiến tranh là như thế.

Và gã nhắc lại, giọng xa xăm:

- Phải, chiến tranh là như thế, không phải là cái gì khác.

Tôi thông cảm ý gã muốn nói:

“Hơn cả những trận xung phong như những cuộc duyệt binh, hơn cả những trận giao chiến trông thấy tỏa ra rõ ràng như cờ giông trống mở, hơn cả những trận giáp lá cà người ta vừa xông xáo vừa gào thét, chiến tranh chính là sự mệt mỏi khủng khiếp, quá sức người, nước ngập đến bụng, bùn lầy cút đái và bắn thủ nhớp nhúa. Chiến tranh là những bộ mặt mốc meo, thịt xương tan nát, những xác người không còn ra hình xác lố nhố trên mặt đất háu ăn. Chiến tranh là tất cả những cái đó, là sự cùng khốn triền miên lúc nào cũng như lúc nào, giữa quãng là những tấn thảm kịch khốc liệt. Chiến tranh là thế, mà không phải là những lưỡi lê sáng loáng như bạc, không phải tiếng kèn trận rộn rã như tiếng gà gáy sáng”.

Parađi loay hoay mãi với cái ý nghĩ đó, nên gã nhắc lại một kỷ niệm giọng gắt gỏng:

- Cậu còn nhớ cái con mẹ ở thành phố mà chúng ta đi dạo chơi hồi nọ không? Ngày ấy chẳng xa lắm đâu. Con mẹ ấy nói về những trận tấn công, nó lải nhải: “Chắc là nom đẹp mắt lắm!”

Một anh lính tuần tiểu lúc đó nằm sấp, bẹp dí như một cái áo giải trên đất, ngóc đầu ra khỏi bóng tối nhớp nhúa kêu lên:

- Đẹp à! Chà! Cút thật.

“Thật chẳng khác gì một con bò cái nó nói: “Người ta đang dòn những đàn bò đực kia vào lò sát sinh. Cảnh ấy thật là đẹp mắt!”

Gã khạc nhổ xuống bùn, miệng dính đầy đất, mặt lem luốc như một con vật.

Rồi gã lúng búng, giọng lạ lùng giật giật, tả tơi, phờ phạc:

Bảo rằng “Cần phải làm” thì còn được. Chứ còn bảo rằng trông đẹp mắt! Chao ôi! Cút thật.

Gã loay hoay mãi với cái ý nghĩ đó. Gã nói tiếp, sôi nổi:

- Chính vì họ nói những điều như thế mà họ chẳng thèm đếm xỉa gì đến xương máu của chúng ta.

Gã lại khạc nhổ, nhưng vì cố gắng quá nên mệt lử, gã lại phịch trong vũng bùn, và đặt ngay đầu vào bãi nước đờm gã vừa khạc.

*

* *

Parađi như bị ma làm, đưa đi đưa lại bàn tay khắp cảnh vật khôn tả. mắt chằm chằm không chớp, nhắc lại câu nói ban nãy:

- Đây, chiến tranh là thế đấy... Và đâu đâu cũng như vậy. Còn anh em chúng ta là gì, và nơi đây là cái gì? Chẳng là cái gì cả! Tất cả những cái mà cậu thấy đây chỉ là một chấm nhỏ. Cậu nên nhớ rằng trên khắp thế giới, sáng hôm nay có ba nghìn cây số đầy khổ cực như thế, hoặc gần như thế, hoặc còn hơn thế nữa.

Anh bạn ở cạnh chúng tôi mà chúng tôi không nhận ra ai, mặc dù đã nghe giọng nói, nói tiếp:

- Thế rồi ngày mai lại bắt đầu như thế nữa. Ngày hôm kia đã bắt đầu giống như trước và những ngày trước cũng đã bắt đầu như trước nữa.

Anh lính tuần tiễu lấy hết sức như cào đất ra, nhắc người khỏi mặt đất, ở đó mình gã đã in một vết lún giống như một cái quan tài rỉ nước, gã ngồi trong cái hố đó. Gã chớp mắt, lắc lư bộ mặt quỵen bùn để cho bùn rơi xuống, và nói:

- Lần này chúng ta sẽ thoát chết. Biết đâu ngày mai chúng ta lại chẳng thoát được nữa? Biết đâu?

Paradi lưng còng xuống dưới những lớp đất mùn và đất sét, cố tìm cách diễn tả ý nghĩ rằng chiến tranh là một điều không thể tưởng tượng được và không thể lường được trong không gian cũng như trong thời gian.

Gã nghĩ ra miệng:

- Khi ta nói về toàn bộ cuộc chiến tranh thì cũng như là không nói gì hết? Lời nói ta bị bóp nghẹt lại. Chỉ có thể trố mắt ra mà nhìn như những thằng mù...

Một giọng trầm trầm ở xa kia cũng góp chuyện:

- Không, không thể nào hình dung được.

Nghe thấy vậy bỗng nhiên có tiếng phá lên cười:

- Này, trước hết, không ra trận bao giờ thì tưởng tượng thế nào được chứ?

Anh lính tuần tiểu nói:

- Chỉ trừ có kẻ rồ!

Paradi nghiêng mình lên một khối người nằm soài ở cạnh gã.

- Mày ngủ à?

Tức thì một tiếng nói như bị tắc nghẽn, nghe khủng khiếp lúng búng thốt ra từ khối người phủ một lớp phù sa đỏ, đầy cộm và phồng lên như đã bị người ta xéo phải:

- Không, nhưng tớ nằm yên không cựa quậy. Tớ nói để cậu hay hình như tớ bị thủng bụng. Nhưng không chắc đúng, tớ không dám nhìn.

- Nào, để xem...

Gã trả lời:

- Không, đừng xem vội. Tứ muốn cứ nằm yên một lát như thế này đã.

Những người khác cử động lồm bồm trong bùn, lê mình bằng khuỷu tay, giữ lớp đất dưới mồ đê bẹp trên người. Cái xâu người bị hành hình ấy, dần dần hết tê cóng mặc dầu ánh sáng vẫn không tăng thêm trên cái hồ lớn nham nhở ở nơi cánh đồng dốc xuống. Cảnh ngao ngán còn tiếp diễn, nhưng ngày rạng thì không.

Một người trong bọn chúng tôi nói bằng một giọng buồn bã như tiếng chuông chiều:

- Cậu muốn kể thế nào thì kể, chẳng ai tin là cậu nói thật, đúng thế. Họ không tin không phải vì ác ý, cũng không phải muốn nhạo báng, nhưng là vì họ không thể nào mà tin được. Nếu cậu còn sống sót để kể lại, chẳng hạn khi góp vào một câu chuyện: “Chúng tớ đã đi đào đất đêm, bị già một trận chí tử, rồi suýt nữa bị chìm chìm trong bùn” thì họ trả lời cậu: “À ra vậy!” Hoặc cũng có thể họ bảo: “Chắc là trong trận ấy, các cậu cũng vất vả nhỉ”. Có thể thôi. Chẳng ai thèm biết. Chỉ có mình cậu biết mà thôi!

Một người nào đó kêu lên:

- Mà chính mình, chính chúng ta, chúng ta cũng chẳng biết nốt.

- Tớ cũng nghĩ như cậu: rồi ngay chúng ta, chúng ta cũng sẽ quên... Anh bạn khôn khổ ơi, ngay bây giờ chúng ta đã bắt đầu quên rồi đấy!

- Chúng ta đã trông thấy nhiều quá rồi!

- Và mỗi cái chúng ta đã trông thấy đều là thừa. Ai mà chứa được hết cả những cái đó... Nó rơi rụng tứ phía... Chúng mình bé quá.

- Chả mấy mà quên hết! Không những quên nỗi khôn khổ lớn lao dai dẳng đã có từ bao giờ, không sao tính ra được như cậu đã biết đấy: những cuộc hành quân cày đi cày lại đất cát, làm nát cả gan bàn chân, mòn cả xương thịt, dưới gánh nặng sụn xương cao ngất trên đầu, mệt như người đến

nỗi không nhớ cả tên mình là gì nữa, lúc đứng giẫm chân tại chỗ, không cử động thì mình đau như dằm, những lúc quần quật quá sức con người, những buổi thức thâu đêm, không giới hạn, để rình mò kẻ địch lần quất khắp quanh ta trong đêm tối, cố gắng chống chọi với cái ngủ, và đầu phải gồi lên phản và chấy rận. Lại thêm những vố chết người trong đó có lẫn lộn cả đại bác cỡ lớn, súng máy, mìn, hơi ngạt, những trận phản kích. Những lúc đó ta có đầy đủ thực tế, ta thấy được lẽ phải... Nhưng rồi tất cả cái đó cứ tàn lụi dần đi trong lòng ta và đến lúc nào đó nó biến mất không hiểu tại sao, không biết ở đâu và chỉ còn lại những tên gọi, những danh từ trống rỗng chẳng khác gì trong một bản thông cáo.

Một anh, đầu bị gông trong đất, không cựa được nói:

- Đúng thế, nó nói đúng đấy. Khi tớ về phép, tớ thấy rằng tớ đã quên hẳn lắm việc về trước,. Có những bức thư chính tay tớ đã viết, mà đọc lại tớ tưởng như đang đọc một quyển sách nào vậy. Tuy nhiên, *mặc dầu vậy*, tớ cũng quên cả những nỗi đau khổ của tớ trong chiến tranh. Chúng ta là những cái máy để mà quên. Con người ta là những vật biết suy nghĩ chút ít nhưng quên rất nhiều. Đó, chúng ta là thế đấy.

- Những người khác không nhớ, chúng ta cũng hay quên! Thế là cực khổ cũng hoài công!

Viễn tượng đó càng làm tăng thêm sự bạc nhược của những con người đó khiến cho họ như nhận được một tin về một tai biến lớn hơn nữa, làm cho họ càng thêm lụn bại trên bãi bùn và nước mênh mông này.

Một anh kêu lên:

- Chao ôi! Giá người ta nhớ được!

Gã kia nói:

- Nếu người ta mà nhớ được, thì từ giờ sẽ không còn chiến tranh nữa!

Một người thứ ba nói tiếp với một vẻ huy hoàng:

- Phải, nếu người ta mà nhớ được, thì chiến tranh không đến nỗi vô ích như hiện giờ.

Nhưng một trong những người còn sống sót đương nằm bồng nhiên quỳ đây, giữ hai cánh tay cho bùn rơi xuống và người gã đen thui như một con dơi khổng lồ bị dính nhựa. Gã kêu lên, giọng trầm trầm:

- Sau cuộc chiến tranh này, không được có chiến tranh nữa!

Ở nơi bùn lầy ấy, những cơn gió thổi tạt vào chúng tôi, lúc đó chúng tôi còn yếu ớt và suy nhược, vật vờ chúng tôi mạnh đến nỗi mặt đất trông thành như một mảnh ván tàu trôi giạt. Tiếng kêu của người vừa rồi như muốn vùng vẫy bay lên cao, làm nổi lên nhao nhao những lời hưởng ứng:

- Sau cuộc chiến tranh này, không được có chiến tranh nữa!

Những tiếng hò reo ảm đạm và giận dữ của những con người bị trói buộc vào đất, như nặn bằng đất ấy, vút lên và tung bay trong gió như những cánh chim:

- Không còn chiến tranh nữa, không còn chiến tranh nữa!

- Phải, đủ rồi!

Họ lâu bầu:

- Thật là ngu ngốc quá... ngu ngốc quá! Nói cho cùng, tất cả cái đó có nghĩa lý gì? Chẳng ai nói được nó là nghĩa lý gì nữa!

Mặt mày sa sầm, bắt những mảng bùn, họ lúng túng, càu nhàu như những con thú dữ đứng trên băng hải đang chống chọi với phong ba. Sự phản kháng đã làm họ nổi xung lên, mạnh mẽ đến nỗi họ như nghẹt thở.

Người ta sinh ra ở đời để mà sống, chứ đâu phải để mà chết như thế này!

- Người ta sinh ra để làm những người chồng, những người cha, những con người, chứ sao! Không phải để làm những con thú dữ lòng nhau, cầu xé nhau, gieo khổ cho nhau.

- Thế mà khắp mọi nơi, khắp mọi nơi chỉ toàn là súc vật, những con vật hung dữ hoặc những con vật bị hy sinh. Hãy trông, trông kia!

... Không bao giờ tôi có thể quên được cảnh tượng những cánh đồng mênh mông đó, nước tràn ngập làm xóa nhòa hết cả màu sắc, đường nét và những chỗ lồi lõm, nước hơi thổi làm hình thù những cánh đồng tan rã, trôi đi qua những cọc, những dây thép gai, những cột xà tan tành tro bụi, – và bao trùm lên tất cả cảnh âm phủ mênh mông u ám ấy, nỗi rung động của lý trí, của lẽ phải và của lòng người giản dị hiện lên thành hình ảnh và đột ngột lay chuyển tất cả những con người đó như một cơn điên cuồng.

Người ta thấy rõ rằng ý nghĩ này đương làm cho họ băn khoăn: cô tìm cách để mà sống cuộc đời của mình trên mặt đất, để mà sống sung sướng, không phải chỉ là một quyền lợi mà là một nhiệm vụ, và hơn nữa còn là một lý tưởng, một đạo đức; và đời sống xã hội chỉ nhằm tạo ra những sự dễ dàng hơn cho cuộc sống tâm tư của mỗi người.

- Sống!

- Chúng ta!... Anh!... Tôi!...

- Không còn chiến tranh nữa! À này! Thôi đấy... Quá ngu ngốc thật, còn tệ hơn thế nữa, còn quá...

Một tiếng nói thốt lên như một tiếng vang của ý nghĩ mơ hồ của họ, một tiếng vang của những lời rì rào nhát gừng và không hết ý của đám đông... Tôi thấy một bộ mặt đội bùn nhô lên, và từ mặt đất, miệng thốt ra:

- Hai đội quân giao tranh với nhau thì tức là một đạo quân lớn tự sát vậy.

*

* *

- Nói cho cùng, từ hai năm nay chúng ta là cái gì? Là những người khôn khổ không thể tưởng tượng được, mà lại cũng là những người man rợ, những đồ súc sinh, những thằng kẻ cướp, những đồ chó chết.

Một anh chàng chỉ biết nhai đi nhai lại một câu nói:

- Tệ hơn thế!

- Phải, tớ công nhận như vậy.

Buổi sáng hôm đó, trong một lúc ngừng bắn ảo não, những con người bị mệt như tử, mưa quất vào người, sau một đêm nháo nhào trong cơn sấm sét lửa đạn, những con người vừa thoát khỏi cảnh núi lửa và nước lụt, đã thoáng nhận ra là chiến tranh, ghê tởm về tinh thần cũng như về vật chất, không những đã vi phạm lẽ phải đương nhiên, bôi nhọ những tư tưởng lớn lao, gây ra mọi tội ác, mà họ còn hiểu ra rằng nó đã làm phát triển trong con người họ và ở xung quanh họ biết bao nhiêu bản năng xấu xa, không trừ một cái nào: tính độc ác đến mức cuồng bạo, tính ích kỷ đến mức tàn ngược, nhu cầu hưởng lạc đến mức điên cuồng.

Họ hình dung tất cả những cái đó trong tâm trí họ như vừa rồi họ đã hình dung được một cách lờ mờ những khổ cực của họ. Trong lòng họ chan chứa một sự uất ức muốn trào ra, tung ra bằng lời nói. Họ rên la khóc lóc như những đứa trẻ. Có thể nói là họ đang cố hết sức thoát khỏi tội lỗi và ngu muội nó làm vấy bẩn họ như đất bùn, và họ đang tìm hiểu vì sao mà họ bị dày dọ.

Một anh gào lên:

- Thế là thế nào?

Anh khác nhắc lại, lớn tiếng hơn:

- Thế nào chứ?

Trước mặt họ gió làm rung rinh mặt nước ngập bao la, và dồn dập quất vào đám người đó, họ đang nằm, hoặc quỳ, trơ trơ như những tảng đá, những bia mộ, gió làm cho họ run lên bần bật.

Một chiến sĩ gầm lên:

- Sẽ không có chiến tranh khi nào không còn nước Đức nữa.

Một anh khác kêu lên:

- Nói thế không đúng! Chưa đủ...

Tiếng gió gào thét đã át đi một phần lời nói của gã, nên gã ngẩng đầu lên nhắc lại.

Một anh khác điên tiết hồi hả ngắt lời:

- Nước Đức với chủ nghĩa quân phiệt chỉ là một, chính chúng đã muốn chiến tranh. Chúng đã âm mưu gây chiến. Chúng là chủ nghĩa quân phiệt.

Một chiến sĩ nói tiếp:

- Chủ nghĩa quân phiệt là...

Người ta hỏi gã:

- Là gì?

- Là... những quân ăn cướp.

- Đúng.

- Cậu bảo hiện giờ chủ nghĩa quân phiệt gọi là nước Đức. Nhưng ngày mai đây tên nó sẽ là gì?

Một giọng nói trầm như một nhà tiên tri, đáp lại:

- Tớ không rõ,

- Thì ta phải, ta phải...

Một thân hình, từ lúc anh em thức giấc đến giờ vẫn tro như đá trong bọc bùn, ộc ra những tiếng ồ ồ:

- Thì ta phải đấu tranh. Phải làm như vậy – nói đến đây thì gã trở mình nặng nề – Phải hy sinh tất cả những cái gì chúng ta đã có: sức lực, hình hài, cả tâm hồn, cả cuộc đời chúng ta và tất cả niềm vui còn lại! Cuộc sống tù tội này, ta phải dang hai tay ra mà nhận lấy! Phải chịu đựng tất cả, chịu đựng cả sự bất công vì bây giờ bất công đã bắt đầu ngự trị, phải chịu đựng cả ô nhục, ghê tởm mà ta đã mắt thấy, tai nghe, để dốc hết vào cuộc chiến tranh, để chiến thắng.

Con người không ra hình người đó lại trở mình và nói thêm, giọng tuyệt vọng:

- Nhưng nếu ta công hiến một sự hy sinh như vậy, là để chiến đấu cho một sự tốt lành chứ không phải là riêng cho một nước nào; ta chiến đấu chống một điều sai trái chứ không phải chống riêng một nước nào.

Gã nói trước nói tiếp:

- Không, chúng ta phải tiêu diệt chiến tranh ngay trong lòng của tất cả các nước!

Đến lượt anh lính tuần tiểu lâu bầu, gã đã ngồi xồm dậy:

- Lẽ tất nhiên vẫn có những người chiến đấu vì một ý nghĩ khác trong đầu óc. Tớ biết có những thanh niên họ bất chấp mọi lý tưởng. Đối với họ, điều quan trọng là vấn đề quốc gia, không phải cái gì khác, và chiến tranh là công việc giữa các quốc gia: người nào cũng muốn cho tổ quốc mình được vinh quang, thế thôi. Những thằng đó đã chiến đấu và chiến đấu cừ.

- Vì chúng còn trẻ, những thằng mà cậu nói đó. Chúng còn trẻ phải tha thứ cho chúng.

- Cũng có kẻ tuy không biết rằng mình làm gì, nhưng vẫn có thể làm cừ được.

- Quả thực loài người điên thật! Điều đó nói không bao giờ cho cùng.

Một bóng đen lầu bầu:

- Cái bọn “sô vanh”^[61] ấy là những quân dòm bọ...

Rồi họ nhắc đi nhắc lại nhiều lần như để lẫn mò tìm hướng:

- Phải tiêu diệt chiến tranh. Tiêu diệt chiến tranh ấy!

Một người trong bọn chúng tôi, cái anh chàng hai vai bị bó chặt, đầu không cử động được, vẫn khẳng khẳng một ý.

– Tất cả những điều đó đều là hão huyền cả. Ta nghĩ thế này hoặc thế khác thì có làm quái gì? Cốt yếu là phải thắng trận thế thôi.

Nhưng những người khác đã bắt đầu suy nghĩ, tìm hiểu. Họ muốn hiểu biết và trông xa hơn cái hiện tại. Lòng họ hồi hộp, họ đang cố để làm nảy ra ở trong lòng mình một ánh sáng hiển minh và ý chí. Nhiều lý tưởng lộn xộn quay cuồng trong đầu óc họ và làm thốt ra những mâu thuẫn ngớ ngẩn, hỗn độn.

- Thì hẳn là như vậy... Phải... nhưng cũng phải nhìn kỹ sự vật. Anh bạn ơi, bao giờ cũng phải nhìn vào kết quả.

Anh chàng giống như cột mốc đá vẫn găm cố ra cái:

- Trông vào kết quả! Thế thì chiến thắng trong cuộc chiến tranh này, cậu bảo không phải là một kết quả à?

Có hai người đồng thanh trả lời:

- Không!

*

* *

Giữa lúc đó, nghe thấy một tiếng động nặng trịch trịch. Vòng quanh vòng ngoài thốt ra những tiếng kêu làm chúng tôi rùng mình.

Từ mô đất mà chúng tôi đang tựa vào, cả một mảng đất bùn đã đổ xuống để lộ ra giữa bọn chúng tôi một xác chết ngồi duỗi hai chân.

Đất sụt làm bung ra một vũng nước tích ở trên mô đất, và nước chảy ộc lên cái xác, rửa ráy nó trong khi chúng tôi đang trở mắt nhìn.

Có tiếng kêu:

- Mặt hắc đen thui!

Một anh hồn hèn:

- Cái mặt này là mặt gì vậy?

Những người còn lành mạnh xúm lại thành vòng như một đàn cóc. Cái đầu ấy hiện ra như một hình chạm nổi ở vách đồi mà đất sụt đã để lộ ra, chúng tôi không thể nhận được là người nào.

- Mặt với mũi! Không còn ra hình mặt nữa!

Thay vào chỗ mặt, chỉ thấy tóc.

Bây giờ chúng tôi mới nhận ra rằng cái xác mà ta tưởng chết ngồi, thực ra là bị bẻ gập ngược ra phía sau và đặt bụng xuống đất.

Trong bầu yên lặng khủng khiếp, chúng tôi nhìn cái lưng dựng đứng ấy để trợ quần áo tả tơi thay cho chỗ ngực, hai cánh tay để thông và khuỳnh về

sau, hai cẳng chân duỗi ra, đầu ngón chân tì lên đất lỏng.

Trông thấy con người bị chết khủng khiếp như vậy, anh em lại tiếp tục bàn cãi. Họ hùng hổ gào to lên như cái xác có thể nghe thấy:

- Không, vấn đề không phải là diệt được chúng, mà là phải tiêu diệt chiến tranh.

- Thế mà không hiểu là phải trừ hẳn chiến tranh ư? Nếu một ngày kia lại phải giở trò chiến tranh ra, thì bao nhiêu việc mà ta đã làm sẽ vứt đi hết. Hãy coi đây; có ích gì. Nghĩa là hai hoặc ba năm, hay hơn nữa, phải chịu đựng những tai ương vô tích sự.

*

* *

- Chao ôi! anh bạn, nếu tất cả những sự chịu đựng của chúng ta không chấm dứt được tai họa lớn lao này thì bản thân tớ, tớ còn ham sống, tớ có vợ, có gia đình, có nhà ở, tớ có những dự định về cuộc đời sau này, tuy nhiên như thế tớ vẫn muốn chết đi là hơn.

Vừa đúng lúc đó, người ở cạnh Paradi, có lẽ đã ngó vào vết thương ở bụng mình, nói lên như một tiếng vang:

- Tớ sắp chết đây, tớ tiếc chính vì tớ còn có con cái.

Ở nơi khác, có tiếng thì thào:

- Còn tớ thì chính vì tớ có con cái nên có chết tớ cũng không tiếc. Tớ sắp chết nên tớ hiểu rõ điều tớ nói. Tớ tự nhủ: “Về phần chúng nó, chúng sẽ được hưởng hòa bình!”

Một người khác tràn đầy hy vọng không nên được nên đã nói thẳng trước mặt những người không còn hy vọng sống:

- Tớ thì có lẽ không chết nhưng tớ sẽ còn chịu nhiều đau khổ. Thế thì tớ nghĩ: không sao, và có lẽ tớ còn nghĩ: càng hay. Tớ sẽ cam chịu đau hơn nếu tớ biết rằng cái đau khổ đó không phải là vô ích!

- Thế nghĩa là sau chiến tranh, lại còn chiến đấu nữa ư?

- Đúng, có thể như vậy.

- Thế ra cậu chưa chán chiến tranh à?

Anh kia cầu nhàu:

- Phải, vì tớ không muốn có chiến tranh nữa!

- Có lẽ sẽ phải chiến đấu không phải với những kẻ nước ngoài, đúng thế không?

- Đúng, có lẽ thế.

Một cơn gió mạnh hơn những cơn gió khác đã làm chúng tôi phải nhắm mắt lại và tắc thở. Cơn gió đã qua, lướt trên cánh đồng, thổi thốc và làm rung rung lớp bùn, làm trũng mặt nước đọng ở chiến hào rộng hoác, dài như nấm mồ chôn cả một binh đoàn. Anh em lại tiếp tục:

- Nói cho cùng, cái gì khiến cho chiến tranh có tính chất vĩ đại?

- Chính là sự vĩ đại của nhân dân các nước.

- Nhưng nhân dân các nước thì tức là bọn chúng ta!

Người vừa nói câu đó đưa mắt nhìn có ý hỏi tôi. Tôi trả lời anh:

- Phải, anh bạn của tôi ơi, đúng thế! Vì người ta chỉ có thể đánh trận bằng chúng ta. Chúng ta là nguyên vật liệu của chiến tranh. Chiến tranh bao gồm toàn là thịt xương và tâm hồn của những người lính bình thường. Xác chúng ta lấp đầy cánh đồng, máu chúng ta chảy thành sông. Tất cả chúng ta, nếu tách riêng từng người thì chỉ là một vật vô hình và lạng lẹ vì số lượng

chúng ta rộng lớn bao la. Những thành phố rỗng không, những làng mạc hoang tàn, thiếu chúng ta, tất cả thành sa mạc. Phải, tất cả chúng ta là như thế đấy, và toàn bộ chúng ta là như thế đấy.

- Chính nhân dân đã làm chiến tranh, không có nhân dân thì không có gì, không có gì hết, họa chẳng chỉ có vài tiếng nhí nhéo xa xa. Nhưng nhân dân ta lại không có quyền quyết định chiến tranh. Chính bọn làm chủ đã điều khiển họ.

- Ngày nay, nhân dân các nước đấu tranh để không còn có bọn chủ sai khiến mình nữa.

- Thế nhưng, như vậy, thì hóa ra chúng ta đấu tranh cho cả người Phổ nữa hay sao?

Một trong những người khốn khổ trên cánh đồng trả lời:

- Phải mong như vậy.

Anh lính tuần tiểu nghiên răng nói:

- Thế thì dứt thật!

Nhưng gã lắc đầu và không nói gì nữa.

Anh chàng bướng bỉnh hằn học làu nhàu:

- Ta hãy lo cho chúng ta thôi! Không nên can thiệp vào việc của người khác.

- Có chứ! Phải can thiệp... vì cái mà mày gọi là người khác thì chính không phải là kẻ khác, cũng lại là ta thôi.

- Nhưng tại sao chúng ta vẫn cứ luôn luôn phải đấu tranh cho tất cả mọi người?

Một gã trả lời:

- Đúng là như vậy đấy.

Và gã nhắc lại những lời mà gã vừa nói lúc trước: cần quái gì, hoặc: càng hay!

Lúc đó anh chàng vừa hỏi tôi, phát biểu:

- Nhân dân các nước hiện không là gì cả, đáng lẽ thì họ phải là tất cả.

Gã nói ra và không biết rằng mình đã nói một lời lịch sử có từ cách đây đã hơn một thế kỷ, nhưng ở đây gã hiểu nó với một ý nghĩa lớn lao quảng đại.

Và cái anh chàng thoát khỏi cơn giông tố, quỳ bốn vo trên đất bần, ngẩng khuôn mặt phong hủi lên, nhìn về phía trước, về cõi vô biên bằng con mắt khát vọng.

Gã nhìn, gã nhìn mãi. Gã cố mở tung những cánh cửa trên thiên đình.

*

* *

- Nhân dân các nước đáng lẽ phải nhất trí với nhau trên thân xác của những kẻ đã bóc lột mình bằng cách này hay cách khác. Tất cả quảng đại quần chúng phải nhất trí với nhau.

- Và tất cả mọi người phải được bình đẳng.

Câu nói đó đến cứu giúp chúng tôi.

- Bình đẳng, phải... Phải. Có những tư tưởng lớn lao về công lý, về chân lý. Người ta tin tưởng, hướng về những tư tưởng đó để bầu vùi vào một cái gì sáng láng. Và nhất là có sự bình đẳng.

- Còn có cả tự do và bác ái nữa.

- Nhất là bình đẳng!

Tôi bảo họ rằng bác ái chỉ là ảo mộng, một tình cảm mông lung, vô tri giác, rằng ghét một kẻ không quen biết là trái với bản tính của con người, nhưng yêu người không quen biết cũng là trái với bản tính đó. Không thể làm gì trên cơ sở lòng bác ái. Ngay cả tự do cũng vậy: trong một xã hội mà tất cả những gì tồn tại đều xâu xé nhau dữ dội thì tự do chỉ có ý nghĩa hết sức tương đối.

Còn sự bình đẳng thì bao giờ cũng vậy thôi. Tự do và bác ái là những danh từ, nhưng bình đẳng lại là một sự vật. Bình đẳng là một công thức lớn lao của con người.

Những người trong nhân dân đang ở đó, hé thấy một cuộc Cách mạng nào đó lớn lao hơn cuộc cách mạng kia^[62]. Cuộc Cách mạng này bắt nguồn ở họ, và đã bắt đầu trào lên, dâng lên ngực họ. Họ cùng nhắc lại:

- Bình đẳng!...

Tôi thấy như họ đang đánh vần chữ đó, rồi thì ở đâu đâu họ cũng trông thấy rõ ràng chữ đó; ở trên trái đất này không có một thành kiến nào, một đặc quyền nào, không có một sự bất công nào không nhào sụp khi đụng chạm đến nó. Đó là một câu trả lời cho hết thảy, một danh từ tuyệt vời. Họ lật đi lật lại khái niệm đó và thấy nó như một cái gì đó hoàn mỹ. Và họ nhìn thấy những sự lạm quyền bị thiêu đi trong một ánh sáng rực rỡ.

Một anh nói:

- Thế thì sẽ đẹp lắm!

Anh khác nói:

- Đẹp quá thì sao có thực được!

Nhưng anh thứ ba bảo:

- Vì nó có thực nên nó mới đẹp, và không phải vì nó đẹp nên nó sẽ có. Cái đẹp đâu phải là một điều thông dụng, tình yêu cũng thế. Vì nó thực cho nên nó là điều tất yếu.

- Như vậy, nếu nhân dân muốn có công lý, và nhân dân là sức mạnh, thế thì nhân dân cứ thực hiện công lý đi.

Một anh nào đó, không ai để ý, nói:

- Người ta đã bắt đầu rồi đấy!

Anh khác bày tỏ:

- Xu hướng bây giờ là thế.

- Khi mọi người đều bình đẳng cả thì bắt buộc là phải đoàn kết.

- Và dưới bầu trời, sẽ không còn những điều khủng khiếp do ba mươi triệu con người tạo ra tuy không ai muốn thế.

Điều đó thật là đúng, không ai có thể chối cãi được. Còn có một lý lẽ nào khác, còn có một câu trả lời vô vị nào dám đưa ra chống đối lại điều này: “Và dưới bầu trời, sẽ không còn những điều khủng khiếp do ba mươi triệu con người tạo ra tuy không ai muốn thế”. Tôi lắng nghe, tôi theo dõi cái lý luận trong những câu nói của những con người tiều tụy bị ném lên cánh đồng đau khổ này, những lời nói vọt ra từ những vết đau thương của họ, những lời nói như máu của họ chảy ra.

Bây giờ mây kéo đầy trời, những đám mây to che kín phía dưới nhuộm xanh bầu trời. Phía trên, những vệt bụi ẩm dài vô tận quét ngang bầu trời, lóng lánh như mạ một lượt thiếc mỏng. Trời tối sầm. Lại sắp có mưa. Bão táp chưa phải là đã hết, đau khổ còn kéo dài.

Một anh bảo:

- Người ta sẽ tự hỏi: “Chúng quy chiến tranh để làm gì? Để làm gì thì chẳng ai biết, nhưng để cho ai thì ta đã có thể nói lên được rồi. Người ta bắt buộc phải thấy rằng nếu mỗi nước hàng ngày đưa một nghìn rưỡi thanh niên ra sát hại để đem thịt máu tươi đặt trước bàn thờ thần Chiến tranh thì chính là để làm vui lòng vài thằng đầu sỏ mà ta có thể đếm trên đầu ngón tay. Chúng ta thấy rằng toàn thể nhân dân các nước xếp hàng thành từng đàn quân đội^[63] chui vào lò sát sinh là để cho một giai cấp đeo lon vàng có thể ghi tên tuổi quý phái của chúng vào lịch sử, để cho những kẻ mình cũng mạ vàng, cũng thuộc vào một túi với chúng, có thể ôm đồm kinh doanh nhiều hơn để phục vụ cho những vấn đề cá nhân và những vấn đề buôn bán. Và khi chúng ta đã mở mắt ra rồi, chúng ta sẽ thấy rằng những sự phân cách giữa mọi người không phải như ta thường lầm tưởng, trái lại những sự phân cách mà ta tưởng thì thực ra không có.

Bỗng nhiên có người ngắt lại:

- Nghe kìa!

Chúng tôi im không nói nữa và nghe tiếng đại bác ở đằng xa. Phía đó, tiếng gầm của đại bác làm rung chuyển những lớp không khí, và sức mạnh xa xôi đó yếu ớt lọt vào tai chúng tôi bịt kín bùn. Xung quanh, nước lụt vẫn thấm dần vào đất và làm sụp dần những nơi cao.

- Lại tiếp diễn ...

Rồi một anh trong bọn chúng tôi nói:

- Chao ôi! Sẽ có biết bao nhiêu khó khăn trở ngại chống lại mình.

Trong tấn thảm kịch giữa những người đang nói mà không ai biết đó, bỗng nảy sinh một sự khó chịu, một nỗi do dự. Đó là thành quả bao la của định mệnh. Đó không phải chỉ là nỗi đau khổ và hiểm nghèo, sự khốn cùng của các thời đại mà ta thấy diễn đi diễn lại không ngừng. Đó còn là sự đối kháng của người và vật chống lại chân lý, là sự tích lũy những đặc quyền, đó là sự ngu muội, là thái độ cố ý làm ngơ, là những thành kiến, những địa vị đã chiếm được và cố giữ một cách hung hãn, những lực lượng không lay

chuyển được đang đề trữu lên con người và những con đường rối bung không gỡ được.

Và mơ ước mò mẫm của những tư tưởng lại tiếp tục bằng một hình ảnh khác, trong đó những đối thủ muôn đời từ bóng tối của quá khứ bước ra và hiện lên trong bóng tối đầy bão táp của hiện tại.

*

* *

Họ đây... Trên nền trời, trên đỉnh những đám mây bão táp, gieo sào thăm khắp thế gian, người ta như trông thấy đoàn quân kỵ mã tỏa hào quang, ngồi trên mình những con ngựa xoay tròn, những con ngựa chiến đeo những bộ giáp, những lon vàng, những chùm lông trên mũ, những mũ miện và những thanh kiếm... Họ cuộn cuộn lướt đi rõ mồn một, lộng lẫy, lóng lánh những tia chớp, khí giới đầy người. Đoàn kỵ mã hiệu chiến ấy với những dáng điệu cổ xưa, nổi bật trong đám mây trên trời như một cảnh trí hung tợn trên sân khấu.

Tất cả cảnh tượng đó từ bốn phương trời kéo đến, xô đẩy nhau trong khoảng trời mênh mông, che kín những khoảng không xanh biếc, tất cả cảnh tượng đó hiện lên títt trên cao, trên những cái nhìn phất sót của những người nằm dưới đất trông lên, trên những thân hình bết đầy bùn bẩn của những đày sâu thế gian và của những ruộng nương bị bỏ phí.

Họ đông lắm. Không phải chỉ có đẳng cấp quân nhân hô hào và tôn thờ chiến tranh, không phải chỉ có những kẻ nhờ sự nô dịch hóa toàn thế giới mà nắm trong tay một quyền hành kỳ diệu: những con người toàn vàng đứng sừng sững trên nhân loại đang quỳ gối, đột nhiên cưỡng ép lịch sử vì họ thoáng thấy kiếm chác được một mẻ lớn. Không phải chỉ có thế, mà còn có cả một đám quần chúng giác ngộ và không giác ngộ phục vụ cho đặc quyền khủng khiếp của chúng.

Lúc này một trong những người đối thoại âm thầm và bí mật gơ tay trở như trông thấy những hình ảnh ấy thật, reo lên:

- Có những kẻ bảo rằng: “Họ đẹp biết bao!”
- Và có những kẻ thì bảo: “Các giống người thù ghét nhau!”
- Và lại có những kẻ nói: “Chiến tranh nuôi béo ta và bụng ta đương phì nộn!”
- Lại có những kẻ bảo rằng: “Xưa kia vẫn có chiến tranh, vậy sau này vẫn sẽ còn chiến tranh!”
- Có những kẻ nói: “Tôi không thấy xa hơn đầu ngón chân tôi, và tôi cấm không cho người khác nhìn xa hơn!”
- Lại có những kẻ bảo: “Trẻ con lúc sinh ra, đít đã mặc một chiếc quần đùi đỏ hoặc xanh rồi!”

Và một tiếng ồ ồ gào lên:

- Có những kẻ nói: “Các người hãy cúi đầu xuống và tin ở Thượng đế!”

*

* *

Chao ôi! Những con người đông đảo khôn khổ đã tạo ra chiến trận! Các bạn nói đúng. Các bạn đã tiến hành tất cả cuộc chiến tranh lớn lao này bằng những bàn tay của các bạn. Các bạn là lực lượng vạn năng nhưng chưa được dùng vào những việc hữu ích. Các bạn là đám quần chúng trên thế giới và mỗi người là cả một thế giới đau khổ; dưới bầu trời đầy mây đen dài dằng dặc, tỏa ra như những hung thần, các bạn hãy mơ ước với một tư tưởng đè nặng trĩu trong đầu óc; đúng thế, các bạn có lý. Tất cả cái đó đang chống lại các bạn. Không phải chỉ có những kẻ vung gươm, những kẻ bóc lột, những kẻ đầu cơ chống đối lại các bạn và quyền lợi chung to lớn của các bạn, quyền lợi hoàn toàn phù hợp với luận lý thiêng liêng.

Không phải chỉ có những bọn tham lời quái gở, những tên tài phiệt, những tên kinh doanh lớn nhỏ, ẩn nấp trong pháo đài ngân hàng và biệt thự

của chúng, là sống vì chiến tranh và trong chiến tranh thì sống trong cảnh hòa bình, đầu óc cố chấp của chúng chỉ có một chủ nghĩa đen tối, mặt mũi lầm lì như cái kết bạc.

Còn có những kẻ thán phục những miếng đòn nẩy lửa, ước mơ và reo lên như đàn bà trước những màu sắc rực rỡ của những bộ quân phục. Những kẻ say sưa với những khúc quân nhạc, với những bài ca mà người ta rót cho nhân dân như những ly rượu, những kẻ mù quáng, những kẻ kém suy xét, những kẻ tôn thờ bái-vật, những kẻ man rợ.

Có những kẻ chìm mình vào quá khứ, trong miệng lúc nào cũng chỉ nhắc đến những chuyện ngày xưa, những kẻ thủ cựu, chúng cho rằng sự lạm quyền được công nhận như một pháp luật chỉ vì đã có từ lâu đời. Chúng chỉ mong được những người chết chỉ hướng cho, chúng cố hết sức bắt tương lai, bắt sự tiến bộ mà bao người hồi hộp và say sưa phải khuất phục dưới sự thống trị của những hồn ma và những câu chuyện kể cho con trẻ.

Cùng với bọn chúng, còn có tất cả bọn giáo sĩ tìm cách kích thích hay ru ngủ ta bằng liều thuốc moócphin thiên đường của chúng để kìm hãm mọi sự đổi thay.

Chúng làm biến chất đạo lý đáng kính: biết bao tội ác được chúng tôn lên là đạo đức, dưới chiêu bài quốc gia – chỉ cần một từ ngữ thôi! Chúng bóp méo cả chân lý. Thay vào chân lý vĩnh cửu, mỗi tên trong bọn chúng dựng lên một chân lý quốc gia. Có bao nhiêu dân tộc là có bấy nhiêu chân lý, không dân tộc nào thừa nhận chân lý khác. Chúng làm sai lạc, quắt quéo chân lý vĩnh cửu.

Tất cả những bọn đó là kẻ thù của các bạn!

Chúng là những kẻ thù của các bạn, hơn là những người lính Đức ngày hôm nay đây đang nằm ngổn ngang kia với các bạn vì họ cũng chỉ là những kẻ khốn nạn bị lừa bịp, bị mê hoặc một cách khả ố, họ chỉ là những con vật dễ bảo... Chúng là kẻ thù của các bạn, bất chấp chúng sinh ở đâu, tên họ chúng đọc thế nào, và ngôn ngữ mà chúng dùng để lừa dối. Các bạn tìm chúng ở trên trời cao và dưới đất này. Hãy tìm chúng khắp mọi nơi! Hãy nhận cho ra bọn chúng, nhận một lần cho thật rõ, và nhớ lấy đời đời!

*

* *

Một người quỳ gối, nghiêng mình, tay chống xuống đất, nguẩy hai vai như một con chó ngao, lằm bằm:

- Chúng sẽ bảo cậu: “Bạn ơi, bạn đã là một anh hùng đáng thán phục”.
Tớ không muốn chúng nói với tớ như thế.

“Những anh hùng, những con người phi thường, những thần tượng ư? Thôi đi, van các ngài! Chúng ta đã là những tên đao phủ. Chúng ta thật thà đã làm cái nghề đao phủ. Nếu còn cần để cho những kẻ thù địch chính cống dùng hoành hành nữa thì chúng ta sẽ lại làm đao phủ, làm ra làm. Động tác chém giết bao giờ cũng đáng kinh tởm, có khi cần thiết nhưng vẫn là đáng kinh tởm. Đúng thế, chúng ta đã là những tên đao phủ ác độc và không biết mỗi, chúng ta đã là như thế đấy. Nhưng không phải vì tớ đã giết quân Đức mà chúng đưa danh từ dũng khí quân sự mà nói với tớ được”.

Một anh khác kêu lên, kêu to quá đến nỗi không ai có thể đối đáp với anh được:

- Tớ đây, tớ đã cứu sống những người Pháp, chúng cũng không có quyền nói với tớ như vậy. Bởi vì làm như vậy chẳng khác gì mong cho cháy nhà chỉ vì thấy những hành động cứu chữa là đẹp đẽ!

Một trong những anh lính ủ rũ đó lằm bằm:

- Nêu ra những khía cạnh đẹp đẽ của chiến tranh, dù chiến tranh có thể có những khía cạnh đẹp thật, cũng có thể coi là một tội ác!

Anh nói lúc đầu tiếp tục:

- Chúng sẽ nói với cậu như vậy để lấy cái hư danh mà trả công cậu, và đồng thời cũng để tự trả công những việc chúng không từng làm. Nhưng vinh quang chiến công đâu phải thật sự là phần của bọn ta, những binh lính

tầm thường. Nó dành riêng cho một số kẻ, và ngoài bọn con cung ấy; thì vinh quang chiến công chỉ là một sự dối trá như là tất cả những cái gì có vẻ đẹp dễ trong chiến trận. Sự thực thì sự hy sinh của người lính chỉ là một sự mai một tối tăm. Những người đông đảo trong các đợt xung phong có bao giờ được khen thưởng gì. Họ ào lên, lăn mình vào một sự vinh quang hư vô khủng khiếp. Nào ai ghi hết được tên tuổi của họ, những tên tuổi khôn khô nhỏ xíu trong hư vô.

Một người trả lời:

- Chúng ta đếch cần cái đó. Chúng ta còn để bụng nghĩ đến việc khác.

Một bộ mặt lộ lem bị bùn phủ kín như một bàn tay ghê tởm, nấc lên:

- Nhưng tất cả những cái đó, cậu có thể nói ra được không? Chúng sẽ nguyên rửa cậu và đem giết trên đàn thiêu. Chúng đã tạo ra xung quanh vẻ hào nhoáng bóng bẩy, một thứ tôn giáo chẳng kém phần ác độc, ngu ngốc và hung bạo như cái tôn giáo kia!

Gã nhắc mình dậy, rồi ngã lăn xuống, nhưng lại nhồm lên. Trong lớp vỏ bùn bẩn thỉu, người gã mang vết thương, máu thấm xuống đất, và khi gã nói hết, gã mở to mắt ngắm nhìn dưới đất những giọt máu mà gã đã cống hiến cho sự bình phục của thế giới.

*

* *

Từng người một, những người khác đứng lên. Cơn đông tố dày đặc thêm và hạ xuống khắp cánh đồng bị lột da và hành tội. Ban ngày đầy bóng tối. Những thân hình thù địch và những đoàn người hiện ra không ngừng ở trên đỉnh những đám mây như núi, ở xung quanh những bóng man rợ của những thánh giá và những hình phượng hoàng trên những ngôi nhà thờ, ở những cung điện vua chúa, đền đài của quân đội, những thị trường chứng khoán; chúng hiện ra mỗi lúc thêm đông, che lấp cả những vì sao thừa thớt không đông bằng loài người. Và hình như những bóng ma ấy còn lúc nhúc

khắp nơi trong những hang hốc ở chỗ này, chỗ kia, giữa những con người thực bị ném vung vãi, đang vùi nửa mình trong đất như những hạt giống.

Sau cùng, những bạn chiến đấu còn sống sót của tôi đều đứng dậy, lao đảo trên mặt đất sứt, giam hãm trong những bộ quần áo bết đất, bó chặt trong những cổ quan tài kỳ dị bằng bùn, họ giương cao sự mộc mạc khùng khiếp của họ ra khỏi lớp đất thâm u như sự ngu muội; họ cử động và hò reo, mắt, cánh tay và nắm tay hướng lên trời là nơi ánh sáng và phong ba đang giáng xuống. Họ vùng vẫy chống với những bóng ma trắng thê chằng khác gì những chàng Xiranô và những Đông Kisôt: thực sự lúc này họ hãy còn là những người như thế.

Bóng dáng họ cử động trên mặt đất long lánh buồn thiu, phản ánh lên mặt nước tù, nhọt nhạt trong những chiến hào cũ, bây giờ trắng xóa vắng tanh chỉ có khoảng không vô tận tràn vào, ở giữa cảnh vắng tanh trên cực địa phía chân trời mù khói.

Nhưng bây giờ mắt họ đã mở to. Họ đã bắt đầu hiểu thấu ý nghĩa đơn giản vô biên của mọi sự vật.

Trong khi chúng tôi chuẩn bị để đi tìm những bạn đồng đội khác để lại bắt đầu cuộc chiến tranh thì vòm trời đen tối đầy mây bão táp từ từ hé ra ở trên đầu chúng tôi. Giữa hai đám mây tối tăm, một tia sáng êm ả thoát ra, và vệt ánh sáng đó, mặc dầu còn nhỏ hẹp, còn sâu thẳm như có vẻ lo âu tư lự, nhưng dấu sao cũng làm bằng chứng là mặt trời vẫn tồn tại.

Tháng Chạp năm 1915

[1] Báo *Sự thật* 2-9-1935 (dẫn lại trong lời tựa của I. Iudina viết cho cuốn *Khói lửa* - Nhà xuất bản ngoại văn Mạc tư khoa 1953)

[2] Xin xem thêm cuốn *Văn sử xã hội* của Hải Triều - nhà xuất bản Văn hóa Cứu quốc Việt Nam.

[3] Cách mạng 1789

[4] A. Ivasenkô, “Góp vào vấn đề chủ nghĩa hiện thực phê phán và chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa” - Vũ Thư Hiên và Lê Đình Kỵ dịch, trong cuốn *Những cuộc thảo luận về chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô*. Nhà xuất bản Văn học - Hà Nội 1961 - trang 82.

[5] Annét Vidan, *H. Bacbuỵxơ, chiến sĩ của Hòa bình* (tr. 65). Nhà xuất bản Les éditeurs français réunis, Paris - 1953

[6] Annét Vidan - Sách đã dẫn - tr.64.

[7] Quân Đức (N.D)

[8] Lính tòng ngũ năm 1913 (N.D)

[9] Trung đoàn 124 (N.D)

[10] Tên đặt cho người chiến sĩ hồi Đại chiến thứ nhất: *Lông lá* (N.D)

[11] Bánh của lính (N.D)

[12] Embusqué: Núp sau lưng kẻ khác, trốn tránh việc ra tiền tuyến (N.D)

[13] Biệt động đội (N.D)

[14] Ý nói đạn đại bác cỡ lớn (N.D)

[15] Lính Đức (N.D)

[16] Cái mũ (N.D)

[17] Sĩ quan Đức (N.D)

[18] Xi-vin: Những người không ở trong quân đội. (N.D)

[19] Vua nước cổ Ai-cập (N.D)

[20] Bộ phận ngân khố của quân đội. (N.D)

[21] Ở các nhà lớn các thành phố, người đàn bà gác cổng là người biết nhiều chuyện nhất (N.D)

[22] Người gấp nếp lược như đàn dương cầm (N.D)

- [23] Ý nói rất cao (N.D)
- [24] Linh Maroc (N.D)
- [25] Trạm đặt phía trước chiến hào (N.D)
- [26] Hoa vi-ô-let (N.D)
- [27] Bếp ăn chung (N.D)
- [28] Lớp lính năm 1893 (N.D)
- [29] Xi-vê: thịt nấu có rượu và hành. (N.D)
- [30] Chữ Blerơ dùng để gọi Sămbromodor. Đuy Fetxiê là tên nhại lấy từ chữ fesse là cái đít mà ra (N.D)
- [31] Sợ tợ nhện thỉnh thoảng thấy bay lưng chừng giời: trông thấy là điều hay (N.D)
- [32] Thịt hộp (N.D)
- [33] Những lời dối trá ấy (N.D)
- [34] Điều lệnh quân sự (N.D)
- [35] Lon chéo bằng bạc (N.D)
- [36] Giờ uống trà (N.D)
- [37] Sĩ quan quân y được (N.D)
- [38] Tôi đã đổi tên anh lính này, cũng như đã đổi tên làng (H.B)
- [39] Ý chỉ Fuiat (N.D)
- [40] Một tỉnh Pháp đã nhượng lại cho Đức từ lâu (N.D)
- [41] Bánh của lính (N.D)
- [42] Tiếng Đức có nghĩa là Chúa phù hộ chúng ta (N.D)

- [43] Tên bằng thép, hồi đó người ta ném từ tàu bay xuống để thay đạn (N.D)
- [44] Nghề Mã Giám-sinh (N.D)
- [45] Nguyên văn: trơ xương sườn như ở bờ biển – khó dịch vì tiếng Pháp côtes có nghĩa là xương sườn đồng thời cũng có nghĩa là bờ biển. (N.D)
- [46] Le père la Fouine nghĩa là lão già hay sục sạo - ở đây dùng như tên riêng (N.D)
- [47] Cái mũ sắt. (N.D)
- [48] Cái tay lái máy bay (N.D)
- [49] Khinh khí cầu (N.D)
- [50] Trọng pháo 155 ly do viên thiếu tá pháo binh Pháp Raimailho sáng chế (N.D)
- [51] Vecdoong là một thành phố có pháo đài ở miền Đông nước Pháp nổi tiếng vì những trận chiến đau ác liệt trong đại chiến lần thứ nhất (N.D)
- [52] Thành ngữ Pháp có câu: “Heureux en jeu, malheureux en amour!” “sung sướng trong canh bạc, khổn khổ trong tình yêu” vì vậy anh này được bạc, bị chế là mọc sừng. (N.D)
- [53] Tiếng Đức nghĩa là: trời phù hộ chúng ta. (N.D)
- [54] Rượu khai vị pha bằng hai thứ rượu: vécmút và catxi (N.D)
- [55] “Đằng kia có rượu ngon” là câu đầu của một bài hát binh lính hay hát khi ra trận (N.D)
- [56] Tiếng Đức: Chú ý!... phát thứ hai... bắn... (N.D)
- [57] Đức (N.D)
- [58] Chúng chết rồi. Ta ở lại đây thôi... (N.D)
- [59] Tiếng Pháp: “Chúng tôi xin giơ tay hàng” (N.D)
- [60] Tiếng Đức: Hắn chết rồi (N.D)
- [61] Những người theo chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi (N.D)

[62] Cách mạng tư sản năm 1789 (N.D)

[63] Ở đây tác giả dùng chữ troupes d'armées (N.D)